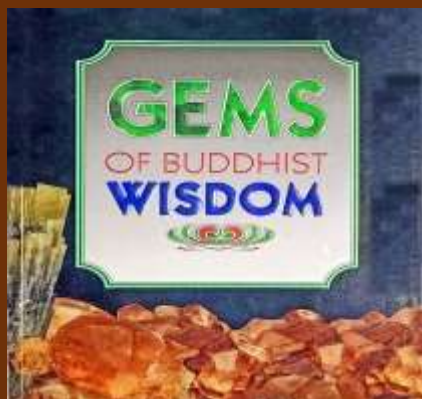




NHỮNG HẠT NGỌC TRÍ TUỆ PHẬT GIÁO

Hòa thượng THÍCH TÂM QUANG
biên dịch

NHỮNG HẠT NGỌC TRÍ TUỆ PHẬT GIÁO

Gems of Buddhist Wisdom
Buddhist Missionary Society, Malaysia

Thích Tâm Quang dịch
Chùa Tam Bảo, California, Hoa Kỳ



Bình Ansson hiệu đính và trình bày
Perth, Western Australia
20/11/2021 12:03 PM

MỤC LỤC

LỜI ÔNG CHỦ TỊCH HỘI TRUYỀN BÁ ĐẠO PHẬT TẠI
MÃ-LAI-Á .

I. QUAN ĐIỂM ĐẠI CƯƠNG PHẬT GIÁO 11

- 1- TÔN GIÁO NÀY LÀ GÌ - Hòa Thượng Tiến Sĩ K Sri Dhammananda
- 2- BỨC THÔNG điệp BẤT DIỆT - Hòa Thượng Piyadassi Mahathera
- 3- PHẬT GIÁO NGÀY NAY VÀ NGÀY MAI - Tiến Sĩ Nadadeva Wijesera
- 4- PHẬT GIÁO VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CỦA THỜI ĐẠI - Tiến Sĩ G.P. Malalasekera
- 5- TẠI SAO CÓ ĐẠO PHẬT? - Hòa Thượng Tiến Sĩ K. Sri Dhammananda

II. ĐỨC PHẬT VÀ GIÁO LÝ CỦA NGÀI 84

- 6- ĐỨC PHẬT - Hòa Thượng Narada Mahathera
- 7- NHỮNG ĐỨC HẠNH LÝ TƯỚNG CỦA ĐỨC PHẬT - Hòa Thượng Tiến Sĩ K. Sri Dhammananda
- 8- THỂ NÀO LÀ NGHIỆP? - Hòa Thượng U. Thittila
- 9- NHỮNG CÔNG NĂNG VĨ ĐẠI CỦA PHÁP - Hòa Thượng Tiến Sĩ K. Sri. Dhammananda
- 10- ĐƯỜNG ĐẾN HẠNH PHÚC TỐI THƯỢNG - Tổng hợp từ nhiều tài liệu

III. PHẬT GIÁO VÀ ĐỜI SỐNG 128

- 11- SỰ THẬT CỦA CUỘC ĐỜI - Hòa Thượng Narada Mahathera
- 12- Ý NGHĨA CỦA CUỘC ĐỜI - Hòa Thượng Narada Mahathera

- 13- MỤC ĐÍCH CỦA CUỘC ĐỜI - Hòa Thượng Tiến Sĩ K. Sri Dhammananda
 14- ĐỜI SỐNG MONG MANH, CHẾT LÀ ĐIỀU CHẮC CHẮN - Hòa Thượng Tiến Sĩ K. Sri Dhammananda

IV. PHƯƠNG PHÁP GIẢI QUYẾT PHẬT GIÁO TRƯỚC CÁC KHÓ KHĂN 198

- 15- BẠN LÀ NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM - Hòa Thượng Tiến-Sĩ K. Sri Dhammananda
 16- TRÍ TUỆ NGƯỜI XƯA VÀ NHỮNG KHÓ KHĂN HIỆN ĐẠI - Francis Story
 17- LÀM SAO CÓ THỂ KHẮC PHỤC ĐƯỢC KHÓ KHĂN? - Hòa Thượng Tiến Sĩ K.Sri Dhammananda
 18- PHẬT GIÁO TRONG ĐỜI SỐNG HIỆN ĐẠI - Tiến Sĩ Ananda Guruge

V. TU HÀNH PHẬT GIÁO 258

- 19- CẦU NGUYỆN VÀ THỜ CÚNG - Tiến Sĩ G.P. Malalasekera
 20- CÓ PHẢI NGƯỜI PHẬT TỬ SÙNG BÀI THẦN TƯỢNG KHÔNG? - Hòa Thượng Tiến Sĩ K. Sr Dhammananda
 21- TẠI SAO HÀNH THIÊN? - Tỳ-kheo Piyananda
 22- GIỚI HẠNH (SILA) - Hòa Thượng Phra Sasana Sobbana - Thái Lan

VI. TỔNG QUÁT 310

- 23- CON ĐƯỜNG PHẬT GIÁO ĐI ĐẾN ỔN ĐỊNH KINH TẾ - Hòa Thượng Pannasha Maha Nayaka Thera
 24- ĐỊA VỊ CỦA PHỤ NỮ TRONG PHẬT GIÁO - Hòa Thượng Tiến Sĩ K. Sri Dhammananda
 25- TÔN GIÁO CÓ THỂ MANG LẠI HÒA BÌNH KHÔNG? - Hòa-Thượng Tiến-Sĩ K. Sri Dhammananda
 26- NGUYÊN THỦY - ĐẠI THỪA PHẬT GIÁO - Hòa Thượng Tiến Sĩ W. Rahula

- 27- BỒ TÁT, LÝ TƯỞNG TRONG PHẬT GIÁO - Hòa-
Thượng Tiến-Sĩ W. Rahula
- 28- TÔN GIÁO TRONG THỜI ĐẠI KHOA HỌC - Hòa-
Thượng Tiến-Sĩ K. Sri Dhammananda
- 29- TÔN GIÁO TRONG MỘT XÃ HỘI ĐA TÔN GIÁO -
Hòa-Thượng Tiến-Sĩ K. Sri Dhammananda
- 30- THÁI ĐỘ CỦA PHẬT GIÁO ĐỐI VỚI CÁC TÔN
GIÁO KHÁC - Hòa-Thượng Tiến-Sĩ K. Sri
Dhammananda
- 31- SỰ HÒA HỢP TRONG TÔN GIÁO - Teh Thean
Choo



LỜI ÔNG CHỦ TỊCH HỘI TRUYỀN BÁ ĐẠO PHẬT TẠI MÃ-LAI-Á

Tác phẩm này được phát hành lần thứ nhất vào năm 1983 để kỷ niệm lần thứ 21 Ngày Lễ Thành Lập Hội Truyền Bá Đạo Phật (Buddhist Missionary Society Malaysia). Hội đã thu thập và phổ biến một số bài vở được viết bằng một lối văn bình dị và khúc triết nói lên nhiều khía cạnh khác nhau của Phật Giáo. Người đứng đầu đóng góp trong việc này là vị cố vấn tôn giáo, Hòa Thượng Tiến Sĩ K. Sri Dhammananda Nayaka Maha Thera, J.S.M (Tăng Thống Mã Lai - Tân Gia Ba). Các bậc học giả Phật Giáo trên khắp thế giới cũng rất hoan hỉ đóng góp vào việc này.

Nhờ Hòa Thượng Tiến Sĩ K. Sri Dhammananda, các vị phụ tá nhiệt thành của Ngài và sự quan tâm đến Phật Giáo ngày càng phát triển, Hội Truyền Bá Đạo Phật đã phổ biến việc phát hành khắp nước và trên toàn thế giới. Chúng tôi nhận được nhiều thư từ khắp nơi trên thế giới tán thưởng những cuốn sách nhỏ này và yêu cầu có nhiều thêm nữa. Chúng tôi nhận thấy những cuốn sách nhỏ này, trong nhiều trường hợp, được dùng như để khai mở tâm trí nhiều người muốn hiểu biết Phật Giáo. Chi phí ấn hành các cuốn sách này do những vị hảo tâm đóng góp theo truyền thống nhân từ và vì tha nhân của Phật Giáo. Những cuốn sách nhỏ này đã được dịch và mỗi cuốn đã được in lại với số lượng hơn một trăm ngàn cuốn đã được phát hành trên khắp thế giới.

Đã đến lúc đưa các bài viết đó tới số độc giả rộng lớn hơn theo một chủ đề về lâu về dài để cuốn "Những Hạt Ngọc Trí Tuệ Phật Giáo" (Gems of Buddhist Wisdom) có thể bảo tồn tốt hơn cho thế hệ sau này. Nhiều bài đã được sửa chữa và biên tập lại

để tránh sự lập đi lập lại không cần cần thiết, cùng những lời từ ngữ và chính tả.

Cuốn sách này không dụng ý được đọc một mạch từ đầu đến cuối một lúc. Mong rằng độc giả sẽ đọc mỗi bài bằng nhận thức, thông thả, cân nhắc những lý luận do mỗi tác giả trình bày trước khi sang bài khác. Những bài viết đó cũng không được sắp xếp theo hệ thống thứ tự cho nên độc giả có thể tùy thích chọn lựa bất cứ bài nào để đọc.

Những tác giả trong cuốn này là những nhà học giả 'vô ngại biện tài' nổi tiếng uyên bác về Phật Giáo được các viện hàn lâm trên khắp thế giới kính trọng. Tuy thế sự khiêm tốn hết sức của họ phản ảnh trong khả năng sáng tạo về những khía cạnh hệ trọng nhất của tôn giáo chúng ta bằng một bút pháp bình dị và thẳng thắn, không hề kiêu căng, hoặc có lối văn cổ điển hay hoa mỹ khoa trương. Những bài viết ngắn gọn in trong cuốn sách truyền tải giáo lý tối thượng của Đức Phật phù hợp với trình độ của mọi người. Nhiều bài phô bày khả năng khôi hài duyên dáng và dí dỏm gắn liền với phương pháp giải quyết thực tế trước những vấn đề phức tạp của nhân loại.

Qua những trích dẫn của tác giả, người đọc không có hiểu biết chuyên môn cũng có thể chia sẻ những tư tưởng của các nhà văn vĩ đại, cả Tây Phương lẫn Á Đông - như Bertand Russell và Radhakrishman. Hy vọng quý độc giả cảm thấy phấn khởi tìm đọc các nguyên tác để chia sẻ trí tuệ vĩ đại của loài người.

Khi đọc những bài trong bài viết này, ta có thể nhận thấy một số điều nhắc đi nhắc lại, không những chỉ về tư tưởng mà còn về các lời trích trong nguyên bản kinh sách. Mong mỗi quý vị độc giả tốt bụng hiểu tại sao lại như vậy. Các tác giả không chuyên về một đề tài đặc biệt nào. Thực ra, đa số đều cách biệt nhau về thời gian và không gian. Chẳng hạn, một bài viết cách đây 35 năm, trong khi những bài khác mới đây được viết tại Mã Lai, Sri Lanka và Âu Châu.

Tuy nhiên ta có thể bắt đầu thấy tính duy nhất trong những sáng tác khác nhau - ấy là để làm sáng tỏ một số quan niệm sai lầm về Phật Giáo và cũng để nhấn mạnh đến tính chất duy nhất của những lời dạy của Đức Phật. Thí dụ đọc đi đọc lại Kinh Kalama sẽ thấy giữa những đạo sư tôn giáo trên thế giới chỉ có mình Đức Phật tuyên bố không ai phải chấp nhận giáo lý của Ngài mà trước hết lại không xét đến giá trị của các giáo lý ấy một cách khôn ngoan. Điều này thường được nhắc đến như luật lệ cơ bản của Phật Giáo.

Trong các sách thường nói đến Tứ Diệu Đế, Bát Chánh Đạo, và ba đặc tính (vô thường, khổ đau, vô ngã). Vì là ba đặc tính này chắc chắn là sự kết tinh rực rỡ nhất của toàn bộ cấu trúc tư tưởng triết học không tìm thấy trong bất cứ tôn giáo nào. Không có sự bàn luận nào của Phật Giáo về đường lối sống mà lại không liên quan đến những đặc tính ấy, cốt lõi của Giáo Lý Đức Phật.

Người Phật Tử chẳng bao giờ mệt mỏi tuyên bố chỉ có họ là người là không có máu đổ trong việc quảng bá tôn giáo. Họ công nhận Đức Phật đã cấm bạo lực bất cứ loại nào, và đã trích dẫn nhiều đoạn trong kinh Pháp Cú nhằm mục tiêu này. Và họ cũng nói nhiều đến Hoàng Đế A Dục để chứng minh Pháp có thể thực hành như một đường lối sống của một quốc gia. Họ cũng nhắc đến Kinh Sigalovada để nhấn mạnh đến lời khuyên của Đức Phật cho những ai chưa muốn từ bỏ thế giới trần tục.

Đọc kỹ những bài này chắc chắn bất cứ ai cũng nhận thấy Phật Giáo có thể đứng vững vàng trước những nghiên cứu và thử thách khoa học, đồng thời Phật Giáo còn vượt qua khoa học cống hiến cho con người mục đích của cuộc đời và giúp cho con người hiểu được bản chất của cuộc sống.

Tương cũng cần thiết giải thích tại đây khi tiếng Pali hay tiếng Sanskrit được sử dụng, người viết đã ghi khác nhau (thí dụ: *Gotama-Gautama*; *Sutta-Sutra*; *Dhamma-Dharma*; *Nibbana-*

Nirvana; Kamma-Karma; Bodhisatta-Bodhisatva; Tipika-Tripitaka, vân vân...) tuy nhiên dùng cách nào cũng không ảnh hưởng đến nghĩa được đề cập vì có sự chuyển ngữ bằng Anh Văn. Một số nhà văn thích dùng chữ hoa khi nói đến Đức Phật, nhưng một số khác lại không. Lại nữa, một số dùng từ: "Đức Phật", một số lại gọi Ngài giản dị: "Phật" .

Chúng tôi khiêm tốn dâng lên quý vị Những Hạt Ngọc Trí Tuệ Phật Giáo trong niềm hy vọng dù quý vị không cùng quan điểm với chúng tôi, ít nhất quý vị cũng thưởng thức giáo lý của Đức Phật và sự tu hành của Đạo Phật, không hề thiên vị và kỳ thị.

Hội Truyền Bá Đạo Phật tri ân sâu xa tất cả những học giả và các nhà văn đã đóng góp những bài vở quý giá, cùng quý Ông Quah Swee Kheng, Eddy Yu, quý Bà Goh Kim Mong, Akison Cheok, Daphne Chua, James Moran, Linda Moran, Ken Lee, Amelia Low (Hong Kong) và Vijaya Samarawickrama, về sự đóng góp đầy vị tha trong việc sưu tập cho tác phẩm, và đặc biệt cảm ơn Chong Hong Choo trong việc trình bày bìa sách này.

Tan Teik Beng,
Chủ Tịch, Hội Truyền Bá Đạo Phật tại Mã-lai-á
(Buddhist Missionary Society Malaysia)
Kuala Lumpur, Malaysia, 1995



Phần I
QUAN ĐIỂM ĐẠI CƯƠNG PHẬT GIÁO

1

TÔN GIÁO NÀY LÀ GÌ?*Hòa Thượng Tiến Sĩ K Sri Dhammananda*

Mỗi người phải có một tôn giáo, nhất là người quan tâm đến năng lực trí tuệ. Người không tuân theo những nguyên tắc đạo lý trở nên nguy hiểm cho xã hội. Chắc chắn những nhà khoa học và tâm lý học trong khi mở rộng chân trời trí thức, họ vẫn không thể cho chúng ta biết mục đích cuộc đời, điều mà chỉ có tôn giáo có thể làm được.

Con người phải chọn một tôn giáo hữu lý và có ý nghĩa theo nhận thức của mình mà không lệ thuộc chỉ về niềm tin, truyền thống, tập tục và lý thuyết. Không ai có quyền bắt người khác chấp nhận một tôn giáo. Không nên lợi dụng nghèo khổ, mù chữ hay dùng những xúc cảm để quyến rũ người ta chấp nhận một tôn giáo. Lựa chọn tôn giáo phải hoàn toàn tự do.

Con người phải được hoàn toàn tự do lựa chọn tôn giáo tùy theo sự ưa thích và khả năng trí thức của mình. Mù quáng theo một tôn giáo mà không có sự hiểu biết làm mất giá trị tinh thần của tôn giáo đó và tin đồ cũng mất phẩm giá con người. Con người có trí thông minh và ý thức phân biệt cái đúng và cái sai. Họ có thể thích nghi theo hoàn cảnh. Vì thế họ nên chọn một tôn giáo phù hợp với họ, một tôn giáo đáp ứng trí thông minh con người. Họ phải được hướng dẫn thích hợp và được quyền quyết định tự do mà không có sự ép buộc nào.

Con Đường Trung Đạo

Tôn giáo được giới thiệu ở đây là một hệ thống giáo dục thiết thực và văn hóa tinh thần được khám phá ra cho thế gian cách

đây chừng 25 thế kỷ bởi một Vị Đạo Sư hoàn toàn giác ngộ và từ bi. Tôn Giáo này cũng được gọi là "Trung-Đạo, một con đường chánh đáng của đời sống, một hệ thống triết lý-đạo đức, một tôn giáo của tự do và lý trí." Tôn giáo này dạy chúng ta ba điều chính: "*Tránh xa điều xấu, làm việc thiện và thanh tịnh tâm trí*"

Thông điệp này rất đơn giản, có ý nghĩa có thể thực thi được, nhưng ta chứng nghiệm khó khăn lúc mang ra thực hành vì nhược điểm cố hữu của con người. Hạnh kiểm của con người đóng một phần quan trọng nhất trong tôn giáo này. Vị Đại Đạo Sư này có lần nói: "Giáo Lý của ta không phải là đến để tin suông, mà đến để thấy và thực hành". Giáo lý ấy khuyến khích ta nghiên cứu kỹ lưỡng những lời dạy, tự do phán xét để quyết định có nên chấp nhận hay không chấp nhận giáo lý ấy. Không ai đòi hỏi ta đến để theo tôn giáo này mà trước nhất không có sự hiểu biết về giáo lý ấy.

Những nghi thức và nghi lễ phù phiếm không có chân giá trị và nghĩa lý. Không có niềm tin và thực hành dị đoan hay một thuyết trong tôn giáo này. Mọi sự việc đều phơi bày để tín đồ lựa chọn; các tín đồ hoàn toàn tự do nghiên cứu giáo lý, đặt các câu hỏi bất cứ lúc nào còn nghi ngờ. Theo vị sáng lập ra tôn giáo này, ta không nên tin tưởng vào bất cứ điều gì dù là điều đó do nhà hiền triết đưa ra hay điều đó đã được nhiều người chấp thuận theo truyền thống mà ta nên sử dụng hiểu biết thực tế hợp lý và trí thông minh của ta, chấp nhận điều đó chỉ khi điều đó đem lợi ích khi mang thi hành.

Tôn giáo này dạy con Đường Bát Chánh Đạo cao quý gồm có Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm và Chánh Định. Con đường trung đạo duy nhất này đem lại cho mọi người một cuộc đời cao thượng và an lạc.

Con đường trung đạo không phải là con đường siêu hình mà cũng chẳng phải là con đường theo nghi thức chủ nghĩa; không phải giáo điều mà cũng chẳng phải hoài nghi; không phải đam mê lạc thú và cũng chẳng phải tự hành xác, không phải bắt diệt và cũng chẳng phải vinh hãnh, không phải bi quan mà cũng chẳng phải lạc quan, đó là con đường Giác Ngộ, một phương tiện để giải thoát khỏi khổ đau. Tôn giáo này không đồng ý cho rằng con người ngày nay đau khổ do tội của tổ tông, trái lại mỗi người mang lấy công và tội của chính mình. Chính con người là kẻ duy nhất chịu trách nhiệm về đau khổ hay sung sướng của riêng mình.

Một người tu tập trung đạo ôn hòa này tìm thấy an lạc và hạnh phúc thực sự, có thể sống một cuộc đời đáng trọng không cần phải nô lệ cho cảm giác, đóng góp vào hòa bình và hòa hợp của thế giới.

Gieo gì gặt nấy

Tôn giáo này thỏa mãn hoài bão lớn lao và cao quý nhất của con người, dầu rằng có thể bị căng thẳng và phải cố gắng nhiều trong đời sống hàng ngày, giúp mình giao tiếp với người đồng loại, ngoài việc nêu ra mục đích cuộc đời. Tôn giáo này không đem sợ hãi đến con người. "Làm thiện hưởng quả lành, làm ác hưởng quả ác. Mỗi hành động đều có phản ứng của nó". Đó là luật vũ trụ. Tôn giáo này hoàn toàn phù hợp với những định luật này, vậy nên con người "gieo gì gặt nấy". Những hành vi tội lỗi mà con người gây ra do tham, sân và ngu muội. Những nhược điểm này chỉ có thể vượt qua qua bằng sự tự tu tập. Lạc thú và khổ đau mà con người ném trái trên thế giới này không phải do ảnh hưởng bên ngoài mà do các hành động, lời nói và việc làm tốt xấu của chính mình. Chính vì lý do đó, tôn giáo này nói: *"Bạn là kết quả của những gì bạn làm trong quá khứ, và sẽ là kết quả những gì bạn làm bây giờ"*.

Theo giáo lý này, nguyên nhân và hậu quả đóng một phần rất quan trọng trong đời sống của chúng ta. Trong chu trình nguyên nhân và hậu quả, nguyên nhân đầu tiên không nhận thức được vì nguyên nhân khi thành hậu quả thì đến lượt hậu quả lại thành nguyên nhân.

Vị Đại Đạo Sư Vi Đại

Người sáng lập ra tôn giáo độc đáo này không phải là một huyền thoại mà là một Đạo sư Vi đại thực sự đã sống trên thế giới này. Ngài chẳng bao giờ cho mình là một đấng siêu nhân mà là một con người nhận thức được chân lý tuyệt đối, sự bí mật của đời sống, nguyên nhân thực sự của khổ đau và hạnh phúc. Ngày nay, vị đạo sư này không những được vinh danh bởi hàng trăm triệu tín đồ mà còn được vinh danh danh bởi những người có văn hoá và trí thức trên khắp thế giới. Bậc Cao Quý, người Giải Phóng, nhà Cải Cách Xã Hội, nhà Dân Chủ và Người Gây Cảm Hứng đem lại cách sống cao hơn này qua đời vào lúc tám mươi tuổi để lại cho nhân loại nền tảng đạo lý cao thượng dùng làm phương tiện để loại bỏ khổ đau, nghèo khổ, căng thẳng, sợ hãi và lo lắng. Nền tảng đạo lý này giúp cho con người đạt được hạnh phúc trong kiếp này và kiếp sau, dẫn đến sự giải thoát tối hậu khỏi cái khổ đau của nhân loại.

Đấng Đại Đạo Sư này khuyên giải kẻ bất hạnh bằng những lời an ủi. Ngài giúp đỡ người nghèo khổ bị bỏ rơi. Ngài biến đổi đời sống kẻ lừa dối thành cao thượng, làm trong sạch đời sống đồi bại của kẻ phạm tội. Ngài khuyến khích kẻ yếu đuối, đoàn kết kẻ chia rẽ, giác ngộ người ngu muội, khai sáng kẻ hoang mang, nâng đỡ kẻ hạ tiện và đề cao người cao thượng. Người giàu lẫn người nghèo, thánh nhân hay tội phạm đều yêu thích Ngài. Hoàng Đế bạo ngược hay đức hạnh, các vương tôn công tử nổi tiếng hay tâm thường, triệu phú hào phóng hay keo kiệt, bậc học giả cao ngạo hay nhún nhường, kẻ cơ cực, người bần hàn, người quét đường bị áp bức, kẻ giết người độc ác, gái giang

hồ bị miệt thị- tất cả đều được lợi lạc từ những lời dạy từ bi và trí tuệ của Ngài để sống một cuộc đời an lành và cao thượng.

Tấm gương cao thượng của Ngài là suối nguồn cảm hứng cho tất cả. Vẻ mặt thanh thoát và an lạc đương nhiên là cảnh tượng làm dịu hiền những con mắt lo âu của con người. Thông điệp hòa bình và khoan dung của Ngài được tất cả mọi người tán thưởng với niềm vui không sao tả xiết, và là một lợi lạc bất diệt cho bất cứ ai có duyên được nghe và thực hành. Ý chí sắt đá, trí tuệ sâu xa, tình thương bao la, từ bi không biên giới, phục vụ vị tha, sự từ bỏ (trần tục) lịch sử, thanh tịnh hoàn toàn, nhân phẩm hấp dẫn, phương pháp gương mẫu sử dụng trong việc tiến dẫn giáo lý và sự thành công rực rỡ của Ngài - Tất cả những yếu tố ấy gây cảm hứng cho một phần năm dân số trên thế giới ngày nay hoan nghênh vị đạo sư này và vinh danh Ngài như bậc giáo chủ tối thượng.

Vị Đạo sư cao quý này hy sinh lạc thú trần tục vì nhân loại khổ đau để tìm ra Chân Lý chỉ con đường giải thoát khỏi khổ đau. Ngài đến thăm các người nghèo trong khi Vua và các đại thần đến thăm Ngài. Sau khi giác ngộ, trong bốn mươi lăm năm Ngài đã dành cả cuộc đời Ngài để giác ngộ và hướng dẫn chúng sanh.

Vị Đại Đạo sư này không sợ một ai và cũng chẳng làm cho một ai sợ Ngài. Đó là một trong những nguyên tắc phải trau dồi trong cái thế giới của chúng ta đang bị rách nát vì chiến tranh, nơi mà cái quý giá nhất- mạng sống- bị cúng hiến tại bàn thờ của sức mạnh thú tính, nơi mà vũ khí tạo sợ hãi, căng thẳng và sân hận.

Ngài là một nhà khoa học toàn bích trong lãnh vực đời sống. Ngài là một nhà tâm lý toàn hảo có thể phân tách bản chất thực sự của tâm trí - nhiều đến nỗi giáo lý của Ngài được trân trọng là một tôn giáo khoa học duy nhất.

Với những nhà triết lý vĩ đại và các nhà tư tưởng vô tư, Ngài là vị thầy hiểu được hoàn cảnh trần thế trong bối cảnh đúng của

nó. Với những nhà luân lý học, Ngài có một quy tắc tốt bậc về kỷ luật và chính Ngài tượng trưng cho sự toàn bích. 'Ngài là tấm gương mẫu mực về tất cả những đức hạnh mà Ngài thuyết giảng' Với những nhà duy lý, Ngài là người phóng khoáng nhất, một vị thầy đạo lý cảm nhận được những vấn đề phiến toái của loài người. Với những nhà tự do tư tưởng, Ngài là vị đạo sư tôn giáo, khuyến khích người ta tự do suy nghĩ không ý lại vào các tín điều tôn giáo. Với các người theo chủ thuyết không thể biết, Ngài là một người toàn thiện, hiểu biết và khôn ngoan.

Chắc chắn Ngài là vị thầy có sức thuyết phục nhất trong tất cả các đạo sư tôn giáo. Ngài không bao giờ sử dụng cưỡng bách hay đe dọa làm phương tiện để người ta theo đạo Ngài. Ngài đã tiến dẫn đời sống tôn giáo cho con người muốn sống đạo lý thậm chí không cần phải bám níu vào nhãn hiệu tôn giáo.

Ngài là người phục vụ nhân loại khiêm nhường, không sao xuyên bởi khen hay chê, và không nao núng cả đến khi bị bệnh nặng nhất.

Hòa Bình, Hạnh Phúc và Giải Thoát

Vị Đại Đạo Sư này đã chỉ con đường đi tới hòa bình, hạnh phúc và giải thoát. Đường lối dạy của Ngài rất phóng khoáng, hữu lý, khoa học, có thể hiểu được, dẫn đến giác ngộ.

Ngày nay thông điệp hòa bình của vị Thầy Vi Đại Hoàn Vũ này cần thiết hơn bao giờ hết nhất là ở thời điểm con người bị đầu độc bởi sân si, tham lam, ganh ghét, tự phụ và ham muốn thống trị thế giới.

Vị Đạo sư này sanh ra trên thế giới này để phá tan cái tối tăm của ngu muội và cứu thế giới khỏi những điều bất hạnh. Khắp trên thế giới nhiều người sống không niềm tin, không tu tập một hình thức tôn giáo nào. Tuy nhiên nếu họ chịu khó một chút nghiên cứu và hiểu Vị Đại Đạo Sư này đã dạy gì, nghi ngờ

của họ sẽ bị xua tan, và sẽ nhận thấy tôn giáo này đóng góp hữu hiệu nhất vào hạnh phúc của con người.

Tin hay không tin nơi Ngài, giáo lý của Ngài vẫn ảnh hưởng sâu xa đến tất cả mọi người. Thông điệp của Ngài gửi cho thế giới, không bạo lực, không một giọt máu đổ dưới danh hiệu của Ngài. Đây là một tư liệu phi thường trong lịch sử thế giới có thể được in lại bằng chữ vàng. Giáo lý này soi sáng con đường mà nhân loại phải vượt qua một thế giới bất toại nguyện đến một thế giới mới sáng ngời, thương yêu, hòa bình, hạnh phúc và mãn nguyện.

Giáo lý có tuổi 25 thế kỷ của vị Đạo sư vĩ đại này đủ mạnh để đối đầu với bất cứ thử thách nào không cần phải đảo ngược hay cần đến sự giải thích mới về học thuyết nguyên thủy của nó. Giáo lý này có thể được chấp thuận mà không sợ hãi mâu thuẫn với khám phá và những thành quả khoa học hiện đại.

Giáo lý này coi đức hạnh là một trong những điều kiện tiên quyết cần thiết để đạt giải thoát. Một điều kiện tiên quyết khác là trí tuệ. Đức hạnh và trí tuệ được ví như mắt và chân của một người. Đức hạnh giống như chiếc xe chở con người đến cửa giải thoát, nhưng chìa khóa thực sự để mở cửa là trí tuệ.

Hạnh Phúc Thiên Đường

Những tín đồ của tôn giáo này không tự coi mình như những chúng sanh duy nhất được chọn để đạt hạnh phúc thiên đường. Họ tin rằng chính con người tạo địa ngục hay thiên đường tùy thuộc vào cuộc sống của mình và đau khổ tại địa ngục hay đạt hạnh phúc thiên đường có thể chứng nghiệm ngay trong đời này chứ không phải kiếp sau như ta thường tin tưởng. Đạo sư của tôn giáo này không bao giờ trình bày giáo lý bằng cách đe dọa lửa địa ngục hay đem hạnh phúc thiên đường ra để cám dỗ mà bằng cách nói lên sự thực. Theo giáo lý này, bất cứ ai cũng có thể vui hưởng hạnh phúc thiên đường miễn là người ấy sống một cuộc đời chính đáng. Thiên đường không phải dành riêng

hay độc quyền của một giáo phái hay một cộng đồng tôn giáo đặc biệt nào. Thiên đường mở cho tất cả mọi người - bất cứ ai sống một cuộc đời cao thượng.

Vị tha, kiên nhẫn và hiểu biết là những đức hạnh đáng giá gìn giữ bởi những tín đồ tôn giáo này. Từ ái, bi mẫn và thông cảm với người khác không giới hạn với con người mà còn mở rộng đến tất cả chúng sanh - vì phá hoại đời sống dù là người hay vật, cũng ác độc và bất công, và đi ngược lại với giáo lý của tôn giáo này.

Tôn giáo này cũng khuyên các tín đồ nên kính trọng quan điểm của người khác để dẫn đến một đời sống hòa hợp.

Lối Sống

Tôn giáo này rõ ràng, hợp lý, trả lời hoàn toàn tất cả những khía cạnh quan trọng và các câu hỏi về đời sống của chúng ta. Tôn giáo này cũng cung cấp một nền móng vững chắc giúp nhân loại tiến tới một lối sống tích cực và tốt đẹp hơn.

Tôn giáo này không chia nhân loại ra thành nhóm, nhóm được "Cứu" và nhóm bị "Đọa" nhưng với tư cách là một tôn giáo văn minh và hiểu biết, nó dạy chúng ta làm sao thuần hóa kẻ dữ và giúp người được thuần hóa tốt đẹp thêm.

Tín đồ của tôn giáo này không miệt mài vào cầu nguyện van vái hay xin can thiệp. Họ tin vào tầm quan trọng trong sự hành trì của chính mình và trong hiệu quả của thiền định dẫn đến tự thắng, tự kiềm chế, tự thanh tịnh, giải thoát và giác ngộ vì thiền định là thuốc bổ cho cả tâm lẫn trí.

Con người có thể hun đúc đời sống của mình

Tôn giáo này cho rằng tâm là tất cả sức mạnh - là người sáng tạo và là kẻ hủy diệt con người, và cũng là kiến trúc sư cho số phận con người. Cho nên, con người có thể hun đúc, uốn nắn bất cứ gì nếu biết cách phát triển và sử dụng tâm đúng cách.

Tóm lại tôn giáo này là một ngọn hải đăng tuyệt vời hướng dẫn nhân loại đến hòa bình, niềm vui và hạnh phúc bất diệt. Sự thực, thế giới ngày nay bị ảnh hưởng bởi kỳ thị chủng tộc, chính trị, tôn giáo, hiểu nhầm về lý tưởng và trong cộng đồng. Muốn giải quyết các khó khăn phức tạp này, người ta phải vận động tinh thần độ lượng và vị tha lẫn nhau, và điều này có thể được trau dồi dưới sự hướng dẫn của tôn giáo này khắc sâu sự cộng tác theo luân thường đạo lý vì lợi ích chung. Con người phải đi đến nhận thức rằng sự phát triển tinh thần quan trọng hơn sự đạt được phát triển vật chất cho hạnh phúc thực sự và phúc lợi của nhân loại. Con người phải thực thi chân lý, phục vụ, nhân từ, và thương yêu nếu muốn thế giới này trở thành nơi tốt đẹp hơn để sống.

Thực Tại

Qua giác ngộ vị đạo sư này tuyên bố:

- Đức hạnh vĩ đại nhất đạt được là do sự trau dồi tình thương yêu bao la;
- Hạnh phúc tối thượng là hạnh phúc bắt nguồn từ tinh thần thanh thản;
- Chân lý tuyệt đối là chân lý đạt được qua sự hiểu biết nguyên nhân sự đau khổ của loài người;
- Tôn giáo cao nhất là tôn giáo dạy sự phát triển trí thức, luân lý và sự thanh tịnh tinh thần;
- Triết lý vĩ đại nhất là triết lý đưa ra lối sống thực tiễn có thể thực thi được không cần phải ý lại vào lý thuyết hay niềm tin không thời.

Tôn giáo này không cấm cản ai đọc hay học hỏi giáo lý của tôn giáo khác, và không có chỗ cho cuồng tín. Kẻ cuồng tín không cho phép mình được hướng dẫn bởi lý trí hay nguyên tắc quan sát và phân tích khoa học. Cho nên tín đồ tôn giáo này là một

người tự do có tâm trí cởi mở không lệ thuộc vào bất cứ ai để phát triển tinh thần.

Nếu bạn quan tâm học thêm một chút nữa về kỷ luật hay nền luân lý đạo đức và huấn luyện tinh thần của tôn giáo này, bạn sẽ phải rút bỏ những hiểu lầm trước đây bạn có về tôn giáo này. Ta không nên chỉ phán xét giá trị của một tôn giáo bằng cách quan sát một số thực hành hướng dẫn sai lầm của một vài tín đồ; thay vì ta bao giờ cũng nên cố gắng hiểu giáo lý căn bản của tôn giáo đó.

Trí thông minh con người đáng ca ngợi

Thay vì đặt để con người và số phận dưới sự kiểm soát độc đoán của một thế lực bên ngoài chưa ai từng biết đến và bắt con người phải lệ thuộc vào sức mạnh tối cao như vậy, tôn giáo này nâng cao địa vị của con người và thừa nhận con người đáng được tán thưởng do trí thông minh. Trí thông minh dạy cho con người cách phát triển tiềm năng ẩn tàng của mình.

Tôn giáo này dạy chúng ta làm sao phục vụ vị tha người khác. Tín đồ của tôn giáo này tránh xa tội lỗi không phải vì sợ trả thù của những chúng sanh vô hình mà vì hiểu rằng tội lỗi mang đau khổ cho chúng sanh.

Động cơ làm điều thiện để giúp đỡ người khác không phải là để làm vừa lòng một đấng tối thượng nào hầu được tưởng thưởng, mà do các cảm nghĩ từ bi và giải thoát họ khỏi khổ đau.

Nơi đây trong tôn giáo này, bạn có thể tìm thấy phương cách để kiến toàn thiện tính và trí tuệ không cần đến sự giúp đỡ của một sức mạnh bên ngoài nào. Bạn có thể đạt được trí tuệ cao nhất qua sự hiểu biết mà không cần thiết qua "thiên khai". Bạn có thể chuộc tội mà không cần đến sự phụ giúp của một đấng cứu rỗi thay thế. Bạn có thể đạt giải thoát ngay trong đời sống này bằng sự rèn luyện đứng đắn khả năng của chính mình mà không phải chờ đợi đến kiếp sau.

Tôn giáo này dạy con người không phải vì tôn giáo mà là tôn giáo vì con người. Có nghĩa là không trở thành nô lệ cho bất cứ một tôn giáo nào, con người phải cố gắng sử dụng tôn giáo cho sự cải thiện và giải thoát của mình.

Có thể được không?

- Không có lạc thú nhục dục đời sống có thể chịu đựng được không?
- Không tin vào bất tử, con người có luân lý không?
- Không có sự trợ giúp nào từ tác nhân bên ngoài, con người có thể tiến tới đạo đức không?
- Không có nghi thức và nghi lễ, con người có thể sống một cuộc đời đạo hạnh được không?
- Không có lòng tin và đức tin để cảm xúc con người có thể thực hành tôn giáo được không?
- Không đau đớn do tự hành xác trong một số tôn giáo, con người có thể đạt được giải thoát không?
- Không tạo sợ hãi trong tâm, con người có thể theo một số nguyên tắc đạo lý không?
- Không dùng sức mạnh và dọa nạt người khác, chúng ta có thể tiến dần một tôn giáo thích đáng không?
- Không niềm tin dị đoan và tư tưởng tín điều dưới danh nghĩa tôn giáo, có thể thuyết phục được đại chúng sống một cuộc đời đạo hạnh không?
- Con người có thể cảm nhận và gây cảm hứng tôn giáo mà không cần đến thần bí, huyền bí và xảo thuật của thầy tu được không?

"Được" vị khai sáng ra tôn giáo đã trả lời như vậy, những cứu cánh ấy có thể đạt được bằng phục vụ, thanh tịnh, kỷ luật và trí tuệ.

Sự hiểu biết về luật nhân quả như được giải thích trong tôn giáo này làm sáng tỏ và giúp đỡ giải quyết vấn đề khổ đau của nhân loại, cái bí mật về số phận và tiền định, và trên tất cả sự bất bình đẳng của nhân loại. Hiểu được luật này làm cho con người được an ủi, hy vọng, tự tin và tinh thần can đảm.

Tôn Giáo Hiện Đại

Không phải là một lý thuyết hay một tôn giáo chỉ để tin theo mà tôn giáo này là con đường sống thực tiễn cao thượng. Đó là một tôn giáo cổ nhất trong lịch sử đem văn hóa và cải thiện đến cho nhân loại, hết sức tân tiến trên mọi lãnh vực, khi so sánh với các thành quả hiện đại. Tôn giáo này khuyên ta không nên trở thành nô lệ của bất cứ quyền năng bên ngoài nào mà nên phát triển tiềm năng ấy ẩn tàng trong chính mình và sử dụng sự cố gắng trí thông minh của chính mình để giải quyết các khó khăn của mình.

Tôn giáo này có mọi phẩm chất cần thiết của một tôn giáo hữu lý thích hợp cho thế giới hiện tại và tương lai. Tôn giáo này đúng mức, tiến bộ, và hợp lý. Bất cứ ai nghiên cứu và hiểu được giá trị của tôn giáo ấy đều được lợi lạc trên thế giới hiện đại này. Được thừa nhận còn khoa học hơn khoa học, tiến bộ hơn tất cả yếu tố tiến bộ trên lãnh vực tinh thần, tôn giáo này là một phương tiện rất hữu hiệu dùng để duy trì hòa bình, hòa hợp và hiểu biết thế giới.

Không Kỳ Thi

Đó là một tôn giáo, đầu tiên trong lịch sử nhân loại, chống lại hệ thống đẳng cấp làm thấp hèn con người và dạy bình đẳng cho nhân loại, cho cơ hội đồng đều phù hợp cho tất cả mọi tầng lớp xã hội khác nhau. Đó cũng là tôn giáo đầu tiên cho phụ nữ tự do và khuyến khích họ học hỏi và thực hành tôn giáo, thứ tôn giáo đem lại bình đẳng xã hội.

Đấng Đại Đạo Sư tuyên bố cánh cửa đi đến thành công và thịnh vượng mở cho tất cả mọi người, trong mọi hoàn cảnh đời sống dù cao hay thấp, bậc thánh hay tội phạm, những người quan tâm, tìm và mong cầu hoàn hảo. Ngài không bắt các tín đồ làm nô lệ cho Ngài, cho Giáo Pháp của Ngài mà cho họ hoàn toàn tự do suy nghĩ và điều tra nghiên cứu để có thể đạt được lòng tự tin.

Tôn giáo này phân loại chúng sanh thành tâm và vật, cả hai đều ở trong trạng thái luôn thay đổi, không bao giờ giữ nguyên trong hai khoảnh khắc liên tiếp. Tâm và vật sinh ra và mất đi, cứ thế chu trình tiếp diễn. Cho nên không có gì thường còn ở trên thế giới này hay tại nơi nào trong vũ trụ. Vì mọi sự vật hiện hữu ở bất cứ nơi nào của vũ trụ đều chẳng là gì cả mà chỉ là sự hỗn hợp của yếu tố và năng lượng, lẽ dĩ nhiên những vật đó một ngày nào đó sẽ tan rã và hình thái cấu tạo của nó biến đi hoàn toàn. Tôn giáo này dạy chúng ta mọi vật do duyên sinh mà thành thì phải chịu sự mâu thuẫn đối đãi do điều kiện vật chất và định luật vũ trụ.

Những nguyên tắc cần được tôn theo của tôn giáo này không phải là những Điều Răn. Tuân theo những lời giáo huấn như không Giết, không Trộm Cắp, không Tà Dâm, Không Nói Dối, và Không Dùng các chất say, tín đồ có thể tự mình thanh tịnh hóa lấy mình và giúp đỡ người khác sống hòa bình.

Mục Đích Của Chúng Tôi

Mục đích của chúng tôi xuất bản cuốn sách này không phải để những người khác đổi đạo theo niềm tin của chúng tôi mà để soi sáng cho họ cách tìm hòa bình và hạnh phúc và tu tập theo nhận thức của riêng mình, không phải là nhắm mắt tin theo. Chúng tôi khuyến khích mọi người tu tập đạo của mình đúng cách nếu thấy chân lý thực sự, hòa bình, hạnh phúc, trí tuệ và giải thoát trong tôn giáo ấy. Điều mà chúng tôi muốn là để con

người sống một cuộc đời đạo hạnh đáng kính mà nhân phẩm không bị lạm dụng.

Tuy nhiên, tôn giáo này có thể đáp ứng được nhiều những vấn đề về tôn giáo, tinh thần của quý vị, có thể cung cấp hướng đi mới cho lối suy tư của quý vị về vấn đề tôn giáo và triết lý. Tôn giáo này cũng giúp cho quý bạn hiểu được lối sống, và di sản văn hóa Á Đông. Bạn có thể tìm thấy sự hướng dẫn tinh thần, nhu cầu của thế giới hiện đại trong tôn giáo này.

Tôn giáo này đem đến thế giới, một tinh thần mới, niềm hy vọng mới, con đường mới, chân lý mà sự cần thiết của chân lý này được thấy và cảm thấy ngày nay từ lâu lắm rồi. Tôn giáo vĩ đại nói đến là "Đạo Phật" và người khai sáng ra đạo này không ai khác hơn là "Đức Cô Đàm, Đức Phật".

Dù mục đích của bạn có thế nào, chúng tôi mời bạn hãy nhìn kỹ tôn giáo này và lý tưởng của người sáng lập. Chúng tôi sẵn sàng giúp đỡ bạn trong việc đi tìm chân lý. Cho nên, xin đừng Thiên vị, tránh Thành kiến về tôn giáo, hãy cố gắng tìm Chân Lý.



2

BỨC THÔNG điệp BẤT DIỆT

Hòa Thượng Piyadassi Mahathera

Một số người thích gọi giáo lý của Đức Phật là một tôn giáo, một số khác lại gọi là triết lý, và cũng có người nghi rằng là cả hai tôn giáo và triết lý. Tuy nhiên, nói cho đúng hơn có thể gọi là "Lẽ Sống". Nhưng cũng không có nghĩa Phật Giáo chỉ là một nền đạo đức. Hầu như trái lại, Phật giáo là con đường huấn luyện luân lý, tinh thần và trí thức hầu dẫn tới tâm trí hoàn toàn được tự do. Chính Đức Phật gọi giáo lý của Ngài là "*Dhamma-Vinaya*" (Pháp-Luật), Học Thuyết và Kỷ Luật. Nhưng Phật Giáo, trong nghĩa hẹp không thể gọi là tôn giáo, vì tôn giáo có nghĩa là 'hành động hay hạnh kiểm biểu lộ niềm tin sự sùng kính, và ham muốn làm vừa lòng đáng thần linh có quyền năng nào đó, tu tập hay thực hành lễ nghi và sự tuân thủ ngụ ý công nhận đáng quyền năng vô hình giám sát số phận của mình, và ta phải phục tùng, tôn thờ và lễ bái'. Phật giáo không phải là một tôn giáo như vậy.

Trong tư tưởng Phật Giáo, không có sự nhận thức hay tin chắc có sự hiện hữu của Đấng Sáng Tạo dưới bất cứ dạng thức nào có quyền thưởng phạt các hành vi thiện ác của người mà Đấng đó tạo ra. Người Phật Tử nương tựa nơi Đức Phật (*Buddham suranam gacchami*) không phải trong niềm hy vọng được Giáo Chủ cứu vớt. Đức Phật chỉ là một vị Thầy chỉ con đường và hướng dẫn tín đồ tự giải thoát.

Một cái bảng cắm trên đường đi, thí dụ, một tấm biển báo ở chỗ rẽ, chỉ dẫn quan sát bước chân đi của mình. Chắc chắn bảng đó không mang người bộ hành đến nơi muốn đến được.

Một bác sĩ khám bệnh và cho toa thuốc, phần người bệnh là thử nghiệm toa thuốc đó. Thái độ của Đức Phật đối với tín đồ cũng giống thái độ của người thầy hiểu biết và từ bi hay thầy thuốc.

Sự thờ cúng cao cả nhất là tri ân những tinh hoa của nhân loại, những người có tâm hồn vĩ đại và dùng cảm với sự hiểu biết uyên bác sự thật, quét sạch vô minh và nhổ hết gốc rễ ô trược. Người nhìn thấy chân lý là người cứu giúp thực sự, nhưng người Phật Tử không cầu nguyên họ. Họ chỉ tôn thờ những người đã tìm ra Chân Lý vì đã chỉ con đường đi đến chân hạnh phúc và giải thoát. Hạnh phúc là điều mà ta phải tự dạt lấy; không ai có thể làm cho ta tốt hơn hay xấu hơn. 'Thanh tịnh hay không thanh tịnh' tùy thuộc chính ở ta. Người ta không thể thanh tịnh hay ô nhiễm người khác.

Đi Tìm Chân Lý

Trong khi lúc lâm chung nằm trên giường giữa hai cây Sa La tại Kusinara, Đức Phật tám mươi tuổi nhìn thấy nhiều hoa dâng cho Ngài, Ngài liền dặn dò Đại Đức Anan: Này A Nan, những ai sống cuộc đời chính đáng, đúng theo Pháp- những người đó chính là những người vinh danh, tôn thờ và kính quý Như Lai (Đấng Đại Giác) với tấm lòng kính trọng cao quý nhất. Cho nên, này A Nan, nên sống một cuộc đời chính đáng, sống theo đúng Pháp. Vậy nên bạn nên tự rèn luyện. Đức Phật khuyến khích sống theo đúng Pháp cho thấy rõ ràng có sự tối quan trọng trong việc huấn luyện ý, khẩu và thân, chứ không phải chỉ dâng hoa cho Đấng Giác Ngộ. Sự nhấn mạnh là về đời sống chính đáng.

Về phần Phật Giáo có phải là một triết lý hay không còn tùy thuộc vào sự định nghĩa từ này, và phải chăng có thể định nghĩa

nó bao trùm tất cả hệ thống tư tưởng triết lý là đáng khả nghi. Theo từ nguyên học, Triết lý có nghĩa là *yêu* (Gr. *philein*) *trí tuệ* (*sophia*). '*Triết lý là vừa nhằm tìm trí tuệ vừa là trí tuệ được tìm thấy*'. Trong tư tưởng Ấn Độ, triết lý gọi là *darsana*, cái nhìn chân lý. Tóm lại, mục đích của triết lý phải là tìm ra chân lý tối hậu.

Phật Giáo cũng chủ trương tìm chân lý. Nhưng không phải chỉ là lý luận có tính cách ước đoán, một cấu trúc lý thuyết, hay chỉ thâm nhập và tồn trữ kiến thức. Đức Phật nhấn mạnh đến khía cạnh thực hành giáo lý của Ngài, sự áp dụng kiến thức vào đời sống- hướng vào đời sống chứ không phải chỉ xem xét nó ở đời sống không thôi.

Đối với Đức Phật, toàn bộ giáo lý chỉ là để hiểu bản chất bất toại nguyện của hiện tượng sống và mở mang con đường dẫn đến tránh khỏi bất toại nguyện. 'Đó là triết lý của Ngài'.

Trong Phật Giáo, trí tuệ có tầm quan trọng nhất vì thanh tịnh đến qua trí tuệ, qua hiểu biết. Nhưng Đức Phật không bao giờ chỉ tán dương trí thức. Theo Ngài, kiến thức phải đi đôi tay trong tay với tâm thanh tịnh, với luân lý ưu tú (*Vijjacarana-sampanna*). Trí tuệ đạt được bằng sự hiểu biết và sự phát triển chất lượng của đầu óc và tâm là trí tuệ bậc nhất (*bhavanamaya panna*). Đó là kiến thức dành dụm được không phải chỉ là sự ước đoán, sự hợp lý hay lý luận chỉ có bề ngoài. Như vậy, rõ ràng Phật Giáo không phải chỉ là tình thương mà cũng chẳng phải đem lại sự tìm kiếm sau trí tuệ, cũng chẳng phải sùng bái (mặc dầu họ có ý nghĩ và tác phong về nhân loại), nhưng mà là sự khuyến khích việc áp dụng thực tiễn giáo lý dẫn tín đồ đến vô tư, giác ngộ, và giải thoát cuối cùng.

Mặc dù chúng ta gọi giáo lý của Đức Phật là '**Phật Giáo**', vì thế gộp nó vào '**học thuyết**' và '**học thuật**', nhưng không phải là vấn đề chúng ta dán nhãn gì cho nó. Gọi nó là tôn giáo, triết lý, Phật Giáo hay bất cứ nhãn hiệu nào mà bạn thích. Những

nhân hiệu ấy không có ý nghĩa gì với người đi tìm chân lý và giải thoát.

Khi Upatissa và Kolita (sau này trở thành Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên, hai Đại Đệ Tử của Đức Phật) đang đi tìm kiếm học thuyết giải thoát, gặp Ngài Assaji (A Tư Đà, một trong năm đệ tử đầu tiên của Đức Giáo Chủ) đang đi khát thực. Upatissa hết sức cảm kích phong độ cao quý của vị Trưởng Lão này. Nghĩ rằng bây giờ chưa phải là lúc tìm kiếm hỏi han, Upatissa liền theo Ngài Assaji đến chỗ Ngài nghỉ; Upatissa đến gần, chào Ngài và hỏi Ngài về giáo lý của Đức Bốn Sư. Ngài Assaji, vốn người ít nói, từ tốn trả lời: "Ta không thể dông dài giải thích giáo pháp và giới luật, nhưng ta có thể vắn tắt tóm lược ý nghĩa '. Upatissa trả lời:Vậy này Đạo Hữu, ý nghĩa sao phải nhiều lời. Lúc bấy giờ, Ngài Assaji lập lại câu kệ bao gồm toàn thể giáo lý nhân quả của Đức Phật:

*"Về các pháp phát sanh do nguyên nhân
Như Lai đã chỉ dạy nguyên nhân ấy
Nguyên nhân chúng chấm dứt, Như Lai cũng chỉ dạy
Đó là giáo huấn của Bạc Đại Hiền Triết"*

Upatissa tức khắc lãnh hội ý nghĩa và chứng đắc bậc Thánh đầu tiên - giai đoạn nhận thức đầu tiên, thấu triệt " bất luận cái gì có bản chất của sự phát sanh, tất cả những cái đó có bản chất của sự chấm dứt".

Vị Thấy Thực Tiễn

Bàn bạc, thảo luận đến đâu mà không nhằm vào hiểu biết đúng (chánh kiến) sẽ không dẫn chúng ta đến giải thoát. Điều cần thiết là kiến thức đúng. Chúng ta có thể tìm nguồn gốc lời chỉ dạy đúng từ thiên nhiên, từ cây cối, và hoa, từ đá và sông. Có nhiều trường hợp, có người đạt giác ngộ và thoát khỏi nhiễm trước khi nhìn thấy chiếc lá rụng, nước chảy, lửa cháy rừng, một ngọn đèn tắt. Cái này đánh trúng thức tỉnh những người ấy, hiểu cái bản chất vô thường của mọi vật, họ đạt giải thoát.

Đúng, hoa sen chờ ánh sáng mặt trời, không bao lâu khi mặt trời chiếu sáng hoa sen nở và mang niềm vui đến tất cả.

Đức Phật không quan tâm đến những vấn đề siêu hình vì chúng chỉ làm cho con người bối rối và đảo lộn trạng thái cân bằng của tinh thần. Câu trả lời về những vấn đề ấy không giải thoát nhân loại khỏi nghèo túng và bất hạnh. Đó là lý do tại sao Đức Phật miễn cưỡng không trả lời những câu hỏi ấy, và có lúc Ngài kiềm chế giảng giải những câu hỏi thường được đặt sai. Đức Phật là một vị thầy thực tiễn. Mục đích duy nhất của Ngài là giải nghĩa tất cả những chi tiết về Khổ (*dukkha*), thực trạng bao quát của đời sống, làm cho con người cảm nhận được toàn bộ sức mạnh của mình, và làm cho con người ý thức được về nó. Ngài nói rõ cho chúng ta biết những gì Ngài giải thích và những gì không giải thích.

Một lần Ngài ngụ tại Kosambi (gần Allahadah) trong rừng cây Simsapa. Cầm một nắm lá trong tay, Ngài hỏi các thầy Tỳ kheo:

- Nay các Thầy, các Thầy nghĩ sao, lá trong tay Như Lai hay lá của cây mọc trong rừng trên đồng kia, lá nào nhiều?

- Bạch Đấng Thế Tôn, lá cầm trong tay Ngài ít, lá trong rừng kia nhiều.

- Nay các Thầy, cũng như vậy đó, có rất nhiều điều ta hiểu biết hoàn toàn nhưng ta không nói cho các Thầy biết, chỉ có một số ít điều ta đã chỉ bảo cho các Thầy. Và tại sao, ta không chỉ bảo cho các Thầy? Nay các Thầy, vì những điều đó không hữu ích, không thiết yếu cho đời sống thanh tịnh, không dẫn đến nhàm chán, vô tư, tịch tịnh, thanh thản, hiểu biết hoàn toàn, giác ngộ, và Niết Bàn. Nay các Thầy, đó là tại sao ta không nói cho các Thầy biết.

- Nay các Thầy, điều gì ta đã nói với các Thầy? Đó là Khổ - ta đã nói - Đó là nguyên nhân của khổ - ta đã nói - Đó là con đường dẫn đến diệt khổ - ta đã nói.

- Này các Thầy, và tại sao ta đã nói đến những chân lý ấy? Vì những chân lý ấy hữu dụng, thiết yếu cho đời sống thanh tịnh, dẫn đến nhàm chán, vô tư, tịch tịnh, thanh thản, hiểu biết hoàn toàn, giác ngộ và Niết Bàn. Cho nên, này các Thầy, ta nói các điều đó.' Trên đây là lời Đức Phật.

Tuy nhiên một số học giả không tán đồng thái độ của vị Giáo Chủ, họ nghi ngờ sự giác ngộ của Đức Phật và gán cho Ngài nhãn hiệu thuộc phái theo thuyết 'bất khả tri' ('không thể biết'). Các học giả cứ mãi lập luận và suy đoán. Đây không phải là câu hỏi của hôm nay hay hôm qua, chúng được nêu lên trong thời Đức Phật. Cả đến vị du tăng Sakuladayi, chẳng hạn, hỏi Ngài về quá khứ và vị lai, Ngài khẳng định:

"Hãy nói quá khứ, nói vị lai, ta sẽ dạy Pháp này cho ông:

Khi điều này hiện hữu, thì có điều kia,

Với sự phát sanh của cái này, cái kia phát khởi.

Khi điều này không hiện hữu, thì không có điều kia,

Với sự chấm dứt của cái này, cái kia chấm dứt"

Tóm lại, đây là học thuyết Phật Giáo về tính điều kiện hay sự phát sanh tùy thuộc (lý duyên khởi-*paticca samupadadda*). Và điều này hình thành nền móng cho Tứ Diệu Đế, quan niệm chủ yếu của Phật Giáo.

Vị Bác Sĩ Vô Song

Đức Phật được biết như một vị thầy thuốc vô song (*bhisakho*), một nhà giải phẫu tối thượng (*sallakatto anuttara*). Ngài là một nhà chữa bệnh vô địch. Phương pháp trình bày của Ngài về Tứ Diệu Đế có thể so sánh như phương pháp của một thầy thuốc. Là một thầy thuốc, Ngài trước nhất chẩn bệnh, rồi Ngài khám phá ra nguyên nhân của bệnh hay sự phát sanh ra bệnh rồi làm sao bỏ bệnh và cuối cùng áp dụng cách chữa trị.

Khổ (*dukkha*) là bệnh, ái dục (*tanha*) là sự phát sinh hay căn nguyên của bệnh (*samudaya*), bằng cách loại ái dục, bệnh được

loại đi và đó là chữa khỏi bệnh (*nirodha-nibbana*). Bát Chánh Đạo (*magga*) là phương thuốc.

Một người bệnh phải nhận thức rằng mình bị đau, phải ý thức ngay trước khi nó trở nên trầm trọng, phải nghĩ ngay đến phương pháp loại bỏ nguyên nhân, với mục đích phải đi bác sĩ để được chẩn bệnh và có phương thuốc. Nhờ sự hữu hiệu của phương thuốc, người bệnh hết đau và đó là việc chữa bệnh. Như vậy, khổ đau không nên bỏ qua mà phải biết đến (*abhinneyya*); vì vậy khổ đau là bệnh. Ái dục, nguyên nhân phải tiêu diệt, loại bỏ (*pahatabba*); Bát Chánh Đạo phải được thực hành, trau dồi phát triển (*bhavetabba*); đó là phương thuốc. Với kiến thức về khổ đau, với việc loại bỏ ái dục bằng sự tu tập Bát Chánh Đạo, thành tựu Niết Bàn (*Saccikatabba*) là điều chắc chắn đạt được. Đó là chữa khỏi bệnh, một sự buông bỏ hoàn toàn, sự giải thoát khỏi ái dục.

Trả lời Sela, một người Bà La Môn nghi ngờ sự giác ngộ của Đức Phật, Ngài chỉ dạy:

"Ta biết cái gì cần phải biết, cái gì cần phải trau dồi ta đã trau dồi. Cái gì phải loại bỏ, ta đã không còn giữ. Cho nên, này ông bà la môn, ta là Phật - một người Giác Ngộ"

Vì những chân lý này liên kết và phụ thuộc lẫn nhau, cho nên thấy hiểu một hay nhiều hơn trong bốn chân lý cũng là thấy hiểu những chân lý khác. Với người chối bỏ không nhận có khổ đau, con đường đi tới để đạt giải thoát khỏi khổ đau là vô nghĩa. Tóm lại, không công nhận một chân lý cũng là không công nhận ba chân lý kia thì đó là không công nhận toàn bộ giáo lý của Đức Phật.

Với cách nói của những nhà duy vật kiên định: "Tôi không thể nào nuốt được tất cả cái vô nghĩa này", giáo lý này có vẻ không gì hơn là chán ngắt, không hiểu được và không đúng chỗ, nhưng với những ai tranh đấu để mở mang một quan niệm thực

tế về cuộc sống, thì giáo lý này không hoang đường, không phải là truyện tưởng tượng nói với kẻ khờ dại.

Với những ai quan sát chúng sanh trên thế giới từ một góc độ chính xác có nghĩa là với sự nhận thức sâu sắc không thiên vị, thì điều đó trở nên rất rõ ràng, chỉ có một vấn đề trên thế giới này, đó là khổ đau. Như Đức Phật đã nói: thế giới này được thiết lập trên khổ đau, đặt nền móng trên khổ đau (*dukhe loko patitthio*). Nếu bất cứ sự việc gì trở thành vấn đề, chắc chắn có khổ đau, bất toại nguyện, hay có thể nói - mâu thuẫn- mâu thuẫn giữa những ham muốn của chúng ta với các sự kiện của đời sống.

Từ một vấn đề đơn giản chúng ta đặt nhiều tên khác nhau: kinh tế, xã hội, chính trị, tâm lý và cả vấn đề tôn giáo. Có phải tất cả đều bắt nguồn từ một vấn đề, khổ đau (*dukkha*), gọi là bất toại nguyện? Nếu không có bất toại nguyện, tại sao ta cần tranh đấu để giải quyết? Phải chăng không giải quyết một vấn đề này làm giảm bất toại nguyện? Tất cả những vấn đề gây ra bất toại nguyện, và nỗ lực là để chấm dứt chúng, nhưng chúng lại sinh ra nhau. Nguyên nhân thường không phải bên ngoài, mà chính trong vấn đề ấy, nó có tính cách chủ quan. Chúng ta thường nghĩ rằng chúng ta đã giải quyết hết các vấn đề, thỏa mãn tất cả những gì liên quan đến, nhưng những vấn đề đó lại bất ngờ xuất hiện trong những dạng thức khác, theo nhiều cách linh tinh khác. Đường như lúc nào chúng ta cũng phải đương đầu với vấn đề mới, và ta phải đem nỗ lực mới để giải quyết chúng, và cứ như vậy các vấn đề và giải quyết vấn đề cứ tiếp diễn. Đó là bản chất của khổ đau, đặc điểm phổ quát cuộc sống của chúng sanh. Khổ đau hiện ra và mất đi rồi lại tái xuất hiện trong những dạng thức khác. Chúng là cả vật chất lẫn tâm lý, một số người có khả năng có thể chịu đựng vật chất hơn tâm lý hay ngược lại.

Thực Tế Cuộc Sống

Đời sống theo Phật Giáo là khổ đau, khổ đau ngự trị suốt đời. Đó là vấn đề căn bản của đời sống. Thế giới đau khổ và tai ách, không một chúng sanh nào thoát khỏi cái gông cùm khổ sở và đó là chân lý phổ quát mà không một người ý thức nào không nhìn thấy sự việc trong bối cảnh thích nghi của nó, có thể chối cãi được. Tuy nhiên sự công nhận thực tế phổ quát này không có nghĩa là chối bỏ hoàn toàn lạc thú và hạnh phúc. Đức Phật, Người Chiến Thắng Khổ Đau, không bao giờ chối cãi hạnh phúc trong đời khi Ngài nói đến tính tổng quát của khổ đau. Trong kinh Aguttara Nikaya có nêu hạnh phúc mà chúng sanh có khả năng vui hưởng.

Trả lời câu hỏi của Mahali Licchavi, Ngài nói:

'Này Mahali, nếu những dạng thức có thể nhìn thấy như âm thanh, mùi và vị vô hình và những vật sờ thấy được (những đối tượng giác quan mà con người cảm thấy qua khả năng cảm giác), hoàn toàn chịu khổ đau, bị bao vây bởi khổ đau, bị mất lạc thú và hạnh phúc, thì chúng sanh sẽ không vui thích gì nơi những đối tượng giác quan ấy; nhưng này Mahakli, vì có lạc thú và hạnh phúc trong những đối tượng giác quan ấy, nên chúng sanh mới thích chúng và bám níu vào chúng, do sự bám níu này, đã tự làm mình ô trược'.

Do khả năng cảm giác nên con người bị lôi cuốn vào những đối tượng giác quan ấy, thích nơi chúng và tìm nguồn vui nơi chúng (*assada*). Đó là thực tế không chối cãi được vì bạn kinh qua điều đó. Tuy nhiên, vật chất thích thú, hay niềm vui không trường cửu. Chúng phải chịu sự thay đổi. Vậy thì khi một người có thể duy trì hoặc bị tước đi lạc thú làm cho mình vui, người đó thường trở nên ủ rũ. Người ấy không thích sự buồn tẻ, thiếu nhiều thứ nên buồn bã, đi tìm nguồn vui nơi bạn bè, giống như trâu bò tìm đồng cỏ mới, nhưng những thú vui mới này chỉ như màn trình diễn qua đi rất nhanh. Vì vậy, tất cả các lạc thú, dù

bạn thích hay không thích, cũng là khúc mở đầu cho đau đớn và chán ghét. Tất cả những lạc thú trần thế đều phù du, giống như viên thuốc độc được bọc bởi một lớp đường lừa gạt và làm hại mình.

Một đĩa thức ăn không ngon, một ly nước uống không dễ chịu, một thái độ vô duyên, và hàng trăm những chuyện lật vật khác đem đau đớn và bất toại nguyện đến với chúng ta - người Phật Tử hay không là Phật Tử, giàu hay nghèo, cao sang hay hèn mọn, biết chữ hay mù chữ. Shakespeare mô tả lời nói của Đức Phật khi ông viết trong tác phẩm Hamlet: "Khi phiền não đến, chúng không đến đơn độc mà từng tiểu đoàn".

Vậy thì khi con người thất bại không thấy khía cạnh này của cuộc đời, cái bất trắc của lạc thú, họ trở nên thất vọng và dao động, đôi khi cư xử rồ dại không có ý thức hay suy xét phán đoán, và tâm có thể mất quân bình. Điều đó là nguy hiểm, hậu quả tội lỗi (*adinava*). Nhân loại thường phải đối đầu với hai bức tranh cuộc sống này. Tuy vậy người cố gắng quét sạch ham muốn sâu xa mọi sự, vật sống hay vô tri vô giác, nhìn đời với một cái nhìn khách quan, thấy sự vật đúng theo phối cảnh của chúng, rèn luyện văn hóa đòi hỏi mình phải trầm tĩnh trước tất cả những thăng trầm của cuộc đời, có thể mỉm cười trước sự việc bất như ý, giữ tâm trí được quân bình quăng đi tất cả những cái thích và không thích - Người ấy chẳng bao giờ buồn phiền mà giải thoát (*nissanara*). Ba điều này *assada* (vui), *adinava* (hậu quả tội lỗi) và *nissarana* (giải thoát) hoặc hỉ lạc, những hậu quả tội lỗi và giải thoát của chúng là thực tế kinh nghiệm- một bức tranh trung thực về cái mà ta gọi là đời sống.

Trả lời câu hỏi của Mahali, Đức Phật tiếp tục:

'Này Mahali, nếu những hình thái có thể nhìn thấy, âm thanh, hương, vị và các vật sờ thấy được, hoàn toàn mang lại lạc thú, bao trùm với lạc thú, không bị đau khổ, chúng sanh sẽ không nhàm chán các đối tượng giác quan, nhưng, này Mahali, có sự

đau đớn, và những lạc thú trong đối tượng giác quan ấy không lâu bền, chúng sanh cảm thấy nhàm chán, thấy chán ghét, họ không còn thấy thích thú và cũng không bám níu nơi chúng, họ tự thanh tịnh lấy họ'.

Vậy thì có ba khía cạnh khổ đau:

- khổ đau trong dạng thức thông thường hết sức rõ ràng (*dukkha-dukkhata*);
- khổ đau, hay sự bất toại nguyện của tình trạng tùy thuộc;
- khổ đau gây ra bởi sự thay đổi (*vipainama dukkhata*).

Tất cả những đau khổ về tinh thần hay thể xác, như sinh, già bệnh, tử, phải quan hệ với người không ưa, bị chia ly với người ưa, không đạt điều ta muốn là những sự đau khổ thông thường trong đời sống hàng ngày và được gọi là *dukkha-dukkhata*. Không cần đến nhiều khoa học mới hiểu được thực trạng của đời sống.

Sankhara-dukkhata, bất toại nguyện trong những tình trạng tùy thuộc, có một ý nghĩa triết lý. Mặc dù từ ngữ sankhara gợi ý tất cả sự vật đều bị chi phối bởi nguyên nhân và hậu quả, nơi đây trong phạm vi khổ đau, năm nhóm uẩn (*pancakkhandha*) được nói đến. Chúng là tập hợp vật chất (trong trường hợp này là xác thân hữu hình), của cảm giác, của nhận thức của cấu trúc tinh thần và của thức.

Chúng được gọi là ***nama-rupa*** (danh-sắc), một thực thể tâm-vật-lý. *Rupa* nằm trong uẩn vật chất và ***Nama*** là bốn uẩn còn lại. Sự phối hợp của năm uẩn cấu tạo thành một chúng sinh.

Một chúng sinh và thế giới kinh nghiệm cả hai đều luôn luôn thay đổi. Chúng đi vào tồn tại rồi lại mất đi. Tất cả đều trong cơn gió lốc, không có gì có thể thoát ra khỏi sự thay đổi không lay chuyển và không ngừng nghỉ này, và vì bản chất tạm thời

này, không có gì là thực vừa ý. Có hạnh phúc, nhưng rất ngắn ngủi, tan đi như bông tuyết, mang lại bất toại nguyện.

Viparinama dukkha (Khổ vì thay đổi) nằm trong loại bất toại nguyện do sự vô thường. Tất cả những cảm nghĩ vừa ý và sung sướng mà con người kinh nghiệm phai mờ và biến đi. Như Đức Phật nói, cả đến những cảm nghĩ chứng nghiệm bởi các nhà du già hay thiên định đạt tới bốn tầng thiên, cũng rơi vào loại *viparinama dukkha* (khổ vì thay đổi), vì chúng cũng chóng tàn (vô thường) và chịu sự thay đổi. Nhưng cái khổ ghi nơi đây không phải là cái đau đớn hay khổ sở mà con người thường phải chịu đựng. Điều mà Đức Phật vạch rõ là tất cả sự vật vô thường đều bất toại nguyện.

Chúng chịu sự thay đổi trong mỗi khoảnh khắc và sự thay đổi này mang đến bất toại nguyện, vì bất cứ gì vô thường đều bất toại nguyện (*yadaniccaṃ tam dukkha*). Do đó không có hạnh phúc trường cửu.

Đức Phật không có nét mặt buồn thảm khi Ngài giảng cho các tín đồ chân lý của khổ, nét mặt Ngài lúc nào cũng vui tươi, rạng rỡ và tươi cười cho thấy tâm đắc ý của Ngài:

*"Sung sướng thay chúng ta sống
không gánh nặng
trong niềm vui luôn vui hưởng
Giống như các chư thiên rạng rỡ".*

Ngài khuyến khích các đệ tử của Ngài không nên yếu đuối, mà nên trau dồi tất cả phẩm hạnh quan trọng, niềm vui, một yếu tố của sự giác ngộ. Nghiên cứu một cách vô tư về Phật Giáo nói cho chúng ta biết đó là một thông điệp rạng rỡ vui tươi và hy vọng, không phải là triết lý chủ bại về tính bi quan.



3

PHẬT GIÁO NGÀY NAY VÀ NGÀY MAI

Tiến Sĩ Nadadeva Wijeskera

Không còn chút nghi ngờ nào cả, Phật Giáo cần thiết cho thế giới hiện đại mặc dù tôn giáo này đã được công bố từ trên 2500 năm qua. Đó là vì thông điệp của tôn giáo này trẻ mãi không già. Tôn giáo đó nói về lòng từ ái, từ bi, niềm vui và hòa bình. Hòa bình là một đặc tính mà thế giới ngày nay nói đến và là điều mong muốn của những nhà lãnh đạo và những tổ chức thế giới. Nhưng, có một số đông dân chúng vẫn chưa chắc chắn về thông điệp về hòa bình tuyên bố bởi Đức Phật.

Thông điệp về hòa bình, về tình thương và hạnh phúc cho tất cả chúng sanh, được thuyết giảng vào thời kỳ khi các lục địa bị chia bởi những chướng ngại - tự nhiên và địa dư, ngôn ngữ và chủng tộc. Địa dư biệt lập, giao thông liên lạc chậm và hạn chế đã thu hẹp các khu vực. Vì vậy, dị đoan lan tràn và kiến thức không được chia sẻ. Trong tình trạng như vậy, cái không biết trội hơn cái biết. Về kỹ thuật và khoa học, những khu vực phát triển hiện nay của thế giới hiện đại không phát triển được hoặc thậm chí còn kém phát triển. Cho nên, dân cư sống tại những lục địa rộng rãi này, không có cơ hội để nghe, biết và hiểu cái thiết yếu của thông điệp Đức Phật.

Một yếu tố khác chống lại sự truyền bá thông điệp của Đức Phật là phương pháp thường thấy trong việc tuyên truyền tôn giáo. Tôn giáo được truyền bá bằng đao kiếm và xâm chiếm. So sánh điều này, Phật Giáo là một tôn giáo duy nhất không dùng sức mạnh giết người hay đạo quân thánh chiến để truyền bá.

Tuy vì các yếu tố ấy, Phật Giáo vẫn bành trướng đến tất cả những nước mà Ấn Độ có liên lạc và gặp gỡ vào thời đó. Phật Giáo bành trướng chậm nhưng chắc chắn dọc theo các tuyến đường cổ đến Tây Tạng, Trung Hoa, Triều Tiên, Nhật Bản và Trung Tâm Thổ Nhi Kỳ. Hoàng Đế A Dục cũng gửi các đoàn truyền giáo Phật Giáo đến các vương quốc Đông và Tây với các nhà sư và đệ tử. Hoàng Đế này đã gửi tặng phẩm Phật Pháp đến Sri Lanka qua người con trai là Mahinda và người con gái là Sanghamitta. Một cây nhỏ của cây Bồ Đề, nơi mà Đức Phật chứng đạo giác ngộ được mang đến Sri Lanka do Sanghamitta. Cây này còn sống đến ngày nay và là một cây lịch sử cổ nhất trên toàn thế giới. Cây này là biểu tượng của giác ngộ đối với tất cả những người Phật Tử. Từ Sri Lanka và Ấn Độ, Phật Giáo được truyền vào Myanmar, Thái Lan, Lào, Việt Nam, Cao Miên và Nam Dương.

Ngày nay thế giới đã co lại về kích thước. Những khu vực kém phát triển và những khu vực chưa phát triển trước tiến bộ về kỹ thuật và khoa học trong khi những đất đai có lần mở mang trước đây lại trở thành khu vực kém phát triển. Trong thời đại này, đi lại dễ dàng, nhanh chóng và không bị hạn chế. Truyền thông ngay tức thời. Vậy nên sự phong phú về kiến thức là gia tài chung cho mọi người, và không có lý do gì để họ không biết đến thông điệp của Đức Phật.

Những lời chỉ trích

Tuy kiến thức dành cho mọi người tùy ý sử dụng, nhưng vẫn có những lời phê bình Phật Giáo cũng như những quan niệm sai lầm và hiểu nhầm giáo lý của Đức Phật. Được biết một số người đặt Phật Giáo ngang hàng với Ấn Độ Giáo. Cũng có những người nổi tiếng nghi rằng Phật Giáo không khác gì hơn bất cứ một tôn giáo nào theo thuyết hữu thần. Có một số người nói Phật Giáo đầy ắp niềm tin dị đoan và tu tập. Nhìn bề ngoài, những điều này xuất hiện đem mâu thuẫn làm trở ngại sự hòa giải lý tưởng. Những cái có vẻ dị biệt này phần nhiều do hiểu

nhầm, tin tức sai lầm, và giải thích sai lầm về động lực xã hội và di sản văn hóa mà những mô hình đồng-hiện hữu phức tạp cùng tồn tại trong một đường lối không dễ nhận thấy trong nhiều xã hội với nhiều đường hướng. Cho nên muốn hiểu biết bản chất giáo lý của Đức Phật, điều trở nên cần và thiết yếu là nghiên cứu những sự sai biệt giữa Phật Giáo với bất cứ một tôn giáo nào hiện hữu để có thể hiểu rõ ràng bức thông điệp của Đức Phật.

Những tôn giáo khác có kế hoạch rất chu đáo để thỏa mãn khuynh hướng tâm lý, đặt vấn đề về thái độ và sự tò mò của người khác, lối suy nghĩ và tin tưởng của họ đến nỗi mỗi mỗi nghi ngờ có thể tưởng tượng được có lời giải thích hay nhất có thể được. Một số lời giải thích này là Thượng Đế biết hết mọi sự, tình thương bao la và từ bi. Mgwoi ta cũng nói đến một số nhân tố căn bản này không được nghi ngờ. Một số người chấp nhận một tôn giáo trên niềm tin mù quáng, một số tin trên lý thuyết giáo điều. Tuy nhiên, những giả định này thỏa mãn tâm tin tưởng của tín đồ thuần thành. Họ không cần phải hỏi. Hợp lý và hợp lẽ nhường bước cho sùng đạo. Giải thích duy lý, giải nghĩa khoa học, sự tán đồng hợp lô gic không giống nhau giữa tôn giáo này với tôn giáo khác. Người ta khẳng định rằng những phương pháp và kỹ thuật của khoa học hiện đại không hướng về và cũng không thể áp dụng trong trường hợp tôn giáo. Người ta nghĩ căn bản là tôn giáo khác biệt khoa học. Người ta cho rằng tôn giáo thiên khải, lời của Thượng Đế. Trái lại, Phật Giáo mời, hoan nghênh và khuyến khích điều tra, thẩm vấn và sự nội quan (sự tự xem xét nội tâm) theo một cách thức hợp lý, hữu lý và khoa học. Điều này được chứng minh trong Kinh nổi tiếng Kalama Sutta, nơi đây Đức Phật dạy:

"Này Kalama, đừng tin theo điều đã đạt được bởi nghe đi nghe lại nhiều lần, vì điều đó là truyền thống; vì điều đó là tin đồn; vì điều đó là tiêu điều; vì điều đó được lý luận bề ngoài; vì điều đó có khuynh hướng thiên về một khái niệm đã được cân nhắc;

vì điều đó dường như trong khả năng của người khác; hay vì nhà sư giảng những điều đó là đạo sư của chúng ta".

Người ta thường nói tương phản lại các Phật Tử là họ tin vào nhiều thần, chấp nhận niềm tin chung chung, lễ bái cây cối và hình tượng. Cũng được nói đến với sự chê bai là đa số các môn đồ sùng bái trời đất trăng sao. Nơi đây những lời phê bình phạm lỗi lầm là trộn lẫn giá trị văn hóa, tục lệ xã hội và niềm tin truyền thống của người dân trong nhiều giai đoạn của sự tiến hóa xã hội. Những nhà phê bình đã quên hay đã không biết chưa bao giờ Phật Giáo toan tính dẹp bỏ lối sống hiện hữu và những giá trị văn hóa của nó bằng một đường lối sống mới lạ của một người không có thiện ý.

Trong cách thức tương tự, nếu những người hay nghi ngờ và chất vấn như vậy, những nhà phê bình hay những quan sát viên phải hỏi người Phật Tử trong hội đoàn Phật Giáo,, liệu người đó có tin vào một mớ hỗn tạp của các quan niệm như vậy không, người Phật Tử sẽ trả lời là "có" hay "không" vì tâm của người rất sẵn lòng giúp đỡ. Theo bản chất tinh thần của người Phật Tử, không có gì là không hợp lý trong cách suy nghĩ, trong sự hợp lý và sự tổ chức các sức mạnh và yếu tố quyền năng của cái cũ và mới, của cái không biết và huyền bí. Với người này, Phật Giáo và những lời giáo huấn đứng trên cái nền thấp của niềm tin cổ và dị đoan bằng một bộ luật đạo lý, và Tiratana (Phật, Pháp, Tăng) được đặt trên đỉnh của tháp.

Một trong những nhận xét trước sau như một về Phật Giáo là Phật Tử có niềm tin vào các thần thánh trong xã hội của họ. Người Phật Tử như vậy, khi van xin, không thể đem trộn lẫn với người Phật Tử thực sự tìm cầu Niết Bàn. Người đó không thể là hiện thân của Phật Giáo, Pháp được dạy bởi Đức Phật. Đó là một quan niệm sai lầm của những nhà quan sát viên và những lời phê bình về người tín đồ - những người hoàn toàn ý thức được cái tháp cấu trúc của những niềm tin đạo lý. Người đó tin có những quỷ thần tốt và xấu, chư thiên hay làm phúc,

và những quyền năng tối thượng nhân từ. Người đó cũng tin tưởng Đức Phật đứng vào hàng cao nhất theo hệ thống thứ tự và cấp bậc. Với kiến thức hạn hẹp về khoa học, họ tin rằng có lẽ tất cả các cách thức để giúp đỡ có thể được ủy thác trong lúc khủng hoảng của đời sống. Cho nên người đó làm nhiều điều cho mục đích ấy, liên quan đến việc thực hiện nhu cầu cần kíp của con người trong lúc tinh thần đau khổ. Nhưng chưa bao giờ có cá nhân nào như vậy thỉnh cầu Đức Phật hay đệ tử của Ngài can thiệp cho. Người Phật Tử biết suy nghĩ không đòi hỏi những ân huệ như vậy. Điều tự nhiên được hiểu là những giá trị truyền thống trong một số xã hội hình thành cơ sở căn bản về cuộc sống của người dân và cứ thế tiếp tục. Người ta cũng hiểu rằng mỗi xã hội vẫn hãy còn những dấu vết còn lại của những truyền thống cổ. Cho nên không đem sát nhập những niềm tin truyền thống này vào Phật Giáo hay thực thi cùng với Phật Giáo. Đó là lối sống.

Điều mà Phật Giáo không làm, tôn giáo khác có thể đã làm và có thể dự định làm. Trong ham muốn nhiệt thành để người khác đổi đạo theo đạo mình, các nhà truyền giáo của các tôn giáo khác, đã phá hoại tinh thần xã hội và biến họ thành mẫu người đần độn và buồn tẻ của một giống người và văn hóa xa lạ. Lòng ham muốn thay đổi giá trị văn hóa, niềm tin truyền thống và mô hình xã hội hình thành, khuôn mẫu và tinh thần của một toan tính thành lập một tôn giáo xa lạ với cơ cấu văn hóa xa lạ, điều mà họ nghĩ rằng đó là một nhóm kém. Như vậy họ mưu tính thay đổi xã hội văn hóa và tinh thần quốc gia của nhóm người ấy. Tình trạng như vậy đã gây thiệt hại không thể sửa chữa được về mặt xã hội cũng như tinh thần, vì những nhà truyền giáo đã đè nén ham muốn sống mạnh mẽ, và sau đó làm tê liệt ý chí muốn tiên bộ. Bề ngoài, sự thu phục tín đồ dường như thành công. Nhưng, trong thâm tâm của con người, niềm tin và giá trị cũ vẫn còn làm mờ đi tất cả những ánh sáng bên ngoài của những tôn giáo mới. Do đó ngay trong phạm vi xã

hội này sẽ xảy ra xung đột không những chỉ về văn hóa và chủng tộc mà còn cả về tôn giáo nữa.

Ở bất cứ nơi nào đạo Phật đến hoặc được Đoàn Thế Tăng Già tiến dẫn, giáo pháp của Đức Phật chẳng bao giờ mâu thuẫn với các giá trị truyền thống của xã hội mới. Cái cũ và cái mới, cái cổ xưa và cái hiện đại sát cánh tồn tại. Khi tâm trí tiến bộ với sự mở mang và thăng tiến của kiến thức, những lãnh vực ma thuật và dị đoan, y khoa và khoa học giảm thiểu. Sự tổng hợp phát xuất, toàn bộ hay từng phần, và tiến trình này tiếp diễn cho đến ngày nay. Cho nên đối với quan sát viên nông cạn, đối với những nhà phê bình ngoan cố, và các nhà truyền giáo, những việc này hình như mâu thuẫn không thể hòa giải được. Kết quả là họ kết tội Phật Giáo vô minh và sự khác biệt trong đường lối mà họ suy nghĩ về giáo lý của Đức Phật. Họ giải thích kết hợp với ma thuật, thậm chí như một phương tiện trong bộ máy tạm thời của con người nhằm đáp ứng tình trạng tâm lý căng thẳng hay khủng hoảng cảm xúc chứ không phải là tôn giáo có lý do xác đáng. Thêm vào đó, điều mai mỉa là họ chưa chấp nhận rằng nhu cầu sống còn của con người, và đạt tình trạng tối thượng hòa bình và hạnh phúc chỉ hoàn tất được bằng sự loại bỏ tội lỗi. Trái lại người Phật Tử biết rõ tất cả chúng sinh đều vô thường, bất toại nguyện và không có linh hồn.

Sự Hiểu Biết Về Thông Điệp Của Đức Phật

Đối với lời tuyên bố tôn giáo này căn bản khác biệt với lối giải thích duy lý của khoa học, chúng tôi có thể trả lời qua *Abhidhamma* (Vi Diệu Pháp). Về căn bản, giáo lý các cấp của Đức Phật theo đuổi thế giới tư tưởng khoa học về danh và sắc (*nama-rupa*). Giáo lý căn bản của Đức Phật là: "*Tránh làm điều dữ, làm điều lành, và thanh tịnh tâm ý*". Thêm vào, tất cả sự vật do duyên hợp đều phải chịu luật căn bản của sự thay đổi và vô thường (*anica*), bất toại nguyện (*dukkha*); và không có một thực thể sống vĩnh viễn (*anatta*, vô ngã). Một chúng sanh chẳng là gì cả mà chỉ là "*nama-rupa*" (Danh-Sắc). Sắc là sự biểu hiện của các

lực và đặc tính. Người xưa biết chúng như nguyên tử (*paramanu*). Đức Phật gọi chúng là đơn vị căn bản của vật chất. Từ việc này, chúng ta biết Phật Giáo cập nhật hóa với những khám phá khoa học mới nhất về bản chất của chúng sinh.

Sanh theo ý nghĩa Phật Giáo để chỉ cho tùy thuộc phát sanh. Sanh tiến triển theo thời gian vì vô minh (không biết gì) trong một loạt các nguyên nhân và hậu quả (*paticca-samuppada*). Những điều này được công thức hóa như sau:

Tùy thuộc nơi vô minh, hành phát sanh
Tùy thuộc nơi hành, thức phát sanh
Tùy thuộc nơi thức, danh sắc phát sanh
Tùy thuộc nơi danh-sắc, lục căn phát sanh
Tùy thuộc nơi lục căn, xúc phát sanh
Tùy thuộc nơi xúc, thọ phát sanh
Tùy thuộc nơi thọ, ái phát sanh
Tùy thuộc nơi ái, thủ phát sanh
Tùy thuộc nơi thủ, hữu phát sanh
Tùy thuộc nơi hữu, phát sanh tình trạng của Nghiệp
Tùy thuộc nơi tình trạng của Nghiệp, sanh phát sanh
Tùy thuộc nơi sanh, phát sanh lão và tử.

Đương nhiên nếu nguyên nhân ngưng thì hậu quả cũng ngưng. Có nghĩa là vô minh hoàn toàn được loại đi sẽ dẫn đến giai đoạn chấm dứt sanh và tử.

Vì đã giải thích nguồn gốc của vật chất, ham muốn tinh thần, và những cảm xúc con người, Phật Giáo cố gắng giải thích sự thay đổi của đời sống như một chu trình tiếp nối của hiện hữu và tùy thuộc. Tiến trình này là bất toại nguyện. Cho nên điều này chứng minh dù cho có đạt được kỹ thuật tiến bộ cao nhất của thế giới hiện đại vẫn phải tùy thuộc vào định luật vũ trụ (Dhamma, Pháp). Đời sống chính nó cũng chi phối bởi định luật này. Không một chúng sanh nào có thể trốn chạy hay thoát được.

Từ giai đoạn này, Đức Phật tiến đến phân tích tình trạng hiện hữu của chúng sanh, và tìm cách chấm dứt bất toại nguyện và vô thường của tất cả sự vật do duyên hợp. Cho nên, Thông Điệp của Ngài rất rõ ràng. Không phải là để cho ta chạy trốn trong sợ hãi do thiếu can đảm hay nỗ lực của con người. Đó là một phương cách tìm giải pháp cho một vấn đề - vấn đề ám ảnh con người- và biết con đường ra khỏi tình trạng nguy hiểm. Những tình trạng như thế lúc nào lúc nào cũng hiện diện trên thế gian này và tốt nhất là có thể nào tả chúng bằng cách dùng truyện ngụ ngôn: Bị lửa cháy, chỉ có thể thoát được khi tránh xa nó và không nên gần nó. Phương cách để sống sót trước lũ lụt hay vượt một con sông là tìm một cái bè để tới chỗ an toàn. Con đường muốn khuất phục một con rắn là làm cho nó ra khỏi lối đi.

Cho nên lửa hận thù có thể tránh được và dập tắt được bằng tình thương. Nước lũ luyến ái phải vượt qua bằng sự buông bỏ, và 'sông' 'Samsara' (luân hồi) phải được vượt qua bằng cách tẩy sạch những ô nhiễm trong tâm. Cái nọc độc của ảo tưởng có thể bị loại bỏ bằng cách phát triển các đức tính hiểu biết. Về mặt này, Đức Phật dạy ta không nên đi đến cực đoan, mà theo một con đường hợp lý thực tiễn, đó là con đường trung đạo. Nếu cứ cực đoan, khổ đau hay giữ bên kia cực đoan lạc thú, có khả năng dẫn một chúng sanh tới nguy hiểm. Cái nguy hiểm tinh thần này vẫn là nét thường thấy trong thế giới hiện đại này. Nó không bị hạn chế ở thời cổ, và khoa học kỹ thuật hiện đại không thể vượt qua cái nguy hiểm tinh thần này vì nó liên quan đến trạng thái tinh thần và không phải trạng thái vật chất.

Cho nên, con đường khó khăn nhưng chắc chắn là con đường trung đạo. Đó là con đường chánh đáng, cũng được gọi là Bát Chánh Đạo cao thượng. Con đường này trả lời những vấn đề của con người. Nó gồm có tám đức hạnh được sắp xếp thành ba loại, giới (*sila*), định (*samadhi*), và huệ (*panna*). Giới gồm có chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng. Định gồm có chánh

tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Huệ gồm có chánh kiến và chánh tư duy. Thực hành những điều này dẫn đến đạt giai đoạn cuối cùng Niết Bàn.

Đến giai đoạn này ta nhất định nêu câu hỏi: Tại sao con người lại tự chối bỏ những cái tốt nhất của đời sống - Vì Bát Chánh Đạo rất khó theo? Tại sao con người không vui hưởng những lạc thú của trần thế với tất cả hạnh phúc của nó? Vì sau cái chết cái gì sẽ xảy ra cho mọi người? Ai biết? Ai có thể nói được? Thứ nhất, con người là một động vật xã hội. Con người là một chúng sinh có lý trí cao nhất, loại duy nhất có ưu thế làm chủ trên môi trường xung quanh, cả không gian lẫn ngoài không gian. Dù trong một xã hội như vậy, con người không thể tự mình sống được. Con người phải sống với gia đình, với nhóm của mình. Và không thể có một cuộc sống yên ổn hạnh phúc nếu ai nấy sống trong sợ hãi lẫn nhau.

Một nền tảng luân lý là cần thiết cho con người sống hòa bình trong xã hội. Ngày nay những đức hạnh vẫn giữ hàng đầu trong tâm của tất cả chúng sanh là những tiêu chuẩn luân lý do những người sáng lập tôn giáo thuyết giảng. Và hơn bao giờ hết trước thế giới nhận thức đầy đủ mối nguy hiểm đứng trước nhân dân tiến bộ tại thành thị do những kinh hoàng về chiến tranh, kỳ thị chủng tộc, bất bình đẳng và nghèo khổ. Những điều này gắn kết với nhau khiến ta thấy khó phân tách tội lỗi này với tội lỗi kia. Người ta nói đến hòa bình nhưng lại không chống lại đi tới chiến tranh và giết chóc. Đời sống là một tặng phẩm cao quý của tạo hóa. Chỉ có một chút khác biệt giữa hai kiểu nói đến nguyên lý đời sống. Cho nên thật đúng là đạo đức giả khi nói hòa bình mà không nói đến sự ngăn ngừa lấy đi bất cứ dạng thức sống nào. Tại sao lúc ấy tất cả những sinh vật lại không được kể đến trong thông điệp hòa bình này để ngăn chặn khổ đau? Có phải vì con người là động vật siêu đẳng và số còn lại đều kém hơn không? Có phải vì con người không thể sống được chỉ với bánh mì không? Có phải con người phát triển nhờ sự trả

giá của những sinh vật đồng loại? Trong ý nghĩa của mình, đó cũng vẫn là lập luận ảnh hưởng đến những nhà lãnh đạo quốc gia đang cố gắng loại trừ người thế yếu; kẻ mạnh, người yếu. Đó là luật rừng, luật sống còn của động thực vật thích nghi nhất với sức mạnh lý, hóa và sinh học.

Cũng giống như vậy với các đức hạnh khác: ngăn ngừa đòi hỏi nhục dục bất hợp pháp, ngăn ngừa nói dối, ngăn ngừa dùng ma túy. Khi xã hội tiến triển và giá trị luân lý, năm giới cấm (*pancasila*) sẽ cung cấp con đường sống cho con người của xã hội ngày nay và ngày mai. Động vật xã hội có lý trí cần thiết phải bỏ lối sống vô luân lúc sơ khai của con thú vô trí để có thể sống hòa hợp trong phạm vi xã hội của mình. Một số chấp nhận và áp dụng giới này sớm hơn người khác. Một số áp dụng từng phần và một số áp dụng toàn bộ, nhưng cuối cùng nhân loại sẽ áp dụng tất cả. Dầu rằng không mang danh nghĩa này nhưng làm như thế là cách sống đạo đức đúng đắn.

Cái mà thật sự con người mong muốn là tất cả chúng sanh hạnh phúc. Con người, động vật, bây giờ lẽ ra đã phải thay đổi thành một con người có luân lý mà sự quan tâm đến đồng loại sẽ bắt đầu phát triển. Mỗi quốc gia đều nói đến hòa bình và mỗi người trong thâm tâm đều mong muốn hòa bình cho chính mình. Nhưng những người khác ở khắp nơi thì sao? Những nhà lãnh đạo nói khản cả tiếng và kêu gào hòa bình trên tất cả những diễn đàn. Nhưng không có đạo đức thật sự phát ra trong tâm của một cá nhân, không có người nào hay quốc gia nào hy vọng có hòa bình trong cộng đồng, trong nước hay ngoài nước. Một dấu hiệu đáng mừng là nhìn thấy phẩm hạnh hiểu biết này phát triển trong đầu óc và con tim của người dân đã từng tranh đấu cam go và đổ máu trong chiến tranh và những quốc gia đã có được những vũ khí hủy diệt hàng loạt hiệu nghiệm. Với sự hiểu biết này, những đức hạnh khác như lòng từ ái, từ bi (*karuna*), vui trong hạnh phúc của người khác, và tâm tràn đầy thanh thản (*uppekha*) sẽ phát triển. Con người thực sự vì đại, hòa bình

và yêu hòa bình chỉ khi trau dồi các đức hạnh này và khi nhận thức được và thực hành chúng. Rồi con người ấy sẽ tới gần nhận thức hạnh phúc tinh thần cả thế giới này lẫn bên kia thế giới.

Tình Trạng Hoàn Hảo Trong Bức Thông Điệp Của Đức Phật

Bây giờ câu hỏi được nêu lên, tại sao chúng ta phải lãnh tất cả khó khăn này khi chúng sanh đã đi tới kết thúc với xác thân bị tiêu hủy trong thế giới này. Tóm lại, tại sao bị quan như thế? Có thế giới nào ở bên kia không? Cái bản chất thế giới ấy là gì? Câu trả lời thông thường là hoặc thiên đường hoặc địa ngục. Đó chưa phải là câu trả lời cuối cùng trong Phật Giáo. Một chúng sanh không ngưng trở thành cho đến khi đạt được trạng thái toàn hảo của hạnh phúc tinh thần. Điều này chỉ có thể hoàn tất được bằng cách đạt được trạng thái cuối cùng tẩy sạch hết trong tâm ô nhiễm như luyến ái (*raga*), ác ý (*dosa*) và vô minh (*moha*). Có thể đạt được ngay trong thế giới này với những ai trau dồi trạng thái tinh thần tiến từng bước tới tình trạng toàn hảo của phước lớn. Nó có thể xảy ra vào thời điểm thích hợp, ngay trong tiến trình trở thành đang tiếp diễn, một ngày nào đó sự trở thành trở thành ngưng lại. Cái đó như thế nào? Và nó hành hoạt ra sao? Hành vi của một người có thể xấu hay tốt, đạo đức hay vô luân. Tâm của một người có thể phát triển hay phát triển chưa đầy đủ. Những sự thành công của một người có thể mau hay chậm. Chúng sanh tiếp tục trong chuỗi sinh và tái sinh đây đó theo nghiệp (*karma*) riêng của mình. Theo định luật của nghiệp, một chúng sanh tái sinh trong tiến trình luân hồi (*samsara*). Sự tiếp tục của đời sống, của tâm và vật, tình trạng của dòng tinh thần do lực của nghiệp và hậu quả tái sản xuất ra chúng sanh này trong một loạt đời sống. Tiến trình thanh tịnh tinh thần phải tiếp tục. Giai đoạn đạt tinh thần phải phát triển cho đến khi tâm được thanh tịnh và người đó trở thành một người hoàn hảo và chứng được an lạc của Niết Bàn.

Như đã nói trước đây sanh và tái sanh tiếp diễn trong trạng thái này hay trạng thái khác do sự tiếp tục cái đà của dòng tinh thần theo nghiệp riêng của mình. Tiến trình này được giải thích trong Phật Giáo bởi học thuyết về nghiệp và tái sanh. Sanh tiếp diễn cho đến khi nghiệp trợ giúp mỗi cuộc sống có được ngưng lại. Sự ngưng tối hậu của sanh mang lại trạng thái toàn bích của hạnh phúc gọi là Niết Bàn trong Phật Giáo. Con đường của đời sống phác họa cho đến nay cách sống đã được phác họa này có thể được theo đuổi ngay trong đời này trong xã hội tiến bộ hay kém tiến bộ. Nhưng ham muốn để trở thành khiến không chúng sanh nào đạt được hạnh phúc tối thượng. Chúng sanh phải ngưng trở thành. Đó phải là mục tiêu tối hậu và mục đích của mỗi chúng sanh. Đó là mục tiêu của người Phật Tử và người Phật Tử phải thực hành bộ luật đạo lý trong hy vọng này và cho mục đích này. Trạng thái ấy nằm trong tay của mỗi người. Nó phải được thực hành bởi chính mình.

Nơi đây người cư sĩ nhất là những người Phương Tây đùng độ với những vấn đề không mấy quen thuộc với họ, với triết lý về đời sống và tôn giáo quen thuộc của họ. Đó là quan niệm về đời sống sau khi chết trong một chuỗi tái sanh dưới nhiều dạng thức. Sự việc như vậy có thể có không? Nhưng những nhà tư tưởng phương Tây và trí tuệ phương Tây, tốt hơn trước đây, nghi rằng sự việc như vậy có thể có được. Một số biến cố, và một số bất hạnh trong cuộc sống này không thể giải thích nổi ngoại trừ bằng niềm tin như vậy. Một số năng khiếu của trẻ em ở độ tuổi khác thường không thể giải thích hoàn toàn Cho đến nay, sự truyền thừa năng khiếu do di truyền có thể là câu giải đáp. Nhưng sự hồi tưởng hay nhớ lại một số việc xảy do các em kể lại cho thấy một vấn đề mà do đấy tái sanh có thể giải thích được. Những nhà ngoại cảm đang nghiên cứu hiện tượng này và những trường hợp được ghi nhận càng ngày càng nhiều. Trong Phật Giáo có nói rằng kiến thức nhớ lại kiếp trước (*pubbe nivasanussatinana*) đạt được trong giai đoạn thiền thứ ba bởi một

người đấng ngũ thông (*pannca abhima*). Cho đến nay những người thấy khó tin và hiểu đã phát hiện một số bằng chứng có triển vọng thực tế trong tái sanh .

Cơ chế hoạt động của học thuyết tái sanh là gì? Nghiệp lực tốt hay xấu được đặt vào như một lực tái phát và quyết định chu trình đời sống tiếp tục. Đó không phải là một phương trình mà trong đó tốt và xấu được tính toán như yếu tố cộng trừ, để lại con số thừa hay thiếu của một tài khoản. Đó là một khái niệm bồi đắp hành vi tốt sẽ ở một nơi nào đó, một cách nào đó, một ngày nào đó vào lúc nào đó được đền bù tương thưởng, ngược lại hành vi xấu sẽ gặt phần thưởng xấu. Nghiệp lực tiềm tàng này có một môi trường tâm linh và không phải vật chất. Đó là một tiến trình tâm linh giống như điện năng trong máy móc điện tử. Sức mạnh tự tái sanh của nó vốn có, gắn liền trong lực của chính nó, giống như điện năng hay âm thanh và sóng ánh sáng. Nơi đây làn sóng âm thanh đặc biệt hay tia sáng thực tế có trong nó toàn bộ tiềm năng để tự tái sanh nếu có sự bố trí thích đáng để nhận nó. Có lẽ nghiệp lực hoạt động có thể giải thích một cách nào đó bằng ngôn ngữ thông thường. Phương trình chót và cuối cùng là đặc tính của nghiệp lực nó tái sanh ra hậu quả, có nghĩa là kết quả chúng sanh mới có được trong những giai đoạn tiếp nối của cuộc sống. Đặc tính đó là gì? Giải thích nó như thế nào?

Những điều này là những vấn đề cần câu giải đáp. Người cư sĩ thấy khó khăn hơn để hòa hợp các yếu tố này. Và những người cư sĩ của thế giới phát triển và chậm tiến lại càng thấy khó tin hơn vào việc đó. Phải nói rằng những điều này là những khái niệm triết học, học thuyết tôn giáo đã được bàn cãi thảo luận và dẫn giải. Giải thích một sự vật tâm thường cũng không thể được nếu không có sự thực hành trong hiện tại hay kinh nghiệm của chính mình. Ánh sáng có thể giảng nghĩa dễ dàng. Nhưng với một người mù thì khó mà có thể giải nghĩa nó giống cái gì. Ta có thể mô tả đường đi hay phương cách để đi tới một nơi nào đó. Ta cũng có thể mô tả một nơi như thế nào nếu ta đã

ở đó. Nhưng không ai có thể cảm thấy hay thực hành nếu tự ta không ở đó. Giống như vậy, những điều này phải được thực hiện bởi cá nhân mình và tự mình. Phật Giáo nói lên con đường do Đức Phật thuyết giảng. Con đường đó đã được giải thích. Những người khác có thể gia nhập để theo. Vượt qua cái đó, không ai có thể giúp đỡ được. Ta chính là vị cứu tinh của ta. Không ai có thể cứu được người khác. "*Attahi attano natho*". Khi ta đã theo con đường này, thực hành tôn giáo này, mở mang tâm trí, ta không thể thất bại trong việc đạt trạng thái toàn hảo và cao nhất của Niết Bàn. Trạng thái đó vẫn nằm trong bàn tay của chúng ta.



4

PHẬT GIÁO VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CỦA THỜI ĐẠI

Tiến Sĩ G.P. Malalasekera

Phật Giáo đặt giải thoát hay Niết Bàn hoàn toàn trong tầm tay con người. Tuy nhiên, nó không đến với ta như một tặng phẩm từ bên ngoài ta; đó là điều tự ta phải đạt được. Không ai có thể tìm mình bên ngoài và chữa khỏi sự chán ghét mình từ những giá trị chủ yếu. Nói một cách khác, Phật Giáo không có chỗ cho một Vị Cứu Thế chịu tội cho người khác để đạt được sự chuộc tội.

Chư Thiên

Phật Giáo thừa nhận có nhiều loại thần được gọi là chư thiên hay vị trời. Tuy nhiên không một vị nào trong những chư thiên này thường còn và bất diệt. Các chư thiên này được thấy tại nhiều cõi sống, một số có tuổi thọ lâu hơn chúng bạn. Tuy nhiên không một vị nào là toàn năng, một số được coi như có thần thông siêu nhân và những ân huệ của họ ta có thể đạt được mặc dầu không phải bằng cầu nguyện và hy sinh. Theo Phật Giáo, những người mộ đạo có thể chia sẻ công đức và có thể truyền cảm tư tưởng từ ái đến chư thiên để cầu khẩn các vị này che chở cho họ.

Cuộc sống trong thế giới chư thiên và tuổi thọ của họ tùy thuộc vào những hành vi tốt làm trong đời quá khứ và khi kho dự trữ các công đức cạn hết, thì các chư thiên sẽ biến mất từ cõi trời và sanh vào một nơi nào đó. Nhiều chư thiên, nếu không phải hầu hết, là tín đồ của Phật mà các đức hạnh được các chư

thiên biết rõ. Họ không may mắn như chúng sanh loài người vì trong thế giới loài người, có nhiều cơ hội làm những điều thiện hơn cảnh giới của chư thiên. Con người có thể chia sẻ công đức đạt được do hành động thiện đến chư thiên.

Hồi Hướng Công Đức

Học thuyết 'hồi hướng công đức' là một phần giáo lý của Đức Phật. hồi hướng như vậy được thực thi bởi người làm điều thiện quyết định là 'ai' có thể cùng hưởng 'công đức' của hành vi thiện của mình. Việc hồi hướng trở nên thực sự hiệu quả khi người thọ nhận ý thức được điều thiện và hoan hỷ trong trường hợp ấy. Điều này gọi là *anumodana* (hoan hỷ về việc đó). Việc hoan hỷ có thể thực thi không cần đến sự hiểu biết của người làm điều thiện. Cái hữu lý đằng sau điều đó là khi một người tìm thấy nguồn vui trong một hành vi thiện khác, dù có hay không có sự hiểu biết của người nhận, tâm của người đó trong sạch, và thanh tịnh và điều này tạo hiệu quả công đức cho chính mình. Sự hoan hỷ có thể thực thi bởi bất cứ ai như một hành động có ý thức và thận trọng. 'Hồi hướng công đức' chính nó là một hành vi thiện, thêm vào công đức của các việc thiện đã làm. Người chia sẻ công đức không mất mát gì mà có thể tích lũy công đức.

Có những chư thiên đặc biệt hay các vị trời có thần thông quảng đại, được coi những người bảo hộ của Phật Giáo. Mỗi xứ Phật Giáo có đền thờ riêng ảnh hưởng chủ yếu là địa phương, tuy cũng có một số ít được cầu khẩn tại bất cứ ở đâu. Có nhiều những chư thiên địa phương được mượn hay áp dụng bởi những tín đồ của tôn giáo khác, nhất là Ấn Giáo trong trường hợp vùng đất của Theravada (Nguyên Thủy). Tại Myanmar, chẳng hạn, người Phật Tử tìm ân huệ nơi (Thiên Vương) Nats, chủ trì vận mệnh người tại nơi này. Tại Nhật Bản, mặt khác, nhiều Bồ Tát (Phật sẽ thành) được cầu khẩn.

Có nhiều những điện thờ các vị thần này, tại đây các người sùng đạo dâng cúng trái cây, hoa như biểu tượng sự tôn kính, cầu nguyện, tụng kinh và nguyện cầu xin ân huệ. Không có sức vật bị cúng tế. Dạng thức của sự thờ phượng này có ảnh hưởng sâu rộng bởi những người tu tập theo tôn giáo hữu thần. Việc này tương đồng với điều Đức Phật nói khi Ngài tuyên bố lúc con người bị khủng hoảng hay lo âu, người dân sẵn sàng đi đến bất cứ nơi đâu để được che chở. Những ân huệ mà họ nguyện cầu liên quan đến việc trần thế. Không có người Phật tử nào tin vào sự sùng bái các thần, dù thần thông mạnh mẽ, ỡ có thể dẫn đến việc mở mang tinh thần.

Niềm Tin

Câu hỏi thường được nêu lên là niềm tin (*Saddha*) có vị trí như thế nào trong Phật Giáo. Tưởng cũng rất hữu ích nhớ lại trong các bản văn kinh điển nguyên thủy tiếng Pali, không có một từ ngữ nào tương đồng với chữ 'Phật Tử'. Dân chúng được phân chia ra làm nhiều hạng theo trình độ của sự phát triển tinh thần. Vậy nên chúng ta có người bình thường, một trong số nhiều người trong dân gian (*puthujjana*), người lương hảo (*kalyana-puthujjana*), người quý phái (*ariya*) và người hoàn toàn (*arahant*). Kinh điển nói đến những người tìm nương tựa nơi Đức Phật, Giáo Pháp của Ngài, và những đệ tử cao quý của Ngài (đoàn thể Tăng Già). Trong Phật Giáo, không có nghi thức 'rửa tội' tuy nhiên có một nghi thức rửa khuôn áp dụng bởi người Phật Tử trong những nước Phật Giáo để bày tỏ hành động 'quy y' có nghĩa là người sùng đạo chấp nhận Đức Phật là vị Đạo Sư, Pháp là triết lý và Lối Sống và Tăng Già (Đoàn thể các Thầy Tu) như những người gương mẫu về Lối Sống.

Đức tin Phật Giáo có nghĩa là chấp nhận trong niềm tin tưởng và kiến thức những nơi nương tựa ấy rất đáng được chấp nhận. Không có 'niềm tin mù quáng', không có trường hợp nào 'không tin thì bị dọa dẫm'. Đức Phật đồng ý có nhiều thầy và nhiều Lối Sống được thuyết giảng bởi các vị thầy này, và có

nhiều tin đồ của các vị thầy ấy và Lối Sống của họ. Mọi người hoàn toàn tự do chọn lựa; không một hạn chế nào trên quyền tự quyết của một cá nhân trong phương diện này. Thực ra có nhiều trường hợp những tin đồ của các vị thầy khác thoái thác các vị thầy này và mong muốn chuyển lòng trung thành với Đức Phật. Ngài làm họ nản lòng và yêu cầu họ hãy nghi kỹ vấn đề hơn nữa. Khi họ còn năn nỉ, Đức Phật khuyên họ nên tiếp tục việc thiện với những vị thầy cũ của họ.

Một đoạn nổi tiếng trong Kinh Kalama, thường được trích dẫn trong phương diện này, là một bằng chứng không bác được của sự tự do chọn lựa này. Đoạn văn khẳng định không nên chấp nhận điều gì chỉ vì lý do truyền thống, quyền thế của vị thầy, hay vì nó là quan điểm của nhiều người, một nhóm người đặc biệt hay ngược lại. Mọi thứ đều phải được cân nhắc, quan sát, và phán xét xem đúng hay sai dưới ánh sáng nhận thức của chính mình. Nếu là sai, không nên bác bỏ chúng ngay mà nên để lại xét thêm nữa. Không phải nghi ngờ được coi là tội ác ghê gớm mà nên được tích cực khuyến khích.

Chánh Kiến và Tà Kiến

Phật Giáo không có sự định nghĩa rành mạch cho những thuật ngữ *Sammaditthi* (chánh kiến) và *Micchaditthi* (tà kiến). Chúng dựa vào quan điểm thực chất là sai hay đúng dù đó là theo người Phật Tử hay những người khác. Không quan điểm nào bị coi như không được xâm phạm vì lý do tôn giáo và không được hỏi. Tự do tư tưởng là một vấn đề nhân phẩm. Cả đến tính giá trị của các lời tuyên bố của chính Đức Phật cũng được hỏi. Đức Phật tuyên bố không có quyền hành gì về học thuyết của Ngài ngoại trừ kinh nghiệm bản thân của chính Ngài.

Quyền hành thực sự là quyền hành mà tự nó có chân lý, chân lý chứng minh chính nó là xác thực. Chân lý như vậy có sức mạnh lớn, sức mạnh có thể làm phép lạ (*saccakiriya*), như được thấy nhiều trong kinh Jataka, một phần gia tài văn hóa của

người Phật Tử. Cho nên, saddha (niềm tin) nên được giải nghĩa như tin cần, tin tưởng hay nhận thức hơn là niềm tin, vì niềm tin có nghĩa rộng không tìm thấy trong khái niệm về *Saddha*.

Hạnh Phúc của Tất Cả Chúng Sanh

Lối sống Đức Phật dạy, đôi khi gợi ý, không có nghĩa đặc biệt dành cho những người có đời sống trong tu viện. Đúng ra, tinh thần không luyến ái phải được phát triển để đạt Niết Bàn có thể thành tựu nhanh bởi nhà sư hơn là người cư sĩ. Nhưng, hoàn toàn là sai khi nói giải thoát hoàn toàn chỉ có thể đạt được bởi nhà sư và người cư sĩ sống tại gia không đạt được. Những bài thuyết giảng của Đức Phật thu thập và hiệu đính bởi Hội Đồng các Trưởng Lão sau khi Đức Phật nhập diệt, gồm nhiều bài giảng cho các nhà sư vì các nhà sư là thính giả chính trực tiếp của Ngài. Nhưng cũng có nhiều bài Ngài giảng cho người cư sĩ. Đôi khi Ngài giảng cho một người.

Trong bài thuyết pháp đầu tiên, gọi là Thiết lập nguyên tắc Chánh Pháp, Ngài phát triển khái niệm về phúc lợi và hạnh phúc của tất cả chúng sanh, không chút kỳ thị, phát xuất từ từ bi cho thế giới. Đó là lần đầu tiên trong lịch sử loài người, như chúng ta biết, lý tưởng về việc thiện chung hay việc thiện phổ thông được vạch ra, ảnh hưởng không những người bình thường mà cả các dân tộc trên thế giới và tất cả những dân cư của vũ trụ. Bài này được mô tả như giáo lý mang kết quả đến ngay trong đời sống này, không chậm trễ, lúc nào cũng có giá trị, có thể kiểm chứng và gây hứng thú cho việc điều tra nghiên cứu.

Sự Đoàn Kết Của Nhân Loại

Đức Phật dạy không những cần có cuộc cách mạng nội tâm trong một cá nhân vì hạnh phúc nhân loại mà cũng cần có cuộc cách mạng bên ngoài trong đời sống xã hội. Cho nên, chẳng hạn, Ngài thuyết giảng căn bản hòa hợp và đoàn kết của nhân loại, không kể đến màu da, chủng tộc và những đặc điểm vật lý

khác - như trong trường hợp của thú vật - và tạo một cuộc cách mạng hủy bỏ chế độ đẳng cấp đang lan tràn thời bấy giờ tại Ấn Độ. Để trình bày khái niệm về sự hòa hợp nhân loại, Ngài hoạt động không chỉ với các vua chúa, các nhà tư bản và các phụ nữ quý tộc mà Ngài cũng hoạt động với người nghèo nhất của người nghèo, với người ăn xin, và những công nhân quét đường, kẻ trộm cắp và phụ nữ mãi dâm.

Ngài thân nhận vào đoàn thể Tăng Già do Ngài thành lập, nam và nữ ở mọi tầng lớp trong xã hội bất kể đến dòng dõi và nguyên quán. Ngài chăm sóc người bệnh và người cơ cực, an ủi kẻ bị ức hiếp và mang hạnh phúc đến người nghèo khổ. Được biết bệnh viện đầu tiên trong lịch sử được thành lập dưới sự lãnh đạo của Ngài. Ngài không xa lánh thế giới sau khi Giác Ngộ, sống 45 năm trong cộng đồng, luôn luôn tìm đến những người cần đến sự giúp đỡ.

Dân Chủ

Ngài đề cao tự do cá nhân, tự do tư tưởng và ngôn luận cùng những lý tưởng dân chủ. Điều ràng buộc với Phật Giáo không mâu thuẫn với sự cởi mở. Đoàn Thể Tăng Già được coi như một thể chế dân chủ lâu đời nhất trên thế giới và coi như một kiểu mẫu cho các nền móng cho các tổ chức, kể cả thể chế chính trị. Quốc gia lý tưởng vạch ra bởi Phật Giáo là quốc gia dân chủ, làm việc phúc lợi vật chất và tinh thần của người dân, bảo đảm tự do chính trị, tôn giáo và cá nhân cũng như an ninh kinh tế với đầy đủ công việc làm.

Phúc Lợi Kinh Tế

Lập kế hoạch cho phúc lợi kinh tế được nhấn mạnh rõ ràng như một phần nhiệm vụ của nhà vua hay quốc gia. Đức Phật nói: ' Nếu điều đó làm đúng, người dân, mỗi người theo nhiệm vụ của riêng mình, không còn quấy rối vương quốc, thu nhập quốc gia sẽ tăng lên, xứ sở sẽ an bình, và dân chúng ai nấy đều vui và sung sướng, nhảy múa với con cái trong tay, sẽ an trú

trong nhà cửa mở toang'. Kinh Mahavatsu nói: ' Thế giới dựa trên hai nền móng: sự đạt được của cái và sự bảo tồn cái đã đạt được. Cho nên muốn đạt được của cái và bảo tồn cái mà bạn đạt được, cần nỗ lực mạnh mẽ, trong phạm vi chánh pháp'.

Quyền Sở Hữu

Nhân dân làm chủ tài sản được ủng hộ tại nhiều nơi trên thế giới, nhất là tại những nơi xã hội chủ nghĩa thống trị. Cho đến nay được biết sự áp dụng đầu tiên nguyên tắc tài sản chung trong một cộng đồng hay xã hội thấy có trong Luật Tạng quản trị Đoàn Thể Tăng Già, nơi mà tất cả tài sản, chuyển động được hay bất động, hay bất cứ một thứ có giá trị kinh tế, thì được giữ như của chung, không có một loại ép buộc nào. Đời sống trong Tăng Đoàn là một đời sống đoàn thể căn cứ trên nguyên tắc tự nguyện đồng lao cộng tác.

Phật Giáo và Nhân Loại

Từ những gì đã nói, cho thấy rằng Phật Giáo quan tâm nhiều đến thế giới này và đời sống của nhân loại trong đó. Phật Giáo tuyệt nhiên không chối bỏ thế giới. Đức Phật mô tả giáo lý của Ngài như một Chúng sanh Sanditthika, chủ yếu quan tâm đến thế giới này, đến đời sống này. Ngay cả hạnh phúc cao nhất, đó là Niết Bàn, sự phấn đấu ngay trong kiếp này. Giáo lý này nhấn mạnh đến nhu cầu tuyệt đối để phát huy tốt nhất từ hiện tại phù du để bảo đảm tương lai phải được kiểm soát vì hạnh phúc của chúng ta. Quá khứ đã qua không lấy lại được. Chỉ có hiện tại có thể cho chúng ta đời sống tốt đẹp. Tương lai chưa đến và tương lai tùy thuộc hoàn toàn nơi chúng ta.

Người Phật Tử không coi thế giới này như một nhà tù mà con người phải đào thoát để lên thiên đường. Đúng hơn là con người tìm kiếm xây dựng thiên đường ngay nơi đây. Người Phật tử không phải là một người duy vật chủ nghĩa, cũng không khinh khi những thuận lợi của văn minh vật chất. Vấn đề không phải là sự chọn lựa giữa cảm giác và tinh thần mà là sự chi phối

tinh thần. Người Phật Tử lý tưởng phải thiết lập sự quân bình giữa bên ngoài và bên trong, giữa những trạng thái bên ngoài của thiên nhiên và thế giới chung quanh chúng ta, và tinh thần tiến bộ do sự chiến thắng lòng vị kỷ. Với người Phật Tử, đời sống là một cuộc phiêu lưu vĩ đại, thường là một cuộc phiêu lưu nguy hiểm. Vấn đề chính là làm sao cái vĩ đại nhất của tất cả các cuộc phiêu lưu có thể dẫn đến kết thúc hạnh phúc.

Toàn Hảo

Người Phật Tử lý tưởng là bậc A La Hán, có nghĩa là toàn hảo. Muốn đạt được lý tưởng này, tất cả những yếu tố chống lại hạnh phúc này phải bị loại bỏ không phải cho riêng mình mà cũng cho tất cả các sự vật có đời sống. Người Phật Tử không thể tìm phúc lợi cho cá nhân mình, mà không quan tâm đến người khác; phúc lợi của mình gắn bó với phúc lợi của toàn thể giới. Vậy nên huấn thị của Đức Phật là người thiện phải *sabba-panabbhutahitanukampi*, quan tâm sâu xa và hoạt động tích cực vì hạnh phúc và phúc lợi không những chỉ cho con người mà cho tất cả các sinh vật.

Ở bất cứ nơi nào Phật Giáo đến, Phật Giáo khuyến khích sự phát triển văn minh và văn hóa bằng khoan dung, nhân từ, cảm thông và hiểu biết, hai đức hạnh song đôi *Karuna* (từ bi) và *Panna* (trí tuệ), hai đức hạnh này hình thành hai cương lĩnh chính của học thuyết Phật Giáo.

Thế Giới Tiên Tiến

Nét đặc thù phân biệt của thế giới hiện đại là độ lớn và tốc độ của tiến trình thay đổi. Ngày nay chúng ta chứng kiến sự thay đổi hầu như không thể tin được trong sự biến đổi hoàn toàn và mạnh mẽ của tất cả thể chế nhân loại trong mọi lãnh vực hoạt động của con người. Đúng là những thuận lợi hấp dẫn của khoa học và kỹ thuật đã phá hoại cái dây neo của một lối sống ổn định có đặc tính đạo đức riêng, ném đa số người lênh đênh

trong thế giới xa lạ và khó khăn. Thế giới thay đổi nhanh đến nỗi không kịp nhận ra.

Nhưng những tiến bộ này cũng mang sự giải phóng đến cho nhân loại trong nhiều phương diện. Chúng đã cho chúng ta những thành quả vĩ đại về xã hội và tri thức và những phương tiện để diệt nạn đói và nghèo khổ. Xã hội đã liên kết với nhau chặt chẽ chưa từng có, và đáp ứng nhu cầu và đòi hỏi của con người nhiều hơn. Sự lầm lỗi không phải ở những sản phẩm của tiến bộ khoa học và kỹ thuật mà là sự thất bại của chúng ta trong việc sử dụng chúng thích đáng và khôn ngoan.

Trong bất cứ trường hợp nào, chúng ta không thể ngưng thế giới; thế giới luôn thay đổi, vì thay đổi, như Đức Phật nói, là sự thật căn bản của đời sống. Không có cuộc cách mạng nào có thể chấm dứt được sự tự nó thay đổi. Đó là cái đẹp của thay đổi. Không có sự thay đổi liên tục, cách mạng ngày qua trở thành tập quán ngày nay, và tập quán ngày nay trở thành chuyên chế ngày mai. Sự sống còn của chúng ta gắn bó với thay đổi. Do đó người hiện đại phải thấy rằng Phật Giáo đặc biệt thích hợp cho thời đại chúng ta. Phật Giáo chấp nhận sự thay đổi; thực ra, thế giới được xây dựng trên chân lý về sự thay đổi không ngưng và liên tục. Chúng ta phải học hỏi, hiểu dòng sông lúc nước chảy.

Chúng ta phải trau dồi đặc tính phục hồi nhanh sức mạnh, khả năng áp dụng, thích nghi và linh động. Thời điểm chúng ta đi đến những kết luận cứng rắn và từ chối xét các điểm dị biệt, chúng ta ngưng là người thông minh. Quan điểm của chúng ta có khuynh hướng làm cho giáo điều cứng thêm và giáo điều làm chúng ta bướng bỉnh trong tính ngoan cố của chúng ta. Những thử thách mới đòi hỏi chúng ta đáp ứng mới. Nếu mỗi cá nhân cẩn thận tránh giáo điều, toàn bộ cộng đồng trở thành một xã hội rộng mở có thể đem đến một đời sống tốt đẹp.

Những Khó Khăn Nhân Loại Phải Đối Phó

Những khó khăn nhân loại phải đối đầu rất nhiều. Chúng ta có những khó khăn về lương thực, kỹ nghệ, nhân công, lương bổng, thất nghiệp, cơ hội bất bình đẳng, khoảng cách giữa người giàu và người nghèo, đó là một vài việc đề cập đến. Những khó khăn này hình như phức tạp, đương nhiên phức tạp, nhưng điều mong mỏi của một người bình thường chỉ là một điều tầm thường. Người ấy chỉ mong muốn được sống trong hòa bình và hạnh phúc, với tự do được xây dựng cái thế giới nhỏ bé của mình, trong phẩm cách của con người.

Người ấy cũng cần đến tình bạn bè, hiểu biết, tình thương và điều hy vọng cho mình và con cái, cả kiếp này và kiếp sau. Ở nhiều nơi trên thế giới, những nhu cầu căn bản đó cũng không thể có được. Chẳng tìm thấy an ninh và công bằng thấy trên hoàn vũ. Sự bất trắc vàù bất an trở thành một tai họa chết người khắp hoàn vũ cả giữa những người giàu lẫn người nghèo, đôi khi đem lại thờ ơ và lãnh đạm, đôi khi lo âu, căng thẳng và đảo lộn. Khoa học thất bại trong việc tìm kiếm bí mật của hạnh phúc. 'Chinh phục thiên nhiên' không thành công trong việc đạt được sự sung túc và hòa bình. Điều này không làm cho chúng ta ngạc nhiên vì Đức Phật dạy chúng ta hạnh phúc chỉ có thể đạt được khi sống hòa hợp với Pháp, tức với thiên nhiên, với cái đẹp và huy hoàng của nó. Chân lý là, là nhân loại, nói chung không hạnh phúc, hết sức khổ sở.

Cho nên tình hình hình như hết sức phức tạp và có thể không có giải pháp. Tuy nhiên, nếu chúng ta nghiên cứu cẩn thận vấn đề với kiến thức và hiểu biết, chúng ta nhận thức rằng những khó khăn hiện đại căn bản không khác biệt gì với những khó khăn kinh niên đã làm đau đớn người dân trong tất cả các thời đại và ở mọi miền. Nếu những khó khăn hiện đại khác biệt những khó khăn của tổ tiên chúng ta, đó chỉ là cùng vấn đề nhưng lớn hơn về số lượng và nhiều loại hơn.

Vậy thì, giáo lý căn bản của Đức Phật, như chúng ta đã thấy, là chẳng có gì xảy ra ngoại trừ là kết quả của nguyên nhân. Một khi những nguyên nhân được điều tra và được hiểu, người ta sẽ tìm được giải pháp. Người ta thường cho rằng những giải pháp của các bậc hiền triết đời xưa như Đức Phật, quá đơn giản, không đủ hiệu quả để giúp đỡ chúng ta trong giải pháp trước những khó khăn cực kỳ phức tạp đang tác động lên cá nhân và xã hội trong đời sống hiện đại. Thông điệp của Đức Phật đề cập đến tình trạng căn bản khó khăn của con người khiến thông điệp này lúc nào cũng có giá trị và hợp thời. Thông điệp này hướng dẫn đến hành động về phương diện tư tưởng, lời nói và hành vi. Mỗi thế hệ kế tiếp có thể và phải khám phá ra cái thích đáng của thông điệp này cho việc giải quyết khó khăn của mình.

Hạnh Phúc Cao Nhất

Giáo lý của Đức Phật nói hạnh phúc tối cao là hòa bình và không có hạnh phúc thực sự nếu không có hòa bình. Thế giới bị quần trí bởi sợ hãi và đe dọa của chiến tranh. Những quốc gia dính líu đến chiến tranh trở thành công xưởng đáng sợ làm vũ khí đạn dược cho quân sự, tiếp tục việc buôn bán và kiếm lời cho những lái buôn cái chết và phá hoại: đi theo sau lý tưởng đầy mâu thuẫn không những chỉ binh lính quân đội mà còn hàng ngàn đàn ông, đàn bà, trẻ con vô tội bị thảm sát tàn nhẫn và các thiệt hại không kể siết làm hại đến đất đai và tài sản. Không có gì có thể thoát khỏi cái ác liệt và điên cuồng của trận chiến, và kết thúc đi đến đâu? 'Hận thù không thể chấm dứt được bằng hận thù' Đức Phật tuyên bố 'chỉ có tình thương', và 'chiến thắng nuôi dưỡng ác tâm', 'và kẻ chiến bại chẳng hạnh phúc'. Trên nhiều nơi trên thế giới, những đám mây chiến tranh đe dọa, không khí đầy bạo động trong tư tưởng, lời nói và hành động.

Vậy thì, đó là nhiệm vụ của tôn giáo - tất cả các tôn giáo. Chỉ có tôn giáo mới có thể ảnh hưởng đến sự chuyển hóa cần thiết

của tâm - tôn giáo không phải chỉ gồm có thực hiện các nghi thức và các cuộc lễ nghi hay thuyết giảng các bài pháp, mà là đời sống có tính chất thiêng liêng và nội tâm an lạc mà kết quả giải trừ quân bị trong tâm, làm tâm người giận, đó là sự giải trừ quân bị thật sự.

Gốc Rễ - Nguyên Nhân Chiến Tranh

Đức Phật dạy chúng ta con đường duy nhất để đạt hòa bình là loại bỏ gốc rễ - nguyên nhân chiến tranh: tham lam, sân hận và si mê. Ngày nay, thế giới phân chia thành nhiều nhóm tư tưởng khác nhau, với khối sức mạnh, họ dành cả tâm trí và năng lực vào công việc chiến tranh tiêu cực, vô ích. Thế giới không thể có hòa bình cho đến khi nào con người và quốc gia từ bỏ ham muốn ích kỷ, bỏ cái cao ngạo chủng tộc, và tẩy sạch cái thèm khát ích kỷ muốn chiếm hữu và quyền hành. Lý tưởng chia rẽ đem đến xung đột. Lý tưởng mang nhiều dạng thức khác nhau: chính trị, tôn giáo, kinh tế, xã hội và giáo dục. Lý tưởng là một sự thoát ly thực tế. Nó làm cho con người hung bạo và giam cầm con người trong cuồng tín và bạo lực.

Chính trong tâm con người những lý tưởng mâu thuẫn ấy phát sanh, dẫn đến căng thẳng và chiến tranh, thì cũng chính nơi tâm con người những xung đột ấy có thể diệt trừ để nhân loại có thể tràn đầy những tư tưởng hòa hợp và hòa bình. Đức Phật tuyên bố tâm đứng đầu, kiến tạo của mọi việc, tốt hay xấu, khi tâm tẩy sạch các tội lỗi, hòa bình và hạnh phúc sẽ ngự trị.

Tôn giáo, nếu đúng là tôn giáo thực sự, phải lấy toàn bộ con người làm phạm vi của nó chứ không phải chỉ một vài khía cạnh cuộc sống con người. Người thiện, có nghĩa là người theo tôn giáo, hiểu không có hòa bình và hạnh phúc trên trái đất chừng nào còn có nghèo khổ và thiếu ăn, bất công và áp bức, pháp chế kỳ thị, phân biệt chủng tộc, bất lực xã hội và bất bình đẳng, bị sợ hãi gặm nhấm, ngờ vực và nghi kỵ lẫn nhau. Tự trọng cũng cần thiết cho

hạnh phúc như thực phẩm, không có tự trọng nơi những người không có cơ hội để đạt được sự phát triển hoàn toàn về nhân cách.

Khó Khăn Của Thế Giới

Ngày nay những khó khăn mà nhân loại phải đương đầu, đe dọa tổng thể cấu trúc của nhân loại là những khó khăn thế giới không phải chỉ cô lập tại vùng địa dư này hay vùng địa dư kia. Cho nên, giải pháp phải được tìm kiếm ở cấp thế giới. Điều này liên quan đến quan niệm mới, về phần chúng ta, về các quan hệ con người, không chỉ trong gia đình, tại nhà, thị trấn, làng mạc, hay xứ sở của chúng ta, mà là trong bối cảnh thế giới. Phải có nhu cầu giáo dục đàn ông cũng như đàn bà về lãnh vực các tai hại của tinh thần quốc gia hẹp hòi, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, màu da và tín điều. Bất khoan dung, kiêu căng và tin mù quáng - chúng cố gắng phản đối và phỉ báng dân tộc khác, văn hóa khác, tôn giáo khác, lối sống khác - Những thứ ấy phải được loại bỏ nếu chúng ta muốn tìm hòa bình.

Quá Khứ Tai Hại

Phải thừa nhận rằng tôn giáo trong nhiều phương diện, có một quá khứ tai hại phải chuộc lại. Quá thường xuyên, nhiệm vụ tôn giáo trước nhân loại đã phải chịu những đòi hỏi khẩn cấp của hoạt động chính trị quốc gia hay tỉnh lẻ và những âm mưu bất chính để bành trướng và chinh phục. Trong thời đại cổ xưa, hầu hết những cuộc chiến tranh quốc gia đều là chiến tranh tôn giáo. Tôn giáo đã chôn vùi hình ảnh của mình bằng tầng tầng lớp lớp lễ nghi và tín điều rườm rà, các nghi vấn về tổ chức giáo hội, và tính "không thể sai lầm" của các sách vở và nhân vật tôn giáo. Làm như vậy tôn giáo tự thu hẹp chính mình để trở thành một thứ nghề tu sĩ, thành chủ nghĩa tăng lữ thần quyền, chỉ còn chăm lo cho của cải và đặc quyền của Giáo Hội.

Thế Tục Hóa

Cho nên người hiện đại có quyền hỏi, tôn giáo dùng làm gì cho chúng tôi ở thời đại này. Họ sẽ lập luận rằng tôn giáo đó phục vụ cho mục đích của tôn giáo đó, cho nên hãy để cho nó chết. Đó là nguyên nhân chính mà tôn giáo bất cứ ở chỗ nào cũng phải đương đầu. Vì vấn đề phát xuất từ thế tục hóa nhiều ít rất phổ thông cho tất cả các tôn giáo thế giới, không cần phải đặc biệt xem xét đặc biệt chúng tại đây.

Tuy nhiên cái nghiêm trọng của chúng là những vấn đề liên quan đến giới trẻ của thế giới mà những mối lo âu về chúng hiện hữu nơi những thế hệ già và nhất là nơi các vị lãnh đạo của nhiều tôn giáo. Những nỗi lo âu này tập trung chủ yếu vào bạo lực đang lan tràn trong nhiều phong trào thanh niên và việc dùng các chất say và ma túy bởi một số rất đông thanh thiếu niên nam nữ. Cả hai, những yếu tố này dường như là dấu hiệu của căn bệnh gốc rễ thâm sâu, giống như những bệnh khác, phải do kết quả của những nguyên nhân nào đó. Đó là những nguyên nhân mà chúng ta phải khám phá ra trước khi chúng ta có thể nghĩ cách chữa trị.

Các Tầng Lớp Văn Hóa

Trong hầu hết các quốc gia trong thế giới hiện đại, dường như có ba lớp văn hóa rõ rệt. Thứ nhất là văn hóa truyền thống của những đức tính đơn giản có quan điểm bảo thủ gọi là văn hóa trong trạng thái bình thường phấn đấu để duy trì giá trị cổ xưa đã được tôi luyện trong thử thách khắc nghiệt của cuộc sống. Thứ hai là xã hội có tổ chức kỹ thuật tiên tiến quan điểm phóng khoáng cố gắng thích nghi với những thay đổi đang xảy ra chung quanh với tốc độ chóng mặt. Thứ ba là cái gọi là 'phản văn hóa', tượng trưng cho đầu óc bình dân của những người gọi là hippies, tóc dài, bề ngoài cầu thả, nghi ngờ niềm tin và giá trị, sở thích của họ là nhạc rock, tự do nhục dục, ham mê các chất say và ma túy với biểu tình rầm rộ, quay về lối sống của

công xã hay bộ lạc, trở về với Thiên Nhiên trong cái mà họ gọi là 'chủ nghĩa thẩm mỹ tuyệt đối'.

Nhóm chống lại văn hóa này thường bị hai văn hóa kia nhìn bằng con mắt sợ hãi và khinh khi. Tuy nhiên cũng có những người, đã nghiên cứu kỹ về nhóm chống văn hóa này, xác nhận rằng hình ảnh này là sai, nông cạn và chỉ có bề ngoài, và cách hành xử không chính thống của họ chỉ là phương tiện chống lại xã hội đã được thiết lập mà chúng coi như hoàn toàn bị thúc đẩy bởi thành kiến và tư lợi.

Dưới ánh sáng của những gì đã nói, tôn giáo phải có thái độ thế nào với những người đó ở thời đại tiên tiến này mà người ta thấy họ ở khắp nơi, có chỗ nhiều chỗ ít? Chắc chắn, phải là một thái độ khoan dung và thông cảm, và trên hết, thái độ của sự hiểu biết, mềm dẻo và thích nghi.

Xin đừng quên một số các nhà lãnh đạo tôn giáo chính họ cũng là người cách mạng. Đức Phật, chẳng hạn, là một trong những nổi dậy vĩ đại nhất trong lịch sử nhân loại. Ngài phủ nhận những điều được mệnh danh là đúng mà ở thời Ngài tôn giáo căn cứ vào, và mang lại cho sự tìm kiếm tôn giáo một định hướng hoàn toàn mới. Ngài không chấp nhận tính thành thật của những người Vệ Đà hay sức mạnh của chức danh thầy tu. Ngài bác bỏ cái ảo tưởng cho rằng những khó khăn của con người có thể giải quyết bằng nghi lễ thiêng liêng và bùa phép. Ngài là kẻ thù bị nguyên rủa của hệ thống đẳng cấp mà toàn bộ cấu trúc của xã hội Ấn Độ dựa vào. Ngài bị chế diễu và khủng bố và vài mưu hại đã xảy ra trong đời Ngài.

Những Đặc Tính Nổi Bật

Trong 2500 lịch sử, Phật Giáo đã đương đầu thành công trước các thử thách gặp phải. Mềm dẻo và khoan dung là những đặc tính nổi bật nhất. Không có những thể chế cấp bậc và không có tín điều cứng nhắc. Ảnh hưởng ôn hòa của Phật Giáo được chứng minh bởi văn hóa và văn minh phát triển tại các quốc gia

được tôn giáo này truyền đến. Bức thông điệp Phật Giáo cho người hiện đại cũng mạnh mẽ như thời Đức Phật. Phật Giáo không hứa hẹn những căn bệnh mà nhân loại phải chịu có thể giảm bớt trong bất cứ một đường lối nào đó của xã hội. Trong khi bác bỏ bất cứ tội bầm sinh nào của con người, Phật Giáo tuyên bố sự giải thoát là vấn đề cá nhân và chỉ có thể đạt được bằng hạnh kiểm đạo đức và giáo dục tinh thần. Toàn bộ giáo lý của Đức Phật được chính Đức Phật tóm tắt như sau:

"Tránh làm điều ác, làm điều thiện, thanh lọc tâm ý - đó là thông điệp của Đức Phật".

Chủ Nghĩa Thực Dân

Trong bốn, năm thế kỷ vừa qua, Phật Giáo bị đau khổ vì chủ nghĩa thực dân tại nhiều quốc gia Á Châu, bởi ngoại chiến và nội chiến và nỗ lực có chủ tâm của những tín đồ tôn giáo khác nhằm làm suy yếu và diệt trừ Đạo Phật. Tăng Già gìn giữ giáo lý tồn tại được hưởng sự bảo trợ của những người có quyền lực, đã bị phá rối và suy yếu vì sức mạnh vượt quá sự kiểm soát của Phật Giáo.

Nhưng viễn cảnh lại một lần sáng tỏ hơn. Sự thống nhất Phật Giáo đã được tạo dựng bởi những tổ chức như Hội Ái Hữu Phật Tử Thế Giới và Hội Đồng Tăng Già Thế Giới đã hợp nhất Đại Thừa và Nguyên Thủy để cùng theo một chương trình hành động. Mù chữ và nghèo khổ là vấn đề quan trọng mà những người Phật Tử cần phải vượt qua. Tăng Già phải được giáo dục để đáp ứng với nhu cầu hiện đại. Phật Giáo không bao giờ là một tôn giáo tiêu cực và dễ sai khiến. Phật Giáo là một trong những lực lượng văn minh vĩ đại của thế giới.



5

TẠI SAO CÓ ĐẠO PHẬT?

Hòa Thượng Tiến Sĩ K. Sri Dhammananda

Sự Hình Thành Các Tôn Giáo

Trước khi bàn luận về đề tài "*Tại sao có Đạo Phật*", chúng ta phải tìm xem tư tưởng tôn giáo bắt đầu trong tâm trí con người lúc ban đầu như thế nào. Hàng ngàn năm qua, khi con người bắt đầu suy nghĩ về các loại hiện tượng thiên nhiên trên thế giới, họ nhận thấy có nhiều việc kỳ lạ xảy ra. Khi một số lực thiên nhiên hay các hiện tượng không thuận lợi, con người đau khổ. Con người đã chứng kiến những biến cố tai họa, khủng khiếp. Rồi con người bắt đầu nghĩ cách ngăn ngừa những điều kiện không thuận lợi gây sợ hãi, nghi kỵ, bất an, căng thẳng và đau khổ này. Con người biết nhiều những điều này vượt quá tầm hiểu biết, cho nên nghĩ rằng có một sức mạnh siêu nhiên vô hình đằng sau những việc xảy ra ấy. Những việc xảy ra này rất khó hiểu cho nên họ nghĩ rằng đó là công việc của các "thần thánh". Con người bắt đầu tôn sùng các vị này, giết thú vật đem cúng tế với hy vọng làm vừa lòng các sức mạnh siêu nhiên ấy. Con người cũng bắt đầu tán thán và tôn thờ để tạ ơn khi một số hiện tượng đem thuận lợi, nghĩ rằng những việc làm này là do hành động của thần thánh. Mục đích của những thực hành này là để có sự che chở và phước lành của các thần thánh hầu được sống trên thế giới này mà không phải đương đầu với nhiều khó khăn. Khi những khái niệm này bắt đầu phát triển, một số việc làm quan trọng khác cũng được hợp nhất. Có những nghi thức, nghi lễ, các cuộc lễ hoặc hội hè. Từng cộng đồng riêng rẽ tổ chức các lễ nghi theo nhu cầu khu vực địa dư. Khi có một khối lượng

các nghi lễ và tư tưởng triết lý đủ lớn, 'tôn giáo' trở thành một phần thực chất của mỗi nền văn minh.

Sự hình thành tôn giáo được xây dựng bởi con người lúc khởi thủy để tự bảo vệ vì sợ hãi, nghi kỵ, bất an và hiểu lầm đời sống và hiện tượng thiên nhiên. Những điều đó là nền tảng của tôn giáo giống như các vật liệu như gạch, đá, cát, xi măng, và đất được dùng để làm nền móng cho một tòa nhà.

Sau đó con người tô điểm tòa nhà tôn giáo này bằng cách giới thiệu niềm tin, lễ vật, cầu nguyện, lời nguyện, hình phạt, luân lý và đạo đức dưới danh nghĩa của thánh thần để có thể kiểm soát nhân loại, và cũng để tìm ra một nơi trường cửu gọi là thiên đường cho hạnh phúc và an lạc vĩnh viễn của linh hồn.

Sự Thành Lập Phật Giáo

Sau này, một tôn giáo gọi là "Đạo Phật" xuất hiện nhưng chúng ta thấy Đức Phật không dùng những niềm tin cổ. Ngài không khai thác khái niệm thánh thần, thuyết linh hồn, địa ngục vĩnh viễn hay thiên đường bất diệt để hình thành Đạo Phật. Ngài không khai thác sợ hãi và những quan điểm méo mó về hiện tượng thiên nhiên để hỗ trợ cho tôn giáo của Ngài. Ngài cũng chẳng đòi hỏi niềm tin mù quáng hay nghi thức hay nghi lễ không cần thiết. Ngài không tin vào sự tự hành xác, bắt chịu hình phạt hay tuân hành điều răn trong việc truyền bá Đạo Phật. Ngài cũng không tìm quyền hành ở bất cứ một lực lượng thiêng liêng bên ngoài nào để củng cố lập luận của Ngài. Ngài sử dụng hoàn toàn tư tưởng nguyên thủy hay những thứ như Chánh Kiến về đời sống, thế giới và hiện tượng thiên nhiên hay luật vũ trụ và đặc điểm thực sự của tâm và vật, yếu tố và năng lượng, luân lý và phát triển tinh thần, kỷ luật, huấn luyện tinh thần và thanh tịnh hóa, trí tuệ và giác ngộ để xây dựng tòa nhà tôn giáo gọi là Đạo Phật. Đúng Ngài đã dùng một số chất liệu tôn giáo sử dụng bởi một số nhà tôn giáo vào thời đó như Nghiệp- hành động và phản ứng, tái sinh và một số nguyên tắc

giới luật nhưng không làm như đường lối họ làm hay cùng theo một ý nghĩa. Ngài thanh lọc chúng và trình bày trong một đường lối hữu lý và khoa học.

Một Tôn Giáo Độc Lập

Đạo Phật không phải là một tôn giáo pha chế hỗn tạp hay thành lập bằng những tư tưởng đạo lý linh tinh. Đức Phật không thu thập các chất liệu tôn giáo khác hay tư tưởng triết lý nơi này nơi kia. Đạo Phật có đặc tính và tính cách riêng.

Vì hiểu rằng không một vị thầy tôn giáo nào đã tìm ra Chân Lý Tuyệt Đối và một công thức trường cứu cho sự giải thoát cuối cùng, Ngài chỉ ra rằng một số các nhà tư tưởng chỉ phát triển một số quyền lực trần thế, có thể đạt được sự phát triển tinh thần ở một mức độ nào đó mà không thanh tịnh hóa hoàn toàn tâm trí, thoát khỏi tất cả những niềm tin dị đoan, ô trược, ảo tưởng, ám ảnh, tưởng tượng, ảo giác và vô minh.

Ý nghĩa thực sự hay mục đích tôn giáo có thể hiểu được khi chúng ta nghiên cứu Đức Phật trình bày như thế nào về 'lối đạo lý cao thượng'. Nếu chúng ta dùng từ ngữ 'tôn giáo' khi bàn luận giáo lý của Đức Phật, chúng ta cũng phải hiểu sự giải thích khác biệt về từ ngữ này của các tôn giáo khác. Rồi ai nấy đều có thể hiểu được "Tại sao có Đạo Phật" lại cần thiết trong khi đã có quá nhiều các đạo khác trên thế giới.

Không Giáo Điều

Đức Phật loại bỏ một số quan niệm sai lầm duy trì bởi con người từ hàng ngàn năm. Niềm tin cho rằng linh hồn là một thực thể vĩnh viễn tạo ra bởi Thượng Đế đã phải nhượng bộ khi Đức Phật đưa ra những lý do xác đáng tại sao khái niệm này sai và tại sao không có một thứ gì như vậy là một thực thể vĩnh viễn. Theo Đức Phật, đó chỉ là mộng. Niềm tin này hiện hữu trong tâm trí con người chẳng khác gì màu sắc của cái cầu vồng không phải là thực. Đức Phật giải thích ý kiến về linh hồn chỉ là

sự hiểu lầm trong ý thức con người. Khái niệm về linh hồn là một vấn đề quan trọng trong mọi tôn giáo, nhưng chỉ có Đức Phật tuyên bố rõ ràng không có một lý do nào cho chúng ta tin vào sự hiện hữu của linh hồn.

Thí dụ, ngày ấy, mọi người đều tin tưởng mặt trời và mặt trăng thường nhật quay xung quanh trái đất. Dân chúng có niềm tin ấy do sự thiếu kiến thức về thái dương hệ. Nhưng khi Copernicus chứng minh không phải mặt trời hay mặt trăng xoay chung quanh trái đất mà là trái đất xoay xung quanh mặt trời, rồi thì dần dần ta nhận thức được đó là sự thật.

Ta còn có một quan niệm sai lầm nữa về trái đất. Hàng ngàn năm, người ta tin tưởng trái đất bằng phẳng. Galileo chứng minh trái đất tròn, không bằng phẳng. Sau này ta nhận thấy Galileo đúng. Khi Copernicus khám phá ra mặt trời là trung tâm của thái dương hệ, ta nhận thấy niềm tin trước đây cho trái đất là trung tâm vũ trụ sai.

Cho đến Thế Kỷ Thứ 19, nhiều nhà triết lý cổ tin tưởng nguyên tử là thực thể vật chất tối hậu, không thể tách ra được nữa, nhưng nay các khoa học gia hạt nhân đã tách ra được.

Lý thuyết tiến hóa hình thành bởi Charles Darwin bác bỏ thuyết sáng tạo phổ cập cho là đời sống do Thượng Đế tạo ra. Những nhà địa chất, sinh vật học, và sinh lý học cũng giải thích rất rõ ràng phải mất cả hàng triệu năm mới có dạng thức đầu tiên của đời sống trên trái đất. Những khám phá này chưa bao giờ mâu thuẫn với giáo lý của Đức Phật. Những khám phá hiện đại của sự phát triển từng bước trong đời sống khoáng chất, thực vật, các vật sống khác và các chúng sanh đều phù hợp với giáo lý của Đức Phật.

Khi chúng ta nghiên cứu những giải thích của Đức Phật về vũ trụ, chúng ta thấy Ngài ghi nhận sự hiện hữu của một số chúng sanh may mắn hay bất hạnh không những trên thế giới này mà cũng cả trên các hành tinh khác.

Những nhà khoa học và thiên văn học hiện đại không thành kiến về vấn đề này, đều thừa nhận có thể sự hiện hữu của một số chúng sanh trên một số hành tinh khác.

Nhiều niềm tin truyền thống giống y như những niềm tin của người thượng cổ về hệ thống thế giới và nguồn gốc của đời sống. Nhưng giáo lý của Đức Phật xác nhận những khám phá mới.

Đức Phật không tán thành niềm tin cho rằng những nghi thức và nghi lễ tôn giáo là phương tiện duy nhất để tìm sự giải thoát. Theo Đức Phật, sự phát triển về luân lý, tập trung, và thanh tịnh tâm trí là những khía cạnh quan trọng trong cuộc sống đạo lý dẫn đến giải thoát cuối cùng.

Ngài vạch rõ một người có đạo lý phải sống một cuộc đời không hại ai, không bị khiển trách, đáng kính, đứng đắn, cao thượng và trong sạch. Chỉ bằng hành động cầu nguyện và dâng cúng lễ vật tự nó không thể làm thành con người có đạo lý hay đạt được sự toàn bích và giải thoát.

Đức Phật khuyên con người kiềm chế không làm những việc tội lỗi. Lý do tránh xa tội lỗi là vì hạnh phúc của chúng sanh chứ không phải vì sợ một thượng đế hay hình phạt. Đồng thời Ngài khuyên chúng ta trau dồi phẩm hạnh người thiện, thực hành những hành vi lương hảo hầu giúp đỡ người khác không chút động cơ vị kỷ.

Đức Phật là vị đạo sư duy nhất ca ngợi trí thông minh con người. Ngài khuyên chúng ta không nên trở thành nô lệ cho những những tác nhân bên ngoài mà phát triển tiềm năng ẩn tàng với lòng tự tin.

Ngài cũng vạch rõ con người chịu trách nhiệm về mọi thứ trên thế giới này. Đau khổ hay sung sướng cả hai đều do con người tạo ra, và con người có thể loại bỏ đau khổ và duy trì hòa bình hạnh phúc và trí tuệ bằng việc sử dụng nỗ lực của mình mà

không lệ thuộc vào sức mạnh bên ngoài. Tâm trí con người không huấn luyện chịu trách nhiệm về tất cả những tai ương, rối loạn mà chúng ta gặp phải ngày nay. Đồng thời tâm trí con người nếu sử dụng đích đáng, có thể thay đổi hoàn cảnh bất hạnh này, có thể biến thế giới thành hòa bình, hạnh phúc cho mọi người sống. Điều này chỉ có thể thực hiện nhờ nghị lực tinh thần trong sạch của một người hiểu biết qua rèn tập.

Đối Đầu Với Thực Tế

Tôn giáo này lúc nào cũng khuyến khích con người đối mặt với những sự kiện của đời sống, chấp nhận sự thật dù nó thế nào, không hành động như người đạo đức giả. Cho nên, người Phật Tử không bác bỏ những sự kiện thuộc về những vấn đề vật chất khám phá ra bởi những nhà tư tưởng và khoa học gia vĩ đại. Mặc dù Đức Phật chú ý nhiều đến việc phát triển tinh thần, nhưng Ngài chẳng bao giờ chảnh mảng sự tiến bộ vật chất của con người trên thế giới. Trong giáo lý của Ngài, chúng ta có thể thấy vang vọng lời khuyên thực tiễn có cơ sở cho con người hoạt động thích đáng không phí phạm thì giờ và nỗ lực quý báu, đồng thời hành động khôn ngoan cho sự tiến bộ của loài người. Ngài dạy con người phải chu toàn nhiệm vụ đối với gia đình, thân quyến, bè bạn, cộng đồng, xứ sở và cả toàn cầu.

Cho nên, người Phật Tử không nên quên nhiệm vụ và bổn phận làm cho thế giới hạnh phúc và hòa bình bằng cách đóng góp trong phạm vi khả năng của mình. Ngài cũng chẳng bao giờ can thiệp vào những công việc của chính phủ hay những luật lệ hợp lý đặt ra bởi chính phủ. Ngài cũng chẳng bao giờ chống lại tập tục xã hội và truyền thống nếu những điều ấy vô hại và có lợi ích cho xã hội. Đồng thời Ngài cũng chẳng bao giờ tìm đến quyền lực chính trị hay quân sự để giới thiệu giáo pháp về đời sống của Ngài mặc dù vua chúa và các quan đại thần là đệ tử của Ngài.

Tôn giáo này dạy chúng ta phục vụ tha nhân, hy sinh tiện ích riêng tư để cứu nhân loại đang đau khổ, tôn trọng các giới cấm đạo lý hay kỷ luật tự giác, mà không bị áp đặt của điều răn của một quyền năng vô hình nào đó. Tôn trọng nguyên tắc thiện theo nhận thức riêng của mình không những chỉ giúp cho chính ta có cơ hội được toàn hảo mà cũng giúp đỡ người khác sống trong hòa bình.

Sự toàn bích này là mục tiêu cao nhất một con người phải đạt cho được để rồi đạt giải thoát. Việc này không thể đạt được nhờ ảnh hưởng của bất cứ một thượng đế nào hay một tác nhân trung gian nào. Theo tôn giáo này, chúng ta có thể nhìn thấy kết quả của những hành động xấu hay tốt ngay trong đời này. Hạnh phúc thiên đường hay Niết Bàn có thể chứng nghiệm ngay trong đời này. Không cần thiết phải chờ đợi đến sau khi chết mới biết kết quả như thường được dạy ở nhiều tôn giáo khác.

Cho nên tại sao Đức Phật khuyên ta đến và xem giáo lý của Ngài chứ không phải đến để tin suông. Ngài cũng khuyên ta nên chọn một tôn giáo thích hợp bằng cách nhận xét kỹ và điều tra nghiên cứu bằng mọi cách chứ không chấp nhận bằng xúc cảm hay niềm tin mù quáng. Do đó tại sao người ta gọi Đạo Phật là một học thuyết về phép phân tích. Ở nơi tôn giáo này, chúng ta thấy học thuyết về phép phân tích và tâm lý về tâm và vật mà những nhà tư tưởng hiện đại đánh giá cao.

Luật Vũ Trụ

Đức Phật là người thầy khám phá ra bản chất thực sự của luật vũ trụ vạn năng và khuyên ta nên sống phù hợp với định luật này. Ngài ghi nhận, những kẻ vi phạm luật này, như chống lại thiên nhiên, sống cuộc đời vô luân, phải đương đầu với những hậu quả.

Ngày nay chúng ta có thể thấy nhiều bằng chứng về điều này. Từ khi có cuộc cách mạng kỹ nghệ ở thế kỷ vừa qua, nhiều vùng

đất rộng lớn trên trái đất bị tàn phá, dòng sông bị ô nhiễm đến mức không sao có thể phục hồi vì sự thiệt hại gây nên cho tài nguyên thiên nhiên của chúng ta. Nguyên nhân trực tiếp gây nên là do sự tham dục quá mạnh của cái vật chất, và sự thiếu hiểu biết về sự quân bình tốt đẹp giữa Người và Thiên Nhiên.

Không thể nào thoát khỏi được phản ứng của định luật vũ trụ đơn giản bằng cầu nguyện thượng đế vì lẽ luật vũ trụ vô tư. Nhưng Đức Phật đã dạy chúng ta cách ngăn chặn một số phản ứng của một số việc làm xấu bằng cách càng làm nhiều hành vi thiện, rèn luyện tâm trí và loại bỏ những tư tưởng xấu trong tâm. Sau khi phá vỡ trật tự vũ trụ không có phương pháp nào có thể tránh được phản ứng ngoại trừ bằng cách phối hợp với qui luật vũ trụ này. Ích kỷ phải nhường bước cho rộng lượng. Tham lam phải nhường bước cho hào phóng.

Nghiệp mà Đức Phật giải thích được nhà tâm lý học nổi tiếng trên thế giới Carl Jung chấp nhận như một tập hợp của thức. Nó chẳng là gì cả mà là sự tồn trữ hạt giống Nghiệp trong năng lượng tinh thần. Chừng nào mà tập hợp thức và 'ý muốn sống còn' còn trong tâm như ghi nhận bởi các triết gia, thì tái sinh sẽ xảy ra dù ta tin hay không tin. Những yếu tố của xác thân có thể tan biến nhưng dòng tinh thần cùng với 'ý muốn sống' sẽ được truyền thừa và một đời sống khác được quyết định theo sự tập hợp của thức ấy.

Lực hấp dẫn và luật bảo toàn năng lượng được khám phá bởi các khoa học gia hiện đại như Newton xác minh học thuyết Nghiệp hay hành động và phản ứng trình bày bởi Đức Phật.

Theo Đức Phật, con người có thể trở thành một thượng đế nếu người ấy sống đúng đắn và chính đáng bất chấp họ có niềm tin tôn giáo ra sao, nhưng các tôn giáo khác chỉ khuyên con người cầu nguyện thượng đế để được phước. Các tôn giáo ấy cũng thuyết giảng chỉ có sau khi chết con người mới có thể lên thiên đường mà hạnh phúc hay chứng nghiệm thiên đường không có

nghĩa là con người có thể có đặc quyền để trở thành một thượng đế. Tuy nhiên, khái niệm Phật Giáo về Thượng Đế khác hẳn khái niệm của các tôn giáo khác.

Không có một vị khai sáng ra tôn giáo nào nói là các tín đồ của mình một ngày nào đó có thể đạt được trí tuệ, an lạc, hạnh phúc và giải thoát giống như vị khai sáng ra tôn giáo ấy. Nhưng Đức Phật nói bất cứ ai cũng có thể trở thành Phật nếu người ấy tu tập toàn hảo, theo phương pháp mà Ngài tu tập.

Bản Chất Của Tâm

Sự thay đổi nhanh chóng của tâm và những yếu tố của xác thân đã được giải thích trong Phật Giáo. Theo Đức Phật trong mỗi sát na, tâm hiện ra rồi lại biến đi. Sinh vật học, sinh lý học, và tâm lý học dạy cùng một bản chất thay đổi như vậy trong đời sống. Cho nên đời sống không đứng nguyên một chỗ.

Nhà tâm lý học William James giải thích điểm thời khắc của thức. Ông bàn luận thức xuất hiện như thế nào và lại biến đi trong sự tiếp nối nhanh chóng.

Theo tính chất tự nhiên gây ra tiến trình liên tục của tâm, ngay khi tâm được sanh ra, nó khai sanh một tâm khác và chết. Đến lượt cái tâm được sanh ra, khai sanh một tâm khác, và chết, và cứ thế tiếp tục.

Về câu hỏi lúc đầu những tư tưởng tội lỗi xuất hiện trong tâm con người như thế nào, câu trả lời có thể tìm thấy trong tôn giáo này. Nguyên nhân các tư tưởng tội lỗi là do động cơ ích kỷ của con người nó tồn tại do tham sống và niềm tin vào cái ngã (cái tôi) trường cửu luôn luôn tham đắm thỏa mãn giác quan.

Khi chúng ta nghiên cứu đời sống và giáo lý của Đức Phật, chúng ta có thể nhìn thấy mọi thứ đều công khai trình bày cho mọi người. Không có mật thuyết.

Những sự kiện xảy ra trong suốt cuộc đời Ngài là công khai, không dấu giếm và không có những việc xảy ra thần bí. Dưới mắt Đức Phật, cái gọi là thần thông siêu nhiên với nhiều người chẳng phải là siêu nhiên mà là hiện tượng thiên nhiên mà con người bình thường không thể nhận thức thấu đáo. Nếu kiến thức và hiểu biết về vũ trụ tăng trưởng thì niềm tin về siêu nhiên giảm đi. Với người thượng cổ, 'sấm sét' là biểu hiện giận dữ của các thánh thần. Ngày nay, chúng ta biết sấm sét chỉ là tích điện.

Nếu những vật do duyên hợp đều phải tùy thuộc vào qui luật tự nhiên về sự vô thường, hoại và diệt, làm sao chúng ta có thể trình bày chúng là thần thông siêu nhiên?

Cả đến đản sanh, giác ngộ và nhập diệt của Đức Phật cũng công khai. Ngài sống như một vị thầy tôn giáo bình thường như một chúng sanh thực sự.

Ngài vạch rõ tiến trình tiến hóa từ đời sống thú vật thành địa vị con người và từ địa vị con người thành tình trạng siêu phàm. Tình trạng này có thể chuyển địa vị Phạm Thiên và đời sống của Phạm Thiên thành đời sống toàn hảo. Người ta có thể tiến tới đời sống cao thượng trong sạch trực tiếp thành đời sống thiêng liêng toàn hảo. Đức Phật cũng vạch rõ tình trạng ngược lại, đó là từ đời sống con người trở thành đời sống con vật.

Lối Sống Điều Độ

Đức Phật khuyên dạy người ta nên theo con đường trung đạo trong mọi khía cạnh cuộc đời. Nhưng nhiều người không nhận thức được ý nghĩa thực sự và sự hữu ích của con đường trung đạo cao thượng. Ý nghĩa sâu xa của con đường trung đạo không những chỉ là lối sống chính đáng, không những chỉ để tránh hai cực đoan của cuộc sống, không chỉ để sống điều độ mà là học hỏi làm sao sử dụng tri giác hay khả năng con người mà không sử dụng sai lầm hay lạm dụng chúng. Ý nghĩa của sự hình thành các tri giác này là để bảo vệ đời sống, tránh một số nguy hiểm

và tìm ra sinh kế. Bất hạnh thay, đa số người sống chỉ là để thỏa mãn giác quan, sử dụng chúng sai lầm chỉ để thỏa mãn dục vọng. Cuối cùng, tham ái của họ càng trở thành mãnh liệt nhưng chẳng bao giờ họ có thể thỏa mãn tham dục mà họ mong muốn. Nhiều hành động vô luân, hành vi tàn bạo, rối loạn tâm thần, thần kinh suy nhược, cạnh tranh không lành mạnh, căng thẳng và bất an thường được thấy trong xã hội hiện đại do cái tâm bất mãn sử dụng sai lầm giác quan. Rồi sức mạnh bản năng của các giác quan này tăng trưởng và bắt đầu suy tàn, và nhiều loại bệnh xuất hiện trong cơ quan con người. Điều đó có nghĩa là con người phải trả giá như thế nào vì sử dụng sai lầm hay đòi hỏi quá nhiều năm giác quan. Nếu luyện ái quá nhiều vào lạc thú nhục dục trên thế giới này, nếu không có thì giờ để uốn nắn và sửa soạn cuộc sống cho tương lai hay bên kia thế giới, đời sống sẽ trở thành khốn khổ.

Đức Phật dạy rằng thật là tàn ác và bất công khi hủy diệt bất cứ sinh vật nào dù nhỏ bé đến đâu đi nữa. Nhưng thái độ hiền hòa đã bị sao lãng bởi nhiều đạo sư tôn giáo khác chỉ dạy rằng chỉ làm hại người mới là sai trái mà thôi. Hủy diệt đời sống của chúng sanh khác không phải chỉ là phương cách duy nhất để thoát khỏi phiền toái gây ra bởi các chúng sanh này.

Mục đích của Phật Giáo là thức tỉnh nhân loại để đạt được hạnh phúc tối thượng do sự thấu triệt về đời sống và thiên nhiên. Mục đích này không phải là tạo ra một số ảo tưởng hay thỏa mãn cảm xúc hay chiều theo một số tham dục trần thế bất trắc. Nó cũng chẳng hứa hẹn lạc thú bất diệt trần tục ở nơi đâu.

Phật Giáo cho thấy một bức tranh rõ ràng về hai mặt của cuộc đời: bản chất thực sự của cuộc sống, nguyên nhân của đau khổ và nguyên nhân của hạnh phúc. Lý thuyết về y học, khoa học, và kỹ thuật chưa khám phá ra được phương thức nào có thể sửa chữa cái đau đớn tinh thần, thất vọng và bất toại nguyện của cuộc sống.

Thế Nào Là Trí Tuệ?

Theo quan điểm Phật Giáo, trí tuệ căn cứ vào chánh kiến và chánh tư duy, sự hiểu biết về luật vũ trụ, và sự phát triển tuệ giác không những nhận biết chân lý mà cũng nhận được phương cách đạt hoàn toàn giải thoát từ sự bất toại nguyện của đời sống.

Cho nên trí tuệ thực sự không thể tìm thấy trong các học viện, trong phòng thí nghiệm nghiên cứu khoa học, hay tại bất cứ nơi thờ phượng nào mà ta thường lui tới để cầu nguyện và thực thi một số nghi thức, nghi lễ. Trí tuệ ở trong phạm vi của tâm. Khi kinh nghiệm, hiểu biết, chứng nghiệm và khi thanh tịnh hóa được hoàn tất, bao gồm sự toàn hảo cao nhất, trí tuệ này có thể được khám phá. Mục đích của cuộc đời là đạt được trí tuệ ấy. Thay vì tìm kiếm cái gì ở ngoài không gian, con người phải nỗ lực tìm kiếm bản chất của cái tuệ giác trong không gian nơi chính mình để đạt được mục tiêu tối hậu.

Con người có thể loại bỏ lực lượng tự nhiên không thuận lợi bằng cách củng cố và thanh tịnh hóa tâm mình để đạt được trạng thái hạnh phúc siêu trần nơi đây những lực ấy không còn sức mạnh để vận hành nữa.

Một triết gia nói là tôn giáo này mâu thuẫn tất cả những gì con người đã từng chứng nghiệm. Nếu như vậy Phật Giáo không thuộc loại tôn giáo đó vì Đức Phật dạy chúng ta mọi thứ do kinh nghiệm của Ngài bao giờ cũng về bản chất của con người.

Nhiều triết gia, những nhà tư tưởng và khoa học vĩ đại đã chỉ sử dụng kiến thức trần thế, sức mạnh tư duy, và trí tuệ tìm ra nhiều điều mà họ đã giải thích quan điểm của họ sao cho phù hợp. Ngay cả với kiến thức trí tuệ như vậy, cũng không thể hiểu nổi bản chất thực sự của hiện tượng nếu không có sự thanh tịnh hóa tâm. Khi nghiên cứu một số các lời tuyên bố của các học giả, chúng ta có thể tìm thấy một số sự thật trong những lời của họ.

Nhưng nhiều những lời tuyên bố này vẫn chỉ là triết lý khô khan vì họ chỉ dùng bộ não với nhiều ảo tưởng và ích kỷ.

Nhưng Đức Phật đã sử dụng óc và tim của Ngài để kết tinh trí thông minh con người cùng với từ bi và trí tuệ để hiểu mọi sự trong viễn cảnh đầy đủ. Do đó tại sao giáo lý của Ngài không bao giờ trở thành triết lý hay lý thuyết khô khan mà là một phương pháp thực tiễn để giải quyết các vấn đề của con người.

Đó là một tôn giáo duy nhất giảng dạy cho nhân loại qua kinh nghiệm, thực nghiệm, trí tuệ và giác ngộ của vị khai sáng. Tôn giáo này không phải là một thông điệp truyền trao từ một thượng đế. Những vấn đề của con người phải được thấu triệt bởi con người qua kinh nghiệm con người bằng cách phát triển những đức tính nhân từ cao quý. Một người thầy của con người phải tìm ra giải pháp để giải quyết những vấn đề con người qua sự thanh lọc và phát triển tâm con người. Đó là lý do tại sao Đức Phật không bao giờ tự giới thiệu Ngài là bậc cứu tinh siêu nhiên. Theo Ngài chúng ta là những vị cứu tinh để tự cứu chúng ta.

Tôn Giáo Dịch Thực Có Gây Trở Ngại Cho Sự Tiến Bộ Của Thế Giới?

Nhiều nhà khoa học, tư tưởng và triết lý lớn có một thái độ chống đối tôn giáo. Họ nói tôn giáo cản trở sự tiến bộ của nhân loại và hướng dẫn họ sai lầm bằng cách giới thiệu niềm tin và thực hành lối bịch, dị đoan và cố làm con người xa rời những sự kiện khám phá ra bởi khoa học gia. Cho nên Karl Marx đã nói: "Tôn Giáo là thuốc phiện cho quần chúng". Nhưng khi chúng ta biết chắc ý họ muốn nói gì về tôn giáo, chúng ta có thể hiểu Phật Giáo không thuộc những tôn giáo thuộc nhóm tôn giáo đó. Cho nên, trong thời gian tới đây, nếu những nhà trí thức này thành công trong việc bác bỏ tôn giáo, không thể nào họ có thể ném bỏ Phật Giáo như một tôn giáo sai lầm vì lẽ Đức Phật đã khám phá ra chân lý tuyệt đối. Nếu có chân lý ở đâu đó thì nó mãi mãi vẫn là chân lý. Nếu có bất cứ chân lý nào bị thay đổi

do những điều kiện nào đó thì nó không phải là chân lý tuyệt đối. Đó là lý do tại sao mà Đức Phật khám phá ra được gọi là chân lý cao quý. Chân lý này dẫn dắt con người thành một con người cao thượng. Cho nên cũng sẽ vẫn còn chánh đạo cao quý của đời sống thừa đủ để đối đầu với bất cứ sự thử thách khoa học hay tri thức nào. Về phương diện này, thông điệp của Đức Phật không lay chuyển. Những nhà trí thức chắc chắn phải kính trọng lối sống này nếu họ thực sự có thể hiểu được Đức Phật dạy thế nào. Cho nên, giáo lý của Đức Phật sẽ vẫn tiếp tục là lối sống, tiếp tục là nguyện vọng của một đời sống cao thượng, thánh thiện, toàn bích, một cuộc sống hòa bình và hạnh phúc dù có nhân hiệu tôn giáo hiện hữu hay không.

Một Tôn Giáo Tự Do

Sự tự do mà những tín đồ theo Đức Phật vui hưởng trên thế giới này đáng được ca ngợi. Thực ra, nhiều Phật Tử chưa nhận thức được điều đó. Chúng ta hoàn toàn tự do để phán xét và suy ngẫm hoặc chấp nhận hay bác bỏ bất cứ điều gì. Chúng ta không bị buộc phải chấp nhận bất cứ điều gì dưới danh nghĩa tôn giáo, chỉ vì nghĩ đến sự vĩ đại của bậc đại bậc đạo sư tôn giáo ấy hay cũng chẳng phải bởi nghĩ rằng đó là bốn phận của chúng ta là phải chấp nhận chỉ vì những giáo lý này tìm thấy trong kinh điển thần thánh hoặc trong truyền thống hay tập tục. Phật Tử hoàn toàn tự do điều tra nghiên cứu và chấp nhận chỉ khi điều đó thích hợp với sự nhận thức của mình. Phật Tử không chấp nhận hay bác bỏ điều gì mà không có lý do đứng đắn. Họ không bao giờ nói họ bị cấm làm cái này hay cái kia. Họ nói không thích làm điều ấy vì điều ấy gây khó khăn hay khổ sở hay đau đớn hay rắc rối cho đại chúng. Họ làm một số điều thiện không phải vì Đạo Phật đòi họ phải làm mà vì nhận thấy giá trị và ý nghĩa của những hành động này mang phúc lợi cho người khác. Tôn giáo này là một tôn giáo tự do không bao giờ hạn chế công việc riêng tư của con người nếu những việc này không vô luân hay tác hại. Phật Tử hoàn toàn tự do tổ chức việc

gia đình không vi phạm nguyên tắc căn bản đạo lý. Tôn giáo này giống như mỏ vàng cho những nhà trí thức trong công việc tìm tòi nghiên cứu, tìm thấy khía cạnh sâu xa về tâm lý, triết học, khoa học, luật vũ trụ, cho việc phát triển tinh thần cùng giải thoát nhân loại khỏi bất toại nguyện và bất an. Cho nên tại sao đã trên 2500 năm, Phật Giáo đã có thể thuyết phục đại chúng tại hầu hết các quốc gia Á Châu. Ở mọi thời đại, người ta đón chào giáo lý của Đức Phật như một thông điệp hòa bình hay một thông điệp thiện chí. Do đó tại sao người Phật Tử có thể đem giới thiệu tôn giáo này không chút khó khăn, không cần áp dụng một loại lợi dụng nào, không cần làm đảo lộn những hoạt động văn hóa đang hiện tồn.

Nguyên Nhân Khó Khăn Của Chúng Ta

Một khía cạnh quan trọng khác trong tôn giáo này là sự giải thích về nguyên nhân chính các vấn đề và khổ đau của con người. Theo Đức Phật, chúng ta hết thấy đều phải đối đầu với những vấn đề trên trần thế này do lòng tham hiện hữu trong tâm. Ngài đã khám phá ra ba loại sức mạnh của lòng tham trong tâm và chúng chịu trách nhiệm về sự tồn tại, tái sinh và hàng ngàn vấn đề và rối loạn tinh thần của chúng ta. Chúng là: tham sống, tham sự ham muốn trần tục hoặc nhục dục và tham sự không tồn tại. Muốn hiểu ý nghĩa thực sự của những điều này, chúng ta phải suy nghĩ cẩn thận và khôn ngoan về chúng cho đến khi sự nhận thức được đến được với chúng ta.

Những triết gia và tâm lý học nổi tiếng cũng đã giải thích ba sức mạnh ấy bằng ngôn ngữ khác biệt là những nguyên nhân của sự hiện hữu. Arthur Schopenhauer giải thích ba sức mạnh ấy là nhục dục, bản năng tự bảo toàn, và quyền sinh. Nhà tâm lý học Sigmund Freud giải thích là dục tình, bản năng về cái tôi và cái chết do bản năng. Một nhà tâm lý khác Carl Jung nói: "Từ nguồn gốc bản năng này sanh mọi sáng tạo". Giờ đây hãy nhìn những nhà trí thức vi đại chuẩn bị tán thành chân lý khám phá ra bởi Đức Phật 25 thế kỷ trước đây như thế nào. Tuy nhiên, khi

xem xét những lời giải thích này, chúng ta có thể hiểu được Đức Phật đã vượt qua khả năng hiểu biết của các nhà tư tưởng vĩ đại về những vấn đề ấy.



Phần II
ĐỨC PHẬT VÀ GIÁO LÝ CỦA NGÀI

6

ĐỨC PHẬT*Hòa Thượng Narada Mahathera*

Đức Phật là một chúng sanh độc nhất vô nhị. Ngài là nhà tư tưởng sâu xa nhất, diễn giả có tài thuyết phục nhất, người làm việc đầy nghị lực nhất, nhà cách mạng thành công nhất, một vị đạo sư hết sức từ bi và khoan dung, người quản lý hành chánh có năng lực nhất. Đặc tính trứ danh nhất của Ngài là sự thanh tịnh tuyệt đối và thánh tính toàn hảo. Ngài hết sức thanh tịnh và hết sức thánh thiện khiến người ta gọi Ngài "Bậc Thánh Thiện nhất trong các Bậc Thánh" Ngài là gương mẫu toàn vẹn của tất cả các đức hạnh. Ngài thuyết giảng không bao giờ Ngài tỏ ra giới hạnh yếu kém. Người nào đã tiếp xúc với Ngài đều phải công nhận sự vĩ đại không thể nghĩ bàn và đều bị ảnh hưởng sâu xa bởi cá tính có sức lôi cuốn như nam châm của Ngài. Thiện chí, trí tuệ, từ bi, phục vụ, từ bỏ thế tục, cuộc đời gương mẫu, phương pháp không thể chê trách dùng trong việc truyền bá giáo pháp, và sự thành công cuối cùng của Ngài - tất cả những yếu tố trên đây đã góp phần tôn vinh Đức Phật bậc Đạo Sư vĩ đại nhất.

Đức Phật là nhà truyền giáo đầu tiên tích cực nhất trên thế giới. Ngài đi hết chỗ này đến chỗ kia trong 45 năm dài để thuyết giảng cho đại chúng và giới trí thức. Cho đến giờ phút cuối cùng, Ngài phục vụ nhân loại cả về gương mẫu lẫn giới luật. Những đệ tử xuất sắc của Ngài theo gương Ngài. Không một đồng xu dính túi, những đệ tử này đã đi tới miền đất xa xăm để truyền bá giáo Pháp, không mong được đền đáp gì.

"Hãy tỉnh tấn lên các con" đó là lời nói cuối cùng của Đức Phật. Giải thoát và thanh tịnh không thể đạt được nếu không có nỗ lực cá nhân. Những lời cầu nguyện xin can thiệp hộ bị phản đối kịch liệt trong Phật Giáo, thay vì cầu nguyện là thiên định dẫn đến tự kiểm chế, thanh tịnh và giác ngộ. Mục tiêu sứ mạng của Đức Phật là để cứu chúng sanh thoát khổ đau bằng cách diệt trừ nguyên nhân gây ra và chỉ dạy phương cách chấm dứt sanh tử nếu ai mong muốn. Tuy nhiên, Đức Phật cũng dẫn giải chi tiết trong những bài thuyết pháp hướng về sự tiến bộ thế giới. Cả hai sự tiến bộ vật chất lẫn tinh thần đều cần thiết cho việc phát triển một quốc gia có tư tưởng chủ nghĩa vật chất trên thế giới. Ta không nên tách rời cái này với cái kia, và cũng chẳng nên chỉ hoàn tất tiến bộ vật chất bằng cách hy sinh tiến bộ tinh thần như chúng ta thấy ngày nay ở một số quốc gia duy vật chủ nghĩa trên thế giới.

Pandit Nehru thường nhắc đến Đức Phật như người con vĩ đại nhất của Ấn Độ. Tiến Sĩ S. Radhakrishman, một nhà lãnh đạo và triết gia Ấn, tán thán Đức Phật với những lời sau: "Nơi Đức Phật Cô Đàm chúng ta thấy trí tuệ bậc thầy từ Phương Đông không thua kém ai về ảnh hưởng đối với tư tưởng và đời sống của loài người, và thiêng liêng đối với tất cả là người khai sáng ra truyền thống tôn giáo mà ảnh hưởng sâu rộng hầu như không thua kém bất cứ tôn giáo nào khác. Ngài thuộc về lịch sử tư tưởng thế giới, là gia tài chung cho tất cả những người có văn hóa, xét bằng tri thức chính trực, tinh thần nghiêm chỉnh và tuệ giác, chắc chắn Đức Phật là một trong những nhân vật vĩ đại nhất trong lịch sử."

Trong cuốn "Ba nhân vật vĩ đại nhất trong lịch sử", sử gia H.G. Wells viết:

"Nơi Đức Phật, các bạn thấy rõ Ngài là một nhân vật đơn giản, chân thành, lẻ loi, phấn đấu cho ánh sáng, một nhân vật sống chứ không phải thần thoại. Ngài cũng có bức thông điệp gửi cho nhân loại hoàn vũ. Nhiều những tư tưởng tuyệt diệu hiện

đại của chúng ta rất gần gũi tương đồng với thông điệp của Ngài. Tất cả những đau khổ, bất mãn trong cuộc sống, theo Ngài dạy, là do lòng ích kỷ. Con người trước khi có thể trở nên thanh tịnh, người đó phải ngưng sống theo giác quan hoặc cho riêng chính mình. Rồi người đó mới trở thành một đại nhân. Nói một cách khác, Đức Phật kêu gọi lòng vị tha của con người năm trăm năm trước Chúa Christ. Trong một số phương diện, Ngài rất gần gũi với chúng ta, và nhu cầu của chúng ta hơn. Ngài cũng tỏ ra sáng suốt hơn Chúa Christ trong sự quan tâm phục vụ và hy sinh cho con người và ít mơ hồ hơn đối với vấn đề trường tồn bất tử của kiếp nhân sinh."

Đức Phật quả thực là một người nhưng là một người phi thường. Ngài không phải sinh ra là một Đức Phật nhưng Ngài tự phấn đấu rồi thành Phật. Ngài nhận thức được khả năng tiềm ẩn và năng lực sáng tạo của con người mà không tự đề cao Ngài như thánh thần, khuyên dạy tín đồ tích cực noi gương Ngài, vì Phật tính tiềm ẩn ở tất cả mọi người.

Đức Phật được tôn thờ như một đạo sư tinh thần tối thượng, nhưng không bao giờ muốn được sùng bái như một thượng đế mong muốn đặc ân trần tục hay tinh thần. Đức Phật không để lại một dấu hiệu gì, hay bất cứ gì để những tín đồ thuần thành có thể bám víu vào để suy tôn Ngài như thần thánh. Tuy nhiên, phải công nhận rằng không có một vị đạo sư nào lại "quá vô thân và hữu thân như Đức Phật", Bertrand Russell gọi Ngài một cách đúng đắn là "Người theo thuyết vô thần vĩ đại ở mọi thời đại".

Nhưng vô thần đây không được hiểu lầm là đồng nghĩa với không tín ngưỡng. Muốn có hòa bình và hạnh phúc thực sự trong nhân loại, thức tỉnh tôn giáo chân thành là hết sức cần trong thế giới đạo đức lụn bại này. Điều quan trọng là không đặt niềm tin vào tín điều hay chỉ tuân hành nghi thức và lễ lạc, mà mà là đem lợi ích thực sự cho quần chúng, một cuộc sống

tình thương lành mạnh, hữu ích, lẽ phải và công bằng căn cứ vào những nguyên tắc cao thượng của các đạo sư đáng kính.

Giáo Sư Joad tuyên bố: "Vào thế kỷ thứ sáu trước Công Nguyên, tại Ấn Độ và Trung Hoa, xuất hiện ba vị thầy vĩ đại, các vị này đã làm cho con người hiểu biết điều quan trọng chính đáng phải làm để tự cứu dù có Thượng Đế hay không có Thượng Đế; trong ba vị ấy người quan trọng nhất là Đức Phật Cô Đàm."

Đức Phật nhấn mạnh sự quan trọng của giới hạnh như phương tiện đi tới mục đích. Ngài khuyên nên tu tập chánh tư duy về lòng vị tha, từ ái, tính không làm hại; chánh ngữ để có thể kiểm soát giọng lưỡi tác hại của mình; chánh nghiệp bằng cách kìm hãm không giết người hay muông thú; không trộm cắp trực tiếp hay gián tiếp, không tà dâm; và chánh mạng là thoát khỏi sự bóc lột và biển thủ hoặc bằng bất cứ phương tiện gì bất hợp pháp để thủ đắc của cải hay tài sản. Những dạng thức này hình thành nền tảng của giới hạnh.

Đức Phật truyền đạt thông điệp cao quý của Ngài về phục vụ vị tha, giới hạnh và lòng từ ái vô bờ bến không những đến cho các vua, hoàng tử, nhà quý phái và người triệu phú, mà cũng cho người nghèo, người cùng đinh và thiếu thốn. Ngài giúp cơ hội đồng đều cho tất cả mọi người và nâng cao địa vị con người. Ngài tuyên bố con đường đi đến phát triển tinh thần mở rộng cho tất cả mọi người trong mọi hoàn cảnh cuộc sống, sang hay hèn, thánh nhân hay tội lỗi, bất cứ ai muốn cải tà quy chính và tìm sự toàn bích.

Thường nhật Ngài thuyết giảng cho cả các thầy tu và cư sĩ. Điều mà Ngài dạy chỉ là một phần nhỏ nhoi của những điều mà ngài biết. Trong một dịp, Ngài cầm một nắm lá trong tay, và so sánh những điều Ngài giảng dạy chỉ như những lá trong tay; những điều Ngài không giảng dạy nhiều như lá trong rừng. Ngài chỉ dạy điều cần thiết cho sự giải thoát của chúng ta.

Thường lệ hàng ngày, Ngài nhằm vào người cần đến sự giúp đỡ của Ngài; Ngài chỉ dẫn, cổ vũ các đệ tử đã quy y tụ tập để nghe Ngài giảng, Ngài trình bày chi tiết pháp đến cả chư thiên. Ngài dạy Pháp cho quần chúng, cho những nhà trí thức. Lời Ngài dạy như sữa cho em nhỏ và như thịt cho người lớn. Trước khi thuyết giảng, Ngài thấy rõ người đói cần được ăn, thực phẩm cần thiết cho cơ thể thì pháp cũng cần thiết cho tâm. Ngài săn sóc người bệnh bằng chính bàn tay Ngài, Ngài tuyên bố: "Ai săn sóc người bệnh, người đó săn sóc Như Lai" .

Đức Phật thiết lập một xã hội không giai cấp bằng cách mở cửa Đoàn Thể Tăng Già cho bất kỳ cá nhân nào muốn gia nhập không phân biệt giai cấp hay đẳng cấp xã hội. Chỉ có sự phân biệt là sự thâm niên của sa di (*samanera*), tỳ kheo (*bhikkhus*), *mahathera* (tỳ kheo đã có 20 tuổi đạo) và sự đạt được bốn quả vị thánh (tu đa hoàn, tứ đà hàm, a na hàm, a la hán). Sự thành lập Đoàn Thể Tăng Già trên căn bản là dân chủ. Về phương diện này, (Hầu Tước, Phó Vương Ấn Độ) Lord Zetland tuyên bố: "Có thể là một điều ngạc nhiên cho nhiều người biết rằng trong các cuộc Hội Nghị của Phật Giáo tại Ấn từ trên 2500 năm qua, người ta đã thấy những hoạt động giống như ngày nay của chúng ta thực thi tại nghị trường".

Cũng giống như vậy, lần đầu tiên trong lịch sử, Đức Phật thành lập đoàn thể ni giới cho phụ nữ bất chấp đẳng cấp hay giai cấp xã hội. Ngài cho phụ nữ bình đẳng để phát triển tinh thần.

Cũng được biết Đức Phật là người đầu tiên trong lịch sử bãi bỏ chế độ nô lệ bằng cách tiến dần khái niệm tinh huynh đệ và phẩm giá con người. Đức Phật thuyết giảng chống lại sự hiến tế các súc vật bất hạnh làm lễ vật, và đem chúng vào trong phạm vi của lòng từ ái. Người Phật Tử thuần thành đem lòng từ ái tới mọi chúng sanh, không phân biệt trong bất cứ trường hợp nào.

Chính lòng từ ái hình thành cơ sở cho tình huynh đệ giữa các quốc gia, giữa các tôn giáo, phá vỡ hàng rào ngăn cách quốc gia này với quốc gia kia, xu hướng tôn giáo này với xu hướng tôn giáo kia. Nếu những tín đồ của những tín ngưỡng khác nhau không cùng chung một cương lĩnh coi nhau như anh chị em đơn giản chỉ vì họ không cùng một tôn giáo, chắc chắn các vị đạo sư cao quý đã thất bại trong sứ mạng cao cả vì chính nghĩa cho nhân loại.

Đức Phật hết sức khoan dung, bất khoan dung là kẻ thù lớn nhất của tôn giáo. Cho nên Đức Phật khuyên các đệ tử không nên giận dữ, bất mãn hay không vừa lòng khi các người khác nói xấu Ngài, giáo pháp của Ngài hay các nhà sư. "Nếu bạn tỏ ra bất bình" Ngài nói "Không những bạn tự mang bạn đến nguy hiểm mất tinh thần mà bạn còn không thể suy xét những người ấy nói đúng hay sai". "Một cảm nghi giác ngộ nhất, cả đến sau 2500 năm của sự giác ngộ", Tiến Sĩ Radhakrishnan nói như trên.

Đức Phật giải thích không có tín điều nào mà ta phải mù quáng tin theo, không có tín điều hay tín ngưỡng nào mà ta phải chấp nhận mà không suy luận, không có nghi thức hay các cuộc lễ dị đoan bắt ta phải gia nhập vào nhóm người cùng chung niềm tin, và không có sự hiến tế và sự hành xác vô nghĩa cho ai muốn thanh tịnh hóa. Đức Phật trình bày chân lý đơn giản cho quần chúng và lời dạy triết lý sâu xa cho người trí thức. Ngài khuyên những người đi tìm chân lý không nên chấp nhận bất cứ điều gì do thể lực hay lý do gì khác mà phải tự mình suy luận và phán xét điều đó đúng hay sai.

Trên chặng đường hòa bình hoàng truyền giáo pháp của Ngài từ 2500 năm qua, không một giọt máu đổ trong việc truyền bá giáo pháp, và không một ép buộc đổi đạo bằng sức mạnh hay những phương pháp ghê tởm. Quả thực Đức Phật là một nhà truyền giáo thứ nhất và vĩ đại đã từng sống trên trái đất này.

Giáo lý tuyệt vời của Đức Phật đã lan tỏa và vẫn đang kiến tạo hòa bình trên đường đi vào ngày càng nhiều các quốc gia trên thế giới do tính cách hữu lý, khả thi, hữu hiệu, không quá khích, bao dung và đại chúng. Phật pháp đóng góp to lớn vào sự tiến bộ văn hóa của nhiều quốc gia Á Châu. Tóm lại, tất cả những quốc gia Phật Giáo lớn mạnh trong cái nôi Đạo Phật.

Những quốc gia hình thành và tan rã, những đế chế thế lực hùng mạnh đã thịnh vượng rồi lụi tàn, nhưng đế chế của giáo pháp thành lập bởi Đức Phật trên tinh thương yêu, từ bi, và lẽ phải, vẫn thăng hoa và sẽ tiếp tục thăng hoa.



7

NHỮNG ĐỨC HẠNH LÝ TƯỚNG CỦA ĐỨC PHẬT

Hòa Thượng Tiến Sĩ K. Sri Dhammananda

Đức Phật là hiện thân của tất cả đức hạnh lý tưởng. Ở nơi Ngài ta thấy sự hiện thân của luân lý cao nhất (giới), tập trung sâu xa nhất (thiền định) và trí tuệ thâm sâu (huệ) - những đức tính không ai vượt qua được và không sánh được trong lịch sử loài người. Những đức tính cao cả ghi trong các kinh, những bài thuyết giảng của Đức Phật.

Phật Tử trên khắp thế giới tụng niệm và hành trì chín đức hạnh tối thượng ghi trong hệ thức tiếng Pali, trong việc tu tập hàng ngày. Mặc dù Đức Phật có nhiều những đức tính cao thượng khác, ở đây trong hệ thức này, chỉ chín điều được lấy ra. Không phải là không kể đến tại một số trường phái Phật Giáo, các tín đồ đã tiến dẫn một số Đức Phật ám chỉ một số đức tính vĩ đại của Đức Phật. Tuy nhiên dù cách thức giới thiệu Đức Phật ra sao, thực tế tất cả các Đức Phật lịch sử thỉnh thoảng xuất hiện trên thế giới này, đều thấm nhuần những đức hạnh ấy, cùng với sự giác ngộ giống nhau. Cho nên không có sự khác biệt gì phải tôn kính bất cứ Đức Phật đặc biệt nào, nếu Đức Phật được chọn là một Đức Phật thực sự. Vì vậy cho nên không có một lý lẽ gì cho rằng Đức Phật này thần thông hay cao hơn Đức Phật kia.

Những câu kệ sau đây bằng tiếng Pali, nêu lên những đức hạnh thực chất bên trong của Đức Phật mà người Phật Tử tri tụng khi họ vinh danh Đức Phật:

*"Itipi So Bhagava Araham Samma-Sambuddho
Vijja-Carana-Sampanno Sugato Lokavidu
Anuffaro Purisa Damma-Sarathi Sattha Deva-
Manussanam Buddho Bhagavathi"*

Sự trung thực của câu kệ này không thể nghi ngờ vì nó bắt nguồn từ nhiều bản kinh quan trọng trong Tam Tạng Kinh Điển theo qui chuẩn Phật Giáo đã xác nhận cũng như từ nơi bốn mươi phương pháp thiền định tư duy về những Đức Hạnh của Đức Phật.

Chuyển ngữ ngắn gọn từ tiếng Pali như sau: "

Araham - Ứng Cúng (bậc đáng được nhận sự cúng dường của Người và Chư Tiên vì dứt hết phiền não), **Samma Sambuddhdho** - Chánh Biến Tri (bậc biết hết tất cả pháp); **Vijjacarana Sampanno** - Minh Hạnh Túc (bậc có đủ trí tuệ và đức hạnh); **Sugato** - Thiện Thệ (đã làm xong các hạnh lành, trên đường đi đến Niết Bàn); **Lokavidu** - Thế Gian Giải (bậc hiểu rõ kiến thức thế gian); **Anuttaro Purisadamma-Sarathi** - Vô Thượng Sĩ Điều Ngự Trượng Phu (bậc cao hơn hết trong hạng chúng sanh thống trị lấy mình như bậc trượng phu cầm cương ngựa đi vào đường lành); **Sattha-Deva-Manussanam** - Thiên Nhân Sư (bậc đạo sư của hàng người và hàng Chư Thiên, dạy việc nên làm và việc chẳng nên làm); **Buddho** - Phật (bậc giác ngộ hoàn toàn); **Bhagavathi** - Thế tôn (bậc cao hơn hết trong cõi thế, được tất cả cõi thế, tất cả chúng sanh tôn trọng)

1- Araham - Ứng Cúng

Đức Phật miêu tả một Vị Ứng Cúng có năm phương diện chính:

- đã loại bỏ tất cả ô trược;
- đã tiêu diệt được tất cả những kẻ thù liên quan đến việc loại bỏ các ô trược;

- đã tiêu diệt được những nan hoa chống đỡ bánh xe cuộc sống (thăng trầm cuộc đời);
- đáng được lãnh sự cúng dường và tôn vinh;
- không giữ bí mật đặc tính cũng như giáo lý của mình.

Đức Phật là nhân vật vĩ đại nhất trong lịch sử loài người, với một cuộc đời toàn bích, không hề sai lầm, không thể chê trách và không tỳ vết. Dưới cội cây bồ đề Ngài chiến thắng tất cả ma vương và đạt được thánh quả ở bậc cao nhất. Ngài chấm dứt tất cả khổ đau, đạt Niết Bàn. Ngài là nhân vật được toàn thế giới vinh danh và tôn kính trên mọi phương diện. Giáo lý của Ngài không chứa đựng huyền bí hay bí mật, giống như một cuốn sách mở cho tất cả ai muốn đến xem.

2. Samma-Sambuddho - Chánh Biến Tri

Đức Phật được gọi là Chánh Biến Tri vì Ngài thấu rõ cuộc sống trên thế giới với viễn cảnh xác đáng, và Ngài đã khám phá ra Tứ Diệu Đế do sự thấu triệt của Ngài. Sinh ra là một hoàng tử, Ngài đã từ bỏ trần tục và phấn đấu trong sáu năm dài tìm giác ngộ. Trong thời gian ấy, Ngài đã tìm đến tất cả những đạo sư nổi tiếng, Ngài đã tu tập tất cả những phương pháp của các đạo sư này. Ngài đã đạt được tất cả và ngang hàng với các vị thầy của Ngài, nhưng vẫn không tìm ra được ánh sáng giác ngộ. Cuối cùng, căn cứ vào sự tìm tòi hiểu biết một cách hữu lý, và bước vào con đường trung đạo, khởi đi từ phương cách truyền thống về niềm tin đạo lý nổi tiếng này cùng những sự tu tập, Ngài tìm ra giải pháp cuối cùng cho những vấn đề chung về bất toại nguyện, mâu thuẫn và bất mãn (Khổ) trên hoàn vũ. Ngài khám phá ra Luật Duyên Khởi- Luật Nhân Quả, do những định luật này, Ngài tìm ra sự thật trần thế và trở thành bậc Đại Giác.

3. Vijja-Carana Sampanno - Minh Hạnh Túc

Cụm từ ngữ 'Minh Hạnh Túc' có nghĩa là Đức Phật được thiên phú với một cái nhìn rõ ràng toàn hảo và một tư cách đạo đức gương mẫu. Hai khía cạnh có ý nghĩa được thấy trong ba đẳng kiến thức và tám đẳng trí tuệ. Ba đẳng kiến thức ấy là:

- Thứ nhất, Đức Phật có thể nhớ lại những lần sanh trong quá khứ và có thể nhìn lại kiếp trước của Ngài và của người khác.
- Thứ hai, ngoài việc có thể ôn lại quá khứ, Ngài có một sức nhìn độc đáo là có thể nhìn thấy tương lai và hình dung được tất cả vũ trụ bất cứ trong một khoảnh khắc nào.
- Thứ ba, Ngài có kiến thức sâu xa về thánh tính (tứ quả thanh văn)

Về tám đẳng trí tuệ, Đức Phật duy nhất thiên phú bởi tuệ giác, thần thông thi hành kỳ công, thiên nhi thông, tha tâm thông, và nhiều thần thông vật lý, khả năng nhớ lại những lần sanh trong quá khứ, thiên nhãn thông, và kiến thức nhạy bén về cuộc đời thanh tịnh thánh tính.

Về chữ "Carana" hay tư cách đạo đức, phương diện này được chia thành mười lăm loại hay loại đức hạnh thấm nhuần tràn đầy nơi Đức Phật. Những đức hạnh khác cộng thêm vào được xếp loại như kiểm chế hành động và lời nói, kiểm chế trong sự miệt mài tác động giác quan, điều độ trong việc dùng thực phẩm, tránh ngủ quá nhiều, giữ niềm tin trong sáng, biết xấu hổ khi phạm tội lỗi, biết sợ hãi khi phạm lỗi, khát vọng kiến thức, nghị lực, chú ý, và hiểu biết bốn xu hướng gắn liền với lĩnh vực vật chất - Panna và Karuna phản ánh như trí tuệ và từ bi, cả hai là cặp song sanh cơ bản trong khi karuna cho Ngài lòng từ bi phục vụ nhân loại. Do trí tuệ Ngài nhận thức điều gì phải điều gì trái cho tất cả chúng sanh, và do lòng từ bi Ngài

dẫn dắt các tín đồ khỏi tội lỗi và lầm than. Những đức tính vĩ đại của Ngài đã khiến Ngài làm cho Ngài có khả năng đem tình huynh đệ và đức tính tốt thực sự mưa móc cho tất cả chúng sanh với mức độ tốt cùng.

4. Sugato - Thiện Thệ

Đức Phật cũng được gọi là Đấng Thiện Thệ có nghĩa con đường của Ngài là tốt, nói đến là thượng hạng, lời nói và phương pháp sử dụng là con đường rất hòa hài và không thể chê trách. Con đường đạt hạnh phúc chính đáng là thanh tịnh đứng đắn, không cong queo, thẳng thắn và chắc chắn.

Lời dạy của Ngài tuyệt vời không thể sai lầm được. Nhiều sử gia nổi tiếng và khoa học gia vĩ đại đã phẩm bình giáo lý duy nhất đứng vững không bị thách thức bởi khoa học và các nhà tự do tư tưởng là lời dạy của Đức Phật.

5. Lokavidu - Thế Gian Giải

Thuật ngữ Lokavidu (Thế Gian Giải) sử dụng với Đức Phật như một người có kiến thức thế giới tuyệt vời. Bậc Đại Đạo Sư có kinh nghiệm, hiểu biết thâm sâu tất cả khía cạnh của cuộc đời cả về vật chất lẫn tinh thần. Ngài là người đầu tiên nhận xét có hàng ngàn hệ thống thế giới trong vũ trụ. Ngài là người đầu tiên tuyên bố thế giới chẳng là gì cả mà chỉ là thế giới khái niệm. Theo lời Ngài, việc ước đoán nguồn gốc và nơi tận cùng của thế giới hay vũ trụ coi như vô nghĩa. Theo quan điểm của Ngài, nguồn gốc thế giới, sự tận cùng và con đường đi đến tận cùng sẽ tìm thấy trong phạm vi chiều sâu có thể hiểu được- xác thân dài (một sải)- con người với nhận thức và ý thức.

6. Anuttaro Purisa-Damma-Sarathi - Vô Thượng Sĩ Điều Ngự Trượng Phu

Anuttaro (Vô Thượng Sĩ) có nghĩa vô song và không còn ai có thể vượt hơn. Purisa-damma nói đến người thiên phú giáo pháp và Sarathi có nghĩa người lãnh đạo. Ba từ ngữ này nói lên vị

lãnh đạo vô song có khả năng mang con người vào con đường chánh đạo. Trong số những người quyết định theo con đường giáo Pháp và tránh xa tội lỗi có những kẻ giết người khét tiếng như Angulimala, Alavaka, Nalagiri, hàng trăm kẻ đạo tặc, ăn thịt người và ngoan cố như Saccake. Tất cả những người ấy đều được thấm nhuần giáo pháp và một số đạt được thánh quả ngay trong đời hiện tiền của họ. Ngay cả Devadatta (Đề Bà Đạt Đa), kẻ thù không đội trời chung, cũng vẫn được Đức Phật cho phục hồi do lòng từ bi vĩ đại của Ngài.

7. Sattha Deva-Manussanam - Thiên Nhân Sư

Phiên dịch cụm từ này có nghĩa Đức Phật là Thầy của trời và người. Ghi nhận 'devas' (Trời) dùng trong phạm vi này tức những chúng sinh, do những nghiệp lành, đã vượt qua giai đoạn hàng người nhưng không phải là giai đoạn cuối cùng của sự tiến hóa về sinh vật học. Hàng Trời trong văn cảnh Phật Giáo không liên quan gì với truyền thuyết thần thoại cổ xưa. Đức Phật là một vị Thầy phi thường linh động có khả năng phân chia một cách rất kỹ thuật phù hợp các đẳng cấp tinh thần của hàng trời và hàng người. Ngài dạy mọi người sống theo chánh đạo. Đức Phật là vị Đạo Sư hoàn vũ.

8. Buddho - Phật

Tính ngữ đặc biệt Buddho, có vẻ như lặp lại lần thứ hai, mặc dù nó có ý nghĩa rộng hơn. Buddho có nghĩa Vị Chủ Tể toàn trí toàn thức, có những thần thông lạ thường có thể thuyết phục người khác bằng sự khám phá to lớn của mình qua nghệ thuật giảng dạy người khác Pháp của Ngài. Kỹ thuật của Ngài không có vị đạo sư nào có thể sánh bằng. Buddho cũng có nghĩa thứ hai là "tỉnh thức" vì trạng thái bình thường của con người không ngưng ở trong trạng thái sững sờ. Đức Phật là người đầu tiên "tỉnh thức", và giữ sạch trạng thái sững sờ. Rồi Ngài thuyết phục người khác tỉnh thức, và tránh xa trạng thái mê mờ hay sững sờ.

9. Bhagava - Thế Tôn

Từ ngữ này dùng để chỉ Đức Phật, từ 'Buddho' hay 'Bhagava' dùng riêng từng chữ hay ghép lại 'Buddho Bhagava' có nghĩa là 'Đấng Thế Tôn' ('Đấng Thiêng Liêng') thường được thông dụng trong dân gian.

Đáng được kính sợ và tôn kính, Thế Tôn là danh hiệu của Ngài. Cho nên chữ 'Bhagava' có nhiều nghĩa như đề nghị của một số phê bình gia. Đức Phật được gọi là Đấng Thế Tôn vì Ngài là người hạnh phúc và may mắn nhất trong nhân loại đã chiến thắng được ma vương, đã thuyết giảng chi tiết Pháp cao nhất và là người thiên phú với khả năng tri thức siêu nhiên, siêu phàm.

*

Chín đức tính vĩ đại của Đức Phật có thể sử dụng làm đề tài cho thiền định nếu những sự giải thích của mỗi từ ngữ đặc biệt được thận trọng nghiên cứu kỹ lưỡng và mục đích thực sự cùng bản chất được tóm thâu và thấu triệt. Chỉ lướt qua từng đoạn, không hiểu thấu hoàn toàn không thể coi như hữu hiệu dù cho có sùng đạo. Phương pháp tốt nhất là tụng đi tụng lại đồng thời nắm vững ý nghĩa hoàn toàn của các sự bày tỏ ấy. Trong khi làm như vậy, ta cũng nên tập trung vào những đức tính có chân giá trị ấy như những đức hạnh thực sự cần được tích cực noi gương bởi tất cả tín đồ của Đức Phật.



8

THẾ NÀO LÀ NGHIỆP?

Hòa Thượng U. Thittila

Nghiệp, tiếng Pali là *Kamma*, có nghĩa là hành động. Tiếng Sanskrit, Nghiệp được gọi là *Karma*. Trong nghĩa thông thường Nghiệp có nghĩa tất cả những hành động tốt hay xấu. Nó bao trùm tất cả những hành động có dụng ý dù là tinh thần, nói năng hay vật chất, tư tưởng, lời nói, và hành vi. Trong nghĩa chủ yếu Nghiệp có nghĩa là tất cả những ý muốn đạo đức hay vô đạo đức. Đức Phật nói: "Này các tỳ kheo, ý muốn là cái mà ta gọi hành động tức Nghiệp. Do có ý mà ta hành động thân, khẩu và tư tưởng" (Kinh Tăng Chi, Anguttara Nikaya III. 415)

Nghiệp chẳng phải là tiền định mà cũng chẳng phải là học thuyết theo số mệnh. Quá khứ ảnh hưởng hiện tại nhưng không át hẳn, với Nghiệp quá khứ và hiện tại cũng như nhau. Quá khứ và hiện tại ảnh hưởng tương lai. Quá khứ là cái nền dựa vào đấy đời sống tiếp diễn từng khoảnh khắc. Tương lai chưa tới. Chỉ có hiện tại và trách nhiệm sử dụng hiện tại làm việc thiện hay việc ác nơi từng cá nhân.

Mỗi hành động phát sanh một hậu quả và đó là nguyên nhân trước và hậu đó là hậu quả tiếp theo. Cho nên chúng ta nói về Nghiệp tức "luật nhân quả". Thí dụ, ném một hòn đá là một hành động. Hòn đá đập vào cửa kính, làm vỡ kính. Vỡ kính là quả của hành động ném, nhưng chưa phải là tận cùng. Cửa kính vỡ là nguyên nhân của những việc xảy ra sau này. Phải có một số tiền để thay kính, tiền ấy lẽ ra là để dành hay dùng để làm việc khác, và hậu quả đã làm cho ta có cảm giác thất vọng. Điều

này có thể làm cho ta bứt rứt, và nếu không cẩn thận, bứt rứt này có thể làm thành nguyên nhân của một việc làm sai khác, và cứ thế tiếp tục. Không có sự chấm dứt về những kết quả của hành động, không có sự chấm dứt của nghiệp, cho nên chúng ta phải hết sức thận trọng về hành động của chúng ta, để hậu quả được tốt hơn. Cho nên rất cần thiết cho chúng ta làm điều lành, hành động có ích sẽ trở về chúng ta thành nghiệp lành và làm cho chúng ta đủ sức mạnh để bắt đầu một Nghiệp tốt.

Ném một hòn đá xuống nước và nhìn hiệu quả. Thấy nước tóe lên và những gợn sóng lăn tăn nổi lên khi mặt nước va chạm với hòn đá. Rồi thấy ra sao những gợn sóng vòng tròn mới đầu nhỏ cứ rộng ra mãi, rộng mãi cho đến khi mắt ta không thể nhìn theo được nữa. Một viên đá nhỏ nhiễu loạn nước trong hồ, nhưng việc chưa chấm dứt. Khi những gợn sóng nhỏ đến bờ hồ, nước lại quay trở lại tới viên đá đã nhiễu loạn nó.

Những hậu quả của những hành động trở lại chúng ta như những gợn sóng với hòn đá, và chừng nào mà ta còn hành động với ác ý, những làn sóng mới và hậu quả sẽ trở lại đánh chúng ta và nhiễu loạn chúng ta. Nếu chúng ta lương thiện và giữ an lạc, những đợt sóng khó khăn quay về sẽ càng ngày càng yếu đi cho đến khi chúng tắt và Nghiệp lành sẽ trở về với phước lành. Chẳng hạn, nếu chúng ta trồng hạt soài, cây soài sẽ mọc lên và mang trái soài, và nếu ta gieo một hạt ớt, cây ớt sẽ mọc lên và mang trái ớt.

Đức Phật nói:

Trồng nhân nào thì mang quả nấy

Làm điều thiện, đạt điều tốt

Làm điều ác, gặp ác

Gieo nhân nào, gặt quả nấy. (Samyutta Nikya - Tương Ưng)

Mọi việc đến thật đúng với chúng ta. Khi điều vui đến và làm chúng ta hạnh phúc, chắc chắn rằng Nghiệp đến cho thấy chúng ta hành động chính

đáng. Khi điều bất hạnh đến, làm chúng ta đau, hay làm cho chúng không hạnh phúc, Nghiệp đến cho chúng ta thấy lỗi lầm của chúng ta. Chúng ta không bao giờ quên Nghiệp lúc nào cũng rất công bằng. Nghiệp chẳng thương mà cũng chẳng ghét, chẳng thưởng mà cũng chẳng phạt. Nó cũng chẳng bao giờ giận dữ, và cũng chẳng bao giờ làm vừa lòng. Đơn giản nghiệp là định luật của nguyên nhân và hậu quả.

Nghiệp không biết gì về chúng ta cả. Lửa không biết gì khi đốt cháy chúng ta phải không? Không biết gì. Bản chất của lửa là cháy lên để cho sức nóng. Nếu chúng ta sử dụng đúng cách, nó cho ta ánh sáng, nấu đồ ăn hay đốt đi những gì chúng ta muốn, nhưng nếu chúng ta không sử dụng đúng cách, nó sẽ đốt cháy chúng ta và tài sản của chúng ta. Việc của lửa là làm cháy lên, và việc của chúng ta là phải sử dụng nó cho đúng. Chúng ta đại đột nếu chúng ta giận dữ và trách cứ khi bị cháy vì chúng ta đã lầm lỗi.

Có nhiều bất bình đẳng và nhiều dị biệt về số phận con người trên thế giới. Thí dụ có kẻ thấp, người cao. Có kẻ bị chết yếu có kẻ sống lâu đến tám mươi hay một trăm tuổi. Có kẻ bệnh hoạn và tàn tật, có kẻ lại tráng kiện và khỏe mạnh. Có kẻ sinh ra trong giàu sang phú quý, có kẻ sinh ra trong lầm than. Có kẻ sinh ra là triệu phú, có kẻ lại nghèo hèn. Có kẻ là thần đồng có kẻ lại ngu dần.

Tại sao lại có những sự không đồng đều như thế hiện hữu trên thế giới? Người Phật Tử không tin những sự chênh lệch như thế là kết quả của sự ngẫu nhiên. Chính khoa học cũng chống lại thuyết "ngẫu nhiên", trong thế giới khoa học gia, tất cả mọi việc đều do định luật nhân quả chi phối. Người Phật Tử cũng chẳng tin những sự chênh lệch trên thế giới là do Thượng Đế-Đấng Sáng Tạo.

Một trong ba quan điểm khác nhau thịnh hành trong thời Đức Phật là:

“Dù con người có kinh qua hạnh phúc hay đau khổ hay cảm tưởng không rõ ràng thì tất cả đều do sự sáng tạo của một Vị Trời Tối Thượng, (Gradual Sayings - Tăng Chi, 1.158)”. Bình phẩm về quan điểm định mệnh này, Đức Phật nói: “Vây thi, theo sự sáng tạo của vị Trời Tối Thượng này, con người sẽ trở thành kẻ giết người, trộm cắp, dâm ô, nói dối, kẻ vu khống, lạm dụng, kẻ bép xép, tham lam, hiểm độc, và quan điểm ngoan cố. Như vậy những người rơi vào sự sáng tạo của một Thượng Đế là lý do thiết yếu, chẳng cần ham muốn làm gì và cũng chẳng cần thiết làm hành vi này hay tránh hành vi kia.”

Nói về những nhà tu khổ hạnh lỗi thể theo cách tự hành xác, Đức Phật nhận xét: “Này các Tỳ Kheo, nếu chúng nghiệm đau khổ hay hạnh phúc là do Thượng Đế quyết định, chắc chắn những nhà tu khổ hạnh lỗi thể này phải do một Thượng Đế ác độc tạo nên vì họ đang chứng nghiệm những sự đau đớn ghê gớm”. (Devadaha Sutta, No 101, Majjihima Nikaya - Trung Bộ, II, 222).

Theo Phật Giáo, những sự bất bình đẳng hiện hữu trong thế giới này là do một phần là do nơi di truyền và môi sinh, và một phần lớn do nguyên nhân hay những nguyên nhân (Nghiệp) không chỉ ngay bây giờ, mà còn ở quá khứ gần hoặc xa. Chính con người chịu trách nhiệm về hạnh phúc và lầm than của mình. Con người tự tạo thiên đường hay địa ngục cho chính mình. Con người là chủ thể định mệnh của mình, kết quả của quá khứ và nguồn gốc của tương lai.

Những Quy Luật Về Trật Tự Vũ Trụ

Mặc dù Phật giáo dạy Nghiệp là nguyên nhân chính của các sự bất bình đẳng trong thế giới nhưng không dạy thuyết định mệnh hay học thuyết tiền định, và cũng không giữ quan niệm cho rằng mọi thứ đều do quá khứ. Luật nguyên nhân mô tả trong triết lý Phật Giáo, là một trong năm trật tự mà chính chúng là luật hành hoạt trong vũ trụ. Chúng là:

1. **Utu Niyama**, Luật vật lý vô cơ tức hiện tượng về gió mưa của mỗi mùa. Trật tự chính xác về mùa, những thay đổi và biến chuyển theo đặc thù của mùa gây ra gió mưa, tính chất nóng bức vân vân, thuộc nhóm này.

2. **Bija Niyama**, Luật về mầm và hạt giống (vật lý hữu cơ) như gạo, gạo lấy ra từ thóc, đường từ mía hay mật, đặc tính của một số trái cây vân vân... Thuyết khoa học về tế bào và 'gien' và những cái giống nhau về mặt vật lý thuộc định luật này.

3. **Kamma Niyama**, luật về kết quả của hành động, như hành động tốt xấu sanh kết quả tương ứng tốt xấu. Cũng như nước tự tìm mức độ nông cạn, Nghiệp cho cơ hội, tạo kết quả không tránh được, không phải dưới hình thức thưởng phạt mà là sự liên tục bất sinh. Sự liên tục của hành vi và hậu quả tự nhiên và cần thiết như con đường của mặt trăng và các tinh tú.

4. **Dhamma Niyama**, luật về tiêu chuẩn như hiện tượng thiên nhiên xảy ra lúc Bồ Tát giáng sanh trong lần sanh cuối cùng. Luật hấp dẫn và những luật thiên nhiên tương đương, lý lẽ cho là tốt vân vân... cũng có thể gồm trong nhóm này.

5. **Citta Niyama**, luật về tâm hay luật tâm linh như tiến trình của thức, sự phát sanh và mất đi của thức, yếu tố cấu tạo thức, sức mạnh của tâm vân vân..., thần giao cách cảm, hình ảnh do viễn vọng, nhận thức bằng hồi tưởng, linh cảm, nghe được, đọc được tư tưởng, tất cả những hiện tượng tâm linh không thể giải thích được bởi khoa học hiện đại gồm trong điều này. (Abhidhammavataara, Trang 54).

Năm luật trên bao gồm mọi thứ trong thế giới và mọi hiện tượng tinh thần hay vật chất có thể giải thích bằng những luật ấy. Chúng là luật trong chính chúng, không cần ai ban hành và Nghiệp cũng vậy là một trong chúng.

Phân Loại Nghiệp

Nghiệp chia thành bốn loại theo thời gian kết quả nảy sinh. Nghiệp chín mùi cùng đời, chín mùi đời sau, chín mùi trong những lần sinh liên tiếp. Ba loại nghiệp này đi đến sinh kết quả như hạt giống sắp sửa nảy mầm. Nhưng hạt giống nảy mầm phải có một số nguyên nhân phụ thuộc như, đất, mưa và vân.... Cũng vậy Nghiệp trở quả cũng cần một số nguyên nhân phụ thuộc như hoàn cảnh, môi trường chung quanh vân vân.... Đôi khi ngẫu nhiên là vì không có những nguyên nhân phụ thuộc nên Nghiệp không trở quả. Nghiệp này gọi là "*Ahosi-Kamma*" hay Nghiệp vô hiệu quả.

Nghiệp cũng được phân loại thành bốn loại theo chức năng đặc biệt của nó. Dẫn Nghiệp là điều kiện của lần sinh tương lai. Hỗ Trợ Nghiệp giúp và duy trì kết quả của Nghiệp đã hiện hữu. Phản ứng Nghiệp, kìm nén hay thay đổi kết quả của Nghiệp tái sinh, và Nghiệp Phá Hoại tiêu diệt nghiệp lực hiện hữu và thay thế bằng hợp lực của chính nó.

Có một cách phân loại theo tầm quan trọng của kết quả. Có Cực Trọng Nghiệp do nghiệp lành hay nghiệp dữ lớn lao phát sinh ngay trong đời này hay đời sau. Về mặt tinh thần của Nghiệp này, tình trạng đạt được tinh thần thanh lọc ở mức độ cao gọi là Đắc thiên hay Hỷ lạc rất mạnh vì nó mang kết quả nhanh hơn trạng thái tinh thần bình thường không được thanh lọc. Về phía đối lập, có năm loại trọng tội tạo nghiệp dữ lớn lao. Những trọng tội này là giết cha, giết mẹ, giết A La Hán (bậc thánh) làm thân Phật chảy máu hay tạo ly gián trong Tăng Đoàn.

Cận Tử Nghiệp là hoạt động mang đến lúc sắp chết về vật chất hay tinh thần - tinh thần bằng việc suy nghĩ đến những hành động xấu tốt trước đây hay có tư tưởng xấu hay tốt. Chính Nghiệp này nếu không phải là nghiệp dữ, quyết định điều kiện cho lần sinh tới.

Tập Quán Nghiệp là hoạt động mà ta làm theo thói quen hàng ngày. Nghiệp này, nếu vắng Cận Tử Nghiệp phát sanh, quyết định lần sanh tới.

Tích Lũy Nghiệp là nghiệp cuối cùng theo thứ tự ưu tiên. Đó là nghiệp chưa cạn hết của một chúng sanh đặc biệt và nó là điều kiện của lần sanh tới nếu tập quán nghiệp không hành hoạt.

Một cách phân loại Nghiệp nữa theo cảnh giới do kết quả mang đến:

- (1) Nghiệp Vô Luân (dữ) mang hậu quả vào cảnh giới lâm than.
- (2) Nghiệp Lành mang hậu quả vào dục giới
- (3) Nghiệp Lành hậu quả vào sắc giới
- (4) Nghiệp Lành hậu quả vào vô sắc giới

Mười Hành Động Vô Luân Và Hậu Quả:

I. Nghiệp vô luân bắt rễ từ Tham, Sân và Si.

Có mười hành động vô luân - đó là Giết, Trộm Cướp, Tà Dâm, (ba điều này là do thân), Nói Dối, Vu Khống, Nói lời Độc Ác, Nói Chuyện Phiếm (bốn điều này là do khẩu). Tham, Ác Ý, và Tà Kiến (Ba điều này là do tâm ý) .

Trong mười điều này, giết có nghĩa là tiêu diệt bất cứ một chúng sanh nào kể cả tất cả các loại súc vật. Hành động giết còu năm điều kiện chính tức là: một chúng sanh, biết là một chúng sanh, có ý giết, cố gắng và kết quả cái chết.

Hậu quả của tội ác giết người là: Chết non, bệnh hoạn, luôn luôn phiền não vì phải xa người thân, luôn luôn sợ hãi.

Hành động trộm cướp gồm có năm điều kiện chính tức: Lấy tài sản của người khác, ý thức được việc này, có ý trộm cướp, có nỗ lực và hậu quả lấy đi. Hậu quả của trộm cướp là: nghèo khổ, bất hạnh, không đạt được ước muốn, và phải sống nhờ vả.

Hành động tà dâm gồm có ba điều kiện chính, tức: có dụng ý vui hưởng mục tiêu đã bị cấm, chiếm đoạt mục tiêu. Tà dâm mang hậu quả: có nhiều kẻ thù, gặp người bạn đường không chung thủy.

Nói dối gồm có bốn trường hợp chính, tức: nói không đúng, dụng ý đánh lừa, có sự cố gắng và nói hai chiều. Hậu quả của nói dối là: bị nhục mạ, bị phi báng, không ai tin, và miệng hôi hám.

Hành động vu khống gồm có bốn điều kiện chính, tức: chia rẽ, có dụng ý chia rẽ, có sự cố gắng, và đưa chuyện. Hậu quả của vu khống là bị mất bạn hữu vô cớ.

Hành động nói lời độc ác có bốn điều kiện chính, tức: sỉ nhục người, giận dữ, chửi rủa người. Hậu quả của nói lời độc ác bị người ghét bỏ dù không lỗi, giọng nói thô lỗ.

Hành động nói chuyện phiếm có hai điều kiện chính, tức: hướng về chuyện phiếm vô ích và kể lể. Hậu quả hành động nói chuyện phiếm vô ích là cơ thể bị xáo trộn, nói không ai nghe.

Hành động tham lam gồm hai điều kiện chính: muốn lấy tài sản của người khác, và lòng tham muốn có tài sản ấy, kẻ ấy nói: "tài sản này là phải của tôi". Hậu quả của tham lam là không đạt được ước muốn.

Hành động ác ý gồm hai điều kiện chính, tức: một chúng sanh khác và có ý làm hại chúng sanh đó. Hậu quả của ác ý là xấu xí, bệnh tật và bản tính đáng ghét.

Tà kiến có nghĩa là nhìn sự vật ai, không biết chúng thật sự đúng như thế nào. Tà kiến gồm hai điều kiện chính là cách đối xử sai lầm trong quan điểm với đối tượng, hiểu lầm đối tượng ấy theo quan điểm đó. Hậu quả của tà kiến là: luyến chấp, thiếu trí tuệ, trí khôn thấp kém, bệnh tật kinh niên và tư tưởng đáng trách. (Expositor, Pt. 1.p. 128)

II. Nghiệp Lành Mang Hậu Quả Ở Dục Giới.

Có mười hành động tinh thần - đó là, độ lượng, giới, thiện, kính trọng, phục vụ, hồi hướng công đức, hoan hỷ công đức của người khác, nghe pháp, giảng pháp, và thiết lập quan điểm đúng đắn.

"Độ lượng" mang của cải. "Giới" khiến người ta được sinh trong một gia đình quý phái hạnh phúc. "Thiện" giúp sanh sinh vào cõi sắc hay vô sắc và giúp đạt kiến thức cao và giải thoát.

Kính trọng người, ta được người kính trọng lại. Phục vụ người khác, ta được người khác phục vụ lại. "Hồi hướng công đức giúp ta có nhiều của cải để cho trong kiếp sau. "Hoan hỷ công đức của người khác" tạo niềm vui tại bất cứ nơi đâu ta sinh ra. Nghe pháp và giảng pháp dẫn đến trí tuệ.

III. Nghiệp Lành Mang Hậu Quả Ở Sắc Giới.

Có năm loại hoàn toàn về tinh thần mang lại trong tiến trình hành thiện, tức:

- (1) Trạng thái thứ nhất của Đắc Thiện hay Hỷ Lạc có năm thành phần cấu tạo: sơ thiên, nhị thiên, trạng thái say mê, sung sướng, gom tâm vào một điểm.
- (2) Trạng thái thứ hai của Đắc Thiện xảy ra cùng lúc với nhị thiên được chấp nhận, trạng thái say mê, sung sướng, gom tâm vào một điểm.
- (3) Trạng thái thứ ba của Đắc Thiện xảy ra cùng lúc với trạng thái say mê, sung sướng và gom tâm vào một điểm.
- (4) Trạng thái thứ tư xảy ra cùng một lúc với sung sướng và gom tâm vào một điểm.
- (5) Trạng thái thứ năm của Đắc Thiện cùng với sự thanh thân và gom tâm vào một điểm.

IV. Nghiệp Làh Mang Hậu Quả Ở Vô Sắc Giới.

Có bốn loại hoàn toàn tinh thần thực hiện trong tiến trình thiên, tức:

- (1) Không vô biên xứ (thần thức ở trong sự vô tận của không gian)
- (2) Thức vô biên xứ (Thần thức ở trong sự vô tận của ý thức)
- (3) Vô sở hữu xứ (thần thức ở tình trạng không tồn tại).
- (4) Phi tướng Phi phi tướng xứ (Thần thức ở nơi mà tri giác cực vi tế đến nỗi không thể nói có hay không)

Tự Do Ý Chí

Nghiệp như đã nói ở trên, không phải là số phận, không phải là một định mệnh không thể thay đổi được. Nó cũng chẳng phải là buộc ta phải gặt hái tất cả những gì ta đã gieo cho cân xứng. Những hành động của Nghiệp không phải là tuyệt đối không thay đổi được và chỉ có một số ít thôi. Thí dụ, bắn một viên đạn qua nòng súng, ta không thể gọi viên đạn quay về hay làm lệch mục tiêu của nó. Nhưng thay vì viên đạn chì hay viên đạn thép bắn qua không khí mà là một quả bóng bằng ngà voi bắn vào một thảm xanh bằng phẳng ta có thể dùng cây gậy chơi bi da để di chuyển quả bóng, và sau đó ta có thể chọc đằng sau nó, và với nhanh nhẹn và không chọc quá mạnh, ta có thể chạy vòng sang phía kia bàn bi da, chọc theo hướng ngược lại làm cho nó chạy thẳng đúng hướng và ngừng lại ở một chỗ. Với hành động sau bằng cái gậy bi da, ta thay đổi, hay trong trường hợp thuận lợi, ta có thể hoàn toàn làm mất tác dụng hành động trước đây. Cũng giống như vậy, Nghiệp hành hoạt trong dòng suối mệnh mông của đời người. Cũng vậy, một hành động của Nghiệp ở ngày hôm sau có thể thay đổi hậu quả của nghiệp ở ngày hôm trước. Nếu không vậy, làm sao một người có thể thoát khỏi tất cả các Nghiệp? Nghị lực tự nơi mình tiếp tục sẽ vĩnh viễn không bao giờ chấm dứt.

Cho nên, con người có tự do ý chí, và có khả năng uốn nắn đời sống mình hay thay đổi những hành động. Cả đến một người tội lỗi nhất nhưng với thiện chí và cố gắng có thể trở thành một người đạo đức nhất. Ta có thể bất cứ lúc nào thay đổi thành tốt hơn hay xấu hơn. Mọi sự trên thế giới kể cả chính con người cũng tùy thuộc vào hoàn cảnh nếu không có hoàn cảnh không có gì có thể phát sanh hay tiến tới hiện hữu. Cho nên con người có một số tự do ý chí tuy không hẳn là tuyệt đối tự do ý chí. Theo triết lý Phật Giáo, mọi thứ, tinh thần hay vật chất, phát sanh theo định luật và hoàn cảnh. Nếu không như vậy, sự hỗn loạn và sự ngẫu nhiên ngự trị. Tuy nhiên việc như vậy không thể được, và nếu không, tất cả những định luật thiên nhiên mà khoa học hiện đại khám phá ra đều bất lực.

Sự thật, bản chất thực về hành động Nghiệp của con người là tinh thần. Khi một tư tưởng hiện lên trong tâm của một con người nhiều lần, có một khuynh hướng nhất định trở lại tư tưởng đó.

Khi một hành động được thực hiện nhiều lần, có khuynh hướng nhất định tái diễn hành động ấy. Cho nên, mỗi hành động, tinh thần hay vật chất, có khuynh hướng luôn luôn nảy sanh giống như vậy, và quay trở lại phát sanh. Nếu một người có tư tưởng tốt, nói lời lương hảo, hành vi tốt, hậu quả tác động đến người đó sẽ tăng khuynh hướng lòng tốt nơi người đó, làm người đó trở thành một người tốt hơn. Nếu trái lại, người đó có hành vi xấu trong tư tưởng, lời nói hay hành động, người đó sẽ tự củng cố khuynh hướng xấu, chính người đó đã tự mình làm mình trở nên người xấu hơn. Đã trở thành một người xấu, người ấy sẽ hướng về làm bạn với các người xấu trong tương lai, và phải chịu tất cả mọi loại bất hạnh của đời sống đối với hạng người như vậy. Trái lại, phần chính của đặc tính càng tiếp tục lớn mạnh tốt hơn, đương nhiên thu hút làm bạn vào nhóm người tốt, vui hưởng lạc thú, tiện nghi, không bị những chuyện

bất ngờ, đột ngột trong cuộc sống con người bao hàm trong xã hội.

Trong trường hợp với người có văn hóa, cả đến những tội lỗi lớn cũng có thể được giảm thiểu, trong khi với người không văn hóa tội ít cũng phát sinh hậu quả lớn đến mức tối đa tùy theo hoàn cảnh thuận hay không thuận lợi.

Những Bài Học Dạy Bối Nghiệp

Càng hiểu nhiều về Nghiệp luật, ta càng thấy phải cẩn thận như thế nào trong mọi hành động, lời nói, tư tưởng, và trách nhiệm như thế nào đối với người đồng chủng. Sống trong ánh sáng của kiến thức này, chúng ta học được một số bài học từ học thuyết về Nghiệp.

1. Kiên Nhẫn

Biết Nghiệp luật giúp đỡ ta rất nhiều, nếu chúng ta sống theo luật, không điều hại gì đến với chúng ta nếu chúng ta làm theo luật, phước lành đến với chúng ta đúng lúc, chúng ta học được bài học to lớn về kiên nhẫn, không phải để bị kích động mà là cái không kiên nhẫn ấy kìm hãm tiến bộ. Trong khi đau khổ, chúng ta biết chúng ta phải trả nợ, chúng ta biết, nếu khôn ngoan chúng ta không tạo thêm đau khổ cho tương lai. Trong khi hoan hỉ, chúng ta cảm ơn những điều thú vị, và học hỏi, nếu chúng ta khôn ngoan, chúng ta càng tốt hơn nữa. Kiên nhẫn đem hòa bình, thành công hạnh phúc và yên ổn.

2. Tin Tưởng

Luật đúng, toàn hảo, thì một người hiểu biết không thể bị khó chịu về luật ấy. Nếu chúng ta khó chịu và không có tin tưởng, nó chúng tỏ rõ ràng chúng ta không nắm vững sự thật của luật. Chúng ta thực sự an ổn dưới đôi cánh của luật, không có gì phải sợ hãi trong tất cả vũ trụ rộng lớn này ngoại trừ những hành vi lầm lẫn của chính mình. Luật làm con người đứng vững trên đôi chân và tăng lòng tự tin. Tin tưởng tăng sức mạnh, chứ

không nhận chìm hòa bình, và hạnh phúc của chúng ta, làm chúng ta thoải mái, can đảm dù đi đến đâu Luật cũng là người bảo vệ chúng ta.

3. Tự Tin

Vì quá khứ làm chúng ta thành ngày nay, cho nên bởi những gì chúng ta làm bây giờ sẽ quyết định tương lai. Hiểu được sự việc này, vinh quang ở tương lai vô tận, cho chúng ta lòng tự tin, và không còn khuynh hướng kêu gọi sự giúp đỡ ở bên ngoài, mà thực ra chẳng có sự giúp đỡ nào cả, Đức Phật dạy: "Thanh tịnh hay không thanh tịnh do nơi chúng ta, không ai có thể thanh tịnh hóa người khác được"

4. Kiểm Chế

Đương nhiên, nếu chúng ta nhận thức được tội lỗi sẽ trở về làm chúng ta đau khổ, chúng ta phải hết sức thận trọng về việc làm, nói năng và nghỉ ngơi, điều gì không tốt không thanh tịnh và không đúng. Kiến thức về Nghiệp sẽ giữ chúng ta không làm điều sai trái vì lợi ích cho người khác cũng như cho chính mình.

5. Sức Mạnh

Càng lấy học thuyết về nghiệp làm một phần của đời sống, chúng ta càng có sức mạnh, không những chỉ đường tương lai, mà còn giúp đỡ người đồng chúng hữu hiệu hơn. Thực hành Nghiệp Lành, khi phát triển đầy đủ, chúng ta có thể vượt qua tội lỗi và giới hạn, phá vỡ tất cả gông cùm trói buộc không cho chúng ta đạt mục tiêu, Niết Bàn.



9

NHỮNG CÔNG NĂNG VĨ ĐẠI CỦA PHÁP*Tiến Sĩ K.Sri. Dhammananda*

Lời Phật dạy thường được gọi là Pháp (*Dhamma hay Dharma*). Lời dạy này chẳng phải là một khám phá hay một ước đoán truyền thuyết với sự quanh co thần học. Đó là Chân Lý lan tràn trong Vũ trụ, là sự khám phá duy nhất của một đại đạo sư giác ngộ. Tuy nhiên, Phật giáo là thuật ngữ hiện được dùng cho Pháp và được đặt tên sau khi khám phá ra. Đức Phật Cổ Đàm, nhận thức ra Chân Lý và phổ biến chân lý này cho thế giới. Chắc chắn có sự khó khăn cho một người bình thường thấu triệt được đúng vì tâm ý họ còn bị vẩn đục bởi ảo tưởng.

Có nhiều công năng trong Pháp khiến Pháp tuyệt vời và toàn bích trong ý nghĩa cao cấp nhất của thuật ngữ này. Tuy nhiên có ba khía cạnh về Pháp cần được ghi nhận. Khía cạnh thứ nhất là lý thuyết phải được học trong sự thanh tịnh ban sơ. Khía cạnh thứ hai là sự áp dụng thành thực, sự thực hành lời giáo huấn, sống theo lời dạy của Đức Phật bằng cách tránh tất cả tội lỗi, làm điều thiện và thanh tịnh tâm ý. Khía cạnh thứ ba là phát triển trí tuệ, đạt được sự hiểu biết hoàn toàn về sự thực của những hiện tượng.

Trong số nhiều các công năng, sáu đặc tính nổi bật ghi trong các bản văn có căn cứ đích xác. Những Pháp Đức Hạnh này được tụng trong các khóa tụng niệm hàng ngày của người Phật Tử. Kệ bình dân bằng tiếng Pali giải thích những Pháp đức hạnh ấy như sau:

*Svakkhata Bhagavata Dhammo, Sanditthiko, Akaliko,
Ehipassiko, Opanayiko and Paccatam Vedittabo Vinnuhi.*

Chi tiết về những đặc điểm nổi bật này được miêu tả và giải thích như sau:

1. Svakkhato Bhagavata Dhammo

Thuật ngữ này có nghĩa là Pháp được khám phá ra và công bố bởi Đức Thế Tôn. Pháp này được coi như công năng chung của tất cả ba khía cạnh Giáo Lý, gọi là lý thuyết, sự tu tập chân thành và thấu triệt hoàn toàn trong khi phần từ ngữ còn lại liên quan với siêu trần (lokuttara) gồm có tám giai đoạn đạt thánh quả và Niết Bàn - coi như Summum Bonum của Phật Giáo.

Pháp được giải thích cặn kẽ bởi Giáo Chủ. Phần đầu xuất sắc, phần giữa xuất sắc và phần cuối cũng xuất sắc. Không có mâu thuẫn, không có sự tự ý thêm vào và cũng không chệch hướng. Cũng như mỗi giọt nước trong biển cả chỉ có một vị, vị của muối mặn, Pháp chỉ có một, chỉ có một vị bất cứ lúc nào, vị hạnh phúc Niết Bàn. Pháp chân thật cả chữ lẫn ý. Môn học về Pháp bắt đầu với Giới (Sila) tức hạnh kiểm tốt, với Định (Samadhi), ý thức của tâm thanh thản, và với Huệ hay Tri Huệ (Panna) phát sanh sau khi đạt được Định.

Muốn đạt kiến thức về Pháp phải bắt đầu với việc nghiên cứu Pháp bằng cách nghe những bài thuyết trình thông thái giải thích cặn kẽ sự phức tạp của nó và hiểu thấu phương pháp để áp dụng vào thực tiễn. Do sự tu tập kiên trì, ta có thể loại bỏ những ô trược tinh thần đưa đến kết quả tâm trở nên thanh thản, bình tĩnh và hạnh phúc. Hoàn tất được trạng thái tinh thần như vậy sẽ dọn đường cho việc đạt được kiến thức cao hơn gọi là tuệ giác hay tuệ minh sát (Vipassana). Kiến thức nội tâm này khi phát triển vững vàng tức đạt vinh quang hoàn hảo của sự chứng đắc rực rỡ, điều có thể đạt được ngay trong hiện đời.

Lời giải nghĩa của Đức Phật về chúng sanh và thế giới tạo thành kiểu mới nhất về tư tưởng con người. Căn cứ vào sự khám phá trên căn bản sự hiểu biết hữu lý, không dính dấp gì đến truyền thuyết thời đại, Đức Phật đi sâu vào cốt tủy Pháp và xuất hiện với sự khám phá về sự hiểu biết nằm dưới tất cả sự hiện hữu có thể nhận thức bằng giác quan. Không độc tài hay độc quyền, Ngài tuyên bố Pháp- giáo lý thay thế cho tất cả giáo lý khác.

Pháp không liên quan gì tới bất cứ cái gì gọi là thần thông tối thượng, nhưng được trình bày bởi Đức Phật trên cơ sở cá nhân, tức người này đến người kia cho phép hành giả nhận định và suy ngẫm cho chính mình những phương cách để đạt giải thoát không cần tìm đến sự giúp đỡ bên ngoài. Pháp có trên hoàn vũ, và là một lợi ích sống còn cho nhân loại ở bất cứ nơi nào trên thế giới vào bất cứ lúc nào.

Thật ý nghĩa Ngài đưa ra sự giải thích hữu lý và khoa học riêng của Ngài về tất cả những ngôn ngữ triết lý trước khi chúng được đem sử dụng trong giáo lý của Ngài về Pháp. Chẳng hạn trước Đức Phật, Nghiệp chỉ có nghĩa là hành động, nhưng nay có nghĩa mới là ý muốn đằng sau hành động.

Pháp cao thượng không ngừng tố cáo sự bất công như chế độ đẳng cấp khắc nghiệt, nô lệ và kỳ thị thân phận thấp hèn về phụ nữ. Đức Phật chẳng bao giờ là nhà độc tài mà là vị Đạo Sư dân chủ.

Bắt đầu với Ba nơi Nương Tựa (*Tirana*), và cuối cùng dẫn đến việc đạt được hạnh phúc Niết Bàn, tín đồ của Đức Phật thấy mình hết sức an ổn dưới sự hướng dẫn và che chở của Pháp được tuyên bố là - *Savakkhato*.

2. Sanditthiko

Sanditthiko đem ý nghĩa là nếu Pháp được nghiên cứu kỹ, và mang ra thực hành chân thành, kết quả lợi ích sẽ nhìn thấy ngay

tại chỗ và ngay tức khắc. Chẳng hạn, ngay cả một người ác, có thể là một tai họa thực sự cho chính hắn và xã hội, tìm nương tựa nơi Đức Phật và Pháp, và bắt đầu một cuộc sống mới, tất cả những khó khăn và lằn than sẽ chấm dứt. Như đã được chứng minh bằng cuộc đời Hoàng Đế A Dục Vương (Asoka), sau khi đi theo Phật Giáo, ông đã thay đổi từ một người cầm quyền độc ác gọi là Candasoka thành một người chánh đáng Dhammasoka.

3. Akaliko

Akaliko ngụ ý hậu quả lợi lạc từ việc tu tập Pháp không bị chậm trễ. Pháp, mặc dù khoảng thời gian dài từ khi được tuyên bố đã trôi qua, vẫn như mới và không hề hấn gì. Pháp tiếp tục tồn tại song song với tư tưởng khoa học mới nhất. Nếu có chân lý, chân lý ấy không bao giờ lỗi thời. Pháp là Chân Lý ấy không bao giờ già nua theo thời đại vì nó miêu tả sự thật nằm dưới tất cả hiện tượng hiện hữu trong luân hồi. Tóm lại, Pháp nói rằng thế gian là bất toại nguyện và chính cái tham này là nguyên nhân không tránh được về tình trạng các biến cố hiện nay. Biện pháp cứu chữa sự bất mãn này là loại bỏ lòng tham qua sự tu tập tám yếu tố khéo léo gọi là Bát chánh Đạo.

4. Ehipassiko

Ehipassiko là công khai mời tất cả mọi người đến xem, điều tra, nghiên cứu kỹ lưỡng Pháp, và nếu cần phê bình trước khi chấp nhận vì không có điều gì là hoang đường hay huyền bí cả. Pháp trong sạch và trong suốt như pha lê. Nó nguyên chất như vàng thoi. Chính Đức Phật đã tuyên bố: "Đừng chấp nhận điều gì tôi nói, chỉ vì kính trọng tôi mà chấp nhận là không nên" Cũng như vàng nguyên chất chỉ biết chắc khi đem thử lửa hay mài rửa bằng đá mài, giống như vậy, Pháp chỉ nên chấp nhận sau khi đã nghiên cứu kỹ lưỡng." Sự khẳng định không hề sợ sệt này cho phép nghiên cứu kỹ càng giáo lý chứng tỏ sự vĩ đại của Đức Phật, và chân lý vững chắc của Giáo Pháp tuyệt vời.

5. Opanayiko

Opanayiko có nghĩa là tất cả những ai trung thành với Giáo Pháp, sẽ bước vào con đường dẫn đến hòa bình và hạnh phúc trường cửu. Pháp cho biết có bốn tầng thánh quả đạt được bằng cách phát triển theo thứ tự lớp lang. Pháp dẫn môn đồ từ tầng này đến tầng kia cho đến khi giải thoát hết tất cả những ràng buộc và gông cùm của cuộc sống.

6. Paccattam Veditabbo Vinnuhi

Nhóm từ trên ngụ ý Pháp được linh hội bởi người trí. Không ai có thể thâm nhập Pháp thay thế cho người khác, giống như không ai có thể làm cho người khác hết khát trừ khi chính người khát phải uống nước. Quan sát thấy có hai khía cạnh có ý nghĩa trong thuật ngữ này: thứ nhất, đạt giác ngộ có tính cách cá nhân, thứ nhì, Giáo Pháp chỉ có thể thấu triệt bởi người trí.

Đức Phật không phải là vị cứu thế mà là vị thầy - Người thầy chỉ con đường cho người khác theo. Phần còn lại là do cá nhân liên hệ phải giữ giới. Giữ Giới (*Sila*), tu tập Thiền Định (*Samadhi*), tập trung tư tưởng và sau đó phát triển huệ (*Panna*), trí tuệ trực giác giúp cho cá nhân thành công trong việc giải thoát bằng nỗ lực của chính mình.



10

ĐƯỜNG ĐẾN HẠNH PHÚC TỐI THƯỢNG*Tổng hợp từ nhiều tài liệu*

Tất cả mọi người đều muốn được sung sướng. Tất cả mọi người đi tìm hạnh phúc. Con người tìm hạnh phúc hết thời đại này đến thời đại khác nhưng chẳng bao giờ tìm thấy trong đường lối đã được tìm kiếm bằng cách thích nghi những điều kiện của thế giới bên ngoài và không lưu ý gì đến thế giới bên trong của tâm. Lịch sử thế giới chứng minh điều đó. Cải cách xã hội, cải tổ kinh tế, sửa đổi luật pháp, canh tân chính trị, tuy có ý tốt và tính toán kỹ nhưng chưa bao giờ mang được hạnh phúc hoàn toàn và thực sự cho con người. Tại sao?

Khi một mớ hoàn cảnh bất toại nguyện này được loại bỏ, một bất toại nguyện khác lại xuất hiện, và khi bất toại nguyện này được loại bỏ thì một bất toại nguyện khác lại hiện ra. Cái xuất hiện và tái xuất hiện, cái phát sanh rồi lại tàn đi là cốt lõi của tất cả sự vật và hoàn cảnh thế gian. Không bao giờ có thể có được việc sản xuất hàng loạt hạnh phúc thực sự. Đó là một điều gì riêng tư và cá nhân. Điều đó đến từ bên trong chứ không phải bên ngoài. Điều đó cũng không phải là vì thế giới bên ngoài mà ta đi tìm kiếm hạnh phúc mà là thế giới bên trong của tâm.

Khoa học hiện đại tuyên bố không có gì trong vũ trụ này tĩnh lặng. Mọi thứ đều năng động, mọi thứ đều chuyển động. Không có gì đứng nguyên một chỗ. Chúng ta hoặc tiến lên hoặc lùi xuống. Chúng ta hoặc trở nên tốt hơn, hạnh phúc hơn hoặc tiến về hướng tội lỗi và tích lũy phiền não. Muốn được hạnh phúc

thì phải vượt qua phiền não. Muốn thắng lướt phiền não, Đức Phật chỉ cho nhân loại con đường dẫn đến loại bỏ phiền não.

Con đường tới hạnh phúc là Đường Bát Chánh Đạo cao quý. Con đường này được ai đó đặt chân vào trước khi ta có thể gọi là Con Đường Bát Chánh Đạo. Trong từ "Đạo" (Đường) vốn được nghĩ người nào đó đã giẫm bước vào trước đây.

Con Đường không thể đột nhiên hiện hữu. Người nào đó phải trước tiên cắt rừng, làm cho quang đảng rồi mới bước đi được. Tương tự như vậy, Bát Chánh Đạo cao quý đã được đặt bước trước đó bởi nhiều Đức Phật và các bậc A La Hán. Đức Phật đã khám phá ra con đường này nhưng không tạo ra nó, vì nó đã hiện hữu từ quá khứ xa xăm. Đường nhiên đó là một con đường cổ (*Parana Magga*).

Bát Chánh Đạo cao quý là Con Đường phải bước vào. Đường này là một điều thực tiễn thiết yếu. Muốn biết và chứng nghiệm chân lý này, ta phải giẫm bước vào con đường đó. Con đường này chứa đựng một sự tập hợp thận trọng và khôn ngoan tất cả những điều kiện quan trọng tất yếu cho việc phát triển tinh thần của con người. Bát Chánh Đạo được phân chia thành ba nhóm: Giới (*Sila*: hạnh kiểm, đạo đức), Định (*Samadhi*: kỷ luật tinh thần), và Huệ (*Panna*: trí tuệ). Con đường này duy nhất với Phật Giáo, và khác biệt hẳn với tất cả tôn giáo và triết lý khác. Đó là tiêu chuẩn về tinh thần và hạnh kiểm dẫn đến chấm dứt khổ đau, phiền não, và thất vọng để kiến tạo toàn hòa bình, Niết Bàn.

Tám yếu tố của Bát Chánh Đạo là:

HUỆ:

1. Chánh Kiến
2. Chánh Tư Duy

GIỚI:

3. Chánh Ngữ

4. Chánh Nghiệp
5. Chánh Mạng

ĐỊNH:

6. Chánh Tinh Tấn
7. Chánh Niệm
8. Chánh Định

Nhắc đến con Đường này, trong bài thuyết giảng đầu tiên, Đức Phật gọi con đường này là Trung Đạo (*Majjihima patipada*), vì nó tránh hai cực đoan. Quá say mê lạc thú nhục dục trần tục thấp hèn dẫn đến tai hại là một cực đoan, tự hành xác dưới hình thức tu khổ hạnh làm cho đau đớn, thấp hèn dẫn đến tai hại là một cực đoan.

Ta phải nhớ rằng 'con đường' chỉ là cách diễn đạt bóng bẩy. Theo quy ước chúng ta nói về đi trên con đường, trong nghĩa ý nghĩa tột cùng, tám bước có nghĩa tám yếu tố tinh thần. Chúng phụ thuộc và liên quan lẫn nhau và ở mức độ cao nhất, chúng hành hoạt đồng thời, chúng không hoạt động lần lượt theo số thứ tự. Ngay cả ở mức độ thấp, mỗi yếu tố có đượm vẻ chánh kiến ở một mức độ nào đó, vì đó là ý chủ đạo của Phật Giáo.

Với lời nói mạnh mẽ, Đức Phật đã cảnh cáo tín đồ không được chỉ chú ý vào sách vở như sau:

Dù tụng nhiều kinh, mà không hành động phù hợp, con người vô ý này giống như người chăn bò đếm trâu bò không phải của mình (không có được sản phẩm về bò). Người đó không có phần thành quả của một người tinh lạng.

Dù tụng kinh ít, nhưng hành động đúng theo giáo lý, bỏ tham, sân si, có chánh kiến, tâm người đó hoàn toàn giải thoát, không vương mắc điều gì ngay bây giờ và sau này, người đó có phần thành quả của người tinh lạng. (Kinh Pháp Cú)

Sự đạt được mục tiêu cuối cùng của Phật Giáo (Niết Bàn) không đòi hỏi sự tinh thông triết lý sâu xa và thâm thúy của Phật Giáo. Điều đòi hỏi là sự phát triển không ngưng tâm ý qua quá trình đạo đức và thiền định. Đức Phật tuyên bố: "Giữ giới và rèn luyện tâm ý, ta chứng nghiệm kiến thức dẫn đến giải thoát".

GIỚI

Vậy thì, giới, căn cứ trên tình thương yêu và lòng từ bi, gồm có ba yếu tố của Bát Chánh Đạo. Đó là Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp và Chánh Mạng.

Đức Phật dẫn giải giáo lý của Ngài vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh xuất phát từ lòng từ bi cho thế giới.

Giới, giai đoạn tiên khởi của Bát Chánh Đạo, căn cứ vào lòng từ ái này. Tại sao ta nên kìm hãm, không hãm hại và cướp bóc người khác? Phải chăng vì thương chính mình và người khác? Tại sao ta nên cứu trợ kẻ nghèo kẻ thiếu thốn và những người trong nguy khốn? Phải chăng vì lòng từ bi với họ?

Tránh tội lỗi và làm điều thiện là chức năng của giới, chuẩn tắc hạnh kiểm đạo đức dạy trong Phật Giáo. Chức năng này không bao giờ làm mất giá trị lòng từ ái. *Giới* bao gồm những đức tính của tâm như thương yêu, nhũn nhặn, khoan dung, hiếu thảo, nhân từ, và vui vẻ với sự thành công của người khác.

Theo Phật Giáo một người hoàn hảo phải phát triển hai đức tính bằng nhau: một mặt từ bi và một mặt trí tuệ. Nơi đây từ bi tượng trưng bằng tình thương yêu, nhân từ, tử tế, khoan dung, và những đức tính cao quý như vậy về mặt cảm xúc hay những đức tính của con tim, trong khi trí tuệ đứng về mặt trí thức hay đức tính của tâm ý. Nếu một người chỉ phát triển mặt cảm xúc và không lưu ý đến phần trí thức, có thể trở nên một người ngốc tốt bụng; trong khi chỉ phát triển mặt trí thức, không lưu ý mặt

cảm xúc, có thể trở thành một người tri thức nhân tâm không có sự thông cảm với người khác. Cho nên muốn hoàn toàn, ta phải phát triển đồng đều cả hai.

Chánh Ngữ có nghĩa không:

- nói dối,
- nói xấu, vu khống và nói năng có thể mang sân hận, thù oán, chia rẽ và bất hòa giữa cá nhân hay nhóm người,
- nói lời cục cằn, thô lỗ, không lễ độ, hiểm độc và những lời sỉ nhục, và
- chuyện phiếm, chuyện bép xép vô ích và đại dột, ngồi lê đôi mách. Khi ta gìn giữ không nói những lời sai trái và có hại như vậy, đương nhiên ta nói điều chân thật, dùng những lời nói thân hữu và nhân đức, vui vẻ và lịch sự, có ý nghĩa và ích lợi. Ta không nên nói bừa bãi: lời nói phải đúng lúc và đúng chỗ. Nếu không nói được điều ích lợi, ta nên giữ im lặng cao thượng.

Chánh Nghiệp là gìn giữ không:

- giết,
- trộm cắp, và
- tà dâm, nên trau dồi từ bi, chỉ lấy khi được cho, và sống thanh tịnh và trong sạch.

Chánh Mạng là bỏ lối sống sai trái mang tai hại và khổ đau cho người khác:

- buôn lậu súng ống và vũ khí gây chết người,
- buôn bán súc vật để giết thịt,
- buôn người (tức mua bán nô lệ lan tràn trong thời Đức Phật),
- buôn bán các thứ nước uống có chất say, và

- buôn bán thuốc độc

và nên sống bằng nghề nghiệp không ai chê trách, không làm hại mình, hại người.

Ta có thể nhìn thấy rõ ràng nơi đây Phật Giáo chống lại mạnh mẽ bất cứ hình thức chiến tranh nào, buôn bán súng ống và vũ khí giết người là một tội lỗi và là phương cách kiếm sống bất chính.

Nên hiểu rằng đạo đức và hạnh kiểm luân lý (Giới) của Phật Giáo nhằm vào vận động một đời sống hạnh phúc và hài hòa cho cá nhân và xã hội. Giới được coi như nền tảng cần thiết cho tất cả đạt quả vị tinh thần cao hơn. Tinh thần không thể phát triển được nếu không có luân lý căn bản ấy. Những nguyên tắc luân lý này mục đích làm xã hội an ninh bằng cách vận động đoàn kết, hòa hợp, sự quan hệ đứng đắn giữa người dân.

Trong Phật Giáo, đạo đức chưa phải là mục đích. Nó chỉ là một phương tiện để đi đến mục đích. Hạnh kiểm toàn hảo tách ra khỏi mục đích, không tiến về mục đích mong muốn, có rất ít ý nghĩa từ quan điểm của người Phật Tử. Không chỉ tội lỗi mà điều thiện cũng phải được siêu việt. Cả đến giáo lý của Ngài phải siêu việt. Đức Phật so sánh giáo pháp của Ngài với một cái bè sử dụng bởi chúng ta Nissaranatthaya tức chỉ với mục đích vượt qua sông, và Nagahanatthaya- tức không phải giữ bè lại. Khi chúng ta sang được bờ bên kia, chúng ta không cần phải mang theo cái bè ấy nữa. Bè đó phải được bỏ lại.

ĐỊNH: Kỷ Luật Tinh Thần

Tiếp theo là kỷ luật tinh thần gồm có ba yếu tố trong Bát Chánh Đạo là Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm và Chánh Định.

Chánh Tinh Tấn là sự nỗ lực kiên trì:

- để ngăn chặn các tư tưởng tội lỗi và bất thiện chưa phát sanh,

- loại bỏ những tư tưởng tội lỗi đã phát sanh,
- làm cho phát sanh và phát triển tư tưởng thiện chưa phát sanh, và
- đẩy mạnh, củng cố tư tưởng thiện đã phát sanh.

Cho nên chức năng của Chánh Tinh Tấn là thận trọng, kiểm soát tất cả những tư tưởng không lành mạnh, trau dồi, thúc đẩy và duy trì tư tưởng thiện và trong sạch phát sanh trong tâm con người.

Người khôn ngoan làm chủ lời nói và hành động nhờ Giới (sila) gắng sức nghiên cứu kỹ lưỡng tư tưởng và các yếu tố tinh thần của mình, và tránh làm rối tư tưởng.

Chánh Niệm là luôn tỉnh thức, chú ý và lưu tâm đến:

- những hoạt động của thân (*kaya*),
- cảm giác hay cảm nghĩ (*vedana*),
- những hoạt động của tâm (*citta*), và
- ý kiến, tư tưởng, quan niệm và pháp (*dhamma*)

Tu tập về tập trung hơi thở (*anapanasati*) là một trong những phương pháp rèn luyện có quan hệ với thân để phát triển tinh thần. Có một vài phương cách khác để phát triển sự chú ý liên quan đến thân - những phương pháp về thiền.

Về cảm giác và cảm nghĩ, ta nên tỉnh thức với tất cả các dạng cảm giác và cảm nghĩ, hài lòng, không hài lòng và cảm giác không rõ rệt, chúng phát sinh và biến đi trong ta như thế nào.

Về hoạt động của tâm, ta nên tỉnh thức xem có phải tâm ta có đầy dục vọng hay không, có sân hận hay không, có lừa dối hay không, có xao lãng hay tập trung vân vân.. Theo cách đó, chúng ta nên giác tỉnh xem tất cả những hoạt động của tâm xuất hiện và biến đi như thế nào.

Về ý kiến, tư tưởng, quan niệm và pháp, ta nên biết bản chất của chúng, chúng xuất hiện và biến đi ra sao, phát triển ra sao, bị đè nén và tiêu diệt ra sao vân vân.

Điều thứ ba và là yếu tố cuối cùng của Kỷ Luật tinh thần là **Chánh Định** dẫn đến bốn giai đoạn của Thiền, thường được gọi là nhập định. Ở tầng thứ nhất, những ham muốn say mê, và một số tư tưởng bất thiện như dâm dục, ác ý, bạc nhược, lo lắng, bồn chồn, và nghi ngờ bị loại bỏ, và cảm nghỉ vui và hạnh phúc được duy trì với một số hoạt động tinh thần. Ở tầng thứ hai, tất cả những hoạt động tinh thần bị loại bỏ, tĩnh lặng và nhất điểm tâm phát triển, và cảm nghỉ hỷ lạc, hạnh phúc vẫn còn. Ở tầng thứ ba, cảm nghỉ hỷ lạc, là một cảm giác tích cực, cũng biến đi, trong khi khuynh hướng hỷ lạc vẫn còn thêm vào sự thanh thản trong tâm. Ở tầng thứ tư, tất cả những cảm giác, cả đến hạnh phúc hay không hạnh phúc, vui và phiền não, biến đi, và chỉ còn lại sự tĩnh lặng thanh tịnh và tỉnh thức còn lại.

Cho nên tâm được huấn luyện, rèn luyện và phát triển nhờ Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm và Chánh Định.

HUỆ

Hai yếu tố còn lại là Chánh Kiến và Chánh Tư Duy thuộc về Huệ.

Chánh Tư Duy gồm tư tưởng bao hàm các ý nghĩ về từ bỏ trần tục, thiện chí, từ bi hay không làm hại. Những tư tưởng này phải được trau dồi và mở rộng tới tất cả các chúng sanh không phân biệt giống nòi, đẳng cấp xã hội, bè này phái kia. Vì chúng bao gồm tất cả những điều cần thiết nên không có giới hạn. Những tư tưởng cao quý như vậy không thể có được nơi một người vị kỷ, chỉ biết mình.

Một người có thể là thông minh, uyên bác, và học rộng, nhưng thiếu tư tưởng chính đáng, theo như giáo lý của Đức Phật, người đó là người ngốc nghếch (*bala*) không phải là một người hiểu

biết chính đáng và tuệ giác. Nếu nhìn sự vật với nhận thức vô cảm, chúng ta sẽ hiểu rằng ham muốn vị kỷ, sân hận và bạo lực không thể đi đôi với Trí Huệ thực sự. Chánh Kiến và Huệ (Trí Huệ) bao giờ cũng thấm nhuần với tư tưởng chính đáng, không bao giờ làm mất chúng.

Chánh Kiến là hiểu biết sự vật chúng đúng là như thế, Tứ Diệu Đế giải thích sự vật chúng đúng như thế nào. Cho nên Chánh Kiến chủ yếu là hiểu rõ Tứ Diệu Đế. Sự hiểu biết này là trí tuệ cao cả nhất nhìn thấy Sự Thật Tối hậu.

Theo Phật Giáo có hai loại hiểu biết: Cái mà ta thường gọi hiểu biết là kiến thức về một sự tích lũy của trí nhớ, một sự tóm tắt trí thức của một vấn đề theo một số dữ kiện. Điều này gọi là 'cái-biết-phù-hợp'. Nó không sâu lắm. Hiểu biết thật sâu xa gọi là 'thâm nhập' (pativedha), nhìn sự vật theo đúng bản chất, không phải tên và nhãn hiệu. Sự thâm nhập này chỉ có thể có được khi nào tâm đã gột rửa được hết những bất tịnh và đã hoàn toàn phát triển qua thiền định.

Chánh Kiến hay thâm nhập Trí huệ là kết quả của sự tu tập thiền định không ngưng, kiên trì hay sự trau dồi cẩn thận về tâm. Một người có Chánh Kiến không thể có một quan điểm mờ mịt về hiện tượng, với người đó không thể còn nhiễm những bất tịnh vì đã đạt được sự giải thoát không lay chuyển về tâm.

Đi Theo Đường Đạo

Những lời dạy của Đức Phật giải thích chức năng, mục đích của việc trau dồi đức hạnh, kỷ luật tinh thần, và trí tuệ. Giải thoát có nghĩa là kinh nghiệm sống về sự chấm dứt được ba nguyên nhân gốc rễ tội lỗi, Tham Sân Si và vô minh tấn công vào tâm con người. Những nguyên nhân gốc rễ ấy phải được loại bỏ bằng giới hạnh, kỷ luật tinh thần và trí tuệ.

Cho nên rõ ràng giáo lý của Đức Phật nhằm vào sự thanh tịnh hóa cao nhất, tinh thần lành mạnh toàn hảo, thoát khỏi tất cả những thôi thúc ô uế.

Vậy thì sự giải thoát này khỏi ô nhiễm tinh thần, khỏi ác ý, hoàn toàn và tuyệt đối nằm trong tay của chính mình chứ không phải người nào khác hay thần thánh. Ngay cả đến Đức Phật tối thượng cũng không chuộc con người khỏi các gông cùm của cuộc sống ngoại trừ chỉ cho người ấy biết con đường.

Con đường Giới, Định, Huệ đôi khi được tham chiếu như Tam (vô lậu) học (*tivīdhasikkha*), một trong ba cũng không phải là mục đích, mỗi một chỉ là phương tiện để đi đến mục đích. Một không thể hoạt động độc lập riêng rẽ mà không tùy thuộc những cái kia. Giống như trường hợp một kiềng ba chân sẽ ngã khi một chân bị lấy đi, nơi đây cũng vậy, một không thể hoạt động được nếu không có sự hỗ trợ của những chân kia. Ba cái cùng nhau hành hoạt, cái này hỗ trợ cái kia. Giới hay đạo đức củng cố Kỷ luật tinh thần, và Kỷ Luật tinh thần (Định) đến lượt đẩy mạnh Huệ (Trí Huệ). Trí huệ giúp ta nhìn rõ sự vật - nhìn đời đúng như nó là thế - phải nhìn đời sống và tất cả sự vật thuộc đời sống phát sanh và mất đi ra sao.

Mặc dù kiến thức khoa học lớn mạnh vững vàng, con người trên thế giới vẫn bồn chồn và nhức nhối với sợ hãi và bất mãn. Họ vẫn say sưa với lòng ham muốn thích được nổi tiếng, có của cải, quyền hành, và làm vừa lòng giác quan. Thế giới hỗn loạn này vẫn sôi động với hận thù, ngờ vực, ham muốn vị kỷ, và bạo lực, lúc này cần thiết hơn bao giờ hết thông điệp tình thương và hiểu biết của Đức Phật, Bát Chánh Đạo, dẫn đến việc chứng nghiệm Niết Bàn. Chỉ có kiến thức về con Đường không thôi, tuy đầy đủ, sẽ không kết quả. Trong trường hợp này, bổn phận của chúng ta là phải theo con đường và giữ lấy nó.

Dương nhiên con đường này là khó khăn nhưng chúng ta luôn luôn chú ý và giác tỉnh hoàn toàn, bước vào từng bước một, một

ngày nào đó chúng ta sẽ tới đích. Đứa trẻ học đứng học đi cũng gặp khó khăn. Cũng vậy, có những vi nhân trải qua giai đoạn này đến giai đoạn khác tuy chồng chất nhiều thất bại nhưng cuối cùng vẫn đi đến thành công. Đó là con Đường dẫn đến sự chứng nghiệm Sự Thật Tối Hậu, tự do hoàn toàn, hạnh phúc, hòa bình nhờ sự toàn hảo về luân lý, tinh thần.

Từ bản tường trình tóm tắt này, ta có thể nhìn thấy đó là cách sống phải theo, tu tập và phát triển bởi mỗi cá nhân. Đó là sự tự kỷ luật về thân, khẩu và tâm ý, sự tự phát triển và sự tự thanh tịnh hóa. Con đường này không có liên quan gì đến niềm tin, cầu nguyện, sùng bái, hay lễ nghi.



Phần III
PHẬT GIÁO VÀ ĐỜI SỐNG

11

SỰ THẬT CỦA CUỘC ĐỜI

Hòa Thượng Narada Mahathera

Chúng ta sống trong một thế giới chao đảo không quân bình. Nó không đầy hoa hồng mà cũng chẳng hoàn toàn gai góc. Hoa hồng mềm mại, đẹp dễ và thơm ngát, nhưng trên cọng cây hoa mọc thì đầy gai. Vì hoa hồng, ta quảng đại với gai. Tuy nhiên, ta không coi rẻ hoa hồng về chuyện hoa hồng có gai.

Với người lạc quan, thế giới này tuyệt đối là tươi vui như hoa hồng; với người bi quan, thế giới này hoàn toàn gai góc. Nhưng với người thực tế, thế giới không hoàn toàn tươi vui như hoa hồng mà cũng chẳng hoàn toàn gai góc. Nó đầy dẫy hoa hồng đẹp và gai nhọn.

Một người hiểu biết không say đắm bởi cái đẹp của hoa hồng, nhưng nhìn nó như đúng nó là như vậy. Biết rõ bản chất của gai, người đó nhìn chúng đúng là như vậy, và cẩn thận để khỏi bị gai làm đau.

Giống như quả lắc nó luôn luôn chuyển động từ phải sang trái, bốn hoàn cảnh thuận tiện và bốn hoàn cảnh không thuận tiện lan tràn trong thế giới này. Bất kể ai, không trừ một người nào, đều phải trực diện với các hoàn cảnh ấy trong dòng đời. Những hoàn cảnh ấy là:

- được (*labha*), và thua (*alabha*),
- danh dự (*yasa*) và mất danh dự (*ayasa*),
- thưởng (*pasamsa*) và phạt (*ninda*).
- hạnh phúc (*sukha*) và khổ cực (*dukkha*).

Được và Thua

Các doanh nghiệp, theo nguyên tắc, phải lệ thuộc vào cả hai lỗ và lãi. Đương nhiên thấy thỏa mãn nếu được hay có lãi. Trong điều này tự nó không có gì sai cả. Lợi nhuận như vậy sinh một lô ý thích mà một người bình thường hay săn tìm. Không có những giây phút lạc thú, tuy chỉ là tạm thời, cuộc đời không đáng để sống. Trong thế giới tranh đua và chao đảo này, người ta phải được vui hưởng một loại hạnh phúc nào đó làm con tim sung sướng. Hạnh phúc như vậy, dù là vật chất, dẫn đến khỏe mạnh và sống lâu.

Vấn đề phát sanh trong trường hợp thua lỗ. Lờn thì cười, nhưng thua lỗ thì không. Thua lỗ làm cho tinh thần thống khổ và đôi khi có khuynh hướng tự tử phát sanh khi thua lỗ không thể chịu đựng được. Trong trường hợp trái ngang như vậy, ta phải tỏ ra có tinh thần mạnh, can đảm, duy trì tinh thần quân bình thích hợp. Tất cả chúng ta đều lúc lên lúc xuống trong khi tranh đấu với đời. Ta phải sẵn sàng chấp nhận điều tốt cũng như điều xấu. Như vậy ta sẽ ít thất vọng.

Trong thời Đức Phật, một mệnh phụ quý phái cúng dường đồ ăn cho Ngài Xá Lợi Phất và một số chư tăng. Trong khi đang dâng thực phẩm cúng dường, bà nhận được giấy báo tin bất hạnh đã xảy ra cho gia đình bà. Không chút rối loạn, bà bình tĩnh bỏ lá thư vào túi rồi vẫn tiếp tục dâng thức ăn đến quý thầy như không có chuyện gì xảy ra. Một nữ tỳ mang một bình quý sữa để dâng quý thầy, vô ý trượt té và làm vỡ bình sữa. Nghĩ rằng bà này sẽ không khỏi phiền não vì bình sữa quý bị vỡ, Ngài Xá Lợi Phất liền khuyên giải bà và nói rằng tất cả những gì có thể vỡ được thì một ngày nào đó cũng sẽ bị vỡ. Bà nói: "Thế nào là cái mất không đáng kể? Tôi vừa nhận được tin bất hạnh đã xảy ra cho gia đình tôi. Tôi chấp nhận, tôi vẫn bình tĩnh. Tôi vẫn tiếp tục hầu hạ quý Ngài mặc dù nhận được tin buồn". Sự dũng cảm của người đàn bà can đảm này đáng được ca ngợi.

Một lần, Đức Phật đi khát thực tại một làng. Do sự can thiệp của Mara, ma vương tội lỗi, Đức Phật không nhận được chút đồ ăn nào cả. Khi Mara hỏi Ngài khá châm biếm, "Ngài có đói không?". Đức Phật vui vẻ giải nghĩa thái độ tinh thần của những ai thoát khỏi mọi chướng ngại, Ngài đáp: "Sung sướng thay, chúng ta sống không bị điều gì chướng ngại. Ta thường sống an vui như các vị thần ở cõi trời Quang Âm".

Một dịp khác, Đức Phật và các đệ tử của Ngài an cư vào mùa mưa tại một làng theo lời mời của một người Bà La Môn, người này quên hẳn bốn phận tiếp tế vật thực cho Đức Phật và Tăng Già. Trong suốt ba tháng, Ngài Mục Kiền Liên đã phải xung phong dùng thần thông đi xin đồ ăn, thế mà Đức Phật không hề có một lời phàn nàn và chịu dùng cỏ khô của ngựa do một ông lái ngựa cúng dường.

Thua lỗ ta phải vui vẻ cam chịu với cái hùng của đấng nam nhi. Bất hạnh ta phải đối đầu với chúng, và thường là cả nhóm chứ không một mình. Ta phải trực diện với chúng với bình thản và lấy nó làm một cơ hội để trau dồi đức hạnh cao siêu này.

Danh Dự và Mất Danh Dự

Danh dự và mất danh dự là một cặp hoàn cảnh trần thế không thể tránh được mà ta phải đương đầu trong đời sống hàng ngày.

Danh dự hay nổi tiếng, chúng ta thích thú, mất danh dự chúng ta ghét. Danh dự làm tim ta vui sướng; mất danh dự làm tim ta buồn đau. Chúng ta ham thích trở nên nổi tiếng. Nhiều người ao ước thấy hình ảnh của mình trên tạp chí bằng bất cứ giá nào. Chúng ta hết sức vui mừng, khi thấy những hoạt động của chúng ta tuy không nghĩa lý gì, lại được đem ra quảng bá. Đôi khi chúng ta đã tìm sự quảng bá quá mức.

Nhiều người lại lo lắng khi thấy hình của mình trên các báo chí. Muốn có danh dự, nhiều người sẵn sàng lo lót hay cho các món tiền lớn lao cho những người có quyền hành để làm cho

thiên hạ biết đến, một số người trưng bày lòng hảo tâm bằng cách cúng dường cả trăm thầy tu hay nhiều hơn nữa; nhưng họ lại hoàn toàn lạnh nhạt trước sự đau khổ của người nghèo, kẻ thiếu thốn nơi xóm giềng.

Đó là những nhược điểm của con người. Đa số có những động cơ kín đáo. Những người vị tha hành động không vụ lợi rất hiếm trên thế giới này. Hầu hết người trần tục đều giữ bí mật để dùng khi cần đến. Vậy thì, ai là người hoàn toàn tốt? Có bao nhiêu người thật tâm trong sạch về những động cơ của họ? Có bao nhiêu người thật sự có lòng vị tha?

Chúng ta không cần đi săn tìm danh tiếng hay danh dự. Nếu chúng ta đáng được danh dự, danh dự sẽ đến chẳng cần phải tìm cầu. Con ong bị thu hút bởi hoa nặng trĩu mật. Hoa không mời ong.

Quả là đúng, chúng ta tự nhiên cảm thấy hạnh phúc, và còn hơn thế nữa, cực kỳ sung sướng khi danh của ta lan xa lan rộng khắp. Nhưng chúng ta phải nhận thức rằng sự nổi danh, danh dự và vinh quang ấy sẽ qua đi. Chúng tiêu tan và loảng trong không khí.

Về mất danh dự thì ra sao? Mất danh dự không khoan khoái gì cho tai nghe và tâm ý. Chắc chắn chúng ta xao xuyến khi những lời thô lỗ hay bất kính chọc vào tai ta. Cái đau của tâm ý còn to lớn hơn khi cái gọi là báo cáo bất công và sai hoàn toàn.

Thường phải mất nhiều năm mới xây được một tòa nhà lộng lẫy. Trong một hay hai phút, với vũ khí phá hoại hiện đại dễ dàng làm tòa nhà đó tiêu tan. Phải mất nhiều năm hay suốt cả đời mới xây dựng được sự trọng vọng. Trong nháy mắt tên tuổi khó khăn mới tạo nên có thể bị hư hoại. Không ai có được miễn trừ trước lời nhận xét tàn phá bắt đầu với cái "nhưng". Phải, ông ta rất tốt, ông ta làm cái này cái kia, nhưng toàn bộ hồ sơ tốt của ông ta bị nhuộm đen bởi cái gọi là "nhưng". Bạn có thể sống một

đời như Đức Phật nhưng không được miễn trừ những lời phê bình, tấn công và lăng mạ.

Đức Phật là người nổi tiếng nhất, nhưng cũng là người bị nói xấu nhất thời bấy giờ. Một số người chống đối Đức Phật phao tin một phụ nữ thường ngủ đêm trong tu viện. Thất bại trong vụ mưu toan hèn hạ này, chúng phao tin đồn trong dân chúng là Đức Phật và các đệ tử của Ngài giết chết người đàn bà đó và chôn xác trong đồng rác hoa tàn héo trong tu viện. Những kẻ âm mưu sau này xác nhận chính chúng là thủ phạm.

Khi sứ mạng lịch sử của Ngài thành công, và khi nhiều người đến xin thọ giáo với Ngài, những kẻ thù phỉ báng Ngài nói Ngài cướp mẹ của những đứa con, chia lìa vợ chồng, và cản trở sự tiến bộ của quốc gia.

Thất bại trong tất cả âm mưu làm tổn thương đặc tính cao thượng của Ngài, người anh em họ với Ngài, Đề Bà Đạt Đa, một đệ tử ganh ghét Ngài, âm mưu giết Ngài bằng cách lăn một tảng đá từ trên cao nhưng thất bại trong mưu toan này.

Nếu đó là số phận buồn phiền của Đức Phật không tỳ vết, toàn bích, vậy số phận sẽ thế nào với một con người bình thường chưa hoàn hảo?

Bạn càng trèo cao bao nhiêu, bạn càng làm cho người khác đổ ý đến. Sau lưng bạn để lộ ra nhưng mặt bạn bị che lấp. Thế giới soi mói sẽ phơi bày những nhược điểm và lo âu của bạn nhưng phớt lờ đức hạnh nổi bật của bạn. Gió thổi cái vỏ đi nhưng giữ lại hạt, cái lọc, trái lại giữ lại phần thô nhưng để thoát đi nước. Người văn hóa lấy cái tinh tế và bỏ đi cái thô, người không văn hóa lấy cái thô nhưng bỏ đi cái tinh tế.

Khi bạn bị xuyên tạc một cách cố ý hay không, hãy nhớ đến lời khuyên của Epictetus để nghĩ hay nói như sau "Ồ, bởi sự hiểu biết hời hợt của họ và cái kiến thức yếu ớt của tôi, tôi bị

phê bình chút ít. Nếu tôi biết nhiều hơn nữa, ắt hẳn tôi sẽ bị buộc tội nghiêm trọng hơn và lớn hơn nhiều."

Không cần thiết phải phí phạm thì giờ để cải chính những báo cáo sai lầm trừ phi những hoàn cảnh bắt buộc bạn cần thiết sự sáng tỏ. Kẻ địch sẽ hài lòng khi nhìn thấy bạn bị đau. Đó là điều kẻ địch mong muốn. Nếu bạn đứng vững, những xuyên tạc như vậy sẽ rơi vào những lỗ tai điếc.

- Thấy lỗi người khác, ta nên cư xử như một người mù.
- Khi nghe thấy những lời bình phẩm bất công của người khác, chúng ta nên xử sự như một người điếc.
- Nói xấu về người khác, ta nên cư xử như người ngu.
- Không thể nào có thể ngăn chặn những lời buộc tội, tin đồn và rĩ tai sai lầm.

Thế giới đầy rẫy chông gai và sỏi đá. Không thể nào chuyển chúng hết đi được. Nhưng nếu chúng ta phải bước vào những chướng ngại ấy, thay vì cố gắng loại bỏ chúng đi là không thể được, hãy theo lời khuyên nên mang một đôi giày để bước cho khỏi bị đau.

Giáo pháp dạy:

- Giống như sư tử không run sợ trước những tiếng động
- Giống như luồng gió không bám víu vào mắt mắt lưới.
- Giống như hoa sen không bị hôi tanh bởi bùn nơi nó mọc lên.
- Đi lang thang một mình như con tê giác.

Như chúa sơn lâm, sư tử không hề biết sợ. Do bản chất chúng không sợ hãi trước những tiếng rống của các con vật khác. Trong thế giới này, chúng ta có thể nghe những báo cáo trái ngược, lời kết tội sai lầm, lời nhận xét đê hèn của những giọng lưỡi buông lung. Giống như sư tử, ta không nên nghe. Giống

như cái bu mớ rang (đòn bẫy) ném ra rồi sẽ quay về chỗ cũ, tin đồn sai lầm sẽ chấm dứt nơi chúng phát sanh.

- Chó sủa, nhưng khách lữ hành vẫn tiến bước.

Chúng ta đang sống trong một thế giới vẩn đục bùn nhơ. Nhiều đóa hoa sen mọc từ đó nhưng không nhiễm bùn nhơ, chúng tô điểm thế giới. Giống như hoa sen, ta cố gắng sống cuộc đời cao thượng không ai chê trách được, không quan tâm tới bùn nhơ có thể ném vào chúng ta.

- Chúng ta nghi sẽ bị ném bùn nhơ thay vì hoa hồng. Như vậy chúng ta không bị thất vọng.

- Dù khó khăn chúng ta nỗ lực trau dồi không luyến chấp. Một mình chúng ta đến, một mình chúng ta đi. Không luyến chấp là hạnh phúc trên thế giới này.

- Không quan tâm đến những mũi tên độc phóng ra bởi giọng lưỡi buông lung, một mình chúng ta lang thang phục vụ người khác với hết khả năng.

- Thật là lạ lùng những vĩ nhân bị phỉ báng, nói xấu, đầu độc, hành xác và bị bắn. Nhà hiền triết vĩ đại Socrates bị đầu độc. Jesus Christ cao thượng bị đóng đinh tàn nhẫn trên thập tự giá. Mahatma Gandhi không hại ai bị bắn.

Vậy thì, nguy hiểm là một người thiện? Đúng! Trong khi còn sống họ bị công kích, tấn công và bị giết. Sau khi chết họ được tôn sùng như thần thánh và vinh danh.

Đại trượng phu không màng tới danh dự hay mất danh dự. Họ không rối trí khi bị công kích hay phỉ báng vì họ làm không phải muốn có tên tuổi hay danh dự. Họ không màng tới người khác công nhận hay không công nhận sự phục vụ của họ. Làm việc, họ có toàn quyền nhưng không phải là để hưởng cái quả của việc làm ấy.

Khen và Chê

Khen và chê là hai hoàn cảnh trần thế có ảnh hưởng nhân loại. Điều tự nhiên là ta hãnh diện khi được khen và buồn phiền khi bị chê. Về khen và chê, Đức Phật dạy, người trí thờ ơ trước khen và chê. Giống như tảng đá vững chắc, không bị lung lay bởi gió, người đó vẫn đứng vững không lay chuyển.

Khen, nếu đáng giá rất bùi tai. Nếu không đáng giá, như trường hợp nịnh bợ, tuy thích thú mà là lừa bịp. Nhưng có tất cả những vang vọng không tạo ảnh hưởng gì nếu chúng không đến tai chúng ta.

Từ quan điểm trần thế, lời khen bay xa. Bằng cách khen một chút, một đặc ân có thể dễ dàng đạt được. Một lời khen đạo đức đủ để lôi cuốn thánh giả khi ta nói. Nếu, lúc bắt đầu, diễn giả ca ngợi thánh giả, diễn giả sẽ được thánh giả lắng tai nghe. Ngay lúc ban đầu nếu diễn giả phê bình thánh giả, sự đáp ứng sẽ không được toại nguyện.

Người có văn hóa không cần đến nịnh bợ, và cũng không mong muốn được người khác nịnh bợ. Cái đáng khen, họ khen không đồ kỹ. Cái đáng trách, họ trách không khinh thường mà vì muốn sửa đổi người.

Nhiều người biết Đức Phật rất thân, tán dương đức hạnh của Ngài theo đường lối riêng của họ. Một U Ba Li, một nhà triệu phú, một tín đồ mới rất tường tận, tán dương Đức Phật theo cách ứng khẩu kể ra hàng trăm đức hạnh tùy hứng. Chín đức hạnh về chân giá trị ở thời Ngài vẫn được tụng niệm bởi tín đồ nhìn vào hình ảnh của Ngài. Những đức hạnh ấy là đề tài thiên định cho người sùng đạo. Những đức hạnh đáng ca ngợi này vẫn là một cảm hứng vĩ đại cho tín đồ.

Về chê thì ra sao?

Đức Phật nói: "Người nói nhiều bị chê. Người nói ít cũng bị chê. Người im lặng cũng bị chê. Trong thế giới này không ai là người không bị chê!"

Chê dường như là một di sản chung của nhân loại. Đa số người trên thế giới nhận xét Đức Phật là vô kỷ luật. Giống như con voi lâm trận phải chịu tất cả những mũi tên bắn vào nó, cũng vậy, Đức Phật chịu đau khổ với tất cả những lời chửi rủa.

Kẻ lừa dối và ác độc chỉ chực tìm kiếm cái xấu mà không bao giờ tìm cái tốt và cái đẹp của người khác.

Trừ Phật ra không có ai hoàn toàn tốt. Không một ai hoàn toàn xấu. Có cái xấu trong cái tốt nhất của chúng ta. Có cái tốt trong cái xấu nhất của chúng ta.

Người tự giữ được lặng thinh giống như một cái chuông nứt rạn khi bị tấn công, chửi bới, và lạm dụng, Đức Phật tán thán: "Người đó đang ở ngay tại Niết Bàn dù rằng chưa đạt được Niết Bàn".

Ta có thể làm với những động cơ tốt đẹp nhất. Nhưng thế giới bên ngoài thường hiểu sai người đó và đổ cho người đó lý do mà người đó chưa từng bao giờ nghĩ tới.

Ta có thể phục vụ và tận tình giúp đỡ người khác với tất cả khả năng, đôi khi mang công lãnh nợ hay phải bán đồ vật hoặc tài sản để cứu một người bạn gặp khó khăn, nhưng sau này, cái thế giới lừa đảo được tạo thành với những người đã được giúp đỡ lại tìm lỗi người giúp, hãm dọa, làm nhor nhuốc lòng tốt và vui mừng trước sự suy sụp của người ấy.

Trong những câu chuyện trong Jataka có nói đến Guttila, một nhạc sĩ đã hết lòng dạy bảo đệ tử không may mắn dấu giếm, nhưng người đệ tử trẻ tuổi vô ơn này đã thất bại không cố gắng thi đua với thầy mà làm hại thầy.

Có lần, Đức Phật được một người Bà La Môn mời về nhà để cúng dường. Được mời nên Đức Phật đến nhà ông ta. Thay vì làm cho Ngài vui, hắn đã thóa mạ Đức Phật bằng những lời hết sức thô tục.

Đức Phật từ tốn hỏi: "Này ông Bà La Môn, có phải khách đến thăm nhà ông không?"

"Phải" hắn trả lời.

"Ông làm gì khi khách đến?"

"Ồ, tôi sửa soạn một bữa tiệc thịnh soạn."

"Nhưng nếu khách không tới được?"

"Chúng tôi phải vui vẻ chia nhau ăn."

"Tốt, này ông bạn Bà la môn, ông mời ta đến đây để cúng dường mà ông lại đối xử với ta bằng những lời thóa mạ. Ta không nhận chút nào cả. Làm ơn nhận lại."

Đức Phật không trả thù. "Không trả thù", Đức Phật khuyến khích. "Hận thù không thể chấm dứt được hận thù mà chỉ có tình thương yêu mới chấm dứt được hận thù".

Không có một vị đạo sư nào được hết sức ngợi khen mà cũng bị kịch liệt công kích, chửi rủa và chê trách như Đức Phật. Số phận của vĩ nhân là như vậy.

Đức Phật bị buộc tội giết một phụ nữ với sự giúp đỡ của các đệ tử của Ngài. Những người không phải là Phật Tử phê bình Ngài và các đệ tử Ngài rất thậm tệ đến nỗi Ngài A Nan (thị giả của Ngài) thưa với Ngài nên di chuyển tới một làng khác.

"Này A Nan, nếu những người dân làng ấy cũng ngược đãi chúng ta thì sao?"

"Thưa Thế Tôn, chúng ta lại di chuyển tới một làng khác nữa".

"Này An Nan, tất cả xứ Ấn Độ này cũng không có chỗ cho chúng ta dung thân. Hãy kiên nhẫn. Những ngược đãi, chửi mắng đó sẽ tự động chấm dứt".

Magandinya, một cung nữ có sự bất bình với Đức Phật vì nói xấu đến bộ mặt hấp dẫn của mình khi cha nàng, vì vô minh, mong muốn gả nàng cho Đức Phật. Cung nữ này thuê những người say rượu đi thóa mạ Đức Phật trước công chúng. Với một sự bình thân hoàn toàn, Đức Phật chịu đựng những lời chửi bới.

Chửi bới là một sự thường tình trong nhân loại. Bạn càng làm việc bao nhiêu, càng trở nên vĩ đại, bạn càng phải chịu đựng chửi bới và sỉ nhục.

Socrates bị chửi rủa rầy la bởi chính vợ của ông. Bất cứ lúc nào ông ra ngoài để giúp đỡ người khác thì người vợ hẹp hòi này trách mắng ông. Một hôm bà không được khỏe nên không làm được nhiệm vụ ngõ nghịch thường lệ này. Hôm ấy Socrates ra khỏi nhà với một bộ mặt buồn thảm. Bạn bè hỏi tại sao hôm nay ông buồn. Ông trả lời ngày hôm nay vợ ông không trách mắng ông vì không được khỏe.

"Ông phải vui sướng vì không bị rầy la ngày hôm nay chứ " Bạn ông nhận xét.

"Ồ, không phải thế. Khi vợ tôi rầy la tôi, tôi có dịp thực hành kiên nhẫn. Hôm nay tôi mất dịp tốt đó. Đó là lý do tại sao tôi buồn". Nhà triết lý này trả lời như vậy.

Đó là những bài học đáng nhớ cho tất cả mọi người.

Khi bị chửi bới, chúng ta nên nghĩ rằng đây là những dịp để chúng ta thực hành kiên nhẫn. Thay vì bực mình, chúng ta nên biết ơn kẻ thù.

Hạnh Phúc và Khổ Đau

Hạnh phúc và khổ đau là cặp cuối cùng về sự đối nghịch. Chúng là những yếu tố mạnh mẽ nhất ảnh hưởng đến nhân loại.

Cái gì mang thoải mái là hạnh phúc (*sukkhā*), cái gì mang khó khăn là khổ đau (*dukkhā*).

Hạnh phúc bình thường là thỏa mãn sự khao khát. Ngay khi điều mong muốn đạt được, thì ta lại mong muốn một loại hạnh phúc khác. Cho nên lòng thèm muốn ích kỷ của chúng ta không bao giờ thỏa mãn.

Sự vui hưởng lạc thú nhục dục là thứ hạnh phúc cao nhất và duy nhất chỉ thấy nơi những người bình thường. Chắc chắn có những lúc hạnh phúc trong lúc mong đợi đạt được, thỏa mãn và những kỷ niệm về lạc thú. Loại hạnh phúc này ước vọng bởi người theo chủ nghĩa nhục dục, nhưng chỉ là ảo ảnh và phù du.

Có thể sở hữu vật chất đem hạnh phúc thực sự hay không? Nếu đúng như vậy, hẳn các nhà triệu phú không bao giờ cảm thấy chán nản trong đời. Trong một số quốc gia đã đạt được đến đỉnh cao trong tiến bộ vật chất, nhưng một số đông lại đau khổ vì bệnh tinh thần. Tại làm sao lại như thế nếu tích lũy vật chất có thể đem hạnh phúc?

Quyền lực thống trị thế giới có thể đem hạnh phúc thực sự không? Alexander tiến quân chiến thắng vào Ấn Độ, thôn tính đất đai trên đường tiến quân, đã thờ dài vì không có nhiều đất đai hơn nữa để chinh phục.

Nhiều đời sống của các chính khách sử dụng quyền lực bị lâm nguy. Trường hợp bi thiết của (Thánh) Mahatma Gandhi và (Tổng Thống) John F. Kennedy là những thí dụ điển hình.

Hạnh phúc thực sự tìm thấy trong nội tâm chứ không phải tìm thấy nơi của cải, quyền thế, danh vọng, hay chiến thắng.

Nếu những của cải chiếm hữu bằng vũ lực hay sử dụng vào mục đích sai lầm, hay được nhìn bằng luyến chấp, chúng chỉ là nguyên nhân của đau đớn và phiền não cho sở hữu chủ.

Cái hạnh phúc với người này có thể không hạnh phúc với người khác. Thịt và rượu với người này có thể là thuốc độc với người kia.

Đức Phật nêu lên bốn loại hạnh phúc cho người cư sĩ. Hạnh phúc có sức khỏe, của cải, sống lâu, đẹp đẽ, vui vẻ, sức mạnh, tài sản và con cái. vân vân...

Nguồn suối hạnh phúc thứ hai là tìm thấy sự vui mừng về những của cải đó.

Bình thường, nam nữ mong muốn hưởng thụ. Đức Phật không khuyên tất cả phải từ bỏ trần tục và rút lui sống cô đơn.

Sự vui hưởng của cải không những nằm trong việc sử dụng cho riêng mình mà cũng đem phúc lợi cho người khác. Cái mà chúng ta ăn chỉ là tạm bợ. Cái mà chúng ta gìn giữ, chúng ta cũng bỏ lại rồi đi. Cái gì ta cho mới có thể mang theo được. Chúng ta được nhớ mãi vì những việc làm lương thiện mà chúng ta đã xử sự bằng của cải trần thế.

Không nợ nần là một nguồn hạnh phúc khác. Nếu chúng ta bằng lòng với cái chúng ta có, và nếu chúng ta tận tiện, chúng ta không mắc nợ ai. Người mắc nợ sống trong tình trạng lo âu và phải chịu ơn người cho vay. Tuy nghèo, nhưng không nợ nần, chúng ta cảm thấy an tâm và tinh thần sung sướng.

Sống một cuộc đời không bị chê trách là nguồn hạnh phúc tốt nhất cho người cư sĩ. Một người không bị chê trách là phúc lành cho chính mình và cho người khác. Người đó được mọi người ngưỡng mộ và cảm thấy sung sướng hơn, truyền cảm làn sóng hòa bình sang người khác. Tuy nhiên phải nói rằng rất khó khăn để được tiếng tốt từ mọi người. Người trí cao thượng chỉ quan tâm đến một đời sống không bị chê trách và đứng vững với sự tán dương bên ngoài.

Phân đông trong thế giới này thích thú hưởng lạc thú trong khi những người khác tìm sự thích thú bằng cách từ bỏ chúng.

Không-luyến-ái hay vượt qua lạc thú vật chất là hạnh phúc cho tinh thần. Hạnh phúc Niết Bàn là hạnh phúc giải thoát khổ đau, dạng thức hạnh phúc tối thượng.

Bình thường chúng ta đón chào hạnh phúc, nhưng không vui vẻ với sự đối nghịch của nó - phiền não, rất khó khăn để chịu đựng.

Phiền não hay khổ đau đến trong nhiều lối vỏ khác nhau.

Chúng ta đau khổ khi chúng ta đến tuổi già, đó là điều tự nhiên. Bằng bình thân chúng ta chịu đựng cái đau khổ của tuổi già.

Đau đớn nhiều hơn đau khổ do tuổi già gây ra là bệnh tật. Chỉ đau răng hay nhức đầu nhẹ đôi khi cũng không chịu đựng nổi.

Khi chúng ta bị bệnh tật, đừng lo lắng, chúng ta có thể chịu đựng được với bất cứ giá nào. Vậy thì chúng ta phải tự an ủi nghĩ rằng chúng ta đã thoát được một bệnh nặng hơn nhiều.

Rất thông thường chúng ta phải xa lìa những người thân. Sự xa lìa gây nên đau đớn nặng nề cho tâm. Chúng ta nên hiểu rằng tất cả có hợp thì phải có tan. Đây là dịp tốt cho chúng ta thực hành bình thân.

Thông thường hơn nữa là chúng ta phải bắt buộc hợp nhất với điều mà chúng ta không thích, điều chúng ta ghét. Chúng ta nên gắng chịu đựng chúng. Có lẽ chúng ta đang gặt hái hậu quả của Nghiệp riêng của mình ở quá khứ hay hiện tại. Chúng ta nên cố gắng tự thích nghi với hoàn cảnh mới hoặc cố gắng vượt qua các trở ngại bằng một số phương tiện khác.

Thậm chí Đức Phật, Người hoàn hảo đã loại bỏ được tất cả ô nhiễm, vẫn phải chịu đựng đau khổ vật chất gây ra bởi bệnh tật và tai nạn.

Đức Phật luôn luôn bị đau đầu. Bệnh cuối cùng làm cho Ngài đau đớn nhiều về thể xác. Do kết quả của việc lăn tãng đá từ

trên cao xuống bởi Đê Bà Đạt Đa để giết Ngài, chân Ngài bị thương bởi một mảnh vụn cần phải được giải phẫu. Đôi khi Ngài phải nhịn đói. Vì các đệ tử không tuân lời Ngài, Ngài đã phải rút lui sống trong rừng ba tháng. Trong rừng lấy lá làm nệm trên nền đất cứng, đối đầu với gió rét lạnh buốt, Ngài vẫn bình thản. Giữa cái đau đớn và hạnh phúc, Ngài sống với một tâm tư quân bình.

Chết là cái phiền não lớn nhất mà ta phải đương đầu trên nẻo đường luân hồi. Thường thường chỉ có một người chết nhưng đôi khi có nhiều người chết làm cho ta rất khó khăn chịu đựng.

Khi một bà được hỏi tại sao bà không khóc trước cái chết bi thảm của người con, bà trả lời: "Chẳng mời nó đến. Chẳng báo trước nó đi. Vì nó đến như vậy thì nó cũng đi như vậy. Tại sao ta phải khóc chứ? Khóc có ích lợi gì chứ?"

Như trái rơi từ trên cây - có trái non, trái chín hay trái già- cũng vậy chúng ta chết non, lúc tuổi thanh xuân hay lúc già. Mặt trời mọc ở phía Đông và chỉ lặn về phía Tây. Hoa nở buổi sáng để rồi tàn vào buổi chiều.

Cái chết không tránh được đến với tất mọi người, nó không chờ ai, chúng ta phải đương đầu bằng sự bình thản hoàn toàn.

*"Giống như ném vào mặt đất
Dù cho thơm tho hay hôi thối
Ta vẫn đứng vững trước tất cả
Chẳng hận thù, chẳng thân thiện
Cũng vậy người đó tốt hay xấu
Ta bao giờ cũng giữ vững thăng bằng"*

Đức Phật dạy: "Khi tiếp xúc với hoàn cảnh trần tục, tâm của một vị A La Hán không bao giờ nao núng". Giữa được và thua, danh dự và ô danh, khen và chê, hạnh phúc và phiền não, hãy cố gắng giữ tâm quân bình.



12

Ý NGHĨA CỦA CUỘC ĐỜI

Hòa Thượng Narada Mahathera

Con người là ai? Nguồn gốc con người? Con người đi về đâu? Mục đích của cuộc đời là gì? Đó là những câu hỏi quan trọng, câu trả lời ảnh hưởng tất cả nhân loại.

Chúng ta hãy bắt đầu với những gì là hiển nhiên và có thể nhận thức được đối với tất cả. **Con người là ai?** Con người có một xác thân nhìn thấy bằng giác quan của chúng ta hay bằng phương tiện máy móc. Xác thân vật chất gồm có lực và đặc tính chất luôn luôn ở trong tình trạng thay đổi.

Khoa học gia thấy khó khăn định nghĩa vật chất là gì. Một số các triết gia định nghĩa "vật chất là cái tiến hành thay đổi gọi là sự chuyển động, và sự chuyển động tức những sự thay đổi tiến hành trong vật?

Tiếng Pali gọi vật là *Rupa* (Sắc) . Sắcù được giải thích là cái thay đổi hay tan rã. Cái mà chính nó biểu thị cũng là một cách giải thích khác.

Theo Phật Giáo có bốn thành phần vật chất căn bản. Chúng là Đất (*Pathavi*), Nước (*Apo*), Gió (*Vayo*) và Lửa (*Tejo*).

Pathavi có nghĩa là thành phần vật chất mở rộng, thể nền của vật chất. Không có nó vật thể không thể choán khoảng không. Tính chất cứng và mềm thuận khiết liên hệ là hai điều kiện của thành phần này. Thành phần mở rộng hiện hữu trong đất, nước, gió và lửa. Chẳng hạn, nước ở trên được hỗ trợ bởi nước bên

dưới. Thành phần mở rộng này hợp với thành phần chuyển động (gió) phát sanh áp suất hướng lên.

Apo là thành phần cố kết. Không giống như *Pathavi*, nó không thể nắm được. Thành phần này giúp cho các nguyên tử rải rác của vật chất kết hợp lại cho ta khái niệm về xác thân.

Tejo là thành phần của hơi nóng. Lạnh cũng là một hình thức của *Tejo*. Cả nóng lẫn lạnh đều nằm trong *Tejo* vì chúng có sức mạnh làm xác thân tăng trưởng, hay nói một cách khác, chúng là năng lượng có sinh khí. Sự bảo tồn và phân hủy là do thành phần này.

Vayo là thành phần chuyển động. Chuyển động sinh ra do thành phần này. Sự chuyển động được coi như lực hay máy phát ra hơi nóng. Cả hai chuyển động và hơi nóng trong cảnh giới vật chất tương ứng với thức và nghiệp về phần tinh thần.

Bốn lực mạnh mẽ này không tách rời nhau và liên quan lẫn nhau, nhưng thành phần này có thể ưu thế hơn thành phần kia, chẳng hạn, thành phần mở rộng ưu thế đất, sự cố kết trong nước, hơi nóng trong lửa và sự chuyển động trong không khí.

Cho nên vật chất gồm lực và đặc tính luôn luôn thay đổi, không bao giờ đứng nguyên một chỗ trong hai khoảnh khắc liên tiếp. Theo Phật Giáo vật chỉ chịu đựng được 17 chấp tư tưởng trong khi các khoa học gia cho rằng vật chất chỉ chịu đựng 10 trên 27 phần một giây.

Vào lúc sanh, theo sinh vật học, con người thừa hưởng từ cha mẹ một tế bào li ti bằng một phần 30 triệu phần của một inch (1 inch = 2,54 cm). " Trong thời gian chín tháng, cái hạt bụi này lớn lên gấp 15,000 triệu lần lúc ban đầu để thành bào thai" - Cái tế bào li ti lý-hóa là nền móng cơ thể con người.

Theo Phật giáo, sự giao cấu được xác định vào lúc thụ thai.

Phối hợp với vật chất có một yếu tố quan trọng khác trong bộ máy phức tạp con người. Đó là tâm. Đúng nghĩa là nó làm vừa lòng một số nhà văn trí giả nói là con người không phải là tâm cộng với thân, mà là thân-tâm. Khoa học gia tuyên bố là đời sống nổi lên từ vật và tâm từ đời sống. Nhưng họ không cho chúng ta lời giải thích thỏa đáng về sự phát triển của tâm.

Không giống như xác thân vật chất, cái tâm phi-vật-chất là vô hình, nhưng có thể cảm thấy trực tiếp. Một câu thơ cổ lưu truyền như sau:

"Cái gì là tâm? Không có vật chất"

"Cái gì là vật chất? Không bao giờ là tâm"

Chúng ta nhận thức được những tư tưởng và cảm nghĩ của chúng ta cùng nhiều điều khác nữa bằng trực giác, và chúng ta kết luận sự hiện hữu của chúng bằng phép loại suy.

Có một số từ ngữ bằng tiếng Pali chỉ tâm: *Mana*, *Citta*, *Vinnana* là những từ đáng ghi nhớ. Hãy so sánh từ người gốc Pali, để suy nghĩ, với từ người tiếng Anh và tiếng Pali - *Manussa* có nghĩa là "người đã phát triển thức".

Trong Phật Giáo không có sự phân biệt giữa tâm và thức. Cả hai được dùng như từ đồng nghĩa. Tâm có thể định nghĩa đơn giản là sự nhận thức về một đối tượng bởi chúng không có một tác nhân hay linh hồn chỉ huy mọi hoạt động. Tâm bao gồm trạng thái tinh thoáng qua luôn luôn trôi lên rồi mất đi nhanh như tia chớp. "Vì sinh ra để thành nguồn của nó và chết để trở thành lối vào của nó, nó bên bờ tràn trề như con sông nhận nước từ các suối nguồn bồi thêm vào dòng chảy của nó". Mỗi thức nhất thời của dòng đời không ngừng thay đổi, khi chết đi, truyền lại cho thức kế thừa toàn bộ năng lượng của nó, tất cả những cảm tưởng đã ghi không bao giờ phai nhạt. Cho nên mỗi thức mới gồm có tiềm lực của thức cũ và thêm điều mới. Vì tất cả những cảm nghĩ không phai nhạt được ghi vào cái tâm không ngừng thay đổi như ghi vào tấm da cừu nạo, và tất cả những

tiềm lực được truyền thừa từ đời này tới đời kia, bất chấp sự phân hủy vật chất tạm thời thân, nhớ lại những lần sanh hay những biến cố trong quá khứ trở thành một khả năng có thể xảy ra. Nếu trí nhớ không thể có khả năng xảy ra chỉ tùy thuộc trên tế bào não thì không thể nào được.

Giống như điện, tâm là lực mạnh mẽ cả xây dựng lẫn phá hoại. Nó là con dao hai lưỡi có thể sử dụng cho cả điều thiện và điều ác. Một tư tưởng nổi lên từ một cái tâm vô hình có thể cứu hay phá hoại cả thế giới. Một tư tưởng như vậy có thể làm tăng trưởng hay giảm đi dân cư của một quốc gia. Tâm tạo địa ngục cho chính mình.

Ouspenky viết:

"Về năng lực tiềm tàng trong hiện tượng về thức, tức tư tưởng, cảm nghĩ, ham muốn, chúng ta khám phá ra cái tiềm lực to lớn của nó không thể đo được và vô giới hạn nhiều hơn nữa. Từ kinh nghiệm cá nhân, quan sát, từ lịch sử chúng ta biết rằng những ý tưởng, cảm nghĩ, ham muốn, tự chúng phát sanh có thể giải phóng năng lượng hết sức lớn, và tạo ra hàng loạt vô tận các hiện tượng. Một ý tưởng có thể hoạt động hàng thế kỷ và hàng thiên niên kỷ, và càng ngày càng lớn mạnh và sâu thêm đem lại hàng loạt hiện tượng mới chưa từng có, giải phóng năng lượng luôn mới này. Chúng ta biết những tư tưởng tiếp tục sống và tác động dù tên tuổi những người sáng tạo ra đã trở thành huyền thoại, giống như tên các vị khai sáng những tác phẩm thi văn bất hủ cổ xưa - những anh hùng, các nhà lãnh đạo và tiên tri. Những lời của họ vẫn được nhắc nhở trên môi mọi người, những ý tưởng của họ vẫn được nghiên cứu và bình luận".

"Chắc chắn, mỗi tư tưởng của một thi hào chứa đựng một tiềm lực to lớn, giống như sức mạnh của một hòn than, hay một tế bào sống, nhưng còn vô cùng tinh tế hơn, hùng mạnh hơn, không thể lường được."

Chẳng hạn, hãy quan sát, tiềm lực nằm trong những lời dạy đầy ý nghĩa của Đức Phật:

Tâm dẫn đầu các hành vi, tâm là chủ, tâm tạo tác tất cả.

Tâm hay thức, theo Phật Giáo, trôi lên ở mỗi lúc khái niệm cùng với vật. Vậy nên thức hiện diện trong bào thai. Thức sơ khởi, theo kỹ thuật được gọi là tái sinh thức hay thức tái liên kết, tùy thuộc vào nghiệp quá khứ của người liên quan. Cái dị biệt tinh tế về tinh thần, trí thức và luân lý hiện tồn giữa loài người là do Nghiệp mà thức tùy thuộc vào yếu tố thứ hai của con người.

Để hoàn tất ba yếu tố xây dựng thành con người có yếu tố thứ ba, hiện tượng của đời sống nó tiếp sinh khí cho cả tâm và vật. Vì sự hiện diện của đời sống, tái sinh trở thành hiện thực. Đời sống tự nó biểu hiện cả hiện tượng tinh thần lẫn vật chất. Tiếng Pali hai dạng thức của đời sống được gọi là *Nama jivitindriya* và *Rupa jivitindriya* (Danh và Sắc) - đời sống tâm linh và vật chất.

Vật, tâm và đời sống là ba yếu tố khác biệt làm thành con người. Với sự phối hợp của nó, một sức mạnh hùng mạnh được biết là con người với khả năng phi thường phát sanh. Con người trở thành vị sáng tạo và kẻ tiêu diệt của chính mình. Nơi con người tìm thấy một đồng rác các tội lỗi và một kho đức hạnh. Ở nơi con người thấy có kẻ đáng khinh, kẻ vũ phu, con người, siêu nhân, trời và phạm thiên. Khuynh hướng tội lỗi và thánh tính ngủ ngầm nơi con người. Con người vừa là phước báu vừa là tai họa cho chính mình và cho người khác. Thực ra, con người là cả một thế giới của chính mình.

Nguồn gốc của con người ra sao? Đó là câu hỏi thứ hai của chúng ta.

Hoặc phải có sự bắt đầu cho con người hoặc không có sự bắt đầu. Những người thuộc trường phái thứ nhất, mặc nhận nguyên nhân đầu tiên, có hay không một lực vũ trụ hay một

Đấng Toàn Năng. Những người thuộc trường phái thứ hai, bác bỏ nguyên nhân đầu tiên, theo kinh nghiệm thông thường, nguyên nhân có bao giờ trở thành hậu quả và hậu quả trở thành nguyên nhân. Trong chu trình nguyên nhân và hậu quả, nguyên nhân thứ nhất không thể nhận thức được.

Theo người ở trường phái thứ nhất, đời sống phải có sự bắt đầu, theo trường phái thứ hai, không có sự bắt đầu. Theo ý kiến của một số người, quan niệm của nguyên nhân thứ nhất thật nực cười như một tam giác vòng tròn.

Theo quan điểm khoa học, con người là sản phẩm trực tiếp của tinh dịch của tế bào trứng cung cấp bởi cha mẹ. Khoa học gia trong khi xác nhận "*Omne vivum ex vivo*" - tất cả đời sống từ đời sống, xác nhận tâm và đời sống tiến hóa từ cái không có đời sống.

Vậy thì, từ quan điểm khoa học, con người nhất định do cha mẹ sinh ra. Theo nghĩa hẹp, đời sống này đến trước đời sống kia. Về nguồn gốc của chất nguyên sinh của đời sống, hay 'chất keo', khoa học gia lấy cố không biết.

Theo Phật Giáo, con người sinh ra từ cái dạ con hoạt động. Cha mẹ chỉ cung cấp cho con người lớp vật chất. Như vậy, chúng sinh đến trước chúng sinh. Vào lúc thụ thai, Nghiệp tạo thành thức sơ khởi tiếp sinh khí cho bào thai. Cái năng lượng Nghiệp vô hình phát sanh từ kiếp sống quá khứ, sản sanh các hiện tượng tinh thần và các hiện tượng đời sống trong một hiện tượng thực thể đã có, để hoàn thành ba yếu tố làm thành con người.

Nói về sự thụ thai của một chúng sinh, Đức Phật dạy:

"Nơi có ba yếu tố phối hợp, cái mầm của đời sống được trồng. Nếu người mẹ và người cha cùng đến, nhưng không phải là thời gian người mẹ có thể thụ thai, đứa con 'sẽ được sanh' không hiện diện, không có mầm của đời sống được trồng. Nếu người

mẹ và người cha cùng đến, người mẹ trong thời kỳ có thể thụ thai, nhưng 'đứa trẻ sẽ được sanh' không có mặt, không có mầm sống được trồng. Nếu cha và mẹ cùng đến, đúng là thời kỳ người mẹ có thể thụ thai, và đứa trẻ 'sẽ được sanh' cũng có mặt, rồi bởi sự phối hợp của ba yếu tố, cái mầm của đời sống được trồng".

Nơi đây *Gandhabba* (đứa trẻ sẽ được sanh) ngụ ý một chúng sanh phù hợp sẵn sàng để sinh ra từ một dạ con riêng biệt. Từ này chỉ dùng trong mối quan hệ đặc biệt này; không được hiểu lầm là một linh hồn vĩnh viễn.

Vì một chúng sanh sẽ sanh nơi đây, thì một chúng sanh phải chết nơi nào đó. Cái sanh của một chúng sanh tương ứng với cái chết của một chúng sanh trong đời quá khứ y như theo lời lẽ thông thường, mặt trời mọc ở chỗ này có nghĩa là mặt trời lặn ở chỗ khác.

Đức Phật dạy: - "Cái khởi thủy đầu tiên của chúng sanh bị che lấp bởi vô minh và gông cùm bởi tham ái, lạc đường chệch hướng, không thể nhận thức được."

Cái dòng đời trôi lăn vô tận với điều kiện nó được tiếp tế bởi nước bùn nhơ của vô minh và tham ái. Khi hai điều này bị cắt đứt hoàn toàn, thì lúc đó dòng đời mới ngưng, tái sanh mới chấm dứt như trường hợp của các Đức Phật và A La Hán. Cái khởi thủy chủ yếu của dòng đời này không thể xác định được vì là một giai đoạn không thể nhận thức được khi cái lực đời sống không đầy với vô minh và tham ái.

Đức Phật chỉ nhắc đến nơi đây cái bắt đầu của dòng đời của chúng sinh đang sống. Nó được để lại cho các khoa học gia ước đoán về nguồn gốc và sự tiến hóa của vũ trụ.

Ngay tại phần đầu có nói đến Đức Phật không có hoài bão muốn giải quyết tất cả những vấn đề đạo đức và triết lý làm nhân loại lúng túng. Ngài cũng không đề cập đến ức thuyết và

lý thuyết không có khuynh hướng về sự khai trí hay giác ngộ. Ngài cũng chẳng đòi hỏi niềm tin mù quáng của tín đồ về nguyên nhân đầu tiên. Ngài quan tâm nhất đến một vấn đề tu tập đặc biệt: đó là khổ đau và chấm dứt khổ đau, tất cả những vấn đề khác hoàn toàn không cần lưu ý tới.

Có lần, một thầy Tỳ Kheo tên là Malunkyaputta, không muốn sống một cuộc đời thánh thiện, không muốn hoàn tất sự giải thoát từng bậc một, tìm đến Đức Phật và đòi Ngài trả lời về một số vấn đề có tính cách ức đoán và đe dọa sẽ cởi áo nếu không được Đức Phật trả lời thỏa đáng.

"Bạch Đức Thế Tôn, những lý thuyết này không được sáng tỏ bị bỏ qua một bên và bị Đấng Thế Tôn bác bỏ như thế giới này bất diệt hay không bất diệt, thế giới này tận cùng hay không tận cùng. Nếu Đấng Thế Tôn soi sáng cho con những câu hỏi này, con sẽ tiếp tục sống đời thánh thiện, nếu không được soi sáng, con sẽ từ giả những giới cấm và trở về đời sống thường dân.

Nếu Đấng Thế Tôn biết thế giới này trường cửu, Thế Tôn soi sáng cho con thế giới này trường cửu, nếu Đấng Thế Tôn biết thế giới này không trường cửu, Đấng Thế Tôn soi sáng cho con thế giới này không trường cửu. Trong trường hợp này, chắc chắn với người không biết và thiếu tuệ giác, điều phải nói ngay là: Tôi không biết, tôi không có tuệ giác"

Đức Phật bình tĩnh hỏi vị tỳ kheo sai lầm này phải chăng sự chấp nhận đời sống thánh thiện có điều kiện gì liên quan đến những lời giải đáp của vấn đề.

Vị tỳ kheo trả lời: "Thưa không, Bạch Đức Thế Tôn".

Đức Phật liền khuyên nhủ không nên phí phạm thì giờ và năng lực vào những ức đoán có hại đến việc tiến bộ tinh thần, Ngài nói: "Này Malunkyaputta, người phải nói như vậy: 'Tôi không sống đời Thánh Thiện theo Đấng Thế Tôn cho đến khi nào Đấng Thế Tôn soi sáng cho tôi những câu hỏi ấy, con người

đó sẽ chết trước khi những câu hỏi này được sáng tỏ bởi Đức Thế Tôn'."

Cũng như một người bị bắn trúng bằng mũi tên độc, bạn bè và người thân muốn tìm thầy giải phẫu, nhưng người bị bắn lại nói rằng: "Tôi không muốn mũi tên độc được lấy ra cho đến khi nào tôi chưa biết được chi tiết về người bắn, vì đâu tôi bị bắn, bản chất của mũi tên đã bắn tôi, vân vân...". Người đó sẽ bị chết trước khi biết những điều đó.

"Cũng đúng như vậy, kẻ nói: "Tôi không sống đời thánh thiện cho đến khi nào Đấng Thế Tôn soi sáng cho tôi phải hay không thế giới này trường cửu hay không trường cửu, phải hay không phải thế giới này tận cùng hay vô cùng- Kẻ ấy sẽ chết trước khi những câu hỏi này được sáng tỏ bởi Đức Thế Tôn.

"Nếu tin thế giới này trường cửu, thì việc tu tập đời sống Thánh Thiện sẽ ra sao? Trường hợp như vậy - Không! Không có ảnh hưởng cả! "Nếu tin thế giới này không trường cửu, việc tu tập đời sống Thánh Thiện sẽ ra sao? Trường hợp này cũng vậy - Không! Không có ảnh hưởng gì cả! Nhưng liệu có phải hay không phải tin thế giới trường cửu hay không trường cửu, thế giới tận cùng hay vô cùng, vẫn có sanh, già, chết, sự dập tắt đời sống này mà Như Lai biết.

Này Malunkyaputta, Như Lai không khám phá ra xem thế giới này trường cửu hay không trường cửu, thế giới này tận cùng hay vô cùng. Tại sao Như Lai không khám phá ra những điều này? Vì những điều ấy không mang lợi ích, không liên quan gì đến căn bản của đời sống thánh thiện, không dẫn đến nhàm chán, đến điểm tỉnh, đến chấm dứt, đến tỉnh lặng, đến trí tuệ trực giác, đến giác ngộ, đến Niết Bàn. Cho nên ta không khám phá những điều ấy.

Con người đi về đâu? Đó là câu hỏi thứ ba của chúng ta.

Theo thuyết duy vật cổ, theo tiếng Pali và Sanscrit, được gọi là Lokayata, con người bị tiêu hủy sau khi chết, không để lại một lực nào để được sản sinh bởi người đó. "Con người gồm có bốn thành phần. Khi con người chết, thành phần tiên khởi (đất) trở về thành đất, thành phần nước trở về nước, thành phần hơi nóng trở về thành lửa, và thành phần gió trở về không khí; cảm giác qua không gian. Người khôn, người dại, khi xác thân phân hủy, đều không còn hoại diệt nữa, và không còn gì nữa. Không có thế giới khác và Chết là hết. Cái thế giới hiện tại là thực. Cái mà ta gọi thiên đường và địa ngục chỉ là phát minh của người lừa đảo."

Người theo duy vật chủ nghĩa chỉ tin cái mà có thể nhận biết bởi giác quan. Như vậy chỉ có vật chất mới là thực. Các yếu tố chủ yếu là bốn thành phần đất nước, gió, lửa. Đời sống của cái thức bản thân, xuất hiện một cách huyền bí từ chúng, y như thần xuất hiện khi Aladin chà xát vào cây đèn. Não tiết ra tư tưởng giống như gan tiết ra mật.

Theo quan điểm của những người duy vật, niềm tin vào thế giới bên kia giống như Sri Radhakrishnan tuyên bố: "là dấu hiệu của sự nói láo, đàn bà, yếu đuối, hèn nhát và bất lương."

Có một tôn giáo cho rằng con người không có quá khứ. Cái hiện tại là cái chuẩn bị cho hai cái bất diệt thiên đường và địa ngục. Liệu những nơi chốn hay trạng thái đó có phải là nơi con người trong tương lai có thể phải chịu đau khổ triền miên trong địa ngục. Cho nên con người không bị phân hủy sau khi chết mà cái cốt lõi (linh hồn) đi vào bất diệt.

"Bất cứ ai", như Schopenhauer nói, xem mình sanh ra từ cái không, phải nghĩ rằng mình cũng sẽ trở thành không; cho rằng thời gian bất diệt đã qua đi trước mình, thì một cái bất diệt thứ hai mới bắt đầu, do đó mình sẽ không bao giờ ngưng hiện hữu, là một tư tưởng quái dị.

Một trường phái tư tưởng tin vào quá khứ và hiện tại không nói là con người bị phân hủy sau khi chết. Họ cũng không nói rằng con người bất diệt sau khi chết. Họ tin vào chuỗi tử sinh vô tận. Theo quan niệm của họ, dòng đời con người trôi lăn vô cùng tận với điều kiện nó bị đẩy đi bởi Nghiệp lực, hành động của chính mình. Theo đúng tiến trình, cái thực thể của con người có thể tái nhập vào sự thật tối hậu từ đó linh hồn bắt nguồn.

Phật Giáo tin vào hiện tại. Với cái hiện tại làm căn bản để lý luận về quá khứ và tương lai. Giống như đèn điện là sự biểu lộ ra bên ngoài, năng lượng điện vô hình, tuy nhiên con người chỉ là sự biểu lộ ra ngoài năng lượng vô hình được biết là Nghiệp vô hình không biểu lộ ra bên ngoài. Bóng đèn có thể vỡ, điện tắt, nhưng dòng điện vẫn còn, ánh sáng lại tái sinh vào một bóng đèn khác. Cũng giống như vậy, nghiệp lực vẫn giữ nguyên không bị xáo trộn bởi cái xác thân tan rã, và cái thức hiện tại chết đi dẫn đến một thức mới phát sinh trong một sự ra đời khác. Nơi đây dòng điện giống như Nghiệp lực, và cái bóng đèn có thể so sánh với cái tế bào - trứng do cha mẹ cung cấp.

Nghiệp quá khứ là điều kiện cần thiết cho cái sinh hiện tại, và Nghiệp hiện tại phối hợp với Nghiệp quá khứ là điều kiện cần thiết cho tương lai. Hiện tại là con - kết quả của quá khứ, và trở thành cha mẹ - nguồn gốc của tương lai.

Tái sinh mà người Phật Tử không chỉ coi là lý thuyết mà là một sự thực có thể kiểm chứng, hình thành giáo lý căn bản Phật Giáo dù rằng mục tiêu Niết Bàn có thể đạt ngay trong đời sống này. Lý tưởng Bồ Tát và chủ nghĩa tương quan về tự do nhằm đạt sự toàn bích căn cứ vào học thuyết tái sinh.

Tài liệu ghi về niềm tin vào tái sinh, được coi như đầu thai hay luân hồi, được chấp nhận bởi các triết gia như Pythagoras và Plato, các thi sĩ như Shelley, Tennyson, và Woodsworth, và

nhiều người bình thường ở phương Đông cũng như phương Tây.

Học thuyết về tái sinh của Phật Giáo khác biệt về lý thuyết đầu thai và luân hồi của các hệ thống khác, vì Phật Giáo bác bỏ sự tồn tại của cái linh hồn bất diệt tạo ra bởi Thượng Đế, hay bắt nguồn từ cái thực chất thần thánh (*Paramatma*).

Cái thực của hiện tại không cần chứng minh vì nó hiển nhiên. Cái thực của quá khứ căn cứ vào trí nhớ và báo cáo, và cái thực của tương lai căn cứ vào chủ tâm và suy luận.

Ta có thể lập luận đời sống có cái khởi thủy trong quá khứ vô tận và cái bắt đầu ấy hay Nguyên Nhân Đầu Tiên là Đấng Sáng Tạo.

Trong trường hợp này không có lý do gì tại sao cùng sự đòi hỏi lại không được chấp thuận cho Đấng Sáng Tạo được chuẩn y này.

"Hơn thế nữa, nếu sinh là cái bắt đầu tuyệt đối, thì cái chết phải là cái tận cùng tuyệt đối, và giả định rằng con người từ cái không mà ra, cần dẫn đến giả định chết là cái tận cùng tuyệt đối."

Cho nên chết không phải là sự phân hủy hoàn toàn con người, dù quãng đời riêng chấm dứt, lực để phát động nó không bị phá hủy.

Sau cái chết dòng đời của con người tiếp tục vô tận chừng nào nó vẫn được cung cấp với nước vô minh và tham ái. Nói theo thói thường, con người không nhất thiết sinh làm con người vì con người không phải là chúng sinh sống duy nhất. Hơn thế nữa, đất, một hạt bụi hầu như vô nghĩa trong vũ trụ, không phải là nơi duy nhất mà con người tìm tái sinh. Con người có thể sinh vào các bình diện có thể ở được.

Nếu con người muốn chấm dứt hàng loạt sanh, con người có thể làm như Đức Phật và các Đức A La Hán đã làm bằng cách chứng Niết Bàn, ngưng hoàn toàn tất cả các dạng thức tham ái.

Con người đi về đâu? Con người có thể về nơi mong muốn hay ưa thích nếu thích hợp với nơi đó. Nếu, không có lời ước nguyện đặc biệt nào, con người có thể rời con đường đó và sẵn sàng theo các biến chuyển trong tiến trình, phải đi đến chỗ hay xử xứng đáng tùy theo Nghiệp của mình.

Theo nguyên tắc thần học, Spencer Lewis lập luận con người được tự ý tạo ra và không có ham muốn, trong lúc sáng tạo chẳng có phước lành và cũng chẳng bất hạnh, cao quý hay sa đọa, từ bước đầu trong tiến trình sáng tạo hình hài cho đến hơi thở cuối cùng, không kể gì đến ham muốn cá nhân, hy vọng, tham vọng, tranh đấu hay chí thành cầu nguyện. Đó là thuyết định mệnh thần học.

"Học thuyết cho rằng tất cả mọi người đều tội lỗi và có cái tội chủ yếu của Adam là một thách thức đối với công bằng, lòng nhân từ, tình thương, và lòng ngay thẳng tuyệt đối."

Huxley nói: "Nếu chúng ta cho rằng ai đó đã thiết lập vũ trụ tuyệt vời này tiến bước, với tôi thật rõ ràng người đó thực không nhân từ và công bằng chút nào, trong bất cứ ý nghĩa nào để hiểu của lời nói, người đó hiểm ác và bất công."

Theo Einstein: "Nếu Thượng Đế có quyền vô hạn thì mỗi việc xảy ra kể cả mỗi hành động, tư tưởng, cảm nghĩ, và hoài vọng của con người thì phải là công việc nơi Đấng đó; Làm sao có thể nghĩ rằng con người chịu trách nhiệm về hành vi và suy nghĩ của mình trước một Đấng Toàn Năng như vậy?"

"Có quyền thưởng phạt, ở một mức nào đó, Ngài tự phải phán xét. Làm sao sự phán xét này có thể kết hợp lòng tốt và đạo đức quy cho Ngài?"

Theo Charles Bradlaugh - "Sự hiện hữu của tội lỗi là một chướng ngại ghê gớm cho người hữu thần. Đau đớn, lâm than, tội ác, nghèo khổ đối đầu với người ủng hộ cho lòng nhân từ bất diệt, và thách thức với quyền uy không bác được, tuyên ngôn Thần Thánh như toàn thiện, toàn trí, và toàn thể lực."

Bình luận về cái đau khổ của con người và Thượng Đế, Giáo Sư J.B.S. Haldane viết:

"Hoặc đau khổ cần thiết để toàn thiện đặc tính con người, hay Thượng Đế không toàn năng. Lý thuyết thứ nhất không được chấp nhận bởi thực ra một số người đau khổ chút ít nhưng lại may mắn nhờ tổ tiên và giáo dục có những đặc tính rất tốt. Phản đối lý thuyết thứ hai là chỉ có sự liên hệ với vũ trụ như một tổng thể có một khoảng trống trí thức phải được lấp đầy bởi sự mặc nhận về thánh thần. Và đáng sáng tạo có thể tạo ra bất cứ gì đáng đó muốn."

Trong thi phẩm "Thất Vọng" ở thời cổ, Lord Tennyson táo bạo đả kích Thượng Đế, ghi trong Isaiah, nói:

"Ta tạo hòa bình và tạo tội lỗi

"Cái Gì! Ta phải gọi thế nào về tình thương vô cùng tận đã phục vụ chúng ta quá tốt như vậy?

"Ác độc vô cùng tận hơn là tạo một địa ngục vĩnh viễn."

Những nhà văn tín điều của chức quyền thời cổ hách dịch tuyên bố là Thượng Đế tạo con người theo hình ảnh của chính Ngài. Một số nhà tư tưởng hiện đại, trái lại, nói con người tạo ra Thượng Đế theo hình ảnh của chính con người. Với văn minh tiên bộ, quan niệm của con người về Thượng Đế càng ngày càng tinh tế hơn. Hiện nay có khuynh hướng thay thế Thượng Đế có cá tính con người bằng một Thượng Đế khách quan.

Voltaire nói Thượng Đế là sự sáng tạo cao quý của con người. Tuy nhiên không thể chấp nhận đáng toàn năng, có mặt tại

khắp nơi là hình ảnh thu nhỏ của mọi thứ lương thiện - hoặc cả trong hoặc cả ngoài vũ trụ.

Mục đích của đời sống là gì? Đó là câu hỏi cuối cùng của chúng ta. Câu này có thể gây ra tranh luận. Về quan điểm vật chất nó thế nào?

Khoa học gia trả lời:

"Đời sống có mục đích không?

Thế nào, ở đâu và bao giờ?

Ngoài không gian có vũ trụ, có mặt trời

Có trái đất, có đời sống, có con người

và còn nhiều nữa đến sau

Nhưng về Mục Đích: Của ai hay nguồn gốc? Tại sao,

Không ai.

Vì nhà duy vật học hạn chế mình trong các dữ kiện cảm giác và phúc lợi vật chất hiện tại, không màng tới giá trị tinh thần, họ nắm giữ quan niệm trái ngược hẳn với các nhà đạo đức. Theo quan điểm của họ, không có mục đích - vì những thứ đó không thể có mục đích.

"Ai là người tô mầu tuyệt vời cho các con công, hay ai làm cho con chim cu gáy cục cu hay như thế? Đó là lý luận chính mà người duy vật cho rằng mọi thứ đều do luật thiên nhiên của mọi sự vật."

"Ăn, uống, và hãy vui vẻ, vì chết đến với tất cả mọi người, kết thúc cuộc đời của chúng ta", có vẻ là lý tưởng đạo đức theo hệ thống của họ. Theo quan niệm của họ, Sri Radhakrishman viết: "Đức hạnh là ảo tưởng, thích thú mới là thực tại. Chết là kết thúc cuộc đời. Tôn giáo là một sự lầm lạc khờ dại, một bệnh tâm thần. Có sự ngờ vực trong mọi việc thiện, cao quý, trong sạch và từ bi. Lý thuyết đó bệnh vực chủ nghĩa nhục dục, ích kỷ, và xác nhận mạnh mẽ ý muốn mãnh liệt. Không cần phải kiểm soát đam mê và bản năng vì chúng là di sản tự nhiên cho con người".

Savadarsana Sangrala nói:

"Trong khi đời sống là của bạn, hãy sống vui vẻ
Không ai có thể thoát khỏi con mắt theo dõi của tử thần
Một khi tấm thân này của bạn bị cháy
Làm sao nó có thể trở lại được?"

"Trong khi cuộc sống vẫn còn để cho con người sống hạnh phúc, hãy để cho hắn được dùng bơ sữa dù rằng hắn sẽ phải mang nợ"

Vậy thì chúng ta hãy quay về với khoa học để có giải đáp cho câu hỏi. "Tại sao?"

Nên lưu ý rằng khoa học là sự nghiên cứu nhiều thứ, nghiên cứu xem nó ra sao và tôn giáo là sự nghiên cứu về tư tưởng, một sự nghiên cứu phải là như thế."

Sir J. Arthur Thompson cho rằng khoa học không đầy đủ vì khoa học không trả lời được câu hỏi "Tại sao".

Thảo luận về mục đích vũ trụ, Bertrand Russell tuyên bố ba quan điểm - hữu thần, phiếm thần, và hiện ra. Về cái đầu tiên, ông viết:

"Cho là Thượng Đế sáng tạo ra thế giới và ban hành luật thiên nhiên vì đoán trước một số tốt sẽ tiến hóa. Trong quan điểm này, mục đích tồn tại một cách cố ý trong tâm đấng sáng tạo, đứng bên ngoài sự sáng tạo của vị này.

"Trong dạng thức phiếm thần, Thượng đế không ở ngoài vũ trụ, nhưng chỉ là vũ trụ được coi như tổng thể. Cho nên không thể có hành động sáng tạo, mà có một loại lực sáng tạo trong vũ trụ, lực là nguyên nhân phát triển theo một kế hoạch mà lực sáng tạo này có thể được truyền trao nói là đã có trong tâm trong suốt tiến trình.

"Trong dạng thức 'hiện lên', mục đích lại càng mù mờ. Tại giai đoạn trước đó, không có gì trong vũ trụ được nhìn thấy trước,

tại giai đoạn sau đó nhưng một loại thúc đẩy khó thấy dẫn đến sự thay đổi mang lại nhiều dạng thức được phát triển hơn vào hiện hữu, cho nên, đúng hơn là tối nghĩa, cái tận cùng lại ẩn tàng vào lúc bắt đầu."

Chúng tôi không bình luận. Những câu trả lời trên đây chỉ là quan điểm của các nhà tôn giáo và tư tưởng gia lớn khác nhau.

Có mục đích vũ trụ hay không, câu hỏi nêu lên về sự vô ích của các con sán dây, con rắn, con muỗi vằn vãn., và sự hiện hữu của bệnh chó dại. Sao người ta có thể tính nó là một vấn đề của tội lỗi? Có phải động đất, lụt lội, bệnh dịch hạch, và chiến tranh đã được trừ tính?

Bây tỏ quan điểm riêng về mục đích vũ trụ, Russell mạnh dạn tuyên bố:

"Tại sao, trong bất cứ trường hợp nào, có sự vinh danh cho con người? Còn về con sư tử hay con hùm thì sao? Chúng tiêu diệt ít thú vật và sinh mạng con người hơn chúng ta, và còn đẹp dễ hơn chúng ta. Về các con kiến thì sao? Chúng điều hành tập đoàn của chúng giỏi hơn bất cứ tên Phát xít nào. Phải chăng thế giới của chim sơn ca, oanh yến, và nai không tốt đẹp hơn thế giới ác độc, bất công và chiến tranh của con người? Những người tin tưởng vào mục đích vũ trụ lạm dụng nhiều về cái coi là trí thông minh của chúng ta. Nhưng những bản văn của họ khiến ta nghi ngờ. Nếu tôi được trao quyền vô hạn, và hàng triệu năm để chứng nghiệm, tôi sẽ không nghĩ rằng con người có nhiều điều để kiêu hãnh về những thành quả cuối cùng trong tất cả nỗ lực của tôi".

Giờ đây, Phật Giáo trả lời ra sao câu hỏi "**Tại Sao?**"

Phật Giáo bác bỏ sự hiện hữu của một Đấng Sáng Tạo. Theo quan điểm của Phật Giáo không thể có một mục đích định trước. Phật Giáo cũng không tán thành thuyếtù định mệnh, quyết định luận, hay tiền định kiểm soát tương lai con người

không phụ thuộc vào hành động tự do của con người. Trong trường hợp như vậy, tự nguyện trở thành một lực tuyệt đối và đời sống trở thành thuần túy máy móc.

Ở một mức độ rộng lớn, hành động của con người ít nhiều máy móc, ảnh hưởng bởi việc làm của chính mình, sự nuôi dưỡng và môi trường chung quanh vân vân... Nhưng ở một mức độ nào đó, con người có thể sử dụng sự tự nguyện của mình. Chẳng hạn, một người từ một sườn núi rơi xuống đất thì cũng chẳng khác gì một hòn đá vô tri vô giác rơi. Trong trường hợp này người đó không thể sử dụng lòng tự nguyện của mình mặc dù người đó có tâm ý không giống như hòn đá. Nếu người đó trèo núi, ắt hẳn người đó đã sử dụng lòng tự nguyện và hành động theo ý thích. Trái lại, hòn đá không có tự do để làm như vậy. Con người có quyền lực để chọn giữa cái phải và cái trái, giữa cái tốt và cái xấu. Con người có thể hoặc thù địch hay thiện cảm với chính mình và người khác. Tất cả tùy thuộc tâm mình và sự phát triển của tâm.

Mặc dù không có mục đích đặc biệt trong cuộc sống, con người có tự do để có một mục đích rõ ràng trong đời.

Cho nên, thế nào là ý nghĩa của đời?

Ouspenky viết:

"Một số người nói ý nghĩa của cuộc đời là trong phục vụ, đầu hàng cái ta, quên mình, hy sinh mọi thứ kể cả đời mình. Một số khác nói ý nghĩa rõ ràng trong cuộc đời là điều thích thú, làm nhẹ bớt sự mong đợi hải hùng cuối cùng về cái chết. Một số nói ý nghĩa của cuộc đời là toàn hảo, tạo một tương lai tốt đẹp hơn ở bên kia thế giới, hay trong kiếp tương lai cho chính chúng ta. Một số khác nói ý nghĩa của cuộc đời là tiến tới cái không hiện hữu, vẫn có một số nói ý nghĩa của cuộc đời là trong sự kiện toàn nội giống, trong việc tổ chức đời sống trên trái đất, trong khi cũng có những người bác bỏ ngay cả đến toan tính muốn biết ý nghĩa của cuộc đời."

Phê bình tất cả những quan điểm này, những nhà văn tri thức viết:

"Cái sai lầm của tất cả những lời giải thích ấy là chỗ thực ra tất cả đều cố gắng khám phá ý nghĩa cuộc đời ở bên ngoài, hoặc trong bản tính nhân loại hoặc trong cuộc sống khó thấy bên kia thế giới, hay một lần nữa trong sự chống lại sự tiến hóa của cái "Tôi" qua nhiều hiện thân liên tiếp - luôn luôn trong cái gì đó bên ngoài của đời sống hiện tại của con người. Nhưng thay vì ước đoán, đơn giản là con người hãy nhìn vào chính mình, rồi họ sẽ thấy sự thực ý nghĩa của cuộc đời xét cho cùng không phải quá tối nghĩa. Nó cốt ở kiến thức."

Theo quan điểm của người Phật Tử, ý nghĩa của cuộc đời là sự Giác Ngộ Tối Thượng, tức sự hiểu biết đúng về ta là gì. Điều này chỉ có thể đạt được nhờ hạnh kiểm cao cả, huấn luyện tinh thần, thâm nhập tuệ giác; hay nói một cách khác do phục vụ và kiện toàn.

Trong phục vụ, gồm có lòng từ-ái vô biên, từ bi, và tuyệt đối vị tha thúc đẩy ta phục vụ người khác. Kiện toàn bao gồm thanh tịnh và trí tuệ tuyệt đối.



13

MỤC ĐÍCH CỦA CUỘC ĐỜI

Tiến Sĩ K. Sri Dhammananda

Mục đích của cuộc đời là gì? Đó là một câu hỏi thông thường luôn luôn được người ta hỏi. Không dễ dàng gì có câu trả lời thỏa đáng cho câu hỏi có vẻ như tầm thường nhưng phức tạp này. Mặc dù một số người đã đưa ra một số trả lời theo cách nghĩ của họ, nhưng dường như câu trả lời không mấy thỏa mãn người trí thức. Lý do là họ không học hỏi để nhìn đời một cách khách quan và hiểu viễn ảnh thích đáng của cuộc đời. Họ đã tạo ra những tưởng tượng về cuộc đời theo sự hiểu biết hạn hẹp của họ. Đồng thời chúng ta biết nhiều đạo sư, triết lý vĩ đại, thi sĩ nổi tiếng, và những nhà tư tưởng lớn, cũng không thỏa mãn về bản chất đời sống. Một số nói đời đầy khổ đau; bất trắc và bất toại nguyện. Một số nói: "Hay biết mấy nếu tôi không được sinh ra". Một số khác hỏi: "Tại sao chúng ta sinh ra cõi đời này để khổ đau mà không được gì?"

Theo như lời họ nói, chúng ta hiểu họ là những người biết cách nhìn đời một cách khách quan, đời thật đúng là thế. Nhưng người bình thường luôn luôn nhìn đời một cách hời hợt không phải đời đúng là vậy. "Đời không phải là cái ta nghĩ về đời mà là cái chúng ta nghĩ trở thành đời" Đó là lời của một nhà tư tưởng vĩ đại khác.

Một số người nói không có mục đích đặc biệt trong đời sống, nhưng đời có thể sử dụng vào bất cứ mục đích gì. Có một điều gì trong câu nói này cho chúng ta suy nghĩ khôn ngoan; muốn sử dụng đời cho mục đích đem lợi ích cho chúng ta và cho nhân

loại thay vì làm phỉ phạm nó một cách khờ dại. Theo đường lối này, mục đích của cuộc đời có thể nói tùy thuộc vào đường lối ta điều khiển và sử dụng nó. Nếu ta sử dụng nó sai lầm vì vi phạm các đức tính thiện của con người, lạm dụng phẩm giá con người, và phạm phải các hành động sai trái chịu thua các nhược điểm của chúng ta, chúng ta không thể hoàn tất được điều đáng giá và cao quý về mục đích cuộc đời. Nhưng nếu chúng ta hành động khôn ngoan và chu đáo bằng cách gìn giữ những nguyên tắc luân lý và đạo đức phổ thông, thực hành kiên nhẫn, khoan dung, tình cảm, nhũn nhặn và tử tế, tạo hiểu biết và phục vụ không vị kỷ, rèn luyện tâm trí để đạt trí tuệ, chúng ta có thể đạt điều cao quý và lợi ích cho tất cả vì mục đích cuộc đời. Những ai trau dồi những đức hạnh như vậy sẽ chứng nghiệm hòa bình, hạnh phúc, an ổn, thỏa mãn và tĩnh lặng. Đời sẽ thật đáng giá - Phải là một niềm vui được sống trên đời!

Bản Chất Của Đời Sống

"Đời tự nó phỉ phạm trong khi chúng ta sửa soạn vào đời" một nhà trí giả nói vậy. "Bệnh tật, già nua, và khổ sở là giá ta trả để giữ thân xác như một cái nhà", một nhà trí giả khác nói như vậy. "Chúng ta phải trả nợ cái sợ hãi và lo âu để sống như một con người." Đó là một câu khác do một nhà tôn giáo nói. Khi ta xét tất cả những quan điểm này, chúng ta tìm thấy bản chất của cuộc đời và phán đoán liệu có một mục đích nào trong cuộc đời không.

Nếu chúng ta chỉ thỏa mãn giác quan là mục đích của cuộc đời, chúng ta phải chuẩn bị đối đầu với những khó khăn phát sanh từ cái mà không ai vui hưởng dục lạc mà không đương đầu với khó khăn.

Mặc dù các khoa học gia đã khám phá ra nhiều thứ tuyệt vời trong vũ trụ, nhưng chính họ cũng không biết mục đích của cuộc đời.

Về cách cư xử của con người, một học giả viết: "Con người không phải là cái nó là, là cái không phải nó". Theo ông, con người không xử thế đúng như một "con người" thực sự. Theo Phật Giáo, con người không phải là một thực thể làm sẵn mà là một biểu cảm tồn tại theo nghĩa đen từng khoảnh khắc một trên cơ sở năng lượng. Một nhà học giả khác nói: "Không thể chữa khỏi sanh và tử, hãy vui hưởng giữa khoảng cách sanh và chết"

Chúng ta không thể hiểu được bản chất thực sự của đời sống do vô minh và tham ái mạnh mẽ. Đó là lý do tại sao chúng ta phải đau khổ nơi đây. Đó là lý do tại sao khó khăn cho chúng ta xem có một mục đích rõ ràng trong đời sống hay không trên thế giới này và trong hình thái này.

Đời sống được mô tả như một sự kết hợp của tâm và vật. Kết quả của sự kết hợp này, một chúng sanh hiện hữu và nó tiếp tục thay đổi cho đến khi tan rã. Tuy nhiên, khởi đi từ năng lượng tinh thần rồi lại kết hợp với các thành phần hay vật chất tái xuất hiện dưới nhiều hình thức và bầu trời khác nhau theo đời sống phù hợp với bản chất của tiền kiếp. Sự tiếp tục của dòng suối đời cứ thế tiếp tục mãi mãi bao lâu mà nghiệp lực và tham sống vẫn còn.

Năm Uẩn

Theo Pháp, đời sống gồm năm uẩn. Chúng là Sắc, Thọ, Tưởng Hành, và Thức. Bốn thành phần là chất đặc (đất), chất lỏng (nước), hơi nóng (lửa), và chuyển động (gió) gồm trong sắc (vật chất). Sắc cùng bốn yếu tố tinh thần nói trên là thọ, tưởng hành, thức cùng nhau kết hợp thành đời sống. Bản chất thực sự của năm uẩn này được giải thích trong giáo lý của Đức Phật như sau: Sắc tương đồng với một đồng bột biển, thọ như bột nước, tưởng mô tả như ảo ảnh, hành như cây chuối và thức như một ảo tưởng. Với cách lý giải đời sống như thế, khó có thể xác quyết sự thực hay mục đích của đời sống như đã được tạo nên.

Sự phân tích đời sống là một thách thức to lớn đối với nhiều triết gia và niềm tin tôn giáo thời đại. Không có thứ gì là đời sống vĩnh viễn hiện hữu mà không có thay đổi và tan rã. Xác thân chẳng là gì cả, chỉ là một tổng hợp trừu tượng cho một hỗn hợp luôn luôn thay đổi của thành phần hóa chất cấu tạo. Con người bắt đầu nhìn thấy đời mình như một giọt nước trên một dòng sông đang chảy và vui mừng đóng góp phần mình vào dòng sông đời vĩ đại.

Một Thế Giới Của Sóng

Phân tách khoa học về vũ trụ cho thấy thế giới không là gì cả mà là một sự tiếp tục vận hành không ngưng nghỉ. Tiến Sĩ Einstein nói "Tất cả vật chất được tạo thành bởi sóng và chúng ta sống trong một thế giới sóng"

"Chúng ta là một phần của những sóng như thế
 Nếu một người có thể nhận thức được:
 Tình trạng xác thân của mình,
 cảm nghĩ của mình,
 tình trạng của tâm và
 tình trạng của các đối tượng tinh thần,
 sự nhận thức như trên sẽ dẫn người đó khám phá ra vấn đề
 liệu có hay không mục đích của cuộc đời".

Bạn Hãy Tự Thay Đổi

Bạn có thể kiện toàn bằng cách thay đổi thế giới không? Không bao giờ. Bạn chỉ có thể cảm thấy cái cao ngạo của bạn và xoa dịu tính ích kỷ của bạn. Bạn sẽ bị ràng buộc bởi bánh xe luân hồi. Nhưng bằng cách bạn tự thay đổi, bằng cách nhận thức được bản chất của cái ta nhờ tự buông bỏ, tự kỷ, tự nỗ lực bạn có thể thành người hoàn toàn. Bằng việc thành công toàn hảo như vậy, bạn đền đáp nhân loại bằng sự phục vụ cao cả nhất. Tấm gương của bạn sẽ truyền cảm hứng cho người khác và họ cũng sẽ theo bạn và hoàn thành mục tiêu cuộc đời.

Con người ngày nay là kết quả của cả triệu tư tưởng và hành động trong quá khứ. Con người không phải được làm sẵn; họ bắt đầu và tiếp tục bắt đầu. Tính nết của con người được xác định bởi sự suy tư của chính mình. Con người không hoàn hảo do bản chất, con người phải tự rèn luyện để trở nên hoàn hảo.

Đời sống không phải chỉ thuộc về loài người thôi. Nhiều dạng thức sống khác hiện hữu trong vũ trụ. Tuy nhiên loài người biết suy nghĩ nhiều hơn và có khả năng lý luận. Trong phương diện ấy, con người cao hơn chúng sinh khác vì có trí thông minh để xây dựng cuộc đời, để thoát khỏi đau khổ trần thế. Cho nên nếu mục đích cuộc đời là chỉ để quét sạch đau khổ, con người có thể đạt cứu cánh ấy do nỗ lực của chính mình. Nhưng đời sẽ là sự thất bại nếu không được sử dụng thích đáng.

Đức Phật nhấn mạnh đến phẩm giá con người và giảng dạy về giá trị con người. Ngài vẽ một bức tranh toàn hảo về con người, phấn đấu và tranh đấu hết đời này đến đời khác trong việc tìm cầu toàn hảo.

Đời sống là một kinh nghiệm độc đáo. Không thể lấy gì để so sánh được, không thể đo lường giá trị của nó đối với những thứ khác, và tiền bạc không thể mua được nó. Nhiều người chưa biết phải làm gì với 'hạt ngọc vô giá này'. Nơi đây đời sống không có nghĩa chỉ là xác thân vật chất hay giác quan mà là trí thông minh con người.

Bốn Hạng Người

Đức Phật phân chia tất cả nhân loại thành bốn nhóm:

1. Những người làm việc vì lợi ích của chính mình, mà không vì lợi ích của người;
2. Những người làm việc vì lợi ích của người mà không vì lợi ích của mình;

3. Những người không làm việc vì lợi ích của mình và cũng chẳng làm việc vì lợi ích của người;
4. Và những người làm việc vì lợi ích của mình và cũng làm việc vì lợi ích của người.

Ai là người chỉ làm việc vì lợi ích của mình mà không làm việc vì lợi ích của người? Đó là người chỉ phấn đấu loại bỏ tham, sân si cho chính mình, mà không khuyến khích người khác loại bỏ tham sân si và cũng không làm gì phúc lợi cho người khác.

Ai là người chỉ làm việc vì lợi ích cho người mà không làm việc vì lợi ích của mình? Đó là người khuyến khích người khác loại bỏ nhược điểm con người và phục vụ cho họ nhưng không tự tranh đấu để loại bỏ nhược điểm của chính mình.

Ai là người không làm việc vì lợi ích của chính mình và cũng chẳng làm việc vì lợi ích của người? Đó là người không tranh đấu để loại bỏ nhược điểm của chính mình và cũng chẳng khuyến khích người khác bỏ các nhược điểm và cũng không phục vụ người .

Ai là người làm việc vì lợi ích của chính mình và làm việc vì lợi ích của người? Đó là người tranh đấu để loại bỏ tư tưởng tội lỗi trong tâm của mình, đồng thời giúp người khác làm điều thiện.

Đời Là Khổ Đau

Nếu chúng ta suy ngẫm sâu xa, chúng ta phải đồng ý với khái niệm đời là khổ đau. Chúng ta đau khổ cả thể chất lẫn tinh thần ở bất cứ lúc nào. Ta có thể tìm được người nào trên thế giới này thoát khỏi được cái đau đớn thể chất và tinh thần không? Quả là khó khăn. Cả đến những người đạt tới bậc thánh cũng không thoát khỏi cái đau đớn thể xác chừng nào mà họ còn mang xác thân vật chất.

Nếu có ai hỏi: "Điều gì bất trắc nhất trên thế giới này?" - Câu trả lời đúng phải là: "Đời là điều bất trắc nhất". Tất cả mọi thứ ta làm trên cõi đời này là để thoát khỏi khổ đau và cái chết. Nếu chúng ta buông lung chỉ một giây, cũng thừa đủ để chúng ta mất nó. Hầu hết tất cả những thói quen hàng ngày như làm việc, ăn, uống, dùng thuốc men, ngủ và đi lại là những phương cách và phương tiện áp dụng bởi chúng ta để tránh khổ đau và cái chết. Mặc dù thỉnh thoảng chúng ta kinh qua một vài lạc thú trần tục thỏa mãn ham thích của mình nhưng ngay sau đó chính lạc thú ấy có thể biến thành khổ đau. Cho nên kho tàng hòa bình và hạnh phúc cao quý không cần thiết phải ở trong tay người giàu có mà nơi con người từ bỏ trần tục.

Tất cả mọi thứ trong đời sống của chúng ta đều phải thay đổi và bất toại nguyện. Do đó Đức Phật đã giải thích chừng nào mà ta còn tham dục lạc trần thế hay ham muốn sống thì chúng ta không thể tránh khỏi khổ đau thể chất và tinh thần. Ham muốn rất quan trọng cho cuộc sống. Khi cuộc sống hiện hữu, khổ đau không tránh được.

Nhiều người tìm kiếm một đời sống bất diệt, nhưng trở trêu thay những người đi tìm cái bất tử này lại thấy rằng đời đáng chán đến nỗi họ không biết làm gì để qua ngày! Theo Đức Phật, cái tham về bất tử này là một trong những nguyên nhân của tư tưởng ích kỷ và sợ chết.

"Thật dễ dàng ta vui vẻ
 Khi đời trôi chảy như bài ca
 Nhưng người thật xứng đáng
 là người có thể mỉm cười
 dù đời đi vào vô vọng".

Cái hạnh phúc bé nhỏ này được bảo đảm giữa nhiều bất mãn, không thành công và thất bại. Con người không tìm thấy ý nghĩa của cuộc đời nếu không có xáo trộn, khó khăn, tai ương, thất vọng, sợ hãi, bất an, thua lỗ, bất hạnh, trách cứ, bệnh tật,

già yếu, và cả ngàn tình trạng khác không thích thú. Ngày đêm, con người phấn đấu để thoát khỏi những tình thế bất hạnh này. Nhưng càng tranh đấu để thoát khỏi tình trạng bất hạnh này theo đường lối trần tục, thì con người lại tự mình càng vướng mắc vào nhiều khó khăn khác. Khi tìm cách thoát ra khỏi một khó khăn dù hữu ý hay vô tình con người cũng tự mình tạo ra những khó khăn khác. Chấm dứt những khó khăn ấy ở đâu? Muốn tồn tại, chúng ta phải chấp nhận những khó khăn và khổ đau như vậy không phản nản vì không có sự lựa chọn nào khác. Khổ đau lúc nào cũng ở đấy! Không có cách nào có thể tránh được khổ đau và bất hạnh. Khổ đau theo Đức Phật, là một căn bệnh chỉ có thể hoàn toàn khỏi được khi đạt được toàn hảo.

Lão Tử, một đạo sư nổi tiếng Trung Hoa nói: "Ta đau khổ vì ta có thân xác. Nếu ta không có thân thể chất này, làm sao ta có thể đau khổ được?"

Khi bạn nhìn con người đau khổ như thế nào trên thế giới này, bạn có thể nhìn thấy tình trạng thực sự của đời sống trần thế. Tại sao ta phải chịu đau khổ như vậy? Ai là người chịu trách nhiệm về những đau khổ ấy? Theo Đức Phật, mỗi người chúng ta chịu trách nhiệm về khổ đau của chính mình. Con người đau khổ ngày nay vì quá tham sống. Đó là nguyên nhân chính của khổ đau. Phải mất hơn 2500 năm, các triết gia và các nhà tâm lý học mới hiểu được điều mà Đức Phật nói là đúng. Một thi nhân nói:

"Con thiêu thân bay vào lửa,
không biết mình sẽ chết.
Con cá nhỏ cắn lưỡi câu,
không biết mình bị nguy hiểm.
Nhưng dù biết rõ hiểm nguy
của những lạc thú tội lỗi trần tục,
ta vẫn bám chặt vào chúng,
Quả thật ta khờ dại đến chừng nào!"

Bản Chất Phù Du Của Cuộc Đời

Phật Giáo nhấn mạnh đời người rất ngắn ngủi và ta nên lưu tâm, tích cực hoạt động và lưu ý để được giải thoát.

"Con người chẳng bao giờ có thể hiểu rằng chúng ta ở cõi đời này chỉ trong một thời gian ngắn. Nhưng dù có được chân lý ấy vẫn đau khổ với tất cả những xung đột và cãi cọ để rồi chấm dứt."

Thi sĩ Davis nhìn cuộc đời phù du ra sao như dưới đây:

"Đời là gì, sao quá cần trọng,
 Không có thì giờ để đứng và ngắm xem?
 Không có thì giờ để dừng dưới cành cây
 Để chỉ nhìn con cừu và con bò cái.
 Không có thì giờ nhìn cánh rừng khi ta đi qua
 Nơi những con sóc dấu những hạt trong cỏ.
 Không có thì giờ, nhìn ánh sáng tỏ ban ngày
 Dòng suối tinh tú tràn đầy bầu trời ban đêm.
 Không có thì giờ để thoáng nhìn cái đẹp,
 Ngắm đôi chân nàng, xem chúng nhảy múa
 Không có thì giờ chờ đợi nụ cười nở trên môi, khóe mắt
 long lanh.
 Cuộc đời khốn khổ như thế, nếu hết sức cần trọng,
 Chúng ta không thì giờ để đứng và ngắm xem"

Chiến Trận

Toàn thể vũ trụ là một chiến trường rộng lớn. Cuộc sống chẳng là gì cả mà là một cuộc tranh đấu vô ích, nguyên tố chống nguyên tố, năng lượng chống năng lượng, nam giới chống nam giới, nữ giới chống nữ giới, người chống thú vật, thú vật chống người, người chống thiên nhiên, thiên nhiên chống người, và chính trong phạm vi của hệ thống vật chất là một chiến trường to lớn. Chính tâm con người là một chiến trường lớn nhất.

Con người không thanh thản với chính mình không thể hòa bình với thế giới, chiến tranh bên ngoài cứ tiếp diễn để che đậy sự thực chính từ nơi cá nhân, chiến tranh thực sự ở bên trong. Lời cầu nguyện quan trọng nhất của nhân loại ngày nay là hòa bình, nhưng không có hòa bình trên thế giới tan nát vì chiến tranh này cho đến khi nào những mâu thuẫn của con người với chính mình chấm dứt.

Dưới mắt Đức Phật chúng sanh run rẩy như con cá trên giòng sông sắp cạn, bị kim kẹp trong tham ái, vùng vẫy hết chỗ này chỗ kia để thoát, giống như con thỏ rừng bị mắc bẫy hay như mũi tên lạc bắn trong đêm tối. Ngài nhìn thấy sự tranh giành lẫn nhau, cái vô nghĩa của hàng loạt cướp bóc trong đó kẻ này ăn kẻ khác, chỉ để rồi bị ăn bởi người khác. Chiến tranh gây ra do tâm con người và cũng chính tâm con người này có thể tạo hòa bình và công lý nếu con người sử dụng tâm không thiên lệch.

Lịch sử thế giới cho chúng ta biết kỳ thị chủng tộc, màu da, tôn giáo cuồng tín, và tham quyền thế chính trị, và của cải đã tạo thêm nhiều thống khổ và tai hại lớn lao trong thế giới này và đã tiêu diệt một phần lớn nhân loại trong một đường lối độc ác. Những sự việc này không bao giờ đóng góp gì cho việc phát triển thế giới. Con người khát vọng quyền uy và của cải, bị đầu độc bởi ganh ghét bao giờ cũng tạo khó khăn, thường cố biện minh hành động độc ác của họ bằng cách nói một cách vô nghĩa dưới danh hiệu hoà bình và công lý. Chúng ta đang sống trong một thế giới đoàn kết về vật chất nhưng chia rẽ về tinh thần và đồng thời tinh thần đoàn kết nhưng vật chất chia rẽ.

"Chúng ta sống. làm việc và mơ mộng,
 Mỗi người đều có một ý đồ nho nhỏ,
 Đôi khi chúng ta cười;
 Đôi khi chúng ta khóc.
 Và cứ thế ngày tháng trôi qua"

Thái Quá

Chúng ta làm cực nhọc, đầu tắt mặt tối để duy trì thân xác. Chúng ta phạm tội không kể xiết để thỏa mãn nhu cầu và tham ái của xác thân. Chúng ta muốn nổi tiếng và danh vang để thỏa mãn lòng vị kỷ cố hữu trong chúng ta. Chúng ta làm một nghìn lẻ một những sự việc để nâng cao cái gọi là uy tín, và rồi khi chết đến, với cái mục rữa của thân xác trong mồ, hay xác thiêu chúng ta ra đi - xác thân không còn nữa.

Trong cuộc đời chúng ta tạo nhiều điều quan trọng quá mức trên xác thân. Cũng như chúng ta đã làm điều đó cho cái chết. Thi sĩ Khantipalo mô tả cái ồn ào thái quá tạo ra bởi chúng ta như sau:

"Quá nhiều ồn ào
 Quá nhiều người
 Quá nhiều thi giờ
 Quá nhiều khó khăn
 Quá nhiều nước mắt
 Quá nhiều tiền bạc
 Tất cả thứ đó để làm gì?
 Cho xác thân bé nhỏ!
 Một viên tròn chất đạm
 Phân hủy nhanh chóng.
 Cái thân nhỏ bé
 Tan rã nhanh chóng.
 Không còn gì nữa
 Cha mẹ thân yêu
 Hay bất cứ người thân nào khác.
 Mặc dù như vậy
 Chúng ta phải có
 An ủi và quan tài
 Đám ma và mộ chí
 Tụ tập và tang tóc
 Nghi thức và nghi lễ

Chôn hay thiêu
 Ướp xác để giữ hoài
 Tất cả những thứ ấy cho
 Xác thân bé nhỏ phồng lên.
 Các con hãy nhớ,
 Các cháu hãy nhớ
 Và sau chúng
 Người chết bị lãng quên,
 Đá và xương còn lại.
 Vậy điều này không phải
 Là một sৌ nhiều vô nghĩa sao?

Giá Trị Tinh Thần

Julian Huxley nói: Đời phải dẫn đến chỗ thực hiện những khả năng không kể tiết về thể chất, tinh thần, tâm linh vân vân...mà con người có thể làm được. Nhân loại có khả năng làm nhiều việc vĩ đại hơn, và cao quý hơn.

Bạn sinh ra trong cõi đời này để làm việc thiện và không để thì giờ trôi qua vô ích. Nếu bạn biếng nhác, bạn là gánh nặng cho thế giới này. Bạn phải luôn luôn nghĩ đến việc nâng cao lòng tốt và trí huệ. Bạn sẽ lạm dụng cái đặc ân trở thành một con người nếu bạn không chứng tỏ bạn xứng đáng với nguyên nhân mà vì nó bạn được hưởng vị trí này. Phí phạm cuộc sống con người trong nuối tiếc dĩ vãng, trong biếng nhác và không lưu tâm chứng tỏ sự không phù hợp của bạn trên thế giới này. Cây vắn minh mọc rễ từ những giá trị tinh thần mà đa số chúng ta không hiểu. Không có những rễ ấy, lá sẽ rụng và để lại một thân cây chết.

"Nếu tất cả núi là sách, và nếu tất cả hồ là mực, và nếu tất cả cây cối là bút viết, vẫn không đủ để miêu tả sự thống khổ trong đời này"(Jacob Boehme)

Cho nên tại sao những đạo sư giác ngộ như Đức Phật sau khi thấy đời đúng theo viễn cảnh của nó, không một động cơ vị kỷ

hay ích kỷ nào, đã giải thích rằng không có mục đích thực sự của đời sống, nếu chúng ta cứ để đời sống chạy vòng vòng theo chu trình sinh tử trong khi đau khổ về thể chất và tinh thần. Nhưng chúng ta có thể sử dụng hữu hiệu đời sống này cho mục đích tốt đẹp hơn bằng cách phục vụ người khác, trau dồi luân lý, rèn luyện tâm trí, và sống như một người có văn hóa trong hòa bình, hòa hợp với phần còn lại của thế giới. Theo Đức Phật, con người không phải là bù nhìn vô trách nhiệm. Con người là quả cao nhất của cây tiến hóa. Tuy nhiên triết lý cổ xưa trình bày mục đích của đời sống như sau: "Dẫn từ tăm tối đến ánh sáng, từ không chân lý đến chân lý, và từ tử đến bất tử". Những lời nói đơn giản nhưng có ý nghĩa này cho chúng ta vấn đề đáng suy nghĩ.

Tử và Bất Tử

Tất cả những câu con người hỏi về đời sống đều liên quan đến sự thực của cái chết; con người khác biệt tất những sinh vật khác, vì con người biết được cái chết của mình nhưng lại không bao giờ chịu hòa giải với sự chia sẻ với số phận tự nhiên của tất cả những sinh vật sống. Nếu chỉ con người mới có thể hiểu được đời sống ngắn ngủi và cái chết không tránh được, con người có thể giải quyết nhiều vấn đề liên quan đến đời sống. Trong cuộc cầm cự chống lại cái chết, con người tuy đã thành công kéo dài đời sống nhưng cũng chỉ giống như đứa trẻ chơi trò xây cát lâu đài bằng cát trên bờ biển để rồi đợt sóng nổi tiếp phá vỡ đi. Con người thường làm cho cái chết trở thành đối tượng trung tâm của tôn giáo, cầu khẩn phước báu thiên đường để đạt đời sống bất diệt.

Chết xảy ra với tất cả chúng sinh, nhưng chỉ có con người trước sự đe dọa không ngừng của cái chết, tạo ra ý chí để chịu đựng. Ngoài việc ham thích được trường cửu và bất tử trong tất cả các dạng thức có thể tưởng tượng được, con người tạo ra tôn giáo, đến lượt nó, cố gắng đưa ra một sự kết thúc cuộc đời có ý nghĩa hơn.

Mặc dù có nhiều tín đồ của nhiều tín ngưỡng tin tưởng có sự hiện hữu của thiên đường trường cửu, nơi đây đời sống là một hạnh phúc bất diệt, chúng ta vẫn chưa nghe thấy những tín đồ thuần thành của một tôn giáo nào say mê từ bỏ cuộc sống trần thế và những thứ mà họ là sở hữu chủ để rồi được về thiên đàng ngày nay. Tương tự như vậy, ngay cả người Phật Tử cũng thích bám víu vào đời sống trần thế quý giá của họ chừng nào họ tồn tại, mặc dù họ biết rằng đời sống trên thế giới này chẳng là gì cả mà chỉ là khổ đau, và hạnh phúc tối thượng là Niết Bàn. Có bao nhiêu người đạt được Niết Bàn bằng bỏ tham ái?

Ngày nay cái khó khăn nhất mà các quốc gia phải đương đầu là vấn đề bùng nổ dân số. Đường lối và biện pháp phải được tìm ra để kiềm chế vết sưng không ngừng này của dòng đời. Hàng triệu người cần thực phẩm, chỗ ở, tiện nghi và an ninh. Với những người ấy câu hỏi không phải là "Mục đích của cuộc đời là gì?" mà là "Phải làm gì với đời sống?". Câu trả lời đơn giản là ta nên sử dụng một cách hữu hiệu nhất đời sống và tìm ra cái gì là hạnh phúc mà ta có thể đạt được bằng phương thức thực tiễn và chính đáng hơn là lo lắng quá đáng về lý thuyết trừu tượng về mục đích bí ẩn của cuộc đời. Tuy nhiên, tôn giáo bước vào để an ủi con người hay thức tỉnh con người về sự thật đời sống không thê lương và vô vọng như nó được nhìn từ cơ sở xác thân vật chất không thôi. Có hy vọng cho một đời sống tốt đẹp hơn.

Tất cả những tiến bộ trên thế giới này được tạo ra bởi con người là do sự thật là con người nhận thức được con người phải chết và muốn để ảnh hưởng lại sau khi ra đi. Nếu con người đạt được bất tử và những ngày trên trái đất là vô tận thì con người sẽ có xu hướng thoải mái và mất tất cả sự khích lệ và sáng tạo để tiến bộ, con người sẽ không còn ham thích trong việc tạo thế giới này thành một nơi tốt đẹp hơn. Nếu không có chết, đời sống sẽ đình trệ, buồn tẻ, gánh nặng không tả xiết và chán nản. Nếu con người có tuệ giác biết được thời gian bao lâu nữa sẽ chết,

con người ấy sẽ hành động khác hẳn hành động mà người ấy đang làm hiện nay.

***"Xác Thân Trở Thành Tro Bụi,
Nhưng Ánh Hưởng Vẫn Còn" - (Đức Phật)***

Dù rằng cha ông chúng ta đã chết và ra đi, chúng ta vẫn cảm thấy họ vẫn hiện hữu với chúng ta không vật chất nhưng qua ảnh hưởng tạo ra từ thế hệ này đến thế hệ kia - ảnh hưởng của họ vẫn còn. Bằng từ ò "tổ tiên", chúng ta không chỉ liên tưởng đến tổ tiên mà đến tất cả những ai đã đóng góp vào phúc lợi và hạnh phúc của người khác. Trong ý nghĩa này, chúng ta có thể nói những anh hùng, nhà hiền triết, và các thi nhân của ngày xưa đã không còn, nhưng vẫn hiện hữu giữa chúng ta qua ảnh hưởng của họ. Vì chúng ta tự liên hệ đến những liệt sĩ, và những nhà tư tưởng, chúng ta chia sẻ những tư tưởng khôn ngoan nhất, lý tưởng cao quý và cả đến âm nhạc tuyệt diệu của hàng thế kỷ qua.

Kêu gọi con tim của con người cho một mục đích là xác nhận không rõ ràng bản chất của đời sống. Khi con người cảm thấy bản chất cao quý hay tuyệt trần của mình, người đó không còn khóc than gì về mục đích cuộc đời vì đã nhận thức được chính mình là mục đích.

Người biết suy nghĩ nhận định rằng dòng lịch sử loài người được quyết định không phải gì xảy ra trên trời mà là do cái diễn ra trong tâm con người.

Đức Phật nói không có một siêu nhân nào có thể cao hơn con người toàn thiện.

Con người có thể và phải tự nâng chính mình lên trên giới hạn cá nhân của mình, theo bước chân của Đức Phật.

Sử Dụng Hữu Hiệu Nhất Đời Sống

Điểm quan trọng nhất về đời sống là chúng ta có nó cho nên ta phải sử dụng nó một cách hữu hiệu nhất. Đó thật sự là giá trị lớn nhất của đời sống, cơ hội sử dụng hữu hiệu nhất nó. Nhiều người sống một cuộc đời hẹp hòi, giới hạn, buồn tẻ và thất vọng vì họ không cố gắng sử dụng hữu hiệu nhất đời sống. Nhưng điều này có thể làm được bằng cách có được lý tưởng và tuân theo nó. Lý tưởng của chúng ta phải thế nào? Chúng dùng để trau dồi đức tính con người dẫn đến sống một cuộc đời hạnh phúc và an lạc. Lối sống này được xem như một cuộc sống đạo hạnh, cao thượng, chính đáng học thức được kính trọng bởi mọi người. Không làm cho người khác hạnh phúc, một người không thể sống hạnh phúc. Con người phải cố gắng hết sức mình đồng thời khi gặp đối nghịch, hay được tưởng thưởng bởi phần nào thành công, phải tự hỏi "Tôi đã làm hết mình chưa", và cả đến khi thua, phải nhớ lại con đường giải thoát không chỉ nằm trong chiến thắng mà là trong việc chấp nhận cuộc chiến.

"Cái cây mang nhiều trái
 Con sông làm đất phì nhiêu
 Dòng sữa tốt của con bò
 Công việc cực nhọc liên tục của người thiện;
 Của cải này đáng giá, công việc này đã làm,
 Cho lợi ích người khác, không phải cho riêng mình.

Học thuyết hiện đại về phục vụ xã hội cần thiết đến thế, có thể nói là nền móng đạo đức của tất cả những tôn giáo vĩ đại.

Niết Bàn

Nếu ai dạy: Niết Bàn là sẽ phải ngưng
 Hãy nói với họ: nói dối
 Nếu ai dạy: Niết Bàn là sẽ phải sống
 Hãy nói với họ: sai lầm"
 (Sir Edwin Arnold trong Thi Phẩm Ánh Sáng Á Châu)

Định nghĩa đã nói ở trên đây về về đời sống thừa đủ cho người nào hiểu quan niệm đạt Niết Bàn, nơi đau đớn về thể chất và tinh thần không còn nữa, vì Niết Bàn nói lên sự chấm dứt khổ đau. Mục đích của toàn bộ cuộc đời là ngăn chặn, giảm bớt khổ đau và tìm hạnh phúc. Nếu thực sự chúng ta muốn có hạnh phúc trường cửu - hạnh phúc ta chứng nghiệm trong tâm hoàn toàn thoát khỏi những phiền toái, chúng ta phải học cách đạt được nó. Bằng cách kiểm nhiều của cải, quyền uy, và những điều kiện trần thế nhiều hơn, chúng ta không bao giờ có thể đạt thỏa mãn thực sự, mãn ý, tâm an lạc và hạnh phúc không thay đổi - được gọi là "làm dịu giác quan và làm nguội những ô trược đang cháy trong tâm."

Phải nhớ rằng không ai bắt chúng ta phải làm một hành động đặc biệt nào đó. Không ai phạt hay thưởng chúng ta. Chúng ta có hoàn toàn tự do ý chí và chọn lựa. Nếu bạn nghĩ rằng bạn có thể chịu được tất cả những đau đớn và khổ đau vật chất và tinh thần, bạn có thể vẫn còn ở trong vòng sanh tử và tiếp tục gào khóc, rên siết, đau khổ, bị nguyên rủa, cầu nhàu, tranh đấu, lo âu, chiến đấu để tồn tại, làm việc như nô lệ đêm ngày, đương đầu với khó khăn và chướng ngại to lớn. Thực ra trong suốt cuộc đời, chúng ta đã bỏ thi giờ, năng lực và tâm trí vào chiến trường - tranh đấu để tồn tại, tranh đấu để có quyền thế, lợi lạc, tên tuổi, lạc thú và tranh đấu để thoát những sự việc nguy hiểm. Đôi khi chúng ta đạt được một chút lạc thú xen vào giữa. Lạc thú nào thì cũng chấm dứt với khổ đau.

Hãy nhìn vào thế giới, chúng ta có thể thấy con người đánh nhau như thế nào, giết chóc, thiêu đốt, ném bom, bắt cóc, cướp máy bay, và đánh phá lẫn nhau. Tiêu diệt người đồng chủng trở nên một trò chơi giải trí hay để vui đùa. Toàn thế giới như một nhà điên. Con người đã quên đi tính tốt con người và để tư tưởng, lời nói, và hành vi tội lỗi ngự trị con người. Rõ ràng không có chỗ trong tâm con người để trau dồi tư tưởng và hành vi thiện. Làm sao ta có thể tìm được hòa bình và hạnh phúc trên

chiến trường mà người ta chiến đấu không ngừng để thắng hay để thoát hiểm?" Thái độ vô nhân đạo của con người đã gây nên hàng ngàn tang tóc không kể xiết.

Nếu bạn có thể hiểu được cái mong manh của đời sống và cái nguy hiểm của thế giới, thì bạn có thể hiểu được ý nghĩa của việc đạt Niết Bàn. Bạn sẽ không còn chậm trễ trong cố gắng tìm cầu trạng thái hạnh phúc này. Ngày nay bạn chiến đấu để thoát khỏi khổ đau bằng phương cách trần thế. Nhưng đó là trận thua. Sẽ chỉ có thất bại. Tuy nhiên nếu bạn cố gắng quét sạch khổ đau bằng cách phát triển khía cạnh tinh thần trong đời bạn, bạn có thể tìm thấy an lạc thực sự. Đó là Niết Bàn.

Lạc Thú Trần Tục

Chúng ta biết có nhiều người trong thế giới này, cả đến người Phật Tử, không chuẩn bị tu tập để đạt Niết Bàn. Vì lý do đó, một số đã mô tả Niết Bàn như thiên đàng, nơi con người có thể vui hưởng lạc thú vô tận. Sự mô tả này lôi cuốn những người kém hiểu biết về đời sống và sự việc trần thế và những ai đắm mình vào tham ái, luyến chấp trong đời sống và lạc thú trần tục. Họ không hiểu rằng quan niệm về Niết Bàn như vậy chỉ là mộng. Tuy nhiên người trần tục luôn nghĩ và cầu nguyện loại Niết Bàn ấy. Mặt khác có những người nghĩ rằng tốt hơn là cứ ở trên thế giới này mặc dù đủ loại khổ đau để vui hưởng đời sống. Họ không hiểu rằng do tham dục và luyến chấp phát triển nơi họ, họ không thể cảm thấy hạnh phúc tối thượng của Niết Bàn. Những điều trần tục khác mà họ coi là hạnh phúc không thể giải thoát họ khỏi cái đau khổ vật chất và tinh thần.

Theo Đức Phật, vì vô minh mà con người tham cuộc sống trong vòng luân hồi sinh tử - trong khi đau khổ và mãi mê chạy theo ảo tưởng trong sự tìm cầu điều nhằm thỏa mãn giác quan. Họ phải nên học cách làm dịu giác quan thay vì xoa dịu chúng bằng nuông chiều phù du.

Hệ Thống Thế Giới Vô Tận

Một số người nghĩ rằng nếu tất cả chúng ta đều đạt Niết Bàn thì thế giới này sẽ là một nơi trống rỗng và sẽ không có ai làm việc cho sự tiến bộ của thế giới. Đó là ý kiến nông cạn xuất hiện trong tâm của những người thiếu hiểu biết kiến thức thực sự về cuộc sống.

Họ phải hiểu rằng thế giới này không bao giờ trống rỗng vì chỉ có một số ít người trí có thể đạt được Niết Bàn. Trong chừng mực mà hệ thống thế giới còn liên quan đến thì không có giới hạn nào đối với chúng cả. Không có sự việc như bắt đầu hay chấm dứt hệ thống thế giới hay vũ trụ. Các hệ thống trần thế bao giờ cũng hiện ra và mất đi. Khi một hệ thống thế giới này mất đi, nhiều hệ thống khác vẫn còn lại. Trong khi đó những hệ thống thế giới rải rác tái xuất hiện do sự phối hợp của các phân tử và năng lượng. Chúng sanh xuất phát từ những hệ thống thế giới khác xuất hiện do sự phối hợp của các thành phần này, vật chất, năng lượng và khuynh hướng tinh thần. Ta không nên nghĩ rằng chỉ có một số chúng sanh giới hạn đi loanh quanh trong vũ trụ này. Chúng sanh là vô giới hạn và vô cùng tận.

Tiến Bộ và Ô Nhiễm

Thực ra chúng ta có làm việc cho sự tiến bộ của thế giới này không? Chúng ta nghĩ rằng chúng ta làm việc cho sự tiến bộ của thế giới này, nhưng thực ra chúng ta hiện nay làm tổn thương thế giới này. Chúng ta khám phá ra nhiều máy móc cái tiến để phá hoại thế giới. Thiên nhiên đã sản xuất quá nhiều thứ. Để đạt mục đích, chúng ta đã làm hại thế giới bằng đào bới, chặt phá, san lấp và phá hoại cái đẹp tự nhiên của trái đất. Chúng ta đã ô nhiễm bầu không khí, sông ngòi và biển cả. Chúng ta đã phá hoại đời sống cây cối và đời sống những con vật đáng thương. Chúng ta không bao giờ nghĩ rằng ở nơi đời sống của mỗi cây có giá trị thực phẩm hay giá trị dược tính. Mỗi chúng sanh phải đóng góp phần của mình trong việc bảo trì môi sinh.

Chúng ta không nên cho rằng chỉ có con người mới có đặc quyền đặc lợi của các cư dân có quyền sống trên trái đất này. Mỗi và bất cứ chúng sanh nào đều có quyền bình đẳng sống nơi đây. Nhưng chúng ta đã tước đi quyền lợi của các chúng sanh khác. Không những thế, ngay trong cộng đồng nhân loại, chúng tộc này cố gắng phá hoại chủng tộc khác, cản trở sự tiến bộ và không để cho chủng tộc khác được sống trong hòa bình. Họ tuyên bố chiến tranh và chém giết lẫn nhau dưới danh nghĩa ái quốc.

Chừng nào mà con người còn có tâm ô nhiễm thì không thể có hòa bình trên thế giới này. Do sự tồn tại của những chúng sanh như vậy nên trên trái đất này trở thành một nơi rối loạn. Ngày nay chúng ta thấy sự chém giết khắp nơi trên thế giới. Người này mưu toan lừa đảo người kia. Tư tưởng ích kỷ chiếm ưu thế trong tâm họ. Người này không thể tin nổi người kia. Họ nhìn người khác với nghi kỵ trong tim họ. Người này không thể hiểu được tính chất thực sự hay động cơ của người khác. Mặc dù con người có thể tránh thoát con vật, nhưng rất khó khăn tránh thoát nổi chính con người.

Con Người Chịu Trách Nhiệm

Con người luôn luôn nói về sự bất ổn của tình hình thế giới. Ai là người chịu trách nhiệm về tình trạng bất hạnh này? Có ai khác hơn là con người được gọi là người tài trí? Làm sao ta có thể mong mỗi một thế giới tốt đẹp hơn và hòa bình nếu con người cư xử xấu xa hơn con vật? Sao ta có thể vui hưởng cuộc đời trong cái thế giới không thể tin tưởng được này? Các nhà khoa học theo đuổi cuộc chinh phục thiên nhiên vì mục đích vật chất. Triết học Đông phương mong muốn sống hòa hợp với thiên nhiên vì tâm an lạc và thành tựu tinh thần. Bạn không thể thay đổi điều kiện trần thế theo lời mong ước của bạn nhưng bạn có thể thay đổi tâm bạn để phát triển sự mãn nguyện nhằm tìm thấy hạnh phúc. Một người chỉ chú trọng tìm cầu thỏa mãn trần tục, sẽ không bao giờ đạt được kiến thức cao hơn, vì kiến

thức này không thể tìm thấy mà không có việc tìm kiếm tích cực. Chủ nghĩa duy vật hạ con người xuống hàng súc vật trong khi tôn giáo nâng con người lên hàng thần thánh hay cao quý. Trong chế độ nặng về vật chất, con người trở thành nô lệ cho giác quan. Tự nhiên đa số người không thích nhìn thấy sự thực của đời sống. Họ muốn ru ngủ chính họ vào sự yên ổn của giấc mộng huyền ảo, vào tưởng tượng và lấy bóng làm thật. Thái độ của Đức Phật về quyền uy trần thế và lạc thú tình dục như sau: "Tốt hơn cả quyền tối cao tuyệt đối trên trái đất này, tốt hơn về thiên đàng, tốt hơn cả đến quyền lực trên tất cả những thế giới, đó là thành quả của người đạt thắng lợi: giai đoạn đầu của sự toàn hảo". Bằng cách bỏ cả cuộc đời vào tiến bộ vật chất trần thế hầu thỏa mãn tham dục không thể cho con người nhìn thấy cứu cánh của cái bất toại nguyện trong đời sống. Theo Đức Phật, thế giới này đặt nền tảng trên mâu thuẫn, bất đồng hay bất toại nguyện. Bằng cách nhận thức được bản chất thực sự của hoàn cảnh trần thế, Đức Phật cũng nói Ngài không tán dương thế giới vì nó bất toại nguyện và vô thường. Ngài nói phương cách đi tới lợi lạc trên trần thế là một việc và phương cách đi tới mục tiêu cuối cùng - Niết Bàn - là một việc khác.

Con Người và Mật Ngọt

Dưới đây là một câu chuyện ngụ ngôn để chúng ta suy ngẫm về bản chất của đời sống và lạc thú trần tục. Một người đi lạc vào rừng đậm toàn là gai góc và đá lởm chởm. Người ấy chạm trán một con voi to lớn bắt đầu đuổi hấn. Hấn bắt đầu chạy để thoát mạng. Khi đang chạy hấn nhìn thấy một cái giếng, hấn nghĩ đây là nơi tốt để hấn có thể tránh thoát con voi. Nhưng bất hạnh thay, dưới đáy giếng lại có một con rắn độc.

Tuy nhiên trong lúc vô kế khả thi hấn liều mình bám vào một cây leo thông lòng xuống giếng. Trong khi hấn bám vào cây leo này, hấn nhìn thấy một con chuột trắng và một con chuột đen đang cắn cây leo mà hấn đang níu vào. Hấn cũng thấy một tổ ong bên cạnh lâu lâu lại rỏ một giọt mật.

Trong khi đương đầu với cái chết trong ba đường nguy hiểm, hấn vẫn còn tham nếm giọt mật rót xuống từ tổ ong. Nhìn thấy tình cảnh lâm ly của của con người khổ khổ này, một người hào hiệp đi qua, tình nguyện dang tay cứu vớt đời hấn. Nhưng con người tham lam và khờ dại này từ chối vì vị ngọt của mật ong mà hấn đang vui hưởng. Vị ngọt của mật ong đã đầu độc hấn khiến hấn quên đi cái nguy hiểm mà hấn đang phải đương đầu.

Nơi đây trong câu truyện ngụ ngôn này, con đường gai góc trong rừng tương ứng với luân hồi - bánh xe sinh tử luân hồi. Con đường gai góc luân hồi là một con đường bất ổn và khó khăn. Không dễ dàng gì cho một người tiếp tục đời mình qua cái rừng gai góc khó khăn của luân hồi. Con voi tượng trưng cho cái chết. Cái chết luôn luôn theo ta, làm cho chúng ta bất hạnh phúc, tuổi già của chúng ta cũng tạo bất hạnh phúc và bất an trong tâm ta. Cây leo tượng trưng cho sanh. Giống như cây leo, cây leo càng lớn càng quấn vào cây khác, cũng như vậy do sanh, dòng đời chảy trôi tích lũy, nắm giữ, bám víu vào nhiều thứ trên thế giới. Hai con chuột tượng trưng cho ngày và đêm. Ngay từ ngày sanh ra trong thế giới này, ngày đêm trôi qua cắt bớt và thâu ngắn dòng đời. Những giọt mật là những lạc thú phù du trần thế quyến rũ con người ở lại trong thế giới vô thường và bất trắc này. Người thiện đến dang tay ra giúp đỡ chỉ cho hấn con đường chính đáng để thoát khỏi tình trạng nguy hiểm là Đức Phật.

Một người nghĩ rằng sẽ là tốt hơn để sống cõi đời nhằm hưởng thụ không cần cố gắng đạt Niết Bàn, giống như người từ chối thoát ra khỏi tình trạng nguy khổn trong đời sống chỉ để nếm một chút mật ngọt. Mục đích của cuộc đời là để đạt giải thoát khỏi gánh nặng vật chất và tinh thần.



14

ĐỜI SỐNG MONG MANH, CHẾT LÀ ĐIỀU CHẮC CHẮN

Hòa Thượng Tiến Sĩ K. Sri Dhammananda

"Đời sống mong manh, chết là điều chắc chắn" Đó là câu châm ngôn nổi tiếng trong Phật Giáo. Biết rõ Chết mong manh và là một hiện tượng tự nhiên mà mọi người phải đương đầu, chúng ta không nên sợ cái chết. Nhưng tất cả chúng ta đều sợ chết vì không nghĩ về điều không tránh được. Chúng ta thích bám víu vào đời sống, vào xác thân và phát triển quá nhiều tham dục và luyến ái.

Một đứa trẻ ra đời đem niềm vui và hạnh phúc cho những người gần gũi và thân thiết. Dù người mẹ đau đớn cùng cực lúc sanh nhưng vẫn vui mừng và thích thú. Người mẹ cảm thấy được đền bù xứng đáng sau nhiều khó khăn và đau đớn. Tuy nhiên, đứa trẻ lọt lòng ra đã khóc hình như nó muốn nói ra nó cũng phải chịu đau khổ của kiếp làm người. Đứa trẻ lớn lên thành một thanh niên rồi trưởng thành, tạo hàng loạt hành vi thiện và bất thiện. Rồi nó trở nên già nua và cuối cùng từ già cỗi đời này bỏ lại bạn bè và thân quyến buồn đau: cuộc sống của một con người là thế đấy. Con người cố gắng tránh thoát nanh vuốt của tử thần nhưng không một ai có thể thoát khỏi. Đến lúc chết gần kề, đầu óc liên tưởng đến của cải tích lũy, và lo sợ quá đáng về những đứa con thân yêu thân cận, và cuối cùng, nhưng không kém phần quan trọng, con người lo lắng quá sức về xác thân của chính mình mặc dù chăm sóc chu đáo và cẩn trọng nhưng nay đã suy nhược, kiệt quệ và tan rã. Thật đau đớn khi phải xa lìa xác thân. Không thể chịu đựng được nhưng không

thể tránh nổi. Đó là tâm trạng của mọi người khi từ già cỗi đời này với than van và rên rỉ. Sự đau đớn về cái chết thật khủng khiếp, đó là một thái độ phát xuất bởi vô minh.

Sợ Chết

Con người bị lo âu không phải vì ngoại cảnh mà vì niềm tin và tưởng tượng về đời sống và mọi thứ của mình. Cái chết, chẳng hạn, tự nó không khủng khiếp: Khiếp sợ và kinh hãi chỉ do tâm trí chúng ta tưởng tượng mà ra. Với những kẻ không dám đối đầu với thực tại, khổ đau thật sự khủng khiếp và không thể chấp nhận được. Nhưng nếu chúng ta biết đương đầu với sự thật, nó sẽ làm dịu bớt hay loại trừ cái khủng khiếp của sự sợ hãi. Đời sống ví như viên đạn lao thẳng tới mục tiêu tức cái chết. Nhận thức được như vậy, chúng ta phải can đảm trực diện với hiện tượng tự nhiên này. Muốn được tự do trong đời sống, chúng ta phải không sợ chết. Hãy nhớ lại khoa học dạy ta thế nào về tiến trình của cái chết? Nó chỉ là sự xói mòn sinh lý của cơ thể con người. Chúng ta đừng sợ hãi và tưởng tượng hay tiên đoán về những sự khủng khiếp không bao giờ đến cả. Một thầy thuốc nổi tiếng Sir William Oslet nói như sau: "Trong kinh nghiệm hành nghề lâu năm của tôi, tôi thấy hầu hết những người chết thực sự không đau đớn và sợ hãi"

Một trợ lý lão thành cho biết: "Hình như thảm kịch lớn nhất đối với tôi là mọi người suốt đời bị nỗi sợ chết ám ảnh. Khi chết đến, ta thấy nó cũng tự nhiên như bản chất cuộc sống. Chỉ có rất ít người sợ chết khi đã sống trọn cuộc đời. Trong tất cả kinh nghiệm tôi đã trải qua, tôi chỉ thấy có một người có vẻ sợ hãi - một phụ nữ đã làm điều dữ cho người chị nay đã quá trẻ để hối cải".

"Một điều lạ lùng và đẹp đẽ sẽ đến dù là nam hay nữ khi họ đã sống trọn đời. Tất cả mọi sợ hãi, hãi hùng đều biến mất. Tôi thường ngắm tia sáng bình minh hạnh phúc trong ánh mắt họ

khi họ nhận thức điều đó là sự thật. Đó là tất cả ân huệ của Tạo Hóa."

Vì tham sống nên sợ chết được hình thành một cách thiếu tự nhiên. Nó tạo lo âu mạnh mẽ trong đời sống đến nỗi làm con người không bao giờ dám mạo hiểm làm điều gì dù đó là lẽ phải. Người đó sống trong sợ hãi lo lắng về bệnh tật và các tai nạn có thể xảy ra cướp mất mạng sống quý giá của mình. Nhận thức được cái chết là điều không tránh nổi, kẻ yêu đời trần thế sẽ đắm trong nhiệt thành cầu nguyện với niềm hy vọng linh hồn sẽ được lên thiên đàng. Không một ai có thể hạnh phúc giữa cơn lốc của sợ hãi thấp hèn lo lắng như vậy. Nhưng thật khó có thể coi thường hay không lưu ý đến những bộc phát tự nhiên của bản năng để tự bảo vệ. Tuy nhiên có một phương pháp để vượt qua sợ hãi này. Hãy quên đi quan niệm về cái 'tôi'; hãy đem tình thương phục vụ nhân loại và tỏ tình thương với người khác. Say mê phục vụ tha nhân, chẳng bao lâu bạn sẽ tự mình thoát khỏi cái tự kỷ luyến ái nặng nề, mơ ước, kiêu căng, và tự tôn.

Bệnh và Chết

Bệnh và chết cả hai đều là việc xảy ra tự nhiên trong đời sống của chúng ta, và chúng ta phải chấp nhận điều đó với sự hiểu biết. Theo thuyết tâm lý hiện đại, nguyên nhân tinh thần căng thẳng quá mức là do không dám đương đầu và chấp nhận thực tại cuộc đời. Nếu không vượt qua hay khuất phục được sự căng thẳng đó sẽ gây nên bệnh trầm trọng. Trong khi bệnh hoạn mà quá lo lắng hay thất vọng chỉ làm cho bệnh tăng lên. Về cái chết, đối với những người có tâm hồn và hành động trong sạch, chết chẳng có gì đáng sợ cả. Chúng ta chẳng là gì cả mà chỉ là sự kết hợp của tâm trí và thể xác, do vậy tâm trí và thể xác không chết riêng. Nghiệp báo do những hành động xấu của chúng ta đã gây nên trong đời trước theo chúng ta vào lúc tái sinh khiến chúng ta phải chịu những khổ đau trong đời này. Sự kiện như vậy có thể tránh được nếu chúng ta hết sức nỗ lực tạo công đức

bằng cách sống một cuộc đời đạo hạnh và làm những hành vi đạo đức bất kỳ ở đâu và vào bất cứ lúc nào. Làm như thế chúng ta có thể đương đầu với cái chết một cách can đảm và thực tế phù hợp với Phật pháp. Không có vị 'cứu tinh' nào có thể lãnh gánh nặng và cứu vớt chúng ta khỏi hậu quả các hành vi sai trái của chúng ta. Chúng ta luôn luôn tự mình nhớ tới lời Đức Phật khuyên: "Hãy tin và nương tựa vào chính mình, hãy gắng sức và chuyên cần". Người Phật Tử không sầu thảm bi thương trước cái chết của một người thân hay bạn hữu. Không có gì có thể ngăn cản được bánh xe nhân quả. Khi một người chết, nghiệp do họ tạo nên sẽ theo họ đến cuộc đời mới. Người còn lại phải chịu đựng sự mất mát với bình tĩnh và hiểu biết. Chết là một tiến trình không tránh được trên thế gian này. Đó là một điều chắc chắn trong vũ trụ này. Khu rừng có thể trở thành đô thị và đô thị có thể trở thành bãi cát. Núi có thể biến thành hồ. Điều không chắc chắn có thể xảy ra ở khắp mọi nơi nhưng cái chết là điều không thay đổi. Tất cả mọi thứ chỉ là tạm bợ. Chúng ta có cha ông, cha ông của chúng ta cũng có cha ông nhưng bây giờ họ ở đâu! Họ đều đã qua đời.

Đừng nghe kẻ ngụy biện cho rằng chúng tôi đang trình bày một quan niệm yếm thế bi quan. Đó là quan điểm thực tế nhất trong tất cả chủ nghĩa. Tại sao chúng ta lại không thực tế mà mù quáng trước sự kiện thực tế đó? Có phải cái chết không thiêu đốt mọi thứ? Nó thiêu mọi thứ. Nhưng đừng quên điều này: Vai trò của cái chết là làm cho mọi người ý thức được số phận của mình; dù cho cao sang đến đâu, dù cho kỹ thuật và y khoa tiến bộ đến mức nào đi nữa, cái chết vẫn như nhau: hoặc ở trong quan tài hay trở thành một nắm tro tàn. Vậy ta có nên mặc áo tang để than khóc đời sống trở thành tro tàn không? Không, đó không phải là mục đích cuộc đời mà cũng chẳng phải là mục đích cái chết. Tiến trình của sinh là một tiến trình liên tục cho đến khi chúng ta trở nên toàn hảo.

Ảnh Hưởng Vẫn Còn

Đức Phật nói: "Thân xác con người tuy thành tro bụi, nhưng tên tuổi và ảnh hưởng vẫn còn". Ảnh hưởng của tiền kiếp đôi khi sâu rộng, mạnh hơn ảnh hưởng của xác thân đang sống với một số khả năng hạn hẹp. Đôi khi chúng ta hành động theo tư tưởng của những nhân vật mà xác thân đã thành tro bụi. Những tư tưởng như vậy đóng một vai trò quan trọng trong những hành động của chúng ta. Mỗi người sống được cho là hỗn hợp của một phần thân xác tổ tiên đã khuất. Trong ý nghĩa ấy, chúng ta có thể nói rằng những anh hùng trong quá khứ, những đại triết gia, những hiền nhân, thi nhân và nhạc sĩ của mỗi dân tộc vẫn đang sống với chúng ta. Vì chúng ta kết nối với những liệt sĩ và những nhà tư tưởng trong quá khứ, chúng ta có thể chia sẻ những tư tưởng khôn ngoan, những lý tưởng cao thượng và cả đến âm nhạc bất hủ của nhiều thời đại. Dù rằng thân xác của họ đã chết, nhưng ảnh hưởng của họ vẫn còn. Xác thân chẳng là gì cả mà chỉ là sự tổng hợp trừu tượng sản sinh ra một hỗn hợp thay đổi không ngừng các thành phần hóa chất. Con người hiểu rằng đời sống của mình chỉ là một giọt nước trên con sông đang chảy và nên vui vẻ đóng góp một phần của mình cho dòng sông cuộc sống.

Người không biết bản chất của đời sống, sẽ bị chìm đắm trong bùn lầy của thế gian này. Người đó khóc than, rên rỉ, và đôi khi cũng mỉm cười để rồi lại khóc than. Nhưng khi biết được thực chất của mình, người đó sẽ từ bỏ tất cả những cái tạm bợ và tìm cầu Vĩnh Cửu. Trước khi đạt được Vĩnh Cửu, người đó phải đương đầu với hết cái chết này đến cái chết khác. Vì cái chết không thể chịu đựng nổi, con người có nên cố gắng khắc phục sự tiếp diễn không ngừng cái vòng sanh tử hay không?

Theo Phật Giáo, đây không phải là kiếp sống đầu và kiếp sống cuối cùng của chúng ta trên thế gian này. Nếu bạn làm điều thiện với lòng tin tưởng, bạn sẽ có đời sống tốt đẹp hơn ở kiếp sau. Mặt khác nếu bạn cảm thấy bạn không muốn tái sanh mãi

mãi, bạn phải cố gắng phát triển tâm trí và loại bỏ tất cả tình thần ô nhiễm.

Triết Lý Phật Giáo

Các bậc thánh cao thượng đã đạt được bậc cao nhất của toàn thiện không khóc than trước sự ra đi của những người thân gần gũi vì các ngài đã loại bỏ hoàn toàn được cảm xúc thường tình. Đức Anurudha, đạt quả vị A La Hán, không khóc khi Đức Phật nhập diệt. Tuy nhiên Đức A Nan lúc đó chỉ là Tu Đà Hoàn mới đạt quả vị thứ nhất trong các bậc thánh, đã không kìm giữ được khóc than. Các tỷ kheo khóc than phải nhớ tới quan niệm của Đức Phật về những hoàn cảnh có bản chất như vậy:

"Ông A Nan, có phải Đức Phật đã từng dạy chúng ta rằng những gì sanh ra, những gì hiện hữu, và những gì duyên hợp đều đi đến tan rã? Đó là tính chất của duyên hợp. Khi duyên hợp xuất hiện chúng phải mất đi - Và khi những duyên hợp đó hết, Tịch Tĩnh hiện tiền". Những lời dạy trên đây mô tả nền móng mà dựa vào đó cấu trúc của Triết Lý Phật Giáo được xây dựng.

Nguyên Nhân Của Khổ Đau

Nguyên nhân của các buồn phiền và khổ đau là do Luyến Ái (Tanha) dưới mọi dạng thức. Nếu chúng ta muốn vượt khổ đau, chúng ta phải bỏ luyến ái - không phải chỉ luyến ái người mà luyến ái của cải nữa. Đó là sự thật - chân lý là bài học mà cái Chết cho biết. Luyến ái cung cấp cho chúng ta nhiều thứ để thỏa mãn cảm xúc, và dẫn ta vào con đường trần tục. Nhưng cuối cùng luyến ái ấy trở thành nguyên nhân tất cả đau khổ của chúng ta. Nếu không học bài học này, cái chết có thể tấn công và khủng bố chúng ta. Sự việc này đã được Đức Phật soi sáng rõ ràng. Ngài dạy: "Cái chết sẽ mang con người đi khỏi dù người đó cố bám lấy con cái và của cải, giống như một trận lụt lớn cuốn sạch cả ngôi làng đang ngủ".

Lời dạy này ngụ ý là nếu ngôi làng đó tỉnh thức và cảnh giác thì có thể tránh khỏi sự tàn phá của lũ lụt.

Ai Cũng Phải Chết

Chúng ta hãy nghiên cứu việc Đức Phật giải quyết vấn đề cho hai người vì duyên ái mà cái chết làm cho đau khổ. Một người là Bà Kisagatomi. Đứa con duy nhất của bà ta bị rắn cắn chết. Bà ta bỗng đứa con trai chết đến cầu cứu Đức Phật. Đức Phật bảo bà hãy đem đến cho Đức Phật một vài hạt giống cải của một gia đình không có ai chết, Đức Phật sẽ chữa cho. Nhưng Bà ta không thể tìm thấy một gia đình nào như thế. Tất cả các gia đình mà Bà đã đến thì không nhà nào là không khóc than hay đã khóc than về cái chết của một người thân vào lúc nào đó. Bà đã hiểu sự thực đắng cay: ai cũng phải chết. Cái chết giáng xuống tất cả mọi người và không chữa ai cả. Buồn đau là di sản đối với mọi người.

Một người khác được Đức Phật dạy là Patacara. Trường hợp của Bà này bi thảm hơn. Chỉ trong một thời gian ngắn, Bà mất hai đứa con, chồng, anh em, cha mẹ và tất cả của cải. Buồn đau đến mất trí, Bà đã lảo lổ chạy như điên như dại trên đường phố cho đến khi gặp Đức Phật. Đức Phật đã giúp Bà trở lại bình thường bằng cách giảng giải cho Bà nghe cái chết là một hiện tượng tự nhiên của tất cả mọi người.

"Con đã đau khổ nhiều lần như thế này, chứ không phải lần này thôi, Patacara; con đã đau khổ nhiều lần trong những tiền kiếp của con. Đã lâu, con đau khổ vì cái chết của cha, mẹ, con cái và những người thân của con. Trong khi đau khổ như vậy, nước mắt của con thật nhiều hơn nước ở biển cả".

Cuối cùng, Patacara nhận thức được cái bất trắc của đời sống. Patacara và Kisagotami cả hai hiểu rõ cái khổ và đều cảm nhận được sự đau khổ về cái chết do kinh nghiệm bi thảm. Bằng cách hiểu sâu sắc Chân Lý Cao Quý Thứ Nhất của Tứ Diệu Đế về khổ thì ba Chân Lý Cao Quý còn lại cũng hiểu được. Ngài nói:

"Này các Tỳ Kheo, hiểu được khổ, đây là khổ, cũng hiểu được nguyên nhân của khổ, đây là diệt khổ, và con đường dẫn đến chấm dứt khổ".

Năm Uẩn

Trong Kinh Phật, chết được định nghĩa là sự tan rã của Uẩn. Những uẩn này là năm uẩn: thọ, tưởng hành, thức, và sắc hay vật chất. Bốn uẩn đầu thuộc về tinh thần hay nama, hợp thành đơn vị của thức. Uẩn thứ năm, rupa là vật chất hay vật lý uẩn. Sự phối hợp của tâm vật lý đó theo quy ước được gọi là cá nhân, con người hay cái Tôi. Cho nên những cá thể hiện hữu như thế không phải là cá nhân nào mà là hai thành phần cấu tạo cơ bản của tinh thần và vật chất, thành phần này là những hiện tượng hiếm. Chúng ta không coi năm uẩn này là những hiện tượng mà là một thực thể vì lẽ do cái tâm tự lừa dối chúng ta, do ham muốn bám sinh của chúng ta cho những thứ nói trên là của ta để thỏa mãn cái Ngã quan trọng của chúng ta.

Chúng ta sẽ thấy được bộ mặt thật của sự vật nếu chúng ta chịu nhẫn nại và có ý chí. Nếu chúng ta quay vào nội tâm và quán chiếu bề sâu của tâm khảm, chú tâm và nhận xét một cách khách quan, không hề liên tưởng đến bản ngã và rồi thì trau dồi việc thực hành này trong một thời gian như Đức Phật dạy trong Kinh Sati Patthana, chúng ta sẽ thấy năm uẩn không phải là một thực thể mà là một loạt các tiến trình vật chất và tinh thần. Rồi chúng ta sẽ không nhầm cái bề ngoài với cái thực. Chúng ta sẽ nhìn thấy năm uẩn này phát sinh và biến đi liên tục nhanh chóng. Chúng luôn luôn biến đổi từng phút từng giây, không bao giờ tĩnh mà động, không bao giờ là thực thể mà luôn luôn Biến Hiện.

Tái Sanh

Bốn uẩn tinh thần, hay thức và ba nhóm của yếu tố tinh thần khác tạo thành Nama hay đơn vị của thức, biến chuyển không ngừng, nổi lên rồi lại biến đi nhưng không cùng một khung

cảnh vì khung cảnh đó cũng biến hóa luôn. Chúng phải lập lại ngay một nền tảng tự nhiên mới (Sắc), một lớp vật chất tươi mới như trước để hoạt động điều hòa. Nghiệp luật về mối quan hệ làm công việc này và ngay lập tức sự tái sắp xếp các uẩn xảy ra và chúng ta gọi đó là tái sanh.

Nhưng phải hiểu rằng, theo niềm tin Phật Giáo, không có sự đầu thai của một linh hồn hay một chất nào từ một thân xác này đến một xác thân kia. Theo triết lý Phật Giáo cái thực sự xảy ra là Javana hay tiến trình tư tưởng chủ động của người sắp chết phóng ra một số lực thay đổi tùy theo sự thanh tịnh của năm chấp tư tưởng trong loạt này (Năm thay vì bảy chấp tư tưởng như thường lệ).

Những lực này được gọi là Karma Vega hay năng lượng nghiệp tự nó lôi cuốn vào lớp vật chất tạo ra bởi cha mẹ trong dạ con người mẹ. Uẩn vật chất trong hợp chất phôi thai phải có những đặc tính khả di có thể tiếp nhận loại năng lượng nghiệp đặc biệt này. Sự lôi cuốn theo cách thức này của những loại uẩn vật chất khác nhau tạo ra bởi cha mẹ xuất hiện do hoạt động của cái chết và đem lại sự tái sinh thuận lợi cho người sắp chết. Một tư tưởng bất thiện sẽ đưa đến một tái sanh không thuận lợi.

Một Cụm Yếu Tố và Năng Lượng

Tóm lại, sự phối hợp của năm uẩn gọi là sanh. Sự hiện hữu của những uẩn đó thành một cụm được gọi là đời sống. Sự tan rã của chúng gọi là chết (tử), và sự tái phối hợp của những uẩn ấy gọi là tái sanh. Tuy nhiên, một người bình thường không dễ dàng gì hiểu được tại sao những cái gọi là uẩn đó lại có thể tái phối hợp. Hiểu rõ bản chất của các yếu tố, năng lượng tinh thần và nghiệp cùng với sự song hành của năng lượng vũ trụ rất quan trọng trên phương diện này. Một số người cho rằng biến cố đơn giản và tự nhiên - cái chết là sự tan rã của năm uẩn, và sau đó chẳng còn gì tồn tại nữa. Có người lại cho rằng chết có

nghĩa là sự chuyển tiếp linh hồn từ một thân xác này đến một thân xác khác; và với một số khác nữa, chết là sự kìm giữ vĩnh viễn một linh hồn chờ đợi ngày xét xử. Với người Phật Tử, chết chẳng là gì cả mà chỉ là tạm chấm dứt một hiện tượng tạm thời. Chết chưa phải là một sự hủy diệt hoàn toàn của cái được gọi là chúng sanh.

Nguyên Nhân Cái Chết

Theo Phật Giáo, chết xảy ra trong bốn nguyên nhân sau đây:

1. Mạng căn (hay thọ mạng) ấn định của chúng sanh mỗi loài đã hết. Cái chết này gọi là mạng triệt (*Ayukkhaya*)
2. Năng lượng Nghiệp gây nên sự sanh của người chết đã kiệt. Cái chết này gọi là *Kamma-kkhaya* (Nghiệp di)
3. Sự chấm dứt cùng một lúc của hai nguyên nhân trên. (*Ubbayakkhaya*)
4. Cuối cùng có thể do những hoàn cảnh bên ngoài như tai nạn, biến cố bất ngờ, hiện tượng thiên nhiên hay Nghiệp quả từ kiếp trước không đề cập tại điều 2. Cái chết này gọi là *Upachedake*.

Có một sự tương đồng rất đúng để giải nghĩa bốn trường hợp chết trên đây. Nó tương tự chiếc đèn dầu. Ánh sáng đèn dầu có thể tắt vì một trong những nguyên nhân:

1. Bấc trong ngọn đèn đã cháy hết. Điều này giống như cái chết vì thời gian cho một kiếp đã hết.
2. Dầu đã cạn giống như nghiệp lực đã hết
3. Dầu và bấc đã cháy hết cùng một lúc giống như cái chết do cả hai nguyên nhân phối hợp đề cập tại 1 và 2.
4. Hậu quả của những yếu tố bên ngoài như gió thổi làm đèn tắt - giống như chết do nguyên nhân ngoại cảnh.

Cho nên, Nghiệp không phải là nguyên nhân duy nhất của cái chết. Cũng có những nguyên nhân bên ngoài gây ra cái chết. Giáo lý của Đức Phật minh định rõ ràng Nghiệp không thể giải thích tất cả những việc xảy ra.

Đương Đầu Với Thực Tế

Làm sao ta có thể đương đầu với các sự việc không thể tránh được này một cách tốt nhất? Nên tiên liệu và suy nghĩ là cái chết trước sau cũng phải đến. Điều này không có nghĩa là người Phật Tử quan niệm cuộc đời là ảm đạm. Chết là một sự thực và ta phải đương đầu - và Phật Giáo là một tôn giáo của lý trí huấn luyện các tín đồ trực diện với các sự kiện, dù các sự kiện này làm ta không hài lòng. Trưởng Giáo Nanak (vị khai sáng ra Đạo Sikh) nói: "Thế gian sợ chết, với tôi, chết đem niềm vui". Thật rõ ràng những vi nhân và những người cao thượng không sợ chết và sẵn sàng chấp nhận nó. Nhiều vi nhân đã hy sinh mạng sống của mình cho phúc lợi và hạnh phúc của nhân loại. Tên tuổi của các vị này đã được lưu truyền trên bảng vàng lịch sử cho hậu thế.

Saul Alynksy, một người Mỹ đã quá vãng nói: "Điều đơn giản quan trọng nhất mà tôi đã học được là tôi sắp được chết. Vì một khi chấp nhận cái chết, đột nhiên bạn sẽ thấy tự do trong cuộc sống. Bạn không còn phải lo lắng ngoại trừ cuộc sống của bạn có thể sử dụng một cách khôn khéo - để thúc đẩy một sự nghiệp mà bạn tin vào". Đó là đường lối ra sao mà các nhà tư tưởng lớn nghĩ như thế nào về quan niệm chết.

Cái Chết Không Tránh Được

Thật là một nghịch lý khi chúng ta thấy cái chết đã cướp đi biết bao sinh mạng của nhân loại nhưng chúng ta ít khi nghĩ đến cái ý tưởng đó là chúng ta cũng thế, trước sau cũng trở thành nạn nhân của tử thần. Vì quá luyến ái cuộc đời, chúng ta không muốn mang trong lòng tư tưởng yếu đuối, nhưng thực tế cái chết là một sự thực hiển nhiên. Chúng ta muốn đặt ý nghĩ

khiếp sợ đó càng xa càng tốt và tự lừa dối mình rằng chết là một điều xa vời, một điều không cần phải lo lắng. Chúng ta phải có đủ can đảm để đương đầu với sự thật ấy. Chúng ta phải sẵn sàng trực diện với sự thực này. Chết là điều có thật. Chết là một sự thực. Nếu chúng ta nhận thức được như vậy, và biết rằng cái chết không tránh khỏi, chúng ta hãy coi nó như một sự bình thường chứ không phải là một biến cố khiếp đảm, để khi nó đến, chúng ta sẽ có thể đương đầu với nó một cách bình tĩnh, can đảm và tự tin.

Bốn Phận và Trách Nhiệm

Biết rằng một ngày nào đó, cái chết sẽ cướp mạng sống của chúng ta, chúng ta phải bình tĩnh, can đảm và tự tin để làm tròn nhiệm vụ và trách nhiệm với gia đình. Chúng ta không nên chần chừ. Những việc gì có thể làm được hôm nay, đừng để đến ngày mai. Chúng ta không nên phí phạm thì giờ và nên sống một cách hữu ích. Những bốn phận đối với vợ, chồng, và con cái phải được thi hành đúng lúc. Để tránh gây khó khăn và phức tạp cho gia đình do sự cầu thả, chúng ta đừng chờ đợi đến lúc cuối cùng mới viết di chúc. Cái chết có thể đến với chúng ta bất cứ lúc nào - nó không chờ đợi ai cả. Chúng ta nên trực diện với cái cùng tột này với can đảm và trầm tĩnh.

Ái Dục và Vô Minh

Có thể chế ngự được cái chết không? Câu trả lời là: Có cái chết tồn tại vì có cái sanh. Có hai khâu liên hệ trong chu trình cuộc sống, được gọi là - *Paticca Samuppada* (Lý Nhân Duyên). Tổng cộng có tất cả là mười hai khâu trong chu trình này, một số trong đó là Klesas hay bất tịnh.

Một số nghiệp (kammās) hay hành động đưa đến vipakas hay kết quả (trong chu trình tái sanh), và cứ tiếp diễn. Sự tiếp diễn không kể siết của sanh tử được gọi là luân hồi. Nếu chu trình cuộc sống có thể bị ngưng lại được, nó chỉ có thể kết liễu ở giai đoạn bất tịnh tức Avijja (Vô Minh) và Tanha (Ái) - Chúng là gốc

rẽ của vòng sanh cần phải được tiêu diệt. Cho nên nếu chúng ta cắt Tham ái và Vô minh - sẽ chế ngự được sanh, vượt qua được luân hồi, và sẽ đạt Niết Bàn.

Chúng ta phải cố gắng hiểu rằng mọi việc trong vũ trụ này đều mong manh. Cuộc sống chỉ là ảo giác hay ảo tưởng. Khi ta phân tách mọi thứ bằng khoa học hay triết lý, không ham muốn vị kỷ, cuối cùng chúng ta không thấy gì cả mà chỉ là hư không.



Phần IV

**PHƯƠNG PHÁP GIẢI QUYẾT
PHẬT GIÁO TRƯỚC CÁC KHÓ KHĂN**

15

BẠN LÀ NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM*Hòa Thượng Tiến-Sĩ K. Sri Dhammananda*

Bạn có thể nghĩ rằng phiền não và khổ cực là do tai họa gia đình truyền lại từ hết thế hệ này đến thế hệ khác. Và có thể chúng phát xuất từ những tội lỗi gây nên bởi tổ tiên lâu đời nay quay về từ nắm mồ để hành hạ bạn. Hay bạn có thể cho rằng các phiền não tạo ra bởi Thượng Đế hay Quỷ Thần.

Nhưng có một lúc nào đó bạn coi nguyên nhân ấy thực sự do chính Bạn không! Đúng, chính bạn đó. Bạn là nguyên nhân của sự thất bại, của gian khổ và bất hạnh của chính bạn. Thay vì thấy chính mình là người chịu trách nhiệm, nhưng điều đó thật là bất tiện - "bản chất con người" bạn có thể nói - đổ lỗi cho người khác hơn là chính bạn là người chịu trách nhiệm về những nguyên nhân ấy?

"Thường thường một người bị bắt buộc nhìn ra nhược điểm của mình, người đó tránh né và thay vì thấy nhược điểm lại nhượng bộ trước sự tự lừa dối mình. Người đó tìm trong đầu óc một cái cớ bào chữa, thậm chí cả đến người đui lý nhất cũng bào chữa để biện minh hành động của mình. Người ấy có thể thành công. Đôi khi người ấy rất thành công trong việc lừa dối người khác, và đi cả đến lừa dối chính mình với ma quỷ được tạo ra trong đầu óc người đó.

Một người có thể lừa gạt một số người nào đó vào thời điểm nào đó, nhưng không thể lúc nào cũng lừa gạt được tất cả mọi người. "Người ngốc, theo Đức Phật, không nhận mình ngốc quả

là một người thực sự ngốc. Và người ngốc biết mình ngốc, là một người khôn ngoan tới mức độ đó".

Nếu bạn lỗi lầm, bạn nhận mình có lỗi. Bạn cần phải có can đảm chấp nhận bạn đã là nạn nhân và chấp nhận dù sự khó chịu đến mức nào đi nữa. Bạn cũng cần phải có trí tuệ để nhận thấy lỗi lầm của chính bạn.

Đức Phật đã nói: "Thật dễ dàng nhìn thấy lỗi lầm của người khác, nhưng quả là khó khăn nhìn thấy lỗi lầm của chính mình". Bạn không thể lảng tránh được trách nhiệm của bạn về những hành động của chính bạn bằng cách đổ tội cho hoàn cảnh. Trong thời điểm khó khăn và thử thách, hãy vui vẻ làm việc thay vì chường ra bộ mặt cáu kỉnh. Hãy can đảm thay đổi nếu sự thay đổi cần thiết; hãy trầm tĩnh để chấp nhận điều bạn không thay đổi được, và phải khôn ngoan để biết sự dị biệt.

Đừng nghĩ rằng bạn không may mắn, hay là một nạn nhân không may do số phận. Trực diện với nhược điểm, bạn phải hiểu rằng tâm bạn tạo ra hoàn cảnh nảy sinh khổ sở và khó khăn mà bạn đang chịu đựng. Chỉ khi bạn thực sự nhận định được sự việc ấy và không gục ngã trước sự tự dối mình, bạn mới có thể tạo được hoàn cảnh cần thiết cho hạnh phúc của bạn.

Nguyên Nhân Các Khó Khăn Của Bạn

Theo Đức Phật con người tạo số phận của chính mình. Không nên trách cứ ai cả về những khó khăn của mình, vì chính con người chịu trách nhiệm về đời sống của chính mình tốt đẹp hơn hay xấu hơn.

Con người tạo mọi thứ - tất cả những buồn đau và bất hạnh cũng như hạnh phúc và thành công của mình. Những người khác có thể sử dụng ảnh hưởng vì cuộc sống của họ, nhưng chính con người ấy nay tạo ra nghiệp của mình (do những phản ứng cố ý) . Cho nên người đó chịu trách nhiệm về những hậu quả. Nhìn nhận dưới ánh sáng này, không một chúng sanh hay

chư thiên nào có thể chỉ huy hay kiểm soát sự chứng đắc giải thoát tối thượng cũng như sự suy sụp của một người. Hành động với con tim và tâm trí thanh tịnh trong sáng, tất cả những lời nói và hành động đều trở thành thanh tịnh trong sáng. Tuy nhiên hành động với tâm trí ô nhiễm, người đó tiếp tục tạo những hành động tội lỗi rập khuôn cho tính nết và số phận.

Bạn có thể là một người thiện không hại ai do bản chất, nhưng bạn vẫn bị người khác trách cứ. Bạn có phần của bạn về những khó khăn và thất vọng cả đến khi bạn giúp đỡ người khác không chút vị kỷ. Rồi bạn hỏi rằng: "Nếu làm tốt được tốt, làm xấu phải chịu xấu, tại sao tôi phải chịu đau khổ khi tôi hoàn toàn vô tội? Tại sao tôi phải chịu quá nhiều đau khổ và thất vọng như vậy? Tại sao tôi bị trách cứ mặc dù tôi làm việc thiện?"

Câu trả lời đơn giản là: bạn không biết bạn đang phải đối đầu với nghiệp xấu trong quá khứ đến nay chín mùi. Hãy tiếp tục với công việc thiện, chẳng bao lâu bạn sẽ thoát được những khó khăn như vậy. Bạn đã tạo những thất vọng cho chính bạn, và chỉ có mình bạn mới khắc phục được chúng bằng cách thực hành hành động thiện của chính bạn- Nghiệp như Đức Phật dạy.

Những xáo trộn và khó khăn của bạn thực sự tự sinh ra. Chúng phát xuất từ những hành động có nguồn gốc là tham, sân và si. Thực ra, đau khổ là cái giá mà bạn phải trả vì tham sống và lạc thú tình dục.

Trả giá bằng đau đớn thể xác và tinh thần thống khổ là giá cao. Nó cũng giống như trả tiền thuê nhà hay trả thuế về cái nhà bạn ở. "Thuê nhà" là cái đau thể xác và tinh thần thống khổ bạn phải chịu đựng, trong khi "cái nhà" là xác thân nếm trải lạc thú trần tục của giác quan. Bạn phải trả giá về sự vui hưởng: Không có gì là không phải trả tiền, bất hạnh thay.

Chừng nào mà bạn còn bị vương mắc vào gọng kìm sắt của tham ái, bạn còn đau đớn và thống khổ. Tuy nhiên, nếu bạn

muốn giảm thiểu hay loại bỏ cái đau đớn ấy, bạn phải nén, và cả đến từ bỏ, cái tham ái mạnh mẽ về lạc thú tình dục. Bạn đứng trước sự chọn lựa: muốn hưởng lạc thú tình dục, bạn phải sẵn sàng chịu đựng khổ đau, hoặc từ bỏ tham ái để vui hưởng hạnh phúc tinh thần. Không có con đường nào khác về việc đó.

Ai Là Người Chịu Trách Nhiệm?

Một câu châm ngôn thuở xưa nói: "Người vô học thức lúc nào cũng đổ lỗi cho người khác, người học thức bậc trung thì tự trách mình, và người có học thức đầy đủ không trách ai cả". Bạn phải học hỏi để trực diện và xử lý những khó khăn giống như người học thức đầy đủ trong lời trích dẫn trên. Đừng cố tìm cái bung xung thuận tiện mà đổ tội, như nhiều thường làm. Nhiều người tìm bung xung nơi một người hay nơi một nhóm người để đến nỗi khiến họ không thấy lỗi lầm rành rành chính nơi họ.

"Được rồi", bạn có thể nói như vậy: "Tôi không đổ lỗi cho ai cả. Tôi chỉ đổ lỗi cho chính tôi". Không, bạn cũng phải không được đổ lỗi cho chính bạn nữa. Nhắm vào người khác hay chính bạn là một thái độ tiêu cực và không đưa bạn tới gần giải pháp cho vấn đề. Hãy để việc tìm lỗi qua một bên. Thay vào đó bạn nên có can đảm và hiểu biết. Sự trau dồi tâm trạng tích cực sẽ giúp bạn giải quyết nhiều khó khăn của bạn, và cũng làm thế giới thành một nơi tốt đẹp hơn để sống cho mọi người.

Nếu bạn có thể tránh đổ lỗi cho cả chính bạn và người khác, rồi ra bạn sẽ nhận định rằng bạn nay là một với thế giới. Bạn là một phần và bộ phận khăng khít của tất cả sự vật không thể tách rời từ thế giới. Cho nên, thế giới tốt đẹp nếu bạn tốt đẹp, và xấu nếu bạn xấu. Bạn không nên cố gắng đào thoát trước những khó khăn của bạn bằng cách trách cứ thế giới, bằng cách nói rằng thế giới sai trong khi bạn mới đúng.

Khi bạn bắt đầu nhìn thấy sự vật đúng chúng là vậy và không phải chúng có vẻ là vậy, bạn sẽ hiểu được không có ai để ta trách

cứ cả. Nhưng trong ý nghĩa cao tột, phải có trí tuệ để nhận định rằng bạn là người chịu trách nhiệm về mọi thứ.

Phương Cách Để Giảm Thiểu Khó Khăn Của Bạn

Từ mục này trở đi, bạn sẽ tìm thấy một số lời khuyên hữu ích làm sao khắc phục khó khăn và tìm được sự hòa hợp, an lạc và hạnh phúc với chính bạn và người khác.

1. Đương đầu với các khó khăn:

Bất cứ lúc nào khó khăn và các vấn đề phát sinh, một người nên cố gắng tìm hiểu chúng trong bối cảnh của bản chất cuộc sống. Người đó không thể hy vọng mọi sự đều toàn hảo, hoàn cảnh thích hợp, và lúc nào kế hoạch cũng trôi chảy; đó là những điều mà người ấy bám víu. Sự thật lại là người đó càng ham muốn mọi việc không thay đổi, thích hợp và toàn hảo, thì người ấy lại càng gặp phải thất vọng to lớn khi tình thế đảo ngược. Giống như mặt trăng khi tròn khi khuyết, mọi sự vật đều thay đổi, không bao giờ theo đúng hướng mong muốn.

Tình trạng thay đổi liên tục của vận may, hoàn cảnh và tâm, tượng trưng cho điều kiện trần thế. Đức Phật nói về tám điều kiện trần tục làm đau buồn tất cả người trần thế: được và thua, danh dự và mất danh dự, khen và chê, hạnh phúc và phiền não. Bản chất của thế giới là như vậy nên ta không thể mong chờ hoàn cảnh lúc nào cũng tốt.

Khi hoàn cảnh không thuận lợi, vào lúc ấy bạn có thể cảm nghĩ rằng bạn đã đến đường cùng, và tất cả thế giới chống lại bạn. Nhưng trước khi để mọi thứ chung quanh bạn suy sụp, hãy so sánh mức độ đau đớn của bạn với những người khác còn kém may mắn hơn bạn. Nếu bạn nản lòng lúc mất một cái ví tiền, hãy nghĩ đến sự đau khổ của người bị mất nhà cửa, của cái dành dụm suốt đời trong lúc nhà cháy hay lụt lội. Nếu bạn cảm thấy thất vọng sanh ra không có bộ mặt đẹp trai, hãy nghĩ đến nhiều người sanh ra bị mù, điếc, dị dạng, tàn tật và tật nguyền. Hãy

so sánh với những khó khăn của người khác, bạn thấy khó khăn của bạn không nghĩa lý gì. Nói một cách khác nếu bạn thay đổi thái độ cũng như bạn kể đến phước lành của bạn thay vì những khó khăn, bạn thấy bạn hơn nhiều người khác.

Một câu châm ngôn cổ của người Trung Hoa nói: "Nếu bạn gặp khó khăn lớn, hãy giảm thiểu nó thành một khó khăn nhỏ. Nếu bạn gặp khó khăn nhỏ, hãy giảm thiểu nó thành không khó khăn".

Bạn sẽ ngạc nhiên thấy bao nhiêu phiền muộn biến đi khi những khó khăn được nhìn theo đúng viễn cảnh của nó. Bạn có thể nhớ lại kinh nghiệm trước đây của bạn về việc làm sao bạn đã khắc phục được những khó khăn mà lúc đầu bạn nghĩ rằng không thể vượt qua được. Bằng cách làm như vậy, bạn sẽ không bị lấn át bởi những khó khăn, và bạn có thể giải quyết những khó khăn ấy bằng tài nguyên tinh thần và vật chất của bạn. Hãy nghĩ ngay rằng khó khăn mà bạn đang gặp phải không tệ lắm, không bằng những khó khăn to lớn mà bạn đã từng gặp phải trước đây. Rồi bạn đương đầu với nó một cách cương quyết, và sử dụng tinh thần dũng cảm của bạn để vượt qua, trực tiếp, gián tiếp hay xuyên qua vấn đề. Nhiều khó khăn của bạn sẽ tan vào không khí nếu bạn có những giải pháp như vậy. Cả đến khi khó khăn trở thành quá xấu mà bạn không ngờ tới bạn vẫn vượt qua được và lòng tự tin của bạn sẽ tăng trưởng với sự hiểu biết là bạn thực sự mạnh hơn như bạn nghĩ trước đây.

Ai cũng phải trực diện với khó khăn, tuy mỗi người phản ứng và điều chỉnh khác nhau. Cùng một số khó khăn giống nhau, người coi nhẹ, dường như còn khỏe mạnh tráng kiện. Kẻ nhìn các khó khăn ấy như thử thách thúc đẩy họ sử dụng hết năng lực tinh thần và vật chất. Mặt khác, có kẻ bị suy sụp hay bị lấn át và bị hoàn toàn bất lực bởi những xáo trộn. Khó khăn lúc nào cũng ở đấy. Điểm then chốt của vấn đề không quá nhiều mà là làm sao thoát khỏi tất cả những xáo trộn mà là làm sao bạn có thể xử lý chúng mà không tạo ra những khó khăn khác.

2. Trách Nhiệm Vì An Lạc Nội Tâm

Sự bình tĩnh và thanh bình trong phạm vi tâm của con người không thể kéo dài hay bị tiêu tan tùy thuộc vào thái độ tinh thần. An lạc nội tâm có thể duy trì với sự tự từ bỏ và quảng đi cái cao ngạo. Nếu cứ bám vào cái ta giả tạm và giữ thái độ tiêu cực, kết quả sẽ làm tâm xáo trộn và bất an. Trong cố gắng phát triển mục tiêu ích kỷ và lợi ích hẹp hòi, người đó sẽ làm cho người khác không chịu đựng nổi, và làm hại chính mình. Mặt khác, dù ngoại cảnh có ra sao đi nữa, con người vẫn có thể có hạnh phúc do duy trì được tâm quân bình và thái độ tích cực. Và tình trạng hạnh phúc chỉ có thể mất đi khi người đó để ngoại cảnh xáo trộn.

Chẳng hạn, hãy giả định rằng bạn bị người ta công kích bạn hay công việc của bạn. Rất thông thường, trong trường hợp như vậy bạn cảm thấy bị sỉ nhục. Cái ta của bạn bị tổn thương. Nhưng trước khi để tư tưởng ấy phát xuất, hãy quan sát lời công kích ấy một cách khách quan. Một mặt, nếu lời công kích ấy có cơ sở vững chắc và có ý tốt, bạn nên chấp nhận lời công kích trong niềm tin tưởng để sử dụng nó một cách xây dựng cho sự cầu tiến. Mặt khác, nếu nó bất công, không căn cứ vững chắc, đưa ra với dụng ý xấu, bạn vẫn không tức giận và trả thù, mà chỉ cần không để tâm vào lời công kích ấy vì nó không đúng và bạn không có bốn phạm nào để chấp nhận nó.

Bạn sẽ có thái độ như trên với mọi chỉ trích - xây dựng hoặc tiêu cực. Nếu bạn hành động với động cơ thành thật và các hành động của bạn được tán dương bởi người trí, bạn không nên nản lòng mà không thi hành những việc tốt vì giọng lưỡi nói xấu. Hãy an nhiên bằng cách theo đúng Pháp (Chân lý), Pháp sẽ che chở bạn. Đức Phật nói: "Kẻ nào làm hại người ngay lành, trong sạch và vô tội, quả dữ sẽ dội trở lại kẻ cuồng dại đó, như tung cát bụi ngược chiều gió". Bạn sẽ cảm thấy không đau đớn trừ phi bạn để cho người khác thành công trong việc làm ấy.

Hơn nữa, thái độ tinh thần của bạn đối với người khác có thể quyết định thái độ bạn sẽ nhận được từ người khác trở về với bạn. Nếu bạn biểu lộ tình thương và lòng hảo tâm với người khác, bạn sẽ nhận được tình thương và lòng hảo tâm của họ đối với bạn. Nếu bạn biểu lộ hận thù, hận thù sẽ quay về với bạn. Đừng bao giờ ước vọng nhận được tình thương quay trở về khi tỏ hận thù, nhân từ khi tỏ ích kỷ, và cảm tình khi tỏ khinh bạc. Bạn chịu trách nhiệm tạo và phát triển mối tương quan tốt đẹp với người khác cho nên an lạc hơn là xáo trộn sẽ chiếm ưu thế.

3. Cao Hơn, Ngang Nhau, và Kém Hơn

Bạn có thể tránh những lo âu và phiền não vô bổ nếu bạn kim giữ không so sánh mình với người khác. Hành động so sánh tự nó không phải là điều sai trái nếu nó gợi ý cho bạn trở nên khôn ngoan hơn trong tư tưởng và cao thượng hơn trong hành động. Nhưng rất thông thường, việc so sánh bạn với người khác để xem ai cao hơn dẫn đến tự cao tự đại và lo âu không cần thiết. Nếu bạn nghĩ rằng bạn ngang với người khác, bạn sẽ trở nên tự mãn và tri tri. Nếu bạn nghĩ rằng bạn thấp hơn người khác, bạn có thể trở nên nhút nhát và không tự lực được. Cho nên muốn tránh những tình trạng tinh thần tiêu cực như vậy, hãy kiềm chế không so sánh.

Rất hữu ích để nhớ rằng cái cao hơn, ngang bằng và thấp kém ấy là những trạng thái tương đối luôn luôn thay đổi theo thời gian, nơi chốn và hoàn cảnh. Trong vòng vô tận của biển đời sinh tử (luân hồi), chúng ta tất cả đã cao hơn, bằng hay thấp hơn người này nọ khác nhau ở nhiều thời điểm khác nhau. Đã có lần bạn là người ăn xin, nhưng cũng có lần bạn là triệu phú.

4. Không Mong Ước Gì Thì Bạn Không Thể Thất Vọng

Ai cũng hy vọng một ngày nào đó những ước muốn sẽ được thành tựu. Đó là hy vọng khiến một người tranh đấu không ngưng nghỉ trước những khó khăn và thất bại để có thể tiến tới

đỉnh cao hơn. Sự mong ước giấc mơ thành tựu trong tương lai xa xăm nào đó làm người đó rạn vỡ với lạc quan.

Tuy nhiên, khi một người vượt qua hy vọng thông thường và ước vọng những điều xảy ra đúng với lời mong ước, sẽ bị thất vọng. Người đó làm thiện vì mong được tưởng thưởng hay được đền bù. Và nếu tưởng thưởng không đến, người ấy trở nên vô vọng với việc làm điều thiện.

Nếu bạn làm điều thiện, và làm thiện vì mục đích phục vụ chúng sanh, hạnh phúc sẽ phát sinh trong tâm cùng với việc thi hành những hành vi này chính nó là phần thưởng lớn lao. Muốn được sung sướng bạn nên siêu việt không màng tới sự ham thích được biết ơn của người khác về mỗi hành vi đã được thực hiện.

Trong bất cứ xã hội nào, biết ơn là đức hạnh hiếm. Đó là lý do tại sao bạn nên nhớ tới sự tử tế và giúp đỡ của người khác đối với bạn. Đức Phật coi biết ơn là một phước lành vĩ đại, một đức tính tích cực để phát triển.

Nhưng khi bạn giúp đỡ người khác, cố gắng đừng mong được đền ơn để khỏi phải thất vọng. Nếu bạn làm việc thiện, rồi bạn trông chờ niềm hạnh phúc của bạn vào người khác mà nhiều người lại có khuynh hướng quên ơn. Nếu họ không bày tỏ lòng biết ơn, bạn hãy học hỏi chấp nhận sự quên ơn ấy với tinh thần cao. Nếu họ nhớ tới sự tử tế của bạn, hãy coi đó như món tiền thưởng thêm vào cơ hội bạn có để phục vụ người khác. Nếu bạn làm được như vậy, bạn sẽ được hạnh phúc dù hành vi của bạn có được nhớ hay không nhớ tới.

5. Khoan Dung, Nhẫn Nại và Hiểu Biết

Đôi khi người ta sống một cuộc đời tốt đẹp và an lạc lại phàn nàn họ là nạn nhân của lừa đảo và mưu đồ của người khác. Họ không gây khó khăn cho ai, thế mà họ bị hại không do lỗi của họ.

Trong những hoàn cảnh như vậy, nạn nhân vô tội phải nhận thức và hiểu rằng thế gian này gồm có nhiều hạng người với nhiều tư chất: người tốt, người không tốt lắm, người xấu, và người không xấu lắm. Cho nên nạn nhân vô tội ấy có thể tự an ủi là mình thuộc hạng tốt, còn kẻ gây rối loạn thuộc hạng xấu. Đôi khi người đó phải chịu đựng những tác hại do người xấu gây ra.

Giống như trường hợp một người lái xe giỏi, cẩn thận và một người lái xe dở, ẩu. Người lái xe giỏi và cẩn thận lái xe rất thận trọng để tránh tai nạn. Tuy nhiên người đó đôi khi gặp tai nạn không do lỗi của mình mà do người lái xe dở và ẩu. Cho nên người tốt, đôi khi phải chịu đau khổ vì những người xấu tí như những người lái xe dở.

Sau khi nói hết những điều trên, rất hữu ích cho ta nhớ rằng người thực sự lái xe giỏi có thể tránh tai nạn vì hành động khôn ngoan trên đường lộ và lường trước được đúng những hành động của những người lái xe khác. Không có gì khác biệt ở nơi ngăn chặn những khó khăn tiềm tàng đối với những kẻ phá rối và những kẻ gây tội lỗi. Một phương cách rõ ràng là không nên giao du với chúng và càng xa chúng càng tốt nhất là bạn không ở trong địa vị có thể thay đổi đường lối của họ. Bạn có thể không có sức mạnh để chống lại sự nhận chìm vào cơn xoáy nước của ganh ghét và thù hận.

Nhưng bạn đủ mạnh để chống lại ảnh hưởng tội lỗi của chúng, rồi bạn nên cố gắng hết sức để sửa chữa chúng thay vì cô lập hóa hay bỏ mặc chúng. Họ cũng là những chúng sanh có thể trở thành tín đồ. Con đường để ảnh hưởng những kẻ ác trở thành tốt là thông qua những thực thi khôn ngoan về khoan dung, nhẫn nại và hiểu biết.

Hiểu biết là cái khiên che chở bạn khỏi những mưu chước, và từ bi là ngọn lửa để làm nguội lòng những con tim. Một người thường làm điều trái vì vô minh hay hiểu lầm chính mình, lòng

ham thích đạt hạnh phúc và đường lối để đạt hạnh phúc. Nếu điều này là như vậy, thì trong thời gian người ấy lầm lỗi, bạn phải hành động phù hợp với học vấn và đạo lý bạn đã được rèn luyện. Chỉ trong những lần thử thách như vậy, sức mạnh về tính khí, trí tuệ và từ bi mới có thể phát hiện. Khi người khác làm sai quấy với bạn, họ đã cho bạn cơ hội để cảnh giác ô trược và đức hạnh để, với sự hiểu biết, bạn có thể khai thác hướng tới sự loại bỏ những ô trược và củng cố những đức hạnh.

Khoan dung, nhẫn nại và hiểu biết là ba đức tính vĩ đại giúp bạn thực hành trong những lần gặp người hành động vì vô minh. Những đức tính ấy giúp bạn thoát khỏi nghèo khó, đau khổ và gánh nặng cuộc đời. Một số người sẽ lợi dụng lòng tốt của bạn khi bạn thực hành các đức tính tốt. Nhưng bạn không nên cảm thấy bị đe dọa nếu bạn hành động khôn ngoan, vì những đức tính ấy có khả năng làm các người sai quấy nhận thức được lầm lẫn của họ, và biến họ thành những người tốt.

6. Hãy Tha Thứ và Quên Đi

Trả thù những kẻ gây rối chỉ tạo thêm khó khăn và rắc rối cho mọi người. Nuôi dưỡng trả thù, bạn bật ngọn lửa hận thù trong tim bạn và đổ thêm dầu vào ảo tưởng cho nó phát triển. Ngọn lửa ấy sẽ lan rộng ra thậm chí nó có thể thiêu hủy mọi thứ trên đường đi của nó, trước tiên là chính bạn và sau mới đến người khác. Hận thù giống như thuốc độc, nó được chích vào mạch máu của chính bạn trước khi được trích vào kẻ thù của bạn. Nó cũng giống như bạn ném phân bò vào người khác, trước tiên tay bạn đã bị dơ trước khi người khác bị dơ.

Khi một người nổi sân hận, người ấy không khác gì kẻ ác, đối tượng của nóng giận. Mang sân hận, người ấy không còn tự kiểm soát được chính mình khiến không thể tiến tới gần giải pháp của vấn đề. Người ấy trở thành kẻ thua cuộc. Khi một người nóng giận cố gắng xúi bẩy người khác nhưng chỉ nhận được nụ cười khẩy của người này khiến người nóng giận thường

mất tinh thần bởi cảm nghi thất vọng. Người ấy cảm thấy chán nản vì không thể làm người kia bối rối và giận dữ. Người ấy bị thua vì đối tượng không hợp tác nhằm làm mất tinh thần hay tham gia vào sự bôi xấu.

Đức Phật nói: "*Hạnh phúc thay cho chúng ta sống không hận thù giữa những kẻ hận thù, giữa những kẻ hận thù, chúng ta không thù hận*". Bạn hành động khôn ngoan giống như người có học thức bằng cách không sân hận hay trả đũa kẻ phá rối. Bạn phải hiểu rằng ở một lúc nào đó kẻ phá rối có thể bị đầu độc bởi tham, sân, ganh ghét và vô minh. Kẻ đó không khác gì những chúng sanh khác, bị đầu độc vào những lúc khác. Sự hiểu biết như thế sẽ đến với bạn qua sự tu tập chú tâm.

Một người thực hành chú tâm, hiểu sâu sắc về động cơ, ham muốn, yếu điểm và sức mạnh của mình. Sự giác tỉnh này giúp cho người ấy loại bỏ được những tư tưởng bất thiện và tăng trưởng tư tưởng thiện. Khi người đó tự mình hiểu mình nhiều hơn, nhận thức được những chúng sanh khác cũng bị vương mắc trong tình trạng khó khăn tương tự. Người đó nhìn thấy đồng loại bị mắc bẫy trong lưới ảo tưởng của chính mình, mù quáng bởi vô minh, tranh đấu vô ích để thỏa mãn tham dục. Từ vô minh và tham dục, phát sinh sự thực hiện các hành vi mà việc đó đem bất hạnh phúc cho người khác và chính mình. Mặc dầu những giới hạn ấy và yếu điểm ấy, họ vẫn có tiềm lực để chúng nghiệm phát triển tinh thần. Nhận thức điều này, người như vậy có thể phát triển lòng từ bi cho tất cả chúng sanh, tha thứ những khó khăn mà họ tạo ra, và học hỏi biết tha thứ và quên đi.

Đức Phật dạy: "Kẻ ác bản tính không xấu. Nhiều người làm ác vì ngu muội. Vì họ ngu muội, chúng ta không nên nguyên rủa hay kết tội họ mãi. Chúng ta nên cố gắng sửa chữa họ và giảng giải cho họ biết những lầm lẫn của họ". Từ bi và sự hiểu biết như vậy được dạy bởi Đức Phật giúp ta đối xử với kẻ ác giống như ta đối xử với một bệnh nhân đau khổ vì bệnh tật. Thay vì

kết tội họ vì bệnh hoạn, bạn nên cố gắng loại trừ nguyên nhân của bệnh tật khiến họ trở nên khá hơn và hạnh phúc. Bằng cách trải tâm từ bi và lòng từ ái đến một người, bạn đã cho người ấy cơ hội nhận thức được cái đại khờ của họ và cho họ cơ hội từ bỏ được thói xấu.

Từ bi và từ ái có sức mạnh biến đổi kẻ phá rối thành một người nhân từ, kẻ thù thành người bạn. Đức Phật nói: "Sân hận không thể dập tắt được sân hận; duy có tình thương mới dập tắt được sân hận. Đó là định luật trường cửu".

Nếu một người tiếp tục làm sai cho bạn, về phần bạn, lần nào bạn cũng nên sửa chữa người ấy. Cố gắng theo gương Đức Phật bao giờ cũng lấy ân trả oán. Đức Phật nói: "Càng nhiều tai ương đến với tôi, tôi càng tỏ thiện chí". Một số người nghi rằng lấy ân trả oán là không thực tế. Lấy oán trả oán, oán sẽ chồng chất, làm trầm trọng tình trạng nguy hiểm. Còn như chính cho chính bạn, bạn hãy cố gắng lấy ân trả oán.

Khi chúng ta nói "lấy ân trả oán" không nhất thiết chỉ có nghĩa về mặt vật chất mà thôi. Dĩ nhiên quan trọng hơn là phát triển tinh thần nơi lòng từ ái được trải tới chúng sanh sống trong cõi trần gian. Hãy phát triển thiện chí để lúc nào bạn cũng nghĩ tốt đến mọi người, dù bạn bị người ta làm đau hay bị hăm hại đến mức nào đi nữa. Ngay cả khi bạn thấy vào lúc này bạn khó thực hiện, bạn vẫn phục vụ to lớn cho chính bạn và cho người khác bằng cách không lấy oán trả oán.



16

TRÍ TUỆ NGƯỜI XUA VÀ NHỮNG KHÓ KHĂN HIỆN ĐẠI

Francis Story

Lịch sử con người chinh phục môi trường chung quanh từ thuở sơ khai, là chuyện thích nghi với sự thay đổi qua tài trí ngày càng tăng về kỹ thuật sống. Ở hoàn cảnh tốt nhất, nó đã là cuộc chinh phục cục bộ; những dị biệt về cách thức sống không nhất thiết đi đôi với sự thay đổi về cách suy tư hay quan điểm mong đợi. Con người, bên dưới bên ngoài, vẫn còn là một con thú thuở ban sơ; bản năng của con người phát triển trong một mô hình văn minh phức tạp hơn, và phản ứng của con người trước các tình thế đã khác xa với những đáp ứng của cha ông, tuy nhiên chính bản năng thì không khác. Về căn bản chúng vẫn không thay đổi căn cứ vào thời gian của những tư liệu cổ nhất còn lại đến ngày nay.

Những biến cố và tình thế phát sinh do sức mạnh tinh thần, còn bản năng gây ra chúng vẫn không thay đổi, tình hình và các vấn đề về cơ bản cũng giống như vậy, dù chúng xuất hiện trang phục khác. Do sự giải thích sai lầm về thuyết tiến hóa, tính lạc quan dài dãi hậu kỳ Darwin tin rằng nhân loại đang vững bước tiến lên đã bị loại bỏ. Kiến thức, tuy có tiến bộ, không thể giải thoát tinh thần con người, dù có thể giải thoát một số ràng buộc tinh thần, mà thực ra chỉ là sự thay thế chúng bằng những ràng buộc khác. Lòng ích kỷ, tham ái và tham sống là những yếu tố vẫn chiếm ưu thế, do đó kiến thức, không có sự bù đắp của trí tuệ, hẳn là còn bị lệ thuộc.

Nhìn thoáng qua những bản kinh Nguyên Thủy sớm nhất cũng đủ cho thấy những khó khăn ngày nay giống hệt như ở Ấn Độ 2500 năm trước.

Sự thôi thúc sống và sự ham sống nơi tất cả chúng sanh nảy nở từ tham ái, và Đức Phật, lúc Ngài đạt Giác Ngộ, tuyên bố: "Ta đã lang thang vô ích bao nhiêu lần sanh, tìm cách xây dựng căn nhà; ta đã đau khổ trong nhiều lần sanh tái diễn. Nay, hồi người xây dựng căn nhà, nay đã tìm ra được rồi, người sẽ không còn phải xây dựng nhà nữa". Căn nhà là hình thức cụ thể, người xây là tham ái, bản năng kiên trì bám vào đời sống, cho thấy tại sao những khó khăn đương đầu bởi nhân loại ngày nay căn bản vẫn giống như vậy, đã không được như ý từ bình minh lịch sử; chúng chỉ hoán chuyển thành một loại chia khóa khác, có ngụ ý khái quát thay vì một ít cá nhân giới hạn hay bộ lạc.

Trong đời sống ngày nay, tôn giáo, một thời là yếu tố chính trong lịch sử thế giới, đóng một phần tương đối không quan trọng. Thái độ của con người hiện đại, tâm hòa hợp với cái khác và rõ ràng là những công chuyện cần ngay và thực tiễn hơn, được quyết định bởi tôn giáo chỉ trong phạm vi huấn luyện ban đầu gây ấn tượng trên một sự hiểu biết mềm dẻo, còn lại với con người là chỉ để nhuộm màu phong cảnh tinh thần. Giữa những khu rộng lớn của con người trên thế giới, tôn giáo chính đã không còn ảnh hưởng, những hành động được cân nhắc và phán xét không bằng tiêu chuẩn tôn giáo hay đạo đức, mà là thắng hay bại từ quan điểm hoàn toàn trần thế. Chúng đã không còn là "phải" hay "trái", và trở thành đơn giản là thực tiễn hay không thực tiễn. Đặc tính cơ hội đã được thiết lập thay thế cái huyền bí trước đây như nguyên tắc điều hành trong cách đối xử của con người, do kết quả của sự suy thoái niềm tin vào kiếp sau với sự việc sau cùng với đặc trưng của một nền công lý trừng phạt. Theo ý nghĩa đó, điều này có thể được chấp nhận như một bước tiến hướng về duy lý luận; nhưng vì nhân tố thúc đẩy đằng sau hành-động-cơ-hội vẫn nằm trong bản năng của

con người man rợ, phần đóng góp bởi lý trí chỉ là phụ thuộc. Lý trí được dùng phục vụ những động cơ chủ yếu là không hợp lý.

Trong một bài thuyết giảng nổi tiếng trong Kinh Brahmajala của Bộ Trường A Hàm, Đức Phật nêu lên 62 hệ thống tôn giáo-triết lý thời bấy giờ, từ chủ nghĩa lý tưởng siêu nghiệm đến duy vật cao, Ngài bác bỏ tất cả. Khả năng tài tình về siêu hình của người Ấn Độ chưa được AAu Châu biết vào thời các nhà triết học kinh viện Trung Cổ, nhiều thuyết cổ Bà La Môn đã biến mất, chỉ để lại tên những học thuyết đối kháng và những học thuyết được nói nhiều đến đã được chúng ta khám phá, một số học thuyết này giả trang như những phát triển mới nhất về tư tưởng con người. Trong một bài thuyết giảng khác, trong Kinh Apannaka của bộ Kinh Majjihima Nakaya, Đức Phật đề cập đến một trong những học thuyết với những lời như sau: "Có một số nhà tu khổ hạnh và Bà La Môn nhất định cho rằng, không có gì được cho, hy sinh hay dâng hiến, không có quả chín của hành động thiện ác, không có thế giới này mà cũng không có thế giới khác, không có cha, cũng không có mẹ, hay chúng sanh xuất hiện, trong thế giới không có nhà tu khổ hạnh mà cũng không có Bà La Môn đã quá vắng và theo chính đạo, người trong số chính họ hiểu được thế giới với kiến thức cao hơn và tuyên bố điều đó...

Trong trường hợp này, hoàn toàn bình thường là những nhà tu khổ hạnh và Bà La Môn nhất định cho rằng không có quả chín của hành động thiện ác, không có thế giới khác, người dân sẽ bỏ ba điều thiện, cư xử thiện trong hành động, lời nói và tư tưởng, và sẽ giữ và thực hành ba điều ác, cư xử tội lỗi trong hành động, trong lời nói và trong tư tưởng. Tại sao lại như vậy? Vì họ không nhìn thấy sự nguy hiểm, điên rồ và sa đọa của điều ác, và cũng chẳng nhìn thấy phước lành của sự từ bỏ trần tục và sự thanh tịnh của điều thiện. Dù quả thực có thế giới khác, quan điểm của họ là không có, đó là một quan niệm sai lầm. Mặc dù có thế giới khác, họ quyết định không có, do đó họ giải quyết

sai. Mặc dù đương nhiên có thể giới khác, họ khẳng định không có, đó là lời tuyên bố sai. Mặc dù đương nhiên có thể giới khác, họ nói không có, và hành động ngược lại với các bậc A la hán hiểu biết về thể giới khác. Mặc dù đương nhiên có thể giới khác, họ dạy người khác không có, đó là lời dạy học thuyết sai. Với sự giáo dục của học thuyết sai, họ tăng bốc họ và miệt thị người khác. Như vậy đức hạnh trước đây của họ bị tiêu diệt và vô luân phát xuất, đưa đến kết quả quan niệm sai, giải quyết sai, lời nói sai, giáo dục học thuyết sai chống lại với học thuyết cao thượng, tự tăng bốc mình và miệt thị người khác. Cóu nhiều điều bất thiện cũng phát xuất do quan niệm sai lầm.

"Trong trường hợp này, người chủ hộ, thông minh suy nghĩ như sau: Nếu không có thể giới khác, xác thân bị tiêu hủy sẽ được an toàn (bởi sự hủy diệt), nhưng nếu có thể giới khác, cá nhân ấy với sự tiêu hủy của xác thân sau khi chết sẽ tái sanh vào một cảnh giới bất hạnh đau khổ. Nếu bạn thích, hãy giả sử không có thể giới khác hay giả sử những lời nói của những nhà tu khổ hạnh và Bà La Môn là đúng. Nhưng cá nhân ấy bị quở trách bởi người trí ngay trong lúc sống này vì nắm quan niệm sai và là một chúng sanh theo chủ nghĩa hư vô. Nhưng nếu thực sự có thể giới khác, cá nhân ấy ở trong đẳng cấp bất hạnh trong cả hai trường hợp, vì bị quở trách ngay trong lúc sống bởi người trí vì nắm giữ quan niệm sai, và với xác thân bị tiêu hủy sau khi chết sẽ tái sanh vào cảnh giới bất hạnh. Như vậy theo và ôm ấp học thuyết đặc biệt này hết sức sai lầm; người đó cố chấp một chiều, và từ bỏ địa vị tốt lành".

"Trong trường hợp điều đó có thể xảy ra là những nhà tu khổ hạnh và Bà La Môn xác nhận và cho là có quả chín từ hành động thiện ác, có một thể giới khác, họ sẽ bỏ ba điều ác, bỏ cư xử tội lỗi trong hành động, lời nói và tư tưởng, và sẽ nghe theo và thực hành ba điều thiện, cư xử thiện trong hành động, lời nói và tư tưởng. Tại sao vậy? Vì họ nhìn thấy cái nguy hiểm, điên rồ và sa đọa của điều ác, và nhìn thấy những phước lành của sự từ bỏ

trần tục và sự thanh tịnh của điều thiện. Như vậy, điều tội lỗi trước đây của họ bị tiêu diệt và đức hạnh được tạo ra, và đưa đến chánh kiến, giải quyết đúng, chánh ngữ, giáo dục trong học thuyết đúng này không ngược lại với học thuyết cao quý, tránh được tự cao tự đại và miệt thị người khác. Có rất nhiều điều thiện cũng phát sinh từ chánh kiến của họ". Thuyết giảng về học thuyết của Nghiệp, định luật khoa học về hành động và phản ứng cho một sinh viên Bà La Môn tên Subbha, Đức Phật đề cập đến một vấn đề hết sức nổi bật trong tư tưởng này, đó là sự bình đẳng của con người:

Sự biểu lộ bất bình đẳng giữa chúng sanh lúc nào cũng là nét đặc biệt trong đời sống con người, và do đó Phật Giáo giải thích cái đường như bất bình đẳng mà con người phải chịu đựng từ lúc sanh ra. Học thuyết về Nghiệp đưa ra đời sống và vũ trụ dưới ánh sáng của một định luật hợp lý và vô tư, hơn thế nữa một định luật đúng theo nguyên tắc khoa học về nguyên nhân và hậu quả.

Khi được hỏi về phúc lợi của quốc gia và cộng đồng, Đức Phật đặc biệt nhắc đến những người Vajjians, một bộ lạc bị đe dọa bởi những bộ lạc lân bang. Ngài nói: "Này A Nan, chừng nào người Vajjians thường tụ tập lại đông đủ để đoàn kết, chừng đó họ phồn thịnh, và không suy tàn. Chừng nào người Vajjians tập hợp trong hòa hợp, và giải tán trong hòa hợp, chừng nào họ phục vụ trong hòa hợp, chừng nào họ ban hành đúng cách bất cứ đạo luật cái cách nào, hay hủy bỏ một đạo luật đã được thiết lập, với luật cũ của người Vajjians ban hành mà họ vẫn trân trọng, họ quý mến và kính trọng những người già, coi những người già đáng giá và vâng lời họ, chừng nào những người phụ nữ và những trinh nữ sống hòa hợp không bị ép buộc hay bắt cóc, bao lâu người Vajjians vẫn tôn trọng, tôn sùng, quý mến và thờ phụng đền thờ, bên trong cũng như bên ngoài, chừng nào họ không cho phép tập tục dâm loạn, đã được đưa ra và thực hiện vô ích; chừng nào họ giữ tập tục quan sát trông nom các vị

A la hán được duy trì tốt đẹp, thi họ tự do vào hay đã vào cảnh giới sung sướng; này A Nan chừng nào họ giữ được những nguyên tắc ấy thì người Vajjians sống trong thịnh vượng và không sống trong suy tàn".

Cách mạng thay những lời Phật dạy trong ý nghĩa thay thế luật lệ đạo đức, và thiết lập nguyên tắc hạnh kiểm thay vì nghi thức chính thức của người Bà La Môn đương thời- điểm đặc trưng nổi bật rõ ràng và trước sau như một qua những bài thuyết giảng của Ngài- hiển nhiên trong những vấn đề thế tục, Ngài tán thành việc gìn giữ tất cả những tập tục mang lợi ích vào lúc đó, và chỉ lên án những tập tục nào ngăn chặn sự tiến bộ xã hội, chẳng hạn như chế độ đẳng cấp, tinh thần tối tăm, như tầm quan trọng của thầy tu trong lễ hiến tế và khổ hạnh cực đoan mà trong Phật Giáo coi như "dị đoan". Về vấn đề đẳng cấp, như chúng ta đã thấy, Đức Phật thừa nhận nét đặc biệt là không thể tách rời khỏi được từ sự hành hoạt của Nghiệp, điều mà Đức Phật bác bỏ giáo lý của Bà La Môn cho đẳng cấp là từ nguồn thần thánh, và bác bỏ quan niệm vật linh cho bốn đẳng cấp chính trong xã hội Ấn Độ bắt nguồn từ những bộ phận khác nhau trên cơ thể con người Bà La Môn. Điều này được trình bày ngắn gọn trong những câu kệ trong Kinh Dhammapada (Pháp Cú) nói rằng Bà La Môn là Bà La Môn không phải do sanh ra đã là Bà La Môn mà bởi sự thanh tịnh của tư tưởng, lời nói và hành động. "Chẳng phải vì núp tóc, chẳng bằng sanh, mà một người trở nên Bà La Môn, nhưng ai hiểu biết chân thật, và chánh Pháp, kẻ đó là một người thanh tịnh, kẻ đó mới là Bà La Môn". (Kinh Pháp Cú, Câu 393). Điều đáng ghi nhận là đề cập về câu hỏi từ một góc độ thuần túy xã hội, Đức Phật đặt để Giai Cấp Khattiya (cao thượng) là đẳng cấp cao nhất. Sự phân biệt chỉ có ở bình diện trần thế, nhưng với những ai từ bỏ trần tục, không có sự phân biệt, giá trị của người thánh thiện chỉ đo lường được bởi đức hạnh của người ấy.

Nguyên tắc này được áp dụng rộng rãi hơn về những vấn đề chủng tộc và quốc gia ngày nay. Trong Phật Giáo không có vấn đề tôn sùng chủng tộc thượng đẳng hay thù địch. Mỗi người đều có giá trị cá nhân riêng của mình, không kể đến chủng tộc hay kiến thức văn hóa. Vấn đề nhân quyền ràng buộc chặt chẽ với trách nhiệm cá nhân. Trong mỗi bận tâm hiện nay với quyền của cộng đồng và cá nhân, có một khuynh hướng không chú ý tới thực tế là khái niệm về quyền cũng hàm ý đến khái niệm về bốn phận và nhiệm vụ. Cũng cùng trong thời gian Đức Phật thuyết giảng tại Ấn, Đức Khổng Tử ở Trung Hoa tuyên bố chân lý này trong học thuyết duy lý về nhân loại của Ngài. Trong khi Đức Khổng Tử vạch ra quan niệm về nhà cầm quyền lý tưởng, nhân từ, công bằng và lo lắng cho phúc lợi người dân của Ngài, thì Đức Phật thay đổi hướng tư tưởng của các đệ tử ra khỏi lý tưởng cổ xưa với nhiệm vụ áp đặt trong tôn giáo chỉ là thực hành nghi lễ thành lý tưởng cao cả trong bốn phận người cư sĩ, cùng trách nhiệm đối với người khác.

Trong Kinh Sigalovada, Ngài thuyết giảng cho một người Bà La Môn trẻ tuổi theo lời dạy bảo của người cha lễ lạy sáu hướng, đông, tây nam bắc, bên trên và bên dưới với quần áo và tóc dầm nước và đan tay vào nhau đưa lên cao. "Này người trẻ tuổi kia trong tôn giáo của người Aria, không phải lễ sáu hướng là như vậy". Rồi Đức Phật bắt đầu giảng cho người trẻ tuổi, Ngài giải thích lễ sáu hướng phải được hiểu trong ý nghĩa đạo đức. Thứ nhất là sự mô tả chung theo thứ tự những thứ cần phải tránh vì dẫn đến tan nát và ô danh, mà dẫn đến đức hạnh phải trau dồi đem hạnh phúc và thịnh vượng. Bài thuyết giảng tiếp tục. "Này người trẻ tuổi, đệ tử Ariyan vinh danh và bảo vệ sáu hướng như thế nào? Sau đây là sáu hướng phải nhìn vào: Cha mẹ về Phương Đông, Thầy học về Phương Nam, Vợ và con về Phương Tây, bè bạn và người đồng hành về Phương Bắc, đầy tớ và người làm công về phía Dưới, đạo sư và các bậc thánh về phía Trên". Theo sau là lời giải thích chi tiết bốn phận của một

người đối với mỗi hạng người này vì họ đứng trong tương quan với chính mình, tổng quát của bài giảng về đạo đức xã hội không gì so sánh được về sự phóng khoáng và cao thượng về quan niệm, cũng như về sự khả thi phổ thông. Hai thí dụ sau đây chứng tỏ ý tưởng về sự nhân nhượng ra sao trong bốn phạm được nhấn mạnh.

"Một thành viên thị tộc nên giúp đỡ bạn bè và cộng sự theo năm phương cách như một cách kính ngưỡng Hường Bắc, do đó là nên rộng lượng, lịch sự và nhân từ, đối xử với họ như chính đối với mình, và chân thật trong lời nói. Trong năm đường này Hường Bắc có sự giúp đỡ như thế, bạn bè và cộng sự viên sẽ yêu mến người ấy; họ bao che người ấy khi người ấy không đề phòng, bảo vệ tài sản của người ấy; họ trở thành nơi nương tựa khi nguy hiểm, họ không bỏ rơi lúc khó khăn, và họ quan tâm đến gia đình người ấy. Phương Bắc là như thế bởi người ấy được che chở và an toàn".

Một chủ nhân Ariyan nên giúp đỡ tôi tớ và người làm công theo năm phương cách như một cách kính ngưỡng Phương Hạ, đó là nên sai khiến họ làm việc vừa với sức họ, cung cấp họ thực phẩm và tiền lương, giúp đỡ họ khi đau yếu, chia sẻ với họ về những vụ khó xử bất thường và ban cho họ giải trí thích hợp. Trong những phương cách này, được giúp đỡ bởi chủ nhân, người đầy tớ và người làm công thương yêu ông chủ bằng năm phương cách: Họ dậy sớm trước chủ, họ đi nằm nghỉ sau chủ, họ mẫn nguyện với những gì chủ cho, họ làm việc giỏi, và họ lan truyền lời ca ngợi và danh thơm cho ông chủ. Phương Hạ là như thế, che chở chủ nhân và làm cho chủ nhân được an toàn".

Cách đối xử của Đức Phật với chủ đề này là đường lối điển hình mà Đức Phật thường dùng niềm tin tôn giáo đã ù hiện hữu và đưa vào một tinh thần hay ý nghĩa đạo đức cao hơn. Ngài truyền đạt chân lý cao cả của Ngài qua sự chiết trung của truyền thống đương thời. Phải nhớ rằng Đức Phật không dạy Pháp mới. Ngài thuyết giảng "Chân Lý Cổ Xưa" của những Đức Phật

trước Ngài. Mặc dù Giáo Lý của Ngài đã chết trong ký ức của con người hay chỉ còn tồn tại dưới hình thức bên ngoài còn ý nghĩa bên trong đã mất, nhưng Pháp hoàn vũ không thay đổi vẫn hầy còn, và còn mãi nguyên tắc căn bản về nguyên nhân và hậu quả chi phối hiện tượng cuộc sống. Những gì của Đức Phật có thể nói là Ngài xuất hiện để chu toàn Pháp, để tuyên bố rõ ràng pháp trong tinh thần ý nghĩa cao nhất.

Chúng ta hiện đứng trước bước ngoặt của lịch sử, sự lựa chọn ở nơi chúng ta nên hay không chọn con đường dẫn đến tiến bộ hay chọn con đường dẫn đến tiêu diệt. Ít nhất nhân loại đã có đủ kinh nghiệm cho thấy kiến thức khoa học và quyền làm chủ vũ trụ vật chất không phải là cùng một điều trong văn minh tiến bộ. Mất chúng ta phải quay về hướng mới nếu chúng ta định tìm đường ra khỏi thế bế tắc. Nhưng, chúng ta giới hạn bởi đường vòng của không gian - thời gian vật lý, cho nên chúng ta bị bao vây bởi phạm vi của các khái niệm liên quan. Cái mới nhất là cái cũ vô cùng tận; Pháp bất diệt, Chân Lý đời đời vượt qua cái thế giới nhỏ bé vật chất. Chúng ta phải quay về, trong khiêm nhường và hy vọng, vì bệnh cổ phải tìm thuốc cổ để trị. Nhưng trong lãnh vực chân lý, không có cái gì cũ và cũng không có cái gì mới. Mặt trời lặn buổi chiều ở Phương Tây sẽ mọc buổi sáng ở Phương Đông.



17

LÀM SAO CÓ THỂ KHẮC PHỤC ĐƯỢC KHÓ KHĂN?

Hòa Thượng Tiến Sĩ K.Sri Dhammananda

Bạn có lo lắng không? Bạn có đau khổ không? Bản tường trình này để tặng cho những ai lo lắng quá đáng.

Lo lắng và khổ đau tựa như cặp song sanh tội lỗi đi liền với nhau. Chúng đồng hiện hữu trên thế giới này. Nếu bạn cảm thấy lo lắng, bạn khổ sở! Nếu bạn khổ sở, bạn lo lắng. Chúng ta phải đối đầu với sự thật. Mặc dù chúng ta không thể chạy trốn khỏi chúng, chúng ta không để cặp song sanh tội lỗi lo lắng và khổ sở này thắng chúng ta. Chúng ta phải khắc phục chúng. Chúng ta có thể làm được do cố gắng của chính con người, được hướng dẫn đúng cách với quyết tâm và nhẫn nại. Với sự thấu triệt và áp dụng cẩn thận trí thông minh, chúng ta có thể khuất phục cảm xúc và gạt bỏ lo lắng và khổ sở.

Lo lắng của chúng ta là tự chúng ta tạo nên. Chúng ta tạo chúng trong tâm, do sự bất lực hay thất bại không hiểu biết cái nguy hiểm của cảm nghĩ ích kỷ và những giá trị khoa trương lầm lạc mà ta đem gắn chúng vào mọi sự. Giá mà chúng ta có thể nhìn sự vật theo viễn cảnh của nó, trong cái không có gì trường cửu trong thế giới này, và cái ngã ích kỷ của ta là óc tưởng tượng man dại làm rối loạn tâm trí không huấn luyện của ta, chúng ta sẽ phải đi theo con đường dài để tìm ra phương thuốc loại bỏ lo lắng và khổ đau. Chúng ta phải trau dồi tâm trí và con tim để quên đi cái ngã để phục vụ nhân loại. Điều này

là một trong những phương cách mà ta có thể tìm được hòa bình và hạnh phúc thực sự.

Nhiều người có mong mỏi ao ước sợ hãi và phiền muộn mà không biết lý tưởng hóa để thăng hoa và hốt nhiên không dám thừa nhận chúng ngay cả với chính mình. Nhưng những cảm xúc bất thiện này có một sức mạnh. Dù chúng ta cố gắng nén chúng lại bằng cách nào đi nữa, chúng cũng tìm cách thoát khỏi bằng cách tác động đến bộ máy cơ thể dẫn đến căn bệnh thâm căn cố đế. Tất cả những thứ này có thể đẩy lui bằng những phương pháp chính xác của thiền định hay tu tập tinh thần, vì tâm không được huấn luyện là nguyên nhân chính của các lo âu ấy.

Bất cứ lúc nào có lo âu trong tâm, bạn đừng chường bộ mặt sưng sía của bạn với bất cứ người nào mà bạn gặp. Bạn chỉ nên thổ lộ cho người thực tâm muốn giúp bạn. Đẹp đẽ làm sao bạn vẫn có thể duy trì được vẻ mặt cười dù rằng bạn đang đương đầu với nhiều khó khăn. Không khó lắm đâu nếu bạn thực sự muốn hãy thử xem. Nhiều thanh thiếu niên lo lắng quá đôi khi bị tình phụ bởi người yêu. Họ có thể có ý muốn tự tử, thúc ép bởi cảnh ngộ mộng vỡ và thất vọng. Một số phải vào điều trị ở nhà thương điên. Nhiều thanh niên với tim tan nát như vậy sống một cuộc đời khổ sở. Tất cả những biến cố bất hạnh ấy xảy ra do sự thiếu hiểu biết bản chất thực sự của đời sống. Dù bằng cách này hay cách khác, sự ra đi hay chia ly không thể tránh được. Việc này có thể xảy ra đôi khi ngay lúc bắt đầu vào đời, đôi khi ở khoảng giữa, đôi khi ở cuối; đó là điều chắc chắn không tránh được. Khi những việc này xảy ra, ta phải tìm ra nguyên nhân vì đâu. Tuy nhiên, nếu chia ly vượt trên sự chế ngự ta phải có can đảm chịu đựng bằng cách nhận thức được bản chất của cuộc đời. Nhưng mặt khác, nếu thực sự muốn, không khó khăn gì tìm được bạn mới lấp vào chỗ trống.

"Dù sợ hãi phát sinh ở đâu, thì nó cũng cũng chỉ phát sinh nơi người khờ dại, không ở nơi người khôn ngoan". Đó là lời

Phật dạy. Sợ hãi chỉ là một trạng thái của tâm. Trạng thái tâm cần phải được kiểm soát và hướng dẫn; cách suy nghĩ tiêu cực tạo sợ hãi, tích cực đem lại hy vọng và lý tưởng, trong những trường hợp đó, sự chọn lựa hoàn toàn ở nơi chúng ta. Mỗi con người có khả năng kiểm soát tâm trí mình. Tạo hóa phú cho con người quyền kiểm soát tuyệt đối trừ một điều, đó là tư tưởng. Sự việc này, đi đôi với một việc nữa là tất cả mọi thứ tạo ra bắt nguồn từ cấu trúc tư tưởng, dẫn ta đến gần nhất nguyên lý trấn áp được sợ hãi.

Một nhà cơ thể học Anh nổi tiếng có lần được một sinh viên hỏi về phương cách hữu hiệu nhất để chữa trị bệnh sợ hãi, đã trả lời: *"Hãy cố gắng làm một điều gì cho một người nào đó"*.

Người sinh viên hết sức ngạc nhiên về câu trả lời này nên yêu cầu giảng thêm cho sáng tỏ vấn đề, và đã được vị giáo sư này giải thích: *"Bạn không thể nào có hai tư tưởng chống đối nhau cùng một lúc trong đầu óc. Tư tưởng này đến sẽ loại tư tưởng kia đi. Chẳng hạn, nếu tâm trí bạn hoàn toàn bận bịu với niềm mong ước không vì kỷ giúp đỡ một người nào, bạn không thể chứa chấp niềm sợ hãi trong cùng một lúc đó"*.

"Lo âu làm cạn khô máu nhanh hơn là tuổi già". Sợ hãi, lo âu và phiền muộn phải chăng là bản năng bảo vệ tự nhiên. Nhưng sợ hãi triền miên và lo âu kéo dài là kẻ thù tàn nhẫn của cơ thể con người. Chúng làm trở ngại cho sự hoạt động bình thường của cơ thể.

Nếu bạn học hỏi làm sao làm vừa lòng người khác, bao giờ bạn cũng ở trong tâm trạng vui vẻ. Đó là vì tâm bạn không để cho lo âu nhiễm vào.

Tiếng Nói Của Thiên Nhiên

Vì của cải vật chất người hiện đại không lắng nghe tiếng nói của thiên nhiên. Hoạt động tinh thần của người đó quá ư bận bịu với hạnh phúc tương lai nên đã chênh mảng không lưu ý

đến sự cần thiết của xác thân vật chất và quên hẳn hiện tại nó đáng giá cho cái gì. Thái độ trái với tự nhiên của con người hiện đại là kết quả tiếp của quan niệm sai lầm về Trật Tự Thế Giới, về đời sống con người và mục đích tối hậu của cuộc đời. Đó là nguyên nhân của tất cả các mối thất vọng, lo âu, sợ hãi, và bất an trong hiện tại. Người thực sự muốn có hòa bình không nên phá rối tự do của người khác. Thật là sai trái tìm hạnh phúc bằng cách phá rối hay lừa gạt người khác.

Nếu con người độc ác và tàn bạo, lúc nào cũng sống trái với qui luật thiên nhiên và vũ trụ, do hành động, lời nói và tư tưởng, người đó ô nhiễm bầu khí quyển. Vì kết quả của những hành vi sai và tư tưởng như vậy, thiên nhiên có thể không cung cấp nhu cầu cần thiết cho đời sống con người mà trái lại, con người có thể gặp bệnh truyền nhiễm và nhiều thiên tai thảm họa.

Nếu, mặt khác, con người sống hòa hợp với qui luật tự nhiên, có lối sống chính đáng, làm trong sạch bầu khí quyển qua những công đức của đức hạnh, đem lòng thân ái đến chúng sanh, người đó có thể thay đổi bầu khí quyển mang kết quả tốt hơn về hạnh phúc cho con người.

Bạn có thể là một người hiện đại hết sức bận bịu, nhưng đừng quên bỏ ít phút trong một ngày để đọc sách có giá trị. Thói quen này giúp bạn rất nhiều, giúp cho bạn quên đi lo lắng và mở mang tâm trí. Đồng thời bạn nhớ rằng bạn còn có tôn giáo nữa. Tôn giáo đem lợi lạc cho bạn. Cho nên bốn phận của bạn phải nghĩ đến tôn giáo và phải dành ít phút trong một ngày để chu toàn nhiệm vụ đạo giáo.

Bệnh Tinh Thần Và Khuynh Hướng Tội Ác

Liên quan đến sức khỏe, không phải là bệnh AIDS, hay ung thư, mà là mối hiểm họa khốc hại của bệnh thời đại. Những bệnh (AIDS và Ung Thư) nay được chế ngự và rất có hy vọng sự chữa khỏi sẽ tìm thấy trong một ngày gần đây. Hiện nay,

đáng báo động nhất là sự lan tràn và gia tăng của các bệnh rối loạn tinh thần. Chúng ta buộc phải xây ngày càng nhiều bệnh viện, nhà thương cho những người bệnh tâm thần và thần kinh đủ loại. Có nhiều đến nỗi có người bệnh không được chữa trị mà họ rất cần phải được chữa trị.

Có thể hỏi tại sao? Yếu tố gây tội ác trong phạm vi xã hội được ghi nhận là do những người mắc bệnh tâm thần. Một trong những kết quả tích cực và có ảnh hưởng sâu rộng bắt nguồn từ công trình khảo cứu của Freud, là sự xác nhận kẻ gây tội ác và phạm tội cũng là những người bị bệnh thần kinh, những người này cần được chữa trị hơn là bị trừng phạt. Về vấn đề này là cơ sở của tất cả cải cách xã hội "tiến bộ" mở đường cho sự cải tạo giác ngộ hơn là trả thù.

Biết Người Láng Giềng Của Bạn

Chúng ta chưa bao giờ biết người khác sống ra sao; thậm chí chúng ta không biết gì về đời sống của những người thuộc các tầng lớp xã hội khác nhau, khác chúng ta, nghèo hơn hay giàu có hơn. Nếu ta mạnh khỏe ta không biết người ốm đau ra sao, và nếu chúng ta là người tàn tật, chúng ta không thể hiểu sức lực của người khỏe.

Thiếu kinh nghiệm tạo ra tính không khoan dung, vì khoan dung là do hiểu biết sinh ra và không có kinh nghiệm thì không thể có hiểu biết. Vậy thì điều tốt cho chúng ta là càng có nhiều kinh nghiệm càng tốt về mọi khía cạnh của cuộc đời, nhất là trong khi đi du lịch, và chắc chắn là không phải bao giờ cũng du lịch hạng sang!

Sự Bất Hạnh Của Con Người

Đức Phật dạy tất cả sự bất hạnh của con người là do ham muốn những thứ khác thường, những lạc thú mà tiền bạc có thể mua, quyền thế hơn người khác, và quan trọng hơn tất cả là muốn sống mãi mãi, sau khi chết! Ham muốn những dục vọng trên

làm con người ích kỷ, cho nên những người này chỉ nghĩ đến mình, muốn mọi thứ cho mình, không lưu ý đến những gì xảy ra cho người khác. Con đường duy nhất để tránh sự ray rứt bất an ấy là quét sạch lòng ham muốn vì nó là nguyên nhân gây ra bất an. Việc đó thật khó khăn nhưng khi đạt được, người ấy sẽ tiến tới trạng thái toàn hảo và bình thản.

Chúng ta không vui hưởng lạc thú nhưng chính chúng ta bị mòn mỏi bởi lạc thú (tức bởi lo âu không siết kể để tìm lạc thú, tất cả năng lực của ta bị hao mòn). Chúng ta đau khổ nhiều hơn là vui hưởng trong việc tìm cầu lạc thú trong thế giới có tính cách hiện tượng này.

Thời Gian Sẽ Hàn Gắn Các Vết Thương

Phiền muộn trôi qua đi. Điều làm cho bạn phải bật khóc hôm nay, rồi cũng sẽ quên đi; Bạn nhớ lại bạn đã khóc nhưng không chắc biết tại sao bạn phải khóc như vậy nhỉ! Chúng ta lớn lên qua dòng đời, nếu chúng ta nhớ lại chúng ta sẽ thấy ngạc nhiên tại sao đang đêm chúng ta sức tỉnh suy nghĩ miên man đến những điều xảy ra ban ngày làm cho chúng ta bức mình hay làm sao chúng ta còn nuôi dưỡng lòng oán hận một người nào đó, và tại sao những ý tưởng như vậy còn vương vấn trong đầu óc chúng ta, sao chúng ta định dựa vào chống đối người đã hãm hại chúng ta. Chúng ta có thể nổi cơn thịnh nộ về một điều gì đó, và sau này tự hỏi cái gì đã làm ta nóng giận đến như vậy. Và nếu chúng ta nhớ lại, chúng ta nhận thức được cái đã làm cho ta uống phí thì giờ và năng lực vào đấy, làm sao chúng ta đã mặc nhiên sống khổ sở khi chúng ta có thể chấm dứt được điều đó và bắt đầu nghĩ tới điều gì khác hơn.

Dù phiền muộn đến đâu, đau khổ đến như thế nào, thời gian sẽ hàn gắn những vết thương của bạn. Nhưng chắc chắn phải có một điều gì chúng ta có thể làm để ngăn chặn không bị buồn đau ngay từ lúc ban đầu. Tại sao chúng ta lại để cho người khác hay phiền muộn tiêu hao năng lực của chúng ta và làm chúng

ta mất hạnh phúc? Câu trả lời là không phải các nguyên do đó đâu, chính là tự chúng ta làm chúng ta không hạnh phúc mà thôi.

Có thể là bạn gặp một vài điều khó khăn tại sở hay nơi làm việc của bạn, nhưng bạn không nên mang hay lôi kéo những khó khăn ấy về nhà tạo ra bầu không khí xấu cho những người thân vô tội của bạn.

Bạn phải hiểu rằng có một cách chữa trị hay cách chấm dứt những khó khăn và phiền muộn ấy. Điều này có thể làm được bằng cách thoát ra khỏi những ham muốn vị kỷ và bằng cách loại trừ tất cả các dạng thức nhâm lẫn và ngu muội.

Mỗi khi thất bại trong việc tìm ra giải pháp cho vấn đề, chúng ta có khuynh hướng tìm ra một bung xung, một kẻ giơ đầu chịu báng, người mà ta có thể trút bực dọc. Chúng ta không sẵn lòng thừa nhận những nhược điểm chính mình. Chúng ta cảm thấy dễ dàng đổ lỗi cho người khác và nuôi dưỡng bực dọc với một người nào đó. Thực ra, có một số chúng ta thích làm như vậy. Đó là một thái độ hoàn toàn sai lầm. Chúng ta không được tỏ ra bực bội hay giận hờn với người khác. Chúng ta nên hết sức mình, chấp nhận khổ đau, và bình tĩnh giải quyết các khó khăn của chúng ta. Chúng ta phải chuẩn bị để đối đầu với bất cứ những khó khăn nào đến với chúng ta.

Hạnh Phúc và Duy Vật Chủ Nghĩa

Nhiều người tin rằng giá mà họ có tiền bạc là họ có thể giải quyết được tất cả mọi vấn đề, họ không hiểu rằng tiền bạc cũng tự nó cũng có những vấn đề khó khăn kèm theo. Tiền bạc không thôi không thể giải quyết mọi chuyện.

Nhiều người không bao giờ biết rằng việc này và tất cả suốt cuộc đời họ đã dùng hết năng lực cố gắng thân thập nhiều "đồ dùng" hơn nữa, và khi đã có chúng, họ cũng vẫn thấy không vừa lòng mà lại nghĩ rằng họ phải có 'những thứ khác và nhiều

đồ dùng hơn nữa". Thực ra, họ càng có nhiều bao nhiêu, họ càng ham muốn bấy nhiêu, họ không bao giờ được hạnh phúc hay mãn nguyện. Chủ nghĩa vật chất là vấn đề to lớn nhất mà xã hội phải đương đầu ngày nay.

Lời khuyên sau đây cho chúng ta niềm an ủi lớn lao khi chúng ta mất mát cái gì:

*"Đừng nên nói cái đó là của bạn và cái đó là của tôi,
Chỉ nên nói cái đó đến với bạn và cái đó đến với tôi,
Vì vậy chúng ta chẳng nên hối tiếc cái bóng mờ,
Của tất cả những gì huy hoàng nhưng không còn nữa".*

Của cải chẳng phải là thứ bạn đổ xuống một nơi nào đó để rồi tham muốn nó. Của cải chỉ để cho bạn sử dụng cho bạn và người khác được an vui. Nếu bạn mang tất cả thì giờ của bạn chỉ để bám níu vào tài sản mà không làm bốn phận đối với xứ sở, dân tộc và tôn giáo, bạn sẽ thấy khi đến lúc bạn phải từ giả cõi đời này, bạn sẽ bị phiền não với lo âu. Bạn sẽ không được lợi ích gì từ những của cải mà bạn đã khó nhọc biết bao nhiêu để tích lũy.

Hy vọng giàu có và lợi lộc, của cải qua cờ bạc chẳng khác nào trông chờ vào một đám mây lang thang che khuất mặt trời để có chỗ tránh nắng, nhưng trái lại hy vọng tiến bộ và thịnh vượng bằng lao động chuyên cần thì chẳng khác gì xây dựng một tòa nhà trường cửu để tránh nắng mưa.

"Tài sản của bạn sẽ ở lại khi bạn chết. Bạn bè và thân quyến sẽ tiễn đưa bạn ra tới huyệt. Nhưng chỉ có hành động tốt hay xấu do bạn làm trong cuộc sống là theo bạn xuống tận dưới mồ".

Nhiều điều chúng ta hy vọng sẽ cho niềm vui nhưng rồi thì hóa ra trái lại. Bề ngoài có vẻ như sung sướng có được nhiều tiền, nhưng khi chúng ta có tiền, chúng ta sẽ thấy rằng, tiền mang cho chúng ta lo âu như quyết định làm sao sử dụng nó, làm sao giữ nó, hoặc có thể tiền dẫn chúng ta đến hành động

điên rồ. Người giàu có lo lắng không biết bạn mình đánh giá nơi mình hay nơi tiền bạc của mình, và điều này là một dạng thức khác của buồn đau tinh thần. Luôn luôn có sự sợ hãi bị mất cái mà ta có, dù là của cải hay người thân yêu. Cho nên khi chúng ta thành thật nhìn kỹ vào cái mà chúng ta gọi là "hạnh phúc" chúng ta thấy nó chỉ là một loại ảo tưởng trong tâm không bao giờ hiểu đầy đủ, không bao giờ hoàn toàn, hay đúng hơn là bị ám ảnh vì sợ mất.

Của cải chỉ có thể trang hoàng căn nhà của bạn chứ không làm bạn đẹp được. Chỉ có đức hạnh mới có thể làm bạn đẹp. Quần áo chỉ tô điểm xác thân bạn nhưng không làm bạn đẹp được. Chỉ có phẩm hạnh của bạn mới làm cho bạn đẹp.

Phương pháp mà ta nên áp dụng để đạt hạnh phúc phải là phương pháp không gây tác hại. Không có nghĩa gì nếu vui hưởng hạnh phúc mà gây đau khổ cho người khác hay bất cứ chúng sanh nào khác. Đức Phật dạy:

"Hạnh phúc thay cho những ai kiếm sống mà không làm hại đến người khác".

"Hạnh phúc là hương thơm mà bạn không thể rót vào người khác mà lại không làm vương vãi giọt trên chính người bạn".

Bạn không thể thay đổi thế giới theo như ước nguyện của bạn, nhưng bạn có thể thay đổi tâm trí bạn để tìm hạnh phúc.

Chỉ khi nào bạn chịu đau khổ vì làm việc thiện bạn mới có thể đạt hạnh phúc to lớn hơn người khác.

"Nếu muốn tìm hạnh phúc, chúng ta hãy chấm dứt sự suy nghĩ về việc biết ơn hay bội ơn và lấy sự bố thí làm niềm vui nội tâm. Bội ơn rất thường tình như cỏ dại. Biết ơn như đóa hoa hồng. Đóa hoa này phải được chăm sóc, tưới nước, nuôi dưỡng, yêu dấu và che chở. (D. Carnegie).

Kiểm Soát Tâm Của Bạn

Tâm trí của con người ảnh hưởng sâu đậm đến cơ thể. Nếu tâm để ta hoạt động tội lỗi và nuôi dưỡng tư tưởng bất thiện, tâm có thể gây ra thảm họa, có thể giết một chúng sanh nhưng tâm cũng có thể chữa khỏi thân bệnh. Khi tâm trí được tập trung về những tư tưởng lành mạnh với cố gắng và hiểu biết chính đáng, hiệu quả mà nó có thể sinh ra rất rộng lớn. Tâm trí với tư tưởng trong sáng và lành mạnh thực sự đưa đến một cuộc sống khỏe mạnh, thoải mái.

Đức Phật dạy: *"Không có kẻ thù nào làm hại chúng ta bằng tư tưởng tham dục, đố kỵ, ganh ghét vân vân..."*

Một người không biết điều chỉnh tâm mình cho thích hợp với hoàn cảnh thì chẳng khác gì thầy ma trong quan tài. Hãy nhìn vào nội tâm và cố gắng tìm thấy lạc thú trong lòng, và bạn sẽ thấy một suối nguồn vô tận lạc thú trong nội tâm sẵn sàng cho bạn vui hưởng.

Chỉ khi tâm trí được kiểm chế và giữ đúng trên con đường chính đáng của sự tiến bộ nhịp nhàng thứ tự thì nó trở nên hữu ích cho sở hữu chủ và cho xã hội. Tâm phóng túng bừa bãi sẽ là mối nguy cơ cho cả mình lẫn người. Tất cả sự tàn phá gieo rắc trên thế giới này là do sự tạo thành loại người mà tâm trí không được huấn luyện, kiểm chế, cân nhắc và thăng bằng.

Bình tĩnh không phải là yếu đuối. Một thái độ bình tĩnh luôn luôn thấy nơi con người có văn hóa. Chẳng khó khăn gì cho một người giữ được bình tĩnh trước những sự thuận lợi, nhưng giữ được thái độ bình tĩnh khi gặp việc bất ổn thì thực sự là khó, và chính cái đức tính khó khăn ấy mới đáng đạt cho được, bằng sự bình tĩnh và tự chủ, con người đó xây dựng được sức mạnh nghị lực. Hoàn toàn sai khi cho rằng những người khỏe và mạnh mẽ là người ồn ào, ba hoa và nhăng nhí lăng xăng.

Hành Động Khôn Ngoan

Con người phải biết sử dụng tuổi thanh xuân, của cải, sức mạnh, năng lực và kiến thức đúng lúc, đúng chỗ và đúng cách vì lợi ích cho chính mình và cho kẻ khác. Nếu người đó sử dụng sai đặc quyền của mình, hậu quả sẽ đưa người đó đến thất bại. "Con người phải đủ mạnh để biết mình yếu chỗ nào, đủ can đảm để đối phó với sợ hãi, tự hào và không quý lụy trong thất bại chánh đáng, khiêm nhường và nhã nhặn lúc thắng".

Một số người ngẫu nhiên may mắn có một số tiền lớn hay tài sản, hay có thể hưởng được một phần lớn gia tài của cha mẹ. Nhưng trong số những người này, chỉ có một số rất ít biết gìn giữ và duy trì tài sản mới có ấy. Thường thường tài sản đạt được dễ dàng không phải gắng sức và cực nhọc, không có giá trị thực sự. Cho nên họ bắt đầu tiêu xài vào những thứ không cần thiết, và chẳng bao lâu, toàn bộ tài sản bị phung phí. Ta phải biết cách gìn giữ tài sản không phí phạm nó, muốn vậy họ cần phải có một chút lương tri.

Chúng Ta Hãy Tự Điều Chỉnh

Chúng ta đang sống trong một thế giới luôn luôn thay đổi. Nhưng rất ít người nhận thức được sự việc ấy. Ta không nên bám níu vào truyền thống, tập tục, cung cách, thói quen, tín ngưỡng truyền lại bởi người xưa hay tổ tiên nghĩ rằng ta nên theo những truyền thống ấy mãi mãi và mãi mãi. Nếu người ấy có một tâm trí hẹp hòi như vậy, xã hội của chúng ta sẽ không có tiến bộ. Cũng có một số tập tục tốt trong số này nhưng ta phải xét xem có phải tất cả các tập tục truyền lại từ thời xưa đều thích hợp với xã hội hiện đại không.

Mặt khác, cha mẹ và người lớn tuổi mâu thuẫn với thế hệ trẻ. Họ muốn con cái theo những tập tục và truyền thống cũ như họ. Tuy nhiên, việc này không phải là một thái độ thật tốt để áp dụng. Cho phép những đứa trẻ được cập nhật hóa với thời đại nếu vô hại. Bậc cha mẹ chỉ cần nhớ lại, trước đây khi chính các

cụ thân sinh đã phản đối một số lối sống hiện đại đang thịnh hành như thế nào khi họ còn trẻ. Sự mâu thuẫn giữa những người bảo thủ và thế hệ trẻ không phải là một thái độ lạnh mạnh cho sự tiến bộ của xã hội. Đương nhiên, nếu con cái đi lạc đường do sự hướng dẫn sai lầm của xã hội hiện đại, thì bậc cha mẹ phải cố vấn và hướng dẫn chúng.

Bạn phải học hỏi cách khoan dung quan niệm của người khác cùng các tập tục của họ dù rằng bạn không thích chúng. Khoan dung không có nghĩa là bạn phải theo phương pháp của người ấy, mà là tìm hiểu tại sao người ấy lại thực hành như vậy.

Mỗi con người là một phần của thế giới loài người, phải chịu trách nhiệm điều xảy ra trong thế giới ấy. Con người phải quan tâm đến chuyện xã hội có trở nên càng nhân đạo hơn không. Con người phải hỏi điều mà chính mình làm có mang trật tự tốt đẹp hơn cho các sự việc không. Đó là quan niệm đạo đức bởi vậy mà đời sống gánh vác một khía cạnh quan trọng và được trao cho sự khuyến khích. Một đời sống như vậy quả là một đời sống thực sự hạnh phúc. Rồi chúng ta có thể trở nên không vừa lòng với trật tự hiện thời của sự vật trong tinh thần xây dựng, và vui vẻ hành động một điều gì đó về việc ấy.

Bầu Không Khí Lạnh Mạnh

Tuy những lời đùa cợt và phê bình cay đắng nhắm vào bạn bởi người khác, hành xử như người trí, bạn phải trả lời họ bằng một lời nói đùa khác mà không tạo nên bầu không khí không lạnh mạnh.

Khi bạn chơi trong một cuộc đấu, không nên nổi nóng nếu bạn đang thua cuộc, bạn nổi nóng không những làm mất thích thú của người khác mà cuối cùng chính bạn là người thua cuộc. Bạn không thể sửa đổi mỗi người hay mọi người trong thế giới này để đạt hòa bình cũng như bạn không thể dẹp hết đá và gai góc trên thế giới này để có thể bước đi thông dong. Một người muốn đi êm ả trên mặt đất người đó phải mang giày. Giống như vậy,

người muốn có an lạc trong tâm, phải biết cách canh phòng các giác quan của chính mình.

Có nhiều phương cách để sửa chữa một người nếu người ấy sai. Bằng cách phê bình, quở mắng và la lối người ấy công khai, bạn không thể sửa chữa người ấy được, bạn phải biết cách sửa chữa người ấy mà không làm người ấy bẽ mặt. Đa số đã làm nhiều người trở nên thù địch vì phê bình họ. Nếu bạn có thể khuyên bảo tử tế một người, với ý định sửa chữa người ấy, người đó có thể nghe bạn, và một ngày nào đó người đó sẽ cảm ơn bạn về sự diu dặt và hảo tâm của bạn.

Bất cứ lúc nào bạn bày tỏ quan điểm của bạn về vấn đề gì đó, bao giờ cũng cố gắng dùng lời nói không làm thương tổn cảm nghĩ của người khác. Có nhiều phương cách để bày tỏ quan điểm của bạn hoặc từ tốn hoặc lễ độ hay xã giao nữa.

Bạn không nên nổi nóng khi những sai lầm của bạn được vạch ra. Bạn có thể nghĩ rằng nổi cơn thịnh nộ và la lối người khác, bạn có thể lấp liếm hay khắc phục những nhược điểm của bạn. Đó là áp dụng một thái độ sai trái và lầm lẫn.

Bạn nên không bao giờ tiết lộ bí mật riêng tư của người bạn cũ đã tâm tình với bạn dù người bạn đó đã không còn thân thiện với bạn nữa. Nếu bạn tiết lộ, những người khác sẽ coi thường bạn và họ sẽ không bao giờ chấp nhận bạn là một người thành thực.

Hãy Vô Tư

Bạn không nên đi đến một quyết định vội vàng nào đối với bất cứ vấn đề gì khi bạn đang trong một tâm trạng bất an, hay bị khiêu khích mà ngay cả trong lúc bạn thoải mái ảnh hưởng bởi cảm xúc, vì trong lúc đó tâm trạng của bạn bị cảm xúc nên bất cứ một quyết định nào hay kết luận nào trong thời gian ấy có thể làm cho bạn hối tiếc một ngày nào đó. Hãy để cho đầu óc

bạn trước nhất thanh thản đã rồi mới suy nghĩ thì việc phán xét của bạn sẽ không thiếu vô tư.

Trau dồi độ lượng: độ lượng giúp bạn tránh những phán xét vội vàng, thông cảm với những khó khăn của người khác, tránh phê bình ngụy biện, để nhận thức rằng cả đến người tài ba nhất cũng không thể không sai lầm; nhược điểm bạn tìm thấy nơi người lỗi xóm có thể tìm thấy nơi chính bạn.

Khiêm Tốn

Khiêm nhường là cái thước đo của người trí để hiểu biết sự khác biệt giữa cái hiện tại và cái sẽ đến. "Chính Đức Phật bắt đầu sứ mạng hoàng pháp của Ngài bằng một hành động tự khiêm cung: loại bỏ tất cả cái kiêu hãnh của một vị hoàng tử. Ngài đạt được thánh quả ngay trong đời sống của Ngài nhưng chẳng bao giờ Ngài mất cái hồn nhiên, và chẳng bao giờ biểu lộ cái kẻ cả hơn người. Những lời bình luận và ngụ ngôn của Ngài chẳng bao giờ hoa mỹ phô trương. Ngài vẫn có thì giờ để tiếp xúc với người hèn kém nhất. Ngài chẳng bao giờ để mất đi tính hài hước."

Đừng Phí Phạm Thì Giờ

Phí phạm đời sống của mình để lo lắng cho tương lai, để luyến tiếc về quá khứ, biếng nhác và vô tâm, chứng tỏ thiếu khả năng để giữ địa vị cao quý dành cho con người, khiến nghiệp xấu đem mình xuống nơi tương đương với sự vô giá trị của mình. Nhớ điều đó trong tâm và làm điều thiện trong lúc còn sống. Phí phạm thì giờ bạn không những làm tổn thương chính bạn mà còn làm hại đến người khác, vì thì giờ của bạn cũng là thì giờ của người khác, và thì giờ của người khác cũng chính là thì giờ của bạn.

Nhẫn Nại và Khoan Dung

Hãy kiên nhẫn với tất cả mọi chuyện. Nóng giận đưa đến rừng rậm không lối thoát. Trong khi nóng giận làm bực bội và làm

người khác khó chịu, vô cùng làm thương tổn chính mình, làm yếu thể chất và rối loạn tâm. Một lời nói cục cằn giống như một mũi tên từ cây cung bắn ra không bao giờ có thể lấy lại được dù cho bạn có xin lỗi đến cả ngàn lần.

Một số sinh vật không thể nhìn thấy bạn ngày trong lúc một số sinh vật khác không nhìn thấy bạn đêm. Nhưng người nóng giận đến cực độ không nhìn thấy gì hết cả ban ngày lẫn ban đêm.

Với ai và với cái gì bạn tranh đấu khi bạn nóng giận? Bạn tranh đấu với chính bạn, chính bạn là kẻ thù tệ hại nhất của bạn. Trí óc bạn là người bạn tốt nhất nhưng cũng là kẻ địch nguy hại. Bạn phải cố gắng tiêu diệt những đam mê của tham, sân si, tiềm ẩn trong tâm bằng các phương tiện của giới, tập trung (tư tưởng), và trí huệ.

Một số bệnh tim, phong thấp, và bệnh ngoài da truy nguyên ra do lòng phẫn uất, sân hận và ganh ghét kinh niên. Những cảm nghĩ phá hoại đó đầu độc con tim. Chúng nuôi dưỡng khuynh hướng bệnh tiềm ẩn phát triển, và đem bệnh tật.

Lấy Ân Trả Óan

Nếu bạn không muốn có kẻ thù, trước tiên là bạn phải giết kẻ thù lớn nhất chính nơi bạn - đó là sự nóng giận của bạn.

Mặt khác nếu bạn bị xáo trộn khi nghe tin về kẻ thù của bạn, có nghĩa là bạn đã làm đúng những ước vọng của họ, vô tình bạn đã sa vào bẫy của kẻ thù.

Bạn không nên nghĩ rằng bạn chỉ học hỏi được từ những người tán dương, giúp đỡ và thân cận gần gũi bạn. Có nhiều điều bạn có thể học hỏi được từ kẻ thù; bạn không nên nghĩ rằng họ hoàn toàn sai vì họ là kẻ thù của bạn. Những kẻ thù bạn cũng có một số đức tính tốt.

Bạn không thể loại bỏ kẻ thù bằng cách lấy ác diệt ác. Nếu bạn làm như vậy thì bạn sẽ tạo thêm kẻ thù mà thôi. Phương pháp tốt và đúng nhất để chống lại kẻ thù là mang lòng thương yêu đến họ. Bạn có thể nghĩ rằng điều đó không thể làm được hay vô lý. Nhưng phương pháp đó đã được người có học thức đánh giá cao. Khi bạn bắt đầu biết một người nào đó rất giận giữ với bạn, trước nhất bạn hãy gắng tìm nguyên nhân chính của sự thù hằn đó; nếu do lầm lỗi của bạn, bạn nên thừa nhận và không ngần ngại gì xin lỗi người đó. Nếu vì những sự hiểu lầm nào đó xảy ra giữa hai người, thì bạn nên giải bày tâm sự và cố gắng làm sáng tỏ cho người đó. Nếu vì ganh ghét hay cảm nghi xúc động nào đó, hãy đem lòng từ ái đến cho người ấy để bạn có thể ảnh hưởng người đó bằng năng lượng tinh thần. Bạn có thể không hiểu nó tác động như thế nào, nhưng kinh nghiệm của nhiều người đã cho thấy đó là một phương pháp mạnh, khôn ngoan và dễ dàng nhất được đặc biệt đề cao đem áp dụng trong Phật Giáo. Lễ đương nhiên, muốn làm vậy, bạn phải tự tin và kiên nhẫn chính nơi bạn. Làm như thế, bạn có thể làm cho kẻ thù hiểu được chính họ sai; ngoài ra bạn cũng được lợi lạc trong nhiều chiều hướng vì không còn kẻ thù trong tâm bạn nữa.

Nếu không thể lấy ân trả oán thì cũng không lấy oán trả oán.

Lòng Từ Ái

Chừng nào còn có một đồng loại mà bạn có thể an ủi bằng những lời dịu dàng của bạn, mà bạn có thể làm cho người đó phấn khởi và hứng thú bởi sự hiện diện của bạn, hoặc bạn có thể giúp đỡ bằng của cải trần thế của bạn thì dù việc bác ái này nhỏ nhoi đến thế nào nữa bạn vẫn là một tài sản quý báu của nhân loại và bạn không nên bao giờ ngã lòng và phiền muộn.

Có thể có lần khi những người mà bạn thương mến hình như không lưu ý gì đến bạn, làm tâm bạn nặng trĩu ưu phiền. Nhưng không phải lý do chính đáng làm bạn thất vọng. Có gì quan trọng không nếu những người khác không biết ơn bạn hay

không quan tâm đến bạn, miễn là bạn biết rằng bạn đã tràn đầy nhiệt tâm thương yêu với người khác, tràn đầy từ tâm cho người đồng loại? Đừng để hạnh phúc riêng tư của mình tùy thuộc vào người khác. Người nào trông chờ vào người khác để được sự thỏa mãn trong đời thì còn tệ hại hơn là người ăn xin quỳ gối kêu khóc xin miếng ăn hàng ngày.

Không Dùng Các Chất Say

Đức Phật bảo chúng ta không nên dùng chất say - đó là một trong những giới cấm. Có hằng hà sa số lý do tại sao ta phải giữ giới luật này. Một thi sĩ nổi tiếng đã nêu lý do tại sao ta phải tránh xa các chất say trong bài thơ của ông. Những lý do đó là:

Người say:

Chối bỏ lẽ phải

Mất trí nhớ

Biến thể khối óc

Suy yếu sức lực

Làm viêm mạch máu

Gây nên các vết nội và ngoại thương bất trị

Là mù phù thủy của cơ thể

Là con quỷ của trí óc

Là kẻ trộm túi tiền

Là kẻ ăn xin ghê tởm

Là tai ương của người vợ

Là đau buồn của con cái

Là hình ảnh một con vật

Là kẻ tự giết mình

Uống sức khỏe của người khác

Và cướp đoạt sức khỏe của chính mình.

Kết quả cuối cùng của nó chẳng bao giờ thành được gì cả mà chỉ biểu hiện sự sa đọa thể chất và tinh thần con người.

Hiểm Họa Ma Túy

Rượu được mô tả là một trong những nguyên chính của sự sa đọa thể chất và tinh thần con người. Hiện nay, một dạng thức xấu xa và tội lỗi hơn nữa là các loại ma túy độc hại và nguy hiểm chứa trong chất heroin, cần sa và nhiều dạng thức khác, đã lộ nguyên hình ghê tởm, gây ra nhiều khó khăn nghiêm trọng cho xã hội và phúc lợi của nhân loại. Vấn đề này lan rộng khắp thế giới. Hậu quả của nó còn nghiêm trọng và nguy hại hơn nghiện rượu nữa. Trộm cắp, cướp bóc, bạo dâm và lừa đảo ở tầm mức lớn lao, đã xảy ra do ảnh hưởng độc hại của ma túy. Đã có những vụ giết người và nhiều gia đình bị tiêu hao nặng nề vì ghiền ma túy. Người ghiền ma túy trở thành nạn nhân của bệnh AIDS.

Các chính phủ trên thế giới đã chi tiêu hàng triệu triệu Đô La kiếm được từ lao động nhọc nhằn vào việc chữa trị những người ghiền ma túy với thói xấu tội lỗi này, cho họ cai nghiện, nhưng bệnh nghiện điên rồ này vẫn dai dẳng. Bốn phận bắt buộc của chúng ta, là một công dân có bốn phận, phải giúp đỡ với bất cứ phương tiện gì mà ta có qua các tổ chức tôn giáo và xã hội để có thể nhỏ tận rễ tệ nạn khủng khiếp ghê tởm này và ngăn ngừa con cái chúng ta đến gần. Đời sống của một người ghiền ma túy là một đời sống bị hành hạ khổ sở, một địa ngục trần gian, sớm đưa tới nhà mồ.

Là con người, chúng ta phải có sự bình tĩnh để phân biệt thiện ác. Hãy tránh xa hiểm họa ma túy và giúp người khác cũng làm như vậy. Đó là cách phục vụ vĩ đại nhất cho nhân loại.

Bạn Tạo Thiên Đường và Địa Ngục Nơi Đây

Nếu bạn muốn sống hòa bình và hạnh phúc trên thế giới này, bạn cũng phải để những người khác sống hòa bình và hạnh phúc, như thế bạn có thể làm cho đời sống này có ý nghĩa cho thế giới mà bạn sống. Trừ phi cho đến lúc nào bạn chưa tự điều chỉnh để sống theo những nguyên lý cao thượng ấy thì bạn

không thể có hạnh phúc và hòa bình. Bạn không thể chờ đợi hạnh phúc và hòa bình đến từ trên trời chỉ bằng lời cầu nguyện suông. Nếu bạn hành động theo đúng nguyên tắc luân lý, bạn tạo thiên đường của bạn ngay tại đây, thế giới này. Nếu không, bạn cũng có thể thấy hỏa ngục chính trên trái đất này. Không biết sống thế nào cho phù hợp với qui luật tự nhiên và vũ trụ, chúng ta luôn cẩu kính khi đương đầu với các khó khăn. Nếu mỗi người cố gắng tự điều chỉnh không cẩu kính và công kích người khác, chúng ta thực sự có thể vui hưởng hạnh phúc thiên đường hơn là thứ hạnh phúc mà một số người mơ tưởng hiện hữu ở xa xăm. Không cần thiết phải tạo dựng thiên đường nơi nào đó để thưởng cho đức hạnh hay tạo một địa ngục để trừng phạt tội lỗi; đức hạnh và tội lỗi có những phản ứng không thể tránh được trong chính thế giới này. Đó là phương cách cao nhất mà bạn có thể giúp đỡ cho phúc lợi của xã hội và xứ sở. Ngày nay, xã hội loài người đã phát triển đến mức này vì sự hiểu biết và hòa hợp của một số người có cảm tình và khoan dung đối với hạnh phúc và sự tiến bộ của người khác. Mặt khác, bạn phải hiểu rằng giúp đỡ tinh thần người khác chính là bạn giúp đỡ chính bạn, và bằng cách giúp đỡ tinh thần chính bạn, bạn cũng giúp đỡ người khác.

Hạnh Phúc Lúa Đồi

Đối với một hôn nhân đúng đắn, người đàn ông và người phụ nữ thường nghĩ đến người hôn phối hơn là nghĩ đến chính mình. Vì lợi ích cho cả hai, cùng nhau chia sẻ phước cùng hưởng, họa cùng chịu. Cảm nghĩ an ổn và thoải mái đến từ sự cố gắng hỗ tương.

Hầu hết những khó khăn và lo âu xảy ra giữa chồng và vợ, cha mẹ và con cái, người thân và bạn bè, là do sự hiểu nhầm và thiếu nhẫn nại. Người chồng không nên coi người vợ như người đầy tớ của mình. Tuy người chồng có bốn phận kiếm tiền nuôi gia đình, nhưng cũng có bốn phận phụ giúp vợ trong các công việc nội trợ vặt vãnh. Mặt khác người vợ cũng không nên rầy la và gắt

gồng với người chồng khi gia đình thiếu thốn. Người vợ không nên nghi kỵ chồng. Nếu người chồng thực sự có những nhược điểm, người vợ có thể sửa chữa bằng cách thảo luận vấn đề một cách tử tế. Người vợ phải tha thứ nhiều điều cho chồng, không phỉn hà chồng. Người chồng cũng phải hành động khôn ngoan không cư xử bằng cái cách làm người vợ có thể nghi ngờ và ghen tuông.

Hôn nhân là một hạnh phúc nhưng nhiều người đã biến đổi cuộc sống lứa đôi thành tai họa do thiếu hiểu biết, khoan dung và nhẫn nại. Nghèo túng không phải là một nguyên nhân chính của đời sống lứa đôi mất hạnh phúc. Cả chồng lẫn vợ phải biết chia sẻ vui buồn mọi việc trong đời sống hàng ngày. Hiểu nhau là bí quyết của hạnh phúc gia đình.

Chấp Nhận Lời Chỉ Trích

Mật ngọt chết ruồi, thuốc đắng già tật. Tán dương như mật ngọt, tán dương quá đáng sinh bệnh. Và chỉ trích giống như viên thuốc đắng hay một mũi chích đau đớn chữa lành bệnh. Chúng ta phải có can đảm hoan nghênh lời chỉ trích và không sợ nó.

"Cái xấu xa mà chúng ta nhìn thấy nơi người khác là phản ảnh cái xấu xa ở bản tính của chính mình"

Đời sống cá nhân của con người, hoàn cảnh và thế giới là phản ảnh của tư tưởng và niềm tin của chính con người. Tất cả con người đều là tấm gương phản chiếu theo bộ mặt của chính mình.

Hãy Chăm Lo Việc Của Mình

Tốt đẹp là nhường nào, nếu bạn có thể lo việc riêng của bạn mà không cần nhiều sự giúp đỡ của người khác. Đây là lời khuyên của Đức Phật:

"Ta không nên dòm ngó lỗi lầm của người khác, việc này người ấy đã làm, việc kia người ấy chưa làm, mà hãy xét những việc làm sơ sót của chính mình"

Đức Phật còn dạy: "Người mà lúc nào cũng dòm ngó lỗi lầm của người khác và hay cáu kỉnh, thì ô trược của chính mình càng ngày càng tăng trưởng. Người đó khó có thể đoạn diệt được ô trược".

Ngài dạy: "Thấy lỗi người khác thì dễ, nhưng lỗi của mình thì quá thật khó thấy. Lỗi của người thì ta sàng sảy để quan sát, nhưng của ta thì dấu kín như người đi bẫy chim ngụy trang để ẩn trốn".

"Người cao thượng không đi chệch con đường chính đáng, dù cho việc gì xảy ra, người đó không còn tham dự theo thú vui trần tục. Người trí lúc nào cũng bình tĩnh và kiên định trong đầu óc lúc vui cũng như lúc buồn"

Không ai có thể sống trên thế giới này không bị chỉ trích hay phê bình. Đức Phật dạy:

"Lặng thinh cũng bị chỉ trích. Nói ít, nói nhiều cũng bị chỉ trích. Cho nên không một ai trên đời này mà không bị chỉ trích".

Ngài cũng dạy: "Chưa bao giờ, sẽ không bao giờ, và ngay bây giờ có một ai hoàn toàn đáng trách hay hoàn toàn đáng khen"

Không phải tất cả những người phê bình bạn là những kẻ thù của bạn. Bạn có thể dùng cơ hội này để tìm ra những yếu điểm mà chính bạn không thể nhìn thấy.

Bạn không nên bỏ việc tốt đang làm chỉ vì phê bình. Nếu bạn có can đảm tiếp tục việc tốt bất kể đến lời phê bình, lẽ đương nhiên bạn là người tuyệt vời, có thể thành công ở mọi lãnh vực.

Không Lo Lắng

Bí quyết của đời sống hạnh phúc và thành công là phải làm những gì cần làm ngay bây giờ, và đừng lo lắng về quá khứ

cũng như tương lai. Chúng ta không thể trở lại tái tạo được quá khứ và cũng không thể tiên liệu mọi thứ có thể xảy ra cho tương lai. Chỉ có khoảng thời gian mà chúng ta có thể phần nào kiểm soát được, đó là hiện tại.

Nhiều người lo lắng nghĩ đến tương lai. Những người này cần phải học hỏi để thích nghi với hoàn cảnh đời sống hàng ngày, không có lý do nào cho họ phải lo lắng. Dù cái lâu dài nào mà họ xây trong không khí ra sao, dù giấc mơ trong đầu óc của họ ra sao, họ phải luôn luôn nhớ là họ đang sống trong cái thế gian không ngừng thay đổi này.

Cột Trụ Của Thành Công

Thất bại chính là mẹ của thành công. Học hỏi từ thất bại của chúng ta đưa đến thành công. Không bao giờ có bại thì cũng chẳng bao giờ có thắng. Nếu chúng ta không trải qua thất bại và sức mạnh kèm theo của nó, chúng ta không bao giờ ý thức được cái chiến thắng ở mức đầy đủ. Nó chỉ trở thành khúc ngoặt của những biến cố nhỏ nhoi không đáng kể đối với chúng ta. Thất bại không những giúp chúng ta thành công, mà làm chúng ta tử tế, dễ mến, hiểu biết và giàu kinh nghiệm.

Vẻ Đẹp Chân Chính

Nếu một người sinh ra xấu xí, dù cho mặt mũi người ấy xấu xí đến thế nào đi nữa, nếu người ấy trau dồi tình thương, tình thương này sẽ cho người ấy cái duyên dáng nội tâm bất diệt tỏa ra ngoài và tràn ngập toàn thân người ấy với vẻ đẹp siêu nhiên khiến người ấy trở thành hấp dẫn vì cái duyên dáng là cái đẹp chân chính và không phải là hình dáng, lớn nhỏ hay màu da của bộ mặt.

Chúng ta hãy xem một người trông hết sức là đẹp. Đôi khi người ta không bị lôi cuốn bởi người ấy vì vẻ đẹp của người phụ nữ này đã bị biến dạng bởi tính tự phụ hay kiêu ngạo vì sắc đẹp của mình. Hãy xem một người tuy xấu nhưng tràn ngập với

lòng từ ái vô biên, nói năng lịch sự và lễ phép, đối xử với người khác tử tế, bạn sẽ thấy người ấy hấp dẫn với mọi người như thế nào.

Tham sống trên trái đất này kích thích nỗi sợ hãi bất thường và không lành mạnh về cái chết. Nó tạo thành bệnh tưởng luôn luôn nghi ngờ, người đó không dám làm việc gì dù điều đó là chính đáng. Người ấy sống trong sợ hãi bệnh tật hay tai nạn sẽ làm tiêu tan đời sống nhỏ nhoi vô nghĩa nơi đây. Nhận thức thấy cái chết không tránh được, sự khiếp sợ phi lý về cái không tránh được sẽ chần chừ động kẻ tham sống thành một đam mê muốn sống nơi thiên đường. Không ai có thể hạnh phúc trong bảo tố như vậy của sợ hãi và hy vọng. Quả là khó để coi thường và không quan tâm đến những bộc phát theo bản năng tự bảo vệ. Tuy nhiên có một phương pháp chắc chắn có thể khắc phục nó. Đó là ta hãy quên cái ngã trong khi phục vụ người khác, đó là ta đổi hướng tình thương từ nội tâm ra bên ngoài. Bạn càng phục vụ người khác, bạn sẽ quên cái luyến ái vị kỷ không lành mạnh, ước vọng, cao ngạo và tự tôn.

Ai cũng muốn có một cái chết êm ả sau khi đã làm tròn nhiệm vụ và bốn phận trong cuộc đời. Nhưng có bao nhiêu người đã chuẩn bị đầy đủ cho biến cố ấy? Có bao nhiêu người chấp nhận khó khăn để làm tròn nhiệm vụ với gia đình, thân quyến, bè bạn, xứ sở, tôn giáo và quốc gia? Nếu một người chết mà không làm tròn một nhiệm vụ nào trong đó, chắc chắn tội cùng khó cho người ấy có thể có một cái chết êm ả.

Nhiều người sợ xác chết. Nhưng người sống còn nguy hiểm hơn nhiều người (xác thân) ỏ chết. Nhiều người bị thất bại và khiếp đảm bởi người sống hơn là người (xác thân) chết.

Nếu bạn từ già thế giới này mà không làm tròn nhiệm vụ của bạn, sự ra đời của bạn không lợi lạc gì cho chính bạn và cho thế giới này.

Cho nên hãy thi hành những nhiệm vụ của bạn, và bạn sẽ đối đầu với cái chết một cách can đảm và bình thản. Và một ngày nào đó bạn sẽ đạt được trạng thái bất tử, nơi bạn có thể có hạnh phúc bất diệt.



18

PHẬT GIÁO TRONG ĐỜI SỐNG HIỆN ĐẠI*Tiến Sĩ Ananda Guruge*

Đề tài nói trên đây gồm có những phần: Thế nào là đời sống hiện đại? Phật Giáo là gì? Và vai trò của Phật Giáo trong đời sống hiện đại?

Đời sống hiện đại chính tự nó rất khó để định nghĩa. Ta có thể nói đời sống hiện đại có đặc điểm nổi bật bởi thực ra thế giới càng ngày càng nhỏ hơn, con người có quyền hay phương tiện đến với nhau, bức tường ngăn cách về truyền thông đã không còn, chỉ trong khoảnh khắc ta có thể biết được tin tức xảy ra bất cứ nơi nào trên thế giới, ta có thể tham gia vào đời sống rộng lớn tiêu biểu của thế giới mà ta không bao giờ tưởng tượng được. Đó là một khía cạnh của đời sống hiện đại. Liên quan đến đời sống hiện đại phải kể đến những lãnh vực khoa học và kỹ thuật. Con người trong hoài bão chinh phục thiên nhiên, bệnh tật, những chướng ngại thiên nhiên, đã hoàn thành một số kỳ công về kỹ thuật phức tạp làm tâm giật mình kinh sợ. Đó là một khía cạnh khác của đời sống hiện đại. Điểm thứ ba có lẽ là khía cạnh xáo trộn nhiều của đời sống hiện đại: thế giới càng gần nhau hơn, bức tường chướng ngại truyền thông đã bị phá vỡ, tiến bộ về khoa học và kỹ thuật tiến nhanh, chúng ta phải đương đầu với một số khó khăn về kinh tế và chính trị đối lập, ô nhiễm, bùng nổ dân số, tài nguyên hiếm hoi, và sự sử dụng bừa bãi tài nguyên không thể thay thế được. Với những khó khăn trên, xuất hiện hàng loạt các vấn đề khác được gắn thẳng cánh là "sinh tồn".

Văn Minh Hiện Đại Có Thể Sống Sót Không?

Về vấn đề này, ta cũng có thể thêm vào khía cạnh luân lý - một câu hỏi về đạo đức- và hỏi: "Đến một mức độ nào, trong tiến trình hiện đại hóa và chinh phục thiên nhiên, chúng ta đã đi trệch khả năng chinh phục chính mình? Có phải sự tranh đấu sinh tồn có nghĩa là con người hiện đại phải trở thành nô lệ cho ích kỷ, ràng buộc bởi tham dục và ý thức bóc lột của chính mình? Có phải chúng ta đã mất đi tất cả những thứ về giá trị đặc biệt của con người như việc tương quan giữa cá nhân, sự lo lắng chăm sóc cho hạnh phúc, tinh thần vị tha đối với người khác? có phải chúng ta đã mất những điều đó?

Vậy thì khi nghĩ đến đời sống hiện đại, ta có thể nghĩ với một mức lạc quan cao độ, và đồng thời, một mức độ bi quan tương đương. Ta có thể hết sức vui sướng là chúng ta có thể sống ngày nay ở một thời đại hầu như không có gì là con người không chinh phục được. Có lẽ, vẫn còn một số bệnh tật là mối thách thức con người. Có thể, vẫn còn một số nơi chốn trong vũ trụ mà con người muốn đến, và con người vẫn chưa phát triển được kỹ thuật để đến đấy. Nhưng hình như tất cả những thứ đó đều trong tầm tay của con người. Với sự lạc quan về khả năng của con người, thì về phía bi quan, chúng ta, trong tiến trình đó, đã mất mát một cái gì đó. Hãy để cả hai việc này trong tâm.

Phật Giáo

Vậy thì chúng ta hãy nhìn vào Phật giáo xem Phật Giáo là gì. Chúng ta hiểu Phật Giáo như thế nào? Có thể có nhiều thứ đối với nhiều người khác nhau. Có người cho rằng đó chỉ là đời sống của Đức Phật, tấm gương của Đức Phật và những người đệ tử gần gũi nhất của Ngài đặt ra - đó là kỳ công quang vinh của một người, một người đứng trước công chúng tuyên bố con đường giải thoát. Đó là một loại Phật Giáo. Với số người khác, Phật Giáo có nghĩa là học thuyết quần chúng như đã ghi trong văn học Phật Giáo đương nhiên gồm nhiều tập và gồm vài

ng nghìn trang ghi các lời của Đức Phật. Và trong đó miêu tả một triết lý cao quý, sâu sắc, phức tạp và uyên bác về cuộc đời. Rồi căn cứ vào lời dạy của Đức Phật, vào sự tu tập trong thời kỳ Đức Phật tại thế, nảy sinh một nền văn hóa xúc tích, một nền văn hóa đã lan rộng khắp Á Châu từ 2500 năm qua, và các dân tộc từ những tầng lớp xã hội khác nhau có nền tảng xuất thân khác nhau ở những quốc gia ấy đã đóng góp vào sự trường tồn của Phật Giáo. Một số lớn giáo phái và trường phái, hay hệ thống triết lý, đã phát triển, và tất cả, đúng hơn đã hoạt động dưới danh hiệu Phật Giáo. Rồi đến một định nghĩa khác về Phật Giáo: đó là một loại nghi thức phát sanh chung quanh học thuyết của Đức Phật do giáo lý và cách sống được thuyết giảng bởi Đức Phật, trở thành một tôn giáo. Dù Đức Phật muốn hay không muốn, giáo lý của Ngài thành tôn giáo, một tôn giáo mà người dân chấp nhận nguyện trung thành có nghi thức riêng, có tổ chức, đường lối hay tiêu chuẩn để quyết định cái gì làm đúng và cái gì làm sai. Nay lại có một loại Phật Giáo khác. Nếu ta lấy một trong những khía cạnh riêng rẽ, và thử khảo sát tác động của cái gọi là Phật Giáo trong đời sống hiện đại, thì chắc chắn quả là một công việc lớn lao.

Với tôi, Phật Giáo là tất cả những thứ này. Đó là Đức Phật và đời sống của Ngài, học thuyết, văn hóa đã phát triển quanh nó và đã dự phần đóng góp, và nghi lễ liên quan. Một khi ta lấy việc này đem so sánh với một khối lớn kinh nghiệm của con người, đem lọc kỹ càng thành một dạng thức tinh túy nhất và đem trình bày cho chúng ta thì mỗi chúng ta có thể chọn phần thích hợp, phần lõi cuốn chúng ta sẽ thấy cái độc đáo phi thường của Phật Giáo. Lúc tại thế, chính Đức Phật thường nhấn mạnh điểm này. Không cần thiết phải là một học giả mới biết mọi thứ. Phật Giáo không giống một môn học như toán mà bạn phải học các định lý và các phương pháp để giải đáp những loại tính. Nếu bạn biết nền móng, căn bản thì sự nghiên cứu chi tiết uyên thâm không phải là một điểm báo trước quan trọng để tu

tập. Cho nên ngoài thứ này, văn hóa, tôn giáo hay văn chương rộng lớn Phật Giáo, hay một khối lớn kinh nghiệm đến với chúng ta là Phật Giáo, mỗi trong chúng ta sẽ thấy điều gì thích đáng cho đời sống, cho loại khó khăn của chúng ta.

Một Học Thuyết Vô Tận

Tôi thường băn khoăn không hiểu sao Phật Giáo được gọi là "*Akalika*" có nghĩa là "vô tận" - lúc nào cũng tồn tại. Tôi càng thấy sự thay đổi trong văn hóa Phật Giáo hay Đạo Phật, tôi càng thấy phải làm sao tiếp tục thích ứng với nhu cầu ở mọi lãnh vực, dân số, cá nhân, tôi càng thấy bức thông điệp của Đức Phật truyền đạt lúc nào cũng có giá trị bất diệt. Cho nên nếu Phật Giáo có sự áp dụng ngày nay, và nếu Phật Giáo có một vị thế trong đời sống hiện đại thì đó là vì sự liên quan thích đáng vô tận, bắt nguồn từ một tập hợp các giá trị bất diệt. Nói về đặc điểm bất diệt là một cách hết sức nghịch lý trong việc trình bày hay miêu tả một tôn giáo có nguyên lý học thuyết vô thường ở ngọn nguồn. Cái đặc tính vô tận bắt nguồn từ thực tế được hiểu là mọi thứ đều tiếp diễn không ngừng, nhưng tiếp tục trong một luồng, trong một tiến trình thay đổi và tiến hóa không ngừng. Vậy nên Phật Giáo có thể thích nghi với mọi thời gian và mọi nền văn minh. Cho nên chúng ta có thể, không một ngăn ngại, tiếp cận với bất cứ một khía cạnh nào của Phật Giáo như một điều gì thích hợp và có thể áp dụng với chúng ta ngày nay.

Những vấn đề gì khiến Phật Giáo vô tận? Xin để tôi lấy một vài điều. Điều trước nhất là sự thừa nhận trách nhiệm của một cá nhân. Đức Phật là một trong các vị đạo sư phi thường giải phóng con người khỏi tất cả những ràng buộc - những ràng buộc của mối quan hệ siêu nhân, một Thượng Đế, sự sáng tạo, tội lỗi hay bất cứ một đặc điểm từ một người nào đó (ngoài điều chính bạn đã làm). Cho nên, Đức Phật nói mỗi người là vị chủ thể của chính mình, người đó ban hành ra nguyên tắc mà sự áp dụng trở nên mạnh mẽ hơn vì con người bắt đầu càng thấy tin tưởng hơn trong việc kiểm soát chính mình và môi trường

chung quanh. Vậy, nếu ngày nay với sự phát triển của khoa học và kỹ thuật, con người cảm thấy đã đi đến điểm mà trí thông minh của mình làm cho mình cao hơn bất cứ ai khác, và cho phép mình giải quyết bất cứ khó khăn nào hiện có, liệu vật chất hay đạo đức, hay chính trị, hay bất cứ gì đi nữa, sẽ không phải là nguyên tắc con người là vị chủ tể của chính mình mà con người phải chịu trách nhiệm trước chính mình vì bất cứ gì mình làm ra mình thừa hưởng - trở thành một trong những cách thức quan trọng nhất để xem xét chính mình?

Vậy nên cách giải quyết căn bản làm con người thoát khỏi tất cả những xiềng xích, tinh thần và các mặt khác, là một trong những học thuyết rất quan trọng của Phật Giáo đóng góp vào tính vô tận của tôn giáo này. Chúng ta càng tiến bộ, con người càng có nhiều tiến bộ, thì việc cần thiết của con người là phải xác nhận chính mình là vị chủ tể của mình. Con người càng xác quyết chính mình là vị chủ tể của mình, lại càng phải nhớ lại lời Đức Phật dạy: "*Atta hi attano natho*".

Tự Do Tư Tưởng

Rồi đến một học thuyết khác không kém phần quan trọng: Học thuyết về tâm mở rộng- tự do tư tưởng. Phật Giáo không những giải thoát chúng ta khỏi Thượng Đế hay sự ràng buộc siêu nhiên mà còn giải thoát chúng ta khỏi tín điều. Chúng ta hãy mừng tượng thời gian Đức Phật thuyết giảng. Đó là một thời gian mà nhiều giáo lý của các tôn giáo khác đang thịnh hành và Ấn Độ ở vào thế kỷ thứ 6 trước Tây Nguyên là một nơi được chú trọng nhất về cuộc sống. Các đạo sư tôn giáo đưa ra nhiều loại học thuyết ganh đua với nhau để có nhiều người theo đạo của mình. Ngoài những giáo lý mới, còn có những hệ thống đạo lý thâm căn cố đế. Trong tất cả những hệ thống tôn giáo này, lý thuyết rêu rao là: "Chúng tôi đã tìm ra con đường". "Con đường này là con đường chính đáng". "Bạn đến đây, bạn sẽ được cứu độ". Vào giữa lúc này, Đức Phật xuất hiện và nói: "Đừng tin vào sách vở nói. Đừng tin vào những gì các bậc thầy

dạy nói. Đừng tin vào truyền thống nói. Đừng tin vào điều gì chỉ vì điều đó là của quyền thế hay của một người nào đó. Hãy tự mình kinh nghiệm điều đó. Bạn phải tự suy nghĩ. Hãy tự mình nhận thấy đúng hay sai. Một khi nhận thức thấy đúng hãy làm theo. " Chính điều này là một phương cách rất mạnh: con người được hoàn toàn tự do, điều mà con người tranh đấu để có, tự do tư duy. Nếu dưới chế độ phong kiến, trước khi các tiến bộ hiện nay đạt được, chúng ta không có quyền được tự suy nghĩ, khi các tiến bộ ngày nay đang diễn ra, chúng ta càng xác quyết quyền (tự do suy nghĩ) càng nhiều hơn nữa. Chúng ta sẽ cảm thấy tin theo sau những cuộc điều tra nghiên cứu của chính chúng ta, và sau khi chúng ta đã có thể xem xét tỉ mỉ những nguyên tắc, những thực tế, những điều thuận và nghịch. Điều này chúng ta coi như một quyền bất khả xâm phạm. Đó là một học thuyết thứ hai có thể áp dụng vào thời hiện đại, và tương lai phải tiếp tục.

Vai Trò Của Phật Giáo

Đến một câu hỏi quan trọng nhất - Ngoài phần hỗ trợ cái mà con người muốn khẳng định về bản thân trong hiện tại và tương lai, Phật Giáo sẽ tiếp tục có một vai trò sửa sai không? Với câu hỏi này thấy có một khía cạnh quan trọng nhất mà tất cả chúng ta phải lưu tâm ngày nay. Trong khi con người có những tiến bộ này, chúng ta cũng thấy áp lực của đời sống hiện đại - sự cạnh tranh để sống còn, sự cạnh tranh nhằm làm tốt hơn người khác, sự ham thích sống cuộc đời ganh đua về kinh tế, chính trị, văn hóa, hoặc bất cứ hình thức nào - mang đến căng thẳng. Để giảm bớt những căng thẳng này, con người lại càng phát triển nhiều hình thức vui chơi giải trí và nghỉ ngơi. Kết quả bề ngoài có vẻ được chút ít thư giãn nghỉ ngơi để giảm bớt căng thẳng, nhưng hình như họ càng ngày càng sa vào vòng tội lỗi. Vì căng thẳng, ta lại tham đắm vào một loạt hoạt động thoát ly thực tế, và vì những hoạt động đào thoát này mất quá nhiều thì giờ, ta lại phải bắt cho kịp tiến trình sống còn nên càng sa vào giai đoạn

căng thẳng trầm trọng hơn. Kinh tế càng tiến bộ lớn mạnh bao nhiêu, chính trị càng sáng tỏ bấy nhiêu, ta lại càng phải cần đến thuốc giảm đau và thuốc an thần để làm nhiệm vụ bình thường. Bạn phải uống một viên thuốc để thức, một viên để ngủ, một viên để thư giãn và vân vân... Kiểu hiện đại hóa này đã thành mốt ở chỗ nào căng thẳng con người lên tới chỗ thấy rằng tất cả những gì mà con người đã đạt được là không còn dùng được, là ở trong một tình trạng nghiêm trọng. Thêm vào những áp lực này, nảy sinh một khía cạnh khác trong đó với thời gian rảnh rang dồi dào mà con người đạt được ngày nay do thoát khỏi sự làm việc cực nhọc, lại phải đương đầu với một khó khăn khác - đó là sự chán chường. Cho nên với một bên là áp lực căng thẳng, bên kia thì chán chường, xuất hiện một loạt tình trạng phức tạp làm con người thực sự không hạnh phúc. Ngày nay người ta có thể hỏi: Phải chăng con người đang sống thực sự hạnh phúc, hay ở trong tình trạng mà ít nhất nhận thức thấy rằng mặc dù đã đạt được mọi thứ, họ đã mất một cái gì dưới hình thức của những khía cạnh căn bản của đời sống? Ai là người bị trách cứ? Phải chăng chúng ta trách khoa học? Chúng ta trách kỹ thuật? Chúng ta trách hệ thống chính trị? chúng ta trách hệ thống kinh tế do ta thừa hưởng hay do ta phát triển? Hay chúng ta trách cứ chính chúng ta?

Bạn Là Vị Chủ Tế Của Chính Bạn

Quay về lối nhìn của Đức Phật vào vấn đề, bạn sẽ nói, bạn nắm phương tiện cuộc sống trong tay bạn. Bởi lẽ bất cứ gì sai, bạn đều phải chịu trách nhiệm, bạn là vị chủ tế của chính bạn. Bạn để nó chạy như vậy - cho phép nó thoát khỏi sự kiểm chế trong tay bạn. Quả là dễ dàng để trách cứ một người: "Bạn để cơ hội trôi qua, bạn đã để mất cơ hội từ tay bạn". Nhưng cái đó có giúp ích không? Cái vĩ đại của Phật Giáo nằm trong sự việc này, nó không dừng lại sau khi đặt trách nhiệm cho bạn và không nói: Bây giờ đó là như thế. Nay chúng ta tìm thấy thủ

phạm. "Tiến tới giai đoạn kế tiếp nói rằng: "Nơi đây có một ít thứ có thể làm được".

Nếu một người cứ loay hoay nhìn vào đủ loại biện pháp tôn giáo, tâm thần, tâm lý liên can để cứu người hay để chữa chạy trạng thái căng thẳng này và chán chường bên kia, bạn sẽ thấy có rất nhiều biện pháp nhưng không một biện pháp nào lại không tốn kém, thực tiễn như những hướng dẫn đơn giản của Phật giáo tiến dẫn. Ta có thể đặt câu hỏi: "Có phải một người khi trở thành Phật Tử thì sẽ không còn bị căng thẳng hay chán chường trong đời sống hiện đại nữa phải không? Trả lời câu hỏi này rất khó vì không ai trở thành một Phật Tử. Không có ai mang cái nhãn hiệu Phật Tử. Vì Phật Giáo không phải là một trong những triết lý ấy hay lối sống hay tôn giáo - Tôi dùng từ "tôn giáo" vì không có một hạng nào khác để có sắp vào cho ngang bằng - trong đó cần có một nhãn hiệu. Khi Đức Phật còn tại thế, dân chúng tìm đến Ngài, nghe Ngài và nếu họ thấy vừa lòng với Ngài họ nói: "Tôi nương tựa nơi Ngài, nơi Giáo Pháp của Ngài, và nương tựa nơi Đoàn thể Tăng Già, cộng đồng, những đệ tử theo cách sống ấy". Cả đến ngày nay tất cả thứ đó cần thiết cho bất cứ ai tự gọi mình là Phật Tử. Vì đã tin theo điều mà Đức Phật dạy thích hợp với khó khăn của đời sống, ta cảm thấy đó là lối sống có thể theo đuổi vì có lợi ích, bằng cách nương tựa nơi Phật, Pháp và Tăng Già. Với lòng tin vững chắc trong tâm này, người ấy trở thành người Phật Tử không cần phải nghi lễ, nghi thức của một loại nào, ghi danh, hay những đòi hỏi pháp luật nào khác. Đó là điều mà F.I. Woodward, một trong những dịch giả tài giỏi về chuyển ngữ những lời của Đức Phật gọi là "một-tôn-giáo-do-chính-bạn-làm-ra".

Ngày nay có nghĩa gì khi có cả hàng nghìn người chưa bao giờ đặt chân tới một ngôi chùa Phật, chưa bao giờ tham gia nghi thức đã phát triển trong các quốc gia Phật Giáo, nhưng ai là người mà tâm của mình đã nhìn thấy giá trị bức thông điệp của Đức Phật và ai là những người sống một cuộc đời theo đúng

giáo lý của Phật Giáo. Thực ra, chúng ta thấy đa số dân cư trên thế giới nguyên trung thành với Đức Phật vì lý do này hay lý do khác. Đó là một trong những điều phi thường mà ta có thể coi hầu như là một vi diệu.

Lối Sống

Lối sống do Đức Phật thuyết giảng rất là đơn giản. Đối với người cư sĩ nó gồm có năm giới đơn giản: không giết, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, và không dùng các chất say - quả là một cụm giới rất đơn giản. Nhưng lối sống Phật Giáo mà Đức Phật miêu tả chưa chấm dứt với loại giới này. Để đơn giản hóa trong một phương cách khiến bất cứ ai cũng có thể hiểu được, có ba điều mà mỗi người cố gắng làm được gọi trong tiếng Pali là **Dana** (Bố Thí), **Sila** (Tri Giới), và **Bhavana** (Thiền Định).

Dana (Bố Thí) có nghĩa là hào phóng, rộng rãi - hành động cho. Rất quan trọng Phật Giáo bắt đầu với Bố Thí như một hành động đạo hạnh thứ nhất mà ta phải thi hành nhằm đưa mình vào con đường chính đáng, vì bố thí là một hành động hy sinh. Để có thể cho một cái gì, tâm bạn phải sẵn sàng từ bỏ cái mà bạn có đó, cái mà bạn quý trọng, cái mà bạn luyện ái. Cho nên bạn phải đương đầu với nguyên nhân lớn nhất của tất cả các khó khăn trong tiếng Pali được gọi là *Lobha* (tham) hay tham dục hay tham lam. Thật lý thú được thấy lối sống được trình bày cho chúng ta trong cái cách từng bước một chúng ta có thể loại trừ được những nhược điểm và đặc điểm của con người chính nó gây căng thẳng và chán chường đang làm ta bực dọc ngày nay. Hào phóng là chống lại tham dục, lòng tham, bản chất bám níu.

Giới liên quan chặt chẽ tới một số giới luật, đạo đức hay hạnh luân lý. Đức Phật biết rõ người ta không thể đặt ra điều lệ và quy tắc cho mọi người trong cùng một đường lối. Cho nên có một số luật lệ cho người cư sĩ. Thêm một số luật lệ nữa cho

những ai muốn sống một cuộc đời đạo hạnh, và nhiều hơn nữa cho những thầy tu tự nguyện dốc thân vào con đường nghiêm ngặt về kỷ luật và thanh tịnh. Cho nên Giới là một thứ tăng trưởng dần dần, để mỗi người làm quen cái có thể theo được trong hiện tại.

Trong giới hay hạnh luân lý, hay giáo lý đạo đức của Đức Phật, chúng ta quay về với học thuyết đầu tiên: chúng không phải là điều răn, chúng không phải lệnh truyền từ trên, chúng không phải lệnh ban bố bởi Đức Phật, những mệnh lệnh phải tuân theo. Mỗi một giới luật mà chúng ta, người Phật Tử giữ là lời chính mình tự hứa hoàn toàn tự nguyện. Và cách mà các giới ấy nói là: "Tôi tự nguyện giữ kỷ luật không sát sanh, trộm cắp" vân vân..., vì tôi là chủ thể của số phận của tôi, và chính tôi quyết định cuộc sống mà tôi nên theo. Đức Phật như một người dẫn đường đã cho thấy một số nhược điểm căn bản hay những lầm lẫn mà ta cần phải tránh. Nguyên nhân thứ hai trong hầu hết các vấn đề mà chúng ta có là hận thù của chúng ta, hay oán hờn người khác. Tiếng Pali được gọi là *Dosa*. *Sila* (giới) là một trong những thuốc giải độc cho nguyên nhân thứ hai này về tất cả các nhược điểm của chúng ta. Khi chúng ta giữ giới, chúng ta kiểm soát hay đúng hơn là chúng ta hoàn toàn loại bỏ nguyên nhân của hận thù. Đức Phật là một trong những người rất biết về những hậu quả của hận thù. Ngài đã nhìn thấy những người đã tự hủy hoại do hận thù. Điều mà đã khiến Ngài khẳng định sân hận không dập tắt được sân hận, càng sân hận bao nhiêu thì khốn khổ bấy nhiêu. Bạn ghét tôi, tôi ghét bạn: Tôi ghét bạn nhiều hơn, bạn ghét tôi nhiều hơn và sân hận cứ thế tăng đến điểm cả hai bạn và tôi đều tự bị thiêu đốt trong mối sân hận lẫn nhau, và theo Đức Phật cách duy nhất là một trong hai người phải ngưng. Vì lẽ không có một bên hay tốt hơn cả hai bên đều cố gắng đều chiến thắng sân hận bằng tình hữu nghị, chiến thắng bằng không sân hận, sự liên tục của sân hận, sân hận nối tiếp sẽ không bao giờ chấm dứt. Phương cách đối phó này căn

cứ vào toàn bộ học thuyết về cuộc sống đạo đức trong Phật Giáo. Vì lẽ đời đạo hạnh đánh phá nguyên nhân yếu kém thứ hai của chúng ta được gọi là sân hận, trong Phật Giáo chúng ta có học thuyết rất lợi ích và vô tận về lòng từ ái. Lòng từ ái là nền tảng của Phật Giáo, (nền móng trên đó học thuyết của Phật Giáo được xây dựng) không phải Đức Phật chỉ coi điều đó như một nguyên tắc đạo đức đơn giản. Ngài đã lý giải nguyên tắc của lòng từ ái trong cuộc sống cao thượng.

Rồi đến lòng từ bi - *Karuna*. Lòng trắc ẩn phát sanh dễ dàng hơn. Bạn thấy người nào gặp khó khăn, bạn thấy ai cần đến sự giúp đỡ của bạn, tìm bạn, tình yêu thương của bạn hướng tới người đó và bạn vội vã giúp người ấy. Đức tính vội vàng giúp đỡ người- cảm thấy áy náy vì người khác đau khổ, đó là một khía cạnh khác của lòng từ ái.

Rồi đến khía cạnh thứ ba, một khía cạnh khó khăn hơn để thực hành, khía cạnh này đòi hỏi tình thương và chịu đau khổ lớn lao được gọi là *Mudita*, đó là chia sẻ hạnh phúc của người khác - quét sạch trong tâm tất cả những dấu vết của ganh ghét và thèm muốn, để bạn có thể vui với hạnh phúc của người khác, của người láng giềng và ngay cả của kẻ thù.

Cuối cùng là khía cạnh thứ tư của lòng từ ái và đó là sự thanh thản hoàn toàn, *Upekkha*. Bạn không còn bạn, không còn thù, không ai hơn, không ai kém. Bạn tuyệt đối không còn phân biệt người này với người kia, và bạn hoàn toàn hòa đồng vào cái tính thống nhất với tất cả chúng sinh, tất cả sự vật, tất cả hoàn cảnh. Cho nên một khi bạn có thể sống một cuộc đời với bốn đặc điểm này chi phối hành động của bạn thì không còn chỗ cho sân hận, không có chỗ cho hơn thua, không có chỗ cho tranh đua. Cho nên nguyên tắc thứ hai của giới sẽ chịu trách nhiệm về chuỗi khó khăn mà chúng ta sẽ có thể có.

Điều nghĩa lý nhất sau cùng, điều mà bạn sẵn sàng tiến hành ngay, đó là Bhavana - thiền định. Thiền định có nghĩa là huấn

luyện tâm. Tiếng này theo từ nguyên học tự nó có nghĩa là mở mang- sự phát triển của tâm. Đức Phật tin, và là một người tuyên bố sớm nhất là mọi thứ bắt nguồn từ tâm con người (nhất thiết do tâm tạo). Tổ chức mà tôi miêu tả có lời mở đầu trong Hiến Pháp: "Vì chiến tranh khởi đi từ tâm con người, thì chính nơi tâm con người có thể kiến tạo được hòa bình". Điều này phản ánh dòng đầu của câu kệ thứ nhất trong Kinh Pháp Cú. Tâm thanh tịnh, tâm được huấn luyện, tâm mở mang, tâm được kiểm soát theo ý muốn, tâm buông lung dẫn đến những điều căng thẳng và chán chường, nhưng tâm biết cảnh giác, biết tự phát triển, tự khám phá, và trong lòng nó bí ẩn của đời sống, khó khăn của cuộc đời và sự thực của đời sống, là kho tàng vĩ đại của con người.

Tôi không ngạc nhiên ngày nay có sự say mê ở bộ phận thế giới có sự phát triển kỹ thuật cao độ về tất cả các loại thiền định. Không có gì là quan trọng về chuyện ai thuyết giảng cái gì hay triết lý nào, hay kỹ thuật nào đem ứng dụng. Nhưng sự thực vẫn là người ta bắt đầu nhận định được lúc tỉnh lặng tập trung, lúc suy nghĩ thâm sâu, lúc chức năng của tâm được kiểm soát đúng cách, là một yếu tố cần thiết cho hạnh phúc của con người.

Từ 2500 năm qua, Đức Phật đã dạy đường lối này.và không có gì khác cần cho con người ngày nay thì con người cần an lạc trong tâm. Con người muốn thoát khỏi căng thẳng và chiến đấu chống lại chán chường. Và tôi nhìn thấy câu trả lời trong Phật Giáo, nhất là ba pháp Bố Thí, Trì Giới và Thiền Định.

Hãy nhìn vào nguyên tắc riêng của Đức Phật như căn bản hay sự khởi đầu cuộc đời đạo lý của Ngài. Chúng ta biết nhiều người nghèo trở thành giàu, nhưng nơi đây trường hợp người giàu trở thành nghèo, đi tìm kiếm, như chúng ta có thể nói, an lạc trong tâm - đó là phước báu vĩ đại nhất. Kết quả người ấy nhìn vào chính mình, rồi dạy người khác sự cản trở lớn, nguồn gốc của tất cả khó khăn, là sự luyến chấp.

Cho nên, nếu hôm nay có một người nào đó đến nói rằng: "Tôi có thể đưa bạn thẳng đến Niết Bàn chỉ trong một phút" Tôi nghĩ rằng hầu hết chúng ta đều có lòng tha thứ. Người nào đó sẽ nói: "Tôi có thể chờ đến khi con gái tôi lấy chồng không?" Một người khác lại nói: "Tôi có thể chờ đợi đến Đại Hội Thiện Hữu Phật Giáo Thế Giới chấm dứt không?" Tôi không thể đợi đến khi hoàn thành nhiệm vụ ở Băng Cốc?" Chúng ta đều có lúc thích hơn khi mục tiêu tối hậu đến.

Dù quyết định của bạn ra sao để tiến tới mục tiêu, có một điểm mà chúng ta không thoát khỏi. Chúng ta không thể chối bỏ sự thực tất cả những phát triển hiện đại không có gì để tiến dẫn mà bất an, tranh giành cũng như căng thẳng và chán chường kết liên với chúng. Phật Giáo đưa ra một số ít phương pháp đơn giản hữu hiệu để chiến đấu với chúng. Với điều này tôi cảm thấy Phật Giáo có một vai trò trong đời sống, một vai trò mà trong các nước Phật Giáo giữ một phần quan trọng. Trách nhiệm của chúng ta là chia sẻ tư duy, kiến thức và kinh nghiệm của chúng ta càng nhiều càng tốt để cuối cùng chúng ta đều nhìn thấy thông điệp của Đức Phật, bức thông điệp đem lợi ích cho nhân loại, không ngưng tiến tới nhân loại ở khắp thôn cùng xóm vắng, ở khắp mọi nơi trên thế giới.



Phần V
TU HÀNH PHẬT GIÁO

19

CẦU NGUYỆN VÀ THỜ CÚNG*Tiến Sĩ G.P. Malalasekera*

Người ta thường hỏi: "Người Phật Tử có cầu nguyện không?" "Người Phật Tử đến Chùa làm gì?" và " Thái độ của Người Phật Tử đối với cầu nguyện như thế nào?"

Cầu nguyện và thờ cúng thực ra hình thành một phần trọn vẹn của nhiều tôn giáo. Trong Phật Giáo, cầu nguyện có nhiều ý nghĩa. Trong tôn giáo hữu thần tin vào Thượng Đế toàn năng có quyền vô hạn là Đấng Sáng tạo thế giới, là cha của tất cả sinh vật, cầu nguyện có nghĩa chính là cầu khẩn Thượng Đế, yêu cầu Ngài, xin Ngài hướng dẫn và che chở, ban sức khỏe và hạnh phúc và tha thứ các tội lỗi.

Phải nói rằng ngay từ đầu người Phật Tử không tin vào một Thượng Đế như vậy và cũng không cầu nguyện theo ý nghĩa ấy. Người Phật Tử tin vào Nghiệp luật nói hạnh phúc hay bất hạnh phúc là kết quả về hành động của chính mình. Thịnh vượng hay ngược lại được tạo ra cho mỗi cá nhân bởi hành vi, lời nói và tư tưởng của cá nhân ấy. Nghiệp luật vô tư, không có tác nhân nào sau nó, chỉ huy hay quản trị nó. Vô tư, nó không nhân từ mà cũng không tha thứ. Tội lỗi chỉ có thể chuộc bằng cách làm điều thiện, điều thiện sẽ khắc phục được hậu quả của hành động tội lỗi. Tội lỗi theo ý nghĩa Phật Giáo không phải là vi phạm hay không tuân theo luật đặt ra có tính cách độc đoán của thượng đế bắt chúng sanh phải theo mà là hành động sai lầm của thân, khẩu, ý nó làm hỏng tính nết và cản trở sự phát triển nhân cách.

Vậy nên trong Phật Giáo không có cầu nguyện được chấp nhận theo ý nghĩa thông thường của từ này trên trần thế. Con người tự mình chịu trách nhiệm về điều thiện và tội lỗi, sung sướng và nghèo khổ và không chịu trách nhiệm cho ai cả. Thế giới không tùy thuộc vào sự tiến bộ hay thịnh vượng dựa vào bất cứ một người bên ngoài nào và nó không được xây dựng bởi một ai bên ngoài cả.

Người Phật Tử làm gì khi đến thăm chùa? Họ làm nhiều điều. Không có một ngày đặc biệt để thăm viếng chùa chiền tuy có ngày trăng tròn, ngày trăng mới mọc là những ngày rất phổ thông trong số nhiều người Phật Tử. Vào những ngày đó những người mộ đạo tu bát quan trai giới, mặc đồ trắng, đồ trắng tượng trưng sự đơn giản, thanh tịnh, và khiêm nhường. Những người mộ đạo này mang theo hoa, dầu, hương và đôi khi bột gỗ đàn hương và long não. Tại Chùa, họ rửa chân tay vì thanh tịnh thân xác và tâm tư được Đức Phật ca ngợi. Trong chùa có nhiều bàn thờ và nhiều chỗ để dâng đồ cúng. Chỗ bàn thờ chính được gọi là Vihara (Chánh Điện) có nghĩa là tịnh xá nơi Phật cư ngụ.

Từ Vihara khởi đầu dùng có nghĩa là chỗ ở của Đức Phật. Sau này nó cũng được dùng để chỉ chỗ ở của các thầy tu. Trong nghĩa ấy nó tương đồng với từ tu viện. Vihara cũng bao hàm hình ảnh của Đức Phật, gợi ý cái gì đáng giá và đáng chú ý. Với người Phật Tử, hình ảnh tự nó không phải là một đối tượng để thờ phượng, nó chỉ là biểu tượng và tượng trưng Đức Phật. Hình ảnh giúp cho người mộ đạo nhớ lại những đức hạnh vĩ đại của Đấng Giác Ngộ. Về mục đích của sự thờ phượng, thật ra là không quan trọng dù có hình ảnh hay không hình ảnh nhưng hình ảnh giúp cho hành giả tập trung tư tưởng. Trong việc lễ bái một hình ảnh, người Phật Tử không phải là một người sùng bái thần tượng gỗ, đất sét, hay bằng đá, và sự buộc tội người Phật Tử sùng bái thần tượng là do ngu muội hoặc cố ý xuyên tạc.

Có một điểm đáng lưu ý nữa là dùng từ Vihara để chỉ tòa nhà chứa đựng những vật tượng trưng cho Đức Phật. Như đã nói trước đây, từ đó có nghĩa là một tịnh xá, cho nên với người Phật Tử, Vihara là nơi Đức Phật sống, không những trong quá khứ mà ngay bây giờ trong hiện tại. Sự thờ cúng Đức Phật không phải là cho một người nào đó chết, đã ra đi và không còn nữa mà là đối với một người nào đó vẫn sống và hiện diện trước mặt mình. Điều đó không có nghĩa là người Phật Tử tin tưởng Đức Phật đã nhập diệt trước đây tại Câu Thi Na bây giờ vẫn sống tại một nơi đặc biệt nào đó và đang thực sự hoạt động trên đời. Nhưng người Phật Tử, vinh danh Đức Phật, giống như hồi tưởng trong tâm đời sống hiện tiền của Đức Giáo Chủ để hành động thờ cúng của mình sống động và có nghĩa lý.

Đức Phật đã qua đời nhưng ảnh hưởng của Ngài vẫn còn tỏa trên thế giới như hương thơm mà mùi ngào ngạt vẫn tiếp tục bay tỏa dù chất liệu tạo ra đã không còn. Cảm nghi của người Phật Tử là những đồ dâng cúng của mình cho một người vẫn còn sống, cho Pháp Phật vẫn còn, và ký ức về cá tính rực rỡ của Ngài vẫn mãi mãi xanh tươi. Điều này giải thích tại sao một số Phật Tử dâng cúng đồ ăn và đồ uống tại các bàn thờ. Những lễ vật như thế duy nhất tượng trưng sinh khí về niềm tin và sự thành tâm của họ; không một ai, cả đến người Phật tử ngu muội nhất tin là Đức Phật hiện nay lại ăn và uống các lễ vật ấy. Đó là cách thức Phật Giáo bày tỏ một hình thức lý tưởng quan niệm của chúng ta về Đức Phật như một ảnh hưởng sống động trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta.

Dâng hoa và hương là một sự dâng lễ thờ phượng, một hành động vinh danh, tôn thờ và tri ân dù lễ vật này không có giá trị thực chất. Cũng giống như chúng ta dâng một vòng hoa hay một bó hoa cho một người nào đó với ước vọng giải bày lòng tôn kính, kính trọng, cảm tình và lòng tri ân của chúng ta. Dâng cúng hoa và hương được theo sau bởi lời tụng câu kệ nhắc nhở trong tâm đến những đức hạnh tuyệt vời của Đức Phật.

Như Ngài Hòa Thượng Nanamoli đã nói: "Đức Phật quả là một Đấng Ban Phước Lành đã chấm dứt tất cả phiền não và khổ đau, Ngài là người toàn bích, đáng được vinh danh, Ngài đã đạt được trí tuệ tối thượng và giác ngộ, Ngài đã chỉ dẫn con đường của kiến thức chính đáng, tư cách đạo đức, Ngài đã tìm ra hòa bình và hạnh phúc, nhận thức ra chân lý về thế giới, như một nhà hướng đạo và một người bạn không ai có thể bì kịp cho những ai muốn tìm đến sự hướng dẫn của Ngài, Ngài là thầy của trời và người."

Phải chú ý rằng không có yêu cầu để được ưu đãi, không có van nài để được che chở, mà là nhớ và diễn tập lại đức hạnh của một vị nhân, đối với người Phật Tử đó là con người vĩ đại nhất từ trước tới nay.

Sau đây trong một bài kệ khác người mộ đạo tuyên bố chấp nhận Đức Phật là vị Đạo Sư, là người chỉ đạo chừng nào mình còn sống, và bằng đức hạnh của sự kiện này hạnh phúc sẽ đến với mình. Đó là sự xác nhận niềm tin của người ấy vào Đức Phật và chấp nhận lối sống do Ngài vạch ra. Quan trọng hơn nữa là người mộ đạo bày tỏ lòng cương quyết tự thắng mình nhằm đạt an lạc Niết Bàn mà Đức Phật đã đạt được do sự tu tập đức hạnh và chứng đắc trí tuệ. Người mộ đạo nhớ trong tâm là trong hàng loạt sanh tiếp diễn, trong một thời gian dài, Đức Phật (được biết trước đây là vị Bồ Tát hay người tìm cầu giác ngộ hoàn toàn) trau dồi những đức tính ấy dẫn chúng sanh đến toàn hảo và giác ngộ tối thượng. Trên con đường tu tập, Vị Bồ Tát hay Phật-sắp-thành, coi sự cố gắng không quá khó khăn, không có sự hy sinh quá lớn. Không chỉ trong một lần sinh mà trong nhiều lần sinh, Ngài đã hy sinh mạng sống theo nguyên tắc mà Ngài đánh giá cao để phục vụ người khác.

Tất cả mọi người đều có thể trở thành Phật, nếu họ quyết tâm và có thiện chí theo con đường Phật Đạo. Đức Phật không đạt cái vĩ đại mà những người khác không thể đạt được. Lối sống của Đức Phật gọi là Pháp và người mộ đạo nhớ lại bằng câu kệ,

đức tính và những đặc đặc điểm và đặc tính nổi bật của giáo lý. Vậy nên Phật Pháp được nói đến rõ ràng không huyền bí hay bí mật đằng sau mà hoàn toàn mở rộng như một bàn tay mở ra mà sự hữu hiệu được biểu hiện là rõ ràng và và hiển nhiên có bằng chứng, Phật Pháp bất diệt và vô tận, lúc nào cũng tốt đẹp khắp mọi nơi mọi lúc, chấp nhận thử thách, mời điều tra và nghiên cứu, Phật Pháp không chút dấu giếm, không nằm trên tin ngưỡng mà trên sự tin chắc, không mơ hồ mà xác thực trong mục tiêu vạch ra, mà chân lý và hạnh phúc có thể đạt được bởi cá nhân và nỗ lực tích cực không tùy thuộc vào ai khác mà hùng mạnh xiết bao .

Người mộ đạo cũng nhớ lại sự khuyến khích và mở mang tinh thần của chính mình đang có, và thường là đã có, những người tự hiến dâng cho sự nhận thức toàn vẹn Pháp, con đường giải thoát, tranh đấu nghiêm chỉnh để tiến tới mục tiêu của sự tìm kiếm - loại bỏ tham, sân và si. Họ là những tấm gương của đời sống lương hảo, hạnh kiểm tốt, chính trực, không có gì đáng trách trong cư xử, đáng được vinh danh và tôn kính, đáng được mọi người biết là " Những người cao thượng này được biết là Tăng Già hay cộng đồng của những đệ tử giác ngộ làm trong sạch thế giới bằng điều thiện và tính chất thiêng liêng của đời họ, tránh tội lỗi, thúc đẩy điều lành, và tràn đầy vũ trụ với tư tưởng hữu nghị, thiện chí và hòa bình. Người mộ đạo cúng dường cho những người thoát ly gia đình thực hành hạnh bố thí và rộng lượng. Nhớ đến những người cao thượng này trong niềm hiếu thảo, người Phật Tử tu tập giữ giới và tràn ngập tâm tư với tư tưởng cao cả, người đó dẫn mình vào sự tu tập mức độ cao hơn - thiền định hay trau dồi tâm (bhavana).



20

CÓ PHẢI NGƯỜI PHẬT TỬ SÙNG BÀI THÂN TƯỢNG KHÔNG?

Hòa thượng Tiến Sĩ K. Sr Dhammananda

Đối Tượng Của Sự Tôn Kính.

Trong mọi tôn giáo, có một số đối tượng hay biểu tượng về mục đích tôn kính. Trong Phật Giáo có ba đối tượng tôn giáo chính về mục đích này:

- *Saririka* (Xá Lợi) hay di vật (tro cốt) xác thân Đức Phật;
- *Uddesika* hay biểu tượng tôn giáo như hình ảnh Đức Phật, Tịnh Xá hay Chùa;
- *Paribhogika* hay những vật dụng cá nhân Đức Phật sử dụng.

Truyền thống của người Phật Tử trên khắp thế giới bày tỏ lòng tôn kính với những vật thể này. Cũng có một truyền thống Phật Giáo là xây dựng hình ảnh của Đức Phật, Tịnh Xá, hay Chùa, trồng cây Bồ Đề tại mỗi Chùa dùng làm đối tượng tôn giáo để tôn kính.

Nhiều người có cảm tưởng người Phật Tử cầu nguyện thân tượng. Điều này là do sự thiếu hiểu biết giáo lý của Đức Phật, thiếu kiến thức về tập tục và truyền thống Phật Giáo.

Thân tượng có nghĩa là xây dựng hình ảnh một số thần hay nữ thần dưới nhiều hình thức bởi người mộ đạo để cầu nguyện, để được ban phước che chở, sức khỏe, của cải, thịnh vượng, một sự thực hành thấy có trong một số tôn giáo hữu thần. Một số cầu xin với thân tượng ban cho một số ưu đãi cá nhân thậm chí ở

mức phạm các hành vi bất thiện. Họ cũng xin được tha thứ những tội lỗi họ vi phạm.

Sự thờ cúng Phật là một khía cạnh khác hẳn. Thậm chí từ "thờ cúng" hoàn toàn không thích đáng theo quan điểm Phật Giáo. Bày tỏ lòng tôn kính mới thật đúng. Người Phật Tử thường không cầu nguyện hình ảnh và thần tượng; điều họ làm là bày tỏ lòng tôn kính với vị đại đạo sư đáng được tôn vinh. Những hình ảnh được tạo dựng biểu hiện sự kính trọng và cảm kích trước sự đạt được giác ngộ cao và toàn hảo nhất của một đạo sư phi thường. Với người Phật Tử, hình ảnh chỉ là một biểu hiện, một biểu tượng, một tượng trưng giúp cho họ nhớ đến hay tưởng nhớ Đức Phật.

Người Phật Tử quỳ trước hình ảnh và tỏ lòng tôn kính cái mà hình ảnh ấy tượng trưng. Họ không tìm cầu ân huệ trần tục từ hình ảnh ấy. Họ suy ngẫm và thiền định để được sự cảm hứng từ cá tính cao thượng của Ngài. Họ cố gắng tích cực kiện toàn bằng cách theo giáo lý cao thượng của Ngài. Người Phật Tử kính trọng đức hạnh vĩ đại và tính cách thiêng liêng của vị đạo sư như hình ảnh tượng trưng. Thực ra tín đồ của mỗi tôn giáo tạo những hình ảnh của các đạo sư tôn giáo của họ hoặc trong dạng thức thị giác hay dạng hình ảnh tinh thần để tôn thờ; cho nên không hẳn đúng hay chính đáng khi phê bình người Phật Tử thờ cúng thần tượng.

Hành động bày tỏ tôn kính Đức Phật, không phải là một hành động căn cứ vào sợ hãi, hay một hành động van xin của cải trần tục. Người Phật Tử tin đó là một hành động đáng khen và một phước đức nếu họ tôn vinh và kính trọng những đức hạnh vĩ đại của người thầy thông thái của họ. Người Phật Tử cũng tin tưởng chính họ chịu trách nhiệm sự giải thoát của họ và không nên tùy thuộc vào bên thứ ba. Tuy nhiên có những người khác tin tưởng họ có thể đạt giải thoát qua ảnh hưởng của một hình ảnh và đây chính là những người tạo cảm tưởng cho những người khác nhận xét châm biếm hạ thấp người Phật Tử cho rằng

họ tôn thờ thần tượng, cầu nguyện một người đã chết và ra đi từ lâu. Xác thân của một người có thể tan rã và hòa tan vào bốn yếu tố (đất, nước, gió, lửa) nhưng đức hạnh của người ấy vẫn còn mãi mãi. Người Phật Tử đánh giá cao và tôn trọng những đức hạnh đó. Cho nên, luận điệu chống lại người Phật Tử quả là đáng tiếc, hoàn toàn sai và không đáng.

Từ giáo lý, chúng ta biết Đức Phật là một vị thầy đã chỉ con đường chính đáng để giải thoát nhưng việc này tùy thuộc tin đồ có sống một cuộc đời đạo lý và thanh tịnh tâm trí hay không để đạt được tình trạng ấy mà không tùy thuộc vào bậc đạo sư. Theo Đức Phật, không có Thượng Đế hay một đạo sư nào khác có thể đưa người lên thiên đường hay xuống địa ngục. Con người tạo thiên đường hay địa ngục cho chính mình do tư tưởng, lời nói và hành động của mình. Cho nên cầu nguyện bên thứ ba để được giải thoát mà không loại bỏ những tư tưởng tội lỗi trong tâm cũng chẳng ích lợi gì. Tuy nhiên có những người ngay cả những người Phật Tử, trong khi cầu nguyện theo truyền thống trước hình ảnh, đem những khó khăn, bất hạnh và trở ngại cầu xin Đức Phật giúp họ thoát khỏi vấn đề.

Mặc dù không phải là một sự tu tập thực sự Phật giáo, nhưng những hành động mộ đạo như vậy cũng đạt được một tâm trạng khuây khỏa và cảm hứng cho người cầu xin khiến họ có can đảm và quyết tâm giải quyết khó khăn. Việc này cũng là một lệ thường ở nhiều tôn giáo khác. Nhưng với những người có thể hiểu biết nguyên nhân căn bản của vấn đề, họ không cần cầu đến những sự thực hành như vậy. Khi người Phật Tử tỏ bày lòng tôn kính Đức Phật, họ tôn vinh Ngài bằng cách tụng một số câu kệ dẫn giải những đức hạnh thuở xưa của Ngài. Những câu kệ này không phải là lời cầu nguyện trong ý nghĩa cầu Thượng Đế hay thần thánh rửa sạch tội lỗi cho họ. Những câu kệ này có ý nghĩa đơn giản là tỏ bày lòng tôn vinh bậc đạo sư vĩ đại đã đạt giác ngộ và giải phóng nhân loại đi tới một lối sống đặc biệt vì lợi ích của toàn thể nhân loại. Người Phật Tử tôn kính

vị đạo sư của họ để bày tỏ lòng tri ân trong khi những người khác cầu nguyện và van vái vì lợi lộc và của cải. Đức Phật khuyên chúng ta "hãy vinh danh những người đáng tôn kính". Cho nên người Phật Tử kính và vinh danh bất cứ vị đạo sư nào đáng được tôn kính.

Thay vì cầu nguyện, người Phật Tử tu tập thiền định để huấn luyện tâm và kỷ luật tự giác. Về mục đích của thiền định, đối tượng rất cần thiết; không có đối tượng không dễ dàng gì có thể tập trung được. Đôi khi người Phật Tử dùng hình ảnh Đức Phật như một đối tượng để có thể tập trung hầu huấn luyện tâm.

Trong những đối tượng về thiền định, đối tượng thị giác có một tác động tốt hơn cho tâm. Trong năm giác quan, đối tượng được hiểu qua nhãn thức có ảnh hưởng lớn vào tâm hơn những đối tượng được hiểu qua các giác quan khác. Cho nên đối tượng được hiểu qua cơ quan mắt giúp thành tựu tốt hơn và tập trung dễ dàng hơn.

Hình ảnh là tiếng nói của tiềm thức. Cho nên nếu hình ảnh của Đấng Giác Ngộ được phản ánh trong tâm như hiện thân của người toàn hảo, phản ánh như vậy sẽ đi sâu vào tiềm thức và nếu nó đủ mạnh sẽ hành hoạt như cái thắng (phanh) tự động chống lại những thôi thúc tội lỗi.

Hình ảnh của Đức Phật là một đối tượng thị giác có một tác động mạnh vào tâm: sự nhớ lại những thành quả của Đức Phật tạo niềm vui, làm cho tâm hăng hái khiến con người thoát khỏi tình trạng bồn chồn, căng thẳng và thất vọng.

Một trong những ý muốn của Như Lai Thiền về Đức Phật là tạo một cảm nghĩ thành sùng bái và tin tưởng nơi Đức Phật bằng nhận thức và cảm nhận sự vĩ đại của Ngài. Cho nên, thờ cúng hình ảnh Đức Phật là để tập trung và không nên coi là sùng bái thần tượng mà là một hình thức lý tưởng của thờ cúng.

Kính Chào

Một vài câu kệ mà người Phật Tử tụng để tưởng nhớ đến vị đại đạo sư của họ để tỏ niềm cung kính tri ân, tán thán Đức Phật như sau:

Namo Tassa Bhagavato Arahato Samma Sambudhassa - "Vinh Danh Ngài, Đấng Thiện Thệ, Đấng Thế Tôn, Đấng Đại Giác"

Thêm nữa họ tụng một vài câu kệ giải thích những đức tính và đức hạnh vi đại của Đức Phật như:

"Iti pi so Bhagava Araham Samma Sambuddho Vijjacarana-sampanno Sugato Lokavidu Anuttara Purisa Damma-sarathi Sattha Deva Manussanam Buddho Bhavaga ti"

Những câu tụng này bằng tiếng Pali, bạn có thể tụng bằng bất cứ ngôn ngữ nào mà bạn có thể hiểu được. Chuyển ngữ sang Việt Văn có nghĩa là:

"Như vậy đương nhiên Như Lai là Đấng Thiện thệ, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự, Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn".

Một Câu Chuyện Phật Giáo

Đây là một câu chuyện giúp chúng ta hiểu tại sao hình ảnh Đức Phật lại quan trọng để gây cảm hứng và hồi tưởng Đức Phật trong tâm ý. Câu chuyện này được tìm thấy trong tài liệu Phật Giáo nhưng không phải trong Tam Tạng Kinh Điển.

Vài trăm năm sau khi Đức Phật nhập diệt, có một thầy tu sùng đạo tại Ấn Độ tên là Upagupta. Ngài là một nhà thuyết giảng rất nổi tiếng thời bấy giờ. Bất cứ lúc nào Ngài thuyết pháp, hàng ngàn người tụ tập đến nghe Ngài giảng.

Một ngày nọ, Mara, ma vương ganh ghét về sự nổi tiếng của Hòa Thượng Upagupta. Mara biết Upagupta nổi tiếng trong việc hoằng dương giáo lý của Đức Phật. Mara không vui khi

thấy lời dạy của Đức Phật tràn ngập trong lòng và tâm trí của mọi người. Cho nên Mara đã dùng một phương pháp xảo quyệt nhằm ảnh hưởng người nghe. Ma vương lập kế hoạch để không cho người dân đến nghe Ngài Upagupta thuyết pháp. Một hôm, khi Ngài Upagupta bắt đầu thuyết pháp, Mara tổ chức diễn kịch ngay kế chỗ Ngài Upagupta thuyết pháp. Một sân khấu đẹp đẽ được dựng lên. Có những vũ nữ rất đẹp và những nhạc sĩ chơi nhạc sống.

Những người nghe thuyết pháp không bao lâu quên những lời giảng và chạy sang chỗ trình diễn để thưởng ngoạn. Upagupta thấy đám đông tan rã. Ngài quyết định theo đám người này. Sau đó Ngài quyết định dạy Mara một bài học.

Khi cuộc trình diễn chấm dứt, Upagupta tặng Mara một vòng hoa.

"Upagupta nói: "Ông đã tổ chức một buổi trình diễn tuyệt vời.

Đương nhiên, Mara rất sung sướng và hãnh diện về thành quả của mình. Mara nhận vòng hoa do Upagupta trao tặng và kiêu căng ngẩng cao đầu.

Đột nhiên việc xảy ra: vòng hoa biến thành một cuộn dây như con rắn cuộn tròn. Từ từ cuộn dây này quấn lấy cổ Ma Vương và siết chặt. Bị siết chặt cổ, ma vương đau quá muốn gỡ cái dây ra. Dù đã hết sức cố gắng, nhưng hắn không làm sao tháo được dây ra. Hắn quyết định tìm đến Sakka, Vua của các thần để nhờ tháo cái dây ra. Sakka cũng không lấy được cuộn dây ra khỏi cổ hắn. Sakka nói: "Ta không thể lấy ra được người hãy tìm đến Maha Brahma, một người có sức mạnh nhất".

Mara bèn tìm đến Maha Brahma và xin giúp đỡ nhưng Maha Brahma cũng không thể làm gì được. Maha Brahma khuyên Mara: "Ta cũng không thể lấy cuộn dây ấy ra được, chỉ có người đã đặt cuộn dây này vào cổ người, người ấy mới lấy ra được."

Mara đành quay trở về tìm gặp Ngài Upagupta.

Mara van xin: "Xin Ngài làm ơn gỡ cuộn dây này ra cho tôi, tôi đau đớn quá "

"Upagupta trả lời: "Được ta sẽ cởi cuộn dây đó cho người nhưng với hai điều kiện " Điều kiện thứ nhất là người phải hứa từ nay không được quấy nhiễu những người Phật Tử sùng đạo nữa. Điều kiện thứ hai là người phải chỉ cho ta coi hình ảnh thực sự của Đức Phật. Vì lẽ ta biết người có nhiều lần được nhìn thấy Đức Phật, nhưng ta chưa bao giờ được thấy Ngài. Ta muốn nhìn thấy hình ảnh thực sự của Đức Phật đúng giống y như Ngài với 32 vẻ đẹp"

Mara vui mừng và đồng ý với Upagupta. Mara nói: "Nhưng có một điều, nếu tôi biến thành Đức Phật, Ngài phải hứa với tôi là Ngài đừng lạy tôi, vì tôi không phải là người thánh thiện, tôi cũng giống như Ngài thôi."

Upagupta hứa: "Ta sẽ không lễ lạy người".

Đột nhiên Mara biến thành y như Đức Phật. Khi Upagupta nhìn thấy hình ảnh Đức Phật, tim Ngài tràn đầy cảm hứng phấn khích, lòng thành kính sâu xa phát xuất từ con tim. Ngài chấp tay lại và lạy hình ảnh Đức Phật.

Mara la lên: "Ông đã không giữ lời hứa" Ông hứa ông không lễ tôi bây giờ ông lại lễ tôi?"

Upagupta trả lời: "Ta không lễ người, người phải hiểu, ta lễ Đức Phật đấy chứ".

Từ câu chuyện này, chúng ta có thể hiểu được hình ảnh của Đức Phật quan trọng như thế nào để chúng ta cảm hứng và hồi tưởng Đức Phật tối thượng trong tâm để tôn thờ. Những người Phật Tử chúng ta không lễ lạy biểu tượng hay hình thái vật chất tượng trưng Đức Phật. Chúng ta bày tỏ lòng tôn kính với Đức Phật.

Cảm Hứng Từ Hình Ảnh Đức Phật

Đức Phật đã nhập diệt và nhập Niết Bàn. Ngài không cần thờ cúng và lễ vật, tuy kết quả của sự thờ cúng sẽ đồng hành và người ta được lợi lạc khi theo gương Ngài và suy nghĩ về sự hy sinh cao cả và những đức tính vĩ đại của Ngài.

Người Phật Tử không dâng cúng các con vật hiến tế dưới danh nghĩa Đức Phật.

Khi người Phật Tử nhìn thấy hình ảnh của Đức Phật, lòng mộ đạo và niềm vui xuất hiện trong tâm. Lòng mộ đạo này và niềm vui này tạo tư tưởng đáng khen trong tâm người Phật Tử thuần thành. Hình ảnh của Đức Phật giúp người ta quên đi lo âu, thất vọng và khó khăn khiến người ta có thể kiểm soát được tâm mình.

Một số các triết gia, sử gia và học giả nổi tiếng trên thế giới thường giữ hình ảnh của Đức Phật trên bàn làm việc trong phòng đọc sách để có cảm hứng về cuộc sống và tư tưởng cao cả. Nhiều những người không phải là Phật Tử. Nhiều người vinh danh cha mẹ quá cố, thầy giáo, anh hùng vĩ đại, vua và các nữ hoàng, những nhà lãnh đạo quốc gia và chính trị, và các người thân yêu bằng cách giữ giữ hình ảnh của các người ấy để ấp ủ những kỷ niệm của họ. Họ đặt những vòng hoa để bày tỏ cảm nghĩ thương yêu, biết ơn, tôn kính, cảm nhận lòng thành kính. Họ nhớ lại những đức tính vĩ đại của những người ấy và hồi tưởng với niềm kiêu hãnh về những sự hy sinh, phục vụ bởi những người ấy khi còn sống.

Người ta cũng xây các tượng đài để kỷ niệm một số các nhà lãnh đạo chính trị đã giết hàng triệu người vô tội. Do sự độc ác và tham dục để đạt uy quyền họ xâm chiếm những quốc gia nghèo khổ và tạo đau khổ, tàn bạo và lầm than không kể siết bằng lũ quân cướp bóc của họ. Thế mà họ được coi như những anh hùng vĩ đại; và những lễ kỷ niệm được tổ chức để vinh danh

họ, những vòng hoa được dâng hiến trên những huyết mộ hay nấm mồ của họ. Nếu những việc làm như vậy được chứng minh là đúng, tại sao một số người lại nhạo báng những tín đồ của Phật là sùng bái Đức Phật như thần tượng khi những người này bày tỏ lòng tôn kính với vị đại đạo sư đã phục vụ nhân loại, không hại ai, đã chinh phục toàn thể thế giới bằng tình thương, từ bi và trí tuệ.

Có thể nào một người nào đó, theo đúng ý của họ nói là hành động bày tỏ lòng tôn kính với hình ảnh Đức Phật là không văn hóa, vô luân hay một hành động tác hại phá rối hòa bình và hạnh phúc của người dân không?

Nếu hình ảnh không quan trọng gì cho một người tu tập tôn giáo thì một số biểu tượng tôn giáo và những nơi thờ cúng cũng không cần thiết. Người Phật Tử bị nhạo báng bởi một số người là thờ cúng cục đá. Nhưng cho dù lời tuyên bố mù quáng đó là đúng, thờ cúng cục đá vô hại và còn được kính trọng hơn là ném đá vào những tín đồ của tôn giáo khác.

Tâm Quan Trọng Của Việc Tu Tập

Thực hành giáo lý của Đức Phật không phải là ép buộc đối với người bày tỏ lòng tôn kính hình ảnh Đức Phật. Người Phật Tử có thể tu tập tôn giáo của họ không cần đến hình ảnh của Đức Phật, họ có thể làm được điều đó vì Đức Phật không khuyến khích người ta tùy thuộc vào bất cứ một cá nhân nào. Theo như lời Phật dạy, người Phật Tử không nên tùy thuộc vào người khác, cả đến chính Đức Phật nữa - để được giải thoát.

Trong thời kỳ Đức Phật tại thế, có một thầy tu tên Wakkali. Thầy tu này thường ngồi ngay trước mặt Đức Phật để ngắm nghía vẻ đẹp hình hài của Đức Phật. Thầy tu này nói rằng ông ta tìm thấy niềm vui và nhiều cảm hứng khi ngắm vẻ đẹp của Đức Phật. Đức Phật đáp lại bằng câu: "Ông không thể nhìn thấy

Đức Phật thật sự bằng cách ngấm nghĩa xác thân vật chất. Ai nhìn thấy giáo lý của ta mới thật nhìn thấy ta".

Khía cạnh quan trọng nhất trong Phật Giáo là đem thực hành lời khuyên dạy của Đức Phật. Trong phương diện này, không có gì khác biệt người Phật Tử bày tỏ lòng tôn kính hay không bày tỏ lòng tôn kính với Đức Phật. Nhưng đối với những người mộ đạo, đó là một hành động quan trọng. Tuy nhiên, Đức Phật không nói là Ngài đang chờ đợi để được kính chào .

Nguồn Gốc Của Hình Ảnh Đức Phật

Hình ảnh của Đức Phật bắt nguồn như thế nào? Rất khó khăn để tìm ra ý tưởng này phải hay không phải của Đức Phật. Không có chỗ nào trong kinh điển Phật Giáo nói hình ảnh của Ngài phải được làm. Tuy nhiên, Đức Phật có cho phép gìn giữ xá lợi của Ngài.

Đức A Nan có lần muốn biết có được phép xây dựng một ngôi chùa để kỷ niệm Đức Phật như một cách để bày tỏ lòng tôn kính với Ngài. Đức A Nan hỏi Ngài: "Bạch Đức Thế Tôn, xây dựng một ngôi chùa trong khi Ngài còn tại thế có đúng không?

Đức Phật trả lời: "Không, không đúng khi ta còn sống. Ông có thể xây dựng ngôi chùa để thờ phượng chỉ sau khi ta nhập diệt".

Trong bài thuyết giảng cuối cùng trong Kinh Đại Bát Niết Bàn, Đức Phật khuyên các đệ tử nếu họ mong muốn bày tỏ lòng tôn kính với Ngài, sau khi Ngài nhập diệt, họ có thể xây dựng Chùa để thờ xá lợi của Ngài. Lời khuyên này phù hợp với tập tục thời bấy giờ tại Ấn Độ: tập tục xây dựng Chùa để lưu giữ xá lợi của các bậc thánh thiện. Xá lợi được lưu giữ để tưởng nhớ đến bậc thánh thiện. Đồng thời Đức Phật cũng không khuyến khích hay khuyến khích tạo một hình ảnh cho chính Ngài sau khi Ngài nhập diệt. Ý tưởng tạo một hình ảnh Đức Phật là do nơi các tín đồ muốn tôn thờ vị lãnh đạo kính yêu của họ và đạt được cảm

hứng đạo lý từ một tính cách thanh thản. Họ cũng thường trân trọng cất giữ một số xá lợi của Đức Phật khi những hình ảnh đang được xây dựng.

Ngài Phổ Hiền (Trung Hoa), thăm viếng Ấn Độ vào cuối thế kỷ thứ tư có ghi trong hồ sơ của Ngài hình ảnh đầu tiên của Đức Phật được tạo dựng như thế nào. Tuy nhiên, kinh điển Phật Giáo không nói gì đến thông tin thu thập được của Đức Phổ Hiền. Tuy thế, huyền thoại được ghi nhận như sau:

Một lần Đức Phật ở ba tháng trên thiên cảnh thuyết Vi Diệu Pháp, học thuyết cao hơn. Trong lúc vắng Ngài, những người đến Chùa không vui vì không nhìn thấy Phật. Họ bắt đầu phàn nàn. Ngài Xá Lợi Phất, Đệ Tử số đứng đầu của Ngài đi gặp Phật và trình bày tình hình với Đức Phật. Đức Phật khuyên Ngài Xá Lợi Phất tìm một người nào có thể tạo nên một bức ảnh giống như Ngài thì dân chúng sẽ sung sướng khi nhìn bức hình này. Ngài Xá Lợi Phất quay trở về và đến gặp nhà Vua xin nhà Vua ân huệ tìm một người nào có thể tạo hình của Đức Phật. Ít lâu sau người đó đã được tìm thấy. Ông này khắc hình Phật trên gỗ đàn hương. Sau đó bức hình này đã được đem đặt tại chùa, dân chúng hết sức vui mừng. Từ đó trở đi, theo Ngài Phổ Hiền, người dân bắt đầu phỏng theo hình Đức Phật.

Nhưng rất khó khăn tìm ra chứng tích trong tài liệu và lịch sử Phật Giáo để chứng minh sự tồn tại các hình ảnh của Đức Phật tại Ấn Độ cho đến gần 500 năm sau Ngài nhập diệt. Vào thời đó, người mộ đạo thường chỉ bày tỏ lòng tôn kính Đức Phật bằng cách giữ một đóa hoa sen hay bức hình chân của Đức Phật. Có thể là lúc đầu một số Phật Tử không đồng ý xây dựng hình ảnh Đức Phật, và rất có thể nét đặc biệt nổi bật của Đức Phật không chính xác.

Nhiều sử gia cho rằng hình ảnh của Đức Phật lần đầu tiên được tạo dựng tại Ấn Độ trong khoảng thời gian Hy Lạp xâm

chiếm. Người Hy Lạp giúp đỡ và khuyến khích người Ấn trong nghệ thuật tạo hình ảnh của Đức Phật. Từ đó, dân chúng tại nhiều quốc gia bắt đầu tạo dựng hình ảnh Đức Phật. Hình ảnh tại các nước được điêu khắc theo kiểu cách và ấn tượng nghệ thuật hiện thân những nét đặc biệt theo con người của xứ ấy. Trong phạm vi của mỗi xứ Phật Giáo, kiểu hình ảnh của Đức Phật tiến triển thành nhiều hình thức khác nhau và kiểu cách thích hợp trong từng giai đoạn khác nhau của lịch sử.

Các Nhà Tri Thức Nói Gì Về Hình Ảnh Đức Phật.

Pandit Nehru, cựu thủ tướng Ấn Độ, nhận xét như sau về hình ảnh Đức Phật:

"Mắt Ngài nhắm, nhưng sức mạnh tinh thần toát ra và năng lực sống động tràn ngập chung quanh. Thời đại của Ngài đã trôi qua, nhưng dường như Đức Phật không cách xa chúng ta lắm; giọng nói của Ngài vẫn thì thầm bên tai và nói với chúng ta hãy đừng chạy khỏi cuộc tranh đấu, mà hãy đương đầu với nó bằng con mắt bình tĩnh, và thấy trong cuộc sống cơ hội lớn để phát triển và tiến bộ. Ông cũng nói: "Khi tôi ở trong tù, tôi thường nghĩ đến bức tượng của Ngài, bức tượng này là một nguồn suối cảm hứng to lớn với tôi".

Trong Thế Chiến Thứ Hai, Tướng Ian Hamilton tìm thấy hình Phật trong một ngôi chùa đổ nát tại Miến Điện. Tướng này gửi bức hình Đức Phật cho Winston Churchill lúc đó là Thủ Tướng Anh Quốc với bức thư:

"Khi ông lo lắng ông chỉ cần nhìn vào thái độ thanh thản này và cười nỗi lo lắng của ông".

Bá Tước Keyserling, một triết gia Đức, nói:

"Tôi không thấy gì vĩ đại hơn hình ảnh của Đức Phật; Đó là một sự biểu hiện tuyệt vời của tinh thần trong địa hạt có thể trông thấy được.

Một học giả khác nói:

"Hình ảnh Đức Phật mà ta nhìn thấy là những biểu tượng tượng trưng những đức tính. Tôn vinh và kính trọng Đức Phật chỉ là biểu tượng tôn thờ cái vĩ đại và hạnh phúc tìm thấy trong giáo lý của Ngài."

Hình ảnh trầm lặng và thanh thản của Đức Phật đã là quan niệm chung về vẻ đẹp lý tưởng. Hình ảnh Đức Phật là tài sản quý báu nhất của văn hóa Á Châu. Không có hình ảnh của Đức Phật, Á châu không có gì hơn chỉ là sự diễn đạt địa dư dù cho thịnh vượng ra sao.

Phật Tử tôn kính tượng Phật như một lâu đài kỷ niệm sự vĩ đại, khôn ngoan nhất, toàn hảo nhất và vị đạo sư từ bi nhất đã từng sống trên thế giới này. Hình ảnh rất cần thiết để tưởng nhớ đến Đức Phật cũng những đức tính vĩ đại của Ngài đã gây cảm hứng cho hàng triệu triệu người hết thế hệ này đến thế hệ khác khắp tất cả thế giới văn minh. Hình ảnh giúp cho họ tập trung vào Đức Phật. Họ cảm thấy trong tâm sự hiện diện thực sự của vị giáo chủ khiến hành động thờ cúng của họ sống động và có ý nghĩa.

Là một Phật Tử, rất thích đáng bạn nên có hoặc một hình ảnh của Đức Phật hay bức tranh của Đức Phật tại nhà. Giữ hình ảnh hay bức tranh không phải là một thứ trang hoàng nhà cửa mà là một đối tượng để chiêm ngưỡng, gây cảm hứng và tôn thờ. Bộ mặt thanh thản của Ngài, một biểu tượng tỏa chiếu lòng từ ái, thanh tịnh và toàn bích, cung cấp một nguồn an ủi và cảm hứng giúp đỡ bạn khắc phục khó khăn, lo âu mà bạn phải đối đầu trong hoạt động hàng ngày trên thế giới hỗn loạn này. Khi bạn tôn thờ Đức Phật, bạn sẽ được tưởng thưởng nhiều nếu bạn

tham thiền một lúc bằng cách tập trung tâm bạn vào những đức tính vĩ đại và cao thượng của Đức Phật; Nếu bạn nghĩ đến Đức Đại Đạo Sư bạn sẽ toàn thiện chính bạn qua sự hướng dẫn của Ngài. Vậy cho nên, không có gì là siêu nhiên lòng tôn kính này được bày tỏ trong một số tác phẩm và điêu khắc đẹp và thẩm mỹ nhất mà thế giới từng biết đến.

Một nhà văn nổi tiếng khác trong ngôn ngữ triết lý của ông về ý nghĩa thực sự của việc bày tỏ lòng tôn kính với Đức Phật như sau:

"Chúng ta cũng cần hành động tôn vinh thông qua sự tôn kính nhằm vào không phải về một người - vì đúng là tất cả nhân cách là một giấc mơ - mà vào lý tưởng của tâm can chúng ta. Như vậy chúng ta từng tìm thấy sức mạnh tươi mới và xây dựng một nơi thờ cúng cho cuộc sống của chúng ta, tẩy sạch tâm ta cho đến khi tâm ta xứng đáng mang hình ảnh này trong nơi thiêng liêng sâu thẳm của tình thương. Trên cái bàn thờ đó tất cả chúng ta đều cần dâng lễ vật không phải bằng ngọn đèn tàn, hoa héo và phù du, mà là hành vi của tình thương, hy sinh, và vị tha tới tất cả những ai xung quanh chúng ta".

Anatole France, trong bài tự thuật của ông, viết: "Vào ngày đầu tháng Năm 1890. một cơ duyên dẫn tôi đến thăm viện Bảo tàng tại Ba Lê. Nơi đây, các tượng thần thánh Á Châu ngồi trong giản dị và thâm lặng, mắt tôi hướng về bức tượng của Đức Phật vẫy tay ra hiệu cái đau khổ của nhân loại như nhủ thầm cần phải phát triển sự hiểu biết và từ bi. Nếu có một thượng đế nào bước đi trên trái đất này, tôi cảm thấy phải là Ngài. Tôi cảm thấy như quỳ xuống chân Ngài và cầu nguyện với Ngài như một Thượng Đế".

Ông Ouspensky, một triết gia tây phương bày tỏ cảm nghĩ của ông về hình ảnh Đức Phật mà ông thấy tại Sri Lanka. Ông nói: "Bức tượng Phật này là một công trình nghệ thuật hiếm có. Tôi

không thấy một công trình nghệ thuật nào có thể có giá trị ngang hàng với bức tượng này với mắt bằng ngọc xanh saphia, phải nói tôi không biết có một tác phẩm nào có thể tự nó diễn đạt được hoàn toàn tư tưởng tôn giáo như vẽ mặt của Đức Phật diễn tả tư tưởng của Phật Giáo. Hiểu được vẽ mặt này thì hiểu được Đạo Phật". Ông còn nói: "Không cần phải đọc nhiều tác phẩm Phật Giáo, hay cùng đi với giáo sư nghiên cứu tôn giáo Á Châu hay với các thầy Tỳ Kheo có học. Ta phải lại đây, đứng trước Bức Tượng Phật này rồi hãy để cho những ánh mắt xanh thâm nhập vào đời ta, ta sẽ hiểu được Phật Giáo là gì".

Công trình mỹ thuật tạo dựng hình ảnh và tạo các bức tranh sơn trên tường về nhiều chuyện Phật Giáo do sự cảm hứng tuyệt vời đã làm phong phú nghệ thuật và văn hóa của hầu hết các quốc gia Á Châu từ trên 2000 năm qua.

Cái gì đã làm cho bức thông điệp của Đức Phật hết sức lôi cuốn những người trau dồi trí tuệ? Có lẽ câu trả lời có thể thấy được ở vẻ thanh thoát trên bức hình của Đức Phật. Không phải là màu sắc hay nét vẽ mà người ta bày tỏ niềm tin nơi Đức Phật, mà là cái vẻ thanh lịch nơi giáo lý của Ngài. Những bàn tay con người rèn đục từ sắt đá tạo nên tượng Phật là một trong những sáng tạo vĩ đại do thiên tài con người.

Nếu người Phật Tử thực tình mong muốn gìn giữ Đức Phật trong tất cả huy hoàng đẹp đẽ và lộng lẫy sự có mặt lý tưởng của Ngài, họ phải chuyển lời dạy của Ngài vào tình trạng thực tiễn và hành động trong đời sống hàng ngày. Thực hành lời Phật dạy họ có thể tiến tới gần Phật và cảm thấy ánh hào quang rực rỡ của trí tuệ và lòng từ bi bất tử của Ngài. Chỉ tôn kính hình ảnh mà không tu tập lời dạy tối thượng của Ngài không phải là con đường tìm cầu giải thoát.

Cuộc đời đẹp đẽ, một trái tim trong sáng và tử tế, tâm trí sâu xa và giác ngộ, một nhân cách gây cảm hứng và vị tha - cuộc

đời toàn bích như vậy, một trái tim từ bi như vậy, một tâm trí trầm tĩnh như vậy, một nhân cách thanh thản như vậy quả thật đáng được kính trọng, đáng được vinh danh, và đáng được cúng dường. Đức Phật là bậc toàn thiện cao nhất của nhân loại, và là đóa hoa của loài người.

Sir Edwin Arnold giải thích bản chất Phật tính trong thi phẩm "Ánh Sáng Á Châu" như sau:

*"Đầy hoa nở trên cây nhân loại
 Đã bùng nở qua nhiều vạn kỷ
 Làm thế giới chan hòa hương thơm trí tuệ
 Và mật ngọt tình thương".*



21

TẠI SAO HÀNH THIÊN?

Bhikkhu Piyananda

Con người không ngưng tìm phương cách gia tăng hạnh phúc, an lạc nội tâm và hòa hợp. Theo công luận, hạnh phúc đạt được do của cải, uy quyền, địa vị xã hội, hay do dùng kem đánh răng, kem thoa mặt, hay lái một loại xe nào đó - ít nhất như cái mà quảng cáo nói. Họ tìm giải pháp cho vấn đề qua gia đình, công việc, bạn hàng, bạn bè vân vân... Họ cố gắng thay đổi những điều kiện bên ngoài về vật chất, xã hội, môi trường chính trị theo cách này hay cách khác, vì họ tin rằng khi thế giới cuối cùng trở nên toàn hảo, họ sẽ hạnh phúc và an lạc. Nhưng họ quên rằng những hoàn cảnh ấy luôn luôn thay đổi, không bao giờ ngưng. Vừa mới hoàn thành được điều mơ ước, thì sự vật lại thay đổi và lời hứa hạnh phúc lại mờ đi như trong sương mù buổi sáng lúc rạng đông. Ta càng cố gắng bao nhiêu để tiến tới hạnh phúc, thì hạnh phúc lại càng xa lánh như như con bướm đang vỗ cánh bay rất gần mà không sao bắt được.

Đuổi bắt mà đa số áp dụng là phương pháp sai lầm để tìm hòa bình và hòa hợp. Họ tìm cầu bên ngoài, ở thế giới bên ngoài thay vì tìm cầu nơi chính mình. Nhiều người khám phá ra suối nguồn thực sự hạnh phúc và những trở ngại: tâm. Và quay sự chú ý về con người vào bên trong, tâm, hành thiên là con đường đó.

Ngày nay, thiên lời cuốn nhiều người thuộc đủ các tầng lớp xã hội và trong các chủng tộc tôn giáo khác nhau. Tại sao? Vì tâm hành hoạt bất kể người đó thuộc nòi giống hay tôn giáo nào.

Nhiệm vụ của thiên là hiểu bản chất của tâm và sử dụng nó hữu hiệu hàng ngày. Tâm là chìa khóa của hạnh phúc, và cũng là chìa khóa của nghèo đói. Để hiểu tâm và sử dụng nó hữu hiệu là nhiệm vụ vượt qua chướng ngại về nòi giống, văn hóa và tôn giáo. Đương nhiên thiên có thể tu tập bởi bất cứ ai bất kể đến nhân hiệu tôn giáo của người ấy.

Lợi Ích Của Thiên

Con người quá bận trong việc tìm kiếm những phương thức để đạt dục lạc trong cuộc tranh đua quyết liệt ngày nay. Thiên có lợi gì? Lợi ích của thiên như sau:

- Nếu bạn là người bận bịu, thiên giúp bạn quét sạch căng thẳng và tìm thấy thư giãn.
- Nếu bạn là người lo lắng, thiên giúp bạn bình tĩnh và giúp bạn tìm thấy thanh bình lâu dài hay tạm thời.
- *Nếu bạn là người có quá nhiều vấn đề, thiên giúp bạn có can đảm và sức mạnh để đương đầu và khắc phục các vấn đề ấy.
- Nếu bạn thiếu tự tin, thiên sẽ giúp bạn lấy lại tự tin mà bạn cần. Lòng tự tin là bí quyết của thành công.
- Nếu bạn sợ hãi trong tim, thiên có thể giúp bạn hiểu rõ bản chất thực sự của đối tượng làm bạn sợ hãi - rồi bạn có thể khắc phục được sợ hãi trong tâm bạn.
- Nếu bạn lúc nào cũng bất mãn với mọi thứ - không có thứ gì trên đời này được vừa ý - thiên sẽ cho bạn cơ hội để phát triển và duy trì thỏa mãn nội tâm.
- Nếu bạn hoài nghi và không lưu tâm đến tôn giáo, thiên sẽ giúp bạn vượt qua tính hoài nghi của bạn và nhìn thấy giá trị thực tiễn trong sự hướng dẫn đạo lý.

- *Nếu bạn thất vọng và thất tinh do sự thiếu hiểu biết bản chất về đời sống và thế giới, thiên thực sự hướng dẫn bạn và giúp bạn hiểu điều đã làm xáo trộn bạn bởi những thứ không cần thiết.
- Nếu bạn là một người giàu có, thiên sẽ giúp bạn nhận thức được bản chất của của cải của bạn và cách sử dụng của cải của bạn cho hạnh phúc của bạn cùng những người khác.
- Nếu bạn là người nghèo, thiên sẽ giúp bạn đạt sự mãn ý không nuôi dưỡng ganh tị với những người có nhiều hơn bạn.
- Nếu bạn là người trẻ đứng trước ngã tư của cuộc đời, bạn không biết phải đi ngã nào, thiên sẽ giúp bạn hiểu biết con đường nào phải đi để tiến tới mục tiêu đúng của bạn.
- Nếu bạn là người già yếu đã chán chường cuộc sống, thiên sẽ mang lại cho bạn sự hiểu biết
- sâu xa hơn về cuộc đời; sự hiểu biết này sẽ giảm thiểu nỗi đau đớn của cuộc sống và làm tăng sự vui sống.
- Nếu bạn là người nóng nảy, bạn có thể phát triển sức mạnh để khắc phục nhược điểm nóng giận, hận thù và bất mãn.
- Nếu bạn ghen ghét, bạn có thể hiểu được cái nguy hiểm của sự ganh ghét của bạn.
- Nếu bạn là người nô lệ cho năm giác quan, bạn có thể học hỏi cách trở nên chủ tể của những giác quan-tham dục của bạn.
- Nếu bạn ghiền rượu hay ma túy, bạn có thể nhận thức được cách vượt qua được thói quen nguy hiểm đã làm bạn thành nô lệ.

- Nếu bạn là người ngu muội, thiền này sẽ cho bạn cơ hội trau dồi kiến thức hữu dụng và lợi ích cho cả bạn lẫn bạn bè và gia đình.
- Nếu bạn thực sự muốn tu tập thiền định này, cảm xúc của bạn sẽ không bao giờ có cơ hội biến bạn thành người ngốc nghếch nữa.
- Nếu bạn là người trí, thiền này sẽ mang bạn tới giác ngộ tối thượng. Rồi bạn sẽ nhìn thấy sự vật chúng đúng như thế nào và không phải chúng có vẻ là như thế.
- Nếu bạn là người tâm tư suy nhược, thiền này sẽ làm tăng sức mạnh cho tâm bạn để phát triển sức mạnh ý chí hầu khắc phục được những nhược điểm của bạn.

Trên đây là một số các lợi ích thực tiễn khi tu tập thiền định. Những lợi ích này không có bán tại bất cứ một tiệm nào hay một siêu thị nào. Tiền bạc không thể mua chúng được. Chúng là của bạn khi bạn tu tập thiền định. Ở lúc ban đầu, loại chú tâm này thực sự là một tâm "lo lắng" đang canh phòng "các tâm vọng tưởng" khác (tất cả trong phạm vi tinh thần của mình luôn thay đổi). Bằng cách đó, ta có thể phát triển khả năng nhìn vào tâm và xem nó đi đâu.

Chuẩn Bị Thiền Tập

Chọn Địa Điểm

Khi bạn mới bắt đầu tập thiền, điều khuyên bạn là nên có một nơi yên tĩnh để bạn có thể tu tập. Cố gắng tìm nơi xa chỗ ồn ào náo nhiệt của một cuộc sống bận rộn. Địa điểm có thể là một căn phòng, một mảnh vườn, phòng ngủ - bất cứ chỗ nào bạn có thể tìm thấy. Khi đã tìm được chỗ, gắn bó với nó. Không nên di chuyển chỗ tập thiền.

Khi bạn đã có tiến bộ, bạn có thể tu tập ngay chỗ bạn làm việc hàng ngày. Không cần thiết phải vào nơi ẩn dật. Nhớ rằng khi

bạn đã phát triển tu tập thiền định, chỗ nào cũng là chỗ bạn có thể thiền được.

Chọn Giờ Giác

Giờ hành thiền là do bạn quyết định. Bất cứ thì giờ nào bạn đã chọn thì thì giờ ấy phải để dành cho thiền. Trong thời gian này bạn phải nhất quyết quên mọi thứ, mọi hoạt động hàng ngày, lo âu và những thứ đại loại như vậy. Nhất quyết không để một việc gì trần tục xen vào việc tu tập của bạn. Cũng nhất định dành thì giờ thường lệ vào việc thực tập hàng ngày. Nhớ rằng khi bạn đã phát triển được hành thiền thì bất cứ lúc nào cũng là lúc bạn hành thiền. Nếu bạn tiến tới giai đoạn ấy, thiền là một phần của cuộc sống hàng ngày.

Thầy Dạy Thiền

Có lẽ bạn cảm thấy cần một người nào đó giúp đỡ, hướng dẫn và chỉ dạy bạn. Không mấy dễ dàng tìm được một thiền sư thích hợp và đủ khả năng. Nếu bạn có người bạn nào hành thiền, hãy nói chuyện với họ; họ có thể là thầy dạy của bạn. Nếu bạn gặp cuốn sách nào hay bài báo nào nói về thiền, hãy đọc chúng; chúng có thể là thầy dạy bạn. Nếu bạn có thể tìm được một thiền sư, nhớ rằng vị thiền sư cũng chỉ là người bạn và người hướng dẫn. Thiền sư này không hành thiền cho bạn được. Ông không thể thực hành cho bạn. Nếu bạn biết cách phát triển sự tập trung và chú tâm để được sung mãn, trong sáng và kiên trì, sự tỉnh thức tập trung là vị thầy, vị thầy ở ngay trong phạm vi của bạn.

Cách Ngồi

Về cách ngồi thiền, bạn có thể ngồi theo lối bán già hay kiết già. Nếu cách ngồi đó khó khăn, bạn có thể ngồi ngay trên một cái ghế. Để chân thõng xuống đất, chân không căng thẳng. Ngồi ngay ngắn lưng thẳng đứng, thân không ngả về phía trước hay ngả về phía sau, bạn có thể bị buồn ngủ. Giữ thân cho cân đối trong vị thế thẳng cho nên bạn có thể ngồi vững vàng không

căng hay cứng nhắc. Nếu cổ và xương sống không giữ được thẳng, bạn sẽ cảm thấy đau sau một vài phút.

Thiền Là Gì?

Thiền đơn giản là tập trung tỉnh thức. Nếu bạn quan tâm đến hành thiền, bạn phải học làm sao phát triển tập trung qua thiền Samatha (trạng thái tâm vắng lặng) và Vipassana (tuệ minh sát) thiền. Mặt khác sau khi học làm sao phát triển sự tỉnh thức, hay sự chú tâm, bạn có thể thực hành tuệ minh sát thiền hay tuệ giác thiền. Nếu bạn thích sử dụng tâm vắng lặng (samatha) thiền trong cuộc sống hàng ngày, bạn học hỏi cách áp dụng sự tập trung trong cuộc sống hàng ngày. Nếu bạn muốn sử dụng tuệ minh sát thiền, bạn học cách áp dụng tỉnh thức trong cuộc sống hàng ngày. Sống-thiền đơn giản là phát triển và sử dụng tỉnh thức tập trung trong những kinh nghiệm thông thường và biến cố của cuộc sống hàng ngày.

Samatha: An Chỉ Thiền

Samatha (Trạng thái tâm vắng lặng) là một phương pháp huấn luyện tâm cho những ai muốn phát triển sự tập trung. Thiền Samatha liên quan với việc gom tâm vào một điểm.

Nhất điểm trụ là trạng thái tập trung mà tất cả những khả năng và sức mạnh tinh thần đều nhắm vào và điều khiển bởi sức mạnh ý chí hướng về một điểm hay một đối tượng. Nhất điểm tâm là một tâm được tập trung và hợp nhất. Nhất điểm tâm là sự đối nghịch của tâm buông lung hay tán loạn. Bình thường trạng thái tinh thần của chúng ta chạy đi mọi hướng nhưng nếu sự tập trung được dồn vào một đối tượng, bạn bắt đầu biết bản chất thực sự của đối tượng ấy. Tiến trình của tập trung lần lần thay đổi trạng thái tinh thần cho đến khi toàn bộ năng lượng tinh thần đồng quy vào một điểm.

Mục đích phát triển nhất của nhất điểm tâm là gì? Nếu bạn huấn luyện tâm theo đường lối ấy, bạn sẽ mang lại bình tĩnh và

sự tỉnh lặng cho tâm và bạn sẽ có thể gom sự chú ý vào một điểm cũng như có thể ngưng những vọng tưởng của tâm và những phí phạm năng lượng hữu dụng. Tâm bình tĩnh không phải là mục đích. Sự bình tĩnh của tâm chỉ là cần thiết để phát triển tuệ giác. Nói một cách khác, một tâm bình tĩnh cần thiết nếu bạn muốn có một cái nhìn sâu vào chính bạn và có được sự hiểu biết sâu xa về chính mình và thế giới.

Thiền Samatha huấn luyện tâm với nhiều giai đoạn khác nhau của sự tập trung tinh thần. Ở giai đoạn cao của sự tập trung tinh thần (được biết là jhana - đắc thiền), sức mạnh tâm linh được phát triển. Tuy nhiên giai đoạn cao về tập trung không cần thiết hay thực tiễn cho hầu hết mọi người sống trong nhịp độ cuồng nhiệt của đời sống hiện đại.

Với hầu hết mọi người, tâm nhảy từ quá khứ tới hiện tại, tới vị lai và từ chỗ này đến chỗ khác. Những người như vậy phí phạm một khối lượng năng lực tinh thần to lớn. Nếu bạn có thể huấn luyện tâm bạn duy trì đủ sự tập trung chú ý đến mỗi nhiệm vụ từng chập một thì quá thừa đủ! Khi bạn đọc, tản bộ, nghỉ ngơi, trò chuyện - bất cứ gì bạn làm trong cuộc sống hàng ngày, hãy hoạt động với một tâm bình tĩnh, đó là chú tâm đến mỗi và mọi hành động. Hãy học cách nhắm tâm vào mỗi nhiệm vụ.

Sống Ngay Bây Giờ!

Nếu bạn muốn phát triển sự tập trung, nhiệm vụ trước nhất là bạn phải tìm một đối tượng thích hợp mà bạn có thể phát triển tập trung được tâm. Trong thiền Phật Giáo, có 40 đối tượng (không phải là phương cách hay phương pháp) bạn có thể sử dụng để phát triển tập trung. Bạn không cần thiết phải sử dụng cả 40 đối tượng mà chỉ chọn một trong số đó thích hợp với tính khí và tâm tính của bạn. Nếu bạn không có thầy chọn cho bạn đối tượng thích hợp, bạn phải thử nghiệm và tự lựa chọn. Dưới đây là một vài hướng dẫn để tự tìm ra đối tượng thích hợp cho việc tập trung:

- Đối tượng phải trung tính; nếu nó gọi lên bất cứ cảm nghĩ mạnh mẽ về tham, sân vân vân.. bạn không thể làm tâm bình tĩnh mà còn bị bồn chồn và kích động.
- Đối tượng có thể ở trong hay ở ngoài. Đối tượng ở trong là bên trong bạn. Thí dụ đối tượng ở trong như hơi thở, lòng từ ái, từ bi vân vân.. Đối tượng bên ngoài có nghĩa đối tượng ở bên ngoài bạn. Thí dụ đối tượng bên ngoài như: hình Đức Phật, một đóa hoa, ngọn núi, vòng ánh sáng, một ngọn lửa nển vân vân..
- Đối tượng phải vừa ý, tâm có thể chấp nhận được; nếu tâm luôn luôn bác bỏ đối tượng, sự tập trung sẽ bị yếu đi.
- Nhớ rằng đối tượng có lúc thích hợp với bạn nhưng rất có thể không được tâm chấp nhận vào lúc khác. Thí dụ, sau một cơn thịnh nộ, rất khó khăn cho bạn sử dụng lòng từ ái như một đối tượng để tập trung. Vào những lúc như thế, cảm xúc nóng giận tự nó có thể dùng là một đối tượng tốt để tập trung.

Một khi đã chọn lựa đối tượng, nhiệm vụ của bạn chỉ đơn giản là giữ tâm bạn cột vào đối tượng như bạn cột một con vật vào cọc. Chia khóa để thực hiện tập trung là giữ tâm vào một đối tượng, không vào đối tượng nào khác. Bằng cách tỵ tâm vào đối tượng, tâm dần dần trở nên bình tĩnh và thư giãn.

Đây một số bài tạo rèn luyện sự tập trung mà bạn có thể phát triển như một loại thiền chính thức hay một phần trong hoạt động hàng ngày của bạn.

- Tập về sức khỏe: trong khi đi đi lại lại, hãy giữ ba ý tưởng này trong tâm: "sung sướng, mạnh và khỏe". Hãy nhắc đi nhắc lại những lời ấy, tập trung tâm vào những lời ấy cho đến khi cảm thấy những lời ấy thâm nhập vào thân theo qui luật tự nhiên.

- Tập về suy nghĩ: Trong khi nghĩ về một đề tài, chú tâm vào đề tài ấy. Tụ tâm vào đề tài ấy mà suy xét. Không nuôi dưỡng tư tưởng xa lạ hay không thích hợp nào.
- Thực tập thông lệ hàng ngày: khi đọc sách, giữ mắt và tâm vào cuốn sách.
- Khi quét nhà, chú tâm vào việc quét nhà.
- Khi đọc cho người khác viết một lá thư, chú tâm vào việc đọc chứ không phải người thư ký.
- Học cách tập trung vào việc bạn làm từng lúc một. Đó là sống trong hiện tại. Sống ngay bây giờ!

Vipassana: Tuệ Minh Sát Thiền

Tuệ minh sát thiền là sự hiểu thấu bản chất bên trong sự vật; Vipassana là nhìn sự vật chúng đúng là vậy. Con đường dẫn đến hiểu thấu bên trong hay nhận thức là tỉnh thức hay chú tâm. Phương pháp phát triển sự chú tâm căn cứ vào bài giảng nổi tiếng của Đức Phật. Trong bài thuyết giảng này, Đức Phật giải thích cách phát triển và trau dồi tâm. Tên của bài thuyết pháp này là Kinh Satipatthana. Trong kinh này, Đức Phật đưa ra bốn đối tượng thiền để cân nhắc: thân, cảm nghĩ, tư tưởng và trạng thái tâm. Nền tảng của việc tập Tụ Minh Sát Thiền là sử dụng bốn đối tượng đó cho việc phát triển sự tập trung, chú tâm, và tuệ giác hay hiểu thấu chính mình và thế giới chung quanh mình. Satipatthana trình bày phương pháp đơn giản, trực tiếp và hữu hiệu cho việc huấn luyện tâm để đáp ứng nhiệm vụ và những vấn đề hàng ngày hầu đạt được mục tiêu tối thượng: giải thoát. Satipatthana an toàn cho tất cả loại tính nết, và là phương cách vô hại để huấn luyện tâm. Bạn có thể dùng được phương pháp này bất kỳ lúc nào và bất kỳ ở đâu, trong phòng sở bạn bị hay trong bầu không khí yên tĩnh của một đêm thanh bình.

Nhiệm vụ phát triển sự tỉnh thức là chú tâm (*sati*). Tỉnh thức rất đơn giản, rất thông thường, và rất quen thuộc với trạng thái

của tâm. Trong giai đoạn sơ khởi, tỉnh thức tức hết sức chú tâm vào một đối tượng. Có nghĩa là bạn chỉ quan sát đối tượng mà không có suy xét hay suy nghĩ về nó. Tỉnh thức đơn giản là quan sát hay đem chú tâm mà không có một phán xét hay suy nghĩ nào.

Thân Là Một Đối Tượng Của Thiền

Mục đích của những bài thiền tập này là để nhận thức bản chất của thân và không luyến chấp vào thân, không bị lôi cuốn hay cự tuyệt bởi thân. Thường đa số người tự nhận dạng mình bằng thân. Tuy nhiên, ở một giai đoạn thanh tịnh tâm thân và tuệ giác, bạn sẽ không còn chú ý nghĩ mình là một thân, bạn không còn đồng nhất hóa với thân. Bạn sẽ bắt đầu nhìn thân đúng như nó là thế.

Bài Tập 1: Chú Tâm về Hơi Thở (anapanasati)

Đã chọn xong thì giờ và địa điểm, và đã áp dụng tư thế thích hợp nhất, bạn sẵn sàng bắt đầu. Thở lặng lẽ và tự nhiên, trong khi thở hoàn toàn nhận thức hơi thở của bạn. Nhận thức hành động thở không đồng nhất hóa bạn với hơi thở ấy. Thừa nhận tiến trình ấy như sau: "Hít vào" "Thở ra". Nếu nhiều ý tưởng hay vọng tưởng phát sinh và quấy rầy sự tập trung của bạn, bạn có thể đếm hơi thở: Hít vào 1, 2, 3 - "Thở ra 1, 2, 3.." Khi tập trung tăng trưởng, không cần đếm nữa và nhận thức mình đang thở. Cố gắng chú ý đến điểm trên lỗ mũi, chỗ hơi thở chạm với thân.

Hơi thở có thể trở nên sâu hay nông, chậm hay nhanh, theo khuynh hướng tự nhiên. Giữ thân thẳng thản và bất động trong khi tinh thần tỉnh táo, hãy theo dõi sát và càng giữ bất động càng tốt. Khi bạn thành thạo với bài tập này, thân trở nên thoải mái và hơi thở điều hòa. Bạn sẽ thấy rất an lạc và không bị phiền nhiễu bởi những biến cố trong tâm hay bên ngoài.

Trong khi thực hành bài tập này, bạn nên quên đi công việc đủ loại hàng ngày, và không nên ý thức cả về chính bạn nữa.

Chỉ cần nhận biết tiến trình hơi thở, hít vào biết hít vào, thở ra biết thở ra. Sáng sớm là lúc rất tốt cho bài thực tập này.

Bài Tập 2: Chú Tâm Lúc Kinh Hành

Thực tập đi kinh hành bắt đầu bằng đứng tại chỗ. Tư thế đứng với thân thẳng, gót chân chạm vào nhau. Mắt nhìn thẳng phía trước, không nhìn lên và cũng không nhìn xuống.

Giữ tư thế như vậy suốt lúc tập đi kinh hành. Đừng theo những chuyển động bằng mắt mà bằng sự chú tâm. Trong khi đứng, nhận thức mình đứng, nhận biết bạn đang đứng bằng cách nói trong tâm "Đang đứng, đang đứng, đang đứng". Bây giờ bắt đầu đi, trước hết chú ý đến gót chân bên chân phải. Nhận biết nhấc chân phải bằng cách nói trong tâm, "nhấc". Bước tới và nhận thức, "bước". Hạ thấp chân xuống và để trên mặt đất, nhận thức bằng tinh thần. "Đi".

Tập kinh hành gồm có ba giai đoạn: "nhấc", "bước", và "đi". Nhận biết mỗi giai đoạn khi bạn đi chú tâm tập trung vào những động tác của phương pháp đi cho đến khi bạn tiến tới cuối đường.

Bạn ngừng lại, hai chân chạm nhau trong tư thế đứng thẳng, nói trong tâm:: "Đang đứng, đang đứng, đang đứng". Khi bạn quay lại bằng gót chân, nhận biết mỗi giai đoạn của sự chuyển động quay lại: quay gót của một chân và nhấc chân lên rồi đặt chân xuống đất của chân kia. Nhận biết bằng cách nói "quay". Khi quay xong, nhận biết tư thế đứng: "Đang đứng, đang đứng, đang đứng". Rồi bắt đầu bước tới: "Nhấc, bước, đi". Việc thực tập này phải được làm chậm rãi càng chú tâm càng tốt.

Nếu bất cứ cảm nghĩ, tư tưởng, tiếng động, xáo trộn vân vân phát xuất, bạn phải nhận biết khi chúng đến. Nếu bạn nghe thấy một tiếng động, bạn tự nhủ "Nghe, nghe, nghe" Nếu một vài tư tưởng xâm nhập tâm, nhận biết và nói "suy nghĩ, suy

nghĩ, suy nghĩ" Sau khi nhận biết, quay sự chú ý về thực tập kinh hành.

Bài Tập 3: Chú Tâm Về Thân Trong Đời Sống Hàng Ngày

Một khi bạn đã phát triển sự tập trung tinh thức với thân như một đối tượng của thiền, bạn phải cố gắng hiểu rõ ràng bạn đang làm gì với thân mọi lúc trong ngày làm việc. Trong khi đi bộ, chú ý đến động tác đi bộ, với nhiều chi tiết mà bạn có thể quan sát được. Tự bạn cũng nhận thức khi thân ngồi, đứng, tựa. Quan sát cử động của thân dù trong hành động nhìn vào, hay nhìn chung quanh, dù cúi xuống hay duỗi ra, dù mặc quần áo, rửa, ăn, nhai kẹo cao su, hay đáp ứng việc đại, tiểu tiện. Mục đích là giữ vững vàng sự chú ý vào mỗi biến chuyển trong khi nó hiện hữu mà không theo những biến chuyển ấy với tướng tượng là chúng không hiện hữu. Mục đích bị mất nếu thân làm một đàng mà tâm nghĩ một nẻo.

Bất cứ lúc nào bạn có thì giờ rảnh trong ngày, hãy sử dụng thân như một đối tượng của sự tập trung tinh thức.

Cảm Nghi Như Những Đối Tượng Của Thiền

Nhiệm vụ ở đây là tinh thần phải nhận thức mỗi cảm nhận lúc cảm nhận ấy phát sinh. Bạn có rất nhiều việc phải làm nếu bạn muốn giải quyết với những cảm nghi. Bạn phải hiểu thấu những loại cảm nghi phải hay không phải chúng đem thích thú, không thích thú hay trung tính. Bạn phải hiểu làm sao chúng trở thành, làm sao chúng phát triển sau khi phát sinh, và làm sao chúng biến đi. Cảm nhận này sanh bất cứ lúc nào có sự tiếp xúc giữa những giác quan (mắt, tai, mũi, lưỡi, và thân) và những đối tượng bên ngoài. Cảm nhận phải được nhận thức và hiểu rõ đúng chúng như thế nào.

Bài Tập 1: Chú tâm vào những giác quan căn bản

Bạn phải tỉnh thức về những cơ quan của giác quan (mắt, tai, mũi, lưỡi và thân) và sự tiếp xúc của chúng với thế giới bên

ngoài. Bạn phải tỉnh thức về những cảm nghĩ phát sinh do kết quả của những sự tiếp xúc ấy. Thí dụ: tai tiếp xúc với tiếng động (Như trẻ em la lối và cười) bên ngoài chỗ bạn thiền. Cảm nghĩ không thích thú nảy sinh hay thân tiếp xúc với bề mặt cứng (cái ghế mà bạn ngồi lên). Không thích; không không thích thú. Cảm nhận như ngứa trong mũi; cảm nhận không thích thú; muốn gãi. Nhận biết cảm nhận và bạn giống như người gác cửa luôn luôn phải canh chừng người vào ra. Sử dụng cảm nghĩ như đối tượng để tập trung tỉnh thức. Rồi bạn sẽ hiểu bản chất của cảm nghĩ và bạn có thể thực tập kiểm soát chúng tốt hơn.

Bài Tập 2: Chú tâm về những cảm nghĩ trong đời sống hàng ngày

Cố gắng từ từ thiết lập sự kiểm soát về những cảm nghĩ bằng cách điều độ trong ăn uống, bằng cách tránh ngủ nhiều. Cố gắng nhìn thấy những cảm nghĩ khi chúng phát sinh trong tiến trình đời sống hàng ngày. Đây một vài thí dụ như khi chờ đợi tại trạm xe buýt, quan sát, "sự bất mãn nảy sinh trong tâm". Trong khi vui hưởng thức ăn trong nhà hàng ăn, quan sát "Lưỡi tiếp xúc với những vật ngon. Tham ăn nảy sinh. "Khi bạn gặp người bạn tốt mà đã từ lâu không được gặp, quan sát, "tâm tiếp xúc với đối tượng về tình bạn. cảm nghĩ tốt, sung sướng nảy sinh".

Các Trạng Thái Tinh Thần Như Những Đối Tượng Của Thiền

Bạn không thể chạy trốn khỏi tâm. Với thiền bạn có thể huấn luyện cho tâm bình tĩnh và thoát khỏi những xáo trộn bên trong hay bên ngoài. Áp dụng tập trung tỉnh thức với những hỗn loạn bên trong và mâu thuẫn tinh thần, quan sát, hay chú tâm đến tất cả những trạng thái thay đổi của tâm. Khi tâm được phát triển đúng cách, nó mang niềm vui và hạnh phúc nhất. Nếu tâm bị sao lãng nó mang lại cho bạn trở ngại và khó khăn không kể xiết. Tâm kỷ luật rất mạnh mẽ và hữu hiệu, trong khi tâm do dự

thì yếu và không hữu hiệu. Người trí huấn luyện tâm họ như người luyện ngựa huấn luyện ngựa.

Bài Tập 1: Quan Sát Tâm

Ngồi một mình và quan sát những trạng thái thay đổi của tâm. Nhiệm vụ chỉ là vấn đề quan sát sự thay đổi các trạng thái. Không tranh đấu với tâm, hay lẩn tránh tâm, hoặc cố gắng kiểm soát nó. Đơn giản nhìn vào tâm và cố gắng thấy nó như thế nào. Khi tâm ở trong trạng thái tham dục, phải tỉnh thức biết nó tham dục. Quan sát khi tâm ở trong trạng thái sân hận hay khi nó thoát khỏi sân hận. Quan sát tâm tập trung hay tâm mung lung. Quan sát những hoàn cảnh thay đổi này mà không đồng nhất hóa với chúng. Nhiệm vụ là không chú tâm đến thế giới mà nhắm vào chính tâm bạn: Tâm quan sát tâm để khám phá ra bản chất của chính nó. Quả là một nhiệm vụ hoàn toàn không dễ, nhưng có thể làm được.

Bài Tập 2: Quan Sát Tâm trong đời sống hàng ngày

Trong tất cả mọi tình trạng, bạn phải quan sát sự hành hoạt của tâm mà không đồng nhất với hay bào chữa cho tư tưởng của bạn, không xây bức màn của thành kiến, không mong chờ tương thưởng hay thỏa mãn. Khi bạn đang quan sát, cảm giác ham muốn, sân hận, ganh ghét, và nhiều trạng thái bất thiện khác chắc chắn phát sanh và làm đảo lộn quân bình của tâm. Đó là lúc bạn phải thiền để kiểm soát những yếu tố có hại ấy. Những thí dụ như: nhận biết, "tâm lo lắng vì tôi lỡ chuyến xe buýt. Sự lo lắng không phải là xe buýt, sự lo lắng là tâm". Nhận biết "Sân hận trong tâm vì tôi không thích đồ ăn này. Sự sân hận không phải trong đồ ăn, đó là trong tâm. Tôi phải cẩn thận quan sát sân hận này trong tâm".

Tư Tưởng Như Những Đối Tượng Của Thiền

Trong Kinh Satipatthana nói đến sự tỉnh thức về con đường giác ngộ do Đức Phật trình bày. Nơi đây nhiều khía cạnh của

Pháp hay Giáo Lý của Đức Phật - đối tượng tinh thần- được chú tâm thẩm tra và quan sát khi chúng phát sinh trong tâm. Với những người mới bắt đầu hành thiền và không ý thức đến những khía cạnh này của Giáo Lý của Đức Phật, những đối tượng này có thể là những tư tưởng và quan niệm phát sinh trong tâm.

Nhiệm vụ nơi đây là tỉnh thức về những tư tưởng sinh rồi diệt trong tâm. Bạn sẽ từ từ hiểu bản chất của những tư tưởng. Bạn phải hiểu cách làm sao sử dụng những tư tưởng thiện và tránh cái nguy hiểm của những tư tưởng có hại. Tư tưởng của bạn lúc nào cũng cần được quan sát nên tâm phải được thanh tịnh hóa.

Bài Tập 1: Chú tâm về những tư tưởng

Ngồi một mình rồi tập trung tâm vào những tư tưởng. Quan sát những tư tưởng thiện và thấy chúng ảnh hưởng tinh thần bạn ra sao. Quan sát những tư tưởng có hại và thấy chúng xáo trộn tinh thần bạn ra sao. Đơn giản là quan sát tư tưởng một cách vô tư và tạo cơ hội để vượt qua chúng. Sự chuyển động vượt qua tư tưởng và kiến thức mang an lạc, hòa hợp, và hạnh phúc. Giống như bạn quan sát người ra vào phòng bạn. Bằng cách tỉnh thức về những tư tưởng, bạn từ từ có thể giảm thiểu những tư tưởng: mỗi tư tưởng được giảm thiểu mang thêm an lạc và sức mạnh cho tâm. Nếu bạn chiến đấu với tư tưởng bạn sẽ có một nhiệm vụ rất không thích thú. Đơn giản hãy quan sát chúng. Từ từ bạn sẽ hiểu được cách kiểm soát những tư tưởng tội lỗi và khuyến khích các tư tưởng thiện.

Bài Tập 2: Chú tâm về đối tượng tinh thần

Thường nhật trong ngày làm việc, cố gắng quan sát tiến trình suy nghĩ của bạn. Không đồng nhất hóa với tiến trình ấy, đơn giản quan sát nó. Nhận biết, " Bây giờ sự suy nghĩ của tôi sai, tôi đang toan đánh lừa người này". Nhận biết, tâm suy nghĩ rất tiêu cực bây giờ. Bất cứ gì tôi suy nghĩ, tôi đều suy nghĩ tiêu cực. Tại sao lại như vậy? Nhận biết "Đó là một ý tưởng tốt vừa mới

xuất hiện trong tâm. Tôi phải đưa ý kiến này cho Ông X. để sử dụng".

Tiến Triển Trong Thiền

Xin nhớ hành thiền đòi hỏi nhẫn nại, bền bỉ, và cố gắng và một thời gian dài để hoàn thành. Không có con đường tắt. Không có công thức thần diệu.

Tiến trình thiền đòi hỏi làm việc tích cực: như lội ngược dòng.

Bạn sẽ bị thất vọng nếu bạn mong muốn có kết quả tức khắc hay nhanh chóng từ việc hành thiền của bạn. Nếu bạn là người bận rộn với những tham vọng trần tục, bạn không thể tức khắc và tinh nguyện an tâm bạn đến mức dẹp hết được tất cả tư tưởng; bạn không thể tức khắc kinh qua được sự tập trung tinh thức mạnh mẽ và liên tục.

Nếu bạn hy vọng tiến bộ về thiền, bạn phải đặt mình vào một số luật lệ rèn luyện. Luật lệ rèn luyện rất quan trọng đối với thể lực của một lực sĩ muốn chiếm giải vô địch. Cũng thế luật lệ rèn luyện rất quan trọng cho việc sung sức của một thiền giả muốn đạt được tiến bộ lâu dài. Thiết lập kỷ luật tự giác, phải giống như dây của cây đàn lục huyền cầm không căng quá mà cũng không trùng quá: đừng để mất sự hòa hợp.

Sức khỏe về tinh thần và thể lực tốt rất cần thiết cho sự tiến bộ của bạn. Bạn phải duy trì và tạo ra năng lượng tinh thần và thể xác đầy đủ. Một thân xác hay một tâm yếu đuối và suy nhược là một trở ngại lớn cho việc hành thiền. Bạn phải để cho thân và tâm nghỉ ngơi, thực tập và có chế độ ăn uống đúng cách.

Làm sao bạn có thể phán xét tiến bộ thực sự của bạn về hành thiền? Không mấy dễ dàng cho một người ước lượng sự tiến bộ tinh thần của mình. Không nên xét đoán sự tiến bộ qua trạng thái phồn phở chốc lát, nhận thức biến đổi, tình trạng bất thường của thức, thân thông huyền bí. Sau đây là một luật lệ khắt khe để bạn đo lường sự tiến bộ thực sự của bạn: nếu bạn

đạt sự gia tăng về trạng thái hạnh phúc, an lạc và tịch tịnh, và bạn thấy giảm thiểu tình trạng buồn bã, thất vọng, lo lắng, bồn chồn, bạn có sự tiến bộ thực sự.

Hành Thiền Trong Đời Sống Hàng Ngày

Trạng thái tập trung tĩnh thức có thể được phát triển như một loại thiền chính thức. Tuy nhiên trạng thái này phải được dần dần chuyển vào đời sống hàng ngày. Việc này cần phải có thời gian, cố gắng và nhẫn nại nhưng bạn có thể áp dụng thiền trong suốt cuộc đời.

Nếu bạn muốn như vậy, bạn có thể luôn luôn tạo những cơ hội phát triển một số dạng thức tập trung tĩnh thức trong đời sống hàng ngày. Trong đời sống hiện đại, có quá nhiều bồn chồn phải thi hành, quá nhiều những hành động vội vàng, những lúc căng thẳng, và những tình trạng lo lắng tạo thành sự lãng phí lớn năng lượng tinh thần. Giữa cái náo động của cuộc đời, hãy bỏ ra ít phút trong một ngày để thiền định lặng lẽ hầu làm sung mãn tâm bạn. Đó là tài sản cho công việc hàng ngày của bạn và cho sự tiến bộ. Bằng cách quan sát tư tưởng và cảm nghĩ của những người khác khi chúng phát sinh trong lề thói hàng ngày, bạn cũng có thể từ từ thăm dò vào ý nghĩa bên trong của sự vật. Bạn có thể tìm thấy sức mạnh và an lạc bên trong.

Nếu bạn có thể tu tập thiền trong đời sống hàng ngày, bạn hoàn toàn sống và đang sống trong hiện tại. Bạn hoàn toàn tĩnh thức về điều xảy ra bên trong và chung quanh bạn. Trong cái thế giới chao đảo này, bạn sống với nội tâm an lạc và bình thản.



22

GIỚI HẠNH (SILA)*Hòa Thượng Phra Sasana Sobhana, Thái Lan*

Giới hay hạnh kiểm đạo đức à nguyên tắc cư xử của con người tạo cuộc sống có trật tự và hòa bình trong cộng đồng. Luật lệ của hạnh kiểm luân lý tìm thấy ở mọi tôn giáo. Những luật lệ này có thể giống nhau về tiêu chuẩn hạnh kiểm ở mức độ nhiều hoặc ít tùy theo chúng bắt nguồn từ vị thầy hay hệ thống tôn giáo nào. Thường thường những luật lệ này bao gồm những bản liệt kê những hành động phải tiết chế, ngụ ý những hành động nào không nằm trong sự cấm đoán là được phép. Một thí dụ là năm giới của người Phật Tử, đó là không giết chúng sinh, không được lấy bất cứ thứ gì nếu thứ ấy không được cho bởi chủ nhân, không tà dâm, không nói dối hay nói lời tội lỗi, không dùng những chất say, nguyên nhân đầu tiên gây ra sơ xuất. Năm giới này là nguyên tắc căn bản của Phật Giáo hầu hết mọi người đều biết đến. Theo thông lệ những giới này được giảng cho họ trong hầu hết các cuộc lễ để họ tự tuyên bố chính thức ý định giữ các giới này. Người dân trong các quốc gia Phật Giáo nhìn thấy hay nghe các thầy tu nói ra những giới này từ khi họ còn nhỏ và chưa hiểu những giới này. Bởi vậy cho nên, đó là điều lợi ích khi xét qui mô mà đa số nhận thức được sự quan trọng của giới và điều mà họ nghi về giới, nhất là hầu hết các giới ấn định tiêu chuẩn đạo đức khác biệt lớn với cái lễ thói thường ngày của con người. Một số người ủng hộ giới trong khi một số người khác không ủng hộ, một số người tu tập giữ những giới như sau:

Giới Thứ Nhất: Sự cấm lấy đi mạng sống không những chỉ cho loài người mà cho tất cả các sinh vật thuộc mọi loại, cả lớn

lần bé, từ con sâu con kiến. Mỗi ngày, một số lớn súc vật bị giết để làm thực phẩm, người ăn thịt nhiều, trong khi những người ăn chay lại ít. Trong lãnh vực khoa học, nhiều con vật được dùng trong nhiều công cuộc khảo cứu và thử nghiệm. Trong lãnh vực hành pháp, vũ khí được sử dụng để diệt tội phạm. Những cơ quan bảo vệ luật pháp trừng phạt kẻ phạm pháp. Những kẻ hiếu chiến sử dụng vũ khí để giết hại lẫn nhau. Những hành động kể ra trên đây là những thí dụ không bị coi là bất hợp pháp hay đi ngược lại lẽ lối hàng ngày trên thế giới. Thực ra, người ta còn có thể cho là sai khi cấm làm những hành động đó, như trường hợp cảnh sát hay quân nhân không làm tròn nhiệm vụ cảnh sát hay quân sự. Ngày nay, nhiều động vật bị cấy những vi trùng, và nhờ những vi trùng, những mầm bệnh, và nhiều loại vi trùng đã được khám phá. Hầu hết mọi thứ đều chứa vi trùng - ngay cả đến nước uống. Tuy có một phần lớn những bất tịnh được ngăn lại bởi máy lọc, vi trùng vẫn qua được. Cho nên vô số vi trùng vào trong cuống họng ta với mỗi ngụm nước. Cũng giống như vậy với thuốc men, bất cứ lúc nào thuốc men được dùng đến, vô số vi trùng bị giết. Những vi trùng có được coi như chúng sinh (trong ý nghĩa của giới thứ nhất) hay không phải là chúng sinh? Nếu như vậy, không ai có thể hoàn toàn tuân theo giới này được. Ngoài ra một số người có quan niệm là người không giết mạng sống con vật cũng nên không ăn thịt, vì nó khuyến khích người giết và người ăn, tội cũng không kém gì người giết.

Giới Thứ Hai: Lấy bất cứ thứ gì mà không được cho bởi chủ nhân hay trộm cắp cũng sai ngay cả về mặt pháp lý. Tuy nhiên, chẳng hạn có ngoại lệ về tài sản của kẻ địch trong trường hợp chiến tranh.

Giới Thứ Ba: Gian dâm là sai. Người phạm tội gian dâm không còn được kính nể và không được ai tin cậy. Tà dâm dính líu tới những người mà mối liên hệ vợ chồng phải tránh theo tập tục, hay với những người cấm bởi pháp luật, hay bởi Pháp,

là sai. Cho nên ép buộc bằng phương tiện vũ lực hay tài chánh một người đã có gia đình hay người chưa có gia đình ưng thuận là tà dâm. Mục đích của giới thứ ba là gìn giữ sự kính trọng gia đình và mỗi người liên hệ để bảo vệ tính cách thiêng liêng bất khả xâm phạm. Ngoài ra, kính trọng người, nơi ăn chốn ở, và tài sản phải là một tập quán hành xử, như đã ghi trong sách: "Đạo Đức của người lương thiện", chẳng hạn như sau: "Không được vào nhà khi không được mời. Không được nhìn trộm vào phòng người ta từ bên ngoài". Rất thích đáng cho chúng ta áp dụng cung cách lấy từ những giới hay luật lệ luân lý, tất cả những luật lệ ấy nhằm vào khuyến khích hành xử lương thiện và ngăn chặn tính cách lỏng lẻo vô kỷ luật.

Giới Thứ Tư: Nói dối thường được coi là sai. Tuy nhiên, người ta rất ít khi nói thực với nhau và lời nói của họ khó mà có thể tin được. Đôi khi họ không thể nói được sự thật, chẳng hạn, họ phải nói dối để thoát khỏi bị hại, và bác sĩ nói dối để giúp đỡ tinh thần bệnh nhân. Nói dối vào những trường hợp như vậy có thể là trái ngược với Giới, nhưng không hẳn là trái ngược về mục đích. Giới này mục đích là đem lợi ích hỗ tương bằng cách gắn vào sự thật và tránh sự xúc phạm bằng lời nói. Giống như vậy, lời phát biểu làm hại hạnh phúc người khác, chẳng hạn lời nói hiểm độc, sỉ nhục, hay phỉ báng nhằm nhạo báng người khác và khoe khoang mình là người đáng tin, có thể là sự thực nhưng những lời như vậy bị coi là sai vì chúng trái với Giới. Được biết chính Đức Phật nói điều tin cậy là điều hữu ích và đem lợi lạc. Ngài đặt ra Giới chống lại nói dối, làm nản lời nói hiểm độc, không đúng đắn và vô ích.

Giới Thứ Năm: Mặc dầu luật cấm dùng các chất say, sự tiêu thụ chất say không giảm và những nhà máy cất rượu vẫn hoạt động mạnh mẽ. Những tiệm rượu vẫn được mở cả đêm ngày. Tại các cuộc tiếp tân, hội chợ vân vân.. người ta vẫn uống rượu để kích thích cuộc vui nếu không họ sẽ chán nản và ít người

đến. Rượu trở thành lợi nhuận tức mang lại một số doanh thu to lớn mỗi năm.

Thực hành được coi như đúng với người này lại sai với người khác; có thể cả hai ngược lại với giới, như trình bày ở cái ví dụ trước đây. Tất cả những điều này cho thấy ta càng ngày càng không hiểu giới, không công nhận sự quan trọng của giới và không cảm nhận ý nghĩa của giới cho một cuộc sống trên thế gian này. Cho nên đó là lý do tại sao quan điểm sai và đúng sau đây đều có những người biện hộ:

1. Những nguyên tắc của giới nên được sửa đổi cho phù hợp với những người có nghề nghiệp trong cuộc sống bình thường. Chẳng hạn, một số người cảm thấy Giới Thứ Nhất phải thay đổi cho phép giết theo luật định, nghĩa là chỉ khi giết mà không được luật cho phép thì mới bị cấm mà thôi. Hơn nữa, Giới Thứ Tư, theo họ nghĩ, nên được linh động và nói dối được cho phép khi nói dối để bảo vệ mình và người khác. Cũng vậy với Giới Thứ Năm uống chất say được cho phép vào những dịp nào đó và không được thái quá.

2. Nguyên tắc của Giới phải để nguyên vẹn nhưng không ai cần thiết phải để ý đến giới. Nếu những ai hành động tôn trọng luật pháp họ được coi như những người vừa ý. Xét cho cùng luật là một loại giới. Luật được đặt ra để bảo đảm hòa bình và hạnh phúc cộng đồng, tuy rằng nó không hoàn toàn căn cứ trên nguyên tắc tâm lý và luân lý hữu lý những điều là nền móng của Giới, một điểm mà ta bàn đến sau này.

3. Nguyên tắc của giới phải nên để nguyên bất khả xâm phạm, nhưng được lưu ý và giữ từng lúc một tùy theo hoàn cảnh cụ thể. Đa số người Phật Tử thuộc loại người hành động theo đường lối này. Họ không thay đổi nguyên tắc của giới luật vì họ tin tưởng hoàn toàn vào giới và giữ giới tùy từng dịp. Chẳng hạn, một số Phật Tử không uống rượu trong một thời gian nào đó, nhưng rồi họ lại bắt đầu uống trở lại. Nếu họ là dân chài

lưới, buôn cá, họ không giữ Giới Thứ Nhất, vì nếu giữ giới này, họ không thể đánh cá hay bán cá, nhưng họ có thể không giết hại con vật khác. Nếu họ là những sinh viên y khoa, họ không thể giữ hoàn toàn Giới Thứ Nhất, nếu họ giữ giới này, họ không thể sử dụng động vật trong công cuộc khảo cứu và thử nghiệm, nhưng họ vẫn giữ giới này bất cứ lúc nào có thể thi hành được, có nghĩa là khi giữ giới không trở ngại đến nghề nghiệp và việc thi hành bốn phần của họ.

4. Nguyên tắc của Giới nên được giữ không thay đổi và phải triệt để thi hành. Rất ít người giữ quan điểm này. Nguyên tắc này có một số hoài nghi về vi trùng, và những ai không triệt để tuân theo Giới có thể có sự nghi ngờ hoặc do tò mò hoặc cho rằng Giới không thể thi hành được. Để quyết định vi trùng phải hay không phải là một chúng sinh (trong ý nghĩa của Giới), ta nên xét đến cuộc đời Đức Phật. Bất cứ lúc nào Đức Phật lâm bệnh, Ngài cho phép Bác Sĩ Jivaka Komarabhacca áp dụng chữa trị bên ngoài hay cho Ngài uống thuốc. Những thầy tu cũng được phép dùng hay áp dụng cách chữa trị để chữa bệnh. Cho nên, chúng ta có thể kết luận Giới Thứ Nhất không áp dụng về vi trùng. Nếu áp dụng, chúng ta không thể ăn hay uống gì được, ngay cả thờ nữa. Giới phải là những luật lệ về hạnh kiểm mà bất cứ ai cũng có thể theo được trong một cách thức bình thường thực tiễn và không cần đến dụng cụ như kính hiển vi. Việc sử dụng những dụng cụ này dành riêng cho những người làm nghề y khoa hay khoa học.

Về việc tiêu thụ thịt như thực phẩm, chính các Phật Tử cũng chia thành hai phái. Một phái cho rằng ăn thịt thì cũng không kém tội lỗi như hành động của người giết. Họ cho rằng nếu thịt không được dùng làm thực phẩm, thì không có nguyên nhân phải giết chóc súc vật, cho nên tiêu thụ thịt chịu trách nhiệm trực tiếp về việc giết, vì vậy ăn thịt là sai. Giới Luật hay kỷ luật cho phép các thầy tu ăn thịt trong ba trường hợp, đó là: nếu họ không thấy và không nghe thấy tiếng kêu của con vật bị giết,

và không có lý do nào để nghi ngờ là giết để cho họ ăn cũng như chống lại sự giết hại để đem bán. (Cũng có luật lệ cấm thầy tu ăn thịt sống hay mười loại thịt bị cấm trong do có thịt hổ và thịt voi). Theo phái này, nhà sư thuộc trường phái Phật Giáo Nguyên Thủy, không được lựa chọn và tự do ăn thịt. Họ có thể dùng rau và thịt cung cấp không phạm vào ba trường hợp ghi trên được tuân hành và thịt không phải là một loại bị cấm. Các thầy nhận bất cứ thứ gì dâng cho quý thầy, dù là rau hay thịt đúng loại. Điều này không trái với Giới, vì lẽ tấm lòng nhân hậu của những người Phật Tử như vậy, nhất là các thầy tu tràn ngập với lòng lương hảo và từ bi vô bờ bến đối với loài vật. Không bao giờ họ là nguyên nhân để súc vật bị giết. Hơn thế nữa, để đối lập với quan điểm rằng ăn thịt là sai, họ đưa ra lập luận như sau: Nếu tiêu thụ thịt sai về mặt đạo đức thì việc dùng da, xương, sừng cũng phải cấm. Việc sử dụng này phải coi như sai. Cả hai phái vẫn còn mâu thuẫn về vấn đề này, và một số thành viên của họ vẫn còn có các lập luận. Nhưng có một số người không lý luận, để toàn bộ vấn đề tùy thuộc lương tâm của cá nhân. Ta không nên bắt người khác phải chấp nhận quan niệm riêng của mình. Làm như vậy gây ô nhiễm tinh thần, cho nên phải tránh.

Câu hỏi được nêu lên là vì mục đích mà Đức Phật hy vọng phục vụ nhân loại bằng cách đặt ra Giới ấn định sự tiết chế không thỏa hiệp mà chỉ có một số ít người có thể tuân hành, phải chấp nhận là không ai cho là có thể biết được thâm ý của Ngài. Ý định đúng của Ngài là làm như vậy; tuy nhiên ta có thể thu thập lý do từ nhiều nguyên tắc nêu trong Pháp. Đức Phật dạy chúng ta so sánh ta và người khác bằng cách nói: "Tất cả chúng sinh đều sợ hãi trừng phạt và cái chết. Mạng sống quý giá với tất cả chúng sanh (cũng như với chúng ta). Hãy đặt chúng ta vào chỗ của chúng, chúng ta hiểu rằng chúng ta, cá nhân, không nên giết mà cũng không nên khiến người khác giết". Trên nguyên tắc của Pháp, Đức Phật muốn chúng ta hiểu,

thâm nhập cảm nghĩ của người khác là tất cả chúng sinh quý đời sống cũng như chúng ta quý và đều sợ hãi cũng không kém gì nhau về cái chết. Đó là lý do tại sao, như một vấn đề công lý đơn giản, Đức Phật đã đặt ra Giới Thứ Nhất. Giới Thứ Hai được hình thành là để khuyến khích tôn trọng lẫn nhau về quyền sở hữu của mỗi người. Giới Thứ Ba khuyến khích sự tương kính gia đình của nhau. Giới Thứ Tư bảo vệ quyền lợi hỗ tương bằng sự thật. Giới Thứ Năm giúp chúng ta tránh bất cẩn và sao lãng. Nếu chúng ta muốn giữ gìn cẩn thận của cải, gia đình, tín ngưỡng, chúng ta không nên xâm phạm quyền của người khác.

Tất cả những Giới và luật lệ hạnh kiểm đều căn cứ duy nhất vào nguyên tắc của một nền công lý toàn hảo. Chúng cho thấy sự kính trọng đời sống, nhân quyền, tài sản, vãn vãn... của Phật Giáo với mọi người. Đó là sự thật thế gian hay quy ước. Nếu Đức Phật thiết lập Giới linh động và có thể áp dụng theo lời mong ước của đại chúng, thì giới ấy không phù hợp với bản chất của một nền công lý toàn hảo. Chính Đức cũng cho thấy chính Ngài thiếu từ bi với những con vật mà việc giết chúng được cho phép. Điều này không phù hợp với đặc tính của Đức Phật tràn đầy từ tâm với tất cả chúng sinh. Một lý do khác đã nói ở phần đầu là Giới khuyến khích "một lợi ích đặc biệt". Đó có nghĩa là hậu quả tối thượng của sự tôn trọng giới là giải thoát khỏi tất cả ô trược. Giới là bước đầu tiến tới mục đích ấy. Giữ được tất cả giới, dù rằng chỉ có năm giới, có thể tiến tới một mức độ cao hơn mà ở đó lợi ích "rất đặc biệt" đạt được. Điều có lẽ quan trọng đặc biệt về giới là khám phá ra tại sao người ta chú ý hay không chú ý đến việc giữ giới. Một số lý do ấy như sau:

1. Do sự khát khe của Giới:

Thí dụ cầm lấy đi mạng sống của một chúng sinh. Giả sử những luật lệ hạnh kiểm đặt ra trong đường lối thích nghi hơn, khoan dung một số vi phạm chúng ta đã bàn, thì như vậy giới được nhiều người hay ít người tuân theo? Rõ ràng, không ai dám bảo đảm sẽ xảy ra ra sao vì lẽ ta có cảm tưởng chung là luật

lệ tinh thần, đặc biệt những luật liên quan đến những điều theo ý nghĩa thế gian hoặc ý nghĩa pháp lý bị coi là sai, lại luôn luôn bị vi phạm dù là giới thứ nhất hay bất cứ giới nào khác. Điều này chứng tỏ sự giữ giới không phải là do sự khắt khe. Thông thường, khuynh hướng tự nhiên của ta là theo tất cả những hành động đem tiện nghi và thuận lợi cho chính mình. Mọi quốc gia đều có luật lệ của quốc gia ấy và mọi tôn giáo đều có giới luật của tôn giáo ấy. Cả đến một số luật rất linh động và dễ thích nghi, vẫn có thể chỉ có một số ít dân chúng vi phạm luật lệ ấy. Cho nên lý do vi phạm nằm trong chính cá nhân ấy; Đa số có khuynh hướng tự nhiên không lưu ý hay thay đổi luật cho phù hợp để thuận lợi cho họ và có đủ khả năng để làm như vậy.

2. Do chính những cá nhân.

Rồi tại sao cá nhân vi phạm luật, dù việc này thường được coi là sai theo luật pháp? Nguyên nhân của sự cư xử như vậy bao gồm chính trong cá nhân con người và chắc chắn là do tham, sân và si, sinh ra từ trong tâm như những ô trược và đến lượt lại vấy bóng sự xấu hổ và kinh sợ tội lỗi. Cho nên khi thay đổi cần thiết, thay đổi không phải là ở nơi nguyên tắc của giới mà là sự thay đổi của tâm có nghĩa là giảm thiểu ô trược hơn là làm tăng chúng lên trong đường lối biết xấu hổ và sợ tội lỗi - biết xấu hổ và kinh sợ gây tội lỗi phát hiện trong tâm. Bằng cách hành xử như vậy, khả năng giữ giới của chúng ta sẽ trở nên to lớn hơn. Giữ giới tốt hơn không có nghĩa là tiết chế mọi thứ bất phải làm theo. Tiết chế từ điều được coi như sai theo quan niệm trần tục hay theo pháp lý chính nó là hạnh kiểm có thể chấp nhận được.

3. Do Sự Cần Thiết:

Như những trường hợp sau đây:

Vi phạm Giới Thứ Nhất để bảo vệ tài sản của mình, đời sống, quốc gia, tôn giáo, vua chúa, như xảy ra tại chiến địa hay khi ta phải giải quyết với tội phạm hay kẻ địch. Vi phạm Giới Thứ Hai để giữ mạng sống của mình vì đói hay thực sự nghèo khổ.

Dường như không có lý do nào để vi phạm Giới Thứ ba vì giữ giới này chắc chắn không giết ai cả. Vi phạm Giới Thứ Tư vì hạnh phúc của chính mình. Nhiều trường hợp nói ở trên có thể kể là trường hợp cần thiết, thí dụ, nếu một người làm nghề đánh cá hay một sinh viên y khoa.

Khi ta tự hỏi, chẳng hạn, liệu có cần thực sự để giết hay trộm cướp, ta hiểu rằng trường hợp này rất hiếm. Kết quả là cả đến ý định không vi phạm giới, đến chừng mực ngoại trừ khi không thể làm gì khác được, và phải tôn trọng sự cần thiết cho phép khiến chúng ta hiểu năm giới có thể giữ được, đến một mức độ rộng lớn không khó khăn và mất mát mỗi lợi trần thế nào cả.

4. Do Sự Thiếu Hỗ Trợ Và Bổ Sung Pháp.

Thiếu sự bổ sung Pháp vào mỗi giới cũng có thể là nguyên nhân của sự vi phạm. Tâm từ hay lòng từ ái phải được trau dồi như một khía cạnh bổ sung của Pháp cho Giới Thứ Nhất. *Samma-avija* hay Chánh Mạng phải được thực hành như khía cạnh bổ sung của Pháp cho Giới Thứ Hai. *Santutthita* hay sự mãn nguyện với một người hôn phối là một khía cạnh của Pháp phải được phát triển để bổ sung cho Giới Thứ Ba. Tính tin cậy là một khía cạnh của Pháp phải được tuân hành để bổ sung cho Giới Thứ Tư. Lưu ý và Thận trọng phải được gắn bó như một khía cạnh để bổ sung Giới Thứ Năm. Giải thích một số bổ sung của Pháp như sau: Chẳng hạn, tâm từ bổ sung Giới Thứ Nhất, tâm từ hiện hữu nơi mọi chúng sinh, xua đuổi tất cả ý muốn làm hại. Không nói gì đến tâm từ hay lòng từ ái bộc lộ bởi cha mẹ cho con cái, tâm từ đối với gia súc như chó và mèo cũng đủ mang đến sự chăm sóc to lớn cho chúng. Không có tâm từ nhưng thay vào bằng sân hận và ganh ghét, những gia súc này dễ dàng bị tiêu diệt. Chánh Mạng bổ sung Giới Thứ Hai có thể giải thích như sau. Nếu một người lười biếng trong việc làm hay áp dụng một cách sống sai lầm cho cuộc sống của mình, người đó khó có thể giữ được Giới thứ hai. Vì chúng ta hàng ngày phải ăn, mỗi người chúng ta phải có thực phẩm cho mình,

cho nên phải có một phương tiện để sống, một phương tiện chính đáng cho việc này.

5. Do Sự Vắng Mặt Của Người Lãnh Đạo giữ Giới.

Đây là một câu chuyện minh họa, có một phương ngôn trong Kinh Jataka có thể tóm tắt lại như sau: "Khi một đoàn trâu bò di chuyển, nếu con đầu đàn đi lạc, cả đoàn trâu bò bị lạc. Cũng như vậy với con người. Nếu người lãnh đạo được chỉ định thực hành không đúng Pháp hay không chính đáng, quần chúng cũng thực hành như vậy. Cả quốc gia đau khổ nếu người lãnh đạo không tôn trọng Pháp. Khi cả đoàn trâu bò di chuyển, nếu con đầu đàn đi đúng đường, cả đoàn trâu bò cũng đi đúng đường. Nếu người lãnh đạo được chỉ định tôn trọng Pháp, quần chúng cũng làm như vậy. Cả quốc gia sẽ vừa lòng nếu người lãnh đạo giữ Pháp. Câu nói của Phật Giáo rất rõ ràng. Cách hành xử của người lãnh đạo là một hậu quả to lớn cho quần chúng vì họ không tránh khỏi theo gương của người ấy.

Những lý do trên về việc liệu có muốn hay không muốn giữ giới, mỗi lý do có thể có ý nghĩa với giới. Tóm lại, dù Giới được giữ hay không được giữ bởi những cá nhân trong xã hội, tùy thuộc vào việc giữ giới có mang lại sự thỏa mãn phù hợp với tầng bậc xã hội của họ hay không.

Trong phương diện ấy, một số nói lên ý kiến rằng Giới có thể coi như nguyên tắc căn bản áp dụng trong một đường lối thích hợp sẽ phù hợp với tình trạng của riêng mỗi người. Điều được coi như thích hợp tức phù hợp đúng với mục đích của giới chỉ khi nó được áp dụng không có thành kiến của người khác và không phải ưu tiên cho mình, vì mục đích của giới là để tránh làm hại người khác. Ngoài ra, chúng là những bước đầu tiến đến tập trung (định) và tuệ giác. Vì giữ giới không phải là cứ giữ giới đơn thuần mà phải phù hợp với mục đích, nó sẽ khác biệt theo một cách nào đó tùy theo tình trạng hay nghề nghiệp của mỗi cá nhân. Chẳng hạn, người bình thường giữ giới mong

ước hòa bình và đem mãn ý cho tất cả gia đình và quốc gia, có hình thức này, với các nhà sư mong ước đạt bình diện cao của Pháp lại là một dạng thức khác. Tuy nhiên cả hai dạng thức dẫn đến mục tiêu mà vì nó việc giữ giới được thiết lập. Hơn nữa, Giới hay luật lệ hạnh kiểm luân lý cũng là yếu tố chính của sự phát triển quốc gia, sức mạnh mang nền phồn thịnh kinh tế và sự mãn ý thông thường. Không có giới, năng suất của cá nhân sẽ có khuynh hướng bị loại bỏ và tự tiêu diệt. Nơi mà năng suất của một cá nhân cao nhưng có hại cho người khác, không giúp gì thêm cho cộng đồng. Đúng hơn là hiệu suất của cộng đồng giảm thiểu và quả là rất khó khăn trong việc phát triển tiến bộ và thịnh vượng chung. Cả đến từ quan niệm này, có thể nhìn thấy nhiều người giữ giới theo đường lối thích hợp với tình trạng riêng của họ, với hiểu rằng Giới có thể mang phồn thịnh cho cộng đồng.

Thông thường, người dân trong các xứ Phật Giáo biết làm sao giữ giới hay luật lệ tinh thần. Họ cũng biết năm giới không phải là cản trở thịnh vượng của một cá nhân hay xứ sở. Nguyên nhân lo lắng không nằm trong thực tế là nhiều người triệt để giữ giới, mà là trong thực tế quá nhiều người vi phạm giới. Việc này đi xa đến nỗi những hành động ấy phải nên tránh vì chúng thường bị coi như có hại theo pháp luật lại vẫn rất phổ thông. Điều quan trọng cần phải làm lại cho đúng là ở nơi cá nhân hay hoàn cảnh như đã được đề cập tới. Nếu mỗi người hành xử trong đường lối giảm thiểu những ô trược và sản sinh đủ "biết xấu hổ - kinh sợ tội lỗi" trong tâm, và nếu đồng thời có những hoàn cảnh tạo mãn ý và thoải mái, như tự do thực thi chánh mạng của một người trong bầu không khí hòa bình và an ninh, và khả năng nuôi sống đầy đủ cho mình và gia đình, thì không có nguyên nhân vi phạm giới và người ta sẽ chú ý giữ giới và Pháp bổ sung, như trau dồi tâm từ (lòng từ ái) đối với người khác và chuyên cần theo đuổi chánh mạng (lối sống chánh đáng). Nếu những nhà lãnh đạo và giới chức hành chánh ở mọi cấp bậc đều cũng

chú ý đến giới, nếu họ chuẩn bị để tôn trọng giới và không thi hành nhiệm vụ của họ trong một đường lối có hại, mà trong đường lối mang lợi ích cho hạnh phúc người dân, nếu mọi khu vực của cộng đồng đều cùng duy trì hành xử tốt như vậy, tiêu chuẩn của luân lý chắc chắn sẽ cải thiện, vì căn bản tâm của mỗi cá nhân đều mong ước được tốt đẹp, cho nên người dân thực sự nhìn thấy lợi ích của Giới. Nếu sinh nhai của một người trở nên khó khăn hay nguy hiểm, những giải pháp trong những trường hợp bất ngờ này phải là ưu tiên số một. Trong Phật Giáo, Đức Phật dạy lợi ích hiện tại cần phải được lưu ý đầu tiên, chẳng hạn bằng cách chuyên cần và làm việc để kiếm sống. Rồi sau đó, Ngài khuyên đồng thời nghĩ đến lợi ích tương lai, chẳng hạn, bằng cách có niềm tin và tôn trọng Giới.

Khi có một sự phản đối kịch liệt về tình trạng suy đồi bắt nguồn từ sự không tôn kính giá trị tinh thần, thanh niên cũng như người lớn tuổi đều phải gìn giữ các giá trị ấy như đang xảy ra trong hiện tại. Nhưng lý do trình bày trong những chương này phải được ghi nhớ bởi tất cả chúng ta, nắm tay nhau để cùng cải thiện tình hình bằng cách giải quyết nguyên nhân thực sự. Những đạo sư tôn giáo chỉ có thể chỉ đường. Nhiệm vụ này không thể làm bởi một nhóm người. Tất cả mọi khu vực của cộng đồng phải cùng nhau hợp tác phù hợp với nhiệm vụ của mình. Tất cả mọi người trong chúng ta phải thi hành nhiệm vụ của chúng ta với lòng thành thật. Mỗi người phải xét cách hành xử của mình và cố gắng loại bỏ hạnh kiểm bất thiện bằng cách giữ Giới. Lúc ấy tôn trọng luật lệ hạnh kiểm luân lý không khó, việc này có thể làm được nhờ một thầy tu truyền Giới hay tự mình giữ Giới không cần phải qua các nhà sư. Điều quan trọng là sự quyết tâm tôn trọng Giới, đó là tiết chế một số hành động. Tuy sự tiết chế này có thể không đầy đủ trong ý nghĩa giữ giới toàn vẹn, và có thể áp dụng đối với những hành động coi là sai và bất thiện trong ý nghĩa trần thế và pháp luật, tuy nhiên còn tốt hơn là không tiết chế gì cả.

Giới luật hoàn hảo được truyền thụ đầy đủ trong mọi phương diện là sự thọ tri không có nghĩa phải hoàn toàn đúng ngay từ lúc bắt đầu. Không ai có thể thực hiện được như thế. Sự thực hành giữ giới phải từ từ, từng bước một, từ giai đoạn thấp nhất đến giai đoạn cao. Cho nên tại sao những lời sau đây được sử dụng: *"Tôi cam kết thi hành luật lệ rèn luyện để giữ mình khỏi phạm vào hạnh kiếm thế này thế nọ"*. Thực chất là đồng ý rèn luyện về Giới hay luật lệ luân lý. Nó cũng có nghĩa là sự giữ Giới vẫn chưa được toàn hảo. Nó cũng giống như sự nghiên cứu bất cứ một ngành học nào. Nếu ta còn học một đề tài, có nghĩa là ta chưa biết đề tài đó tới chỗ toàn bích. Bất cứ ai biết được trọn vẹn thì không cần phải huấn luyện nữa. Một người đang học không phải chịu trách nhiệm về cái ngu muội của điều mà người ấy chưa học.



Phần VI
TỔNG QUÁT

23

CON ĐƯỜNG PHẬT GIÁO ĐI ĐẾN ỔN ĐỊNH KINH TẾ

Hòa Thượng Pannasha Maha Nayaka Thera

Chữ "Manussa", con người, có nhiều nghĩa khác nhau theo từ nguyên học đặt ra bởi những học giả đông phương trong quá khứ. Trong khi theo đại chúng và truyền thống tổng quát của người Ấn Độ truy nguyên từ chữ "Manu" tức huyền thoại tổ tiên của loài người, trong kinh điển Phật Giáo tìm thấy nguồn gốc từ 'mannasa-ussannataya-manussa' - con người vì lẽ do sự phát triển cao độ của tâm (so với tình trạng tinh thần kém mở mang, thô sơ và thấp kém của loài vật). Theo tư tưởng Phật Giáo con người được xếp hạng là chúng sinh cao nhất do tiềm năng rộng lớn của tâm con người.

'Kautilya's Arthasastra' và Brhaspati's Arthasastra' - hai chuyên luận nổi tiếng về kinh tế- cả hai đều được viết sau đời Đức Phật. Cả hai đều có nét đặc biệt chung- và đó là - dưới nhan đề 'Arthasastra', cả hai tác giả đều viết về chính trị và kinh tế, bỏ qua yếu tố quan trọng nhất của đạo đức và mở mang tinh thần của chính con người.

Theo ngôn ngữ Pali, 'attha' (Sanskrit: 'artha') - có nhiều hơn một nghĩa theo Phật Giáo, từ này có nghĩa thành công được dùng trong hai mức khác nhau, có nghĩa là attha' nghĩa thành công, và uttammastha' có nghĩa thành công siêu phàm. Nghĩa sau liên quan đến sự phát triển trí tuệ và tinh thần của con người do kết quả nhận thức rõ kiến thức siêu trần của Tứ Diệu Đế trong việc chinh phục cái ngã và đạt mức độ tinh thần toàn hảo A La Hán.

Nói chung, từ '*Attha*' là thành công liên quan đến nhiều khía cạnh của sự phát triển xã hội-kinh tế của con người như kinh tế, chính trị, giáo dục, sức khỏe, luật lệ và luân lý trong xã hội. Nó cũng nói đến sự tiến bộ xã hội do sự thống nhất hòa hợp của tất cả các yếu tố trên, đóng góp cho sự thịnh vượng và sự chung sống hòa bình của một dân tộc.

Ngoại trừ trường hợp quản trị hợp pháp của Đoàn Thế Tăng Già, không có bài giảng nào của Đức Phật đề cập chủ đề trên từ những yếu tố về sự tiến bộ xã hội. Tuy nhiên đọc qua một số bài giảng (hay Kinh) có thể triển khai quan điểm hoàn toàn phù hợp và đầy đủ lập trường của Đức Phật về mỗi chủ đề trên lấy ra từ nhiều bài thuyết giảng của Ngài. Một hệ thống kinh tế xã hội căn cứ vào nguyên tắc và thực hành Phật Giáo rất dễ dàng hình thành để phù hợp với xã hội tiến bộ hiện đại ngày nay.

Trong thời gian gần đây, nhiều sách đã được viết về đề tài kinh tế và lý thuyết kinh tế, tất cả đều từ quan điểm Tư Bản hay Xã Hội chủ nghĩa. Không có một hệ thống nào lưu ý đến hay xét đến sự phát triển nội tâm của con người, một yếu tố quan trọng trong sự phát triển xã hội. Vậy nên đã có sự hủy diệt nhanh chóng giá trị con người và tiêu chuẩn hành xử của tất cả tầng lớp trong xã hội. Khoa học và kỹ thuật đã đạt những bước tiến khổng lồ đem người lên cung trăng, và chẳng bao lâu nữa sẽ tiến tới đem con người viếng thăm những hành tinh khác. Nhưng những nỗi lo sợ là nếu cái đà thoái hóa của tinh thần tiếp tục thì không bao lâu không có thể phân biệt hành động của con người với hành động của con vật. Sự sợ hãi này không phải vô căn cứ. Quả thật là một thảm kịch lớn nếu con người quay về thú tính, dù chỉ ở một trong những khía cạnh của cách hành xử thuộc về những con vật thấp kém. Như vậy, điều thế giới ngày nay cần là một hệ thống kinh tế xã hội vững vàng mang lại vị trí cao nhất cho việc phát triển tinh thần con người và việc trau dồi giá trị nhân loại.

Đức Phật sống trong một xã hội hỗn độn và rối rắm bởi 62 quan điểm bất đồng và 108 loại tham dục. Có hàng trăm người đi tìm lối thoát khỏi những quan điểm rối rắm này. Một dịp, Đức Phật nhận được câu hỏi sau: (Kinh Jataka)

"Bên trong rối rắm và bên ngoài rối rắm -
Thế giới này rối rắm trong một mớ rối,
Ai là người thành công gỡ được mớ rối này?"

Đức Phật giải thích tất cả những rối rắm này đều có tâm như người đi trước báo hiệu:

"Khi người trí, gây dựng tốt trong đức hạnh,
Phát triển ý thức và hiểu biết,
Khi một tỳ kheo hăng hái và khôn ngoan.
Người như vậy thành công trong việc gỡ rối này."

Nhận thức được sự quan trọng của những yếu tố bên ngoài trong nỗ lực của con người về việc tự mình gỡ rối từ mớ rối nội tâm, Đức Phật đưa ra nhiều bài thuyết giảng về những phương cách và phương tiện để khắc phục rối rắm bên ngoài. Một số giáo lý của Ngài chỉ có ý nghĩa với các thầy tỳ kheo. Một số những giáo lý khác chỉ có nghĩa với các người cư sĩ. Phần còn lại có ý nghĩa cả với các thầy tỳ kheo và cư sĩ, mặc dù trong trường hợp cuối cùng, bài giảng trực tiếp nhắm vào các tỳ kheo. Trong một bài giảng, Ngài chấp thuận cho các tỳ kheo được nhận bốn món vật dụng cần thiết, đó là y áo, thực phẩm nơi nghỉ và thuốc men. Con người có thể sống không có những máy móc hiện đại giữa thai, nhưng để đời sống tiếp tục, bốn thứ cần dùng này rất thiết yếu. Tài sản cho một người để có bốn thứ tất yếu đó và đạt được những nhu cầu khác.

Con Đường Cao Quý Bát Chánh Đạo được sắp xếp vào giá trị chính đáng, hành động chính đáng, giúp con người đạt cứu cánh cao nhất. Về ổn định kinh tế và hạnh phúc, hệ thống Phật Giáo nhấn mạnh đến ba yếu tố trong kinh Vyaggapajja:

1. Uthana Sampada - Tạo dựng của cải do khéo léo và nỗ lực nghiêm túc.
2. Arakkha Sampada - Bảo vệ của cải và tiết kiệm
3. Samajivikata - Sống trong phạm vi khả năng của mình.

1. *Utthana Sampada* -

Khi khuyến khích tạo dựng của cải, Đức Phật nhắc nhở đến sáu công việc thịnh hành lúc bấy giờ:

1. Nông nghiệp
2. Thương mại
3. Chăn nuôi trâu bò
4. Quốc phòng
5. Công chức
6. Dịch vụ

Ấn Độ là một xứ nông nghiệp chiếm ưu thế. Cho nên trong các bài thuyết giảng nói đến nông nghiệp. Chẳng hạn trong Kinh Sadapunnappava-ddhana, có ghi cung cấp phương tiện dễ dàng tiến dẫn thủy nhập điền luôn có công đức. Trong Kinh Samyutta Nikaya ghi nhận tài sản vi đại nhất cho nông nghiệp là trâu bò, trong khi Kinh Nipatha, trâu bò cho con người sữa, bơ lỏng, sữa đông đặc, bơ và sữa nước, nhiều dinh dưỡng giá trị, được mô tả như những người bạn tốt nhất của xứ sở. Trong những nước đang phát triển, nước và năng lượng lấy ra do trâu bò cung cấp là những nhu cầu căn bản cho nông nghiệp.

Trong bài thuyết giảng về hạnh phúc cho người cư sĩ (gia đình và xã hội) (*Gahapati Sukha*), trước nhất ghi sự thỏa mãn của người cư sĩ bắt nguồn từ sự sở hữu của cải bằng các phương tiện chính đáng (*atthi sukha*). Tuy nhiên, Đức Phật cảnh cáo con người đừng nên có khuynh hướng trở nên nô lệ trong việc tích lũy của cải vì lợi ích cho riêng mình. Việc này sẽ dẫn đến khổ đau vật chất và tinh thần sau này. Phương tiện đủ cho cuộc sống của mình và gia đình, giúp đỡ thân quyến và bạn bè, và phân phát cho những người thiếu thốn và những người đáng được

giúp đỡ, sẽ dẫn đến sự mãn ý và thỏa mãn nội tâm. Việc làm này đưa đến kết quả mở mang trí tuệ và tinh thần cho con người.

Trong kinh '*Kutadanta*' Đức Phật cho thấy hòa bình, thịnh vượng, không có tội ác đến với một xứ sở ra sao, do sự phân phát đồng đều của cải cho dân chúng.

Ngài nói: 'Này các Bà La Môn, xưa kia có một vị Vua tên là Vua Vương Quốc Rộng Lớn (Maha Vijita), hùng mạnh với của cải vi đại và tài sản rất nhiều vàng bạc đầy kho, cận thần vui vẻ, hàng hóa và ngũ cốc, kho báu và kho vựa đầy ắp. Nhà Vua ngồi một mình suy nghĩ và trở nên lo lắng với ý nghĩ: "Ta có mọi thứ mà con người có thể vui hưởng. Tất cả cái vòng tròn rộng lớn của trái đất này là của ta, của cải do ta chiến thắng. Vậy thì nếu ta chịu một sự hy sinh to lớn đem dâng hiến, ắt hẳn bảo đảm cho ta niềm sung sướng và hạnh phúc dài lâu".'

Thế rồi ông cho gọi vị giáo sĩ người Bà La môn và nói với vị giáo sĩ này tất cả những gì ông nghĩ. Ông nói: "Này Ông Bà La Môn, ta đành phải hy sinh lớn để hiến dâng - vậy giáo sĩ hãy chỉ cho ta phải làm sao - để có thể giữ của cải và hạnh phúc của ta lâu dài".

Người Bà La Môn này, tức vị giáo sĩ liền thưa với vị hoàng đế: "Thưa Ngài, nước của Ngài bị quấy phá và cướp bóc. Có những giặc cướp có vũ trang từ ngoài nước đến cướp phá làng mạc và thành thị, gây mất an ninh trên các con đường. Thế mà bấy lâu, Hoàng thượng vẫn để nguyên, lại còn đánh thuế mới, quả thực Hoàng thượng đã hành động sai. Nhưng có lẽ Hoàng thượng nên nghĩ như thế này: Ta sẽ chấm dứt những trò chơi của các kẻ vô lại này bằng cách làm suy giảm và xua đuổi chúng, bằng phạt vạ, gông cùm và tử hình! Nhưng sự phóng túng của chúng đâu có được thỏa mãn để làm như vậy. Những đứa còn lại chưa bị trừng phạt vẫn có thể đe dọa vương quốc. Nay có một phương pháp có thể áp dụng để chấm dứt sự lộn xộn này. Bất

cứ ai trong vương quốc của Ngài tự tận tụy giữ trâu bò và nông trại, Hoàng đế cho họ thực phẩm và hạt giống ngũ cốc. Bất cứ ai trong vương quốc của Ngài, tự tận tụy trong nghề buôn bán, hoàng đế hãy cấp cho họ tiền bạc và thực phẩm. Những người ấy có thể theo đuổi nghề nghiệp, họ sẽ không còn đe dọa vương quốc của Ngài nữa; thu thập của nhà vua sẽ tăng trưởng; nước sẽ thanh bình và an lạc, và dân chúng, người người đều vui vẻ với nhau và hạnh phúc, bế con trong tay mà múa hát, sống trong nhà cửa mở toang.

Này Ông Bà la môn, nhà Vua Vương Quốc Rộng Lớn, chấp nhận lời của Vị Giáo Sĩ và làm đúng như vị giáo sĩ ấy nói. Những người ấy theo đuổi nghề nghiệp của mình, không còn quấy rầy vương quốc. Thu thập của nhà vua tăng trưởng. xứ sở trở nên thanh bình và an lạc. Và dân chúng, người người vui vẻ với nhau sung sướng, bế con trong tay múa hát, họ vui sống trong nhà cửa mở toang.

Cho nên nhà Vua Vương Quốc Rộng Lớn cho gọi giáo sĩ và nói: "Sự lộn xộn nay đã chấm dứt. Nước nay trong an lạc! (- Đối Thoại của Đức Phật- Phần 1, trang 175 & 176).

2. Arakha Samapada

Điều này có nghĩa là hạnh phúc trần thế bắt nguồn từ sự bảo vệ liên tục của cải (đạt được chính đáng) khỏi trộm cướp, cháy, lụt vùn vùn... Bởi Đức Phật đã tán dương đức hạnh cần kiệm, yếu tố này có thể được xem xét trong phần này.

Vay mượn thịnh hành trong thời Đức Phật. Những người như Anathapindika (Cấp Cô Độc) là chủ ngân hàng thời bấy giờ. Kinh điển Phật Giáo nhắc đến ông ta cho nhà nước vay cũng như cho thường dân vay. Tuy nhiên, Phật Giáo không chấp thuận cho vay quá mức như một phương ngôn nói: "Vay mượn làm cùn lưỡi dao của nông nghiệp" - Đức Phật tán thành một đời sống không nợ nần (*anana sukha*) dẫn đến hạnh phúc của người cư sĩ.

Trong Kinh Samanaphala, Đức Phật so sánh Samanaphala (hay kết quả của đời sống ẩn dật) với hạnh phúc nơi một người mang nợ thoát khỏi nợ nần, và giúp đỡ gia đình con cái bằng tiền dành dụm của mình. Sự quan trọng của việc để dành tiền kiếm được được nhấn mạnh trong đường lối này. Nói chung Ngài hướng dẫn chi tiết về cách sử dụng tiền kiếm được. Nhưng trong Kinh Sigalovada, Ngài đặc biệt khuyên nhủ Sigala, một trùm tư bản lớn, hãy chia tiền kiếm được ra làm bốn phần và tiêu một phần cho việc chi tiêu hàng ngày cho mình và gia đình. Hai phần đầu tư vào việc buôn bán, và phần thứ tư để dành một bên để sử dụng trong lúc khẩn cấp.

3. *Samajivikata*

Điều này là điều thứ ba trong ba nguyên tắc căn bản trong hệ thống kinh tế Phật Giáo. Một người nên tiêu vừa phải theo tỷ lệ lợi tức của mình, không nhiều quá mà cũng không ít quá. Trong bài thuyết giảng về hạnh phúc của người nội trợ, tiêu pha đúng cách và khôn ngoan là một trong bốn yếu tố dẫn đến hạnh phúc.

Trong kinh "Pattakamma" một người nên chi tiêu của cải của mình theo chi tiết như sau:

1. Chi tiêu về thực phẩm, quần áo và các nhu cầu khác
2. Nuôi cha mẹ, vợ con và người làm
3. Chi tiêu về thuốc thang và những trường hợp khẩn cấp khác
4. Chi tiêu về mục đích từ thiện
5. Chi tiêu để thi hành các việc sau:
 - Đối xử với thân quyến
 - Đối xử với khách
 - Cúng dường để tưởng nhớ đến người đã khuất
 - Dâng lễ vật cúng dường Chư Thiên
 - Trả thuế và lệ phí nhà nước đúng kỳ hạn.

Đức Phật tán dương cuộc sống đơn giản, cuộc sống đơn giản dẫn đến việc mở mang tâm trí con người. Một xã hội tiến bộ là do tâm của cá nhân phát triển. Quản trị một xã hội như vậy dễ dàng hơn, khi luật lệ và trật tự được thiết lập tốt đẹp. Biết được như vậy, những nhà vua tại Sri Lanka quảng bá nhiều về nội dung của Kinh "Ariyavamsa". Trong kinh này, Đức Phật thuyết giảng sự lợi ích cho các thầy tỳ-kheo, các thầy được khuyến khích mãn nguyện với:

1. Y áo mà các thầy nhận được (dù thô hay mịn màng)
2. Đồ cúng dường (thực phẩm) các thầy nhận được (dù không ngon hay ngon)
3. Nơi ở mà các thầy nhận được (dù đơn sơ hay sang trọng)
4. Thiên (phát triển tâm)

Mãn ý với ba điều trên đây có thể làm giảm thiểu nền kinh tế khó khăn, và đồng thời in sâu vào tâm khảm những thói quen và giá trị của một cuộc sống đơn giản. Do thiên tâm con người tự phát triển cả trí tuệ lẫn đạo đức, kết quả sẽ làm giảm bớt những rối loạn và bất ổn xã hội, những tư tưởng này phát sinh trước tiên trong tâm con người rồi trở thành hành động. Hòa bình và tiến bộ của một nước như vậy được bảo đảm.

Trong thế giới hiện đại mặc dù tiến bộ rất cao về khoa học và kỹ thuật, với sự mở mang nhanh chóng về kiến thức, nhưng phát hiện thấy những sự sa đọa dẫn giá trị con người đang diễn ra. Ngày nay, chính trị, kinh tế, và hệ thống giáo dục là những thứ quan trọng hơn trong việc nước. Trong lãnh vực này, điều đáng xét là những hệ thống chính trị, kinh tế, giáo dục phải được thay đổi để ưu tiên phải là việc phát triển giá trị con người.

Phật Giáo là cả hai con đường giải phóng và lối sống. Về lối sống Phật Giáo tác động qua lại với kinh tế, chính trị, tín ngưỡng xã hội và sự tu tập của người dân. Bây giờ là lúc đúng nhất để cho thế giới biết một trong những khía cạnh xã hội trong

phạm vi cơ cấu Đạo Đức Phật Giáo và nguyên tắc căn bản của Phật Giáo. Sự tiến bộ của một nước tùy thuộc chủ yếu vào sự tiến bộ của từng cá nhân. Trên 2500 năm trước đây, Đức Phật sinh ra trong một xã hội phức tạp rối rắm trong nhiều quan điểm về đời sống và tư tưởng. Nhờ Phật Giáo có thể gỡ được sự rối rắm này về quan niệm và giảm thiểu sự rối loạn. Ngày nay cũng vậy, trong cái xã hội hỗn loạn này, niềm tin tưởng chung là Phật Giáo có thể chiếu sáng đường đi tới xuyên qua cái tăm tối của sự hỗn loạn ấy.



ĐỊA VỊ CỦA PHỤ NỮ TRONG PHẬT GIÁO

Hòa Thượng Tiến Sĩ K. Sri Dhammananda

Thái độ xã hội đối với phụ nữ đã được đánh dấu bởi sự kỳ thị hậu thuẫn bởi thành kiến và ảnh hưởng tôn giáo. Cho nên, kỳ thị phụ nữ chắc chắn là nét chung của tất cả các xã hội. Thành kiến và trở ngại phải đương đầu của người phụ nữ đều tương tự giống nhau tại Phi Châu, Á Châu, Mỹ Châu hay AÂu Châu. Đó là một sự làm cho bất lực đặc biệt mà người phụ nữ phải nếm trải căn bản của nó là thành kiến tôn giáo. Khái niệm về sự bất lực cơ bản của phụ nữ bắt nguồn từ tôn giáo. Ở đây, người phụ nữ được mô tả là người đàn bà quyến rũ, và mọi người luôn được cảnh cáo phải đề phòng họ trong hầu hết các tôn giáo trên thế giới.

Một số thành kiến xã hội căn cứ vào tín ngưỡng bình dân. Theo một số huyền thoại tôn giáo, người đàn ông được giới thiệu là con của Thượng Đế. Điều lạ lùng là người đàn bà không bao giờ được ban cho địa vị tương tự là con gái của Thượng Đế.

Trong những nhóm tin tưởng có linh hồn, có những người giữ khái niệm là linh hồn chỉ hiện hữu nơi người đàn ông mà không ở nơi phụ nữ. Những ai cho rằng phụ nữ có linh hồn lại không có lòng tin rằng linh hồn của phụ nữ không bao giờ có thể tìm thấy một chỗ trên thiên đàng sau khi chết. Đó là một số niềm tin lạ lùng cho thấy rõ ràng bản chất của sự kỳ thị phụ nữ lan tràn trên thế giới này.

Phụ nữ được gán cho những đức tính xấu nhất của nhân loại. Họ bị coi như là nguồn gốc của tội lỗi trên thế giới, thậm chí

đến nỗi bị quả trách vì những bất hạnh mà người đàn ông phải đương đầu trên thế giới này và cả thế giới bên kia!

Nghi Thức và Nghi Lễ

Trong một số giáo phái, phụ nữ bị cấm không được thi hành một số nghi thức và nghi lễ trên cơ sở vì họ là đàn bà! Có một thời kỳ họ bị cấm không cho đọc kinh! Hình phạt với những người không tuân theo là bị cắt lưỡi. Ngoài ra, họ còn bị làm cho nản trí để không vào các nơi thờ cúng. Ngay cả khi họ được phép tham gia tu tập, sự tham gia chỉ được hạn chế tại nhà riêng, liên quan đến các lễ nghi trong gia đình. Ngay hiện tại, tuy nhiều chương ngại đã được dẹp, những trở lực và bế tắc trong việc nâng cao ánh sáng trí tuệ và tinh thần phụ nữ vẫn hiện hữu trong nhiều mức độ .

Ranh Giới Giữa Nam và Nữ

Theo lịch sử, thái độ xã hội đối với phụ nữ có thể truy nguyên từ thời tiền Phật Giáo vào thời văn hóa Vệ Đà lúc sơ khai chẳng hạn như Rigveda. Có bằng chứng cho thấy danh dự và kính trọng mà người phụ nữ trước đây được hưởng trong nhà. Từ góc độ đạo giáo, phụ nữ có thể tiếp cận kiến thức cao nhất của cái tuyệt đối hay Brahma (Thánh Thiện). Tuy nhiên, thái độ phóng khoáng này thay đổi với thời gian. Đó là do ảnh hưởng và địa vị thống trị của các thầy tu và việc tập tục nghi lễ như thủ đoạn của các thầy tu này và việc đem hy sinh súc vật. Kinh thánh được giải thích theo cách mới, và nữ giới được coi như thấp hơn nam giới cả về tinh thần lẫn vật chất.

Lằn ranh giới giữa người đàn ông và người đàn bà biểu hiện trong phạm vi xã hội và gia đình, nơi phụ nữ tương đối thấp hơn. Chẳng hạn, phụ nữ bị hạ giá coi như một sở hữu như một đồ vật. Địa vị của phụ nữ là ở nhà, và bị điều động theo sở thích và ý muốn nhất thời của người chồng. Phụ nữ không những phải làm các việc vặt trong gia đình mà cũng còn phải lo toan đại gia đình. Thí dụ, một số Bà La Môn lấy vợ và sống với vợ,

nhưng lại cho rằng các đồ ăn nấu bởi người vợ bất tịnh không đáng ăn! Từ những trường hợp như vậy, một huyền thoại được xây dựng. Phụ nữ bị bêu xấu là tội lỗi, người ta nghĩ rằng đường lối duy nhất để họ khỏi làm điều ác là làm cho họ luôn luôn bận bịu với nhiệm vụ làm mẹ và những bổn phận trong gia đình.

Có một niềm tin là phải có một đứa con để nối dõi tông đường thi hành các "lễ nghi cho tổ tiên". Niềm tin truyền thống này cho là chỉ có con trai mới gánh vác được những nghi thức mà họ nghĩ rằng cần thiết hầu đem an lạc và an ninh cho cha ông sau khi chết. Cũng có niềm tin cho rằng người đã chết có thể trở về thành ma quỷ để hãm hại gia đình. Cho nên khả năng để sinh con trai hết sức là quan trọng với một phụ nữ thành gia thất. Mặt khác nếu người đàn bà không có con, hay không sinh được con trai, người đó sẽ bị thay thế bằng một người vợ thứ hai hay thứ ba - thậm chí phải ra khỏi nhà vì niềm tin ấy! Xét từ góc độ tâm quan trọng liên hệ đến việc sinh con trai với một phụ nữ có gia đình, chúng ta hiểu đời sống của một người có gia đình thật bất trắc tùy thuộc vào việc người ấy có sinh được con trai không! Tuy nhiên điều này không có nghĩa là đời sống phụ nữ không chồng ít bất trắc gì hơn những người chị có gia đình của họ. Hôn nhân được coi như một phước báu thiêng liêng. Nhưng một người con gái không lấy chồng bị khinh miệt bởi xã hội và là mục tiêu cho họ công kích.

Về tinh thần, trong lãnh vực tu tập tôn giáo, địa vị mà phụ nữ đã có lần được hưởng cũng bị khước từ. Theo họ, họ tin là phụ nữ không có khả năng lên thiên đường dù có công đức. Hơn nữa, phụ nữ không thể tự mình thờ cúng. Họ cũng tin rằng phụ nữ chỉ có thể lên thiên đường khi phục tùng tuyệt đối người chồng - thậm chí nếu người chồng là một người ác. Đồ ăn do người chồng ăn dư còn lại thường là đồ ăn của người vợ. Những thí dụ trên đây cho thấy mức độ bất bình đẳng giữa nam và nữ giới.

Địa Vị Của Người Phụ Nữ Được Tuyên Bố Bởi Đức Phật

Trái ngược với những tập quán mù quáng cản trở sự phát triển tinh thần như vậy, Phật Giáo có thể được cho là ít kỳ thị nhất trong thái độ đối với phụ nữ. Không có chút nghi ngờ gì cả Đức Phật là vị đạo sư đầu tiên cho phụ nữ cơ hội bình đẳng, giải phóng trong lãnh vực phát triển tinh thần. Tuy rằng đôi khi Ngài cũng có nói đến khuynh hướng tự nhiên và những nhược điểm của phụ nữ nói chung. Nhưng Ngài cũng ngợi khen tài năng và khả năng của nữ giới. Ngài thực sự dọn đường cho phụ nữ tiến đến một đời sống tôn giáo hoàn toàn. Điều này ngụ ý, phụ nữ có thể phát triển và thanh tịnh tâm mình như nam giới và đạt hạnh phúc Niết Bàn như nam giới. Điều này được chứng minh nhiều bởi những lời chứng của các Nữ Tu Sĩ (Ni Giới) trong thời Đức Phật.

Lời dạy của Đức Phật đã có tác động lớn quét sạch những niềm tin dị đoan và những nghi thức và nghi lễ vô nghĩa - gồm cả sự hiến tế súc vật khỏi tâm của nhiều người. Khi Đức Phật khám phá ra bản chất thực sự của đời sống và cái chết, giải thích về hiện tượng tự nhiên vận hành vũ trụ cho những người này, họ bắt đầu hiểu. Kết quả là chấm dứt và sửa chữa những bất công và thành kiến đang lan tràn trong xã hội. Như vậy khiến người phụ nữ sống cuộc đời theo đường lối riêng của mình.

Mặc dầu Đức Phật đã nâng cao địa vị của Phụ nữ trong xã hội, Ngài cũng vạch ra những dị biệt về xã hội và tâm lý hiện hữu giữa nam và nữ giới. Điều này chứng tỏ đường lối của Đức Phật rất thực tế do sự quan sát của Ngài. Lời khuyên của Ngài, đưa ra đôi lúc trong ánh sáng của sự quan sát của Ngài rất thực tiễn. Nhiều trường hợp này đã được miêu tả rõ ràng trong các Kinh Anguttara Nikaya và Samyutta Nikaya. Được ghi nhận rằng bốn phật tử đàn ông là tìm kiếm kiến thức không bao giờ chấm dứt. Người đàn ông phải cải tiến và ổn định kỹ năng và tài thủ công nghệ và chuyên cần vào công việc của mình. Người ấy cũng phải có khả năng tìm ra những phương tiện để

duy trì và giữ vững gia đình. Mặt khác, bốn phận của phụ nữ là coi sóc nhà cửa và chồng.

Kinh *Anguttara Nikaya* chứa đựng lời khuyên rất có giá trị cho những người con gái trước khi đi lấy chồng. Nhìn thấy trước những khó khăn phát xuất với bên chồng, Đức Phật đã đưa ra những lời khuyên về mọi mặt đối với cha mẹ chồng, phục vụ cha mẹ chồng trong tình thương yêu như chính cha mẹ mình. Người vợ cũng phải trân trọng và kính nể thân quyến và bè bạn bên chồng như vậy bầu không khí thuận thảo và hạnh phúc sẽ được tạo nên trong gia đình khi mới về nhà chồng. Họ cũng được khuyên dạy phải tìm hiểu bản tính người chồng, xác định hoạt động, tính nết, tâm tính của chồng, và trở nên luôn luôn hữu ích và cộng tác khi mới về nhà chồng. Họ nên lễ phép, tử tế và ý tứ trong sự giao tế với người làm. Người vợ phải dành dụm tiền kiếm được của người chồng và phải biết sự chi tiêu trong gia đình cần được tính toán và duy trì. Đó là lời khuyên có giá trị vô tận của Đức Phật.

Đức Phật cảm nhận an lạc và hòa hài trong gia đình ở một mức rộng lớn là do người đàn bà. Ngài cho Phụ nữ lời khuyên về vai trò trong đời sống lứa đôi rất chính xác và thực tiễn. Ngài liệt kê một số các đức tính tốt hàng ngày mà người phụ nữ nên làm hay không nên làm. Vào nhiều dịp, Đức Phật khuyên người vợ:

- Không nên nuôi tư tưởng tội lỗi đối với chồng;
* Không nên độc ác, thô bạo hay lấn át chồng;
- Không nên phung phí mà nên tần tiện sống trong phạm vi lợi tức kiếm được;
- Nên canh chừng và gìn giữ tài sản và của cải do người chồng vất vả kiếm được;
- Luôn luôn đức hạnh và trong sạch trong tâm và hành động;

- Phải trung thành và không nuôi tư tưởng hay hành động ngoại tình nào;
- Phải nên cẩn trọng về lời nói và lễ phép trong hành động;
- Phải nên tử tế, cần cù và siêng năng;
* Phải nên quan tâm và từ bi với chồng và thái độ đối xử với chồng phải như người mẹ thương yêu và bảo vệ đứa con trai của mình;
- Phải nên nhũn nhặn và lễ độ;
- Phải nên trầm tĩnh, bình tĩnh và hiểu biết - phục vụ không những như một người vợ mà cũng như người bạn và người cố vấn cho chồng khi cần thiết.

Trong thời Đức Phật tại thế, các đạo sư các tôn giáo khác cũng nói về bốn phận và nghĩa vụ của người vợ đối với người chồng. Họ nhấn mạnh đến bốn phận đặc biệt của người phụ nữ là phải sinh con cho người chồng và phục vụ chồng trung thành, tạo hạnh phúc gia đình. Điều này cũng tương tự quan điểm của Đạo Khổng. Tuy nhiên, bốn phận của người vợ đối với chồng đặt ra bởi tiêu chuẩn kỷ luật của Đức Khổng Tử lại không nhấn mạnh đến bốn phận và nghĩa vụ của chồng đối với vợ.

Lời dạy của Đức Phật không thiên vị về phía người chồng. Trong Kinh Sigalovada, Đức Phật nói rõ ràng cả bốn phận của người chồng đối với vợ và ngược lại. Về phần người chồng, người chồng phải trung thành, lịch sự và không khinh miệt. Bốn phận người chồng là trao quyền cho người vợ; và thỉnh thoảng cung cấp đồ trang sức cho vợ. Cho nên, chúng ta chứng kiến thái độ vô tư biểu lộ bởi Đức Phật đối với cả nam lẫn nữ giới.

Đức Phật cũng chỉ rõ những điều cản trở và bất lợi mà người đàn bà phải chịu. Chẳng hạn như gian nan và khổ cực lúc phải xa nhà vào ngày cưới để về nhà chồng và nỗi thương đau phải tự mình gánh chịu để thích nghi với môi trường mới đầy khó

khẩn và trở ngại. Thêm vào đó là cái đau đớn và đau tâm sinh lý mà người đàn bà phải chịu đựng trong lúc kinh kỳ, mang thai và sanh nở. Tất cả những điều này tuy là những hiện tượng tự nhiên chỉ miêu tả những dị biệt bất lợi và hoàn cảnh xảy ra giữa người đàn ông và người đàn bà.

Lời dạy của Đức Phật về bản chất thực sự của cuộc sống và cái chết - về nghiệp và về những néo luân hồi- đã thay đổi thái độ đối với phụ nữ trong thời kỳ đó. Điều này cũng đặc biệt như vậy đối với sự quan trọng lớn lao gắn với việc sanh con trai. Phật Giáo không bao giờ đồng quan điểm với quan điểm Bà La Môn là con trai cần thiết cho người cha để lên thiên đường. Đức Phật dạy theo Nghiệp Luật, ta phải chịu trách nhiệm về hành động và hậu quả của chính ta. Hạnh phúc của cha hay ông không tùy thuộc vào hành động của người con hay người cháu. Mỗi cá nhân phải chịu trách nhiệm về hành động của chính cá nhân ấy. Cho nên không có nguyên nhân nào cho người đàn bà lập gia đình phải lo âu chỉ vì không sinh được con trai để thi hành những nghi lễ cho tổ tiên. Điều này cũng có nghĩa con gái cũng tốt như con trai.

Có thể rằng trong thời kỳ đầu Phật Giáo, con gái không lấy chồng, không bị ngược đãi. Người con gái đó có thể ở nhà săn sóc đầy đủ cha mẹ, các anh em chị em còn nhỏ hơn mình. Người con gái đó có quyền sở hữu tài sản to lớn.

Đức Phật không gán sự quan trọng vào việc sinh con trai. Trong một dịp Hoàng Đế Kosola đang cùng với Đức Phật, thì được tin báo một đứa con gái của Hoàng Đế được sinh ra. Mong mỗi một con trai, Hoàng Đế không vui. Nhận biết như vậy, Đức Phật đã ca ngợi phụ nữ, nêu cao những đức hạnh của người phụ nữ như sau:

"Một số phụ nữ thực ra còn tốt hơn nam nhân. Hãy nuôi dưỡng bé gái, hồi vị chúa công. Có những phụ nữ khôn ngoan, đức hạnh, được hết sức kính nể là bà mẹ vợ, là những người

trong trắng. Từ những người cao thượng như thế sanh đứa con trai dũng cảm, một chúa tể cả vương quốc, sẽ cai trị cả nước của vua."

Đức Phật mở cửa cho phụ nữ tham gia vào lãnh vực tôn giáo cho họ được nhập vào Đoàn thể Tỳ Kheo Ni, Đoàn Thể Ni Giới. Việc này mở rộng những con đường thanh thản của văn hóa, xã hội và những cơ hội về đời sống công cộng cho phụ nữ. Nó cũng dẫn đến công nhận hoàn toàn tầm quan trọng của phụ nữ trong xã hội, và làm như vậy nâng cao địa vị của người phụ nữ.

Mặc dù có một vài bình luận châm biếm có đề cập trong Tam Tạng Kinh Điển về những mưu chước và cách đối xử của phụ nữ, nhưng Đức Phật cũng có ghi trong Kinh Samyutta Nikaya nhiều nét đặc biệt chuộc lỗi của họ. Được biết rằng trong một số hoàn cảnh, phụ nữ được coi như khôn ngoan và sáng suốt hơn nam giới, và phụ nữ cũng được coi như có khả năng chứng đắc hay đạt thánh quả sau khi tiến bước vào Bát Chánh Đạo cao quý. Mặc dù một số không vừa ý, qua sự quan sát kỹ lưỡng, chúng ta thấy những gì Đức Phật nói về phụ nữ vẫn có giá trị ngày nay. Vậy nên, trong việc bộc lộ bản chất của phụ nữ - như khi Đức Phật nói đến trường hợp Hoàng Đế Kosola sinh con gái thay vì con trai - Đức Phật không chỉ nhằm vào nhược điểm mà còn vào tiềm lực của phụ nữ.

Đức Phật cho thấy rõ ràng phụ nữ có khả năng hiểu biết giáo lý của Ngài và có thể tu tập giáo lý này để đạt tinh thần ở mức độ nào đó. Điều này cho thấy rõ ràng do lời khuyên của Đức Phật cho nhiều phụ nữ vào nhiều dịp và hoàn cảnh khác nhau. Đức Phật dạy bài học vô thường cho Khema, người đẹp kiều kỳ tự đắc. Khema là vợ của Vua Bình Sa Vương. Lúc đầu bà này không chịu đến gặp Đức Phật vì bà này nghe thấy Đức Phật thường nhắc đến sắc đẹp bên ngoài bằng lời lẽ coi thường. Một hôm, bà ta ghé thăm tu viện chỉ để vãng cảnh. Dần dà, Bà bị lôi cuốn tới giảng đường nơi Đức Phật đang thuyết pháp. Đức Phật dùng thần thông biết được tư tưởng của Bà và tạo ảo ảnh một

người mệnh phụ ngồi trước bà. Khema đang ngắm nghía sắc đẹp của mệnh phụ này thì Đức Phật biến người đàn bà này đang đẹp để thành người trung niên rồi thành người già, và cuối cùng té xuống đất răng gãy, tóc bạc, và da nhăn. Sự thay đổi này khiến Hoàng Hậu Khema nhận thức được cái phù phiếm của sắc đẹp bên ngoài và cảm nhận thấy cái phù du của cuộc đời. Bà suy nghĩ: "Một thân hình như vậy mà trở thành tàn tạ như vậy sao? Thì thân hình của ta cũng sẽ như vậy ư?" Nhận thức được hậu quả như vậy, Hoàng Hậu Khema đắc thánh quả A La Hán, và với sự đồng ý của Bình Sa Vương, Bà đã gia nhập Ni Đoàn Tỳ Kheo Ni.

Với các phụ nữ quá xúc động và đau buồn về sự mất người thân yêu, Đức Phật nói về sự không tránh khỏi cái chết như diễn tả trong Tứ Diệu Đế Cao Quý. Ngài cũng trích dẫn nhiều ngụ ngôn nhấn mạnh về điểm này. Cho nên, với Visakha, một mệnh phụ đa sầu đa cảm có một đứa cháu chết, Đức Phật đã nói như sau:

"Từ thương yêu sinh sầu khổ,
 Từ thương yêu sinh sợ hãi,
 Với người không còn luyến ái,
 Thì không còn sầu khổ, ít sợ hãi"

Sự thiết lập Đoàn Tỳ Kheo Ni -- Ni Đoàn -- vào năm hoàng pháp thứ năm của Đức Phật, dọn đường hoàn toàn tự do tôn giáo cho phụ nữ. Sự thành công với nhiều chư ni xuất sắc rất lẫy lừng trong việc nghiên cứu và tu tập Giáo Pháp. Đứng về mặt thế giới, Phật Giáo vươn cao. Bài thánh ca về Chị Em (Therigatha) gồm có 77 bài thơ tác giả là các Ni là niềm tự hào của nền văn hóa Phật Giáo.

Các ni không bị giới hạn bởi Đức Phật trong việc dạy và thuyết giảng Giáo Pháp. Tỳ Kheo Ni Đoàn sản sinh một số các nhà dẫn giải Giáo Pháp và thuyết pháp lẫy lừng như Sukha, Patacara, Khema, Dhammadinna, và Maha Pajapati (người mẹ nuôi

duỡng Thái Tử Tất Đạt Đa). Theo Phật Giáo, con trai không phải là cần thiết để người cha để được lên thiên đường, con gái cũng tốt như con trai, nếu được tự do sống một cuộc đời độc lập. Cho phụ nữ được tích cực chia sẻ hoạt động vào đời sống tôn giáo, Đức Phật đã giúp đỡ nâng cao địa vị phụ nữ trong đời sống thế tục.

Tuy nhiên cho phép phụ nữ vào đời sống tôn giáo quá là quá tiến bộ trong thời ấy. Vì lẽ bản chất của sự cải tiến quá tiến bộ đối với sự suy nghĩ của thời đại ấy, người dân đã không thể tự thích nghi nên gây ra thoái trào. Cho nên Tỳ Kheo Ni Đoàn chỉ duy trì được một thời gian ngắn vì họ không làm chủ được tình hình. Những người Bà La Môn với ưu tiên của họ trong hệ thống đẳng cấp xã hội bị đe dọa cũng là một yếu tố khác làm suy yếu Ni Đoàn. Những người Bà La Môn này tuyên truyền chống đối "thái độ mới" cho phụ nữ tự do tôn giáo.

Tại Sri Lanka, Ni Đoàn phát triển cho đến năm 1017 Tây Lịch đời Hoàng Đế Mahinda IV. Sau đó Ni Đoàn tan rã và không còn tái lập được. Nhưng Ni Đoàn được giới thiệu vào Trung Hoa bởi những Ni Sinhalese, và vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay cũng giống như Nhật Bản. Tuy nhiên theo truyền thống Đại Thừa, ni giới chỉ đóng một vị trí phụ thuộc không thể bằng các tăng được.

Tiến Tới Bình Đẳng và Tự Do

Sự tiến tới thời đại tiên tiến của thế kỷ thứ 19 và 20 khác xa thời Đức Phật. Giải phóng phụ nữ, tìm tự do và bình đẳng đạt được bước tiến dài, đặc biệt ở Tây Phương. Việc này do kết quả những xu hướng và tư tưởng hiện đại, và giáo dục tiên tiến cho phụ nữ ở tất cả địa vị học hành cao cấp.

Susan B. Anthony, người Hoa Kỳ tiên phong trong việc tranh đấu bình đẳng cho phụ nữ từ năm 1848, hơn 148 năm qua. Từ đó, các phong trào và tranh đấu với mục tiêu rộng lớn hơn, đã tiến lên với nhiều phụ nữ tiên phong và nhiều tổ chức phụ nữ.

Những phụ nữ này tin tưởng là phái nữ có một vai trò trong tình đoàn kết ái quốc với phái nam góp phần xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn qua một xã hội và một quốc gia tốt đẹp hơn.

Từ năm 1848, có những phong trào bình dân được tổ chức để đòi hỏi giáo dục bình đẳng, quyền chính trị bình đẳng, và kinh tế bình đẳng cho phái nữ. Ở phương Tây, địa vị phụ nữ được nâng cao bởi những hoàn cảnh phát sinh bởi cuộc cách mạng công nghiệp, phong trào nhân đạo, và phong trào phụ nữ đòi bình đẳng. Nhưng, tại Á Châu và những nước khác, công nghiệp kém phát triển, những sự thay đổi được đem đến do những nhà cải tổ có nguồn gốc tôn giáo.

Trong năm, sáu chục năm qua, có một sự gia tăng đều đều số phụ nữ tham gia vào kinh tế, xã hội cũng như đời sống chính trị tại các nước của họ. Sự thành công như vậy đạt được bởi phái nữ mới đây trong các lãnh vực- khoa học xã hội, kinh doanh, kinh tế và cả trong lãnh vực chính trị - được mô tả như phi thường. Mía mai thay, tuy một số phụ nữ đã tiến tới tột cùng trên vũ đài chính trị như giữ chức thủ tướng tại nước của họ, nhưng tại một số nước khác, những phụ nữ đương thời lại chưa có quyền công dân - quyền bầu cử! Mặc dù, hầu hết các nước bây giờ đã áp dụng thái độ công bằng hơn, và đã tạo những cơ hội về giáo dục và nghề nghiệp cho phụ nữ, kinh nghiệm không vừa ý và sự kỳ thị mà họ đã đưa lên với nhau cùng với sự ganh đua và sợ hãi vẫn là thái độ phổ biến ngày nay. Thực ra nếu nói là một số hình thức kỳ thị vẫn còn tồn tại đối với phái nữ là nói không đúng sự thật.

Hành động quốc tế nâng cao địa vị phụ nữ bắt đầu bằng một phương thức nhỏ bé với Hội Quốc Liên nay đã giải tán sau Thế Chiến Thứ Nhất. Sau này Hiến Chương Liên Hiệp Quốc đi xa hơn nữa qui định nguyên tắc bình đẳng và tự do cho tất cả phụ nữ. Một Ủy Ban về thể chế phụ nữ, một cơ quan của Liên Hiệp Quốc điều tra vấn đề kỳ thị giới tính và bàn cãi về những câu hỏi liên quan đến quyền chính trị của phụ nữ; bình đẳng về

lương bổng cũng như bình đẳng về việc làm, địa vị phụ nữ trong luật tập tục, quốc tịch phụ nữ khi lấy chồng; cơ hội giáo dục và kinh tế cho phụ nữ; giúp đỡ kỹ thuật và sự tham gia của phụ nữ.

Tuy nhiều việc đã được hoàn tất qua các phong trào phụ nữ đòi quyền bầu cử, những tổ chức phụ nữ quốc tế đấu tranh cho sự tham gia rộng rãi hơn của phụ nữ vào các lãnh vực xã hội, kinh tế, và chính trị, nhưng vấn đề thực sự tự do vẫn chưa giải quyết được.

Tự Do Trong Ý Nghi Phật Giáo

Tự do thực sự phải là tự do hoàn toàn thoát khỏi mọi hình thức của ràng buộc. Nó chỉ có thể đạt được do sự phát triển tinh thần đúng cách và thanh tịnh tâm của chính mình - tẩy sạch tất cả những dấu vết của tham sân si. Không có bàn luận công khai, biểu tình hay hiến chương quốc tế có thể mang lại tự do hoàn toàn. Những việc này chỉ có thể đạt được do chuyên cần của chính mình và sự chú ý vào việc tu tập thường xuyên về thiền như Đức Phật dạy.

Đức Phật, trong khi xúc tiến nguyên nhân về phụ nữ, được coi như người đầu tiên giải phóng phụ nữ, và là người vận động cho lối sống dân chủ. Chính trong Giáo Pháp Phật Giáo, phụ nữ không bị khinh miệt và hạ phẩm giá mà địa vị còn được nâng lên như phái nam trong phương diện tinh thần cố gắng để đạt trí tuệ và giải thoát.



TÔN GIÁO CÓ THỂ MANG LẠI HÒA BÌNH KHÔNG?

Hòa-Thượng Tiến-Sĩ K. Sri Dhammananda

Dị Biệt Trong Sự Giải Thích

Tôn Giáo và Hòa Bình là hai từ có thể định nghĩa và giải thích bởi nhiều người khác nhau, tùy theo quan niệm tôn giáo và mức độ hiểu biết khác nhau.

Các nhà học giả và triết gia nhìn vào tôn giáo theo nhiều đường lối. Một số định nghĩa trong một ý nghĩa hết sức hẹp và giới hạn trong khi những người khác đưa ra một cái nhìn tổng quát rộng rãi hơn.

Tự Điển Oxford định nghĩa tôn giáo như một hệ thống tín ngưỡng và thờ cúng, con người công nhận một Thượng Đế cá nhân có quyền bắt phải vâng lời, và kết quả của sự công nhận này liên quan đến hạnh kiểm con người.

Thomas Paine, một triết gia người Anh nói: "Thế giới là quê hương của tôi. Nhân loại là anh em tôi, và làm điều lành là tôn giáo của tôi". Một thái độ như vậy đối với tôn giáo và thế giới rất thiết yếu để mang lại hòa bình, hòa hợp cho thế giới mà ta sống.

H.G. Wells nói: "Tôn giáo là phần chủ yếu trong nền giáo dục của chúng ta, nó quyết định hạnh kiểm tinh thần của chúng ta". Với triết gia người Đức nổi tiếng Emmanuel Kant, "Tôn Giáo là sự công nhận những nguyên tắc luân lý như luật không được vi phạm".

Mặt khác Karl Marx lại nhìn tôn giáo như "thuốc phiện của con người" - cho con người xa rời thực tế, hy vọng ảo tưởng về hạnh phúc trong đời sống sau khi chết đền bù cho những tội lỗi thực sự của cuộc sống hiện tại. Với Engels, "Tôn Giáo không là gì cả mà là phản ánh quái dị về những lực bên ngoài kiểm soát đời sống trong tâm con người lúc sơ khai".

Mục Tiêu Là Một

Dù sự khác biệt và giải thích ra sao đi nữa thì tất cả các tôn giáo đều nhất trí đồng ý là hòa bình là một điều thiết yếu tuyệt đối và tôn giáo đóng một vai trò sống còn trong việc phát triển hòa bình của cá nhân, gia đình, xã hội, quốc gia và thế giới.

Sự Cần Thiết Giáo Dục Về Tôn Giáo

Vì thế giới chuyển càng ngày càng sâu vào một thời đại của rối loạn với những vũ khí càng tinh vi và nguy hiểm hơn, cùng với tai ương và tinh thần thoái hóa, sự cần thiết giáo dục tôn giáo ngày nay lớn lao hơn bao giờ hết. Lo âu và băn khoăn sinh ra từ sự bất trắc về tương lai càng làm tăng thêm áp lực và căng thẳng vào tâm con người. Những thứ này chỉ có thể khắc phục được với sự hiểu biết chính đáng bản chất của tâm - một môn học đã bị tách khỏi hệ thống giáo dục có định hướng học thuật và vật chất cung cấp bởi các trường học và các đệ tam tổ chức ngày nay. Tôn giáo lúc nào cũng là cái chìa khóa để duy trì an lạc của tâm và cung cấp niềm an ủi tinh thần trong lúc nguy cấp như trong lúc rối loạn, hay trong thời gian bị kẻ địch xâm chiếm và những xáo trộn khác.

Con người cần tôn giáo như chỗ thả neo khi tàu cập bến. Tâm con người luôn luôn thay đổi và xao động nên cần có một số hình thức trợ giúp cho tâm vững vàng kiên định để có thể tạo các quyết định hầu theo đuổi lý tưởng của mình trong cuộc sống. Với sự chấp nhận một số giáo lý của tôn giáo, ta ràng buộc tâm ta vào các giáo lý ấy giúp cho tâm có thể hướng về con đường thẳng hơn nếu ta là một nhà tự do tư tưởng hay như một

con sói đơn độc. Như con tàu bỏ neo nơi bến đậu có thể chịu đựng gió to bão lớn, giống như tâm ràng buộc với nguyên tắc tôn giáo, có thể đứng vững trước những cám dỗ và những xáo trộn tâm thần khác của cuộc đời.

Cho nên giáo dục tôn giáo dùng để làm cho tâm được vững vàng; phát triển sự thăng bằng tinh thần - tránh tất cả những dạng thức cực đoan. Nó dẫn đến sự hiểu biết bản chất thực sự của đời sống, cái chết, và thế giới - bên trong và bên ngoài. Rất cần thiết cung cấp sự hiểu biết sâu xa và tuệ giác vào bản chất của những giá trị cao của cuộc sống - nội dung tinh thần và đạo đức của nó - giúp quét sạch tôn giáo cuồng tín và thành kiến, dọn đường cho sự hòa hợp tôn giáo.

Người Có Đạo Lý?

Một người có thể được công nhận là có đạo lý bởi tính nết tinh thần - tư tưởng, lời nói và hành động. Một người đã tự mình thanh tịnh hóa với tư tưởng thiện, lời nói hành vi lương hảo là người có đạo lý hoàn toàn theo quan điểm Phật Giáo. Rất khó khăn coi một người là đạo lý nếu người ấy chỉ đi đến chỗ thờ cúng và chỉ cầu lợi chính mình, cho gia đình mình và không lưu ý gì tới người khác cả. Hành động của người ấy thi hành với tâm địa hẹp hòi và động cơ ích kỷ.

Mặt khác, có thể có một số người không dự các lễ nghi tôn giáo mà cũng chẳng cầu nguyện nơi thờ phượng, nhưng lại giữ một số nguyên tắc tôn giáo bằng cách sống một cuộc đời an lạc, bằng cách khắc phục nhược điểm của mình, và có lòng thông cảm, khoan dung và hiểu biết đối với người khác. Những người như vậy có thể được coi như người có đạo lý nhiều hơn là người nói ở phần trên.

Lý tưởng cho bất cứ một người đạo lý nào là một cuộc sống đơn giản và khiêm tốn, một cuộc đời không bị vương mắc bởi bất cứ mục tiêu vật chất nào (và các động cơ về sau), và người

ấy có thể đem hết năng lực vào sự trau dồi tinh thần đem lợi ích chính mình và cho người khác.

Giá Trị Của Tôn Giáo

Chỉ tu tập bề ngoài dưới danh nghĩa tôn giáo thì không thể hiểu được giá trị của một tôn giáo; với một người không được giáo dục và không am tường có thể người ấy tu tập một số truyền thống vô nghĩa vì nghĩ rằng điều đó là đúng. Muốn hiểu rõ bản chất thực sự của bất cứ một tôn giáo nào, rất cần thiết phải nghiên cứu giáo lý nguyên thủy của vị khai sáng ra tôn giáo ấy bằng cách tìm hiểu từ nguồn gốc càng sâu càng tốt.

Giá trị thực sự của tôn giáo có thể được hiểu trong phối cảnh đúng của nó, từ những lời dạy hữu lý và hòa hợp đưa ra những chỉ phần thực tiễn làm sao sửa chữa mình và có thể giúp cho một người sống một cuộc đời đơn giản, khiêm tốn, luân lý với an lạc và mãn ý, nơi đây và ngay bây giờ.

Biểu diễn phép lạ huyền bí hay thần thông, hứa hẹn thiên đường cực lạc sau khi chết và những sự tu tập dị đoan chỉ "đầu độc" tôn giáo mà thôi - kích thích tâm đại chúng với chuyện ly kỳ, phấn khích và niềm tin mù quáng. Những thứ này không dẫn đến loại bỏ được ô trược tinh thần- mà có lẽ dọn đường cho sự say mê lớn lao quyền uy trần tục, muốn nổi danh nổi tiếng và khoái lạc.

Trong một bài giảng cho đại chúng, Swami Vivekananda nói: "Kinh nghiệm là nguồn gốc duy nhất của kiến thức. Cũng cùng phương pháp điều tra nghiên cứu mà ta áp dụng cho khoa học và kiến thức bên ngoài nên được áp dụng vào tôn giáo. Nếu tôn giáo bị hủy diệt bởi sự điều tra như thế có nghĩa tôn giáo không là gì cả, mà là một mớ sớ tập vô ích và không giá trị những niềm tin dị đoan, càng biến mất đi sớm càng tốt. Tại sao tôn giáo cho rằng tôn giáo không bị ràng buộc phải tuân theo lập trường suy luận mà chẳng ai biết...Tốt hơn nhân loại nên trở

nên vô thần bằng con đường đi theo suy luận hơn là mù quáng tin vào hai trăm triệu thần thánh theo uy quyền của bất cứ ai..."

Trong khi tránh cái cực đoan của niềm tin mù quáng và cái hoài nghi tri thức, người tâm đạo phải tìm Chân Lý bằng suy luận và trí tuệ.

Phương Pháp Hữu Lý Để Giới Thiệu Tôn Giáo

Thời đại của thuyết huyền bí và thần bí đã nhanh nhường lối cho con đường của kiến thức khoa học và điều tra.

Mặc dù những phương pháp giả tưởng cổ xưa đã phục vụ mục đích loại bỏ một số sợ hãi và bất an về cái không biết trong tâm của người xưa tại nhiều nơi trên thế giới, phương pháp này không còn áp dụng được với tâm người hiện đại.

Nhắc đến sự cần thiết cho một viễn cảnh hợp lý hơn, cố Thủ Tướng Ấn Độ, Shri Jawarharlal Nehru đã nói rằng ta nên tránh ba vấn đề chính khi giới thiệu tôn giáo. Đó là: Kinh Thánh, ý tưởng Thượng Đế và thế giới kế tiếp. Ngài nhấn mạnh nếu ai giới thiệu tôn giáo mà dùng bất cứ một trong ba điều này sẽ làm người dân có khuynh hướng tin vào điều đó - chấp nhận tôn giáo đó mà không sử dụng khả năng suy luận của chính mình. Lời khuyên để người dân tìm sự thực do kiến thức và kinh nghiệm với tâm hoàn toàn tự do của chính mình. Điều này thực là một phương pháp lý tưởng để giới thiệu tôn giáo; để tránh khỏi nhiều loại thành kiến về tôn giáo, niềm tin mù quáng và thiếu hiểu biết.

Thủ tướng Nehru cũng ghi rằng ta không nên chấp nhận mọi thứ viết trong bất cứ kinh thánh nào dưới danh nghĩa tôn giáo. Ngài cho rằng nguyên tắc chính của tôn giáo là: "làm tốt được tốt và làm xấu gặt xấu". Tán thán cách giải quyết hữu lý của Phật Giáo, trong cuốn "Sự Khám Phá của Ấn Độ", Nehru viết: "Đức Phật đã can đảm vạch ra sự bất toại nguyện của tôn giáo bình dân, dị đoan, lễ nghi và thủ đoạn của các thầy tu. Ngài

không chú trọng đến viễn cảnh siêu hình và thần học, phép lạ, khai huyền, và những thứ siêu nhiên. Lời kêu gọi của Ngài là lẽ phải, hợp lý, và kinh nghiệm.; sự nhấn mạnh của Ngài về đạo đức và phương pháp của Ngài là một phương pháp lý giải tâm lý, khoa tâm lý không có linh hồn. Toàn bộ cách giải quyết vấn đề của Ngài giống như luồng gió mát thổi từ núi xuống sau cái không khí ô trọc của những ước đoán trừu tượng".

Ngài tiếp tục nói Đức Phật đã dạy điều vĩ đại hơn tất cả học thuyết và giáo điều và thông điệp bất diệt của Ngài đã làm xúc động nhân loại qua nhiều thời đại. Có lẽ không bao giờ trong lịch sử quá khứ thông điệp hòa bình của Ngài lại cần thiết cho nhân loại đang đau khổ và lầm lạc như ngày nay.

Albert Einstein, trong khi đề cập về tôn giáo của tương lai, nói: "Tôn giáo này phải vượt qua một Thượng Đế riêng tư, tránh giáo điều và thần học. Bao trùm cả về thiên nhiên lẫn tinh thần, tôn giáo này phải căn cứ vào ý niệm đạo giáo phát sinh từ những thực nghiệm của mọi vật, tự nhiên và tinh thần như một sự thuần nhất đầy đủ ý nghĩa. Phật Giáo đáp ứng được các điều đó.

Cách giải quyết của Đức Phật là độc nhất vô nhị trong biên niên sử tôn giáo. Ngài khuyên các tín đồ không nên chấp nhận Giáo Pháp vì sùng kính mà chỉ chấp nhận sau khi đã điều tra nghiên cứu.

Đức Phật khuyên nhiều người đừng nên vội vàng chấp nhận giáo lý của Ngài mà hãy suy nghĩ cẩn thận xem giáo lý của Ngài có thực thực tiễn với họ không. Nếu họ hoàn toàn tin tưởng phương pháp của Ngài, thì Ngài mới chấp nhận họ là những tín đồ.

Ngay cả đến khi đã trở thành tín đồ của Ngài, Ngài cũng không ngăn cấm họ hỗ trợ những đạo sư cũ của họ. Điều này cho thấy Ngài cho tín đồ khoảng rộng tự do, không chút ẩn nấp

một ghen tị nào đối với các tôn giáo khác. Nó cũng làm sáng tỏ thái độ hòa hợp của Ngài đối với các tôn giáo khác.

T.H. Huxley ghi nhận "Phật Giáo trong sự thanh tịnh nguyên thủy không biết gì đến những lời nguyện phục tùng và không bao giờ tìm sự giúp đỡ của cánh tay thế tục, tuy đã truyền bá trên quá nửa thế giới cũ với một sự nhanh chóng tuyệt vời và vẫn đứng vững dù với nền móng có đôi chút pha trộn những dị đoan bắt buộc, những tín điều lẫn át một phần số lớn nhân loại".

Theo nhận xét của Alexander Cunningham, một nhà khảo cổ, "Phật Tử truyền bá đạo của họ tiếng nói đầy tính thuyết phục, nhiều đạo khác truyền đạo bằng lưỡi gươm tàn nhẫn. Con đường đẫm máu của các đạo khác sáng rực lên bởi ngọn lửa khủng khiếp của những đô thị bị thiêu rụi, sự tiến bộ hòa bình của Phật Giáo được sáng lên bởi những bộ mặt hoan hỉ của những người đau trong bệnh viện các tu viện, bởi những nụ cười sung sướng của những khách du hành ngưng chân nghỉ tại những quán trọ dọc đường".

Với Đức J.T. Sunderland, "Phật Giáo dạy các tín đồ nhiều về hòa bình rất hữu hiệu trong suốt lịch sử của tôn giáo này hơn bất cứ tín ngưỡng vi đại nào mà thế giới biết đến. Dân chúng có tâm trí cao hơn về mặt tinh thần, không giống như nhà duy vật hiện nay, họ đặt tâm tính, phụng sự tình thương và hòa bình trên danh tiếng, của cải, ưu thế và chiến tranh, và Phật Giáo phát triển rực rỡ vào thời gian này vì Phật Giáo là tôn giáo duy nhất không có đổ máu và bạo lực".

Tấm Gương: Vua A Dục

Sự kiện được ghi nhận Asoka (Vua A Dục) hết sức tích cực tận tụy cho hạnh phúc thần dân của Ngài. Với mục đích này, ông đã đào các giếng nước uống, trồng cây có bóng mát, xây đường xá, công viên, các vườn trồng dược thảo, và các bệnh viện cho người và súc vật. Để thấm nhuần tinh thần chính đáng vào các thần dân mà ông yêu dấu như con cái, ông đã xây dựng các trụ

đá khắp trong vương quốc, trên các trụ đá này có khắc thông điệp cao quý về cuộc sống chánh đáng (Chánh mạng). Những đại thần và những ủy viên được chỉ định để hướng dẫn và giám sát sự tu dưỡng tinh thần. Đại Hội Kiết Tập Lần Thứ Ba cũng do ông triệu tập. Những sứ giả do ông gửi đi trên khắp lãnh thổ xa gần giúp trong việc giao tiếp văn hóa du nhập trong lĩnh vực hòa bình và quan hệ quốc tế.

Hoạt động của Vua A Dục không còn gì nghi ngờ chứng tỏ ông là một điển hình nhiệt thành của một đời sống tích cực cho các hành vi thiện. "Sự cố gắng đem hạnh phúc chung và gửi tức thời các sứ thần thương mại là một số trong những nguyên tắc chỉ đạo chính của ông. Thẩm nhuần ý thức thực tế và năng động nổi bật, Vua A Dục biểu lộ trong cuộc đời của ông tinh thần Phật Giáo cao độ, hành hoạt đúng theo tinh thần thực sự của 'Bahujana Hitaya, Bahujana Sukhaya' - vì phúc lợi cho nhiều người, vì hạnh phúc cho nhiều người - một lý tưởng mà chính Đức Phật đã dạy cho sáu mươi thánh chúng đệ tử đầu tiên của Ngài trở thành nhóm truyền giáo đầu tiên trong lịch sử nhân loại.

Cảm hứng từ sự vĩ đại của Vua A Dục, H.G. Wells, trong cuốn "Đại Cương Lịch Sử", tuyên bố giữa hàng ngàn tên tuổi các vua chúa đầy trên các cột lịch sử với oai nghi, thanh lịch, thanh thản, cao kỳ lộng lẫy và những đặc tính tương tự như vậy, tên tuổi của Vua A Dục sáng chói, chói sáng một mình, như một vì tinh tú".

Với tất cả cảm hứng từ Vua A Dục để cho ta, ta phải cố gắng vươn lên qua khỏi cái tối tăm đang bao trùm thế giới ngày nay.

Tôn Giáo và Chủ Nghĩa Duy Vật

Nhiều mây đen bao phủ - nhiều sự rối loạn và những khó khăn toàn cầu - có thể được truy nguyên do sự suy thoái của tôn giáo và sự nổi lên chủ nghĩa duy vật.

Lịch sử loài người cho thấy biết bao quốc gia đã suy đồi và nhiều nền văn minh đã tàn lụi với sự tan rã của tôn giáo như thế nào. Sử gia, Edward Gibbons "Trong cuốn Lịch sử Thăng Trầm của Đế Quốc La Mã" đã chứng minh sự đổ vỡ tôn giáo thành vô số dạng thức là một trong những nguyên nhân góp phần vào sự suy thoái và tan rã của Đế Quốc La Mã. Việc xảy ra cho La Mã, rồi đây cũng có thể xảy ra cho những nền văn minh hiện đại của chúng ta.

Nhận thức sự nguy hiểm xảy ra trước mắt, con người ngày nay phải có ý thức làm việc trong sự hợp tác để kiểm soát và tránh những nguyên nhân có thể đưa sự thăng hoa đến sự suy thoái và tan vỡ tôn giáo.

Trong khi những sự bất hòa tôn giáo do sự cạnh tranh không lành mạnh để lôi kéo tín đồ đổi đạo, nạn cuồng tín và "thánh chiến" tiếp tục làm hại viễn cảnh hòa bình nhờ tôn giáo, giáo điều và niềm tin dị đoan phá vỡ giá trị của tôn giáo dưới ánh sáng của kiến thức và các điều tra nghiên cứu khoa học ngày càng tăng trưởng. Những điều này đương nhiên dẫn đến việc nổi lên của chủ nghĩa duy vật- đang mang sự sôi mòn luân lý to lớn cho xã hội loài người.

Tiến Bộ Vật Chất

Sự say mê điên cuồng theo đuổi lạc thú trần tục, uy quyền và của cải đã dẫn đến tất cả những dạng luân lý suy đồi, kỳ thị và thành kiến, thậm chí đến mức chính là nguyên nhân gây ra hủy diệt hàng loạt nhân loại.

Một số được gọi là giải trí hiện đại đã trình diễn kêu gọi thú tính và cảm xúc nhục dục của khán giả. Dưới ảnh hưởng của những sự đầu độc như vậy, khán giả đôi khi không kiềm chế nổi giác quan, nổi dục vọng đã làm những điều trái ngược với óc suy xét tốt đẹp của mình, vi phạm sự yên bình và hạnh phúc của người vô tội để thỏa mãn ham mê khoái lạc. Họ mất đi đường lối suy nghĩ hữu lý bình thường, và không chịu nghe

người khác dù họ nhận thức rằng những việc này sẽ phá hoại đời sống của họ và của người khác.

Con người tham đắm quá mức vào thỏa mãn ham mê khoái lạc tạo thành một xã hội bệnh hoạn và vô vọng dẫn đến vô luân, vô đạo đức, hành động tội lỗi là điều ô nhục cho tinh thần và nhân phẩm của con người.

Sự say mê uy quyền trần tục dẫn các quốc gia đến những cuộc chạy đua vũ trang. Sự phát minh vũ khí giết người có thể tiêu diệt thế giới trong một giây đã được thi hành bằng cách tiêu pha ngân quỹ dành cho người đói và nghèo khổ. Chiến tranh được coi như một xu hướng hiện đại không thể tránh được và một lối cuộc sống, trả giá bằng sinh mệnh quý giá của hàng triệu người.

Những công cuộc tìm tòi xây dựng và những kế hoạch dự trù để nâng cao nhân loại chỉ được hoặc coi như quan trọng thứ yếu hay bị loại đi thay thế bằng lợi lộc vật chất trước mắt.

Trí tuệ truyền thừa bởi các giáo chủ với tinh thần giác ngộ đã chẳng được ai lắng nghe. Những lời khuyên của các vị này: sống hòa bình và duy trì tiêu chuẩn đạo đức áp dụng tổng quát trên vũ trụ, đã không còn được biết đến.

(Hãy Rút Kinh Nghiệm) Cái Vơ Vẩn Của Nero khi La Mã Đang Bị Cháy

Những quốc gia kinh tế phát triển đến điểm không còn thấm nhập hơn được nữa dưới danh nghĩa tiến bộ vật chất đang phải đối diện với những khó khăn to lớn về ô nhiễm môi sinh, khủng hoảng năng lượng, thất nghiệp, lạm phát, luân lý suy đồi, và những khó khăn xã hội như lạm dụng ma túy, xáo trộn tâm thần nghiêm trọng, ly dị, tự tử, và nhiều dạng thức của bệnh tật.

Mặc dù những sự việc thảm thương điên cuồng này xảy ra, vẫn còn có những cái gọi là quốc gia đang phát triển trên thế giới cố gắng tranh đua với thiên hình vạn trạng dạng thức phát triển kinh tế - bắt chước nhiều hơn nữa văn hóa vật chất hy vọng

biến nhà của và xứ sở của họ thành thiên đàng vật chất. Giống như Nero vợ vẫn (không làm gì) khi La Mã đang bị cháy, những người như thế đã thất bại không biết học hỏi từ những lầm lẫn của người khác.

Tình Trạng Nhâm Lẫn Đáng Kinh Ngạc

Càng tham gia vào cuộc chạy đua để đạt lạc thú nhục dục, uy quyền, danh tiếng, và 'vinh quang' - lại càng gặp phải rối trí và xáo trộn, lại càng đóng góp vào những mâu thuẫn; đó là thế giới ngày nay.

Một mặt, con người sợ hãi chiến tranh, mặt khác họ lại dốc toàn lực để sửa soạn chiến tranh! Họ nói nhiều về hòa bình nhưng lại gieo rắc nghèo đói! Tuy thế giới càng ngày càng đông lên mỗi ngày, con người lại cảm thấy càng cô đơn! Càng có nhiều giờ rảnh dỗi, lại càng bất an bấy nhiêu! Mặc dù được trang bị với đủ loại kiến thức để được an toàn trên cung trăng, nhưng không biết làm sao sống an toàn trên trái đất! Đó là những rối rắm và mâu thuẫn của con người hiện đại sống trong thời đại không gian này. Tuy nhiên những khó khăn này chưa hẳn là hoàn toàn mới lạ với nhân loại.

Xáo trộn phát sinh chừng nào thì vết nhơ của si mê vẫn hiện hữu trong tâm con người. Cùng với các ô trược khác, si mê đã làm con người mù quáng không còn khả năng nhìn thấy và hiểu biết bản chất thực sự của sự vật hay thực tế chủ yếu của cuộc đời.

Cuộc Sống Không Cân Bằng

Sự không cân bằng giữa sự phát triển vật chất và tinh thần là nguyên nhân của sự bối rối lớn lao và những tình trạng khó xử mà thế giới hiện đại phải đương đầu.

Của cải không thôi không thể mang hòa bình và hạnh phúc cho con người. Dao động và thất bại đang chờ đợi tâm không cân bằng. Không tìm được phương cách và phương tiện thỏa

mãn để chống lại biến động của cuộc đời, con người tìm đến đủ loại ma túy và độc dược để tạm thời xoa dịu thất bại, không xoa dịu nổi họ quay về tự tử hay bị xáo trộn thần kinh.

Những trường hợp ghiền ma túy càng ngày càng tăng, rượu, cờ bạc vân vân... là những triệu chứng của cuộc sống không cân bằng.

Xu hướng ru ngủ ta vào những tiện nghi của cuộc sống hiện đại mà không có một tư tưởng cho tiến bộ tinh thần đã làm con người hôn mê và biếng nhác. Muốn khắc phục điều này, ta cần phải có nghị lực, sức mạnh, và kiên nhẫn thuộc về địa hạt của niềm tin ăn sâu trong tôn giáo.

Hòa Bình Do Tôn Giáo

Sự tăng trưởng nhanh chóng duy vật chủ nghĩa và cuộc sống không cân bằng đã che khuất tiềm lực hòa bình qua tôn giáo. Tôn giáo thế giới ngày nay đã phát triển thành những cơ cấu tổ chức lớn, và những giáo lý nguyên thủy của các nhà khai sáng ảnh hưởng rất ít đến các tín đồ trong các đức tính như đơn giản, kiềm chế, chân thật, và vị tha.

Muốn nhận thức được giá trị thực sự của tôn giáo, một sự hiểu biết tường tận về những thông điệp nguyên thủy của vị khai sáng rất cần thiết. Các giá trị đạo đức và luân lý đơn giản có một tiềm lực lớn lao cho hòa bình.

Sự tu tập kiềm chế tư tưởng mang hòa bình và hòa hợp cho cá nhân và sự kiềm chế lời nói và hành động của thân đem hòa bình cho người khác.

Do ba luồng tư tưởng, lời nói và hành động của thân này mà tất cả tội lỗi hay những hành động bất thiện được thực thi. Chúng là những "cánh cửa" của thế giới bên trong - nơi những mâu thuẫn bắt đầu. Nếu thế giới này được canh chừng cẩn trọng, chiến tranh và xung đột đương nhiên bị ngăn chặn.

"Biết Minh" qua tôn giáo là nguyên tắc hướng dẫn đến hòa bình đến vương quốc của thiên đường. Nếu người ta có thể theo nguyên tắc tôn giáo chân chính liên quan đến kiểm chế và thực thi bốn phận và nghĩa vụ đối với mọi người trong xã hội, hòa bình và hòa hợp tự nhiên sẽ theo sau.

Lời khuyên đơn giản của Đức Phật cho các tín đồ trong Kinh Sigalovada (Thi Ca La Việt), phác họa bốn phận và nghĩa vụ giữa cha mẹ và con cái, thầy và trò, chồng và vợ, bạn bè và bạn bè, chủ và người làm, và các đạo sư và đệ tử, bao trùm toàn bộ bốn phận trong gia đình cũng như ngoài xã hội của một cư sĩ. Bình luận về Kinh này, Bà Rys Davis nói: "Học thuyết về tình thương và thiện chí giữa người với người của Đức Phật được thiết lập trong đạo đức gia đình cũng như xã hội với nhiều chi tiết toàn diện hơn bất cứ nơi nào khác. Và thực ra ngay bây giờ chúng ta có thể nói về Giới Luật hay tiêu chuẩn kỷ luật ấy như thế này: Thật căn bản làm sao các lợi ích mà con người có thể có được nhờ giới luật này, thật lớn mạnh và lớn lao làm sao cái trí tuệ đã hình dung ra các giới luật này, đến mức các lời thuyết giảng ấy ngày nay vẫn tươi rói và thực tiễn cũng như vẫn còn nguyên giá trị thực tiễn như thuở các lời ấy được nói tại Rajagaha (Thành Vương Xá)." Sung sướng thay là dân làng hay nhóm người ở bên bờ sông Hằng nơi mà người dân đầy tình lương hảo và thông cảm, tinh thần cao thượng của công bằng được hít thở qua những lời dạy mộc mạc và đơn giản. Có thể nói rằng: "Có thể không kém phần hạnh phúc như dân làng hay gia đình ở trên bờ sông Thames ngày nay bởi họ có thể nghe những lời này".

Thay vì làm tôn giáo thành lối sống, tôn giáo đã được phát triển thành loại biệt ngữ triết lý và đã trở thành một môn học cho sự tập luyện tri thức và tranh luận. Tu tập dị đoan, quỷ thuật và thuyết huyền bí đã được giới thiệu nhằm đem vinh quang và thắng lợi cho một tôn giáo này hơn tôn giáo kia. Tôn

giáo đã được dùng để bào chữa nhược điểm của con người - vì tham vàng và quyền uy.

Bằng cách đem các giải pháp trần tục như vậy vào nhà tôn giáo hầu xúc tiến điều gì đó dưới danh nghĩa tôn giáo, những nhà đạo giáo ngày nay phải hiểu những điều ấy chỉ làm mờ đi và quét sạch cốt lõi thực sự của tôn giáo và con đường tinh thần của đời sống, và giá trị thật sự của tôn giáo sẽ càng trở nên tối tăm cho hậu thế.

Vẫn Còn May Mắn

Liệu tôn giáo còn có thể mang hòa bình cho nhân loại ngày nay không, đương nhiên là một câu hỏi thích đáng, nhất là xét dưới ánh sáng của những sự phát triển mới đây tại một vài nơi trên thế giới nơi mà tôn giáo đúng là đã được đem vào chiến trường.

Duy vật chủ nghĩa, đạo đức giả, và cuồng tín chủ nghĩa giả dạng dưới chiêu bài tôn giáo đã là những thảm họa to lớn trong lịch sử nhân loại. Tái diễn những lầm lẫn và thảm họa trong quá khứ, đến thời điểm khi những hội nghị quốc tế về tôn giáo và hòa bình được triệu tập và những lời tuyên bố cho hòa bình thế giới, tình huynh đệ đại đồng, và hòa hợp tôn giáo chỉ là đạo đức giả hoàn toàn và là điều ô nhục cho xã hội loài người.

Để hỗ trợ cho những hành động vô lương tâm như vậy dưới danh nghĩa tôn giáo quả là chống lại chuẩn mực ứng xử và phẩm giá của con người. Chiến đấu ngoài chiến trường để có hòa bình là không đúng, muốn có hòa bình phải có khả năng tự chiến thắng lấy mình chứ không phải đánh bại người. Đó là điều phải nhận thức thấu đáo như một điểm chính yếu của vị tha. Mặc dù một số các nhà tôn giáo đã chọn, vì tham vàng bạc và quyền uy trần tục, chính họ đã tự nhúng vào chiến tranh tôn giáo, điều này không tiêu biểu cho toàn bộ lãnh vực tôn giáo. Cho nên hãy để cho những người biết tư duy, yêu chuộng hòa bình ngày nay phán xét liệu những thái độ của những con buôn

chiến tranh như vậy có thể chứng minh dưới danh nghĩa tôn giáo được không, hay chiến tranh và đổ máu hoàn toàn tách khỏi tôn giáo.

Nếu người ta thực sự lưu ý đến tìm kiếm và xây dựng hòa bình và hạnh phúc cho chính mình cũng như cho những người khác, thì cũng chưa muộn - Sau cơn mưa trời lại sáng. Nguyên tắc tôn giáo và giáo lý, rất đáng cho con người trau dồi, có khả năng cảm thấy được và nhận thức được bởi chính con người vẫn hiện hữu.

"Mở rộng cho tất cả là cánh cửa dẫn tới giải thoát hoàn toàn".
 "Thắng ngàn lần, ngàn quân địch chưa thể gọi là thắng; Tự thắng mình mới là chiến công oanh liệt nhất". - (Đức Phật - Kinh Pháp Cú - Câu 103)



26

PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY VÀ PHẬT GIÁO ĐẠI THỪA

Hòa Thượng Tiến Sĩ W. Rahula

Hãy để cho chúng ta bàn luận về câu hỏi thường được hỏi bởi nhiều người: Sự khác biệt giữa Đại Thừa và Nguyên Thủy Phật Giáo như thế nào? Muốn nhìn sự vật theo đúng toàn cảnh, chúng ta hãy quay về lịch sử Phật Giáo và truy nguyên sự hình thành và sự phát triển của Đại Thừa và Nguyên Thủy Phật Giáo.

Đức Phật sanh vào thế kỷ Thứ 6 trước Công Nguyên. Sau khi đạt giác ngộ vào năm 35 tuổi cho đến khi Ngài Nhập Niết Bàn vào năm 80 tuổi, Ngài thuyết giáo và giảng dạy suốt những năm tháng đó. Chắc chắn Ngài là một trong những người nhiều nghị lực nhất chưa từng thấy: 45 năm trường Ngài giảng dạy ngày đêm, và chỉ ngủ khoảng 2 giờ một ngày.

Đức Phật tiếp xúc với tất cả mọi hạng người, vua và hoàng tử, Bà La Môn, nông dân, kẻ ăn xin, người học thức người bình thường. Giáo lý của Ngài được thực hiện theo kinh nghiệm, mức hiểu biết và khả năng tinh thần của người nghe Pháp. Điều Ngài dạy gọi là Vicana hay lời Phật dạy. Không có cái gì gọi là Nguyên Thủy hay Đại Thừa thời bấy giờ.

Sau khi thành lập Đoàn Thể Chư Tăng và Chư Ni, Đức Phật đặt ra một số luật lệ gọi là Giới Luật để hướng dẫn các Đoàn Thể này. Phần còn lại giáo lý của Ngài gọi là Pháp gồm có những bài giảng, những bài thuyết pháp cho các tăng, các ni và người cư sĩ.

Đại Hội Kiết Tập Lần Thứ Nhất

Sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn được ba tháng, những đệ tử thân cận của Ngài triệu tập một hội nghị tại Rajagaha (Thành Vương Xá). Ngài Ma Ha Ca Diếp, người được trọng vọng nhất mà cũng là bậc trưởng lão, là chủ tịch Hội Nghị. Hai nhân vật quan trọng chuyên về hai lĩnh vực khác nhau - Pháp và Luật - đều có mặt. Một người là Ngài Ananda (A Nan), người đệ tử thân cận nhất (thị giả) của Đức Phật trong suốt 25 năm. Thiên phú với một trí nhớ xuất sắc, Ngài A Nan có thể đọc lại những gì Đức Phật nói. Nhân vật kia là Ngài Upali (U Bà Li) nhớ được tất cả những Giới Luật.

Chỉ hai phần - Pháp và Luật được đọc lại tại Đại Hội Lần Thứ Nhất. Tuy không có nhiều ý kiến dị biệt về Pháp (không nói đến Vi Diệu Pháp), có một số thảo luận về Luật. Trước khi Đức Phật nhập Niết Bàn, Ngài có nói với Ngài A Nan nếu Đoàn Thể Tăng Già muốn tu chính hay thay đổi một số luật thứ yếu, họ có thể làm được. Nhưng vào lúc đó, Ngài A Nan vì quá lo lắng vì Đức Phật sắp ra đi nên không hỏi những luật thứ yếu ấy là gì. Vì các thành viên trong Hội Nghị không đi đến thỏa thuận những luật nào là luật thứ yếu nên Ngài Ma Ha Ca Diếp quyết định không có luật lệ nào đặt ra bởi Đức Phật được thay đổi, và cũng không luật lệ mới nào được đưa ra. Không có lý do thực chất nào được đưa ra. Tuy nhiên Ngài Ma Ha Ca Diếp có nói một câu: "Nếu ta thay đổi luật, người ta sẽ nói đệ tử của Đức Cổ Đàm thay đổi luật lệ trước khi ngọn lửa thiêu Ngài chưa tắt".

Tại Hội Nghị này, Pháp được chia ra làm nhiều phần và mỗi phần được trao cho một vị trưởng lão cùng với đệ tử của vị ấy để ghi nhớ. Pháp được truyền khẩu từ thầy đến trò. Pháp thường được tụng niệm hàng ngày bởi một nhóm người thường được phối kiểm lẫn nhau để bảo đảm không có sự thiếu sót cũng như không có gì thêm vào. Các sử gia đều đồng ý truyền thống truyền khẩu đáng tin cậy hơn văn bản của một người viết lại vài năm sau Hội nghị dựa theo trí nhớ của mình.

Đại Hội Kiết Tập Lần Thứ Hai

Một trăm năm sau, Đại Hội Kiết tập lần thứ hai để bàn luận về một số giới luật. Không cần thiết phải thay đổi những giới luật ba tháng sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn vì lẽ không có gì thay đổi nhiều về chính trị, kinh tế và xã hội trong khoảng thời gian ngắn này. Nhưng 100 năm sau, một số các thầy tu nhận thấy cần phải có sự thay đổi với một số giới luật thứ yếu. Những nhà sư chính thống nói không có gì phải thay đổi trong khi những nhà sư khác khẳng khái xin thay đổi một số giới luật. Cuối cùng, một số nhà sư bỏ Đại Hội và thành lập *Mahasanghika* - Đại Chúng Bộ. Dù được gọi là *Mahasanghika*, cũng không phải là Mahayana (Đại Thừa). Trong Đại Hội Kiết Tập lần thứ hai, chỉ có những vấn đề liên quan đến giới luật được đem bàn cãi và không có gì tranh cãi về Pháp như đã được ghi nhận.

Đại Hội Kiết Tập Lần Thứ Ba

Vào thế kỷ thứ ba trước Công Nguyên, trong thời Hoàng Đế A Dục, Đại Hội Kiết Tập lần thứ ba được triệu tập để bàn thảo về những ý kiến dị biệt giữa những tỳ-kheo của nhiều phái khác nhau. Tại Đại Hội này những dị biệt không chỉ hạn hẹp trong Giới Luật mà cũng liên quan tới Pháp nữa. Lúc kết thúc Hội Nghị, Ngài Moggaliputta Tissa, tổng hợp vào một cuốn sách gọi là *Kathavatthu* bác bỏ những quan điểm và lý thuyết dị giáo và sai lầm của một số giáo phái. Giáo lý được phê chuẩn và chấp thuận bởi Đại Hội được biết là Theravada (Nguyên Thủy). Vi Diệu Pháp được bao gồm trong Đại Hội này.

Sau Đại Hội Kiết Tập lần thứ ba, người con Vua A Dục, Ngài Hòa Thượng Mahinda, mang Tam Tạng Kinh Điển đến Sri Lanka, cùng với những lời bình luận được đọc tại Đại Hội này. Những kinh điển được mang về Sri Lanka vẫn được gìn giữ cho tới ngày nay không mất một trang nào. Những kinh điển này được viết bằng tiếng Pali căn cứ vào ngôn ngữ của Magadhi (xứ

Ma Kiệt Đà) là ngôn ngữ của Đức Phật. Không có cái gì gọi là Đại Thừa vào thời bấy giờ.

Đại Thừa Xuất Hiện

Giữa thế kỷ thứ nhất trước Công Nguyên và thế kỷ thứ nhất sau Công Nguyên, hai cụm từ Mahayana (Đại Thừa) và Hinayana (Tiểu Thừa) xuất hiện trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa hay Kinh Pháp Hoa.

Vào khoảng thế kỷ thứ hai sau Công Nguyên, Mahayana (Đại Thừa) được định nghĩa rõ ràng. Ngài Long Thọ triển khai triết học tánh "Không" của Đại Thừa và chứng minh tất cả mọi thứ đều là "Không" trong một bộ luận ngắn gọi là Madhyamika-Karika (Trung Quán Luận). Vào khoảng thế kỷ thứ tư, Ngài Vô Trước và Thế Thân viết nhiều tác phẩm về Đại Thừa. Sau thế kỷ thứ nhất sau Công Nguyên, những nhà Phật Giáo Đại Thừa, giữ vững lập trường rõ ràng này, và rồi cụm từ Đại Thừa và Tiểu Thừa được nói đến.

Chúng ta không nên lẫn lộn Hinayana (Tiểu Thừa) với Theravada (Nguyên Thủy) vì những từ ngữ này không đồng nghĩa. Theravada (Nguyên Thủy) Phật Giáo nhập vào Sri Lanka vào thế kỷ thứ ba trước Tây Nguyên lúc đó không có Đại Thừa gì cả. Phái Tiểu Thừa phát triển tại Ấn Độ có một bộ phận độc lập với dạng thức Phật Giáo tại Sri Lanka. Ngày nay không có phái Tiểu Thừa hiện hữu tại nơi đâu trên thế giới nữa. Cho nên, vào năm 1950 Đại Hội Phật Giáo Thân Hữu Thế Giới khai mạc tại Colombo, đồng nhất trí quyết định bỏ hẳn từ ngữ Hinayana (Tiểu Thừa) khi nói đến Phật Giáo hiện hữu tại Sri Lanka, Thái Lan, Miến Điện, Cao Miên, Lào vân vân... Trên đây là sơ lược lịch sử Nguyên Thủy, Đại Thừa và Tiểu Thừa.

Đại Thừa và Nguyên Thủy

Bây giờ, sự khác biệt giữa Đại Thừa và Nguyên Thủy như thế nào?

Tôi đã nghiên cứu nhiều năm Đại Thừa và càng nghiên cứu bao nhiêu tôi lại càng thấy khó có khác biệt giữa Đại Thừa và Nguyên Thủy khi nhìn vào giáo lý căn bản.

- Cả hai đều công nhận Đức Phật Thích Ca là Bạc Đạo Sư.
- Tứ Diệu Đế đều đúng như vậy với cả hai trường phái.
- Bát Chánh Đạo cũng y như nhau ở hai trường phái.
- Lý Duyên Sinh hay Lý Duyên Khởi cũng y như nhau tại hai trường phái.
- Cả hai đều bác bỏ ý kiến về một đấng tối thượng sáng tạo và thống trị thế giới này.
- Cả hai đều công nhận Vô thường, Khổ, Vô Ngã, và Giới, Định, và Huệ như nhau không có gì khác biệt.

Trên đây là những giáo lý quan trọng nhất của Đức Phật và đều được chấp nhận bởi cả hai trường phái không thắc mắc.

Cũng có một vài điểm khác biệt. Một điều dị biệt ấy là lý tưởng Bồ Tát. Nhiều người nói rằng Đại Thừa chỉ con đường Bồ Tát Đạo dẫn đến Thành Phật (Giác Ngộ) trong khi Nguyên thủy dẫn đến A La Hán. Tôi phải nhấn mạnh là Đức Phật cũng là một A La Hán. Bích Chi Phật cũng là một A La Hán. Một đệ tử có thể trở thành bậc A La Hán. Kinh Điển Đại Thừa không bao giờ dùng cụm từ Arahant-Yana, Cổ xe A La Hán. Kinh Điển Đại Thừa dùng ba từ: Bodhisatvvavayana (Bồ Tát Thừa), Prateka-Buddhayana (Duyên Giác Thừa), và Sravakayana (Thinh Văn Thừa). Trong truyền thống Nguyên Thủy, ba từ trên được gọi là Bodhis (Giác ngộ).

Một số người nghĩ rằng Nguyên Thủy ích kỷ vì Nguyên Thủy dạy ta nên tìm kiếm sự giải thoát cho chính mình. Nhưng một người ích kỷ làm sao có thể đạt giác ngộ? Cả hai trường phái đều chấp nhận ba Thừa hay Giác Ngộ nhưng coi Bồ Tát là lý tưởng cao nhất. Đại Thừa tạo nhiều Bồ Tát huyền bí trong khi

Nguyên Thủy coi Bồ Tát như một người như chúng ta nhưng hiến dâng cả đời mình để đạt toàn thiện, chủ yếu trở thành một Đức Phật giác ngộ hoàn toàn cho phúc lợi và hạnh phúc của thế giới.

Tam Đẳng Phật

Có ba đẳng Phật: Samma Sambuddha (Đức Chánh Đẳng Chánh Giác) đạt giác ngộ hoàn toàn bằng nỗ lực của chính mình, Pacceka Buddha (Bích Chi Phật) phần đức hạnh kém hơn Đức Phật Chánh Đẳng Chánh Giác, và Savaka Buddha, môn đồ của A La Hán (Thỉnh Văn) thành Phật. Đạt Niết Bàn giữa ba đẳng Phật này hoàn toàn giống nhau. Điều khác biệt duy nhất là Đức Phật Chánh Đẳng Chánh Giác có nhiều Đức Tính và khả năng hơn hai Đức Phật kia.

Một số người nghĩ rằng tánh Không hay *Sunyata* bàn luận bởi Ngài Long Thọ là giáo lý hoàn toàn Đại Thừa. Nó căn cứ vào tư tưởng vô ngã hay không có cái ta, trong Lý Duyên Sinh hay Lý Duyên Khởi, tìm thấy trong những Kinh Điển Nguyên Thủy bằng tiếng Pali. Một dịp Ngài A Nan hỏi Đức Phật: "Người ta nói tiếng Không, Vậy Không là gì, thưa Đức Thế Tôn?" Đức Phật trả lời "Này A Nan, không có cái ta, không có gì của ta trên thế giới này. Cho nên, thế giới rỗng không". Ngài Long Thọ lấy ý kiến này khi Ngài viết tác phẩm nổi tiếng, bộ "Trung Quán Luận". Ngoài ra tư tưởng tánh Không là quan niệm "A lại gia thức" của Phật Giáo Đại Thừa mà mầm giống của nó từ những kinh điển Nguyên Thủy. Những nhà Đại Thừa đã triển khai tư tưởng này thành một tâm lý và triết lý sâu sắc.



LÝ TƯỜNG BỒ TÁT TRONG PHẬT GIÁO

Hòa-Thượng Tiến-Sĩ W. Rahula

Có một niềm tin lan tràn, nhất là ở phương Tây, là lý tưởng của Nguyên Thủy coi như đồng nhất với Tiểu Thừa, là để trở thành A La Hán, trong khi lý tưởng của Đại Thừa là trở thành Bồ Tát và cuối cùng đạt trạng thái thành Phật. Phải nói cho mình bạch, niềm tin đó sai. Ý kiến này được truyền bá bởi những nhà Đông Phương Học vào thời điểm khi sự nghiên cứu Phật Giáo bắt đầu phôi thai ở Tây phương, và một số người đã chấp nhận mà không muốn nhọc công đi vào vấn đề bằng cách nghiên cứu kinh điển và đời sống truyền thống tại các nước Phật Giáo. Nhưng sự thật là cả hai Nguyên Thủy và Đại Thừa đều nhất trí chấp nhận lý tưởng Bồ Tát là cao nhất.

Thuật ngữ *Tiểu Thừa* (Cổ Xe Nhỏ) và *Đại Thừa* (Cổ Xe Lớn) không thấy có trong văn học Nguyên Thủy tiếng Pali. Những từ ngữ này cũng không tìm thấy trong Tam Tạng Kinh Điển tiếng Pali hay trong những bộ luận về Tam Tạng Kinh Điển. Cũng không thấy có luôn trong biên niên sử tiếng Pali tại Ceylon, những cuốn *Dipavamsa* và *Mahavamsa*. Biên niên sử *Dipavamsa* (vào khoảng thế kỷ thứ tư sau Công Nguyên) và những bộ luận bằng tiếng Pali ghi nhận *Vitandavadins*, một phái của những Phật Tử bất đồng quan điểm giữ một vài quan điểm không chính thống về một số vấn đề trong giáo lý của Đức Phật. Phái *Vitandavadin* và Nguyên Thủy đều trích dẫn giống nhau từ những căn cứ đáng tin và đặt tên những kinh trong Tam Tạng Kinh Điển hầu hỗ trợ cho lập trường của mình, sự khác biệt chỉ là cách thức giải thích. Biên Niên sử *Mahavamsa* (thế kỷ thứ

Năm trước Công Nguyên) và một bộ luận về Vi Diệu Pháp có nhắc đến Vetulla hay Vetulyavadins (Sanskrit: Vaitulyavadin) thay vì Vitandavadin. Từ bằng chứng của kinh điển, không thể nào nhầm lẫn mà coi hai thuật ngữ - Vitanda và Vetulya- tượng trưng cho cùng một trường phái hay cùng một phái.

Chúng ta biết từ cuốn *Abbidhamma-Samuccaya*, một bộ kinh Đại Thừa đáng tin cậy (thế kỷ thứ tư sau Công Nguyên) những từ Vaitulya và Vaipulya đồng nghĩa, và Vaipulya là Bồ Tát Thừa. Vậy Bồ Tát Thừa rõ ràng là Đại Thừa. Cho nên Vaitulya chắc chắn mang nghĩa Đại Thừa.

Cho nên chúng ta có thể chắc chắn từ Vitanda và Vetulya dùng trong Biên niên sử tiếng Pali và các bộ luận nói đến Đại Thừa. Nhưng những từ Tiểu Thừa và Đại Thừa không được họ biết đến, hay bị lờ đi hay không được họ công nhận.

Toàn thể các học giả chấp nhận là những từ Tiểu Thừa và Đại Thừa là những từ đặt ra sau này. Nói theo lịch sử, Nguyên Thủy đã hiện hữu trước khi các từ này ra đời. Nguyên Thủy được coi như giáo lý nguyên thủy của Đức Phật truyền vào Ceylon và thiết lập tại đây vào thế kỷ thứ ba trước Công Nguyên trong thời đại Hoàng Đế A Dục tại Ấn Độ. Vào thời đại ấy không có gì được gọi là Đại Thừa. Đại Thừa xuất hiện sau này vào khoảng bắt đầu thời đại Ky Tô Giáo. Không có Đại Thừa thì không thể có Tiểu Thừa. Phật Giáo đi vào Sri Lanka với Tam Tạng Kinh Điển và các Bộ Luận, vào thế kỷ thứ ba trước Công Nguyên, vẫn giữ nguyên không thay đổi là Nguyên Thủy, và không trở thành màn tranh chấp giữa Tiểu Thừa và Đại Thừa được phát triển sau này tại Ấn Độ. Cho nên dường như không hợp lý khi bao gồm Nguyên Thủy vào cả hai loại này.

Đại Thừa chuyên đề cập với Bồ Tát Thừa hay cỗ xe của Bồ Tát nhưng cũng không quên hai loại: Thịnh Văn Thừa và Duyên Giác Thừa. Thí dụ, Vô Trước, người sáng lập ra hệ thống Yogacara (Du Già) trong cuốn *Magnum Opus*, Du già Sử Địa

Luận, đã có hai chương nói về Thỉnh Văn Thừa và Duyên Giác Thừa trở thành Bồ Tát Thừa cho thấy cả ba thừa đều được coi trọng trong Đại Thừa. Nhưng địa vị của Thỉnh văn hay Duyên giác thấp hơn Bồ Tát. Điều này cũng phù hợp với truyền thống Nguyên Thủy vẫn cho rằng một người có thể trở nên Bồ Tát và đạt quả vị của một Đức Phật hoàn toàn giác ngộ, nếu không được, có thể đạt quả vị của một Bích Chi Phật hay một thánh quả thỉnh văn tùy theo khả năng. Ba tình trạng này được coi như ba đắc quả trên cùng một con đường. Thực ra, Kinh Sandhinirmoocarana (Giải Thâm Mật Kinh - một bộ kinh Đại Thừa) nói rõ ràng Thỉnh Văn Thừa và Đại Thừa tạo thành một thừa, và chúng không phải là hai khác biệt và hai cỗ xe khác nhau.

Ba Cá Nhân

Bây giờ, ai là ba cá nhân: Thỉnh Văn, Duyên Giác, và Bồ Tát? Rất ngắn gọn:

Một Thỉnh văn là đệ tử của Đức Phật. Một đệ tử có thể là tăng, ni, ưu bà tắc hay ưu bà di. Hướng vào sự giải thoát của mình, một Thỉnh Văn theo và tu tập giáo lý của Đức Phật, và cuối cùng đạt Niết Bàn. Thỉnh Văn cũng phục vụ người khác, nhưng khả năng chỉ có giới hạn.

Một Bích Chi Phật (Độc Giác Phật) là người một mình chứng đắc Niết Bàn khi không có Đức Phật Chánh Đẳng Chánh Giác trên thế giới. Vị Phật này cũng phục vụ người khác nhưng trong một đường lối giới hạn. Vị này không thể khám phá ra Chân Lý cho người khác như Đức Phật Chánh Đẳng Chánh Giác, một Đức Phật hoàn toàn giác ngộ làm.

Một Bồ tát là một người (nhà sư hay cư sĩ) ở trong vị trí chứng đắc Niết Bàn như hàng Thỉnh văn hay Bích Chi Phật, nhưng vì lòng từ bi rộng lớn cho thế giới, từ bỏ tất cả và chịu khổ đau trong luân hồi để cứu người khác, toàn thiện chính mình trong một thời gian dài không kể siết và chứng đắc Niết Bàn và trở

thành một Vị Phật Chánh Đẳng Chánh Giác, một Đức Phật giác ngộ hoàn toàn. Khả năng phục vụ người khác vô giới hạn.

Định nghĩa về ba thừa (tín đồ của ba thừa) đưa ra bởi Ngài Vô Trước hết sức lợi ích cho kiến thức và làm sáng tỏ một số điểm. Theo Ngài, một Thinh văn (là một người dùng xe đệ tử) là một người sống theo luật lệ của một đệ tử. Bởi bản chất có tính năng mềm yếu, hướng vào sự giải thoát của chính mình do sự trau dồi không luyện chấp, tùy thuộc vào Kinh, người Đệ Tử, tu tập những đức tính lớn và nhỏ, dần dần chấm dứt được khổ đau. Người đi xe Duyên Giác Thừa là một người sống theo luật lệ của một vị Phật Độc Giác. Bản chất có năng lực trung bình, hướng vào sự giải thoát của chính mình do sự trau dồi của không luyện chấp, có ý đạt giác ngộ chỉ bằng sự phát triển tinh thần của chính mình, tùy thuộc vào chính mình, tu tập những đức tính lớn và nhỏ, sinh vào thời không có Phật trên thế giới và dần dần chấm dứt được khổ đau. Người theo Đại Thừa (đi cỗ xe lớn) là người sống theo luật lệ của Bồ Tát, bởi bản chất có những tính năng sắc bén, hướng vào sự giải thoát cho tất cả chúng sanh, tùy thuộc Kinh Bồ Tát, làm cho các chúng sanh khác hoàn thiện, trau dồi cảnh giới Phật thuần túy, nhận được những lời tiên đoán hay tuyên bố thọ ký của Chư Phật và cuối cùng chứng đắc Giác Ngộ đầy đủ và toàn bích. (*Samyaka-sambodhi*).

Từ những điều này, chúng ta có thể thấy bất cứ ai mong mỏi trở thành Phật là một Bồ tát, một người Đại Thừa, dù người ấy sống trong một quốc gia hay cộng đồng mà theo phổ thông và truyền thống được coi như Nguyên Thủy hay Tiểu Thừa. Tương tự như vậy, một người mong muốn đạt Niết Bàn với tư cách một đệ tử là Thinh Văn Thừa hay Tiểu Thừa dù người đó sống tại một quốc gia hay cộng đồng coi như là Đại Thừa. Vì vậy khi tin không có Bồ Tát trong những quốc gia Nguyên Thủy và tất cả là Bồ tát trong các quốc gia Đại Thừa là sai. Không thể hiểu nổi

nếu những hàng Thinh Văn và Bồ Tát lại tập trung tại các khu vực theo địa dư riêng rẽ.

Xa hơn nữa, Ngài Vô Trước nói cuối cùng khi một Bồ Tát chứng Giác Ngộ, người ấy trở nên một A La Hán, một Như Lai (có nghĩa Phật). Nơi đây phải hiểu rõ ràng không những chỉ có đệ tử Thinh Văn Thừa mà một Bồ Tát cũng có thể trở nên một A La Hán khi cuối cùng chứng Phật quả. Lập trường của Nguyên Thủy cũng đúng như vậy: Đức Phật là một A La Hán - "Araham Samma-Sambuddha" - A La Hán, Đức Phật giác ngộ đầy đủ hoàn toàn".

Đại Thừa giải thích rõ ràng là một Đức Phật, một Bích Chi Phật và một thánh quả Thinh Văn, tất cả ba đều ngang bằng, và giống nhau về phương diện thanh tịnh hóa, hay giải thoát khỏi những ô trược và bất tịnh (*Klesvaranavi-suddhi*).

Điều này cũng gọi là giải thoát thân và trong đó không có dị biệt giữa cả ba. Đó có nghĩa là không có ba Niết Bàn khác biệt cho ba người. Niết Bàn giống nhau cho cả ba. Nhưng chỉ có Đức Phật mới đạt được giải thoát hoàn toàn khỏi tất cả những chướng ngại của sự hiểu biết hay chướng ngại của kiến thức, không phải là Thinh Văn hay Bích Chi Phật. Điều này cũng được gọi là Pháp Thân (Dharma-Kaya) và chính trong Pháp Thân vô số đức tính, khả năng và tài năng mà Đức Phật trở nên cao hơn không thể so sánh với Thinh Văn và Bích Chi Phật.

Quan điểm Đại Thừa này cũng phù hợp với Tam Tạng Kinh Điển Nguyên Thủy bằng tiếng Pali. Trong Kinh Samyutta-Nikaya, Đức Phật nói Như Lai và một tỷ kheo (đệ tử Thinh Văn Thừa) giải thoát do trí tuệ bằng nhau về phương diện giải thoát, nhưng Như Lai khác biệt tỷ kheo giải thoát ở chỗ Như Lai khám phá ra con đường mà trước đây không biết.

Ba đẳng cấp của Thinh Văn, Bích Chi Phật và Phật được ghi trong những Kinh Nidhikanda và Khuddapatha, cuốn thứ nhất của Kinh Khuddaka-Nikaya, một trong năm bộ sưu tập về Tam

Tạng Kinh Điển Nguyên Thủy. Kinh này nói bằng cách tu tập các đức hạnh như nhân từ, đạo đức, tự kiểm chế vâng vâng, một người có thể đạt, giữa các việc khác, sự toàn thiện của một đệ tử, Giác Ngộ của một Bích Chi Phật, và cảnh giới Phật. Những điều này không được gọi là thừa (cỗ xe).

Trong truyền thống Nguyên Thủy, những điều trên được gọi là Bodhis (Giác Ngộ), không phải là Yanas (cỗ xe). Bộ luật bằng Tiếng Pali Upasaka-janankara viết về đạo đức cho người cư sĩ vào thế kỷ thứ 12 bởi một Hòa Thượng tên là Ananda theo truyền thống Nguyên Thủy của Mahavihara tại Anuradhpura, Sri Lanka, có ba giác ngộ: Giác ngộ của hàng Thinh Văn, Giác ngộ của hàng Duyên giác, và Giác ngộ của chư Phật. Cả một chương của cuốn này bàn luận về ba giác ngộ này rất chi tiết.

Chương này nói khi một đệ tử đạt giác ngộ, người đó được gọi là Savaka-Buddha.

Bồ Tát

Giống như Đại Thừa, Nguyên Thủy vẫn coi Bồ Tát có vị trí cao nhất. Lời bình luận trong Kinh Jataka (Tiền Kiếp của Đức Phật), về truyền thống Mahavigara tại Anuradhapura, cung cấp một thí dụ rõ ràng: trong quá khứ xa xăm, nhiều thời đại không kể xiết qua, có một nhà tu khổ hạnh tên *Sumedha* (tiền thân của Đức Phật). Vào thời đại đó có một vị Phật tên là *Dipankara* (Nhiên Đăng). *Sumedha* đến gặp vị Phật này xin cầu đạo và dưới sự hướng dẫn của Ngài, đạt được khả năng đạt Niết Bàn. Nhưng *Sumedha* từ chối và quyết định, vì từ bi cho cả thế giới, *Sumedha* muốn trở thành một vị Phật như Đức Nhiên Đăng để cứu độ những người khác. Đức Nhiên Đăng tuyên bố và tiên đoán nhà tu khổ hạnh vĩ đại này một ngày nào đó sẽ trở thành Phật; Ngài cho *Sumedha* tám nắm hoa. Cũng làm như vậy, những đệ tử của Đức Nhiên Đăng, những vị đã rắc quả A La Hán dâng hoa cho vị Bồ Tát (*Sumedha*). Câu chuyện về *Sumedha* này cho thấy rõ ràng vị trí của Bồ Tát trong Nguyên Thủy.

Mặc dầu Nguyên Thủy giữ lập trường cho rằng bất cứ ai cũng có thể trở thành Bồ tát, không có nghĩa là quy định hay nhất định tất cả phải là Bồ Tát, như vậy không thực tiễn. Quyết định là do cá nhân tùy thích muốn chọn con đường Thịnh Văn, hay Duyên Giác - Bích Chi Phật, hay Bồ Tát Thừa (Đức Phật Chánh Đẳng Chánh Giác). Nhưng lúc nào cũng giải thích rõ ràng địa vị Chánh Đẳng Chánh Giác cũng cao hơn và hai đẳng kia thấp hơn. Nhưng không phải những đẳng này không được coi trọng.

Vào thế kỷ thứ 12 sau Công Nguyên, Myanmar (một quốc gia thuần túy Nguyên Thủy) Hoàng Đế Alaungsithu tại Pagan, sau khi xây Chùa Shwegugyi, khắc một bài thơ bằng tiếng Pali trên một tấm bia ghi lại hành động sùng đạo này và ông cũng công khai tuyên bố quyết định muốn trở thành Phật chứ không trở thành bậc Thịnh Văn.

Tại Sri Lanka, vào thế kỷ thứ Mười, Hoàng Đế Mahinda Đệ Tứ (956-972 sau Công Nguyên) trên một tấm bia khắc lời tuyên bố: "Không ai mà chỉ có các Bồ Tát mới trở thành Vua của Sri Lanka (Ceylon)". Như vậy người ta tin rằng những vị Vua của Sri Lanka đều là Bồ Tát cả.

Một Hòa Thượng tên *Maha-Tipika Culabhaya* viết cuốn *Malinda-Tika* (vào khoảng thế kỷ 12 sau Công Nguyên) theo truyền thống Nguyên Thủy của Mahavihara tại Anudhapura, trong phần cuối có ghi ông mong muốn trở thành Phật: *Buddho Bhaveyam* "Tôi muốn trở thành Phật" có nghĩa tác giả là một vị Bồ Tát.

Chúng tôi tình cờ thấy phần cuối của một số bài viết tay trên lá cây cọ tại Sri Lanka có ghi tên và trên cả một số bản sao có ghi lời nguyện muốn trở thành Phật, và những người này tự coi mình như các Bồ Tát. Vào cuối các cuộc lễ hay để tỏ lòng sùng đạo, vị tỷ kheo thường đưa ra lời nguyện cầu, khuyên nhủ giáo đoàn phát nguyện đạt Niết Bàn bằng cách thực hiện ba giác ngộ

- *Thịnh Văn - Duyên Giác* hay *Bồ Tát* - như họ nguyện cầu tùy theo khả năng.

Tại Sri Lanka, Myanmar, Thái Lan, Campuchia, những nước được coi là Nguyên Thủy, rất nhiều Phật Tử, cả tăng ni và cư sĩ, phát nguyện quyết tâm trở thành Phật để cứu độ người khác. Họ thực ra là các Bồ Tát ở những giai đoạn phát triển khác nhau. Vì vậy có thể thấy rằng tại các quốc gia theo trường phái Tiểu Thừa, không phải tất cả mọi người đều là Thịnh Văn mà còn có cả Bồ Tát.

Có sự dị biệt lớn có ý nghĩa giữa Nguyên Thủy và Đại Thừa về lý tưởng Bồ Tát. Nguyên Thủy, mặc dầu giữ lập trường lý tưởng Bồ Tát là cao nhất và cao thượng nhất, không cung cấp tác phẩm riêng biệt nào dành cho chủ đề. Những giáo lý về lý tưởng Bồ tát và hành động Bồ Tát tìm thấy rải rác tại nhiều nơi trong kinh sách Pali. Đại Thừa theo định nghĩa dân gian cho lý tưởng Bồ Tát, không những chỉ sáng tạo một kho tàng văn chương xuất sắc về chủ đề mà còn tạo ra giới Bồ tát huyền bí thật hấp dẫn.



TÔN GIÁO TRONG THỜI ĐẠI KHOA HỌC

Hòa-Thượng Tiến-Sĩ K. Sri Dhammananda

Ngày nay chúng ta sống trong thời đại khoa học, hầu hết mọi khía cạnh của cuộc đời đều bị ảnh hưởng bởi khoa học. Từ cuộc cách mạng khoa học vào thế kỷ thứ Mười Bảy, khoa học tiếp tục ảnh hưởng lớn lao đến những gì chúng ta nghĩ và làm.

Sự va chạm của khoa học đặc biệt mạnh mẽ với niềm tin truyền thống tôn giáo. Nhiều quan tôn giáo niệm căn bản đang bị vỡ tan dưới áp lực của khoa học hiện đại và không còn được chấp nhận đối với người trí thức và người am hiểu. Không còn có thể khẳng định chân lý chỉ bắt nguồn do ước đoán thần học hay căn cứ vào uy thế của kinh thánh biệt lập với nghiên cứu khoa học. Thí dụ, những khám phá của những nhà tâm lý hiện đại cho thấy tâm con người, giống như thân vật chất, hành động theo luật nhân quả tự nhiên không cần phải có sự hiện diện của một linh hồn bất biến như dạy bởi một số tôn giáo.

Một số nhà tôn giáo thích không đếm xỉa đến những khám phá khoa học vì những khám phá này mâu thuẫn với giáo điều của họ. Tập quán tinh thần ngoan cố này đương nhiên là một trở ngại cho sự tiến bộ của loài người. Vì người hiện đại từ khước tin tưởng bất cứ điều gì một cách mù quáng và cả đến điều được truyền thống chấp nhận, những nhà tôn giáo như thế chỉ làm tăng hàng ngũ những người không tin tưởng tôn giáo bởi lý thuyết sai lầm của họ.

Mặt khác, một số các nhà tôn giáo lại thấy cần thiết đem thích nghi những lý thuyết khoa học được chấp thuận bằng cách đưa

ra những lời giải thích mới với niềm tin tôn giáo của họ. Một trường hợp đáng kể là Thuyết Tiến Hóa của Darwin. Một số các nhà tôn giáo xác nhận con người trực tiếp được tạo ra bởi Thượng Đế. Darwin, mặt khác, cho là con người tiến hóa từ vượn người, một lý thuyết đảo lộn học thuyết sáng tạo thiêng liêng và sự xuống thế của con người. Vì tất cả những nhà tư duy sáng suốt đã chấp nhận thuyết của Darwin, các nhà thần học không còn gì hơn để chọn lựa ngoại trừ đưa ra một sự giải thích mới về học thuyết của họ hầu phù hợp với lý thuyết này mà từ lâu họ chống đối.

Dưới ánh sáng của những khám phá khoa học hiện đại, không khó khăn gì hiểu rằng quan điểm của nhiều tôn giáo về vũ trụ và đời sống chỉ thuần là những tư tưởng qui ước và đã được thay thế từ lâu. Thật ra mà nói là tôn giáo đã đóng góp vĩ đại cho sự phát triển và tiến bộ của nhân loại. Tôn giáo đã đặt ra những giá trị và tiêu chuẩn và hình thành những nguyên tắc để hướng dẫn đời sống con người. Nhưng dù cho tất cả những điều thiện đã làm, tôn giáo không thể tồn tại trong thời đại khoa học hiện đại nếu những tín đồ cứ bị bưng bít sự thật trong những khuôn mẫu và giáo điều, khuyến khích nghi thức và một số lối tu tập đã gần như mất hết ý nghĩa nguyên thủy.

Phật Giáo và Khoa Học

Cho tới đầu thế kỷ vừa qua, Phật Giáo vẫn còn hạn chế tại những nước không dính líu gì đến khoa học hiện đại. Tuy nhiên, ngay từ lúc khởi đầu, giáo lý của Đức Phật luôn luôn rộng mở cho sự suy nghĩ của khoa học.

Một lý do tại sao giáo lý này lại được dễ dàng chấp nhận bởi tinh thần khoa học là do Đức Phật không bao giờ khuyến khích niềm tin giáo điều cứng nhắc. Ngài không cho rằng căn bản giáo lý của Ngài là do tín ngưỡng, niềm tin, hay khái huyền nhưng cho phép được uyển chuyển rộng rãi và tự do tư tưởng.

Lý do thứ hai là vì tinh thần khoa học có thể tìm thấy trong cách giải quyết của Đức Phật về Chân Lý vũ trụ. Phương pháp khám phá và thử nghiệm Chân Lý rất tương tự với phương pháp của khoa học. Khoa học gia quan sát một cách khách quan thế giới bên ngoài, và chỉ thiết lập lý thuyết khoa học sau nhiều lần thực nghiệm có kết quả.

Sử dụng cách giải quyết tương tự từ 25 thế trước đây, Đức Phật quan sát thế giới bên trong với tâm không luyến chấp, và khuyến khích đệ tử không chấp nhận bất cứ giáo lý nào cho đến khi giáo lý ấy được điều tra kỹ lưỡng và được tự mình kiểm chứng sự thật. Giống như nhà khoa học hiện đại không cho rằng sự thử nghiệm của mình không thể sao chép lại bởi người khác, Đức Phật không cho rằng kinh nghiệm giác ngộ là độc quyền của Ngài. Vậy nên trong vấn đề tìm cầu Chân Lý, Đức Phật làm việc phân tích như khoa học gia ngày nay làm. Ngài thiết lập một phương pháp thực tiễn, khoa học tiến tới Chân Lý tối thượng và kinh nghiệm của Giác Ngộ.

Trong khi Phật Giáo đi cùng đường hướng với tinh thần khoa học và không làm sút mẻ gì bề mặt của thế giới bên trong con người, khoa học thì vẫn không đúng khi đem đặt Phật Giáo ngang hàng với khoa học. Quả đúng là những áp dụng thực tiễn của khoa học giúp cho nhân loại sống cuộc đời tiện nghi hơn và đạt được những điều kỳ lạ mà trước đây chỉ là điều mơ ước. Khoa học đã làm cho con người bơi nhanh hơn cá, bay cao hơn chim, và đi trên cung trăng. Tuy nhiên phạm vi kiến thức chấp nhận được đối với trí tuệ khoa học qui ước bị giới hạn vào bằng chứng theo lối kinh nghiệm. Và chân lý khoa học cũng bị thay đổi không ngừng. Khoa học không thể giúp con người kiểm soát tâm mình được và cũng không thể cho kiểm soát đạo đức và mục đích cuộc đời. Mặc dù có tạo những sự kỳ diệu, đương nhiên khoa học có nhiều giới hạn nhưng Phật Giáo vượt qua những giới hạn đó.

Giới Hạn Của Khoa Học

Ta thường nghe thấy rất nhiều về khoa học và điều khoa học có thể làm được, và rất ít về điều mà khoa học không làm được. Kiến thức khoa học bị giới hạn vào dữ kiện nhận được do giác quan. Khoa học không công nhận sự thực vượt qua dữ kiện giác quan. Chân lý khoa học được xây dựng trên sự quan sát hợp lý của giác quan - sự kiện luôn luôn thay đổi. Chân lý khoa học, cho nên, chỉ tương đối đúng không đứng vững với thời gian. Và khoa học gia nhận thức được sự kiện này, lúc nào cũng muốn loại bỏ một lý thuyết và thay thế vào một lý thuyết tốt hơn.

Khoa học cố gắng tìm hiểu thế giới bên ngoài và hầu như không chạm đến thế giới bên trong con người. Ngay cả đến khoa học tâm lý cũng không thực sự thăm dò nguyên nhân nằm sau tinh thần lo âu của con người. Khi một người bị dao động và chán ghét cuộc sống, và thế giới bên trong của người ấy tràn ngập những xáo trộn và bất an, khoa học ngày này không trang bị gì để giúp người ấy. Khoa học xã hội phục vụ cho môi sinh con người có thể mang lại một mức độ hạnh phúc nào đó. Nhưng không giống như con vật, con người cần nhiều hơn không chỉ là tiện nghi vật chất mà cần sự giúp đỡ để đương đầu được với dao động, đau khổ phát sinh từ kinh nghiệm hàng ngày.

Ngày nay nhiều người bị hành hạ bởi sợ hãi, bồn chồn và bất an. Nhưng khoa học thất bại không cứu giúp được họ. Khoa học không thể dạy một người bình thường kiểm soát tâm, khi bị lôi cuốn bởi bản chất thú tính thiêu đốt trong lòng họ.

Có thể nào khoa học làm con người tốt hơn không? Nếu có thể được, tại sao những hành vi bạo động và vô luân đầy dẫy tại các nước rất tiến bộ về khoa học? Phải công bằng mà nói mặc dầu tiến bộ khoa học đạt được, và những lợi nhuận ban cho con người, khoa học vẫn không thay đổi nội tâm con người một cách căn bản; nó chỉ làm tăng cường cảm nghi ỷ lại và thiếu thốn?

Thêm vào thất bại trong việc đem an ninh đến cho loài người, khoa học làm mỗi người cảm thấy bất an bởi sự đe dọa thế giới có thể toàn bộ bị tiêu diệt. Khoa học không thể cung cấp mục đích cuộc đời có ý nghĩa. Nó cũng không thể cho con người những lý do rõ ràng về cuộc sống. Thực ra, khoa học rất thế tục do bản chất và không quan tâm gì đến mục tiêu tinh thần của con người. Duy vật chủ nghĩa vốn gắn liền với tư tưởng khoa học bác bỏ mục tiêu tâm linh cao hơn sự thỏa mãn vật chất. Bởi lý thuyết chọn lựa và chân lý tương đối, khoa học không để ý đến những vấn đề thiết yếu nhất và để lại nhiều câu hỏi không được trả lời. Chẳng hạn, khi hỏi tại sao có sự bất bình đẳng vật chất và tinh thần hiện hữu giữa những con người, không có câu giải nghĩa khoa học nào có thể trả lời câu hỏi đó, câu hỏi này vượt qua giới hạn chật hẹp của nó.

Ngu Có Học

Tâm siêu việt mở mang bởi Đức Phật không bị giới hạn vào giác quan - dữ kiện và vượt qua cái hợp lý vương mắc trong phạm vi giới hạn của sự nhận thức tương đối. Trí thông minh của con người, trái lại, hoạt động trên cơ sở thông tin, nó thâm nhập và tàng trữ ở bất cứ lãnh vực tôn giáo, triết lý, khoa học hay nghệ thuật. Thông tin cho tâm được thu thập qua giác quan, giác quan này thấp kém trong nhiều đường lối. Thông tin giới hạn nhận được làm sự hiểu biết của chúng ta về thế giới bị bóp méo. Trong cuốn sách, Ngu Có Học, một học giả người Pháp tên Nicholas tại Cusa nhận định:

"Tất cả kiến thức khoác lác của chúng ta căn cứ trên giác quan quả thật là ngu dốt, và kiến thức thực sự chỉ có thể đạt được bằng cách lột bỏ tất cả hết điều này cho đến khi chúng ta suy nghĩ mà không sử dụng ý kiến giác quan."

"Chân lý không lệ thuộc vào những vấn đề bên ngoài mà chính trong phạm vi chúng ta. Chúng ta không thể hy vọng tìm chân lý bằng thử nghiệm và nhận thức giác quan và cả đến lý luận

và lý lẽ. Có những dụng cụ đặt kiến thức nhưng không phải là sự thật - Chân lý. Chân lý phải đến từ sự nhận thức bên trong. Sách vở chỉ có thể kích thích tư tưởng và cho bạn kiến thức. Còn để tìm kiếm Chân lý bạn phải quay vào bên trong, trong phạm vi của bạn. Cho nên, sự tìm kiếm kiến thức là một việc, và sự tìm kiếm Chân lý lại là một việc khác."

Lời nói là sản phẩm của trí óc có giới hạn và tất cả kiến thức của tâm chúng ta tùy thuộc vào kinh nghiệm của giác quan. Những giác quan này đôi khi không tin tưởng được; một việc xảy ra chúng kiến bởi nhiều người có thể giải thích nhiều cách khác nhau".

Một số người hãnh diện về việc họ biết rất nhiều. Thực ra, chúng ta càng biết ít bao nhiêu, chúng ta càng chắc chắn ở sự giải thích của chúng ta bấy nhiêu; chúng ta càng biết bao nhiêu chúng ta càng nhận thức thấy giới hạn của chúng ta bấy nhiêu.

Một học giả xuất sắc viết một tác phẩm mà ông coi là một công trình tuyệt tác. Ông cảm thấy cuốn sách của ông chứa tất cả những hạt ngọc văn chương và triết lý. Rất hãnh diện về thành quả của mình, ông đưa tác phẩm cho người bạn đồng nghiệp của ông, vị này cũng là một học giả lẫy lừng như ông, và yêu cầu người đồng nghiệp hiệu đính lại cho ông. Thay vì kiểm lại, người đồng nghiệp yêu cầu tác giả viết xuống giấy tất cả những gì ông biết và tất cả những gì ông không biết. Tác giả ngồi xuống và bắt đầu suy nghĩ, nhưng sau một hồi lâu ông không thể viết được gì về những điều ông biết. Ông bèn quay về với câu hỏi thứ hai, và cũng vậy, ông cũng không thể viết gì về những điều ông không biết. Cuối cùng, khi cái tôi của ông đã hạ xuống, ông đầu hàng, và biết rằng tất cả những gì ông biết thực ra chỉ là ngu xuẩn.

Về phương diện này, Socrates, nhà hiền triết Athenian nổi tiếng về thời cổ, đã nói như sau khi được hỏi về điều ông biết: "Tôi chỉ biết một điều - đó là điều tôi không biết".

Vượt Qua Khoa Học

Phật Giáo vượt qua khoa học hiện đại trong việc chấp nhận lãnh vực kiến thức rộng lớn hơn kiến thức được chấp nhận phép bởi trí tuệ khoa học. Phật Giáo chấp nhận kiến thức phát xuất từ giác quan cũng như từ kinh nghiệm bản thân đạt được do sự rèn luyện tinh thần. Bằng cách tập luyện và phát triển tâm trí tập trung cao độ, kinh nghiệm tôn giáo có thể được hiểu biết và kiểm chứng. Kinh nghiệm tôn giáo không phải là điều có thể hiểu được bằng cách thử nghiệm trong một ống nghiệm hay quan sát dưới kính hiển vi.

Chân lý khám phá ra bởi khoa học chỉ tương đối và lệ thuộc vào sự thay đổi, nhưng Chân lý khám phá ra bởi Đức Phật là không thể thay đổi được nữa và tuyệt đối. Chân lý của Pháp không thay đổi theo thời gian và không gian. Hơn nữa trái với lý thuyết chọn lựa của khoa học, Đức Phật khuyên người trí không nên bám víu vào lý thuyết, khoa học hay lãnh vực nào khác. Thay vì lý thuyết, Đức Phật khuyên nhân loại làm sao sống một cuộc đời chính đáng bằng cách làm lắng dịu giác quan, quảng đi những ham muốn, Đức Phật nhấn mạnh vào phương cách mà ta có thể tự khám phá ra bản chất của đời sống. Và mục đích thực sự của đời sống có thể tìm ra được.

Tu tập rất quan trọng trong Phật Giáo. Một người học nhiều nhưng không thực hành thì chẳng khác gì đọc được công thức từ một cuốn gia chánh to lớn mà không cố gắng nấu một món nào. Cái đói của người ấy không hết được chỉ bằng kiến thức trên sách vở. Thực hành là sự tiên quyết quan trọng cho giác ngộ trong một số trường phái Phật Giáo, như Thiên (Zen), tu tập phải đặt trước kiến thức.

Phương pháp khoa học chỉ hướng về bên ngoài, và những khoa học gia hiện đại khai thác thiên nhiên và những yếu tố tự nhiên để phục vụ tiện nghi của họ, đôi khi không để ý gì đến nhu cầu hòa hợp với môi trường, và do đó làm ô nhiễm thế giới

Trái lại, Phật Giáo hướng vào bên trong, quan tâm đến sự phát triển nội tâm. Ở mức độ thấp hơn, Phật giáo dạy một cá nhân làm sao điều chỉnh và đương đầu với những biến cố và hoàn cảnh trong đời sống hàng ngày. Ở mức độ cao hơn, Phật Giáo tượng trưng sự nỗ lực phát triển vượt qua bản thân nhờ sự tu tập trau dồi tinh thần hay phát triển tâm trí.

Phật Giáo có hệ thống huấn luyện tinh thần đầy đủ liên quan với việc đạt tuệ giác đối vào bản chất của sự vật dẫn đến sự chứng đắc hoàn toàn Chân Lý Tối Thượng: Niết Bàn. Hệ thống này vừa thực tiễn vừa khoa học, nó đòi hỏi sự quan sát vô tư trạng thái xúc cảm và tinh thần. Giống như một khoa học gia hơn là một quan tòa, người tu thiền quan sát thế giới bên trong với sự chú tâm.

Khoa Học Không Tôn Giáo

Không có lý tưởng đạo đức, khoa học là mối nguy cho nhân loại. Khoa học làm ra máy móc, máy móc trở thành chúa tể. Dạn và bom là tặng phẩm của khoa học. Có một số có quyền uy mà số phận của thế giới tùy thuộc vào. Trong khi phần nhân loại còn lại chờ đợi trong thống khổ và sợ hãi, không biết khi nào những vũ khí nguyên tử, hơi độc, những vũ khí giết người - tất cả những thành quả nghiên cứu khoa học được thiết kế để giết chóc cho hữu hiệu - sẽ được sử dụng với họ. Khoa học không thể hướng dẫn tinh thần cho nhân loại, khoa học còn đổ dầu vào ngọn lửa tham dục của con người.

Khoa học không đạo đức chỉ có nghĩa phá hoại: nó trở thành quái-vật tàn bạo do con người khám phá ra. Và bất hạnh thay, con quái vật này càng ngày càng mạnh hơn chính con người. Trừ phi con người học hỏi cách kiểm chế và ngự trị con quái vật ấy qua thực hành luân lý tôn giáo, nếu không con quái vật ấy sẽ áp đảo con người. Không có hướng dẫn đạo giáo, khoa học đe dọa tiêu diệt thế giới. Trái lại, khoa học đi đôi với một tôn

giáo như Phật Giáo có thể thay đổi thế giới này thành thiên đường hòa bình, an ổn và hạnh phúc.

Không lúc nào bằng lúc này, sự hợp tác giữa khoa học và tôn giáo lại cần thiết đến thế cho lợi ích và phục vụ tốt nhất cho nhân loại. Tôn giáo không khoa học thì mù quáng, trong khi khoa học không tôn giáo thì khập khiễng.

Tán Thán Phật Giáo

Trí tuệ Phật Giáo xây dựng trên từ bi có một vai trò sống còn trong việc sửa lại mục tiêu nguy hiểm khoa học hiện đại đang hướng về. Phật Giáo có thể cung cấp sự lãnh đạo tinh thần để hướng dẫn nghiên cứu khoa học và phát minh hứa hẹn một tương lai rục rờ. Phật Giáo có thể cung cấp mục tiêu có giá trị cho khoa học tiến bộ hiện đang phải đối đầu với một ngõ cụt vô vọng của sự bị bị nô dịch hóa bởi những phát minh.

Albert Einstein tán thán Phật Giáo khi ông nói: "Nếu có một tôn giáo nào có thể đáp ứng với nhu cầu khoa học hiện đại, thì tôn giáo đó phải là Phật Giáo" Phật Giáo không cần phải xét lại để cập nhật hóa với những khám phá mới của khoa học.

Phật Giáo không cần phải đầu hàng quan điểm cho khoa học vì Phật Giáo bao gồm cả khoa học cũng như vượt qua khoa học. Phật Giáo là cây cầu nối tư tưởng đạo lý và tư tưởng khoa học bằng cách khuyến khích con người khám phá ra tiềm năng tiềm ẩn trong tâm và môi trường chung quanh. Phật Giáo lúc nào cũng hợp thời!



TÔN GIÁO TRONG MỘT XÃ HỘI ĐA TÔN GIÁO

Hòa-Thượng Tiến-Sĩ K. Sri Dhammananda

Giáo lý và các thông điệp của các đại đạo sư, các nhà khai sáng ra tôn giáo trên thế giới, trước nhất nhằm vào giảm thiểu khổ đau và mang hòa bình và hạnh phúc cho nhân loại nhờ sự áp dụng luân lý, hạnh kiểm đạo đức và cuộc sống chính đáng. Tuy nhiên, ngày nay tôn giáo thế giới đã phát triển thành những cơ quan tổ chức lớn có tính cách khách quan với kết quả là những giáo lý nguyên thủy của những vị khai sáng về tính giản dị, kiểm chế, chân thật và vị tha đã bị sói mòn hay sao lãng nên khó còn ảnh hưởng đến những tín đồ. Nội dung tinh thần của tôn giáo và các giá trị tinh thần vận động hòa bình của nó đã bị che mờ bởi những giá trị vật chất lôi cuốn hơn. Nhiều tín đồ của các tôn giáo trên thế giới đã không còn lưu ý và coi nhẹ những huấn thị của vị đạo sư để tìm quyền uy, danh tiếng, và lợi lạc vật chất cho sự bành trướng riêng tư. Sự lạm dụng này có xu hướng ô nhiễm tâm những nhà tôn giáo hiện đại và gây nên những sự cạnh tranh không lành mạnh và những bức tường ngăn cách giữa những nhóm tôn giáo khác cũng như trong phạm vi cùng một cộng đồng tôn giáo.

Sự Khoan Dung Trong Tôn Giáo

Khi ta nghiên cứu lịch sử của một số tôn giáo trên thế giới và ảnh hưởng to lớn của tôn giáo đến con người sau một thời gian dài, ta có thể hiểu được điều lầm lẫn ghê gớm gì đã phạm phải do sự bất khoan dung trong tôn giáo. Những từ như 'hành hạ',

'dị giáo', 'ngoại đạo', 'tà giáo' và nhiều từ có nghĩa rộng tương tự khác, đã thâm nhập vào ngữ vựng của các sách tôn giáo để mô tả những tàn bạo, độc ác, thành kiến và kỳ thị dưới danh nghĩa tôn giáo do sự bất khoan dung trong tôn giáo. Những sự việc bất hạnh này để lại một vết nhơ trong tôn giáo, nhiều đến nỗi nhiều người biết suy nghĩ có ý định quay mặt làm ngơ trước những tổ chức tôn giáo hay trước chính từ 'tôn giáo'. Giá trị thực sự của tôn giáo đã bị tan rã nhanh chóng và biến mất khỏi tâm trí con người, thậm chí cả đến giữa những người mệnh danh là người có đạo lý. Muốn chống lại trào lưu này, rất cần đến sự nghiên cứu và tìm hiểu thích hợp việc tu tập tôn giáo để tất cả những ai liên quan hành trì hầu mang lại sự hiểu biết thấu đáo hơn cùng sự nhận thức được giá trị tinh thần tôn giáo chân chính tránh được những lỗi lầm bất hạnh trong quá khứ.

Giáo Dục Trong Tôn Giáo

Muốn chung sống hòa bình và hòa hợp trong một xã hội đa tôn giáo, ta nên có một nền giáo dục tôn giáo mạnh mẽ nhấn mạnh vào giá trị luân lý và đạo đức như là bước tiến tích cực thứ nhất đến việc hiểu biết tốt hơn và sự hợp tác hỗ tương giữa tất cả những nhà tôn giáo. Tất cả những nhà tôn giáo nên đoàn kết và hợp tác với nhau để thúc đẩy và thành lập một nền giáo dục tôn giáo thích hợp không những cho một tôn giáo đặc biệt nào đó mà cho phần cốt tủy của tất cả các giáo lý của các tôn giáo có thể soi sáng cũng như đưa tuệ giác vào bản chất của một cuộc sống tinh thần cao hơn, nhất là về giá trị luân lý và đạo đức. Một bước như vậy sẽ là sự trợ giúp rõ ràng làm giảm thiểu nếu không phải là quét sạch hạt nhân cuồng tín tôn giáo và những thành kiến truyền thống đã là nguyên nhân suy sụp của sự xung đột giữa các tôn giáo. Biện pháp khác giúp tạo sự hiểu biết tốt hơn giữa các tôn giáo và tôn trọng lẫn nhau phải là sự thành lập những tổ chức liên tôn có những cuộc thuyết giảng thường xuyên, những cuộc nói chuyện, bàn luận, hội thảo và diễn đàn về tôn giáo và những môn học cùng tính chất. Làm

như vậy, sự vận động lúc nào cũng phải là sự tìm kiếm đường lối chung có thể vận động hòa bình và hòa hợp hơn là áp dụng một thái độ kẻ cả hay lấn át của tôn giáo này đối với tôn giáo kia.

Hoạt Động Phúc Lợi

Tổ chức các hội nghị thân hữu, thể chế của các chương trình phục vụ cộng đồng, hoạt động xã hội và phúc lợi nhờ đó tất cả các nhà tôn giáo hoạt động chặt chẽ với nhau vì sự nghiệp nhân đạo chung, nâng cao số phận các người bất hạnh hơn trong xã hội, là những phương tiện phục vụ cho tình hữu nghị chung vượt qua những dị biệt tôn giáo và tạo ra tinh thần tôn trọng và đánh giá cao lẫn nhau dẫn đến hòa bình và hòa hợp giữa các tôn giáo.

Tổ Chức Thiếu Niên

Một lãnh vực quan trọng khác mà những nhà tôn giáo phải nghiên cứu là lãnh vực tổ chức thiếu niên và những hoạt động liên quan. Những thiếu niên ngày nay sẽ là những người trưởng thành ở ngày mai. Không được phép để chúng sa vào những cám dỗ của thời đại hiện nay. Tất cả sức lực và tài lực trẻ phải được khai thác và điều động thích nghi vào những mục tiêu xây dựng. Chúng cần phải biết đến tất cả những giáo lý căn bản trong việc xây dựng một xã hội hòa bình và hòa hợp và không bị tiêm nhiễm bởi nọc độc của nhạo báng tín ngưỡng của người này hay tín ngưỡng của người khác. Nếu được hướng dẫn đứng đắn do những nguyên tắc tôn giáo, như kiên nhẫn, khoan dung và hiểu biết, giới thanh thiếu niên ngày nay là một tài sản vĩ đại trong việc phát triển sự hòa hợp tôn giáo và cộng tác lớn lao giữa những nhà tôn giáo trong những ngày tới.

Khoan Dung và Kính Trọng

Khoan dung và kính trọng là hai từ chủ yếu phải được ghi nhớ trong tâm trong một xã hội đa tôn giáo. Ta không nên chỉ thuyết

giảng khoan dung, mà phải cố gắng vào tất cả các dịp có thể được, đem thực hành tinh thần nhân hậu về khoan dung sẽ tiến xa trong việc tạo bầu không khí hòa bình và hòa hợp. Chúng ta có thể không hiểu hay cảm nhận giá trị thực chất của một số nghi lễ và tu tập mới lạ thi hành bởi một số các nhà tôn giáo bạn. Tương tự như vậy, những người khác cũng có thể không ở trong hoàn cảnh hiểu được và cảm nhận nghi lễ và những sự tu tập của chúng ta. Nếu chúng ta không muốn người khác chế diễu các hành động của chúng ta, thì chúng ta cũng đừng chế diễu những người khác. Chúng ta nên cố gắng thăm dò hay tìm hiểu sự tu tập lạ đối với chúng ta vì như vậy sẽ giúp tạo được niềm thông cảm hơn, như vậy làm tăng thêm tinh thần khoan dung giữa những tín đồ của các giáo phái bạn.

Được biết rằng kính trọng sinh kính trọng. Nếu chúng ta mong mỗi những nhà tôn giáo bạn dành sự kính trọng về sự tu tập của chúng ta, thì đến lượt chúng ta cũng không ngần ngại gì biểu lộ lòng kính trọng với người khác khi họ thực hành sự tu tập tôn giáo của họ. Một thái độ như vậy, nhất định đóng góp vào một sự tương quan thân hữu tốt đẹp trong một xã hội đa tôn giáo.

Không có sự áp dụng thực tiễn tinh thần khoan dung và tôn kính với nhau, nọc độc xấu xa của kỳ thị, nhạo báng và hận thù sẽ đổ xuống như vòi nước để phá hoại hòa bình, yên ổn của xã hội và xứ sở chúng ta. Thực tế là tại một số quốc gia tinh thần khoan dung tôn giáo và tôn trọng lẫn nhau không tồn tại, thay vào đó giết người, đốt nhà, phá hoại tài sản có giá trị lại xảy ra. Hành động ngu dại như thế, gây thiệt hại không thể sửa chữa nổi cho nhiều sinh mạng quý giá và tài sản sẽ là điển hình để mở mắt cho tất cả những ai yêu quý hòa bình và hòa hợp. Tất cả những tôn giáo bạn nên nắm tay nhau trong tình bạn bè, quan hệ thân thiện, và một tinh thần thiện chí đối với nhau để đạt niềm hy vọng ấp ủ của tất cả những người yêu chuộng hòa bình trong việc xây dựng một xã hội hòa hợp và yên ổn.

Những Khía Cạnh Tinh Thần Của Cuộc Sống

Đời sống trên thế giới này ngắn chẳng tày gang so với khoảng thời gian vô tận. Chúng ta tham đắm đạt vật chất nhưng chúng ta không nên chèn ép những mặt tinh thần của đời sống như các bậc đạo sư tiền bối của chúng ta đã dạy. Chúng ta nên làm phong phú đời sống bằng cách đem thực hành giáo lý cổ xưa cao thượng của các đạo sư để sống một cuộc đời khả kính, đứng đắn và hữu ích, làm điều lành bất cứ lúc nào có thể được, và lúc nào cũng tránh xa tội lỗi. Thông điệp chung do các đạo sư trên thế giới đề xuất là tất cả nhân loại sống một cuộc sống nhân đạo giữ vững những khía cạnh tinh thần của những giáo lý liên hệ hầu đóng góp vào hòa bình và hòa hợp.

Truyền Bá Tôn Giáo

Để truyền bá một tôn giáo đặc biệt nào đó, việc cần thiết là khía cạnh quan trọng nhất của tôn giáo ấy phải được đề xuất. Đường lối đó rất được trông đợi bởi một bề ngoài hấp dẫn là cần thiết để thu hút sự chú ý. Để đi nhanh hết sức mình là một đề nghị rất tốt mà tất cả các nhà tôn giáo đều cố gắng làm như vậy trong khi bán món hàng tôn giáo của họ, việc làm như vậy không thay đổi. Tuy nhiên, trong một xã hội đa tôn giáo có sự cạnh tranh mãnh liệt để có người theo đạo hoặc đổi đạo, cho nên phải có một sự hiểu biết lẫn nhau giữa những nhà lãnh đạo tôn giáo để tránh sự coi thường, phê bình hay nói xấu niềm tin và tu tập của các tôn giáo khác. Rất có lý là tất cả những điều đẹp đẽ, hấp dẫn và lợi lạc trong một tôn giáo nào đó nên được trình bày bởi người truyền bá, chứ không nên nói xấu sau lưng sau lưng một nhà tôn giáo khác nhằm rêu rao tôn giáo của mình là tôn giáo tốt nhất và tôn giáo mình mới thuần túy còn niềm tin và tu tập tôn giáo khác chỉ là giả mạo. Việc áp dụng một thái độ như vậy có khuynh hướng tạo các cảm nghĩ xấu và thậm chí thù oán giữa những nhà cùng làm tôn giáo đưa đến trả thù chửi rủa lẫn nhau, nhất định không phải là mục đích của bất cứ một tôn giáo đáng kính nào đáng được gọi là tôn giáo.

Sự thật là tất cả các tôn giáo hiện hữu đều phục vụ cho lợi ích nhân loại. Tất cả những đạo sư vĩ đại của tôn giáo trên thế giới thuyết giảng hòa bình và hòa hợp cho tất cả nhân loại. Những nhà lãnh đạo tôn giáo khả kính với trí tuệ mang tới tất cả cái thiện, nhân đức, và đạo đức vì sự giải thoát và giải phóng nhân loại. Những đạo sư tôn giáo cao thượng không khiển trách hay làm bẽ mặt lẫn nhau để tạo hỗn loạn, hiểu nhầm hay xích mích giữa quần chúng. Các ngài đều đạt hạnh phúc và phúc lợi của nhân loại trong tâm. Mục đích duy nhất của các ngài là tạo một thế giới tốt đẹp hơn cho mọi người sống trong tình hữu nghị và hòa hợp.

Sự kiện các nhà lãnh đạo tôn giáo thế giới xuất hiện trên thế giới vào những thời điểm và tại những địa điểm khác nhau, có xu hướng tạo sự đa dạng rõ ràng và vô số niềm tin đạo lý và tu tập thịnh hành trong những môi trường khác nhau và tại những nơi khác nhau trên thế giới. Mỗi nhà lãnh đạo tôn giáo đều có quan niệm riêng của mình, cách thức và đường lối truyền đạt giáo lý căn cứ vào nền văn hóa của tín đồ ở mức rộng. Từ cái dường như dị biệt phát xuất nhiều dạng thức niềm tin đạo giáo và tu tập đa dạng.

Nạn Nhân Của Hoàn Cảnh

Nếu đứa trẻ sinh ra ở nơi một gia đình Ky tô giáo, không có sự chọn lựa nào cả ngoại trừ nuôi dưỡng nó theo tín ngưỡng tôn giáo và truyền thống của một gia đình Ky tô giáo. Tương tự như vậy một đứa trẻ sinh ra từ một gia đình Hồi Giáo, đứa trẻ được nuôi dưỡng theo tín ngưỡng và tu tập của niềm tin Hồi Giáo, và một đứa trẻ sinh ra từ một gia đình Phật Giáo thì nhất định gia đình đó cũng theo lối sống của người Phật Giáo. Một đứa trẻ sinh ra từ một gia đình Ấn Độ Giáo, nó sẽ được nuôi dưỡng như một người Ấn Giáo. Tất cả chúng ta đều bị ràng buộc bởi hoàn cảnh, môi sinh, tôn giáo, chủng tộc, và văn hóa đối với những điều ấy, chúng ta không kiểm soát được. Là đứa trẻ trong một gia đình tôn giáo đặc biệt, chúng ta được nuôi dưỡng theo mệnh

lệnh và quá trình tôn giáo của cha mẹ. Niềm tin đạo giáo của cha mẹ nhất định trở thành niềm tin của chúng ta và một quá trình văn hóa cho lối sống của chúng ta .

Mỗi nhà tôn giáo nên cố gắng tìm hiểu sự khác biệt môi trường sống, di sản văn hóa của mỗi chúng ta và kính trọng mỗi cá nhân, và điều mà người ấy tin vào như một lối sống hơn là đem tọng niềm tin của mình vào cuống họng người ấy, bằng cách khoe khoang "Tôn giáo của tôi mới thật là tôn giáo - bạn phải theo tôn giáo của tôi - tôn giáo của bạn là một tôn giáo sai". Thệt đối với người này có thể là thuốc độc đối với người kia. Không ép buộc, không cưỡng bách, hay không áp bức phải được thực thi trong một xã hội đa tôn giáo nếu chúng ta muốn sống trong hòa bình và hòa hợp.

Người Đi Bán Đạo

Nhiều lần các chủ nhà phàn nàn sự an lạc và yên tĩnh của nhà họ bị quấy rầy bởi những người bán đạo cố ý đem bán hàng tôn giáo ế ẩm của họ, những món hàng hữu ích hay không hữu ích cho người chủ nhà chất phác. Rao bán với cường độ mạnh mẽ bởi những người bán rong thiếu kinh nghiệm nhưng quá tích cực, có thể là một phiền toái cho người chủ nhà. Những người bán rong không nghe thấy tiếng 'không' lễ phép, là câu trả lời của người chủ nhà mà cứ năn nỉ là ai mua hàng của họ sẽ bước lên bậc thang dẫn đến thiên đường. Họ không quan tâm gì đến loại tôn giáo mà người chủ nhà theo. Họ cũng không lo lắng liệu sự bán đạo của họ có thể là một sự sỉ nhục trí thông minh hay cảm xúc tôn giáo của chủ nhà. Quả là bất hạnh một số loại tôn giáo đã gửi những người bán đạo quá tích cực đem bán rong món hàng tôn giáo. Hành động như vậy có khuynh hướng làm suy yếu hơn là làm nổi bật tôn giáo của họ. Không ai thích người khác bảo mình là phải theo một tôn giáo đặc biệt nào đó bằng cách đọc một sồi sách tôn giáo của họ bằng không sẽ bị dọa vĩnh viễn tại địa ngục. Mọi người đều có quyền được kính trọng như một người biết suy nghĩ chín chắn, có thể tự quyết định về

giá trị của một tôn giáo đặc biệt nào đó và liệu tôn giáo đó dẫn người ấy đến thiên đường hay địa ngục. Đó là quyền chọn lựa của một người- sự chọn lựa được ấn định bởi hiến pháp của quốc gia chúng ta về tự do tôn giáo.

Xét thấy trong một xã hội đa chủng tộc và đa tôn giáo, những người cùng làm tôn giáo không nên hạ xuống quá thấp để tự làm suy yếu chính mình bằng cách kết tội hay nói xấu những nhà tôn giáo khác, những người đã chấp nhận một tôn giáo hình thành bởi những nhà lãnh đạo tôn giáo nổi tiếng từ nhiều thế kỷ qua. Cũng tốt cho một nhà tôn giáo hát ca tụng một tôn giáo đặc biệt nào đó trong một diễn đàn tôn giáo đặc biệt và tránh bôi bẩn những nỗ lực của những nhà tôn giáo khác, nên để cho người khác quyết định về tính chất và loại tôn giáo họ thích theo. Một người phải được hoàn toàn tự do trong việc chọn lựa tôn giáo nào mà người ấy thích, không nên có những nỗ lực quấy rầy của những người đi bán đạo đem bán rong "sản phẩm" tôn giáo và năn nỉ người ta nên theo tôn giáo của họ. Muốn đạt hòa bình và hòa hợp khó khăn này trong một xã hội đa tôn giáo, mỗi người chúng ta phải được hoàn toàn tự do ca hát tán dương tôn giáo của mình nhưng, bằng bất cứ giá nào, phải tránh ném bùn vào tôn giáo khác. Bùn sẽ tràn ra và hậu quả sẽ thật tai hại.

Chính Trị và Tôn Giáo

Một khía cạnh khác phải được xét đến trong việc đi tìm hòa bình và an lạc trong một xã hội đa tôn giáo là những vấn đề chính trị và chủng tộc không nên đem những vấn đề chính trị và chủng tộc vào diễn đàn tôn giáo. Nhận thấy chính trị ngày nay, và cả trong quá khứ, những chính trị gia thường muốn gây ảnh hưởng tất cả những cơ cấu kể cả những cơ cấu tôn giáo vào mục đích chính trị của họ. Tất cả những phương tiện đều là những lá bài của chính trị gia, nhưng tôn giáo phải tránh né chính trị và các chính trị gia. Diễn đàn tinh thần dành cho nhu cầu tinh thần của người có tâm đạo lý, kể cả những chính trị gia, những người có tâm đạo lý, nhưng những diễn đàn này không

nên mở rộng cho những chính trị gia, vì những người này có thể phá hoại an lạc và thanh bình của tôn giáo ở nơi thờ phượng do liên kết cả chính trị. Tôn giáo lúc nào cũng dang tay - vậy nên không có bức tường ngăn cách chủng tộc nào .

Mỗi người trong chúng ta, trong khi kính trọng và gìn giữ tôn giáo của chúng ta, không nên, trong bất cứ hoàn cảnh nào, làm mất giá trị hay coi thường tôn giáo bạn. Chúng ta nên cố gắng nghiên cứu và hiểu căn bản của tất cả các tôn giáo, tìm ra ưu điểm và điểm chung và loại bỏ những tính chất có thể gây tranh luận. Nói tóm lại, gìn giữ tôn giáo của mình, nhưng kính trọng niềm tin của người khác. Nhất định điều này sẽ giúp duy trì hòa bình và hòa hợp trong một xã hội đa tôn giáo.



30

THÁI ĐỘ CỦA PHẬT GIÁO ĐỐI VỚI CÁC TÔN GIÁO KHÁC

Hòa-Thượng Tiến-Sĩ K. Sri Dhammananda

Mục đích của bài này là đem sự hiểu biết thấu đáo về tôn giáo, tính khoan dung trong tôn giáo, ý nghĩa nền tảng sâu xa của nó từ quan điểm Phật Giáo và để hiểu Phật Giáo đối với các tôn giáo khác ra sao.

Ý nghĩa sâu xa của tôn giáo tiềm ẩn là có thể gìn giữ và kính trọng tôn giáo của mình mà không trong một đường lối nào lại không kính trọng hay bất lịch sự đối với tôn giáo khác. Vì mục tiêu này, chúng ta phải thiết lập mối hiểu biết lẫn nhau, cùng nhau hợp tác và khoan dung giữa tất cả những nhà làm tôn giáo hầu đạt sự hòa hợp tôn giáo.

Người ta thường nói đến khoan dung trong tôn giáo và sự quan trọng của nó, nhưng rất ít, nếu có, chỉ ra một con đường thực tiễn để đạt được sự khoan dung tôn giáo. Hy vọng, đọc kỹ bài này, độc giả có thể có được bức tranh rõ ràng về khoan dung trong tôn giáo và sẽ nỗ lực vận động khoan dung tôn giáo. Chúng ta nên cố gắng loại bỏ cái gọi là phức cảm tự tôn ưu việt hơn người, nghi kỵ lẫn nhau, thành kiến tôn giáo, những động cơ vị kỷ, hãy vì điều thiện tổng quát và đừng đề cao tôn giáo của mình. Cho nên sự hiểu thấu tôn giáo tốt hơn khoan dung tôn giáo nhiều.

Vậy, hiểu thấu tôn giáo tốt hơn khoan dung tôn giáo nhiều. Tất cả các nhà tôn giáo đều làm việc cho sự nghiệp chung giải phóng và giác ngộ con người. Sự tìm cầu giải phóng và giác ngộ

tức sự đi tìm chân lý. Bất hạnh thay, trong chúng ta, có nhiều niềm tin và tu tập lối lẩn được miêu tả hay diễn tả như Chân Lý, mà thực ra chúng không phải là Chân Lý. Là những tín đồ tôn giáo thực sự, chúng ta phải có can đảm và sự tin chắc để chấp nhận điều rõ ràng là một quan niệm sai lầm và cố gắng sửa chữa nó cho phù hợp với khoa học và lẽ phải đồng thời đúng với những đòi hỏi của Chân Lý. Nhiệm vụ của chúng ta sẽ thất bại nếu chúng ta cứ cố bám víu vào điều mà chúng ta biết không phải là Chân Lý. Chúng ta cũng sai lầm, nếu chúng ta thực hành khoan dung tôn giáo mà chúng ta khoan dung mà không vạch ra điều thất bại hay thiếu sót của nó không phù hợp với Chân Lý. Trong lúc tìm Chân Lý chúng ta phải loại bỏ thái độ tranh đua và phải đoàn kết tay trong tay để đạt mục tiêu cao thượng của sự hòa hợp tôn giáo cho hạnh phúc của nhân loại.

Mặc dầu Đức Phật vạch ra rằng không có giá trị đạo lý trong nhiều sự tu tập tại Ấn Độ vào thời của Ngài, Ngài vẫn lịch sự khuyên bảo các tín đồ đem đồ cúng dường hay thực phẩm đến các Bà La Môn hay những người khất sĩ khác và hỗ trợ họ bất chấp họ thuộc tôn giáo nào. Đức Phật khuyên các tín đồ không nên làm đau đớn hay gây thương tích cho thầy tu Bà La Môn hay một Bà La Môn. Nơi đây Ngài coi những nhà sư và Bà La Môn là những người đạo giáo. Lại nữa, Đức Phật nói nếu một người lừa đảo một Bà La Môn, hay một nhà sư hay một người khất sĩ, bằng cách nói dối, đó là nguyên nhân người ấy sẽ bị đe dọa. Như vậy, khuyên các tín đồ của Ngài theo đường lối ấy, Đức Phật đối đãi với tất cả không chút kỳ thị.

Mục đích của Phật Giáo là hướng dẫn mọi người sống một cuộc đời cao thượng không làm hại bất cứ ai, trau dồi các đức tính nhân đạo nhằm duy trì phẩm giá con người, tỏa chiều lòng lương hảo rộng mở không chút kỳ thị, rèn luyện tâm tránh tội lỗi, thanh tịnh hóa tâm nhằm đạt hòa bình và hạnh phúc.

Phật Giáo là một tôn giáo dạy người ta "sống di hòa vi quý". Trong lịch sử thế giới, không có một bằng chứng nào cho thấy những người Phật Tử can thiệp hay gây tổn thất cho bất cứ tôn giáo nào trên bất cứ nơi nào trên thế giới với mục đích truyền đạo. Người Phật Tử không coi sự hiện hữu của các tôn giáo khác làm trở ngại cho sự tiến bộ và hòa bình của thế giới.

Thông điệp của Đức Phật là lời mời tất cả nắm tay nhau trong tình huynh đệ cùng chung một mục đích làm việc trong sức mạnh và hòa hợp vì phúc lợi và hạnh phúc nhân loại. Ngài không chọn ai, và cũng không coi Ngài là người được chọn.

Những nhà truyền giáo đầu tiên của Đức Phật là các vị A La Hán - những người toàn hảo và thánh thiện. Họ là những con người cao thượng, do chính nỗ lực từ bỏ trần tục, huấn luyện tinh thần họ trở thành bậc toàn thiện. Trước khi gửi các đệ tử của Ngài đi, Ngài khuyên họ theo đường lối sau:

"Này các vị tỳ-kheo, hãy tiến lên cho sự lợi lạc cho nhiều người, cho phúc lợi nhiều người, từ bi cho thế giới; đem điều thiện, lợi lạc, và phúc lợi của cho chư thiên và người. Này các tỳ-kheo hãy tuyên bố học thuyết tối thượng, giảng dạy một đời sống thánh thiện, toàn hảo và thanh tịnh."

Theo lời khuyên trên, Đức Phật muốn nói cho ta biết sự khác biệt giữa thiện và ác. Ngài muốn dạy con người làm sao dẫn đến lối sống chính đáng, hạnh phúc và an lạc. Ngài không bao giờ khuyên các đệ tử của Ngài đi đổi đạo người ta từ đạo này sang đạo nọ. Ý kiến của Ngài về đổi đạo là tiến dẫn đường lối sống đạo lý chính đáng và cao thượng.

Đức Phật không phê bình hay chỉ trích bất cứ một tôn giáo nào, thay vào đó Ngài soi sáng mọi người bằng cách chỉ cho họ cái phù phiếm khi đi vào những cực đoan của sự tự hành xác, sự đam mê lạc thú (nhục dục) và tránh những dị đoan và những sự tu tập vô nghĩa dưới danh nghĩa tôn giáo.

Tôn Giáo Thực Sự

Về câu hỏi thế nào là một tôn giáo thực sự, Đức Phật đã đưa ra câu trả lời phóng khoáng là ở bất cứ nơi đâu giáo lý về Tứ Diệu Đế và Bát Chánh Đạo được thấy, và nơi nào mà ta có thể tìm thấy những tín đồ thuần túy đạt được sự mở mang tinh thần, nơi đó là một tôn giáo thực sự. Ngài không nói chỉ có Phật Giáo là một tôn giáo thực sự, nhưng Ngài cổ vũ con người chấp thuận và kính trọng sự thực bất kỳ nơi đâu. Đó có nghĩa là chúng ta không nên lơ là giáo lý hữu lý của các tôn giáo khác. Một thái độ như vậy cho thấy rõ Đức Phật không bao giờ có thành kiến với các tôn giáo khác và cũng chẳng bao giờ cố ý độc quyền chân lý tôn giáo. Ngài chỉ muốn vạch ra một thứ - Chân Lý, và tất cả giáo lý của Ngài đều căn cứ trên Tứ Diệu Đế- đó là khổ hay bất toại nguyện, nguyên nhân của khổ, chấm dứt khổ, và con đường dẫn đến chấm dứt khổ.

Bất cứ lúc nào khi Đức Phật khuyên nhủ các đệ tử của Ngài hành động hay tránh xa thứ gì, Ngài luôn luôn đòi hỏi họ làm như vậy không chỉ cho phúc lợi và hạnh phúc cho chính họ mà còn cho phúc lợi và hạnh phúc của người khác. Ngài nói: "Nếu điều đó tốt cho bạn và cho người khác, nên làm, nếu điều đó hại cho bạn và hại cho người khác, không nên làm".

Như một nhà cải cách xã hội, Đức Phật đã tìm ra gốc rễ sâu xa của đau khổ nhân loại - tham, sân và si, ăn sâu vào tâm khảm con người. Cho nên chỉ do tâm con người mà sự cải cách thực sự mới có thể có hiệu quả. Những cải cách đặt ra trên thế giới bên ngoài bằng sức mạnh chỉ có thể tồn tại một thời gian ngắn, nhưng nếu chúng nảy sinh từ sự thay đổi trong tâm thức con người mới lâu dài hơn.

Những khuynh hướng tham sân và si cuối cùng phải được khắc phục và thay thế bằng sức mạnh của rộng lượng, từ ái và

trí tuệ. Chỉ do sự thanh tịnh tinh thần mới có thể đạt được hòa bình và hạnh phúc một cách hữu hiệu nhờ vào tôn giáo.

Phật Giáo trở thành đoàn truyền giáo đầu tiên mà thế giới biết đến. Gần 2300 năm trước đây, nhờ những nỗ lực cao thượng của Hoàng Đế A Dục trị vì Ấn Độ (268 - 305 trước Công Nguyên) - khi tới đỉnh cao của quyền uy trần tục, đã từ bỏ lưới gươm bạo lực, đem hết thì giờ vào việc nâng cao Phật giáo và văn hóa Phật Giáo. Ngài gửi các nhà truyền giáo, kể cả người con trai và người con gái của Ngài, đến khắp tất cả xứ sở được biết như thế giới thời đó để truyền đạt thông điệp của Đức Phật. Đúng theo truyền thống cao thượng của Đức Phật, Ngài không bao giờ quên dặn dò những nhà truyền giáo là không nên chỉ trích hay coi thường tôn giáo khác trong khi thuyết giảng về Phật Giáo. Lời khuyên này được khắc vào bia đá A Dục bằng chữ Bà La Môn - những di tích này vẫn còn được thấy ngày nay tại Sarnath, Benares tại Ấn Độ.

Những câu sau đây trong sắc lệnh của nhà Vua:

"Ta không nên chỉ tôn vinh tôn giáo riêng của mình và chỉ trích các tôn giáo khác. Ta nên kính trọng tôn giáo của những người khác vì lý do này hay lý do nọ. Làm như vậy, ta đã giúp đỡ tôn giáo của chính mình phát triển và cũng là giúp ích các tôn giáo khác. Hành động ngược lại ta đã đào huyệt cho tôn giáo của chính mình và cũng làm hại tôn giáo khác. Bất cứ ai tôn vinh tôn giáo mình và chỉ trích tôn giáo khác, tưởng rằng làm như vậy là sùng bái tôn giáo mình nghĩ rằng "ta sẽ tôn vinh tôn giáo của chính ta". Nhưng ngược lại, chính ta đã làm tổn thương nghiêm trọng tôn giáo của chính ta. Nên hòa thuận thì tốt hơn: Hãy lắng nghe tất cả, và sẵn sàng nghe với thiện chí những học thuyết giảng dạy bởi các tôn giáo khác."

Các dân tộc Á Châu hẳn có nhiều lý do tri ân vị vua vĩ đại này. Là nhà cầm quyền, Ngài làm bốn phận hậu thuẫn mọi tôn giáo hiện hữu không chút kỳ thị.

Hòa Hợp Tôn Giáo

Nguyên tắc tôn giáo dành cho toàn thể nhân loại. Nếu bất cứ nhóm nào trong nhân loại không theo những đức hạnh vĩ đại dạy bởi tôn giáo - như nhân từ, kiên nhẫn, khoan dung và hiểu biết, quả là khó khăn cho người khác sống hòa bình.

Lẽ tự nhiên người xảo quyệt và ích kỷ lợi dụng bất cứ loại đức hạnh nào, nhưng, hãy để tất cả những nhà tôn giáo ngày nay, ghi nhớ rằng những kẻ chiến đấu và làm đổ máu dưới danh nghĩa tôn giáo, đã không đi theo nguyên tắc tôn giáo và không phục vụ chính nghĩa của nhân loại. Họ chiến đấu cho lợi lạc cá nhân riêng tư hay quyền lực dưới danh nghĩa tôn giáo. Những người thực sự tu tập không có lý do gì dùng võ lực, họ giải quyết những khó khăn qua đường lối hòa bình. Một tôn giáo thực sự không bao giờ tán đồng bất cứ một hình thức bạo động nào trong bất cứ hoàn cảnh nào. Đồng thời, không nên gây kỳ thị chủng tộc khi mà chúng ta tu tập tôn giáo của chúng ta. Phật tử sống và làm việc với những người tôn giáo khác mà không có một hành vi thù địch. Không những thế, người Phật Tử chưa bao giờ làm đổ máu giữa những giáo phái khác biệt hay tôn giáo khác vì lợi ích tôn giáo.

Ngày nay vì những hành động tàn bạo đã được thực thi và đang tiếp diễn (đến một mức nào đó) dưới danh nghĩa tôn giáo, nhiều người đã trở nên vỡ mộng khi nói đến từ ngữ "tôn giáo" Duy vật chủ nghĩa, đạo đức giả, và cuồng tín đội lốt dưới chiêu bài tôn giáo, đã gây nên những thảm họa to lớn trong lịch sử nhân loại. Giá trị thực sự của tôn giáo đã nhanh chóng biến mất từ tâm con người vì họ đang tìm cầu thuyết huyền bí và hoang đường. Những tôn giáo vĩ đại đã được thiết lập trên thế gian

đang phân tán thành nhiều vô số dạng thức; và thậm chí một số người đã ra mặt chế diễu tôn giáo. Thời điểm đã tới cho những nhà tôn giáo ngày nay ngồi lại cùng nhau để tiến dẫn giá trị đạo lý đúng theo toàn cảnh của nó, thay vì chỉ lập luận và cãi vã về những khác biệt trong lý tưởng và thần thoại tôn giáo.

Tôn giáo không nên bị giới hạn chỉ vào thờ cúng và cầu nguyện. Tôn giáo không phải chỉ là một phương tiện trên môi mép mà là một phương tiện trung gian thực tiễn cho con người hành động vô hại, phục vụ nhân loại, làm điều thiện, và đạt giải thoát, hòa bình và hạnh phúc thực sự.

Tôn giáo khác nhau có thể có niềm tin và quan điểm khác nhau về sự bắt đầu và chấm dứt cuộc đời, cùng những giải thích dị biệt về sự giải thoát tối thượng. Nhưng chúng ta không nên tiến tới những vấn đề bất hòa ấy để tạo mâu thuẫn, đối đầu, xung đột, sân hận và hiểu nhầm.

Có quá thừa đủ những đức hạnh thông thường thuộc lãnh vực lý thuyết và thực hành mà các nhà tôn giáo có thể giới thiệu dưới danh nghĩa tôn giáo để người dân có một lối sống chính đáng, hòa bình và có văn hóa.

Chúng ta không cần coi thường hay khiển trách tôn giáo này tôn giáo kia. Nếu chúng ta làm như vậy, chúng ta dọn đường cho những nhóm chống tôn giáo đang chờ đợi để chế diễu và chỉ trích tất cả những tôn giáo. Chúng ta không nên hành xử như vậy cho thấy thái độ thù nghịch với những người cùng làm tôn giáo. Nếu chúng ta làm như vậy, người ta sẽ nói tôn giáo khuyến khích nhân loại chia rẽ.

Người Phật Tử không bị cấm không được tỏ niềm kính trọng với các đạo sư tôn giáo khác, họ cũng không bị hạn chế gì trong việc đi thăm các nơi thờ phượng và tham dự các khóa lễ không phải là Phật Giáo. Họ cho thấy họ hợp tác hoàn toàn trong khi vẫn giữ nguyên tắc căn bản Phật Giáo.

Phật Giáo khuyến khích sự hợp tác và hiểu biết giữa những giáo phái. Theo quan điểm Phật Giáo, nhãn hiệu tôn giáo không phải là khía cạnh quan trọng nhất để một người được coi là có đạo lý, mà là một người sống một cuộc đời đáng kính không hại ai mới có thể coi là người có đạo lý.

Những ai thấy những sai lầm và phê bình Phật Giáo có thể làm như vậy trên một mức độ ở bề mặt thôi. Họ có thể phê bình những tập tục truyền thống, những cung cách và tục lệ, nhưng không thể công kích giáo lý thiết lập bởi Đức Phật, vì những giáo lý ấy lúc nào cũng tốt trong tất cả mọi thời gian. Họ có thể đem bất cứ một giáo lý nào ra xem xét nếu họ muốn trắc nghiệm.

Phương pháp sử dụng để trình bày giáo lý của Đức Phật rất hòa bình và hữu lý. Đức Phật kêu gọi qua lễ phải và kinh nghiệm. Giáo lý được trình bày trong sáng, đơn giản rất ấn tượng, thoát khỏi sự hẹp hòi và cuồng tín có tính chất quốc gia trong tôn giáo. Những giáo lý ấy sản sinh người trong sạch và điềm đạm. Phương pháp trình bày này quét sạch nghi kỵ và niềm tin dị đoan. Như vậy giáo lý của Đức Phật thuyết phục tâm can và đầu óc những người tha thiết tìm cầu chân lý. Thái độ khoan dung và hiểu biết của Phật giáo đã thuyết phục nhiều nhà tư tưởng vĩ đại, triết gia, duy lý, và những nhà tự do tư tưởng và cả đến những người theo thuyết 'không thể biết' đều cảm nhận Phật Giáo là một lối sống hòa bình.

Theo Đức Phật, con người tự chia rẽ vì lòng ích kỷ to lớn. Khi tính ích kỷ này bị khuất phục, sự tương quan lành mạnh của nhân loại sẽ phát triển. Sự tìm cầu hòa bình và đường lối sống hòa hợp bắt đầu từ bên trong chứ không phải bên ngoài.

Nếu những nhà tôn giáo ngày nay không thể cùng ngồi lại với nhau để làm việc trong hòa hợp, không kỳ thị và thù nghịch lẫn nhau, hòa bình mà ta nói chỉ ở trong giấc mộng mà thôi.

Là những người làm tôn giáo chân chính và chân thành, xin hãy nắm tay nhau để củng cố nỗ lực để xóa bỏ tất cả những gì mâu thuẫn và kỳ thị trong giáo lý của chúng ta và hãy cố gắng đến mức tối đa đưa ra những giá trị tinh thần chung nơi tôn giáo vì lợi ích và hạnh phúc của nhân loại bất kể đến chủng tộc và tín ngưỡng. Chúng ta nên nhớ rằng tôn giáo hiện hữu cho lợi ích của nhân loại và tôn giáo không nên bị sử dụng sai lầm một cách cuồng tín trong bất cứ đường lối nào để đạt lợi dưỡng cá nhân hay vinh quang cho chính mình.

Hãy Cùng Nhau Đoàn Kết

Tất cả những nhà tôn giáo đoàn kết, không sử dụng quân phiệt tôn giáo. Xin hãy để cho họ chấm dứt tất cả những tàn bạo và giết chóc dưới danh nghĩa chiến tranh. Xin hãy để cho họ đoàn kết để cho con người tự do tìm tôn giáo tùy theo niềm tin sở thích của người đó. Hãy để cho họ đoàn kết để loại bỏ tôn giáo độc quyền. Xin hãy để cho họ đoàn kết để không sử dụng tôn giáo chỗ chợ búa để đối đạo người khác bằng cách áp dụng các phương pháp đáng nghi ngờ. Xin để cho họ đoàn kết để kính trọng niềm tin của các đạo khác và những sự tu tập chừng nào mà những sự tu tập và niềm tin ấy vô hại và không lừa dối dân chúng. Xin hãy để cho họ đoàn kết để quét sạch thái độ thách đố của sự cạnh tranh tôn giáo không lành mạnh, xin hãy để những nhà tôn giáo đoàn kết để loại bỏ những tệ nạn và lề thói vô luân thường thấy trong xã hội hiện đại. Xin cũng để cho họ đoàn kết để đưa ra một lối sống ôn hòa giữa những tín đồ và khuyên những người này đừng đi đến cực đoan.

Những vị khai sáng của mỗi tôn giáo đều có mục tiêu căn bản là đoàn kết cho nhân loại - để nuôi dưỡng hòa hợp, thiện chí, và hiểu biết giữa tất cả các dân tộc trên thế giới.

Theo bước chân các vị khai sáng, nhiều nhà lãnh đạo tôn giáo, cũng đã tìm cách phát triển lòng kính trọng sâu xa đối với niềm

tin của người khác. Bất hạnh thay, tuy nhiên, một số tín đồ của tôn giáo, vì lý do ích kỷ, và do sự bất-khoan-dung và tâm địa hẹp hòi, đã chống lại cốt tủy thực sự của Tôn Giáo và đã tạo nên hỗn loạn, quan niệm sai lầm, kỳ thị và bất-khoan-dung.

Chúng tôi tha thiết hy vọng bằng cách nhận thức được những sự kiện này, nhân loại một ngày nào đó sẽ đoàn kết trong tình huynh đệ tôn giáo để cùng làm việc cho hạnh phúc của tất cả.

Trong phân tách cuối cùng, sự kính trọng tôn giáo của người khác nảy sinh từ lòng tin tưởng mà ta có trong sức mạnh thực chất của tôn giáo mình.



31

SỰ HÒA HỢP TRONG TÔN GIÁO

Teh Thean Choo

Theo sau mỗi quan tâm gần đây đối với tôn giáo tại nhiều nơi trên thế giới, người ta đồng ý mỗi quan tâm cơ bản đối với tôn giáo là niềm tin vào Thượng Đế- một niềm tin có thể là cương lĩnh để phục vụ mục tiêu xã hội, và hòa hợp văn hóa trong một xã hội đa tôn giáo. Mỗi và mọi người trong chúng ta thuộc một tôn giáo đặc biệt nào đó, đều có quan niệm riêng và niềm tin riêng về chủ đề phức tạp này. Lướt qua trong tự điển chúng tôi thấy sự mô tả Thượng Đế là vị trời tối thượng tự hiện hữu, một vị chúa. Sự mô tả này được đông đảo chấp nhận trên thế giới này. Người Phật Tử kính trọng những người cùng làm tôn giáo khác trong quan niệm và niềm tin tôn giáo của họ. Phật Giáo, là một tôn giáo rất khoan dung, khuyến các tín đồ không bao giờ coi thường niềm tin và sự tu tập của người có các tín ngưỡng khác.

Mặc dù Phật Giáo không tán thành khái niệm một Thượng Đế Sáng Tạo, Phật Giáo cũng có đề cập đến các thượng đế, chúa trời và những thần thánh là những chúng sanh siêu phàm sống ở một số cảnh giới riêng trong vũ trụ và các chúng sanh ấy có thể ảnh hưởng bằng một số dạng thức trên những người trần tục trên dương thế. Tuy nhiên người Phật Tử không được dạy là nên đi tìm sự giúp đỡ bên ngoài hay một hình thức cầu khẩn các vị thượng đế, trời hay thần thánh đó để được giải thoát. Để tìm giải thoát cho chính mình ở lĩnh vực tinh thần Phật giáo chú trọng tiến trình thanh tịnh tinh thần qua sự phục vụ vị tha và hiến dâng, qua những nỗ lực cá nhân trong việc tu tập giới, định huệ.

Trong phạm vi vấn đề này, trong xã hội đa tôn giáo và đa chủng tộc của chúng ta, những người Phật tử anh em làm việc sát cánh với những người cùng làm tôn giáo khác, tranh đấu cho hòa bình và hòa hợp cho xứ sở, không thể có một bất đồng với bất cứ người tín tín ngưỡng khác trong quan niệm về vấn đề "Tin vào Thượng Đế"- Công nhận là quan niệm và niềm tin như vậy nhất định giúp việc tạo tinh thần tỉnh thức trong tôn giáo uốn nắn một cá nhân, xã hội và cộng đồng tiến đến cảm nghĩ nhân đạo hơn đối với nhau và phát sinh tinh thần khoan dung và hiểu biết, như vậy thấp sáng ngọn đuốc, không phải hận thù và kỳ thị mà là hòa bình và hòa hợp cho tất cả nhân loại vào tất cả các thời đại.

Không Phải Trong Cạnh Tranh Mà Trong Đoàn Kết

Tất cả tôn giáo hiện hữu vì lợi ích của nhân loại. Tất cả các tôn giáo đều dạy và hô hào nhân loại sống và hành xử như một con người đứng đắn. Phận sự của tất cả những nhà tôn giáo là phải cùng nhau hợp quần không phải trong kinh địch mà trong đoàn kết, đồng lao cộng tác và hiểu biết với mục đích làm cho con người hiểu được giá trị của các khía cạnh của đời sống, giá trị của sự hiến dâng, và những nguyên tắc đạo lý căn bản như lý tưởng của chân lý, công bằng, phục vụ hết lòng, nhân từ, từ ái và thiện chí đối với nhân loại. Những quan niệm và nguyên tắc này rất phổ thông trong tính chất, và phải được chấp nhận với tất cả những nhà tôn giáo.

Tự Do Thờ Cúng

Mặc dù Hồi Giáo là tôn giáo chính thức ở Mã Lai Á, tự do thờ cúng và niềm tin tôn giáo được bảo vệ trong hiến pháp quốc gia của chúng tôi. Chúng tôi được có tự do tư tưởng hay theo bất cứ giáo phái nào. Chúng tôi không bị bắt buộc phục tùng một đường lối đặc biệt nào về thờ cúng hay niềm tin. Chúng tôi yêu dấu sự tự do này. Chúng tôi hy vọng sự tự do này của chúng

tôi được duy trì và giữ vững ở bất cứ thời đại nào và sự tự do này không bị làm hại hay tiêu diệt bởi những hoạt động của bất cứ một nhóm hay tổ chức cuồng tín nào. Cuồng tín, dù bất cứ dưới hình thức nào hay từ bất cứ từ đâu, đều độc hại cho hòa bình và hòa hợp ở bất cứ xã hội nào.

Tất cả chúng ta không ngừng tìm cầu hòa bình và hòa hợp. Chúng ta muốn hòa bình và hòa hợp cho gia đình. Chúng ta muốn hòa bình và hòa hợp trong xã hội. Chúng ta không muốn sự xung đột giữa các tôn giáo, chúng ta cũng chẳng muốn những mâu thuẫn về chủng tộc. Chúng ta muốn sống và để người khác sống. Muốn đạt được những điều này, chúng ta phải gìn giữ tất cả những gì đạo đức. Chúng ta phải tu tập kiên nhẫn, khoan dung và hiểu biết. Chúng ta nên bè bạn với nhau, giúp đỡ lẫn nhau bất cứ lúc nào khi nhu cầu cần đến. Chúng ta phải loại bỏ kỳ thị chủng tộc và kỳ thị tôn giáo. Bất chấp chủng tộc và tín ngưỡng, chúng ta phải coi nhau như anh chị em trong một gia đình hạnh phúc, và như một công dân tôn trọng luật pháp, tranh đấu cho hòa bình và hòa hợp. Đó phải là sự quyết tâm của tất cả những nhà cùng làm tôn giáo trong một xã hội đa tôn giáo.

Hãy Chu Đáo

Trong khi đánh giá cao thực tế là trong quốc gia này, chúng ta được ưu tiên thi hành các nghi lễ tôn giáo và tu tập không một chút trở ngại, sống trong một xã hội đa chủng tộc và đa tôn giáo có nghĩa là chúng ta phải cố gắng chu đáo tại tất cả các thời điểm trong bất cứ điều gì chúng ta làm. Chúng ta phải không quên những cảm nghĩ của người láng giềng theo một giáo phái khác và không mấy cảm nhận được một số thực hành nghi lễ xa lạ với họ. Chúng ta phải quan tâm đến họ. Chúng ta không nên ích kỷ chỉ nghĩ đến mình đến nhu cầu của mình thôi. Vì lẽ trong một dịp đặc biệt nào đó hay việc xảy ra tại nhà chúng ta, dịp vui hay buồn, chúng ta muốn thi hành một số nghi lễ và nghi

thức tôn giáo theo quá trình truyền thống và văn hóa; phải công bằng và quan tâm bằng cách đừng làm quá và gây trở ngại và phiền toái đến xóm giềng. Dù sự tu tập đạo giáo nào đi nữa, những sự tu tập này phải được thi hành trong giới hạn vừa phải và trong phạm vi tư gia không gây phiền toái gì đến sự bình an và thanh thản của lối xóm. Nếu chúng ta võ đoán cứ sử dụng quyền thi hành nghi lễ và nghi thức, ồn ào và gây cản trở, hay làm bức dọc người khác, không kể đến cảm nghĩ của người lối xóm, nhất định chúng ta sẽ gặp khó khăn nhất là ở trong khu xóm đa tôn giáo. Sự quan tâm đến hạnh phúc của người khác là chìa khóa đưa đến cuộc sống hòa bình và hòa hợp trong một xã hội đa tôn giáo.

Nền Tảng Chung Phổ Thông

Chấp nhận chúng ta có những dị biệt trong quan niệm và niềm tin, tuy nhiên chúng ta có một nền tảng chung phổ thông rộng lớn - sự loại bỏ các tội lỗi, sự truyền bá thiện chí giữa con người, sự tìm cầu hòa bình, hạnh phúc trường cửu và giải thoát. Đó là những mục tiêu chung của tất cả các tôn giáo. Nhiều nguyên tắc tôn giáo thực sự đã được coi là thiêng liêng trong nhiều tôn giáo cũng tương tự về tinh chất. Muốn đoàn kết, tất cả các nhà tôn giáo cần phải bỏ cái áo choàng ích kỷ và hợm hình của mình và có ý thức trong tinh thần khoan dung, kiên nhẫn và hiểu biết lẫn nhau. Bốn phận của chúng ta là kính trọng niềm tin tôn giáo của người khác dù niềm tin đạo lý của chúng ta thế nào: khoan dung trong tôn giáo tuyệt đối thiết yếu và cần thiết để đạt cuộc sống hòa hợp và bình an.

Cốt Lõi Trong Sự Đồng Dạng

Thay vì khiển trách và miêu tả những dị biệt trong một đường lối có tính cách hạ thấp, sẽ là một thành quả tuyệt vời nếu tất cả những nhà lãnh đạo tôn giáo và tất cả các nhà tôn giáo làm một cuộc nghiên cứu tất cả những niềm tin tôn giáo và những sự tu

tập rồi miêu tả cốt lõi của sự đồng dạng trong tất cả, điều gì tốt và đáng giá cho sự cộng thụ phổ thông của tất cả những người có tôn giáo. Chúng tôi xin trích dẫn sau đây một số thí dụ điển hình của một số đồng dạng:

Phật Giáo nói: "Đừng làm đau người khác theo cách mà chính bạn cảm thấy đau đớn."

Đạo Lão nói: "Hãy coi những lợi lạc của người láng giềng như chính lợi lạc của bạn, và những sự mất mát của người láng giềng như sự mất mát của chính bạn".

Ky Tô Giáo nói: "Tất cả những gì người đó làm cho bạn, bạn nên làm trả họ như vậy."

Hồi Giáo nói: "Làm tất cả những gì những người khác đã làm cho bạn, và từ chối không làm cho người khác những điều mà chính bạn sẽ từ chối cho chính bạn"

Ấn Độ Giáo nói: "Đừng để cho ai làm điều gì cho người khác, mà điều đó không nên làm cho chính mình".

Vinh Danh Những Nhà Khai Sáng

Là Phật Tử, chúng ta được dạy phải kính trọng và vinh danh các đấng khai sáng, những đạo sư của các giáo phái khác và giáo lý của họ. Thật cảm kích là tất cả những đạo sư tôn giáo đã bỏ cả cuộc đời vào mục đích cho phúc lợi và hạnh phúc của nhân loại. Họ đáng được kính trọng và vinh danh về sự phục vụ vị tha và sự tận tâm của họ vì lợi ích cho nhân loại. Đó là một khía cạnh quan trọng khác về khoan dung tôn giáo mà điển hình là Phật Tử. Chúng ta thực sự tin tưởng rằng khoan dung, nhất là khoan dung tôn giáo, là một đức hạnh mà mỗi và mọi người chúng ta phải khắc sâu vào đường lối sống. Giống như làm tốt được tốt, kính trọng được kính trọng, và khoan dung được khoan dung.

Khoan Dung Trong Tôn Giáo

Không khoan dung, chúng ta sẽ trở về với luật rừng rú, nơi tai hoạ ngự trị, và sức mạnh là lẽ phải. Đó không phải là lợi ích cho xã hội chúng ta. Đó không phải là điều mà xứ sở chúng ta muốn. Tất cả chúng ta, bất chấp chủng tộc và tín ngưỡng, đều muốn sống trong hòa bình và hòa hợp. Chúng ta muốn cùng tồn tại với nhau- vì lợi ích lẫn nhau. Cho nên, chúng ta không những có phạm sự thuyết giảng khoan dung mà phải thực hành khoan dung nhất là khoan dung trong tôn giáo. Chúng tôi hãnh diện và sung sướng ghi nhận là cho tới nay đối với quốc gia chúng tôi, khoan dung trong tôn giáo đã được thực thi và gìn giữ bởi các nhà tôn giáo ở một mức độ cao. Nhiều du khách đến nước chúng tôi ghi nhận với sự ngạc nhiên thích thú là có sự hiện hữu của một nhà thờ Hồi Giáo, Một nhà thờ Thiên Chúa Giáo, hay một Ngôi Chùa, kề cận sát nhau trong thành phố tại Mã Lai Á với những người mộ đạo của nhiều tôn giáo lũ lượt ra vào nơi thờ phượng của họ không chút trở ngại nào cả. Sự khoan dung trong tôn giáo là thế đó.

Nhà chức trách liên hệ cũng tích cực vận động hòa hợp giữa các tôn giáo bằng cách đỡ đầu những buổi hội thảo xuyên giữa các nhà lãnh đạo tôn giáo và các giáo phái để bàn luận về những giải pháp tôn giáo hầu bảo đảm thiện chí và duy trì hòa bình và tình hữu nghị trong nước.

Một Bước Lầm Lẫn

Trong khi chúng tôi luôn luôn sống trong thanh bình và hòa hợp, thế giới ngày nay lại sống luôn luôn trong sợ hãi, nghi kỵ và căng thẳng. Đó là do sự hiện hữu các vũ khí giết người có thể gây ra sự phá hoại không thể tưởng tượng nổi hay sự hủy diệt trong phạm vi một thời gian vài phút. Vung lên những công cụ giết người khủng khiếp, những siêu cường quốc đang đe dọa và thách thức lẫn nhau cùng với khoe khoang không biết xấu

hổ là ta có thể gây phá hoại và nghèo khổ trên thế giới hơn người khác. Họ đã đi theo con đường của điên khùng đến điểm, bây giờ, nếu một bước lầm lẫn đi về một hướng nào đó, kết quả chẳng được gì cả mà là sự tiêu diệt lẫn nhau với sự phá hoại toàn thể nhân loại.

Thực Chất Của Nguyên Tắc Tôn Giáo

Con người, sống trong tình trạng sợ hãi do chính tự mình tạo ra, muốn tìm con đường thoát ra, và tìm một số giải pháp. Rất khó tìm ra giải pháp ngoại trừ nhờ tôn giáo và sự phát triển tinh thần của con người, khai thác những nguyên tắc tôn giáo thực chất để chống lại mục đích tội lỗi của bọn con buôn chiến tranh. Tất cả những nhà tôn giáo trên thế giới này đều có một vai trò quan trọng. Vai trò của các tôn giáo phải là hợp tác chứ không phải là ganh đua. Bức thông điệp của Đức Phật về bất bạo động và hòa bình, tình thương và từ bi, khoan dung và hiểu biết, chân lý và trí tuệ, kính trọng và yêu mến tất cả đời sống, không vị kỷ, sân hận và bạo động, phát đi từ hơn 2500 năm trước đây vẫn hữu ích với những nguyên tắc căn bản cho những người cùng làm tôn giáo khác, để xua tan sợ hãi, nghi kỵ, và căng thẳng đang lan tràn trên thế giới này. Dù xét dưới ánh sáng nào thì bức thông điệp của Đức Phật cũng không thể bị coi như hẹp hòi và hạn chế mà phổ quát trong tính chất và ứng dụng.

Tái Võ Trang Tinh Thần

Hòa hợp trong tôn giáo và tái võ trang tinh thần phải được nuôi dưỡng như một sức mạnh tinh thần để chống lại sự điên khùng của cuộc chạy đua vũ khí ngày nay để tận diệt nhân loại. Muốn thiết lập một nền hòa bình thực sự và trường cửu, cần phải tìm ra các đường lối và phương tiện để nhổ tận gốc rễ nguyên nhân của chiến tranh. Con người và quốc gia phải từ bỏ những lạc thú ích kỷ, cái cao ngạo giống nòi, và tham lam ích kỷ vì của cải và quyền uy. Phải dẹp đi tham sân và si. Duy vật

chủ nghĩa không thôi không thể bảo đảm hạnh phúc. Tôn giáo một mình có thể ảnh hưởng thay đổi tinh thần của tâm trí và mang lại sự giải trừ quân bị trong tâm - đó mới thật là sự giải trừ vũ khí thật sự và trường cứu.

Thanh Thiếu Niên và Tôn Giáo

Người ta ghi nhận tại nhiều nơi trên thế giới, nhiều thanh thiếu niên đã bỏ tôn giáo. Chúng cho rằng tôn giáo không quan trọng cho cuộc sống hàng ngày và tôn giáo là một gánh nặng không cần thiết cho nhân loại. Chúng coi tôn giáo là trở ngại cho sức mạnh tư duy của con người. Những thanh thiếu niên trẻ này bị đầu độc bởi quan niệm hiện đại của duy vật chủ nghĩa và trào lưu hưởng thụ hiện đại, nghĩ rằng chúng có thể sống rất tốt không cần tôn giáo. Đó là tình trạng đáng buồn, hiển nhiên miêu tả sự thất bại của tôn giáo thế giới trong việc hướng dẫn và ảnh hưởng giới trẻ đến con đường giải phóng tinh thần. Đã đến lúc những nhà lãnh đạo tôn giáo có trách nhiệm và những nhà tu tưởng trên thế giới có trách nhiệm phải đoàn kết để xác định nguyên nhân gốc rễ về sự thất bại của sứ mệnh tôn giáo - làm cho thiếu niên tránh xa nguyên tắc tôn giáo đã được thời gian tôn vinh, cùng những niềm tin và quan niệm. Nỗ lực cần phải thực hiện để thuyết phục và làm cho thế hệ trẻ cảm nhận và hiểu được vai trò quan trọng mà tôn giáo và sự giải phóng trong tôn giáo có thể và phải thực hiện trong đời sống hàng ngày của họ. Tất cả những tôn giáo đều có một mục đích chung: phục vụ nhân loại và nâng cao tinh thần nhân đạo. Tất cả các tôn giáo đều thuyết giảng thiện chí và tuyên bố tình huynh đệ của con người. Những mục tiêu và lý tưởng chung ấy, vì lợi ích cho nhân loại, phải vượt qua tất cả những dị biệt nào có thể hiện hữu về phương diện niềm tin, quan niệm và tu tập tôn giáo. Phải thống nhất trong sự đa dạng. Chúng ta không nên cố gắng nhạo báng một người với khuyết điểm chỉ bằng hạt bụi trong mắt, quên đi cái xà chặn tầm mắt của chính chúng ta. Tất cả những nhà tôn giáo nên cố gắng tìm một cương lĩnh chung và

làm việc trong đoàn kết để nâng cao tinh thần nhân đạo hầu tôn giáo có thể kiện toàn bản chất con người và lòng nhân đạo cao quý tới chỗ toàn hảo của tôn giáo. Tất cả những nhà tôn giáo nên siết chặt tay với các nhà tôn giáo bạn với cảm nghĩ thuần túy của thiện chí, và chân thành thân ái, tình huynh đệ, ã với sự kính trọng và quý kính lẫn nhau, tôn giáo này với tôn giáo kia để tranh đấu cho đạt được sự nghiệp cao thượng chung trong việc nâng cao tinh thần của cá nhân và phúc lợi, công lý và hòa bình của nhân loại.

Những Đức Tính Siêu Phàm

"Điều chủ yếu với tôn giáo là niềm tin vào Thượng Đế". Với lòng kính trọng sâu xa, xin cho phép chúng tôi mạnh dạn đề nghị rằng ngoài quan niệm đơn thuần của "Niềm Tin Vào Thượng Đế", chủ yếu đối với tôn giáo phải là sự tuân thủ và biến thành sự tu tập tất cả những nguyên tắc tôn giáo thực chất được coi là thiêng liêng ở mọi tôn giáo trong sự tìm kiếm thánh thần hay những đức tính siêu phàm tràn ngập trong đời sống, trong tư tưởng, lời nói và hành động của chúng ta.



Pháp thí thắng mọi thí
Sabbadānaṃ dhammadānaṃ jināti

**SÁCH ẨM TỔNG
KHÔNG BÁN**